

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

BAN TUYÊN GIÁO  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN  
TRUNG ƯƠNG



# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI  
VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC  
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**  
**PGS. TS. PHẠM MINH TUẤN**

Chịu trách nhiệm nội dung  
**PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**  
**ThS. PHẠM THỊ THỊNH**

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH  
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH  
NGUYỄN MAI ANH  
ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG  
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU

Vẽ bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI  
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN  
Sửa bản in: NGUYỄN THANH HƯƠNG  
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
VIỆT HÀ

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1812-2021/CXBIPH/4-18/CTQG.  
Số quyết định xuất bản: 341-QĐ/NXBCTQG, ngày 25/5/2021.  
Nộp lưu chiểu: tháng 5 năm 2021.  
Mã ISBN: 978-604-57-6836-5.

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI  
VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC  
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(KÝ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

BAN TUYÊN GIÁO  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN  
TRUNG ƯƠNG

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI  
VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC  
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020

## BAN CHỈ ĐẠO HỘI THẢO

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG	Bí thư Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng ban
LÊ MẠNH HÙNG	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng ban
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HÀ	Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Trưởng ban
PGS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Trưởng ban

## TỔ CHỨC BẢN THẢO

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HÀ
PGS.TS. NGUYỄN DANH TIỀN
PGS.TS. LÊ VĂN LỢI
PGS.TS. TRẦN TRỌNG THÓ
PGS.TS. TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH
TS. LUÔNG VIẾT SANG
TS. NGUYỄN BÌNH
TS. DƯƠNG THỊ HUỆ
TS. NGUYỄN THỊ XUÂN
ThS. ĐỖ VĂN PHƯƠNG

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Quá trình lãnh đạo cách mạng 90 năm qua (03/02/1930 - 03/02/2020) là quá trình Đảng liên tục được tôi luyện thử thách và trưởng thành để ngày càng xứng đáng với vai trò lãnh đạo cách mạng, xứng đáng với niềm tin của nhân dân; đồng thời cũng là 90 năm Đảng khẳng định mạnh mẽ bản lĩnh, tầm vóc trí tuệ lớn lao của mình; tích lũy, đúc rút những bài học kinh nghiệm quý báu, không ngừng đổi mới, sáng tạo, lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua mọi cam go, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tự hào về chặng đường 90 năm Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách **Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)**. Cuốn sách gồm các bài viết, là tham luận của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương và địa phương, các nhà khoa học,... tại Hội thảo khoa học “Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” nhân kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, do Học viện Chính trị

quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức.

Các bài viết tập trung ôn lại những chặng đường lịch sử vẻ vang 90 năm qua, khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, đáp ứng yêu cầu giành độc lập dân tộc và phát triển đất nước; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở Việt Nam và vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ cách mạng mới; làm rõ thêm những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đặc biệt trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay; làm sáng tỏ tầm nhìn, định hướng chiến lược của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện, phát triển, bảo vệ đất nước trong bối cảnh mới và hội nhập quốc tế.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## **PHÁT BIỂU KHAI MẠC HỘI THẢO**

Đồng chí TRẦN QUỐC VƯỢNG\*

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng,  
Nhà nước,*

*Kính thưa các nhà khoa học, các vị khách quý,  
Thưa các đồng chí,*

Hôm nay, tôi cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư rất vui mừng, phấn khởi đến tham dự Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề “*Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*” do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức nhân kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng ta. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt hoan nghênh, chào mừng và xin gửi tới các nhà khoa học, các vị khách quý, các đồng chí tham dự Hội thảo lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

*Thưa các đồng chí,*

Từ khi thành lập đến nay, trải qua 90 năm, Đảng ta do

\* Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại. Đó là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước phát triển, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam và thế giới.

Với những thắng lợi vĩ đại đã giành được trong 90 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, có đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được nâng cao; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có uy tín, vị thế quốc tế ngày càng cao. Tuy nhiên, cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cần phải tập trung giải quyết,

khắc phục để xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, đưa nước ta phát triển nhanh, bền vững hơn nữa và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam muôn vàn yêu dấu của chúng ta.

Nhìn lại chặng đường đấu tranh oanh liệt của Đảng ta trong 90 năm qua, ôn lại những khó khăn, gian khổ, sự hy sinh vô bờ bến của đồng bào, chiến sĩ ta cùng những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta càng trân trọng quá khứ, nâng niu giữ gìn những thành quả của cách mạng, càng thấm thía và biết ơn vô hạn công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu; càng thấu hiểu, tin yêu và tự hào thêm về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Chúng ta thành kính tưởng nhớ, tri ân các lãnh tụ tiền bối của Đảng, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài, gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang của dân tộc, của Đảng và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả; vì sự phát triển và trường tồn của dân tộc ta dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng ta chân thành cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phong trào cộng sản và công nhân thế giới, cảm ơn nhân dân và bạn bè quốc tế đã dành sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu cho sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta.

Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 90 năm qua đã chứng minh rằng, sự lãnh đạo đúng đắn,

sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta; đồng thời chính trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện, thử thách và không ngừng trưởng thành, dày dạn kinh nghiệm để ngày càng xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân. Và cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã thể hiện mạnh mẽ bản lĩnh, tầm vóc trí tuệ lớn lao của mình, tích lũy và đúc rút được nhiều bài học quý báu, hun đúc nên truyền thống vẻ vang của Đảng quang vinh mà chúng ta phải ra sức giữ gìn và phát huy trong điều kiện mới.

### *Thưa các đồng chí,*

Năm nay, chúng ta trọng thể tổ chức kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều sự kiện chính trị trọng đại khác trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, tổ chức tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng; cũng là lần đầu tiên đảm nhận đồng thời hai trọng trách Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

Đây là dịp chúng ta tiếp tục khẳng định vai trò, sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng; khẳng định niềm tin, niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về Đảng quang vinh của chúng ta, qua đó tạo động lực thúc đẩy thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Ban Bí thư đã có chủ trương và chỉ đạo tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, tổ chức thi tìm hiểu về Đảng, tổ chức triển lãm, xây dựng và phát hành phim tài liệu về Đảng, tổ chức các chương trình nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân và nhiều hoạt động thiết thực, phong phú khác. Hội thảo khoa học cấp quốc gia của chúng ta tổ chức hôm nay là một trong những hoạt động trọng tâm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, thiết thực kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Hội thảo hôm nay, chúng ta cùng nhau ôn lại pho sử “bằng vàng” của Đảng, khẳng định mạnh mẽ những thành tựu vĩ đại, đúc kết những kinh nghiệm quý báu của Đảng ta trong 90 năm qua; trên cơ sở đó, thống nhất đánh giá, nhận định, đồng thời đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, sánh vai với các cường quốc năm châu như ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta.

Hội thảo hôm nay cũng góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc; về sự nghiệp đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương triển khai các công việc chuẩn bị tổ chức Hội thảo khoa học rất tích cực, khẩn trương, đã thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Hội thảo, xây dựng kế hoạch, mời các cơ quan, các nhà khoa học công tác ở nhiều ban, bộ, ngành, các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, những người làm công tác lãnh đạo, quản lý tham gia Hội thảo.

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi xin hoan nghênh các cơ quan, các nhà khoa học đã làm tốt công tác chuẩn bị, tham gia viết bài với tinh thần trách nhiệm cao để chúng ta tổ chức tốt Hội thảo. Với sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, tôi tin tưởng Hội thảo nhất định sẽ thành công tốt đẹp.

### *Thưa các đồng chí,*

Để Hội thảo thành công và đạt kết quả tốt đẹp, đề nghị các đồng chí tập trung thảo luận, làm sâu sắc hơn nữa một số vấn đề sau đây:

- Khẳng định mạnh mẽ tính tất yếu quan trọng của sự ra đời, ý nghĩa lịch sử và sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phân tích làm sáng tỏ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam qua các chặng đường lịch sử; nêu bật những thành tựu trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây

dựng hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng trong 90 năm qua, đặc biệt là hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới; qua đó, khẳng định vai trò, sự trưởng thành của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng và đúc kết các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn 90 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Bổ sung, làm rõ và khẳng định những thành tựu về lý luận của Đảng trong quá trình 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam; làm sáng tỏ tầm nhìn và định hướng chiến lược của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển và bảo vệ đất nước trong bối cảnh mới.

- Đánh giá, phân tích và đề xuất những nội dung, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; trình độ, trí tuệ, bản lĩnh, chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Hội thảo là diễn đàn để chúng ta khẳng định sự kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác những thông tin, quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các đối tượng thù địch, cơ hội; bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, củng cố và nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với Đảng.

Tôi mong rằng, các đại biểu tham dự Hội thảo với tinh thần khoa học, thực sự cầu thị, ý thức trách nhiệm cao, tập trung trí tuệ, dân chủ thảo luận để Hội thảo thực sự có cả “thảo và hội”, thiết thực và hiệu quả. Các đồng chí cũng cần làm tốt công tác tuyên truyền về kết quả Hội thảo, có kế

hoạch giới thiệu các bài viết có chất lượng trên các ấn phẩm sách, báo.

Nhân dịp năm mới và đón Xuân Canh Tý 2020, kính chúc các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học, các vị khách quý và các đồng chí tham dự Hội thảo sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp!

*Xin trân trọng cảm ơn!*

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG  
LỊCH SỬ VẺ VANG**





## ĐẢNG TA, CHÍN MƯƠI NĂM ẤY

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN\*

**C**hín mươi năm đã trôi qua kể từ ngày thành lập Đảng, một đảng của trí tuệ và niềm tin, kiên cường phán đấu vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc và sự phát triển không ngừng của đất nước. Chín mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến bước mạnh mẽ và vững chắc trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

So với lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc, 90 năm chỉ là một giai đoạn ngắn, nhưng đó là những năm tháng hào hùng, sôi động và đẹp đẽ nhất, đưa nhân dân ta từ bóng tối ra ánh sáng, từ kiếp nô lệ thành người tự do, từ kẻ mất nước thành người làm chủ, từ đói nghèo lạc hậu đến cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Ôn lại chặng đường lịch sử 90 năm qua, chúng ta càng thấy việc Đảng ta ra đời là một tất yếu của lịch sử. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh dũng, bất khuất, đã từng chiến thắng nhiều đế quốc phong kiến hung hãn. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào yêu nước đã

---

\* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

dẩy lên hết sức mạnh mẽ. Liên tiếp nổ ra các cuộc nổi dậy trên khắp mọi miền đất nước, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, các bậc sĩ phu, kể cả một bộ phận quan lại phong kiến: các phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du; các cuộc khởi nghĩa Yên Thế, Yên Bai và hàng chục cuộc đấu tranh khác nữa; tuy đều bị thực dân Pháp thắng tay đàn áp và bị dìm trong biển máu. Điều đó chứng tỏ rằng, nhân dân ta vốn giàu lòng yêu nước, có truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm, sẵn sàng tham gia quên mình vào các phong trào yêu nước; các bậc sĩ phu, các nhà lãnh đạo các phong trào chống thực dân Pháp đều có trí dũng, tài cao, không thiếu mưu lược, nhưng cả giai cấp phong kiến và đại diện cho thế lực tư sản lúc đó đều không giải quyết được vấn đề dân tộc, không chọn đúng con đường giải phóng dân tộc và hướng đi cho đất nước ta.

Nhưng rồi chính lịch sử đã có lời giải đáp. Chủ nghĩa Mác ra đời đã vạch ra điều tất yếu từng bị che lấp bởi màn sương mù trong lịch sử. Chủ nghĩa Mác khẳng định, chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bằng một chế độ tốt đẹp hơn - chế độ cộng sản chủ nghĩa không có người bóc lột người, và người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản chính là giai cấp những người cần lao. Rồi chính vào lúc chủ nghĩa tư bản thế giới đang cực thịnh thì Cách mạng Tháng Mười Nga đã nổ ra. Sự đột phá của Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu cho một xu thế mới của lịch sử thế giới, xu thế chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa tư bản và tạo ra làn sóng giải phóng dân tộc với quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng có; tạo ra hướng đi mà các dân tộc bị áp bức có thể lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường, đã dội vào và thấm sâu trong mảnh đất Việt Nam - nơi mà chính sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản thực dân đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm một việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng mà thôi. Hơn ai hết, chính lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là người gieo hạt, gây mầm cách mạng Việt Nam. Với bản lĩnh thiên tài của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành một tất yếu và đưa tới một sự kiện trọng đại: Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng đã tuyên bố trong Chính cương đầu tiên của mình: “Chủ trương làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>. Một cách tự nhiên là sau lời tuyên bố bất hủ ấy và tiếp đó là những sáng tạo vượt bậc của Đảng, được nhân dân ta đồng tâm hiệp lực, chủ nghĩa xã hội được xác định là mục tiêu và con đường đất nước ta đi tới, đồng thời cũng chính là động lực thúc đẩy lịch sử dân tộc, trở thành giá trị phát triển của Việt Nam.

Thời gian là đá thử vàng. Chín mươi năm qua là giai đoạn đặc biệt của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, là thời gian mà đất nước phải vượt qua những thách thức to lớn, có lúc hiểm nghèo. Nhưng mỗi lần vượt qua thử thách là mỗi lần dân tộc Việt Nam tự vươn lên tạo dựng những mốc son lịch sử đánh dấu những thắng lợi vang:

Đó là thắng lợi của một đảng mới 15 năm tuổi đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công và bảo vệ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.2.

chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên của Đông Nam Á còn hết sức non trẻ. Trong hoàn cảnh nền kinh tế - tài chính quốc gia kiệt quệ, giặc đói, giặc dốt hoành hành, lại thêm thù trong giặc ngoài quấy đảo với sức mạnh và ý đồ勃勃 tưởng chừng có thể xóa bỏ trong chốc lát chính quyền cách mạng, nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua mọi ghềnh thác, lướt sóng đi lên.

Đó là chiến thắng lẫy lừng của hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, gian khổ chống lại thế lực thực dân, đế quốc hung bạo, làm nên một “Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”; “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chiến thắng hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; đưa dân tộc ta vững bước trong kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đó là thành tựu vô cùng to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc đủ sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và bình ổn đất nước.

Đó là những thành tựu quan trọng đầy ấn tượng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trong điều kiện vô cùng khó khăn do sự bao vây cấm vận của chủ nghĩa đế quốc và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, đất nước ta không những đứng vững mà còn phát triển, chính trị - xã hội ổn định, nền kinh tế thoát khỏi

khủng hoảng và tiến bước vững chắc, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới đã tạo ra thế mới, lực mới và một cơ đồ vững vàng, tươi sáng cho đất nước ta.

Đó là thắng lợi to lớn trong các quan hệ đối ngoại, mở cửa và hội nhập quốc tế. Quan hệ quốc tế của nước ta ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước lớn và các trung tâm lớn của thế giới, các bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng. Những năm gần đây, với việc tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, là thành viên tích cực của các tổ chức và thể chế quốc tế, đảm đương tốt vai trò Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đóng góp đáng kể vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN..., vị thế của nước ta trên thế giới ngày càng được nâng cao, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua là minh chứng hùng hồn về sức mạnh kỳ diệu của dân tộc ta. Sức mạnh ấy được kết tinh bởi sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự cường và tinh thần chủ động, sáng tạo của nhân dân ta. Điều đó càng khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công của cách mạng. Đảng ta là cội nguồn của sức mạnh dân tộc và Đảng đã kết hợp đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, biết quý trọng và phát huy

sức mạnh toàn dân tộc, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đưa đất nước vươn lên.

Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển rực rỡ, nhưng chưa bao giờ vị thế của đất nước và dân tộc lại được khẳng định như bây giờ. Cội nguồn của sự kỳ diệu đó chính là tinh thần làm chủ và ý thức tự cường của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng. Đảng ta - một đảng Mác - Lênin, dưới sự dẫn dắt của lãnh tụ Hồ Chí Minh, là đội tiên phong trí tuệ đầy bản lĩnh của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam. Chín mươi năm có Đảng là chặng đường vinh quang đầy ắp niềm tin yêu của tình dân nghĩa Đảng. Đảng được nhân dân gắn bó như một lẽ đương nhiên. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng khởi xướng, luôn đi tới thắng lợi, bởi có nhân dân tham gia, nhân dân đồng tình hưởng ứng. Chất keo gắn bó nhân dân với Đảng ngày càng bền chặt trở thành xung lực của cách mạng, thể hiện trí tuệ, phẩm chất nhân văn của Đảng và sự cao quý vô cùng của lòng dân. Lý tưởng cao đẹp và mục tiêu phấn đấu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là hạnh phúc muôn đời của dân tộc ta, nhân dân ta. Vậy nên cả dân tộc ta, nhân dân ta gọi Đảng Cộng sản Việt Nam bằng sự trìu mến, thân thương nhất: *Đảng ta*.

# **TÍNH TẤT YẾU SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG VÀ YẾU TỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

PGS.TS. TRẦN TRỌNG THO\*

**1.** Sự ra đời của Đảng Cộng sản là một tất yếu khách quan trong lịch sử phát triển của nhân loại, bắt nguồn từ yêu cầu thực tiễn của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản của nhân dân lao động, được soi rọi dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê nin mà một nội dung cốt lõi là giai cấp công nhân vừa có sứ mệnh “đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản” và sáng tạo ra xã hội mới, vừa là nhân tố lãnh đạo trong phong trào cách mạng giải phóng của quần chúng bị áp bức cũng như của các dân tộc thuộc địa. Thuận chiêu dòng chảy của lịch sử nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu, nằm trong quy luật vận động của cách mạng thế giới, vừa phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hóa Việt Nam, vừa đáp ứng những yêu cầu khách quan, thiết yếu và cấp bách của dân tộc Việt Nam là độc lập, tự do và phát triển.

Trong quá trình hình thành quốc gia - dân tộc Việt Nam, các thế hệ người Việt Nam thường xuyên và đồng thời thực

\* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

hiện hai sự nghiệp là dựng nước đi liền với giữ nước. Chính trong quá trình tạo lập và phát triển giang sơn gấm vóc, người Việt Nam đã hình thành chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và tinh thần cố kết cộng đồng. Quá trình hòa hợp và thích ứng với thiên nhiên, chống thiên tai, địch họa đã hình thành những giá trị truyền thống “lá lành đùm lá rách”, “nhường cõm sẻ áo”, “chung lưng đấu cật”, “sát cánh kề vai”, chuộng công bằng và lẽ phải, ghét bất công và bạo ngược. Chính điều kiện sống và bản sắc văn hóa đó đã làm cho sự phân chia giai cấp trong xã hội không thật sự triệt để; chi phối mối quan hệ giai cấp, làm giảm thiểu và chế ngự các mâu thuẫn giai cấp nảy sinh trong xã hội. Trong đời sống kinh tế nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu, thì ruộng đất công (công điền, công thô) bao giờ cũng có một vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế - xã hội; địa chủ Việt Nam “không có tài sản gì lớn (...) đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa”<sup>1</sup>, chỉ là “những tên lùn” so với các lãnh chúa châu Âu, châu Mỹ, “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như phương Tây”<sup>2</sup>. Về cơ bản, các triều đại phong kiến Việt Nam trong các giai đoạn cường thịnh và tự chủ là các chính quyền thân dân. Mỗi khi đất nước lâm nguy thì người Việt Nam bất kể là thuộc tầng lớp nào, đều dốc sức chống giặc giữ nước, khôi phục nền độc lập. Người Việt Nam, dù là bất kỳ tầng lớp nào đều có thể thành hạt nhân khởi xướng các phong trào yêu nước, các phong trào đấu tranh giải phóng

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.509, 508.

dân tộc. Dân tộc ta có truyền thống hòa hiếu, giao hảo với lân bang. Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam là một động lực lớn, mang nhiều yếu tố tích cực, xa lạ với chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, rất gần gũi với chủ nghĩa quốc tế. Những đặc điểm kinh tế, xã hội, những tinh hoa văn hóa, những khát vọng của dân tộc Việt Nam *rất phù hợp và tương đồng với những giá trị cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lênin.*

Từ cuối thế kỷ XIX, do sự bất lực và hèn nhát của triều Nguyễn, Việt Nam từ một quốc gia độc lập, thống nhất, có chủ quyền đã bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa. Chế độ cai trị “độc tài và chuyên chế (...) vô cùng khốc ố và khủng khiếp”<sup>1</sup>, sự bóc lột vô nhân đạo của thực dân Pháp đã làm xã hội Việt Nam biến đổi toàn diện, mạnh mẽ, song lại thiếu triệt để và theo chiều hướng lệ thuộc, ngày càng tù túng, lạc hậu với sự tha hóa và bần cùng hóa của đại đa số dân cư<sup>2</sup>. Với truyền thống yêu nước và tinh thần quật cường dân tộc, ngay khi đất nước đối đầu với họa ngoại xâm, khi triều Nguyễn ngày càng lún sâu vào vũng bùn đầu hàng, từ bỏ chủ quyền quốc gia cho thực dân Pháp, nhiều phong trào kháng chiến đã diễn ra, nhiều xu hướng cải cách đã xuất hiện với mục tiêu chung là bảo vệ, khôi phục nền độc lập dân tộc,

---

1. Dẫn theo Phan Văn Trường, bài viết đăng trên báo *La Cloche FéLée (Tiếng chuông rè)*, số 36, ngày 21/01/1926.

2. Phan Văn Trường viết: Thực dân Pháp “duy trì mãi mãi dân bản xứ trong tình trạng yếu hèn cả về thể lực lẫn trí tuệ để chặn đứng mọi mong muốn được sống tự do và độc lập” (Xem Phan Văn Trường: *Une histoire des conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur l'Indochine*, Sài Gòn, 1928, p.62).

toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất quốc gia, chấn hưng đất nước. Trong suốt hơn 70 năm ròng rã (từ năm 1858 đến năm 1930) tại Việt Nam đã thể nghiệm nhiều học thuyết về con đường giải phóng dân tộc. Các phong trào đấu tranh diễn ra khắp từ Bắc chí Nam, hoặc theo ý thức hệ phong kiến với các tên tuổi của những nhà ái quốc nổi tiếng như Trương Định, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng,...; hoặc theo đường lối cải cách, canh tân đưa đất nước phát triển thành một quốc gia phú cường của các trí thức Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,...; hay theo ý thức hệ dân chủ tư sản của nhiều sĩ phu yêu nước, tiêu biểu là Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, của giai cấp tư sản dân tộc đại diện là Nguyễn Thái Học; cùng với đó là các phương pháp, hình thức đấu tranh như kháng chiến, khởi nghĩa, bạo động, bất bạo động... đều lần lượt bị thất bại. Có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chung và lớn nhất dẫn đến thất bại của các phong trào yêu nước chịu sự chi phối của tư tưởng phong kiến, tư sản là thiếu lực lượng lãnh đạo có hệ tư tưởng cách mạng - khoa học dẫn đường, có lý luận và đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, giữa chủ quyền quốc gia và lợi ích của nhân dân, có sức quy tụ lực lượng toàn dân tộc và có phương pháp tiến hành đạt hiệu quả. Sự thất bại của các phong trào yêu nước thể hiện sự khùng hoảng, bế tắc của các phương pháp cứu nước truyền thống Việt Nam trước sự chuyển biến của thời cuộc, song không vô ích, mà đó lại là động lực thôi thúc ý chí tự lực vươn lên, sức thông minh, sáng tạo của người Việt Nam trong cuộc

đấu tranh giải phóng, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp bách phải có ánh sáng mới soi đường và ngọn cờ mới dẫn dắt.

Trong lúc các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo các ý thức hệ phong kiến, tư sản bế tắc thì phong trào công nhân xuất hiện. Do tác động của các cuộc khai thác thuộc địa, bộ phận công nhân Việt Nam hình thành và dần trở thành một giai cấp trong xã hội Việt Nam vào năm 1914. Công nhân Việt Nam hầu hết xuất thân từ những người nông dân nghèo khổ, bị tước đoạt tài sản, có liên hệ chặt chẽ với giai cấp nông dân, vừa mang thân phận người dân mất nước, vừa chịu thân phận làm thuê, bị bóc lột của chính quyền thuộc địa, của tư sản Pháp. Với đặc điểm tập trung, giàu tinh thần đấu tranh chống áp bức xã hội, lòng uất hận với bọn xâm lược, và ước ao tự giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam đã đứng lên đấu tranh, sớm hòa nhập và gắn quyện với các phong trào dân tộc.

Sự thống nhất của ý thức đấu tranh giai cấp với chủ nghĩa yêu nước trong phong trào công nhân, sự thống nhất của phong trào công nhân với phong trào yêu nước trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp là một đặc điểm, một giá trị nổi bật, là nền tảng xã hội cho phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản hình thành khi con đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc được phổ biến và dẫn đến việc ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam *như một tất yếu lịch sử*.

**2.** Sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu tinh thần yêu nước và lòng nhân ái, sớm tiếp xúc với các chiến sĩ yêu nước và phong trào đấu tranh chống chế độ thực dân, bước đầu cảm nhận những tư tưởng tiến bộ của nhân loại về

“tự do, bình đẳng, bác ái” được truyền đến Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh<sup>1</sup> đã sớm hình thành ý chí cứu nước, suy ngẫm về con đường cứu nước và tiến bộ, cứu đồng bào. Với trí tuệ mẫn tiệp, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy những bất cập và bế tắc của con đường cứu nước cũ mà thế hệ cha anh đang tiến hành, nhận thấy tính bức thiết của việc tìm kiếm con đường cách mạng để giúp dân tộc Việt Nam giành độc lập và chính Người đã tự đảm đương trách nhiệm cao cả đó. Người đã dấn thân tìm kiếm chân lý, học thuyết và phương pháp cách mạng đấu tranh chiến thắng kẻ thù xâm lược; trở thành người Việt Nam đầu tiên dành gần 10 năm quan sát, khảo nghiệm, phân tích thực tế xã hội, chế độ chính trị của nhiều quốc gia lớn, nhỏ, giàu, nghèo ở hầu khắp các châu lục; cũng là người Việt Nam đầu tiên nghiên cứu và tổng kết, tìm ra bản chất của các học thuyết và các cuộc cách mạng trên thế giới để qua đó chắt lọc, vận dụng và phát triển cho phù hợp với yêu cầu của dân tộc mình. Hành trình từ Việt Nam hướng ra thế giới, hòa mình vào các trung tâm văn hóa, trí tuệ, cách mạng của nhân loại, rồi từ thế giới hướng về Việt Nam cũng là quá trình nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh “kết thừa và nâng tầm những giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu có chọn lọc, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận cách mạng thế giới mà cốt lõi là chủ nghĩa Mác - Lenin (TG nhán mạnh) xây dựng đường lối cứu nước, đưa học thuyết cách mạng và phong

---

1. Trong quá trình hoạt động cách mạng, lãnh tụ Hồ Chí Minh có nhiều danh xưng, chúng tôi dùng tên Hồ Chí Minh là tên gọi quan phong, phổ biến hiện nay.

trào công nhân và phong trào yêu nước, chuẩn bị chu đáo, toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”<sup>1</sup>.

Sự phát triển sáng tạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh hàm chứa những tư tưởng hết sức độc đáo trong việc định hướng, định hình về một chính đảng vô sản gắn kết chặt chẽ với dân tộc và vận mệnh dân tộc. Sự phát triển sáng tạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm thực tiễn và biện chứng của một thế giới rất đa dạng và luôn vận động, do đó Người nhận thấy “cẩm nang” chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp những nguyên lý chung về quy luật và chiều hướng phát triển của xã hội loài người, về bản chất của thời đại, về sứ mệnh của giai cấp công nhân,... song cần phải được làm phong phú, bổ sung và phát triển từ hơi thở cuộc sống và đặc điểm chính trị - xã hội khắp năm châu, chứ không đơn thuần chỉ từ thực tiễn châu Âu.

Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho sự ra đời của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và trong thực tế, còn bao hàm cả tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên lĩnh vực *tư tưởng chính trị* và *xác định đường lối*, lãnh tụ Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng mà đã phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, trước hết là *lý luận về mô hình và con đường phát triển*

---

1. “Lời giới thiệu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về tác phẩm *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930 - 1954)*”, in trong sách Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập I (1930 - 1954), Quyển 1 (1930 - 1945)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.16-17.

của cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam. Dày công nghiên cứu những luận điểm của C. Mác về cách mạng vô sản, về việc nổ ra cách mạng vô sản trước hết và giành thắng lợi ở một loạt các nước tư bản phát triển nhất ở châu Âu, lĩnh hội những luận điểm của V.I. Lênin về khả năng thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản trước hết trong một số ít các nước tư bản, thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa, là cuộc đấu tranh không chỉ của riêng giai cấp công nhân mà còn bao hàm tất cả các thuộc địa, các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa để quốc quốc tế, lãnh tụ Hồ Chí Minh đi đến một luận điểm mấu chốt là đặt cách mạng Việt Nam trong phạm trù cách mạng vô sản, sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản phải gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Theo đó, lộ trình con đường phát triển của cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam là giành độc lập dân tộc, tiến hành cách mạng ruộng đất và thực hiện các quyền tự do cho nhân dân về chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, phát triển nền kinh tế, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với tư cách là một chế độ, đưa đất nước tiến tới chủ nghĩa cộng sản. *Chánh cương văn tắt* của Đảng do lãnh tụ Hồ Chí Minh soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930, xác định rõ con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam là “làm tư sản dân quyền c.m và thô địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>. Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thô địa cách mạng, tức cách mạng dân tộc, dân chủ, trong đó giành độc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.2.

lập dân tộc được đặt ở vị trí trên hết, trước hết. Nội hàm của cuộc cách mạng vô sản được mở rộng về nhiệm vụ, bổ sung thêm nội dung giải phóng các dân tộc bị áp bức, xóa bỏ hệ thống thuộc địa; có thể khởi phát ngay ở một thuộc địa lạc hậu. Nói một cách khác, giải phóng, giành lại độc lập dân tộc là *bước đi đầu tiên* của cuộc cách mạng vô sản ở thuộc địa như Việt Nam. Đây là một luận điểm cơ bản, chính yếu được khắc ghi trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, một đóng góp đặc sắc, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên phương diện lý luận về các mô hình vận động, phát triển của cuộc cách mạng vô sản. Sau này, tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (1951), lãnh tụ Hồ Chí Minh phát biểu: “phải áp dụng chủ nghĩa Mác cho đúng. Cốt lõi là ở đây. Chủ nghĩa Mác là gì? là cộng sản. Mà cộng sản thì ai lãnh đạo? Giai cấp công nhân. Chủ nghĩa Mác nói như thế, cũng ví như nói “đói thì ăn cho no”, nhưng không nói “ở Việt Nam ăn bánh mỳ”, cũng không nói “ở châu Âu ăn cơm”. Chủ nghĩa Mác bảo ăn sao cho no, nhưng không bảo ai cũng ăn như nhau, mà bảo trẻ con ăn sữa, người lớn ăn rau, nếu mà có thịt thì ăn bít tết nữa. Chủ nghĩa Mác nói thế giới sẽ hóa ra cộng sản. Nhưng chủ nghĩa Mác không nói chỗ nào cũng lập xô viết, cũng lập chính quyền vô sản, vì thế, lúc áp dụng phải cho khéo”<sup>1</sup>.

Về vấn đề *động lực của cách mạng*, phát triển luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin: cách mạng là sự nghiệp của

---

1. *Biên bản Đại hội lần thứ II của Đảng*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, tr.134.

quân chúng, lãnh tụ Hồ Chí Minh còn xác định: *cách mạng là sự nghiệp của toàn dân tộc*, chỉ trừ những phần tử phản bội Tổ quốc, làm tay sai cho đế quốc. Luận điểm trên là một dòng mạch xuyên suốt từ tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927) và đậm nét trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* (1930), được thực hành nhất quán trong toàn bộ tiến trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng sau khi thành lập. C. Mác trong luận điểm của mình coi lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân thế giới, đề xuất khẩu hiệu “Giai cấp vô sản toàn thế giới liên hiệp lại”. Đến V.I. Lê nin, lực lượng của cuộc cách mạng vô sản được mở rộng hơn, để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, cần phải có “sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quân chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới”<sup>1</sup>. Tuy vậy, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê nin chủ yếu nặng về liên minh, đoàn kết giai cấp cần lao, hầu như không đề cập vấn đề động lực dân tộc, đến đại đoàn kết toàn dân tộc, đến mặt trận dân tộc thống nhất, đến hòa hợp dân tộc - một vấn đề quan trọng trong sự ra đời, tồn tại và phát triển của tất cả các quốc gia - dân tộc trên thế giới. Sau Lê nin, tại Đại hội lần thứ VI (1928), Quốc tế Cộng sản xác định rằng lực lượng cách mạng ở các thuộc địa là thuần túy công nông binh.

Trên cơ sở thấu hiểu sâu sắc giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam, khi lòng yêu nước và tinh thần cố kết cộng đồng

---

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr.206.

luôn đặt ở nấc thang giá trị cao nhất, từ sự phân tích tinh thần và thái độ của các giai cấp tầng lớp trong xã hội, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã giải quyết sáng tạo vấn đề lực lượng dân tộc, vừa bảo đảm tính nền tảng, vừa khẳng định tính trụ cột. Theo đó, lực lượng và động lực cách mạng là khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước kể cả trung, tiểu địa chủ, phú nông, tư sản, các tổ chức yêu nước, cách mạng, do liên minh giai cấp công nhân và giai cấp nông dân làm nền tảng đặt dưới sự lãnh đạo của chính đảng vô sản. Trong các bài giảng tại lớp huấn luyện lý luận cách mạng cho các chiến sĩ cộng sản đầu tiên tại Quảng Châu, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chú trọng quán triệt đến các học viên về sức mạnh vô địch của quần chúng giác ngộ lý tưởng cách mạng, đứng lên đấu tranh giành tự do, độc lập: “Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại”<sup>1</sup>, song muốn biến niềm tin ấy thành hiện thực thì người lãnh đạo phải: làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận cách mạng cho dân hiểu, phải bày sách lược cho dân, và đảng cách mạng phải biết tập hợp sức mạnh của dân. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của lãnh tụ Hồ Chí Minh về mặt lý luận là một chiến lược xuyên suốt, một bộ phận cấu thành chủ yếu trong đường lối của Đảng ngay khi thành lập và về mặt thực tế đã gạt bỏ tư tưởng “tả” khuynh, xây dựng và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất và khơi dậy, phát huy mọi nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.297.

tiến trình thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng của dân tộc mình và đóng góp tích cực vào sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Gắn liền với sự sáng tạo lý luận về mô hình vận động và con đường phát triển, về đại đoàn kết toàn lực lượng toàn dân tộc là những phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin của lãnh tụ Hồ Chí Minh về xử lý mối quan hệ dân tộc - giai cấp, đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp, quốc gia - quốc tế, vừa chứa đựng những nét phổ biến của cách mạng thuộc địa, vừa in đậm những đặc điểm Việt Nam trong quá trình chuẩn bị về đường lối chính trị của Đảng. Những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê nin nhìn chung xác lập mối quan hệ giai cấp - dân tộc trong mối quan hệ trước - sau, chi phối - hệ quả, trong đó đấu tranh giải phóng giai cấp là tiên đề, là điều kiện của đấu tranh giải phóng dân tộc. C. Mác đưa ra những luận điểm nổi tiếng: xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ; cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản mang sứ mệnh quốc tế, song giai cấp vô sản trước hết phải hoàn thành sứ mệnh đối với dân tộc “phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành giai cấp lãnh đạo của toàn dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”<sup>1</sup>. Trên cơ sở phân tích đặc điểm xã hội thuộc địa Việt Nam trong hoàn cảnh thuộc địa khi mà mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp là mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu, lãnh tụ Hồ Chí Minh sớm xác định: Việt Nam trước hết phải

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.335.

làm “dân tộc cách mệnh”, tức là trước hết phải đánh đổ sự cai trị, nô dịch dân tộc của chủ nghĩa đế quốc, giành lại quyền bình đẳng, độc lập, tự do cho dân nước mình: “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”<sup>1</sup>. Có thể thấy, giải phóng dân tộc phải tiến hành trước tiên, tạo tiền đề để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội là luận điểm của lãnh tụ Hồ Chí Minh trong việc thực hiện ba cuộc giải phóng của cách mạng vô sản ở một thuộc địa như Việt Nam. Tinh thần này được thể hiện trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng.

Lĩnh hội và chắt lọc những luận điểm của Lênin và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế về mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa, trong đó sự giúp đỡ của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển là điều kiện thắng lợi của cách mạng ở thuộc địa, từ sự phân tích đặc tính của chủ nghĩa thực dân “như con đỉa hai vòi”, lãnh tụ Hồ Chí Minh xác định cách mạng thuộc địa là một bộ phận của cách mạng thế giới trong thời đại mới, vận động và phát triển theo quỹ đạo cách mạng vô sản. Luận điểm này đã mở ra một hướng phát triển mới cho cách mạng Việt Nam, mấu chốt của nó là kết hợp sức mạnh dân tộc với sự ủng hộ, giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã sớm đề xuất luận điểm đúng đắn, sắc sảo về mối quan hệ đó và trở thành chủ trương nhất quán chi phối hoạt động của Đảng. *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng thể

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.287.

hiện chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sự ủng hộ, giúp đỡ của các phong trào cách mạng thế giới theo hướng ngày càng mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả của nó phù hợp với đặc điểm của tình hình quốc tế và yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Sức mạnh dân tộc Việt Nam trong thời đại mới là sự tổng hòa và phát triển những giá trị cơ bản của tinh thần yêu nước chân chính, của toàn dân tộc kết hợp với sự ủng hộ, giúp đỡ về tinh thần, vật chất của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào hòa bình, dân chủ thế giới. Tuy nhiên, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ rõ: Cách mạng thuộc địa như Việt Nam có tính chủ động và chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự thân; đồng thời có vai trò quan trọng trong cách mạng thế giới, có thể giành được thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, qua đó sẽ tước bỏ nguồn sinh lực chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và giúp cho giai cấp vô sản Pháp những điều kiện thuận lợi để giải phóng. Chủ động, nỗ lực tự vươn lên, không hề “ngồi ỷ lại đâu đâu” trở thành một nguyên tắc, một phương châm, một tư tưởng lãnh đạo, chỉ đạo tạo nên thắng lợi của Đảng trong suốt 90 năm qua.

*Trên lĩnh vực xây dựng đảng cách mạng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã có những luận điểm xuất sắc, trên cơ sở đó sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Thẩm nhuần luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, về những nguyên tắc xây dựng chính đảng vô sản của chủ nghĩa Lênin..., lãnh tụ Hồ Chí Minh xác định vấn đề quan trọng nhất là: cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng; Đảng có vững, cách mạng mới thành công; Đảng phải có lý luận cách mệnh tiên phong*

mới làm nỗi trách nhiệm cách mệnh tiền phong; Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm “trí khôn”, làm kim chỉ nam cho hoạt động của mình... Xuất phát từ bối cảnh xã hội - giai cấp đặc thù Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, song không những đại diện cho giai cấp công nhân, mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và toàn thể dân tộc, Đảng phải xác lập mối quan hệ bền chặt với nhân dân lao động và dân tộc; gắn kết biện chứng các nhiệm vụ giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc trong tiến trình phát triển theo con đường cách mạng vô sản<sup>1</sup>. Do đó, khi thành lập, tên Đảng được lãnh tụ Hồ Chí Minh định danh là Đảng Cộng sản Việt Nam. Mở đầu hoạt động chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã tiến hành xây dựng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để tập hợp những thanh niên yêu nước đang khát khao tìm chọn con đường đấu tranh giải phóng dân tộc đúng đắn; lấy tổ chức này làm nơi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và những quan điểm, phương pháp cách mạng của Người, trên cơ sở đó để phát triển đảng viên và hình thành tổ chức đảng.

---

1. Sau này, trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội lần thứ II của Đảng, Người viết: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”, Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.38. Người lấy danh nghĩa cá nhân đề nghị Đại hội thông qua tên Đảng là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam” (*Biên bản Đại hội lần thứ II của Đảng*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

Trong chuẩn bị về tổ chức, cán bộ, lãnh tụ Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác đảng viên. Thu phục, tập hợp các giai cấp, tầng lớp xã hội có tinh thần yêu nước, cách mạng là một quan điểm của Người được thể hiện rõ trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng. Việc phát triển đảng viên chủ yếu dựa trên tinh thần yêu nước, tinh thần tự nguyện xả thân vì độc lập, tự do cho dân tộc, từ quá trình rèn luyện và phấn đấu của những quần chúng ưu tú, xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Điều này thể hiện trong *Chi thi của Trung ương gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thành Đảng Trung Kỳ* ban hành tháng 5/1931: “Đảng Cộng sản Đông Dương<sup>1</sup> xuất phát từ chỗ giác ngộ phản đế, ghét Pháp từ trước tới nay, nên trong hàng ngũ Đảng có những thù gia tử đệ<sup>2</sup>, cựu nho, trung, tiểu địa chủ, phú nông, trung nông ở nông thôn và một số giáo viên, học sinh chữ Pháp và một số tiểu thương, tiểu chủ hay con nhà tiểu thương, tiểu chủ ở thành thị, cùng với một số thợ xí nghiệp, một số công chức, tổ chức hồn hợp lại trong một phong trào. Sau năm 1923 (...) giai cấp công nhân ở Đông Dương đã thành một lực lượng giai cấp giác ngộ nhứt định của nó, mặc dầu mới đầu tiên và còn yếu ớt. Cộng vào một khí chất phản đế của các dân tộc ở Đông Dương do các phong trào phản đế từ trước nung nấu lại, hai lực lượng ấy hợp lại xây dựng nên Đảng Cộng sản Đông Dương”<sup>3</sup>. Đặc điểm phát triển đảng viên chuẩn bị

---

1. Từ tháng 10/1930 đến tháng 02/1951, Đảng Cộng sản Việt Nam mang tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

2. Thù gia tử đệ: con em các gia đình có hận thù với đế quốc.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.3, tr.155-156.

thành lập Đảng như trên khác với con đường xây dựng đội ngũ đảng viên cộng sản ở châu Âu, nơi mà ý thức giác ngộ giai cấp là điều kiện tiên quyết để có thể gia nhập hàng ngũ lãnh đạo cách mạng.

Trong công tác xây dựng đội ngũ đảng viên, lãnh tụ Hồ Chí Minh rất chú trọng nâng cao trình độ lý luận, năng lực hoạt động thực tiễn, đồng thời rất coi trọng nhiệm vụ giáo dục, nâng cao đạo đức cách mạng và thực hành đạo đức cách mạng, coi đó là một mặt quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Vì đạo đức cách mạng không chỉ là đạo đức cá nhân cán bộ, đảng viên, mà còn liên quan chặt chẽ đến sức chiến đấu và năng lực, uy tín lãnh đạo của Đảng. Về lĩnh vực này, lãnh tụ Hồ Chí Minh là người có đóng góp nổi bật trong số các nhà lãnh đạo cách mạng trên thế giới. Bài học mở đầu tại lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ cộng sản đầu tiên do Người truyền thụ là *Tư cách một người cách mạng*, gồm 23 điều cốt lõi để tu dưỡng đạo đức cách mạng, để xử sự với người khác và để làm việc. Cái cơ bản của đạo đức cách mạng mà Người giáo dục là đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân. Thực tiễn hoạt động của Đảng sau khi thành lập cho thấy: được lãnh tụ Hồ Chí Minh giáo dục và rèn luyện, đại đa số cán bộ, đảng viên thế hệ đầu tiên đã thể hiện rõ phẩm chất cách mạng kiên cường, dũng cảm, hy sinh, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn, thử thách, được nhân dân tin yêu, trở thành chiến sĩ cộng sản đi tiên phong trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

Không chỉ xác lập những luận điểm sáng tạo về lý luận, lãnh tụ Hồ Chí Minh còn xây dựng các phương pháp thành

lập Đảng và chủ động thực hiện với bản lĩnh chính trị cao độ, mang lại hiệu quả tối ưu, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của cách mạng Việt Nam. Lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh đi vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng yêu nước tạo nên “chất” mới của phong trào là đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, đưa tới một yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam là thành lập Đảng Cộng sản vào cuối năm 1929. Mặc dù chưa nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã *chủ động* triệu tập Hội nghị hợp nhất thực hiện sứ mệnh lịch sử của người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng không thực hiện những bước “sàng lọc” mang nặng quan điểm thành phần xuất thân và tiêu chuẩn trình độ giác ngộ giai cấp vốn đang rất phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là ở châu Âu, mà xác nhận và công nhận tư cách đảng viên của những người đã dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng thông qua việc tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản đã ra đời từ trước. Hiện thực lịch sử cho thấy đây là phương pháp thành lập Đảng tối ưu, vừa bảo đảm những yêu cầu cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin về xây dựng chính đảng vô sản, vừa phù hợp với đặc điểm Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu cấp bách về lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

\*

\* \* \*

Thực tiễn lịch sử cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, có yếu tố Hồ Chí Minh thể hiện ở

những nỗ lực không mệt mỏi, đặc biệt là ở những luận điểm cách mạng độc đáo và sáng tạo, xác lập Cương lĩnh chính trị đúng đắn, hình thành tổ chức một cách khoa học và hiệu quả. Nói cách khác, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là *kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước*. Đảng thành lập tạo một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng; là sự chuẩn bị đầu tiên cho những thắng lợi vĩ đại tiếp theo của dân tộc Việt Nam; đưa cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ. Sự ra đời của Đảng cũng là sự khởi đầu cho truyền thống chủ động, tiên phong trong sáng tạo không ngừng cả về mặt lý luận và hoạt động lãnh đạo thực tiễn, rất cần được phát huy trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CON ĐƯỜNG CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM QUA CÁC CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG - SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VÀ GIÁ TRỊ THỰC TIỄN**

PGS.TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG\*  
TS. NGUYỄN THỊ MAI CHI\*\*

**K**hi viết về cương lĩnh chính trị, V.I. Lê nin chỉ rõ: “Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn văn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên *tất cả những điều mà đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đảng đấu tranh*”<sup>1</sup>. Cương lĩnh chính trị là cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết các lực lượng xã hội nhằm phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập cho đến nay, đã có các văn kiện sau đây được gọi là Cương lĩnh chính trị của Đảng:

*Một là*, hai văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng

---

\*; \*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.7, tr.203-204.

02/1930): *Chánh cương văn tắt của Đảng* và *Sách lược văn tắt của Đảng*<sup>1</sup> đã phản ánh những nội dung cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược cách mạng Việt Nam - đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Hai là, *Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*, được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất (tháng 10/1930) tại Hồng Kông (Trung Quốc).

Ba là, *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* được thông qua tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951) tại Tuyên Quang.

Bốn là, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) tại Hà Nội.

Năm là, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) tại Hà Nội<sup>2</sup>.

Đó là các văn kiện quan trọng, mang tính pháp lý cao nhất của Đảng, có tính chiến lược lâu dài nhằm định hướng lớn, toàn diện đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta trong từng giai đoạn lịch sử nhất định; trong đó đặc biệt là xác định con đường cách mạng Việt Nam.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.2-5.

2. Theo Nguyễn Phú Trọng: *Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận soi sáng con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

## **1. Sự phát triển nhận thức lý luận về con đường cách mạng Việt Nam qua các Cương lĩnh chính trị**

### *a) Về đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam*

Cương lĩnh chính trị đầu tiên được hoạch định khi phong trào yêu nước Việt Nam đang khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam - một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam “chủ trương làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>.

Mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu chiến lược nêu trên đã chỉ rõ tính chất và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho người cày, đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam được tiếp tục phản ánh trong *Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (tháng 10/1930). Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.2.

*tư sản dân quyền*”, “có tính chất thổ địa và phản đế”, sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bối mà tranh đấu thắng lên con đường xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

Đến *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* (tháng 02/1951), ra đời trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Sau khi phân tích tình hình cách mạng Việt Nam, Chính cương đã xác định: “Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>.

Đến năm 1991, sau 16 năm đất nước thống nhất, cả nước cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, sau 4 năm tiến hành đổi mới đất nước, trong bối cảnh những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trước sự khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục kiên định con đường cách mạng mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), được Đảng hoạch định, trong đó xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mang tính phổ quát và khẳng định: “Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.94.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.434.

rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng”<sup>1</sup>.

Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi to lớn. Nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra được nhận thức làm sáng tỏ và từng bước giải quyết qua các nhiệm kỳ đại hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (tháng 01/2011) của Đảng đã khẳng định: “Qua tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa lịch sử và giá trị định hướng, chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh đối với công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần tiếp tục được giải đáp”<sup>2</sup>. Đại hội đã bổ sung và phát triển những nội dung trong Cương lĩnh năm 1991 cho phù hợp với sự biến đổi của tình hình trong nước, khu vực và thế giới. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.13.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.186.

cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>1</sup>.

Trong Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011, Đảng tiếp tục nhất quán tư tưởng Hồ Chí Minh - một đảng vì dân, thể hiện ở mục tiêu, đường lối cách mạng mà chính đảng cần đạt tới, ngày càng được sáng rõ hơn về chặng đường, phương hướng, giải pháp mà Đảng cùng toàn dân đang nỗ lực hiện thực hóa thành công mục tiêu đã xác định.

Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, tình hình thế giới và trong nước có những thay đổi, với những thách thức to lớn mà cách mạng Việt Nam phải đổi mới, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* được thông qua tại Đại hội lần thứ XI đã xác định rõ: “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục”<sup>2</sup>.

Do vậy “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”<sup>3</sup>. Đối với Việt Nam: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70, 68, 69.

lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>1</sup>.

Qua nhiều lần tổng kết, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*”<sup>2</sup>.

### b) Về tập hợp, đoàn kết lực lượng cách mạng

Khi phân tích tình hình xã hội Việt Nam sau khi thực dân Pháp thống trị, Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã phân tích thái độ chính trị của từng giai cấp, trong đó chỉ rõ lực lượng cơ bản của cách mạng là công nhân, nông dân, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời Cương lĩnh chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”<sup>3</sup>, nhưng đồng thời “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c.m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”<sup>4</sup>. Đến Luận cương tháng 10/1930, do nhiều nguyên nhân, vấn đề tập hợp lực lượng có phần “tả” khuynh, nhưng khi Luận cương đi vào thực tế cách mạng Việt Nam đã từng bước được điều chỉnh, phù hợp với yêu cầu của cách mạng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.66.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.4.

Đến *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*, nhận thức về lực lượng cách mạng Việt Nam đã được phát triển cụ thể hơn: “Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phân tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân”<sup>1</sup>.

Tại Cương lĩnh năm 1991, Đảng xác định: “các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh... Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp “ích nước lợi nhà”. Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở”<sup>2</sup>.

Đại hội lần thứ XI của Đảng nhấn mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Do vậy: “Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi”<sup>3</sup>. Cương lĩnh năm 1991

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.434.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.141.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.80.

và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Việc xác định lực lượng cách mạng Việt Nam là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khôi đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam, đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn lịch sử.

### c) Về mục tiêu phấn đấu của cách mạng Việt Nam

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên năm 1930, Đảng xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông”<sup>1</sup>. Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: “a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền, v.v.. c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa”<sup>2</sup>.

Chính cương Đảng Lao động Việt Nam xác định cụ thể hơn về mục tiêu hướng tới của cách mạng Việt Nam là phấn đấu để “phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.2.

tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam”<sup>1</sup>. Trong thời điểm đang tiến hành toàn quốc kháng chiến, Chính cương đã xác định nhiệm vụ của cách mạng là vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Kháng chiến để có được hòa bình, độc lập cho dân tộc; kiến quốc để xây dựng chế độ dân chủ nhân dân - điều kiện tiên quyết để đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đến năm 1991, Đảng xác định: “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”<sup>2</sup>. Đây là thời kỳ đầu tiến hành công cuộc đổi mới, cả nước nỗ lực vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng những cơ sở cả về kinh tế, chính trị, văn hóa... để phấn đấu trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. Do vậy, đây cũng là lần đầu tiên xác định rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có sáu đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.444.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.136.

hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”<sup>1</sup>. Để thực hiện được mục tiêu trên, Cương lĩnh nêu ra bảy phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó lần đầu tiên chỉ rõ: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước”<sup>2</sup>.

Từ thực tiễn 25 năm đổi mới đất nước, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”<sup>3</sup>; Khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã tổng kết và bổ sung, phát triển tám đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa<sup>4</sup>. Trong các đặc trưng, ngoài đặc trưng “có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>5</sup> không đổi, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>6</sup>, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.134.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.64.

3, 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”<sup>1</sup>. Các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới, với ý nghĩa phù hợp hơn với mục tiêu khi Việt Nam đã bước sang giai đoạn mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những đặc trưng vừa là mục tiêu, vừa thể hiện bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa được nêu rõ trong những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và xác định giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhất là thực tiễn của công cuộc đổi mới cho thấy hoàn toàn có thể bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.70.

thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

#### *d) Về xác định chính sách đối ngoại*

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cương lĩnh chỉ rõ: “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”<sup>1</sup>. Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định tính tự lực tự cường, đồng thời xác định rõ lực lượng đồng minh quốc tế đó là sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh không chỉ đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng giải phóng dân tộc thế giới, nhằm phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mà còn đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ chặt chẽ và sự chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc với phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quan điểm đó được Luận cương tháng 10/1930 tiếp tục khẳng định.

*Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* đã có bước phát triển về quan hệ đối ngoại, xác định rõ chính sách đối ngoại: “Những nguyên tắc của chính sách ngoại giao là nước ta và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.4-5.

các nước tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến... Mở rộng ngoại giao nhân dân; giao thiệp thân thiện với chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên”<sup>1</sup>.

Trong Cương lĩnh năm 1991, lần đầu tiên Việt Nam tuyên bố: “**Mục tiêu của chính sách đối ngoại** là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>2</sup>. “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”<sup>3</sup>.

Hai mươi năm sau, vị thế cách mạng Việt Nam đã thay đổi trên chính trường quốc tế, tại Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rõ hơn, với sự chủ động hội nhập quốc tế: “Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”<sup>4</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.441.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.144.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.83.

Như vậy, nhận thức về đường lối đối ngoại của Đảng đã có sự phát triển ở sự khẳng định Việt Nam không chỉ “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>1</sup> mà còn “góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”<sup>2</sup>, với mục đích là nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

#### *d) Về vai trò lãnh đạo của Đảng*

Đây là vấn đề nhất quán xuyên suốt của các Cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930 đến nay.

Sau khi xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”<sup>3</sup>. Đây chính là nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chỉ rõ ngay trong văn kiện đầu tiên của Đảng mới được thành lập. Cương lĩnh xác định vai trò lãnh đạo, nhưng để lãnh đạo được thì phải “thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”<sup>4</sup>, Đảng muốn “thu phục” thì phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, phải nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; đồng thời “làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”<sup>5</sup> thì Đảng cần phải thường xuyên chú trọng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện về cả tư

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.83-84.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.4.

tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức, mới “có đủ năng lực lãnh đạo quân chúng”<sup>1</sup>.

Luận cương tháng 10/1930 khẳng định: “Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”<sup>2</sup>.

Đến *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* (tháng 02/1951) xác định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”<sup>3</sup>.

Đến Đại hội lần thứ VII (1991) của Đảng, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đặt ra: “Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo”<sup>4</sup>.

Tại Đại hội lần thứ VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để ra

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.6, 100.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.38.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.147.

Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân”<sup>1</sup>. Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được khẳng định nhất quán trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>2</sup>. Bổ sung thêm mệnh đề “đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động”<sup>3</sup> trong diễn đạt về Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>4</sup>. Đây là sự phát triển nhận thức lý luận về Đảng - làm rõ hơn cội nguồn sức mạnh của Đảng trong bối cảnh lịch sử mới - quy tụ tinh hoa của toàn thể các giai tầng, các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.208-209.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.283.

Đồng thời, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 nhấn mạnh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng: “Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”<sup>1</sup>. Từ đó, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 so với Cương lĩnh năm 1991 về bài học được đúc kết từ sự lãnh đạo của Đảng “*Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam*”<sup>2</sup> - có sửa đổi từ “*bảo đảm*” thay bằng từ “*quyết định*” ở bài học thứ năm; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”<sup>3</sup>.

Các Cương lĩnh chính trị của Đảng đã phản ánh được quy luật khách quan, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách,

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.89-90, 66, 65.

phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

## 2. Giá trị thực tiễn của các Cương lĩnh chính trị

Sau 15 năm đi theo con đường cách mạng được Đảng hoạch định trong Cương lĩnh chính trị năm 1930, với sự bổ sung, hoàn thiện về con đường cách mạng giải phóng dân tộc (qua Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939; tháng 11/1940 và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I (tháng 5/1941), dân tộc Việt Nam đã giành được thắng lợi vĩ đại - Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - một nhà nước kiểu mới, nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á - đưa dân tộc Việt Nam tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”<sup>1</sup>.

Bước vào thời kỳ Đảng nắm chính quyền, có những thời điểm khó khăn như “ngàn cân treo sợi tóc”, nhưng tiếp tục

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.25.

triển khai Cương lĩnh năm 1930 với điều kiện lịch sử mới, đặc biệt là Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội lần thứ II, Đảng đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng vừa giành được; phát động cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện kiên định thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến; kết hợp sức mạnh đoàn kết và sự sáng tạo của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi để mở rộng và phát huy sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế và các lực lượng tiến bộ đối với các cuộc kháng chiến. Điều đó đã đem đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng các thế lực thực dân xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất Tổ quốc, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Khi cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, con đường cách mạng Việt Nam trong quá độ lên chủ nghĩa xã hội là con đường mới mẻ, chưa có tiền lệ; lại đúng vào thời điểm các nước đi trước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đang gặp nhiều khó khăn, cũng tìm con đường cải cách, mở cửa, cải tổ... vì vậy, Việt Nam phải vừa tiến hành đổi mới, vừa khảo nghiệm, vừa rút kinh nghiệm; không ít vấn đề mới nảy sinh cần được nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ. Sau 5 năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng là cương lĩnh chính trị thể hiện sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về con đường cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, hội nhập, đã đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Chín mươi năm qua, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Đặc biệt, những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đã tạo thế và lực cho đất nước ta. Tính đến tháng 12/2019, Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP 7,02% trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh chiến lược trong khu vực và trên thế giới gia tăng. Đây là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam hoàn thành tất cả 12/12 chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Điều đáng ghi nhận là, dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 2,79%, đảm bảo mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%, tỷ lệ nợ công trên GDP tiếp tục giảm... Đây cũng là năm thứ tư liên tiếp Việt Nam kiểm soát lạm phát dưới 4%. Đáng chú ý, theo Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP),

Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng chỉ số phát triển con người (HDI) cao nhất trên thế giới. Với chỉ số HDI năm 2019 là 0,63, Việt Nam đang ở gần mức trung của nhóm các nước có HDI ở mức trung bình và chỉ cần thêm 0,007 điểm để vào được nhóm các nước có HDI ở mức cao. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,45%.

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cấm vận, trở thành thành viên của hơn 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ. Những thành tựu trên là kết quả sự nỗ lực của tất cả các kênh đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại quốc hội và đối ngoại nhân dân; hoạt động đối ngoại đa phương góp phần quan trọng vào việc khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; tranh thủ nguồn lực quốc tế, tăng cường tiềm lực đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; chuyển đổi bạn bè năm châu về hình ảnh một dân tộc Việt Nam yêu chuộng hòa bình, đổi mới, năng động, tích cực phấn đấu vì hòa bình, tiến bộ xã hội và những giá trị chung của nhân loại.

Những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên đến nay chứng tỏ các Cương lĩnh chính trị của Đảng có giá trị to lớn và có sức sống mãnh liệt. Sự xác định con đường đi lên của cách mạng Việt Nam là phù hợp với quy luật khách quan và đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn đất nước qua các giai đoạn lịch sử.

**CAO BẰNG - CĂN CỨ ĐỊA ĐẦU TIÊN  
KHI LÃNH TỤ HỒ CHÍ MINH VỀ NƯỚC,  
KHỞI NGUỒN CHIẾN THẮNG CỦA CÁCH MẠNG  
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM**

Đồng chí LẠI XUÂN MÔN\*

**L**ãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) sinh ngày 19/5/1890. Khi đi học Người có tên là Nguyễn Tất Thành. Lớn lên trong cảnh nước mất, nhà tan, đồng bào bị bóc lột, lầm than, chứng kiến phong trào yêu nước của nhân dân ta diễn ra sôi nổi, liên tục nhưng do thiếu đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn nên không giành được thắng lợi; là người thanh niên giàu lòng yêu nước, sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, ngày 05/6/1911, từ Bến cảng Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Sau khi tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc tập trung mọi nỗ lực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một đảng cách mạng tiên phong

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.

của giai cấp công nhân Việt Nam. Đặc biệt, Người không ngừng xúc tiến việc tìm đường trở về nước như nguyện ước lúc Người ra đi từ Bến cảng Nhà Rồng. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* ngày 18/02/1930, Người đã viết: “Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam “Quốc dân Đảng”<sup>1</sup>, nên thời cơ “đột nội” chưa đến. Tháng 9/1935, khi trả lời phỏng vấn nhà báo Xôviết Ilia Erenbua, Người nói: “Tôi chỉ có một mong ước là sớm trở về Tổ quốc”<sup>2</sup>. Có thể nói trở về Tổ quốc luôn là khát vọng cháy bỏng của Người. Tháng 10/1938, Nguyễn Ái Quốc lại rời Mátxcơva, tìm cơ hội về nước. Sự kiện Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức (tháng 6/1940) theo Người nhận định “là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ, chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”<sup>3</sup>. Nhưng việc lựa chọn địa điểm, tức chõ “đứng chân” trong nước là hết sức quan trọng, nó có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự phát triển về sau của cách mạng Việt Nam.

Ý tưởng về chọn chõ đứng chân, để xây dựng căn cứ địa cách mạng đã xuất hiện khá sớm trong lý luận cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, từ năm 1928, Người đã chỉ rõ: “... Việc tuyên truyền cổ động cách mạng cần phải được tiến hành trong nông dân ở mọi nơi, nhưng *sức mạnh chủ yếu của Đảng* phải được dồn cho một tỉnh hay một vài tỉnh đặc biệt... phải chỉ ra được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.13.

2, 3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.2, tr.60, 99.

tỉnh nào hay huyện nào là quan trọng nhất theo quan điểm tuyên truyền trong nông dân, phải dồn sự chú ý của Đảng và tập trung các nguồn lực của Đảng cho các tỉnh này”<sup>1</sup>.

Với ý tưởng và lập luận đó, Người đã vận dụng vào thực tiễn để lựa chọn chỗ đứng chân, xây dựng căn cứ và mở rộng căn cứ địa cách mạng của cả nước. Lúc đầu từ Trung Quốc, Người có ý định về nước “theo hướng Côn Minh - Lào Cai. Người đã phái Bùi Đức Minh<sup>2</sup>, Hoàng Văn Lộc<sup>3</sup> về Hà Khẩu<sup>4</sup> để điều tra và nắm tình hình trong nước và đặt cơ sở liên lạc”<sup>5</sup>. Qua tìm hiểu thấy nhân dân giác ngộ chưa cao, phong trào phát triển chưa mạnh, cơ sở đảng chưa vững chắc, cầu Hồ Kiều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.569.

2. Đồng chí Bùi Đức Minh (tên thật là Bùi Văn Hách, có tên khác là Bùi Thanh Bình) - người có đóng góp quan trọng trong việc đưa nhiều cán bộ của Đảng ta sang Trung Quốc học tập rồi lại đưa về lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước; là một trong những cán bộ lãnh đạo đầu tiên của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam. Đồng chí được Đảng, Chính phủ tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1963.

3. Đồng chí Hoàng Văn Lộc (tên thật là Nguyễn Văn Ty), vốn là một Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan); đi theo lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng từ năm 1928, khi Người đến Xiêm. Cuối tháng 5/1940, đồng chí Hoàng Văn Lộc và đồng chí Đặng Văn Cáp tới Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Ngày 28/01/1941, đồng chí Hoàng Văn Lộc theo lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc và là người đầu bếp đầu tiên của Người.

4. Thị trấn Hà Khẩu của huyện Hà Khẩu thuộc Châu tự trị dân tộc Cáp Nê, Di Hồng Hà, Vân Nam, giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Nơi đây đã là cửa khẩu từ thời Pháp thuộc, nhưng từ khi tái lập tỉnh Lào Cai năm 1990, cửa khẩu Hà Khẩu mới thực sự trở thành nơi giao thương buôn bán lớn nhất của tỉnh Vân Nam với Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

5. PGS.TS. Phạm Xanh: “Cao Bằng trong tầm nhìn chiến lược Hồ Chí Minh”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng*, Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995, tr.61.

nội liên biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã bị đánh sập ngày 10/9/1940, vì vậy, dự định về nước theo hướng Lào Cai không thể thực hiện được. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc “tin cho Bùi Đức Minh, Hoàng Văn Lộc trở lại Côn Minh tìm hướng mới. Và hướng mới đó là Cao Bằng”<sup>1</sup> để về nước hoạt động và xây dựng căn cứ địa.

Nhưng vì sao lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để về nước hoạt động và xây dựng căn cứ địa là một vấn đề được rất nhiều người quan tâm, nghiên cứu, tìm hiểu. Đây không phải sự lựa chọn tình cờ, ngẫu nhiên, mà là một sự tính toán kỹ lưỡng. Với tầm nhìn chiến lược của một vị lãnh tụ thiên tài, Người đã phát hiện Cao Bằng là nơi hội tụ đủ cả “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để xây dựng căn cứ địa cách mạng của cả nước.

Trước hết Cao Bằng là tỉnh miền núi, có đường biên giới với Trung Quốc dài hơn 333km, vừa có đường bộ, đường thủy sang Trung Quốc nên thuận lợi cho giao thông liên lạc. Cao Bằng còn có các tuyến đường bộ đi xuống Lạng Sơn, Thái Nguyên... Địa thế Cao Bằng hiểm trở, là địa bàn thực dân khó kiểm soát. Từ Cao Bằng khi lực lượng cách mạng phát triển, cơ sở Việt Minh mở rộng có thể nhanh chóng “đông tiến” sang Lạng Sơn, “nam tiến” xuống Thái Nguyên và “tây tiến” sang Hà Giang, Tuyên Quang... đến các tỉnh vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ. Về mặt địa thế, địa hình, kinh tế, quân sự, Cao Bằng có đủ điều kiện trở thành một trong những bàn đạp chiến lược đầu tiên của thời kỳ khởi nghĩa vũ trang giải phóng dân tộc.

---

1. PGS.TS. Phạm Xanh: “Cao Bằng trong tầm nhìn chiến lược Hồ Chí Minh”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bắc Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng*, Tlđd, tr.61.

Song yếu tố quan trọng góp phần đi đến quyết định lựa chọn Cao Bằng để lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước là “Cao Bằng có phong trào tốt từ trước”, là nơi sinh sống của hàng chục vạn đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông, Kinh, Lô Lô, Hoa... Từ xưa đến nay, các dân tộc luôn đoàn kết gắn bó với nhau, đã từng cùng đồng bào cả nước anh dũng đấu tranh trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Từ ngày có Đảng, đồng bào các dân tộc Cao Bằng luôn một lòng theo Đảng, không ngừng đấu tranh chống thực dân, phong kiến, tiêu biểu như Hoàng Đình Gióng - người cộng sản kiên trung, người học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc<sup>1</sup>.

---

1. Anh hùng liệt sĩ Hoàng Đình Gióng (1904 - 1947) (tức Hoàng Trần Tín, Lầu Voòng, Nam Bình, Văn Tư, Võ Văn Đức, Vũ Đức, Lê Minh, Cụ Vũ), quê ở phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đồng chí là người con ưu tú của dân tộc Tày - người cộng sản kiên trung, người học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã hăng hái tham gia hoạt động cách mạng từ những năm 1926 - 1927, năm 1928 được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, năm 1929 được kết nạp vào Đảng và giữ chức vụ Bí thư Chi bộ hải ngoại ở Long Châu (Trung Quốc). Chi bộ trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Cao Bằng, Lạng Sơn và các tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng khóa I (1935), phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến vào miền Nam đánh thực dân Pháp xâm lược (tháng 9/1945), Chính ủy Quân giải phóng Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu IX, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) Khu VI thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng chí đã hy sinh tại Khu VI (Ninh Thuận) năm 1947. Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh (1998); danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (2009); và năm 2018, Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Cao Bằng có phong trào cách mạng phát triển mạnh, ngày 01/4/1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng và cũng là chi bộ đầu tiên ở vùng Việt Bắc được thành lập (chỉ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập chưa đầy 2 tháng). Đến năm 1933 tại Cao Bằng đã có 8 chi bộ ở 4 huyện, trong đó Chi bộ Cốc Coóc (Quảng Uyên) còn giữ mối liên lạc từ Cao Bằng sang Long Châu (Trung Quốc), nơi có Chi bộ hải ngoại của Đảng ta. Với những hoạt động tích cực đó, năm 1933, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng do đồng chí Hoàng Như làm Bí thư. Sau đó các châu ủy được thành lập ở Hòa An (1933), Hà Quảng (1935)... Tiếp đó, đồng chí Hoàng Đình Gióng được cử tham dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935 tại Ma Cao, Trung Quốc) và được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Đại hội này, đồng chí Bùi Bảo Vân<sup>1</sup> được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I. Tháng 7/1935, đồng chí Hoàng Như (Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng) được cử tham gia đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva. Thay mặt Đảng ta, Đồng chí có bản tham luận về “Công tác vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng” và dự Đại hội lần thứ VI Quốc tế Thanh niên. Sau Đại hội, đồng chí Hoàng Như được ở lại dự lớp học ngắn hạn tại Trường Đại học Phương Đông. Trong thời gian lưu lại Mátxcơva, đồng chí Hoàng Như đã được lãnh tụ

---

1. Đồng chí Bùi Bảo Vân - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I (1935), Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng những năm 1946, 1948, 1949.

Nguyễn Ái Quốc giúp đỡ tận tình, đồng thời qua Đồng chí, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cũng hiểu thêm về con người và phong trào cách mạng ở Cao Bằng.

Đến năm 1935, nhiều tổ chức như “Cộng sản đoàn”, “Công hội đỏ”, “Nông hội đỏ”, “Hội bản”, “Hội làng”... được thành lập ở nhiều địa phương. Vì thế, Cao Bằng không những có điều kiện thuận lợi cho việc duy trì, phát triển phong trào cách mạng mà còn có “hàng rào quần chúng bảo vệ” vững chắc.

Trong những năm 1938 - 1939, Tỉnh ủy Cao Bằng đã chỉ đạo xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng Lục Khu - Pác Bó (Hà Quảng) gồm các xã vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tuyên truyền vận động đồng bào tham gia “Hội đánh Tây”, “Hội phòng phi”... được quần chúng nhân dân ủng hộ, nên đã xây dựng được cơ sở cách mạng vững chắc. Căn cứ Lục Khu - Pác Bó vừa tiếp giáp với biên giới, nhân dân giác ngộ, vì vậy có thể coi đó là địa bàn hoạt động trọng yếu của Châu ủy Hà Quảng, Tỉnh ủy Cao Bằng, cũng như đảm bảo những điều kiện thuận lợi cho việc “đứng chân” của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Tháng 10/1940, khi chính thức quyết định chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng đầu tiên, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhận định: Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể công, lúc khó khăn có thể thủ. Tâm nhìn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

trong việc chọn Cao Bằng là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược lớn, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa một địa phương với toàn quốc, giữa phong trào cách mạng một vùng với phong trào cách mạng cả nước, nhận thức, đoán định được hiện tại và triển vọng tương lai. Trong thời gian chuẩn bị về nước, Người còn tổ chức một lớp huấn luyện chính trị cho 40 thanh niên Việt Nam yêu nước tại Nậm Quang, Ngàm Tỷ (Trung Quốc), trong đó chủ yếu là người Cao Bằng để làm hạt nhân cho việc xây dựng phong trào cách mạng ở địa phương sau này.

Với nhận định đánh giá và sự lựa chọn đúng đắn đó, ngày 28/01/1941 (tức mùng Hai Tết Tân Ty), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vượt qua mốc 108 (cũ) biên giới Việt Nam - Trung Quốc về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Đồng bào Pác Bó - nhân dân các dân tộc Cao Bằng vinh dự, tự hào thay mặt nhân dân cả nước đón người con ưu tú của dân tộc Việt Nam - lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta, sau 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài, tìm đường cứu nước, cứu dân đã trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, sự kiện ngày 28/01/1941 là một sự kiện chính trị quan trọng, là mốc son đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ đây, Pác Bó - Hà Quảng - Cao Bằng trở thành đại bản doanh của căn cứ Việt Bắc, trở thành chiếc nôi của cách mạng Việt Nam.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về hoạt động và gắn bó với Cao Bằng là sự nối tiếp dòng chảy của thời gian 30 năm Người sống và hoạt động ở nước ngoài. Ngay sau khi trở về

Tổ quốc, Người đã cùng những đồng chí của mình bắt tay ngay vào việc xây dựng căn cứ địa cách mạng; ra sức tổ chức, hoạt động để thực hiện những gì mà suốt 30 năm trước đó Người hằng ấp ú mong đợi. Do đó, Cao Bằng là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng gắn liền với tên tuổi của Người, gắn liền với lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc Việt Nam. Như Tổng Bí thư Lê Duẩn khẳng định: “Cuộc đời của Bác gắn bó mật thiết với đất nước Việt Nam, với đồng bào Việt Nam, đặc biệt với đồng bào Cao Bằng, với núi rừng Cao Bằng, nơi Bác Hồ đặt chân đầu tiên sau bao nhiêu năm xa Tổ quốc. Đó là vinh dự, là niềm tự hào của Cao Bằng”<sup>1</sup>.

Với sự có mặt và hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và những người đồng chí hướng, miền rừng núi Pác Bó, Cao Bằng hẻo lánh, xa xôi trở thành đại bản doanh của căn cứ Việt Bắc, cái nôi đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Từ đây, những tư tưởng chỉ đạo cách mạng của Người được đưa vào thực tế một cách nhanh chóng và linh hoạt, từng bước đưa cách mạng cả nước tới thành công. Trên mảnh đất Cao Bằng lịch sử, Người đã trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng cả nước, chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5/1941) hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đổi mới cách mạng Việt Nam, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh); chỉ đạo thành lập các tổ chức quần chúng lấy tên là hội cứu quốc (Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc...);

---

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.2, tr.200.

quyết định khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và quyết định nhiều vấn đề quan trọng khác... Sự chuyển hướng đó đã tạo ra bước nhảy vọt của phong trào cách mạng và có tính quyết định thắng lợi đối với Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

Đồng thời, cũng tại Cao Bằng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã quyết định xuất bản báo *Việt Nam độc lập* - tờ báo của Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng<sup>1</sup>; bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện cán bộ, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang tập trung; chỉ đạo xây dựng quan hệ quốc tế...; xây dựng Cao Bằng trở thành căn cứ địa cách mạng và tích cực chuẩn bị mọi mặt cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chấp hành chỉ thị của Người, với sự chuẩn bị khẩn trương của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng ngày nay - được thành lập tại Khu rừng Trần Hưng Đạo (châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), gồm 34 chiến sĩ, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Trong số 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội thì có 25 chiến sĩ là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng (trong đó đồng chí Xích Thắng tức Dương Mạc Thạch làm Chính trị viên).

---

1. Thời kỳ đầu, báo *Việt Nam độc lập* (từ số 101 đến số 129) là cơ quan tuyên truyền của Việt Minh tỉnh Cao Bằng, sau là cơ quan tuyên truyền của Liên tỉnh hội Việt Minh Cao Bằng - Bắc Kạn (từ số 130 đến số 186), là cơ quan của Mặt trận Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng (từ số 187 đến số 225); và từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, báo là cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Cao Bằng, Tỉnh hội Liên Việt Cao Bằng (từ tháng 12/1949); đến tháng 7/1956, thành lập Khu tự trị Việt Bắc, báo *Việt Nam độc lập* được chuyển về khu, trở thành cơ quan tuyên truyền của Mặt trận Liên Khu tự trị Việt Bắc.

Ngay sau ngày thành lập, ngày 25 - 26/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã ra quân diệt gọn 2 đồn địch (Phai Khắt, Nà Ngần). Chiến thắng Phai Khắt - Nà Ngần đã mở đầu truyền thống đánh thắng trận đầu của quân đội ta.

Rất nhiều hoạt động, sự kiện mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thời kỳ mới về nước thực hiện ở Cao Bằng (1941 - 1945) để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Sự chỉ đạo trực tiếp và sáng suốt của Người đã thể hiện rõ một hệ thống tư tưởng, quan điểm cách mạng toàn diện, sâu sắc, đúng đắn, phù hợp, nên đã huy động được cao nhất khả năng, năng lực và sức mạnh toàn dân, toàn diện, đồng thời phát huy cao độ tinh thần yêu nước của cả dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, lịch sử Việt Nam đã viết nên những trang đẹp nhất trong thế kỷ XX. Đảng và Bác Hồ đã lãnh đạo, tổ chức toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua bao ghênh thác, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ Pác Bó, Người đã nhóm lên ngọn lửa cách mạng và ngọn lửa đó đã bùng cháy, lan rộng khắp cả nước, dẫn dắt, soi đường cho toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Để rồi sau đó chín năm, ngày 07/5/1954, nhân dân ta đã xây tiếp nên tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” và kết thúc trọn vẹn sau đó 21 năm bằng Đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước

tiến lên chủ nghĩa xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho cả dân tộc Việt Nam... Tất cả những dấu son lịch sử huy hoàng đó đều được bắt đầu từ mốc của mùa xuân năm 1941 khi Bác Hồ về nước.

Trong suốt chặng đường 90 năm thành lập và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động; lãnh đạo toàn dân giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, làm nên những thắng lợi vĩ đại. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam đã trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, ngày càng khẳng định được vị thế ở khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu, đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đã chứng tỏ bản lĩnh vững vàng của Đảng, đồng thời khẳng định vai trò quyết định của Đảng đối với sự phát triển đất nước.

\*

\* \* \*

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng rất vinh dự, tự hào được góp sức mình vào việc xây dựng căn cứ địa cách mạng và Mặt trận Việt Minh. Cách mạng đã đem lại cho Cao Bằng tầm vóc lịch sử lớn lao là căn cứ địa đầu tiên, “đại bản doanh”, “chiếc nôi của cách mạng Việt Nam” và là quê hương thứ hai của Bác Hồ. Đây không chỉ là niềm tự hào

của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Cao Bằng, mà còn là nguồn động lực to lớn, trở thành nguồn lực nội sinh, thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng qua các thời kỳ, giai đoạn cách mạng của tỉnh Cao Bằng.

Đã gần 80 năm trôi qua, kể từ khi Cao Bằng đón Bác Hồ trở về Tổ quốc lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cùng với cả nước, nhân dân Cao Bằng luôn phát huy truyền thống quê hương cách mạng, nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Là một tỉnh miền núi, điểm xuất phát thấp nên gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế; thời gian qua, tỉnh đã và đang tập trung tháo gỡ ba điểm nghẽn, nút thắt; huy động mọi nguồn lực để thực hiện ba đột phá chiến lược; phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chăm lo, nâng cao đời sống nhân dân. Đặc biệt trong giai đoạn 2011 - 2019, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Kinh tế phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trung bình đạt trên 7%/năm. Nhiều dự án lớn đã và đang hình thành, đi vào vận hành; tỉnh đã và đang huy động các nguồn lực để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển nông - lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển kinh tế biên mậu... Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, mở rộng, phát triển, nhất là các khu kinh tế cửa khẩu, các điểm du lịch. Tình hình chính trị luôn ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường; diện mạo đô thị,

nông thôn, miền núi có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo được giảm mạnh qua từng năm (giảm khoảng 4%/năm). Đến nay, 100% xã có đường ôtô và điện lưới quốc gia, 100% xã được phủ sóng điện thoại di động, 90% dân cư được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Khối đại đoàn kết các dân tộc thường xuyên được củng cố và phát huy. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố vững chắc, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Tự hào về Đảng quang vinh, về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại qua 90 năm lịch sử vẻ vang; trân trọng, tự hào và phát huy những thành quả của 520 năm thành lập tỉnh Cao Bằng (1499 - 2019) và 90 năm thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng (01/4/1930 - 01/4/2020); thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như tình cảm của Người đối với quê hương cách mạng Cao Bằng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Cao Bằng quyết tâm xây dựng tỉnh Cao Bằng trở thành tỉnh năng động, phát triển, “gương mẫu”, “đi đầu” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, xứng đáng với niềm tự hào và truyền thống của quê hương “cội nguồn cách mạng”.

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1930 - 1975) - 90 NĂM NHÌN LẠI

PGS.TS. NGUYỄN DANH TIÊN\*

## 1. Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 1975)

Mùa xuân năm 1930, từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, tại bán đảo Cửu Long, Hồng Công (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập là thành quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là “làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”<sup>1</sup>, “để đi tới xã hội cộng sản”<sup>2</sup>. Việc thành lập Đảng và đường lối cách mạng Việt Nam thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã đáp ứng

---

\* Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.2.

những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân đấu tranh giành chính quyền, đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh làm rung chuyển chế độ thống trị của thực dân Pháp và phong kiến. Với cao trào cách mạng đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936 - 1939), Đảng đã tranh thủ những hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp để chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ cho các tầng lớp nhân dân. Tiếp đó, trong cao trào cách mạng 1939 - 1945, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh từng bước hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị Trung ương lần thứ tám do lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì (tháng 5/1941), chủ trương giương cao ngọn cờ chống đế quốc, xác định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi giải phóng của toàn thể dân tộc”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng đã thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) nhằm đoàn kết lực lượng của toàn dân tộc để đánh đuổi thực dân, phát xít. Đồng thời, Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. Khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), độc chiếm Đông Dương, Ban Thường vụ Trung ương họp Hội nghị mở

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.118.

rộng ở Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh), ra “Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (ngày 12/3/1945). Khi thời cơ cách mạng đến, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập”<sup>1</sup>. Đây không chỉ là sự biểu lộ quyết tâm sắt đá của cả dân tộc, mà còn là nhận định phản ánh sự chuẩn bị lực lượng và thời cơ cách mạng đã chín muồi. Hội nghị toàn quốc của Đảng (ngày 14 và 15/8/1945) thống nhất chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Tiếp đó, Đại hội đại biểu quốc dân họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) trong hai ngày 16 và 17/8/1945, biểu thị sự đoàn kết nhất trí của toàn thể dân tộc trong giờ phút quyết định vận mệnh của đất nước, biểu thị lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Ngay sau Đại hội, lãnh tụ Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>2</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chủ động, sáng tạo của các đảng bộ địa phương, trong khoảng nửa tháng, Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi trên phạm vi cả nước. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo; chấm dứt chế độ phong kiến ở Việt Nam; kết thúc hơn 80 năm đô hộ của thực

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.2, tr.225.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

dân, phát xít. Chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á và là nhà nước của toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đầu sau ngày đất nước giành được độc lập, nước cộng hòa non trẻ phải đối mặt với “thù trong, giặc ngoài”. Vượt lên những khó khăn đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược tạm hòa hoãn với Pháp và Tưởng để duy trì hòa bình nhằm củng cố chính quyền cách mạng, tiến hành diệt “giặc đói”, “giặc dốt” và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống “giặc ngoại xâm” của dân tộc.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>1</sup>, toàn thể dân tộc Việt Nam một lần nữa bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Trên cơ sở đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, với phương châm: vừa kháng chiến, vừa kiến quốc; vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng; vừa kháng chiến, vừa củng cố hậu phương và với phương pháp tác chiến thích hợp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã anh dũng chiến đấu, lần lượt làm phá sản các chiến lược quân sự của kẻ thù. Sau chín năm trường kỳ kháng chiến, với nhiều hy sinh, gian khổ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

nhưng vô cùng anh dũng và tự hào, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm nên một Điện Biên lịch sử “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Với thắng lợi này, “lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vang danh của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”<sup>1</sup>.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, hòa bình được lập lại ở miền Bắc, nhưng miền Nam vẫn bị kẻ thù xâm lược. Trước tình hình đó, nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện nhiệm vụ cao cả này, nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến thần thánh đầy khó khăn, gian khổ nhưng với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!” và với niềm tin sắt đá “dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”<sup>2</sup>, dân tộc Việt Nam một lần nữa đứng lên kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình thực tiễn của cách mạng, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, Đảng đã hoạch định đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ và sáng tạo, phù hợp với thực tiễn chiến trường. Trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng chủ trương khởi đầu chiến tranh bằng phương thức thích hợp với hình thức khởi nghĩa từng phần, thông qua phong trào Đồng khởi, tập trung đánh vào chỗ yếu nhất,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.410.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.618.

sơ hở của địch. Tiếp đó, bằng hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị song song, tiến hành ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược trong chiến tranh cách mạng, tập trung đánh bại “quốc sách” “áp chiến lược”, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Động viên và tổ chức cả nước đánh Mỹ, kiên quyết giữ vững chiến lược tiến công, phát huy mạnh mẽ thế tiến công và quyền chủ động chiến trường, đánh thắng quân Mỹ ngay từ trận đầu, đợt đầu, hiệp đầu, liên tiếp đánh bại hai cuộc phản công chiến lược khi Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn chiến trường, so sánh lực lượng giữa ta và địch, Đảng đã quyết định mở mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị để thu hút và giam chân một lực lượng quân cơ động Mỹ trên chiến trường rừng núi; đồng thời, mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, giáng đòn bất ngờ vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở đô thị, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, thay đổi cục diện chiến tranh, tạo bước ngoặt quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cùng với việc tập trung tấn công quân sự trên các chiến trường, Đảng đã mở mặt trận tiến công ngoại giao đúng lúc (từ năm 1967), thực hiện thành công nghệ thuật kết hợp đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao, mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. Tiếp đó, Đảng tổ chức chỉ đạo thành công cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, giành thắng lợi quyết định làm thay đổi cục diện chiến tranh, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh ngoại giao kiên quyết và khôn khéo, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân ra khỏi miền Nam,

chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Cuối cùng, Đảng đã kịp thời phát hiện thời cơ chiến lược, kiên quyết chỉ đạo, tổ chức thành công cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trải qua 21 năm chiến đấu anh dũng, với đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ và sáng tạo, với một phương pháp cách mạng đúng đắn; với phương châm toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ, “mỗi người dân là một dũng sĩ diệt Mỹ”; với sự chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại tiến bộ trên thế giới..., quân và dân ta đã đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, giành thắng lợi vang dội trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc; kết thúc cuộc chiến đấu 30 năm giải phóng, giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị kéo dài hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta; mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.471.

## 2. Những vấn đề đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hiện nay

Thực tiễn lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến năm 1975 khẳng định, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Phát huy những thành tựu và kinh nghiệm qua 45 năm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc, trong bối cảnh hiện nay, công tác xây dựng Đảng cần tập trung một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, trong bối cảnh mới hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định, khó lường, quan hệ giữa các nước lớn vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, chi phối các quan hệ quốc tế. Các nước tiếp tục điều chỉnh chiến lược, hình thành những tập hợp lực lượng mới trong khu vực và trên thế giới. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biên giới, biển, đảo, đặc biệt là tình hình Biển Đông đang diễn biến hết sức phức tạp, đe dọa trực tiếp tới hòa bình, ổn định ở khu vực, trong đó có Việt Nam. Ở trong nước, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Cùng với đó, những khó khăn, thách thức mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra vẫn còn tồn tại. Đặc biệt trong nội bộ Đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, tư tưởng và đạo đức, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu; ý thức tổ chức kỷ luật kém, tha hóa về lối sống, quan liêu, xa rời quần chúng. Một số tổ chức đảng còn tình trạng mất dân chủ, mất đoàn kết, bè phái, cục bộ. Tệ quan liêu,

tham nhũng, lãng phí đang gây bất bình trong xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Trước tình hình đó, Đảng phải phát huy sự chủ động, sáng tạo trong hoạch định đường lối và chỉ đạo thực tiễn nhằm tranh thủ thời cơ, hạn chế thách thức, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Xây dựng văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc nhằm khơi dậy năng lực nội sinh của dân tộc. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong mỗi bước đi và cả quá trình phát triển, đặc biệt coi trọng chính sách phát triển bao trùm để mọi người dân được thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác, phát triển, Việt Nam sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Kiên trì, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

*Thứ hai*, phát huy bản lĩnh, trí tuệ và truyền thống, bản chất tốt đẹp của Đảng - những truyền thống đã góp phần tạo nên thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đó là: trung thành vô hạn với lợi ích dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng; gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân, luôn lấy phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu; đoàn kết, thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí; đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả.

*Thứ ba*, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của đất nước và thời đại, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Thường xuyên coi trọng hơn nữa công tác xây dựng Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, và đạo đức, tăng cường công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng như “giữ gìn con ngươi của mắt mình”; thực hiện nghiêm minh kỷ cương, kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát huy dân chủ, công khai minh bạch.

Đồng thời, tích cực đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi những tiêu cực trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững

mạnh để Đảng xứng đáng “là *đạo đức*, là *văn minh*”<sup>1</sup> như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, phải “tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng”<sup>2</sup>, “chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”<sup>3</sup>.

Thú tư, chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kịp thời phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đây là vấn đề quan trọng đặt ra cho Đảng trong bối cảnh hiện nay. Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của vấn đề này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng khẳng định: “Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”<sup>4</sup>. Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) nhấn mạnh tính chất quan trọng của công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh toàn cầu hóa: “Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”<sup>5</sup>. Có thể nói, kiên trì, kiên quyết đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.403.

2, 3, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.47, 47, 208.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.257.

“diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch là một chủ trương nhất quán của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Thực hiện chủ trương đó của Đảng, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đi đôi với phản bác kịp thời, có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống các luận điệu phủ định, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém của Đảng, Nhà nước ta trong công tác xây dựng Đảng, trong quản lý kinh tế - xã hội nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ, chia rẽ khói đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không dao động trong bất cứ tình huống nào; kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC  
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI  
(1975 - 1986)**

PGS.TS. HỒ TỐ LƯƠNG\*

**T**hắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất. Từ ngày 24/6 đến ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp Kỳ thứ nhất tại Hà Nội, quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, uy tín và địa vị quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Cách mạng Việt Nam từ cùng một lúc phải thực hiện hai chiến lược cách mạng ở hai miền nay chuyển sang thực hiện một chiến lược cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên cả nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng xác định nhiệm vụ trong giai đoạn mới là: “*Xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*”<sup>1</sup>.

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.524.

Thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986), Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội với những thuận lợi cơ bản là: Đất nước thống nhất tạo ra sức mạnh mới toàn diện cả về chính trị và kinh tế, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng tiến những bước nhảy vọt. Các tiềm năng, sức mạnh tổng hợp của con người và thiên nhiên của cả nước được phát huy. Nhân dân cả nước vô cùng phấn khởi và đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Chúng ta kế thừa những thành quả về cơ sở vật chất, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc qua 21 năm. Đội ngũ cán bộ có trình độ nhất định trong xây dựng và quản lý kinh tế. Miền Nam có tiềm lực lớn về công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Mạng lưới giao thông vận tải, thông tin liên lạc, hệ thống bến cảng, đường bộ, sân bay, kho tàng, nhà cửa chuyển từ mục đích phục vụ cho quốc phòng sang phục vụ xây dựng đất nước. Việt Nam tiếp tục nhận được sự giúp đỡ về vật chất, tinh thần và kinh nghiệm quản lý đất nước của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Cuba anh em, và sự tương trợ giữa các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế. Các nước tiếp tục viện trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp, xóa nợ, giảm nợ cho Việt Nam.

Bên cạnh những thuận lợi, thời kỳ 1975 - 1986, chúng ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn lớn:

*Một là, hậu quả của chiến tranh đối với cả nước và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam phải giải quyết vô cùng nặng nề.* Khó khăn lớn nhất của miền Nam trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội là những hậu quả trầm trọng của chiến tranh và tàn dư của chính sách thực dân mới của

đế quốc Mỹ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Miền Nam thời kỳ trước giải phóng là một xã hội thực dân kiểu mới. Ở miền Nam, tuy đã xuất hiện nhiều yếu tố của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, song về cơ bản, vẫn là một nền kinh tế phụ thuộc vào nước ngoài, phát triển hướng phần lớn mục tiêu vào phục vụ chiến tranh. Đồng ruộng bị bom đạn và chất độc hóa học Mỹ tàn phá. Về chính trị, hàng chục đảng phái phản động hoạt động chống phá cách mạng. Ở Tây Nguyên, lực lượng phản động Fulro chống phá quyết liệt. Về xã hội, 1,2 triệu nhân viên và binh lính của chính quyền Sài Gòn tan rã tại chỗ, 270.000 thương, phế binh cần được cải tạo và giúp đỡ công việc, hàng chục vạn người mắc tệ nạn xã hội (nghiện ma túy hoặc hành nghề mại dâm), hàng vạn lưu manh chuyên nghiệp,... cần được quản lý, giáo dục và hoàn lương. Về văn hóa - đạo đức, lối sống: chính quyền Sài Gòn vẫn tuyên truyền chống cộng, cổ súy lối sống thực dụng.

Ở miền Bắc, hầu hết các thành phố, khu công nghiệp, giao thông, hệ thống bến cảng, các công trình thủy lợi và nhiều khu dân cư bị tàn phá nặng nề trong hai lần chiến tranh phá hoại 1964 - 1968 và 1972. Những vấn đề về thương binh - xã hội phải giải quyết rất lớn. Nền kinh tế quốc dân mất cân đối một cách trầm trọng, nhất là về cung - cầu lương thực. Sản xuất không đủ tiêu dùng.

Đặc điểm lớn nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta là từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nên cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh nghiệm phát triển kinh tế còn hạn chế, thiếu thốn nhiều.

*Hai là, nổ ra chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc ngay sau khi đất nước thống nhất chưa được bao lâu. Thực hiện chính sách chủ nghĩa dân tộc cực đoan, ngày 01/5/1975, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary tiến hành xung đột ở biên giới Tây Nam. Ngày 30/4/1977, chúng đẩy xung đột lên thành chiến tranh trên toàn tuyến biên giới Tây Nam của nước ta. Ngày 31/12/1977, lực lượng Pôn Pốt công khai phát động chiến tranh, đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao, điên cuồng mở các đợt hành quân lấn sâu vào lãnh thổ Việt Nam.*

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ của đất nước và đáp ứng lời kêu gọi của nhân dân Campuchia, cuối tháng 12/1978, Việt Nam đưa quân đội sang giúp đỡ Campuchia. Ngày 07/01/1979, lực lượng quân tình nguyện Việt Nam kết hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia giải phóng Phnôm Pênh, kết thúc chiến tranh biên giới Tây Nam. Ngày 10/01/1979, nước Cộng hòa Campuchia ra đời. Ngày 18/02/1979, *Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác* giữa Việt Nam và Campuchia được ký kết. Theo nội dung Hiệp ước, quân đội Việt Nam tiếp tục có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và khôi phục đất nước Campuchia.

Từ ngày 17/02 đến ngày 18/3/1979, 60 vạn quân Trung Quốc đã tấn công nước ta trên toàn tuyến biên giới phía Bắc tại 6 tỉnh biên giới: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, có nơi tiến sâu 50km vào lãnh thổ Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam ngay lập tức ra *Tuyên bố phản đối*. Ngày 04/3/1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước sát cánh

xung quanh Đảng, Nhà nước trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước ra Lệnh tổng động viên trong cả nước để bảo vệ Tổ quốc. Trước sự đánh trả mạnh mẽ của Việt Nam và dư luận thế giới kịch liệt phản đối, ngày 18/3/1979, Trung Quốc buộc phải rút quân khỏi nước ta, nhưng xung đột biên giới còn kéo dài trong nhiều năm sau đó.

*Ba là, khó khăn do Mỹ và các thế lực thù địch gây nên.* Bị thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, song Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam. Ngày 16/5/1975, Mỹ tiến hành bao vây, cô lập Việt Nam, tuyên bố cấm vận thương mại, phủ quyết việc Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc ngày 26/11/1976. Lợi dụng những khó khăn về kinh tế - xã hội của nước ta thời hậu chiến, chính quyền Mỹ kích động, lôi kéo đồng bào ra đi bất hợp pháp. Các nước phương Tây vì muốn giữ hòa hiếu với Mỹ nên đã không viện trợ giúp Việt Nam.

Năm 1979 và bước vào đầu thập niên 80 của thế kỷ XX là một thời điểm cực kỳ khó khăn của đất nước. Trong khi vừa phải đương đầu với những thách thức của tình hình quốc tế, tháo gỡ khó khăn kinh tế - xã hội, nhân dân ta đồng thời phải giải quyết những vấn đề nóng bỏng về quốc phòng, an ninh.

Trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn trên, từ quý IV năm 1975, chúng ta đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới công thương nghiệp tư bản, tư doanh ở miền Nam bằng các hình thức xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và xí nghiệp hợp tác, gia công; và đến đầu năm 1978 về cơ bản đã hoàn thành. Tuy nhiên trong quá trình cải tạo nhiều lúc, nhiều nơi đã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách

của Đảng và Nhà nước đề ra, còn có biểu hiện chủ quan nóng vội, tiến hành vội vã, rập khuôn theo kinh tế thời chiến, nặng về xóa bỏ và cấm đoán, thiếu kế hoạch xây dựng, làm ô ạt, thiên về biện pháp hành chính. Hàng hóa vật tư để huy động, thất thoát quá nhiều, gây đảo lộn về phát triển và cơ cấu kinh tế.

Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp ở miền Nam, nguyên tắc tự nguyện và bảo đảm lợi ích của nông dân không được thực hiện, làm ô ạt, “cào bằng” theo kiểu phân nhóm bình quân ruộng đất bằng biện pháp mệnh lệnh.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam không mang lại kết quả như mong muốn do nóng vội, chủ quan, vi phạm các nguyên tắc về kinh tế, tự nguyện, rập khuôn theo cách làm của miền Bắc cho miền Nam bất kể điều kiện khác biệt.

Ở miền Bắc, kinh tế tập thể hóa nông nghiệp sau chiến tranh đã bộc lộ yếu kém về mọi mặt. Thế nhưng, các hợp tác xã vẫn tiếp tục mở rộng quy mô, tổ chức theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, cơ giới hóa. Hậu quả của việc đẩy nhanh quy mô hợp tác xã bậc cao đã khiến cho quy mô hợp tác xã thì lớn nhưng trình độ tổ chức, quản lý chưa đáp ứng được. Tốc độ phát triển hợp tác xã ô ạt, nóng vội đã dẫn đến tình trạng sản xuất trì trệ, nông dân bị gò ép vào hợp tác xã nên không còn hăng hái như trước, năng suất trong các hợp tác xã bị giảm sút, bộ máy quản lý cồng kềnh, kém hiệu lực, đạt năng suất thấp, nhiều địa phương bị thiếu đói. Nông dân không hứng thú với ruộng đất tập thể mà chỉ chăm lo mảnh đất 5%, từ đó khiến nhiều ruộng đất bị bỏ hoang hóa, lãng phí.

Từ năm 1979, đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội với các biểu hiện: sản xuất trì trệ, đình đốn, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giảm sút, năm sau phát triển kém hơn năm trước; lưu thông, phân phối rối loạn, thu chi mất cân đối, nhiều mặt bị mất cân đối nghiêm trọng; lạm phát ngày càng trầm trọng; đời sống nhân dân, cán bộ, viên chức và lực lượng vũ trang trở nên khó khăn. Trong khi đó, dân số tăng quá nhanh. Khi giải phóng miền Nam, dân số năm 1975 là: 47.638.000 người, đến năm 1979 là: 52.642.000 triệu dân. Tiêu cực trong xã hội gia tăng, công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật, kỷ cương không nghiêm minh. Quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội là: Nền kinh tế sản xuất lạc hậu vốn không đủ sức đáp ứng được những nhu cầu nhiều mặt của xã hội. Hậu quả của 30 năm chiến tranh, chủ nghĩa thực dân mới và cuộc chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước đã để lại hậu quả hết sức nặng nề về kinh tế - xã hội. Mỹ siết chặt bao vây cấm vận; các thế lực thù địch cùng với Mỹ tăng cường chống phá nước ta nhiều mặt.

Nguyên nhân chủ quan của khủng hoảng kinh tế - xã hội sau chiến tranh là: Sau khi chiến tranh kết thúc, Đảng và Nhà nước đã không đánh giá đầy đủ tình hình khó khăn, phức tạp của thời kỳ sau chiến tranh; đồng thời chậm phát hiện ra những yếu kém của mô hình kinh tế cũ, vì thế, chưa xác định được con đường và giải pháp thích hợp quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những sai sót phổ biến và kéo dài trong nhiều năm: biểu hiện duy ý chí, chủ quan, nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa (xóa bỏ các thành phần tư hữu tư nhân)

và bỏ qua bước quá độ cần thiết, bất chấp các quy luật khách quan. Duy trì quá lâu cơ chế cũ: kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng. Bộc lộ non yếu trong nhận thức; tổ chức, quản lý thiếu đồng bộ. Đội ngũ cán bộ chuyển từ thời chiến sang thời bình đã bộc lộ yếu kém về kiến thức kinh tế.

Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn đó, Đảng đã tìm kiếm đường lối đổi mới với ba bước đột phá cơ bản:

*Bước đột phá thứ nhất:* Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV họp từ ngày 15 đến ngày 23/8/1979 và thông qua hai Nghị quyết: *Tình hình nhiệm vụ cấp bách* và *Phương hướng nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương*<sup>1</sup>.

Hội nghị đề ra *ba nhiệm vụ cấp bách*: “*Một là*, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân. *hai là*, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. *Ba là*, kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng”<sup>2</sup>.

Hội nghị chỉ rõ: Đảng và Nhà nước phải có những chủ trương, biện pháp cấp bách, mạnh mẽ, kiên quyết, đem lại hiệu quả thiết thực nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, làm cho sản xuất “bung ra”, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển, khuyến khích mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, làm cho người nông dân phấn khởi sản xuất, tận dụng hết đất đai, được tự do lưu thông hàng hóa, xóa bỏ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.40, tr.231.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.40, tr.360.

“ngăn sông cấm chợ”. Để khắc phục những trì trệ yếu kém trong nền sản xuất nông nghiệp, Đảng và Chính phủ cần phải ban hành ngay các chính sách khuyến khích mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, cụ thể là: Ổn định mức nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thoả thuận và được lưu thông tự do. Khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và cả gia đình xã viên, nông dân cá thể tận dụng diện tích ruộng đất, hồ ao còn bỏ hoang hóa đưa vào sản xuất. Khuyến khích các cơ sở quốc doanh, tập thể và gia đình đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, ổn định mức bán thành phẩm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận hoặc lưu thông tự do. Sửa lại biểu thuế nông nghiệp như miễn thuế, giảm thuế nhằm khuyến khích thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích. Sửa lại giá lương thực và giá các nông sản khác cho hợp lý, tăng giá thu mua nông sản một cách thỏa đáng để khuyến khích sản xuất và mở rộng nguồn thu mua của Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV là tín hiệu mới, có tính chất khởi đầu của quá trình tìm kiếm giải pháp tháo gỡ cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Những chính sách kích thích lực lượng sản xuất phát triển tuy vẫn theo cơ chế cũ nhưng cũng đã tháo gỡ một số trói buộc của cơ chế sản xuất cũ của thời kỳ chiến tranh, tạo ra những động lực cho sản xuất “bung ra”. Nghị quyết đã góp phần thu hẹp khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn của Đảng.

Sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV, chúng ta đã tiến hành đổi mới từng phần trong nông nghiệp và công nghiệp.

Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, “mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm

lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Nội dung cơ bản của Chỉ thị 100 là mở rộng “khoán sản phẩm” đến nhóm lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp đối với cây trồng (kể cả cây lúa), chăn nuôi và ngành nghề khác; chấm dứt hiện tượng “cấp trên ngăn cấm, cấp dưới làm chui”. Người nông dân bước đầu khôi phục lại được một phần quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp nên đã phát huy mọi khả năng của mình trong sản xuất, vì lao động gắn với kết quả cuối cùng. Sản xuất nông nghiệp sau hơn 20 năm không ổn định và giảm sút, đã có nhiều khởi sắc đáng phấn khởi. Cơ chế khoán sản phẩm đã thực sự trở thành một cuộc cách mạng trong chỉ đạo quản lý nông nghiệp của Đảng.

Sau khi nghiên cứu tổng kết những điểm làm thử và đề khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp, với tinh thần tạo điều kiện cho sản xuất “bung ra”, ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26/CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

Quyết định số 25/CP cho phép các đơn vị kinh tế thực hiện kế hoạch ba phần: kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước; kế hoạch tự lo, các xí nghiệp tự hạch toán, lãi được hưởng, lỗ phải chịu; kế hoạch sắp xếp lại sản xuất, nếu nguyên vật liệu dồi ra thì có quyền sản xuất mặt hàng khác. Nhà nước tạo điều kiện để các xí nghiệp phát huy tính chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, tìm việc làm và bảo đảm đời sống cho công nhân.

Quyết định số 26/CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước nhằm khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất.

Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư và các quyết định số 25/CP và số 26/CP của Hội đồng Chính phủ là những thử nghiệm, tìm kiếm trên con đường đổi mới tư duy kinh tế của Đảng theo tinh thần của Hội nghị Trung ương 6 khóa IV. Đây chính là sự đổi mới từng phần trong nông nghiệp và công nghiệp dẫn đến đổi mới toàn bộ sau này.

*Bước đột phá thứ hai:* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa V họp từ ngày 01 đến ngày 07/6/1985, bàn về giá, lương, tiền<sup>1</sup>. Hội nghị quyết định dứt khoát xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy giá - lương - tiền làm khâu đột phá.

- Về giá, thay đổi cách làm, tính đúng, tính đủ trong giá thành sản phẩm (đầu vào, đầu ra). Người sản xuất có lãi, dần dần tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

- Thay đổi tiền lương, làm cho người lao động có đủ thu nhập để tái sản xuất sức lao động. Xóa bỏ tem phiếu, trả lương bằng tiền. Các tổ chức kinh tế phải chịu trách nhiệm lỗ lãi.

- Tổng điều chỉnh lớn và toàn diện về giá - lương - tiền, để chống lạm phát<sup>2</sup>. Từ ngày 14/9/1985, cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền bắt đầu bằng việc đổi tiền, ban hành một số giá mới và chế độ tiền lương mới, thực hiện chế độ một giá kinh doanh, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho những người ăn lương. Do duy ý

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.64, tr.24.

chí, chúng ta nghĩ rằng áp đặt giá trị cao thì đồng tiền có giá trị cao, 10 đồng cũ đổi bằng 1 đồng mới. Chỉ sau vài tháng, do lạm phát nên đồng tiền hoàn toàn bị mất giá.

Tuy mắc hạn chế trong tổng điều chỉnh giá - lương - tiền, nhưng Hội nghị đã dứt khoát xóa bỏ cơ chế cũ, dù rằng chưa hình thành rõ cơ chế mới, và đã đổi mới tư duy trên lĩnh vực lưu thông, phân phối với nét nổi bật là thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa.

*Bước đột phá thứ ba:* Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư họp phiên đặc biệt từ ngày 25 đến ngày 30/8/1986 và ra Kết luận của Bộ Chính trị đối với một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế<sup>1</sup> với các nội dung sau:

- Nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt là: đưa sản xuất nông nghiệp lên hàng đầu, ra sức phát triển hàng tiêu dùng, công nghiệp nặng phát triển có lựa chọn về quy mô, tốc độ và hiệu quả, phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Thay đổi cơ cấu kinh tế ở nước ta, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, cho phép sở hữu các thành phần kinh tế.

- Phải đổi mới tư duy kinh tế, khắc phục quan niệm đơn giản về chủ nghĩa xã hội, về quan hệ hàng - tiền, thị trường, tư tưởng bảo thủ, thoát ly thực tế.

- Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, vận dụng đúng các quy luật kinh tế.

*Kết luận của Bộ Chính trị đối với một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế tháng 9/1986* là cơ sở để hoàn chỉnh, nâng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.219-250.

cao chất lượng các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI - Đại hội đổi mới.

\*  
\*      \*

Thời kỳ Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới (1975 - 1986) có những hạn chế, khuyết điểm: duy trì quá lâu cơ chế quan liêu, bao cấp, trì trệ dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội; lý luận yếu kém, chậm trễ, không theo kịp với thực tiễn; khuyết điểm về công tác tổ chức, cán bộ, không đáp ứng kịp với sự chuyển đổi khi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến hành trong điều kiện mới. Nhưng trong thời kỳ này, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được những thành công lớn: Chúng ta đã bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng (thống nhất đất nước về mặt nhà nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị); xây dựng được hàng trăm công trình lớn và vừa cho đất nước như: thủy điện Hòa Bình, dầu khí, xi măng Bỉm Sơn, xi măng Hà Tiên, thủy lợi hồ Kẻ Gỗ, Dầu Tiếng, Hồng Ngự... và đặc biệt, đã tìm ra đường lối đổi mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

## **NHỮNG THÀNH TỰU VỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG TRONG ĐỔI MỚI**

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN\*

**D**ưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, 90 năm qua, đất nước ta, dân tộc ta đã trải qua những chặng đường khó khăn, gian khổ, vượt qua nhiều thử thách, hy sinh để giành được những thành tựu to lớn chưa từng thấy, mang lại độc lập, tự do cho dân tộc, hòa bình, thống nhất cho đất nước, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, uy tín và vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua chính là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong đó, trước hết là khả năng “nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra”<sup>1</sup>. Nói cách khác, những thành tựu to lớn của cách mạng nước ta trong 90 năm

\* Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.66.

qua gắn liền với những thành tựu to lớn về phát triển lý luận. Bài viết này tập trung trình bày khái quát những thành tựu lớn về phát triển nhận thức lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới.

### **1. Về đặc trưng mô hình chủ nghĩa xã hội**

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á ra đời, thực hiện nhiệm vụ quản lý đất nước, tổ chức nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân xâm lược Pháp. Chiến thắng Điện Biên Phủ dẫn tới việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, lập lại hòa bình trên miền Bắc, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu quá trình xây dựng, phát triển đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực thi đồng thời hai nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trên cơ sở nhận thức lý luận về thời kỳ quá độ và học tập kinh nghiệm của các mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực trên thế giới, mô hình chủ nghĩa xã hội của Việt Nam cho đến trước đây bao gồm các đặc trưng chủ yếu: *Chế độ xã hội* dựa trên nguyên tắc “nhân dân làm chủ tập thể”; *nền kinh tế* kế hoạch hóa với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu và tập thể về tư liệu sản xuất; tiến hành *cách mạng văn hóa* để xây dựng phát triển văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa; *nà nước chuyên chính vô sản* với hai chức năng, chuyên chính với kẻ thù giai cấp và xây dựng chế độ mới; các *dân tộc* đoàn kết, bình đẳng, được đảm bảo điều kiện phát triển với việc thành lập các khu tự trị; xây dựng quan hệ *hợp tác quốc tế* với các nước xã hội chủ nghĩa, các

đảng cộng sản, công nhân và nhân dân lao động trên thế giới theo tinh thần quốc tế vô sản; *chống thực dân, đế quốc và mọi hình thức áp bức, dân tộc.*

Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 thắng lợi, non sông thu về một dải, cả nước bắt tay vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với vô vàn khó khăn, thử thách: thành phố, làng mạc, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, nền kinh tế bị kiệt quệ sau hơn 30 năm chiến tranh khốc liệt; biên giới phía Tây Nam, biên giới phía Bắc đều bị xâm phạm, phá hoại; các quốc gia thù địch bao vây, cấm vận. Đặc biệt, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bị chia rẽ, suy yếu và đi đến sụp đổ năm 1991 đã đặt Việt Nam vào hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt. Nhưng chính trong hoàn cảnh khó khăn tưởng như không có đường ra ấy, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới, mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ của đất nước. Công cuộc đổi mới bắt đầu bằng “đổi mới tư duy”, tức là *đổi mới về phương pháp tiếp cận* trong nhận thức lý luận: *Nhìn thắng vào sự thật; dựa vào dân, coi trọng sáng kiến của nhân dân; coi trọng tổng kết thực tiễn; vượt qua những định kiến và sự bảo thủ trong nhận thức, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin trên cơ sở kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.* Dựa trên sự đổi mới về phương pháp ấy, Đảng đã nhìn nhận, đánh giá lại một cách toàn diện những bài học kinh nghiệm của các mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực trên thế giới cũng như của nước ta trong thời kỳ trước đổi mới. Đó cũng là cơ sở để Đảng ta trở lại với những quan điểm quan trọng của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lenin về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhận thức ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn về tính chất, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh xây dựng*

*đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ ra rằng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là “một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”<sup>1</sup>. Nhận thức lý luận ấy cùng với thực tế sinh động của đất nước chính là cơ sở để Đảng ta xác định mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tám đặc trưng: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>2</sup>.*

Thành tựu lý luận của Đảng ta trong nhận thức về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa không tách rời việc xác định *hệ mục tiêu* với những giá trị cơ bản, quan trọng nhất mà Việt Nam hướng tới là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Để thực hiện được hệ mục tiêu đó, Đảng ta đã chỉ ra yêu cầu nắn vững và giải quyết đúng đắn chín mối quan

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

hệ lớn, như là điều kiện cần thiết, đảm bảo thành công. Đó là, quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới về chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

## **2. Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* là vấn đề đầu tiên, có ý nghĩa như phương thức quan trọng hàng đầu để hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở những bài học thực tế của đất nước, những kinh nghiệm quốc tế và những thành tựu nghiên cứu lý luận nói chung, Đảng ta đã hình thành hệ thống lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đề ra mục tiêu, nội dung và phương pháp tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với điều kiện Việt Nam, bối cảnh thời đại và tuân theo quy luật chung của thế giới. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức và yêu cầu phát triển bền vững; xây dựng cơ cấu hợp lý đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, khu vực; xây dựng nền kinh tế tự chủ, hội nhập quốc tế, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực phát triển đất nước.

*Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* được hình thành trong thời kỳ đổi mới bắt đầu từ Đại hội lần thứ VI và được Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ hơn. Đó là “nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>1</sup>.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn liền với đặc trưng về kinh tế trong mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, trong đó xác định: “Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”<sup>2</sup>. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại, phát triển, cạnh tranh bình đẳng, hợp tác cùng phát triển theo pháp luật, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nhà nước khuyến khích mọi người dân làm giàu hợp pháp. Phân phối được thực hiện chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác. Nhà nước phát triển hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội để bảo đảm công bằng và đời sống bền vững cho nhân dân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.30.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, t.68, tr.695.

Vượt qua những hạn chế, sai lầm của nền kinh tế kế hoạch hóa, quan liêu, bao cấp thời kỳ trước đổi mới, nhận thức lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự phát triển đầy sáng tạo, một thành tựu lý luận có ý nghĩa rất to lớn của Đảng ta. Đây chính là cơ sở, điều kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần mang lại sự phát triển liên tục, mạnh mẽ của nền kinh tế nước ta trong mấy thập niên vừa qua.

### **3. Về văn hóa, xã hội và con người**

*Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* là một đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa được Đảng ta xác định từ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991*, một mục tiêu đặt ra để xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam. Nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa là sự phát triển nhất quán từ luận điểm về các đặc trưng *dân tộc, khoa học, đại chúng* được đặt ra trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* từ năm 1943. Trong quá trình cách mạng, nhất là trong đổi mới, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội và trong xây dựng, phát triển đất nước. Văn hóa được xác định là “nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”<sup>1</sup>. Mục tiêu phát triển văn hóa chính là nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì hạnh phúc và lợi ích chân chính của nhân dân, vì sự phát triển tự do và toàn diện của con người. Để thực hiện được mục đích ấy,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.75-76.

Đảng chủ trương kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của các dân tộc trên thế giới; phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; phát triển nền báo chí, truyền thông tự do, hiện đại, phục vụ có hiệu quả cho nhu cầu ngày càng phong phú của nhân dân, cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh.

Trong quá trình đổi mới, *nhận thức lý luận của Đảng về con người* được bổ sung, hoàn thiện sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. Con người được Đảng xác định là “trung tâm của chiến lược phát triển”<sup>1</sup>, đồng thời là chủ thể phát triển, là mục tiêu quyết định duy nhất của phát triển, đồng thời cũng là động lực quan trọng nhất của phát triển. Con người có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó với văn hóa; sự phát triển văn hóa không ngoài mục đích hoàn thiện nhân cách, nâng cao phẩm giá, thúc đẩy sự phát triển toàn diện chân, thiện, mỹ và đảm bảo hạnh phúc của con người. Để xây dựng, phát triển con người, Đảng chỉ ra yêu cầu “Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư”<sup>2</sup>. Nói cách khác, cần phải tạo lập một môi trường xã hội văn hóa, văn minh, đồng bộ, toàn diện, đảm bảo cho những tác động tích cực nhằm giáo dục, dẫn dắt, bồi đắp những tình cảm, lối sống tốt đẹp cho con người, ngăn chặn những tác động tiêu cực, những yếu tố ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của mỗi con người, mỗi công dân.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.507, 443.

Đảng đã phát triển những *cơ sở lý luận cho việc giải quyết những vấn đề xã hội*. Xuất phát từ nhận thức về mục tiêu của cuộc cách mạng và bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng chủ trương “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”<sup>1</sup> trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Yêu cầu “tiến bộ và công bằng” được triển khai bao quát toàn diện các lĩnh vực xã hội, từ giáo dục; y tế; gia đình; môi trường; xóa đói, giảm nghèo; đến an sinh, phúc lợi xã hội; thể dục thể thao; văn hóa giải trí; trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm quyền con người; phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Nhà nước giữ vai trò trung tâm, đồng thời động viên mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia việc giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo cho mọi người dân được thụ hưởng xứng đáng, công bằng những thành tựu của phát triển, đổi mới, tạo lập một xã hội văn minh, hài hòa, mang lại hạnh phúc ngày càng nhiều hơn cho nhân dân.

#### 4. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Trong thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước, hệ thống lý luận của Đảng về quân sự, an ninh đã được phát triển phong phú, là cơ sở cho việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng với ba thứ quân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân toàn diện, làm nên những chiến công “chấn động địa cầu”. Trong điều kiện mới, khi mà hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn nữa, bối cảnh chung của thế giới đã có những thay đổi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.184.

sâu sắc, Đảng ta đã có những đổi mới, sáng tạo trong nhận thức lý luận về tính chất, đặc điểm của hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia. Đặc biệt, quan điểm về đối tác, đối tượng là một nhận thức mới, phù hợp với tình hình thế giới với những mối quan hệ chính trị, lợi ích phức tạp, trong đó chỉ rõ, những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Trên cơ sở nhận thức lý luận ấy, Đảng xác định việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là *nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên*, trong đó, mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: “kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”<sup>1</sup>.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu của quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Đảng chủ trương tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh; xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Để bảo đảm nền tảng vững chắc cho quốc phòng, an ninh, Đảng chủ trương phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.147-148.

tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh. Về xây dựng lực lượng, Đảng chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; kết hợp giữa xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, có sức chiến đấu cao với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, lực lượng an ninh bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật và phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội<sup>1</sup>.

Về lĩnh vực đối ngoại, đường lối nhất quán của Đảng ta là *độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh*. Trong điều kiện thế giới đã có nhiều thay đổi, sự phát triển mới trong đường lối đối ngoại của Đảng ta chính là chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Đường lối đối ngoại xây dựng trên cơ sở những đổi mới, sáng tạo trong nhận thức lý luận của Đảng thời gian qua đã mở ra điều kiện thuận lợi để đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mở mang quan hệ ngoại giao, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, chặt lọc tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại,

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.82-83.

góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **5. Về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

Trong quá trình đổi mới, *nhận thức của Đảng ta về dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phát triển ngày càng đầy đủ và toàn diện*. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng nhấn mạnh: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước*”<sup>1</sup>. Từ nhận thức ấy, Đảng xác định phải từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo dân chủ được thực thi một cách toàn diện, đầy đủ trong thực tế cuộc sống; dân chủ đồng thời gắn với kỷ luật, kỷ cương xã hội và phải được thể chế hóa và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật. Nhà nước có trách nhiệm *bảo đảm các quyền con người, bảo đảm cho cuộc sống hạnh phúc và sự phát triển tự do của mỗi người dân*. Nhân dân là chủ và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua hoạt động của Nhà nước, hệ thống chính trị với các hình thức gián tiếp và trực tiếp. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trở thành nền tảng vững chắc cho sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đảng chủ trương phát huy vai trò, sức mạnh của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng Đảng,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.84-85.

Nhà nước, giáo dục đạo đức cách mạng, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Trên cơ sở những nguyên lý xây dựng đảng vô sản kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, bối cảnh chung của thế giới và đặc điểm cụ thể của Việt Nam, *Đảng ta đã có những phát triển sáng tạo lý luận có ý nghĩa quan trọng về xây dựng Đảng*, trong đó, vấn đề đầu tiên là nhận thức về tính chất của Đảng. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định: “*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản*”<sup>1</sup>. Trong nhận thức mới về tính chất của Đảng, sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện lý tưởng cách mạng nhất quán theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam; tính chất đại diện rộng rãi cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc phù hợp với bối cảnh của thời kỳ quá độ và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đồng thời thể hiện tính dân chủ, nhân văn của một chính đảng cách mạng gắn bó máu thịt với nhân dân, với dân tộc. Đến lượt mình, nhận thức về tính chất của Đảng trở thành cơ sở cho Đảng đề ra và tổ chức thực hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.88.

những chủ trương, giải pháp nhằm không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách toàn diện về tư tưởng, chính trị, tổ chức, và đạo đức nhằm đáp ứng với yêu cầu của Đảng lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới.

*Từ nhận thức về nhà nước chuyên chính vô sản đến nhận thức về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là bước phát triển lý luận đầy sáng tạo, vừa đảm bảo sự kiên định mục tiêu của cách mạng, phù hợp với những điều kiện, yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vừa kế thừa hợp lý thành tựu phát triển nhận thức của nhân loại về nhà nước trong lịch sử lâu dài, cho phép tiếp thu được những kinh nghiệm thực tế về xây dựng, quản lý nhà nước của các quốc gia trong thế giới hiện đại. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan trong thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ và hoàn thiện. Đặc biệt, Đảng nhấn mạnh mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân, yêu cầu trách nhiệm của Nhà nước với nhân dân: “Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lăng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của*

công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”<sup>1</sup>.

\*

\* \* \*

Theo chỉ dẫn của V.I. Lênin được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và nhấn mạnh: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất coi trọng và không ngừng nâng cao nhận thức lý luận, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc hoạch định các chủ trương, đường lối, tổ chức lực lượng cách mạng, chỉ đạo các hoạt động thực tiễn, thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Đây chính là một vấn đề có tính quy luật, một trong những bài học quan trọng, điều kiện hàng đầu, không thể thiếu của những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước hơn 30 năm qua không nằm ngoài tính quy luật ấy. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc là lôgich tất yếu, hệ quả không tách rời những thành tựu của Đảng trong đổi mới nhận thức lý luận, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tính chất, đặc điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.86.

## **KHÔNG NGỪNG RÈN LUYỆN, NÂNG CAO BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ - MỘT NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HÀ\*

**S**ự thành công của một đảng chính trị phụ thuộc vào nhiều nhân tố chủ yếu: Đảng phải có nền tảng lý luận vững chắc của hệ tư tưởng giai cấp tiên tiến; có đường lối khoa học, đúng đắn; có hệ thống tổ chức chặt chẽ, vững chắc; có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu; được quần chúng ủng hộ, biết tập hợp, phát huy sức mạnh của quần chúng; có đội ngũ đảng viên đủ mạnh để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra... Bên cạnh đó, với tư cách là một đảng chính trị, thì còn một nhân tố cũng có ý nghĩa quyết định đến thành bại của Đảng, đó chính là bản lĩnh chính trị.

Bản lĩnh chính trị chính là nhân tố tổng hợp của lập trường chính trị, phẩm chất chính trị, năng lực chính trị, dũng khí chính trị. Bản lĩnh chính trị thể hiện ở sự vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; quyết tâm phấn đấu, vượt mọi thử thách mà cuộc sống đặt ra để đạt được mục tiêu đã định sẵn.

---

\* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bản lĩnh chính trị thường chỉ lộ diện rõ ràng ở các bước ngoặt lịch sử, trong các tình huống mang tính hiểm nghèo mà đảng chính trị gặp phải.

Với Đảng Cộng sản Việt Nam, bản lĩnh chính trị của Đảng được thể hiện trên nhiều phương diện: kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì thực hiện mục tiêu và chiến lược đã định trong mọi tình thế; chủ động, sáng tạo hoạch định chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn, quyết tâm tổ chức thực hiện thành công các nhiệm vụ cách mạng; tập hợp đồng đảo, tổ chức chặt chẽ và phát huy cao độ sức mạnh của các lực lượng cách mạng; đấu tranh trường kỳ, gian khổ và sáng tạo trước kẻ thù; nhận diện đúng và dũng cảm vượt lên những sai lầm, khuyết điểm;... Bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện rõ nhất trong những hoàn cảnh lịch sử hết sức khó khăn, hiểm nghèo, tưởng chừng khó có thể vượt qua. Chín mươi năm qua đã nhiều lần tình huống như vậy xuất hiện:

- Ngay khi ra đời, Đảng lập tức lãnh đạo nhân dân tiến hành cao trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Đế quốc Pháp và tay sai đã thảng tay khủng bố phong trào cách mạng. Hàng vạn chiến sĩ cộng sản và quần chúng yêu nước đã bị bắt, tù đày và giết hại, trong đó có cả đồng chí Tổng Bí thư của Đảng. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị thực dân Anh cấu kết với thực dân Pháp bắt giam ở Hồng Công. Hệ thống tổ chức của Đảng bị phá vỡ nghiêm trọng. Trong hoàn cảnh đó, đa số đảng viên của Đảng vẫn giữ vững khí tiết người cộng sản. Nhiều tổ chức đảng và đảng viên vẫn kiên cường bám trụ hoạt động, tiếp tục lãnh đạo phong trào. Các đảng viên bị kẻ địch giam cầm đã biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng, tiếp tục học tập, đấu tranh bảo

vệ và tuyên truyền đường lối của Đảng. Năm 1932, “Chương trình hành động” được công bố. Tháng 3/1935, Đảng tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I, cơ quan lãnh đạo trung ương được khôi phục, tạo điều kiện khôi phục hệ thống tổ chức đảng ở địa phương, quy tụ các phong trào, các tổ chức hoạt động phân tán trong toàn quốc, tạo điều kiện để đưa cách mạng bước vào một giai đoạn mới. Cuộc đấu tranh đã thể hiện rõ bản lĩnh của Đảng ta trước một thử thách nghiêm trọng đối với sự tồn vong của Đảng, ngay trong những năm tháng đầu tiên vừa thành lập khi lực lượng và tổ chức chưa được củng cố vững chắc, chưa tích luỹ được nhiều kinh nghiệm đấu tranh. Nếu so sánh với một số đảng cộng sản khác trên thế giới trong hoàn cảnh tương tự đã không thể trụ vững và phục hồi, mới thấy rõ sức sống, bản lĩnh của Đảng ta thời điểm đó.

- Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp thủ tiêu các quyền lợi dân chủ mà nhân dân ta vừa giành được trước đó, ra sức khủng bố phong trào và tổ chức cách mạng. Hội nghị Trung ương lần thứ sáu tháng 11/1939 kịp thời phân tích tình hình và bắt đầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập trung vào nhiệm vụ dân tộc giải phóng. Chủ trương này chứng minh sự trưởng thành trong nhận thức các quy luật khách quan, bản lĩnh vững vàng và tinh thần chủ động, sáng tạo của Trung ương Đảng. Khi phát xít Nhật vào Đông Dương, nhân dân ta chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Nhiều đảng viên lần lượt ngã xuống trong các cuộc tranh đấu, trong đó có cả Tổng bí thư, 2 nguyên Tổng bí thư, một số Thường vụ Trung ương. Hàng ngàn đảng viên, trong đó có nhiều lãnh đạo cao cấp của Đảng bị địch bắt, tù đày. Đảng vẫn kiên cường chuẩn bị các điều kiện, để khi thời cơ cách

mạng xuất hiện, với vài nghìn đảng viên đang hoạt động, Đảng chủ động lãnh đạo nhân dân tiến hành thành công, nhanh chóng và ít đổ máu cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, khôi phục nền độc lập.

- Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong hoàn cảnh vừa giành được chính quyền, chưa có kinh nghiệm cầm quyền, chưa trực tiếp nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em, Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh với “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, bản lĩnh của Đảng đã thể hiện rõ trong việc lãnh đạo công cuộc kháng chiến và kiến quốc; vừa kiên quyết giữ vững nguyên tắc và đường lối chiến lược, vừa mềm dẻo về sách lược trong đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Nhờ vậy, nội lực cách mạng được tăng cường về mọi mặt, các thế lực phản động bị trấn áp, một số kẻ thù bên ngoài bị đẩy lùi, tạo điều kiện để lực lượng cách mạng tập trung đấu tranh vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Từ hoàn cảnh phải tuyên bố “tự giải tán”, thực chất là rút vào hoạt động bí mật sau trong một thời gian ngắn ra hoạt động công khai, Đảng vẫn không ngừng lớn mạnh về tổ chức và đội ngũ đảng viên, vững vàng lãnh đạo cách mạng toàn quốc, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để cả nước chủ động tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân chống thực dân Pháp xâm lược.

Chủ động hòa hoãn với Pháp để kéo dài thời gian hòa bình cần thiết chuẩn bị những điều kiện bảo đảm thắng lợi trong cuộc chiến khó có thể tránh khỏi, nhưng khi giới hạn cuối cùng của sự nhẫn nhượng đã tới, ngày 19/12/1946, Đảng kiên quyết, chủ động phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, không để bị đẩy qua ranh giới giữa nhân nhượng có nguyên tắc và sự đầu hàng. Đây là

một quyết định hết sức đúng đắn và kịp thời, thể hiện sự bình tĩnh, tự tin và chủ động của Đảng. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>1</sup>, Đảng sớm hoạch định được đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối trên đã xử lý đúng đắn mối quan hệ dân tộc và giai cấp, giữa chiến tranh và cách mạng, giữa dân tộc và quốc tế; không rập khuôn, giáo điều và không ngừng được bổ sung, phát triển tại các thời điểm quan trọng, tạo ra những bước chuyển lớn, đưa kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Từ giữa thập niên 50 đến đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp: đế quốc Mỹ tiến hành xâm lược miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta; Đảng mắc phải sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ở cơ sở nông thôn; giữa một số nước xã hội chủ nghĩa có những bất đồng. Trong hoàn cảnh đó, bản lĩnh của Đảng lại được khẳng định khi dũng cảm thừa nhận sai lầm, kiên quyết sửa sai trong cải cách ruộng đất. Đảng xác định đường lối tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam phải đương đầu với đế quốc Mỹ, một kẻ thù lớn mạnh, đã gây cho cách mạng miền Nam những tổn thất to lớn. Trong tình thế đó, Đảng xác định rõ phải sử dụng bạo lực cách mạng để chiến đấu và chiến thắng bạo lực phản cách mạng, bằng Đồng khởi để chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.160.

thế tiến công; từng bước đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, và khi tình thế cách mạng xuất hiện thì với tinh thần “một ngày bằng 20 năm”<sup>1</sup> lãnh đạo toàn dân làm nên thắng lợi lịch sử mùa xuân năm 1975, giành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Từ cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, cũng như những nước khác trong hệ thống xã hội chủ nghĩa khi đó, Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong khi các đảng cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô lãnh đạo công cuộc cải tổ không thành công, lâm vào ngõ cụt, chêch hướng xã hội chủ nghĩa và hậu quả là mất quyền lãnh đạo, thì Đảng ta, với bản lĩnh chính trị vững vàng, dám nhìn thẳng vào sự thật, đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước từ giữa thập niên 1980, từng bước hình thành tư duy mới, quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở đất nước ta.

Sau Đại hội lần thứ VI năm 1986, cách mạng lại phải đổi mới với những khó khăn, thách thức tưởng chừng không thể vượt qua. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng. Việt Nam không còn sự ủng hộ truyền thống, lại chịu sự bao vây, cấm vận, chống phá của các thế lực thù địch. Lúc này trong Đảng và ngoài xã hội xuất hiện nhiều luồng tư tưởng khác nhau, thậm chí đổi lập nhau về đổi mới hay không đổi mới, đổi mới bằng con đường nào... Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (năm 1989) đề ra nguyên tắc cơ bản bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Những nguyên tắc này

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.32, tr.386.

thể hiện rõ sự vững vàng, bản lĩnh chính trị và sự nhạy cảm chính trị của Đảng trước những diễn biến rất phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới thành công, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, bảo vệ và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Cuối thập niên 80 và những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trong khi công cuộc đổi mới đạt một số kết quả bước đầu, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt thì cũng là lúc mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô, tác động toàn diện và mạnh mẽ đến cách mạng nước ta. Đại hội lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) khẳng định kiên trì con đường đi lên xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng và thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, bằng những chủ trương kịp thời và chính xác, Đảng đã bình tĩnh và kiên quyết lãnh đạo nhân dân giữ vững ổn định chính trị, vượt qua những thử thách gay gắt do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước gây ra. Từ thực tiễn công cuộc đổi mới và nắm bắt sâu sắc lý luận, Đại hội lần thứ XI của Đảng (năm 2011) bổ sung, phát triển *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, làm sáng rõ hơn nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam.

Cuối năm 2008, thế giới diễn ra khủng hoảng tài chính dẫn tới suy thoái tài chính - kinh tế toàn cầu. Ở nước ta, lạm phát gia tăng, giá cả leo thang. Trước những khó khăn, thách thức mới, Đảng kịp thời đưa ra những chủ trương, giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động

phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, nâng cao chất lượng nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bản lĩnh, trí tuệ của Đảng còn được thể hiện ở thái độ dám thừa nhận và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đã có lúc do ấu trĩ, nóng vội, “tả” khuynh, dẫn đến việc Đảng phạm sai lầm, khuyết điểm; trong điều kiện đảng cầm quyền, từng xuất hiện một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, không nỗ lực tu dưỡng đạo đức cách mạng, làm ảnh hưởng đến sức mạnh của Đảng và lòng tin của quần chúng với Đảng; do sự chống phá của các thế lực thù địch, có những cán bộ, đảng viên lười học tập lý luận nên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, thiếu bản lĩnh chính trị và sức chiến đấu. Thực tế đã chứng minh, trước những sai lầm, khuyết điểm, Đảng đã thẳng thắn nhận sai lầm, khuyết điểm về mình, nghiêm túc tự phê bình về khuyết điểm của mình, kiên quyết sửa chữa và sửa chữa thành công. Đảng ta đã từng “tự chỉ trích”, “tự chỉnh đốn”, thường xuyên “sửa đổi lỗi làm việc”, đồng thời thực hiện “xây” và “chống”, “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”.... Đây là bản lĩnh chính trị của tinh thần vượt lên chính mình, kiên quyết tẩy bỏ những gì đã thoái hóa, đổi mới chính mình để giữ vững sứ mệnh tiên phong.

Như vậy, nhờ có bản lĩnh chính trị vững vàng mà Đảng ta đã vượt qua những thách thức tưởng chừng không thể vượt qua, và thực tế là có những đảng cộng sản đã không thể vượt qua trong những hoàn cảnh tương tự; Đảng đã mạnh dạn

tiến hành thành công cả những việc chưa có tiền lệ. Có bản lĩnh chính trị vững vàng nên Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, trong bối cảnh càng khó khăn, Đảng càng kiên trì, quyết liệt hành động; tình hình càng biến động phức tạp, Đảng càng giữ vững nguyên tắc, chèo lái con thuyền cách mạng đến thành công.

Bản lĩnh chính trị thường là kết quả của một quá trình dài trải nghiệm, nhưng với Đảng ta, bản lĩnh chính trị sớm được định hình và không ngừng được nâng cao. Bản lĩnh ấy bắt nguồn ở chỗ Đảng là sản phẩm sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba nhân tố: chủ nghĩa Mác - Lê nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đảng được lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin soi đường; Đảng luôn vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, đồng thời lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đảng mang trong mình tố chất của giai cấp công nhân và không ngừng tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đặc biệt, Đảng Cộng sản Việt Nam còn hấp thụ một cách trực tiếp những giá trị của dân tộc, mà giá trị chủ đạo là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam; Đảng ta có chiêu sâu sức mạnh từ trong lịch sử hàng ngàn năm của một dân tộc kiên cường, đồng thời quy tụ được sức mạnh của toàn thể nhân dân thuộc tất cả các giai tầng yêu nước, có chung mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Có được bản lĩnh chính trị vững vàng còn xuất phát từ việc Đảng luôn nhận thức được sứ mệnh của mình với giai cấp, với nhân dân, với đất nước - mà nếu không giữ vững, nâng cao bản lĩnh chính trị thì không thể đảm đương được sứ mệnh đó.

Đảng ta có được bản lĩnh chính trị vững vàng bởi trong mọi hoàn cảnh Đảng luôn vững tin vào sự đúng đắn, tính khoa học, tinh thần “bách chiến bách thắng” của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang từng bước được hiện thực hóa trong mọi mặt của đời sống xã hội, dù đã trải qua nhiều thăng trầm, khó khăn, thách thức; bởi Đảng luôn vững tin ở sức mạnh của nhân dân, sẵn sàng đấu tranh gian khổ vì quyền lợi của nhân dân và biết cách tập hợp, phát huy sức mạnh của nhân dân.

Có được bản lĩnh vững vàng còn nhờ Đảng không ngừng rèn luyện ý chí cách mạng, tinh thần đấu tranh, cung cố và đổi mới tổ chức, tăng cường khôi đoàn kết thống nhất trong Đảng và khôi đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua các chặng đường cách mạng, Đảng kịp thời và nghiêm túc đúc kết kinh nghiệm, qua đó rèn luyện bản lĩnh và ý chí cách mạng cho đảng viên và quần chúng, tạo sự chủ động trước các tình huống mới, sẵn sàng đối mặt với những thách thức mới. Bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng còn biểu hiện và có nguyên nhân từ việc Đảng luôn quan tâm tự đổi mới và chỉnh đốn, nghiêm túc nhìn nhận và kiên quyết đấu tranh với những tồn tại, hạn chế trong hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối; kiên trì đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Qua đó Đảng không ngừng tự hoàn thiện mình, tăng cường sự trong sạch và vững mạnh của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo đầy bản lĩnh và sáng tạo của Đảng đã thu được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đang nỗ lực đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mạnh mẽ, mở ra nhiều vận hội to lớn. Tuy vậy, Đảng và nhân dân ta vẫn đang phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức không nhỏ, khó lường. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội còn lâu dài và gian truân với nhiều khó khăn, thách thức. Có những vấn đề phát sinh từ chính sự phát triển. Có nguy cơ đang rình rập từ bên ngoài. Có nguy cơ nảy sinh ngay từ bên trong. Trước hết là nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, sự phai nhạt bản lĩnh chính trị, lập trường quan điểm, vi phạm đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang tiến hành có biểu hiện phát triển thiếu tính bền vững. Quốc phòng, an ninh vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn định, đặc biệt là trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Các thế lực thù địch vẫn chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta một cách quyết liệt, bằng nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi, nham hiểm. Những nguy cơ đó tiếp tục là thử thách đối với bản lĩnh của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu rõ: “Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào”<sup>1</sup>; và “Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức”<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.46.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018, tr.68.

Về bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ hiện nay, Đảng nhận định: “Nhìn chung, đội ngũ cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, trình độ, năng lực được nâng lên, phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín. Cán bộ cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện”<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, Đảng cũng thẳng thắn nhận: “Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm...”<sup>2</sup>.

Bản lĩnh chính trị của Đảng được hợp thành từ bản lĩnh chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là của đội ngũ

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.45, 47.

cán bộ cấp chiến lược. Bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên là tổng hợp các phẩm chất đạt đến trình độ có thể tự quyết định một cách độc lập, sáng tạo, làm chủ hành vi chính trị của mình trước những bước ngoặt và tình huống phức tạp về chính trị, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao. Bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên biểu hiện ở các phương diện: sự vững vàng, kiên định và nhạy cảm trước những biến động chính trị - xã hội; tích cực tham gia vào các quá trình chính trị - xã hội trên cương vị, chức trách được giao; giải quyết chính xác, nhanh chóng và có hiệu quả những vấn đề nảy sinh ở cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền. Khi mỗi đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, luôn thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình, có tinh thần vững vàng, niềm tin chắc chắn và sự kiên định thì “phú quý không dụ dỗ được ta, nghèo khổ không lay động được ta, oai lực không dọa nạt được ta”. Mà khó khăn gì chúng ta cũng vượt qua được, việc gì chúng ta cũng làm được”<sup>1</sup>.

\*

\* \* \*

Nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng, nhìn lại những thử thách khắc nghiệt trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng, chúng ta tin rằng với bản lĩnh vững vàng của một Đảng cách mạng, được toàn dân ủng hộ, nhất định Đảng ta sẽ vững tay chèo đưa dân tộc đến đích cuối cùng là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.538.

# **VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

PGS.TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC\*

## **1. Quá trình và cơ sở hoạch định đường lối đổi mới**

Đại thắng mùa xuân giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước ngày 30/4/1975 đã mở ra thời kỳ mới cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đất nước có những thuận lợi rất căn bản: chế độ chính trị vững mạnh do Đảng lãnh đạo với một Nhà nước thống nhất; với đất nước thống nhất 45 triệu dân, phát huy được tiềm năng, thế mạnh và sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc; nhân dân phấn khởi, hăng hái xây dựng lại đất nước và cuộc sống mới trong độc lập, tự do; Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam, nhất là tháng 6/1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV).

Nhưng những khó khăn cũng rất nặng nề: hậu quả về kinh tế, xã hội của 30 năm chiến tranh không sớm được khắc phục; các thế lực phản động phá hoại gây mất ổn định, nhất là sự chống phá kéo dài của tổ chức Fulro ở Tây Nguyên;

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Mỹ siết chặt cấm vận mặc dù Việt Nam đã là thành viên Liên hợp quốc tháng 9/1977; chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam diễn ra ác liệt, Việt Nam vừa phải tự vệ, vừa phải thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng và giúp bạn hồi sinh đất nước. Trung Quốc gây căng thẳng trong quan hệ với Việt Nam, năm 1978 cắt hoàn toàn viện trợ, rút hết chuyên gia, từ ngày 17/02 đến ngày 18/3/1979 huy động 60 vạn quân tiến công xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, và kéo dài hành động quân sự trong nhiều năm sau đó.

Hoàn cảnh khách quan khó khăn kể trên cùng với sai lầm, khuyết điểm trong cơ chế, chính sách kinh tế đã dẫn tới cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam kém hiệu quả, sản xuất suy giảm, nông nghiệp phấn đấu năm 1980 đạt 21 triệu tấn lương thực mới tự cân đối được nhưng chỉ đạt 14 triệu tấn, công nghiệp thiếu nguyên liệu, năng lượng, khan hiếm hàng tiêu dùng, lưu thông hàng hóa ách tắc và bị chia cắt giữa các vùng, lạm phát cao ở mức ba con số, đời sống nhân dân rất khó khăn. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Tìm cách thức, cơ chế quản lý có hiệu quả trở thành yêu cầu bức thiết. Ở một số địa phương và nhà máy, xí nghiệp đã xuất hiện cách làm mới. Năm bắt thực tiễn đó, Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (tháng 8/1979) đã chủ trương khuyến khích mọi người lao động, các thành phần kinh tế phát huy sáng kiến, năng lực sản xuất, tận dụng tư liệu sản xuất làm ra nhiều của cải vật chất, làm cho sản xuất “bung ra”, điều chỉnh các giải pháp quản lý thị trường, thúc đẩy lưu thông hàng hóa. Đó là bước đột phá đầu tiên của quá trình tìm đường đổi mới. Hội nghị nông nghiệp toàn quốc họp ở

Hải Phòng năm 1980 chú trọng tổng kết kinh nghiệm khoán sản phẩm ở Hợp tác xã Đoàn Xá, Đồ Sơn và một số nơi khác thấy rõ tính hiệu quả của cách quản lý mới. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp trên cả nước tạo ra sự bứt phá của sản xuất nông nghiệp. Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP và số 26-CP (ngày 21/01/1981) khuyến khích các đơn vị kinh tế quốc doanh khoán sản phẩm và thực hiện ba kế hoạch bảo đảm lợi ích của người lao động, của đơn vị kinh tế và của Nhà nước, chú trọng tiền lương và tiền thưởng. Lợi ích kinh tế trở thành động lực cho sự phát triển. Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) đề ra nhiệm vụ của chặng đường đầu tiên, điều chỉnh nhận thức về thời kỳ quá độ. Ngày 26/4/1982, Trung ương có thông báo về việc phân công các đồng chí trong Bộ Chính trị, trong đó nêu rõ: “Đồng chí Trường Chinh: chủ trì công tác của Bộ Chính trị khi đồng chí Lê Duẩn đi vắng”<sup>1</sup>. Một cuộc làm việc của Bộ Chính trị do đồng chí Trường Chinh chủ trì từ ngày 12 đến ngày 19/7/1983 tại Đà Lạt với sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng, Thường trực Ban Bí thư Võ Chí Công và nghe báo cáo về chủ trương và giải pháp của Thành phố Hồ Chí Minh do Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh trình bày với kinh nghiệm, cách làm mới của nhiều doanh nghiệp. Hướng đi mới đã ngày càng rõ hơn.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.43, tr.426.

Hội nghị Trung ương 6 và 7 khóa V diễn ra trong năm 1984 đã thảo luận và tranh luận nhiều vấn đề mới về kinh tế, xã hội vẫn xoay quanh chính sách và cơ chế quản lý. Đồng chí Trường Chinh đã phát biểu để làm rõ nhận thức. Hội nghị Trung ương 8 khóa V (tháng 6/1985) đã quyết định xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy giá - lương - tiền làm khâu đột phá. Đó là bước đột phá thứ hai rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền tháng 9/1985 lại phạm sai lầm khi sử dụng biện pháp hành chính để chuyển đổi cơ chế quản lý mà lẽ ra phải bằng biện pháp kinh tế để lạm phát xảy ra, đồng tiền bị mất giá. Hội nghị Trung ương 10 khóa V (1986) quyết tâm sửa chữa. Ngày 10/7/1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn qua đời, ngày 14/7, đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư. Kết luận của Bộ Chính trị tháng 8/1986 là bước đột phá thứ ba với những quyết định mới để trực tiếp hoàn tất Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) là sự kiện lịch sử đặc biệt quyết định đường lối đổi mới toàn diện mà nhiệm vụ trọng tâm là đổi mới chính sách kinh tế, dứt khoát xóa bỏ cơ chế cũ, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, coi đó là một đặc trưng của suốt thời kỳ quá độ. Gắn liền với đổi mới kinh tế là đổi mới chính sách xã hội, chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; đổi mới nội dung, phong cách lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý điều hành của Nhà nước; đổi mới chính sách đối ngoại, chú trọng mở rộng quan hệ với các nước không phải khối xã hội chủ

nghĩa, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, bình thường hóa quan hệ với các nước lớn đã từng đối đầu; tăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ VI đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư. Văn kiện Đại hội lần thứ VI kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, đường lối đổi mới được hoạch định trên những cơ sở quan trọng:

*Đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của C. Mác, V.I. Lenin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những đặc điểm, đặc trưng và quy luật khách quan.* Kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng. Các quy luật cần được nhận thức lại cho đúng, nhất là quy luật về quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đại hội lần thứ VI nêu rõ các bài học trong lãnh đạo của Đảng và nhấn mạnh: “**Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.** Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”<sup>1</sup>.

*Tổng kết và khảo nghiệm thực tiễn, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, nêu rõ “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”<sup>2</sup>.* Kiên quyết khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan, vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, vừa “tả”

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.363, 360.

khuynh, vừa hữu khuynh cản trở bước tiến của cách mạng. Vói tinh thần đó, các mô hình và cách thức mới mang lại hiệu quả được khẳng định và các mặt yếu kém không phù hợp được khắc phục. Khắc phục bệnh quan liêu, xa rời thực tế, đổi mới phong cách làm việc.

*Lắng nghe ý kiến của nhân dân, chính nguyện vọng, ý kiến, sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc của đường lối đổi mới.* Đảng nhấn mạnh bài học “lấy dân làm gốc” là với ý nghĩa đó. Đổi mới trở thành vấn đề sống còn, yêu cầu bức thiết của cuộc sống như Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã nhấn mạnh.

## 2. Lãnh đạo, chỉ đạo hiện thực hóa đường lối

Đảng lãnh đạo trước hết bằng Cương lĩnh, đường lối và không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối cho phù hợp với hoàn cảnh mới của từng giai đoạn. Sau Đại hội lần thứ VI (tháng 12/1986), Đảng không ngừng phát triển đường lối đổi mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm đổi mới toàn diện, đồng bộ mang lại hiệu quả thiết thực. Đổi mới phải bảo đảm mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* tại Đại hội lần thứ VII (tháng 6/1991) và từ thực tiễn đổi mới Cương lĩnh được bổ sung, phát triển tại Đại hội lần thứ XI (tháng 01/2011). Cương lĩnh được cụ thể hóa và thể chế hóa trong từng lĩnh vực và từng bước đi của công cuộc đổi mới, và mọi vấn đề đổi mới đều tuân thủ định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lãnh đạo sự nghiệp đổi mới là chặng đường lâu dài của tiến trình cách mạng. Đổi mới tức là cách mạng, bởi cách mạng là thay cái cũ bằng cái mới. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Dường kách mệnh* (1927) đã nêu rõ: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”<sup>1</sup>. Đổi mới là quá trình cách mạng không ngừng để đi đến cái tốt tươi, loại bỏ những gì cũ kỹ, lạc hậu, hư hỏng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trong *Di chúc*. Với ý nghĩa lớn lao của công cuộc đổi mới, Trung ương Đảng đã sớm đề ra *những nguyên tắc chỉ đạo đổi mới*. Các nguyên tắc đó là: Đổi mới không phải là xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt, có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và giải pháp thích hợp. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện mới. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, kiên quyết bác bỏ đa nguyên chính trị và chế độ đa đảng. Xây dựng và thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhưng dân chủ phải gắn liền với tập trung, với kỷ cương, kỷ luật, pháp luật, với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân và dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo trên cơ sở phát huy dân chủ. Kết hợp nguồn lực trong nước và nguồn lực bên ngoài, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Các nguyên tắc trên đây cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị trong lãnh đạo, trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.284.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu:

*Đổi mới triệt để cơ chế quản lý và các chính sách kinh tế.* Điểm căn bản là chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, hành chính, bao cấp, kinh tế hiện vật, khép kín sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (gọi tắt là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa). Đại hội lần thứ VI xác định 5 thành phần kinh tế cùng phát triển bình đẳng trước pháp luật: kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể); kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp ở vùng núi cao (Tây Bắc, Tây Nguyên). Các thành phần kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường và có sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước thông qua hệ thống chính sách, pháp luật, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế. Đến nay, có 5 thành phần kinh tế nhưng đã khác với những năm đầu đổi mới: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân (gồm tư bản tư nhân và cá thể); kinh tế hỗn hợp; kinh tế 100% vốn nước ngoài. Trong các thành phần đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, hiện kinh tế tư nhân đóng góp hơn 40% GDP.

Phát triển các thành phần kinh tế trên cơ sở thừa nhận, củng cố cơ sở pháp lý của các chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với nhiều hình thức, tổ chức kinh tế phù hợp phát triển trong sự cạnh tranh lành mạnh, hỗ trợ nhau và đóng góp có hiệu quả vào nền kinh tế

quốc dân. Tất cả hoạt động theo luật pháp: Luật đất đai; Luật tài nguyên, môi trường; Luật doanh nghiệp, các Luật đầu tư, Luật thuế; Bộ luật lao động; Luật khoa học và công nghệ, v.v.. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hình rõ các loại thị trường: thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường tài chính, tiền tệ; thị trường lao động; thị trường bất động sản; thị trường khoa học, công nghệ. Đại hội lần thứ XII của Đảng (tháng 01/2016) nhấn mạnh sự đồng bộ của những đặc trưng và quy luật của thị trường, nhất là quy luật cung cầu, quy luật giá trị và lợi nhuận, quy luật cạnh tranh và xây dựng thị trường văn minh, hiện đại bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, lợi ích của người lao động, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và kế hoạch Nhà nước.

Đảng chủ trương xây dựng kinh tế tri thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển chiến lược khoa học, công nghệ để sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ sau Đại hội lần thứ XI (tháng 01/2011), Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đã tập trung vào ba đột phá chiến lược: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với cải cách hành chính; xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và đô thị hóa. Đảng cũng chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung đầu tư theo chiều sâu, phát triển quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Đảng coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm và đã thành công trong lãnh đạo

kinh tế, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), nền kinh tế phát triển vững chắc vượt qua tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của khu vực (1997 - 2000), hạn chế thấp nhất ảnh hưởng xấu của khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu từ năm 2008. Tăng trưởng GDP ổn định ở mức cao: 1990 - 1995: 8,2%; 1996 - 2000: 7%; 2001 - 2005: 7,51%; 2006 - 2010: 7%; 2011 - 2015: 5,9% và kế hoạch 2016 - 2020: 6,5 - 7%; năm 2019 đạt 6,8%. Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế năng động của khu vực và thế giới.

*Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, văn hóa vì cuộc sống của nhân dân.* Từ thành tựu của phát triển kinh tế để thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và chính kết quả thực hiện các chính sách xã hội lại thúc đẩy kinh tế phát triển. Chính sách lao động, việc làm, chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách chăm sóc sức khỏe, chính sách với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách khắc phục hậu quả chiến tranh, chính sách với đồng bào các dân tộc thiểu số, chính sách với người cao tuổi, chính sách với người tàn tật, yếu thế trong xã hội và nhiều chính sách khác. Bảo đảm an sinh xã hội được chú trọng trên cả hai vấn đề chính là bảo hiểm xã hội và cứu trợ xã hội. Mở rộng các loại hình bảo hiểm xã hội, từ bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm học đường, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm giao thông, tiền gửi. Ở một nước có nhiều thiên tai như Việt Nam, vấn đề cứu trợ xã hội được quan tâm.

Thành công lớn trong công cuộc đổi mới là chính sách xóa đói, giảm nghèo được thực hiện trên quy mô lớn từ thập

nhiên 90 của thế kỷ XX và mang lại kết quả tích cực, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến. Nhà nước tổ chức thực hiện các Chương trình 135 (1998) hỗ trợ các xã vùng khó khăn về lưới điện, làm đường giao thông, xây dựng trường học và trạm y tế; Chương trình 134 (2004) hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo về đất canh tác, đất ở, nhà ở và nước sạch; Chương trình 30A (2008) đầu tư cho 62 huyện nghèo nhất. Các chương trình đó đã góp phần làm giảm tỷ lệ nghèo đói từ 58% năm 1993 xuống còn khoảng dưới 10%. Năm 2015, tổng kết 15 năm thực hiện 8 Mục tiêu Thiên niên kỷ, Liên hợp quốc đánh giá Việt Nam là một trong những nước thành công nhất, đặc biệt là mục tiêu xóa bỏ tình trạng đói nghèo cùng cực. Hiện nay, Việt Nam tập trung vào hai chương trình quốc gia: giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Thành tựu đổi mới chính sách kinh tế và chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp nhân dân. Thu nhập tính theo đầu người từ 150 USD năm 1986 tăng lên đến gần 3.000 USD năm 2019. Tuổi thọ bình quân từ dưới 60, đến nay đã tăng lên gần 74. Chỉ số phát triển con người (HDI) không ngừng tăng lên. Đời sống văn hóa, tinh thần được Đảng, Nhà nước chú trọng. Đường lối của Đảng là *xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn liền với xây dựng con người trong thời đại mới*. Đó là con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Đảng nhấn mạnh quan điểm văn hóa là

nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế, đặt văn hóa ngang với chính trị, kinh tế. Con người có trí tuệ, đạo đức, không ai bị bỏ lại phía sau, sống có lý tưởng, có khát vọng vì sự phát triển giàu mạnh của đất nước, dân tộc.

*Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh bảo đảm sự ổn định chính trị, giải quyết tốt quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.* Từ tháng 3/1989, Đảng chủ trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị phù hợp với tình hình đất nước và quốc tế (trước đó dùng khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản). Hệ thống chính trị từ Trung ương tới cơ sở bao gồm hệ thống tổ chức của Đảng giữ vai trò lãnh đạo, tổ chức của Nhà nước và chính quyền các cấp, Mặt trận và các đoàn thể (Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh). Sự vững vàng của hệ thống chính trị ở thời điểm lịch sử 1989 - 1991 đã bảo đảm cho đất nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vượt qua được thách thức khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, Liên Xô bị các thế lực thù địch bên ngoài tiến công và cả sự phản bội từ bên trong dẫn tới sụp đổ.

Đảng cầm quyền không ngừng được xây dựng, chỉnh đốn vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, theo các Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII (tháng 6/1992), Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII (tháng 6/1997) với Chiến lược cán bộ, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 01/1999), đặc biệt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (tháng 1/2012) và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII (tháng 01/2016), Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (tháng 10/2016). “Đảng ta

xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>1</sup>. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng Cương lĩnh, đường lối, bằng nguyên tắc tổ chức và hoạt động thực tiễn, bằng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong Nhà nước và cả hệ thống chính trị, bằng công tác vận động, tổ chức quần chúng nhân dân, bằng công tác kiểm tra, giám sát và trách nhiệm nêu gương. Đảng không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ, đạo đức và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, củng cố vị trí cầm quyền, chống nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, tham nhũng và suy thoái của cán bộ, đảng viên.

Đảng chính thức đề ra quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân từ Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994) và trình bày đầy đủ ở Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (tháng 01/1995). Việc công bố Hiến pháp năm 1992 và nhất là Hiến pháp năm 2013 thể hiện sâu sắc nội dung xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền. Hệ thống chính trị ngày càng hoàn thiện được ghi nhận bởi vai trò của Nhà nước pháp quyền; vị trí quan trọng của Quốc hội xác định rõ chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề lớn của đất nước và giám sát tối cao; không ngừng cải cách hành chính xây dựng Chính phủ kiến tạo, hành động, liêm chính và vì dân; chú trọng cải cách tư pháp bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật. Những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền đã và đang được hiện thực hóa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.20.

Sự phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nâng cao vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đó là những tổ chức đại biểu cho quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ trọng yếu bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa được tăng cường với đường lối của Đảng là xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc do Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (2003) và Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (2013) đề ra. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bằng biện pháp hòa bình dựa trên pháp luật quốc tế trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Chống bạo loạn, lật đổ, khủng bố và chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị để phát triển đất nước.

*Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế:* Đại hội lần thứ VI đã nêu rõ quan điểm đối ngoại rộng mở. Nghị quyết số 13/NQ-TW của Bộ Chính trị (tháng 5/1988) là bước chuyển rất quan trọng trong tư duy đối ngoại. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội tan rã ở nhiều nước, Đại hội lần thứ VII tuyên bố chính sách đối ngoại Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước. Đó cũng là thầm nhuần tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh: “làm bạn với các nước, không gây thù oán với một ai”. Ngày 29/11/1990, Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) lập quan hệ ngoại giao. Ngày 05/11/1991, Việt Nam và Trung Quốc chính thức bình thường hóa quan hệ hai nước. Ngày 03/02/1994, Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton tuyên bố bãi bỏ

hoàn toàn cấm vận đối với Việt Nam. Ngày 11/7/1995, Việt Nam và Hoa Kỳ lập quan hệ ngoại giao. Việt Nam và Liên minh châu Âu ký Hiệp định khung hợp tác (17/7/1995). Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (28/7/1995). Năm 1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Ngày 14/11/1998, Việt Nam gia nhập Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ngày 30/6/2019, Việt Nam và EU ký Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA). Việt Nam là Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 và 2020 - 2021. “Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc; thiết lập khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với 30 đối tác chiến lược và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam cùng các nước nâng tầm hợp tác vì lợi ích của mỗi nước và vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới”<sup>1</sup>.

Với đường lối đối ngoại đúng đắn, “Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều đối tác quan trọng. Hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường

---

1. Phạm Bình Minh: “Ngoại giao Việt Nam: 75 năm đồng hành cùng dân tộc”, báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 27/8/2020.

nguồn lực cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”<sup>1</sup>.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng nhiều lần lưu ý, thành tựu to lớn nhưng không được chủ quan “ngủ quên trên vòng nguyệt quế”. Cân nhận rõ bốn nguy cơ mà Đảng nêu ra từ năm 1994 vẫn đang tồn tại và có mặt phức tạp hơn. Do vậy, cần thường xuyên bám sát thực tiễn kịp thời nhận diện những thách thức, nguy cơ và đúc rút các bài học kinh nghiệm để Đảng luôn vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng, thực hiện thành công cuộc đổi mới, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

### **3. Một số bài học trong lãnh đạo công cuộc đổi mới**

Đại hội lần thứ XII của Đảng tổng kết và nêu rõ:

“Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.151-152.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.20.

*Hai là*, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là*, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

*Bốn là*, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Năm là*, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.69-70.*

## **PHƯƠNG PHÁP PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

PGS.TS. ĐOÀN MINH HUẤN\*

**P**hương pháp cách mạng là một bộ phận cấu thành đường lối cách mạng, có vai trò rất quan trọng cho tối ưu hóa việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng. Sau khi xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng, phương pháp cách mạng đóng vai trò quyết định thắng lợi sự nghiệp cách mạng, còn sai lầm sẽ đẩy cách mạng rơi vào khó khăn, tổn thất, thậm chí thất bại tạm thời. Phương pháp đúng đắn sẽ huy động được lực lượng cách mạng rộng rãi và thu hẹp đến mức nhỏ nhất đối tượng cách mạng, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho từng nội dung, từng không gian, thời gian và điều kiện cụ thể, tận dụng tốt cơ hội, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, biến thách thức thành cơ hội.

Không có lĩnh vực nào của đường lối cách mạng lại đòi hỏi *tính linh hoạt, sáng tạo* như phương pháp cách mạng. Phương pháp cách mạng là sản phẩm tư duy của người lãnh đạo, nhưng luôn khởi phát từ yêu cầu khách quan, bị chế định bởi

\* Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

những điều kiện lịch sử - cụ thể. Thoát ly các điều kiện khách quan, phương pháp cách mạng sẽ rơi vào sai lầm chủ quan, khiến cách mạng gặp khó khăn. Tính sáng tạo của phương pháp cách mạng dựa trên kết quả của nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Có rất nhiều phương pháp cách mạng đã được Đảng ta sử dụng có hiệu quả trong thực tiễn; trong đó, phương pháp phát huy sức mạnh tổng hợp cần được nghiên cứu sâu sắc, đầy đủ hơn.

Cơ sở lý luận của phát huy sức mạnh tổng hợp là chủ nghĩa duy vật biện chứng với đòi hỏi xem xét bất cứ sự vật, hiện tượng nào không chỉ nhìn một phương diện đơn lẻ, mà phải đặt nó trong phức hợp với các mối tương tác đa chiều; khi nghiên cứu đòi sống xã hội loài người cũng như hoạch định đường lối, chủ trương phải xem xét toàn diện, tránh phiến diện. Phải từ bức tranh toàn diện đó mà thấy được điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu cần bồi khuyết, bổ sung để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Phương pháp phát huy sức mạnh tổng hợp hình thành còn xuất phát từ điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam luôn đứng trước *những kẻ thù lớn mạnh hơn nhiều lần về tiềm lực vật chất - kỹ thuật*, còn ưu thế của chúng ta là sức mạnh chính trị - tinh thần. Vì vậy, chỉ có thể giành thắng lợi khi biết phát huy điểm mạnh, từng bước khắc phục điểm yếu của chính mình cũng như khai thác tối đa điểm yếu, khắc chế tối đa sức mạnh của kẻ thù. Cả về mặt lý luận và thực tiễn đều chứng tỏ, bất cứ cuộc đụng đầu nào, dù là chiến tranh thời biến loạn hoặc cạnh tranh thời hòa bình đều là cuộc thử thách toàn diện cả sức mạnh kinh tế - vật chất và chính trị - tinh thần, cả lực lượng dân tộc và khả năng tập hợp lực lượng quốc tế, cả sức mạnh “cứng” và sức mạnh “mềm”. Chỉ trên

cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp thì mới tạo nên được tính vượt trội của thực lực mà từng yếu tố riêng lẻ không thể có được.

### **1. Sức mạnh tổng hợp dựa vào phát huy sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần**

Trong chiến tranh cách mạng và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, đó là kết hợp sức mạnh chính trị - tinh thần và sức mạnh vật chất - vũ khí. Trong mối quan hệ giữa sức mạnh chính trị - tinh thần và sức mạnh vật chất - vũ khí, Đảng xác định sức mạnh chính trị - tinh thần đóng vai trò quyết định đến toàn bộ cuộc chiến, đến khả năng sử dụng vũ khí, trang bị, kỹ thuật, đến lựa chọn phương pháp, cách thức tiến hành đấu tranh. Chính vì thế, ngay từ khi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “chính trị trọng hơn quân sự”<sup>1</sup>, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Khi đụng đầu với những kẻ thù lớn mạnh hơn ta nhiều lần về sức mạnh vật chất - kỹ thuật - vũ khí trong thế kỷ XX, dân tộc ta đều giành chiến thắng, nhờ Đảng biết phát huy sức mạnh tổng hợp, làm cho sức mạnh chính trị - tinh thần và sức mạnh vật chất - vũ khí bổ sung cho nhau. Sức mạnh tổng hợp của cả yếu tố chính trị - tinh thần và vật chất - vũ khí được phát huy cũng làm cho điểm yếu của kẻ địch ngày càng bộc lộ, nhất là tính phi nghĩa của chiến tranh xâm lược, càng kéo dài cuộc chiến chúng càng gặp bất lợi trước phong trào phản chiến từ chính nhân dân trong nước, và sức mạnh vật chất - kỹ thuật vì thế cũng không phát huy

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.539.

tác dụng. Ngược lại, chúng ta phát động kháng chiến trường kỳ khiến cho động lực chính trị - tinh thần được nuôi dưỡng, phát huy cao độ, có thời gian khắc phục điểm yếu về vật chất - vũ khí, từng bước làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường, tiến lên giành thắng lợi quyết định, rồi thắng lợi hoàn toàn. Phương pháp này tiếp tục được Đảng ta coi trọng sử dụng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, khi xác định sức mạnh chính trị - tinh thần đóng vai trò quyết định. Chỉ có đường lối chính trị đúng đắn soi rọi mới làm cho con người có hành động đúng đắn, kể cả sử dụng vũ khí. Chỉ đứng trên nền quốc phòng tự vệ, nêu cao chính nghĩa thì mới phát huy được đầy đủ những phẩm chất, năng lực của con người, nhất là hệ giá trị con người Việt Nam được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử. Đồng thời, chúng ta cũng rất coi trọng vai trò của vũ khí - kỹ thuật, nhất là trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao, nhưng sử dụng đúng đắn và hiệu quả luôn cần đến những bộ óc thông minh cả về mặt chiến lược và chiến thuật, từ tạo ra khả năng răn đe cần thiết đến sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược của các thế lực thù địch.

Trong xây dựng đất nước, đó là phát huy sức mạnh kinh tế - vật chất và sức mạnh văn hóa - tinh thần. Đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ngay từ khi bắt tay xây dựng lại đất nước thời kỳ “hậu thực dân”, Đảng ta xác định phải tập trung sức phát triển kinh tế, nhằm vừa đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, vừa xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa không có mục đích nào khác là nhằm phát triển lực lượng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, tạo ra thực lực đủ

mạnh cho đất nước, sản xuất của cải vật chất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đồng thời với phát triển kinh tế, Đảng rất chú trọng chăm lo phát triển văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Phát triển kinh tế trở thành nhiệm vụ trung tâm không hẳn chỉ là giải pháp tình thế để khắc phục tình trạng thiếu hụt hàng hóa, khôi phục sản xuất bị suy giảm, mà sâu xa hơn chính là xuất phát từ vai trò nền tảng của kinh tế. Chỉ trên cơ sở duy trì và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mới có thể giải quyết được việc làm, chăm lo chính sách xã hội, nâng cao đời sống văn hóa - tinh thần cho nhân dân tốt hơn, có tiềm lực để tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Đành rằng, không phải cứ có tăng trưởng kinh tế là có công bằng xã hội, có nâng cao đời sống văn hóa - tinh thần cho nhân dân, mà chúng tùy thuộc vào quan điểm chính trị đúng đắn, tiến bộ, nhân văn được xác lập nhất quán về giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị, phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội. Trong khi chú trọng đến tăng trưởng kinh tế, Đảng hết sức quan tâm đến phân phối kết quả tăng trưởng để đầu tư cho nâng cao mức thụ hưởng văn hóa - tinh thần của nhân dân. Càng phát triển kinh tế thì trường càng phải phát huy vai trò yếu tố văn hóa - tinh thần, không chỉ mang ý nghĩa phúc lợi xã hội, mà còn là động lực cho phát triển bền vững, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nguồn lực văn hóa, nhất là chú trọng đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp văn hóa, “vốn hóa” các giá trị tri thức; khơi thông các động lực văn hóa - tinh thần mà động lực kinh tế - vật chất

gặp giới hạn như lòng yêu nước, khát vọng cống hiến. Trên bình diện quốc tế, nguồn lực văn hóa còn giúp gia cường “sức mạnh mềm” của quốc gia - dân tộc, góp phần hình thành sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc.

## **2. Sức mạnh tổng hợp dựa trên cơ sở phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế**

Bất luận trong chiến tranh giải phóng hay xây dựng đất nước, muốn giành thắng lợi đều phải phát huy tối đa cả sức mạnh dân tộc và thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế. Chỉ trên cơ sở phương pháp cách mạng đúng đắn mới khơi dậy được đầy đủ sức mạnh trong nước, tận dụng và phát huy đúng đắn sức mạnh quốc tế, kết hợp tốt cả hai loại sức mạnh này vì sự thắng lợi của cách mạng. Sức mạnh dân tộc được phát huy cao độ, tối đa, kể cả sức mạnh chính trị - tinh thần và sức mạnh vật chất, thì mới có thể tận dụng, phát huy tốt sức mạnh quốc tế. Sức mạnh quốc tế được sử dụng khôn khéo, phục vụ đúng mục tiêu, đường lối cách mạng thì mới phát huy được thuận lợi, hạn chế các tác động bất lợi, nhất là giải quyết mối quan hệ giữa tranh thủ sự giúp đỡ bên ngoài và giữ vững độc lập, tự chủ.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng đã phát huy cao độ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng các đế quốc hùng mạnh nhất trong thế kỷ XX. Sức mạnh trong nước hình thành từ đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo do Đảng và Bác Hồ lãnh đạo; sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc với khả năng huy động sức người, sức của ở mức cao nhất phục vụ cho đấu tranh cách

mạng; sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, ý chí, tinh thần quyết chiến và quyết thắng vì độc lập, tự do của dân tộc, vì lương tâm và phẩm giá con người. Chính sức mạnh trong nước trở thành yếu tố quyết định tranh thủ có hiệu quả sức mạnh thời đại, sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của phong trào giải phóng dân tộc, của loài người tiến bộ. Viện trợ về vật chất và ủng hộ về chính trị - tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa trở thành một điểm tựa, một nguồn sức mạnh quan trọng, góp phần giúp dân tộc ta giành chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Sự ủng hộ về tinh thần của các đảng cộng sản và công nhân, của nhân loại tiến bộ, đã tạo nên những phong trào chống chiến tranh xâm lược lan rộng trên thế giới, đem “chiến tranh” vào trong lòng các nước mang quân xâm lược Việt Nam, khiến cho phong trào phản chiến ngày càng lan rộng. Điều này làm cho tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc và tính chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược được quốc tế hóa sâu sắc. Việt Nam trở thành trung tâm cuộc đấu tranh giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa chính và tà, giữa tiến bộ và thoái bộ. Phương pháp phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng đã giúp chuyển hóa sức mạnh quốc tế thành sức mạnh dân tộc để góp phần chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Trong lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, phương pháp kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại càng được Đảng áp dụng linh hoạt và sáng tạo. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, giải phóng sức sản xuất đã khơi dậy, phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân tham gia phát triển kinh tế vốn trước đó bị cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp kìm hãm. Hệ thống chính trị ổn định, hệ thống thể

chế, luật pháp, chính sách, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ,... từng bước được đổi mới, hoàn thiện đã tạo môi trường không chỉ giải phóng sức sản xuất trong nước, mà còn thu hút đầu tư nước ngoài, đưa nền kinh tế đất nước hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Bản sắc văn hóa dân tộc, lòng yêu nước, hệ giá trị con người Việt Nam, chất lượng nguồn nhân lực được coi trọng là những yếu tố quyết định để nâng cao nội lực đất nước, tạo “vốn đối ứng” để thu hút, hấp thu, khai thác có hiệu quả các nguồn lực quốc tế. Đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế đã giúp chúng ta phát huy tốt hơn nguồn lực bên ngoài, nhất là thu hút đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, nhân lực chất lượng cao... từ các nước. Nguồn lực bên ngoài giúp chúng ta bù đắp sự thiếu hụt của nguồn lực trong nước, phát huy tốt hơn nhiều nguồn lực đất nước còn ở dạng “tiềm năng”, chưa biến thành “động năng”, chưa được “vốn hóa”, như: lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên... Trong hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng ta xác định nguồn lực trong nước đóng vai trò quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Tính quyết định của nguồn lực trong nước thể hiện ở đường lối độc lập, tự chủ được thể chế hóa thành luật pháp, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để dẫn dắt, sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài theo mục tiêu của chúng ta, tránh lệ thuộc vào một quốc gia (cả về vốn, thị trường...). Đổi mới luật pháp, chính sách phải đi trước để tạo lập môi trường thể chế cho doanh nghiệp nước ngoài yên tâm đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; xác lập các hàng rào kỹ thuật để bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước; xác định lộ trình hợp lý cho hội nhập để doanh nghiệp trong nước có điều kiện đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao sức cạnh tranh, tránh bị thua thiệt khi hội nhập.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, trên tinh thần độc lập, tự chủ, chúng ta chủ trương “bốn không” (không tham gia liên minh quân sự, không đi với nước này chống nước khác, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ đất nước, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế). Sức mạnh bên trong chính là sức mạnh của bản chất chế độ chính trị - xã hội, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, lấy Quân đội nhân dân và Công an nhân dân làm nòng cốt; sức mạnh chính nghĩa của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc giương ngọn cờ của nền quốc phòng tự vệ, đấu tranh bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế; sức mạnh của chính trị - tinh thần, của bản sắc văn hóa Việt Nam phát huy cao độ; sức mạnh của nền kinh tế liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao; sức mạnh của trang bị vũ khí từng bước hiện đại hóa. Sức mạnh quốc tế được phát huy cao độ khi chúng ta đứng trên lập trường chính nghĩa, dựa trên luật pháp quốc tế, phù hợp với giá trị chung mà nhân loại cùng chia sẻ như: bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, các lợi ích chiến lược của quốc gia - dân tộc phù hợp với luật pháp quốc tế; bảo vệ quyền tự do, an toàn hàng hải và hàng không; bảo vệ hòa bình trong khu vực và trên thế giới, chống sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực. Mẫu số chung mà nhân loại tiến bộ đều mong muốn trên Biển Đông là hòa bình, tự do và an toàn hàng hải, hàng không, tôn trọng luật pháp quốc tế. Vì vậy, cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chiến lược của đất nước trên Biển Đông gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ các chuẩn mực của luật pháp quốc tế, trước hết là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982

(UNCLOS 1982). Quan điểm của Việt Nam vì thế nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế, càng làm cho chúng ta vững tâm hơn trong cuộc đấu tranh này, từng bước phơi bày các hành động sai trái của những thế lực vi phạm chủ quyền và lợi ích chiến lược đất nước ta mà luật pháp quốc tế đã công nhận. Tính chính nghĩa đó sẽ được chuyển hóa thành sự giúp đỡ về mặt vật chất, ủng hộ về mặt chính trị - tinh thần để tăng cường nền quốc phòng toàn dân, hiện đại hóa lực lượng vũ trang, nâng cao năng lực tự bảo vệ đất nước. Trong trường hợp đó, cả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại được phát huy trong sự gắn kết để tạo nên sức mạnh tổng hợp ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chiến lược của đất nước phù hợp với luật pháp quốc tế.

### **3. Sức mạnh tổng hợp dựa vào vai trò nòng cốt của các giai tầng cơ bản và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Phát huy sức mạnh của các giai tầng cơ bản và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề rất cơ bản của phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ được mở rộng đến mức lớn nhất, phát huy cao nhất, khi sức mạnh của các giai tầng cơ bản (công nhân, nông dân, trí thức) được động viên, khơi dậy, thật sự đóng vai trò nòng cốt. Càng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng phải củng cố sức mạnh của các giai tầng cơ bản, nếu không sẽ rơi vào “chủ nghĩa toàn dân”, thiếu lực lượng nòng cốt đủ bản lĩnh cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn mà thành phần trung gian thường dễ dao động, bấp bênh, ngả nghiêng khi gặp khó khăn.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng xác định công - nông - trí là động lực cách mạng, đồng thời ra sức mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt thành phần giai cấp, miên là có tinh thần yêu nước chống đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc. Để củng cố, tăng cường sức mạnh của các giai tầng cơ bản, Đảng đã đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, trí thức phù hợp, như: tăng lương, giảm giờ làm, chia lại ruộng công, giảm tô, giảm tức... Khi đã có chính quyền thì Đảng đẩy mạnh chống “giặc đói”, “giặc dốt”, thực hành các quyền tự do dân chủ để giải phóng sức mạnh của các giai tầng cơ bản - những người vốn chịu nhiều thiệt thòi dưới ách áp bức của thực dân, phong kiến. Khi điều kiện chín muồi, Đảng chủ trương cải cách ruộng đất, đưa lại quyền làm chủ ruộng đất cho người nông dân. Đi liền với nhấn mạnh yêu cầu củng cố liên minh công - nông - trí, Đảng cũng luôn coi trọng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ở các thời kỳ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Mẫu số chung cho xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc chính là đánh đuổi đế quốc thực dân, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hùng cường. Nhờ đó mà khối đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng và xây dựng vững chắc, lấy Đảng làm hạt nhân lãnh đạo, lấy liên minh công - nông - trí làm nòng cốt.

Khi chuyển sang chặng đường xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng hết sức coi trọng chăm lo quyền lợi công nhân, nông dân và trí thức. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, đường lối của Đảng là giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh của công nhân, nông dân, trí thức bằng

tôn trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người, coi trọng phân phối theo lao động, bảo đảm cho công nhân có quyền tự do lựa chọn nơi làm việc và ngành nghề phù hợp theo tín hiệu của thị trường để phát huy tốt nhất năng lực vốn có của mỗi người; nông dân có chủ quyền trên ruộng đất được giao khoán; trí thức được tự do học thuật, có môi trường lao động sáng tạo, phản biện xã hội, có khả năng “vốn hóa” tri thức của mình, được bảo vệ bản quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ. Cơ chế đó làm cho tính tích cực của các giai tầng cơ bản được phát huy tốt hơn, bảo đảm cho người có năng lực có thu nhập cao hơn, có mức sống và chất lượng sống tốt hơn. Mặt khác, kinh tế thị trường cũng khiến một bộ phận giai tầng cơ bản bị tổn thương, khó khăn như công nhân thiếu việc làm và thu nhập bần vũng, nông dân bị chèn ép giá nông sản, thu hẹp diện tích canh tác, rủi ro thiên tai... đời sống của trí thức rơi vào tình trạng bấp bênh. Khắc phục khó khăn này, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao phúc lợi xã hội cho các giai tầng cơ bản như thúc đẩy tạo việc làm bền vững, bảo vệ quyền lợi cho công nhân trước chủ sử dụng lao động (thời gian và môi trường làm việc, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi công ty, quyền công đoàn...); nâng cao đời sống cho nông dân dựa trên chuyển đổi sang nền nông nghiệp hiện đại, nông dân có đời sống khá giả, nông thôn văn minh; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng tự do học thuật cho trí thức... Đồng thời với quan tâm chăm lo các giai tầng cơ bản, Đảng cũng coi trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, như xây dựng cơ chế, chính sách tự do kinh doanh bình đẳng để doanh nhân phát huy năng lực của chính họ; xem đồng bào ta ở nước ngoài là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có nhiều chính sách bảo hộ công dân,

khuyến khích đầu tư về trong nước; ra sức chăm lo đoàn kết, tập hợp đồng bào các tôn giáo, các dân tộc thiểu số... Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng càng có điều kiện để chăm lo tốt hơn các giai tầng cơ bản. Liên minh công - nông - trí và hợp tác giữa công nhân, nông dân, trí thức với doanh nhân ngày càng được thực hiện một cách hài hòa, có hiệu quả, phù hợp với cơ chế thị trường, hạn chế các xung đột xã hội với mô hình “bốn nhà” (Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) hay mô hình trí thức góp vốn kinh doanh bằng giá trị phát minh, sáng chế... Lực lượng doanh nhân đang đóng vai trò tích cực vào phát triển đất nước, kinh tế tư nhân trở thành một thành phần nòng cốt (cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể) để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Nhiều chính sách cho các giai tầng cơ bản (công nhân, nông dân, trí thức) đều được Đảng, Nhà nước thực hiện gián tiếp thông qua can thiệp chính sách, luật pháp để điều tiết hành vi của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường như bảo đảm tiền lương tối thiểu, bảo hiểm cho người lao động, nâng cao phúc lợi công ty hay liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã và nông dân trong nền kinh tế thị trường, góp phần đưa nông hộ thoát dần “bãy sản xuất nhỏ” manh mún, bấp bênh.

#### **4. Sức mạnh tổng hợp dựa trên phát huy sức mạnh của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang**

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của nghệ thuật sử dụng vai trò quyết định của lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị, còn lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang có vai trò rất quan trọng hỗ trợ cho lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị. Bước vào cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh vũ trang được đẩy lên cao hơn và lực lượng vũ trang ngày càng được tăng cường, nhưng vai trò của lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị cũng cực kỳ quan trọng. Điện Biên Phủ là trận chiến thử thách sức mạnh tổng hợp của cả hai phía, nhưng đụng đầu trực tiếp là sức mạnh của lực lượng vũ trang giữa hai bên và thắng lợi thuộc về quân đội ta, dân tộc ta, nhân dân ta, buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Giơnevơ. Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại bằng giải pháp chính trị - ngoại giao, nhờ bệ đỡ phía sau là sức mạnh quân sự với chiến thắng Điện Biên Phủ. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc được quyết định bằng sức mạnh của lực lượng vũ trang, bằng các cuộc tiến công chiến lược, kết hợp với nỗi dậy của quần chúng. Nhưng để đi tới đại thắng mùa xuân năm 1975, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã thực hiện theo phương châm “hai chân” (kết hợp cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang), “ba mũi” (đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh binh vận), kết hợp giữa đấu tranh quân sự với mở mặt trận ngoại giao. Đấu tranh chính trị là cuộc đấu tranh giành dân, chống lại các chiến dịch o ép tách dân khỏi cách mạng, khẳng định tính chính nghĩa của chính quyền cách mạng, tạo nền tảng cho xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân. Vào các thời điểm mang tính bước ngoặt của cách mạng, đấu tranh chính trị nổ ra dưới nhiều hình thức khác nhau như “đồng khởi”, “nổi dậy”, được kết hợp nhuần nhuyễn và hỗ trợ của tiến công vũ trang. Đấu tranh chính trị - pháp lý được mở ra sau các đòn tiến công quân sự, buộc Mỹ xuống thang chiến tranh, ký kết Hiệp

định Pari, chấp nhận rút quân về nước, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc ta. Đầu tranh vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được nâng dần lên do yêu cầu của cách mạng, nhất là từ sau năm 1959, cùng phối hợp với mặt trận đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp đủ sức đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, làm xoay chuyển cục diện chiến trường, chuyển từ thắng lợi quyết định đến kết thúc chiến tranh.

Hòa bình, thống nhất được lập lại, đất nước bước vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta xác định đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, lấy Quân đội nhân dân và Công an nhân dân làm nòng cốt. Nền quốc phòng toàn dân vững mạnh được bảo đảm bởi thế trận lòng dân, “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, đủ sức đề kháng trước chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch - cơ sở cho xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân và dự bị động viên vững mạnh. Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lĩnh vực ưu tiên tiến thẳng lên hiện đại, đủ sức răn đe và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, làm điểm tựa cho xây dựng, củng cố lực lượng chính trị, nhất là các địa bàn hiểm yếu. Trong thời bình, lực lượng vũ trang có vai trò quan trọng phát hiện các nhân tố có khả năng gây mất ổn định chính trị để triệt tiêu ngay từ gốc, từ xa, làm cơ sở cho xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, không để tiềm ẩn phát sinh các nguy cơ. An ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh văn hóa, an ninh mạng ngày càng trở thành những mặt trận nóng bỏng có thể gây nên các biến

động chính trị - xã hội nếu không nêu cao cảnh giác, không triệt tiêu từ gốc các nguy cơ. Vì vậy, lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt để bảo đảm an ninh, an toàn trước các thách thức, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Sức mạnh chính trị của khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững mạnh tạo sức mạnh răn đe với bất cứ thế lực nào có âm mưu thôn tính, đe dọa độc lập, chủ quyền và lợi ích chiến lược của đất nước.

### **5. Sức mạnh tổng hợp dựa vào phát huy tiềm năng, thế mạnh của tất cả các địa bàn chiến lược; kết hợp sức mạnh của “bàn tay hữu hình” và sức mạnh của “bàn tay vô hình”**

Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, nhờ chú trọng tất cả các địa bàn chiến lược mà Đảng đã gây dựng và phân bố lực lượng cách mạng rộng khắp, tổ chức đấu tranh từ nông thôn, đồng bằng, miền núi, đến đô thị, biển, đảo. Khi bắt đầu gây dựng lực lượng cách mạng, để phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt của công nhân, nông dân, trí thức, Đảng hết sức chú ý đến các khu vực nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ ở khu vực đô thị, khu công nghiệp và địa bàn nông thôn rộng lớn. Khi chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang hoặc chuyển sang tiến hành chiến tranh cách mạng, Đảng chú trọng xây dựng các căn cứ địa, chiến khu, được lựa chọn ở các địa bàn xung yếu là miền núi, vùng dân tộc thiểu số, rồi mở rộng dần áp sát các đô thị gắn với đà phát triển của cách mạng, chuẩn bị cho các cuộc tổng khởi nghĩa hoặc kết hợp giữa tổng tiến công và nổi dậy. Giao thông biển cũng được phát huy trong vận chuyển viện trợ quốc tế, vận chuyển sức người, sức của từ miền Bắc cho chiến trường miền Nam qua con đường Hồ Chí Minh trên biển

huyền thoại. Các căn cứ trên đảo tiền tiêu đóng vai trò rất quan trọng bảo vệ Tổ quốc, chống tiếp cận từ hướng biển, cảnh giới tấn công bằng đường không của kẻ địch.

Bước sang thời kỳ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng ta hết sức chú trọng xây dựng quy hoạch phát triển hài hòa các vùng chiến lược, triển khai các chính sách phân bố lại lao động từ đồng bằng cho miền núi, tổ chức khai thác hợp lý các tiềm năng thế mạnh của miền núi và biển, đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Không giống một số mô hình trên thế giới có thể ưu tiên cho đô thị mà hy sinh nông thôn, lựa chọn đánh đổi giữa tạo động lực tăng trưởng cho đồng bằng mà lãng quên miền núi, Đảng ta ngay từ sớm chủ trương thực hiện phát triển hài hòa giữa nông thôn và đô thị, giữa đồng bằng và miền núi, hải đảo, để phát huy đầy đủ sức mạnh mọi vùng, miền, cùng tạo nên khả năng tương trợ, hợp lực, quán triệt quan điểm *cùng phát triển*. Nhờ đó chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, miền trong quá trình áp dụng cơ chế thị trường được kiểm soát, nguồn lực của đất nước được phát huy cao độ, đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường.

Trong điều kiện áp dụng cơ chế thị trường, kết hợp giữa sử dụng sức mạnh của “bàn tay hữu hình” (Nhà nước) và “bàn tay vô hình” (thị trường) cũng là một phương pháp rất cần được tổng kết. Trong khi nhiều nước chuyển từ trạng thái tuyệt đối hóa vai trò của nhà nước sang tuyệt đối hóa vai trò của thị trường, thực hiện tư nhân hóa nền kinh tế, để lại nhiều hệ lụy cho phát triển thị trường và phát sinh nhiều bất công xã hội, thì Đảng ta ngay từ sớm đã có quan điểm biện chứng khi đánh giá đúng vai trò và khuyết tật của thị trường,

nhận thức rõ sức mạnh và giới hạn của nhà nước, đòi hỏi phải sử dụng một cách hợp lý. Quá trình đổi mới làm cho chúng ta nhận thức đầy đủ hơn vai trò chủ yếu của thị trường trong huy động và phân bổ nguồn lực, nhờ đó mà nguồn lực đến đúng địa chỉ sử dụng hiệu quả, sức sản xuất được giải phóng, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Đồng thời, Đảng luôn khẳng định nền kinh tế thị trường chỉ giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa khi có vai trò quản lý của Nhà nước thông qua các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, thông qua phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và thực hiện các chính sách xã hội tiến bộ. Nguồn lực của Nhà nước cũng không được sử dụng một cách chủ quan, mà phân bổ theo chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, áp dụng cơ chế thị trường, lấy hiệu quả làm thước đo. Nguồn lực của Nhà nước có giới hạn, nó phải được bổ sung bằng chính nguồn lực của xã hội thông qua điều tiết bởi “bàn tay vô hình” của thị trường và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội. Kết hợp hợp lý giữa sức mạnh “bàn tay vô hình” và sức mạnh “bàn tay hữu hình” giúp chúng ta vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức khá cao trong nhiều năm liền, vừa bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, rộng hơn là giữ vững định hướng xã hội trên con đường phát triển.

\*

\* \* \*

Một trong những thuộc tính quan trọng của sức mạnh tổng hợp là *tính hợp trội* mà từng yếu tố riêng lẻ không thể có được. Tính hợp trội tạo nên những *năng lực, sức mạnh, khả năng* mới cho cách mạng Việt Nam, thậm chí còn tạo nên những biến đổi mới về chất trong so sánh tương quan lực

lượng. Tính hợp trội được tạo ra khi xử lý tốt mối quan hệ giữa giữ vững bản chất chế độ chính trị và mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, giữa kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của các giai tầng cơ bản và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, sức mạnh của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền, sức mạnh của “bàn tay hữu hình” và sức mạnh của “bàn tay vô hình”. Khả năng mới được tạo ra từ tính hợp trội chính là sức mạnh tổng hợp quốc gia dựa trên sự bổ sung, tương tác giữa các loại lực lượng, nguồn lực để khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh, làm cho sức mạnh được nhân lên theo cấp số nhân; thúc đẩy sự chuyển hóa tạo nên tính chất mới của sự vật, hiện tượng để tạo ra sức mạnh mới cho cách mạng như chuyển hóa giữa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất, giữa sức mạnh bên ngoài thành sức mạnh bên trong, giữa số lượng và chất lượng; tạo nên vị thế, thế đứng mới của cách mạng, từ đó lấy thế để chế ước lực, lấy thế để thắng lực; tạo ra những năng lực hấp thu, sử dụng mọi nguồn lực khác tốt hơn, mang lại giá trị gia tăng cao hơn; bảo đảm tính tập trung, hội đủ sức mạnh cần thiết để thúc đẩy thời cơ xuất hiện, tạo nên các đột biến, đột phá, mở ra cục diện và bước ngoặt mới cho phát triển. Vai trò lãnh đạo của Đảng chính là yếu tố quyết định bảo đảm cho từng loại sức mạnh riêng lẻ được tích hợp thành sức mạnh tổng hợp; làm cho sức mạnh tổng hợp được phát huy đầy đủ để hiện thực hóa mục tiêu cũng như giải quyết các tình huống cụ thể mà thực tiễn đặt ra trong các không gian, thời gian và điều kiện cụ thể.

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÁT HUY SỨC MẠNH DÂN TỘC  
KẾT HỢP VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI  
TRONG CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ  
TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

PGS.TS. TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH\*

**T**hắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) đã đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình và tiến bộ, dân chủ. Sức mạnh dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam đã được kết hợp chặt chẽ với sức mạnh của thời đại, trở thành một nhân tố làm nên thắng lợi. Đó là chiến thắng của đường lối kháng chiến độc lập, tự chủ, tăng cường đoàn kết quốc tế, và sự đoàn kết, ủng hộ của quốc tế phát huy sức mạnh dân tộc và thời đại. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đúc kết và khẳng định những bài học chủ yếu, có giá trị lý luận và thực tiễn, trong đó có bài học kết

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

**1. Đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một yếu tố quan trọng để có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.** Đảng Cộng sản Việt Nam coi đó là một nhiệm vụ chiến lược, một bộ phận hợp thành của toàn bộ chiến lược cách mạng để thực hiện các mục tiêu cách mạng, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo chứng minh đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một yếu tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, một loạt nước được Liên Xô giải phóng đi theo con đường xây dựng nền dân chủ nhân dân. Hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, Liên Xô là trụ cột của các lực lượng hòa bình và dân chủ. Chủ nghĩa xã hội trở thành trào lưu, đổi mới với chủ nghĩa tư bản. Những năm 50, 60 của thế kỷ XX là thời kỳ phi thực dân hóa. Hòa bình trở thành nguyện vọng lớn nhất, là mục tiêu đấu tranh của nhân loại. Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa cần hòa bình để xây dựng đất nước.

Đảng ta nhận thức được sức mạnh của thời đại là xu thế của ba dòng thác cách mạng, đó là phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Từ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930), đến các cương lĩnh và nghị quyết các Đại hội Đảng, đường lối

ở các giai đoạn cách mạng, Đảng luôn nhận thức và thực hiện đoàn kết quốc tế. Mục tiêu của đoàn kết quốc tế là tập hợp lực lượng bên ngoài và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế cao nhất đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam; đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất, đẩy lùi và làm thất bại những âm mưu và hành động của các thế lực xâm lược.

Ngay sau khi giành được độc lập năm 1945, Việt Nam coi trọng việc thiết lập quan hệ ngoại giao, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên Xô, Trung Quốc; đồng thời mở rộng quan hệ với các nước vừa giành được độc lập, góp phần thúc đẩy phong trào chống đế quốc thực dân. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng đã xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời xây dựng khối đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung và hình thành mặt trận quốc tế rộng lớn với sự đoàn kết của các nước Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa khác và nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, trong đó có nhân dân Pháp, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954 - 1975, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng ở hai miền, Đảng và nhân dân Việt Nam đã vừa phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường và sức mạnh của dân tộc, vừa tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế, trong đó có cả sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ Mỹ, tạo nên sức mạnh tổng hợp góp phần vào thắng lợi.

Việt Nam đã tranh thủ được tối đa sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ mạnh mẽ, hiệu quả của quốc tế trên cơ sở nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc. Sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là động lực cơ bản, có sức cuốn hút mạnh mẽ, tập hợp toàn thể cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tạo thành khối đoàn kết thống nhất. Trong khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ quốc tế, nhân dân Việt Nam luôn quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cần phải hết sức tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, với tinh thần tự lực, tự cường. Mỗi thắng lợi của cách mạng là một bước tiến mới trong việc tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế. Đảng và Nhà nước chăm lo tăng cường đoàn kết quốc tế, phát huy sức mạnh của thời đại, coi đó là một bộ phận hợp thành của đường lối kháng chiến và đặt hoạt động đối ngoại thành một mũi tiến công có tầm quan trọng chiến lược, góp phần phát triển thế và lực cách mạng. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có sự đóng góp to lớn của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Pháp, nhân dân Pháp, sự ủng hộ của các lực lượng hòa bình, dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Một trong những nguyên nhân to... là nhân dân Trung Quốc và nhân dân Liên Xô đã ủng hộ chúng tôi như anh em”<sup>1</sup>. Kết hợp với sức mạnh thời đại - thế tiến công mạnh mẽ của cách mạng trên thế giới, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Việt Nam tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ về tinh thần và vật chất, đào tạo cán bộ và hợp tác của Liên Xô, Trung Quốc và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.41.

các nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chính nghĩa của Việt Nam giành được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

Tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng đánh giá đúng chỗ mạnh, đồng thời cũng thấy được những hạn chế, chỗ yếu chí tử của đế quốc Mỹ, trước hết và đặc biệt là chỗ yếu về chính trị. Đồng thời, Đảng và nhân dân Việt Nam hiểu rõ xu thế phát triển của thời đại, hiểu rõ tác dụng lớn lao của tình đoàn kết quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, các nước đang đấu tranh giải phóng dân tộc, của nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa kể cả nhân dân Mỹ đối với sự nghiệp chính nghĩa của mình. Đây là nhân tố quan trọng, giúp nhân dân Việt Nam giữ vững niềm tin, có thêm sức mạnh thực tế và trở thành một tư tưởng chỉ đạo có tầm chiến lược quan trọng, đó là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong cuộc chiến đấu với một nước đế quốc lớn mạnh như Mỹ.

*Trong bối cảnh phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có máu thuẫn, bất đồng, Việt Nam đã giữ vững độc lập, tự chủ, xử lý mềm dẻo các mối quan hệ, kiên trì đoàn kết quốc tế.*

Nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong bối cảnh quốc tế phức tạp. Trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới có những bất đồng, xuất hiện chủ nghĩa xét lại, tâm lý sợ Mỹ, ngại đối đầu với Mỹ, biểu hiện ở xu hướng hòa hoãn, chung sống hòa bình, thủ tiêu đấu tranh vũ trang...

Trên thế giới, xu thế chung là hòa hoãn, cùng tồn tại, vừa đấu tranh, vừa thỏa hiệp để có thể chung sống hòa bình. Vừa trải qua cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc, nguyệt vọng lớn

nhất của các dân tộc trên tất cả các châu lục là được sống trong hòa bình. Các nước lớn như Liên Xô, Anh, Pháp... bị tổn thất lớn trong chiến tranh, cần có hòa bình và cần có thời gian để xây dựng lại. Cách mạng Trung Quốc mới thành công và ngay sau đó Trung Quốc lại tham gia cuộc chiến tranh Triều Tiên nên cũng rất cần có hòa bình và ổn định để xây dựng đất nước, phải cân nhắc thận trọng để tránh một cuộc đụng đầu mới với Mỹ ở bán đảo Đông Dương.

Chiến lược quân sự toàn cầu của Mỹ là “trả đũa ô ạt”, nhưng trọng điểm của Mỹ lúc này là khu vực châu Âu. Giữa các nước lớn, giữa hai hệ thống thế giới mặc dù lợi ích rất khác nhau, thậm chí đối địch nhau, nhưng vì lợi ích bản thân, tất cả đều phải hòa hoãn, tránh hoặc hạn chế những cuộc xung đột vũ trang có thể dẫn đến chiến tranh khu vực, chiến tranh thế giới.

Để phát động cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam, Việt Nam cần sự đồng tình, ủng hộ của thế giới, trước hết là của Liên Xô, Trung Quốc. Quyết định tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong bối cảnh quốc tế đang đấu tranh để giữ gìn hòa bình, Đảng ta đã xử lý đúng đắn quan hệ giữa cuộc đấu tranh vì lợi ích dân tộc với cuộc đấu tranh chung của nhân loại nhằm bảo vệ hòa bình; đề ra và kiên trì, khôn khéo thực hiện chủ trương chiến lược kiềm chế, hạn chế cuộc chiến tranh ở miền Nam, không để bùng nổ thành chiến tranh khu vực, chiến tranh giữa hai phe; nêu cao mục tiêu chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, góp phần chống xâm lược, bảo vệ hòa bình. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không kêu gọi và

không nhận quân tình nguyện quốc tế, quân và dân Việt Nam vừa tích cực chuẩn bị đối phó với tình huống địch mở rộng chiến tranh, vừa hạn chế để Mỹ không mở rộng chiến tranh trên bộ ra miền Bắc. Đó là một tầm nhìn chiến lược rộng lớn, thể hiện bản lĩnh vững vàng và niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh toàn dân tộc của Đảng.

Xác định vị trí quan trọng trong đường lối, chính sách đối ngoại với các nước lớn, chủ trương của Đảng là thi hành một chính sách tương đối cân bằng giữa các nước lớn, giữ vững độc lập tự chủ, không ngả theo nước này chống nước kia, gắn lợi ích của Việt Nam với lợi ích của các nước trong khu vực và với xu thế chung của thế giới, tạo cho Việt Nam một môi trường quốc tế thuận lợi. Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng khẳng định: “Thắng lợi của chúng ta cũng là thắng lợi của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình toàn thế giới”<sup>1</sup>.

Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) là sự kết hợp sức mạnh dân tộc, sức mạnh của chiến tranh nhân dân, do Đảng lãnh đạo với sức mạnh thời đại, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng. Trong lịch sử thế giới, chưa có cuộc đấu tranh vì chính nghĩa, độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất nào được sự ủng hộ rộng rãi và mạnh mẽ của nhân dân thế giới, của nhân dân chính nước đối phương như cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nước ta.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.36, tr.207.

*Đảng coi trọng và xác định phát huy sức mạnh dân tộc, dựa vào nội lực là chính.*

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng chống hai đế quốc xâm lược, Đảng lãnh đạo kết hợp chặt chẽ ba mặt đấu tranh: đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi. Phối hợp đấu tranh trên cả ba mặt quân sự, chính trị, ngoại giao mới phát huy được hết nhân tố tích cực trong nước và trên trường quốc tế, tạo chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, đưa cách mạng tiến lên.

*Thắng lợi của cách mạng Việt Nam có ảnh hưởng, tác động sâu sắc đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới, góp phần tăng cường sức mạnh thời đại.*

Cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm chống ngoại xâm vì quyền lợi tối cao của dân tộc và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến đã bảo vệ được nền độc lập dân tộc mà nhân dân Việt Nam đã giành được từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khởi đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Tầm vóc rộng lớn của cuộc kháng chiến 30 năm, tự bản thân nó đã quy định ý nghĩa thời đại của sự kiện lịch sử này. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam mở đầu sự tan rã của hệ thống thuộc địa đã tồn tại mấy trăm năm trên khắp các châu lục của chủ nghĩa tư bản, của chủ nghĩa thực dân cũ. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã tìm ra một phương thức thống trị các dân tộc, áp bức và bóc lột con người kiểu thực dân kiểu mới, giấu mặt, trái hình. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam mà đỉnh cao là thắng lợi lịch sử mùa xuân năm 1975 đã

đánh đòn đầu tiên, gây chấn động rất lớn, mở đầu cho sự thất bại của phương thức thống trị này.

Nếu ở thập niên 50 của thế kỷ XX, nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh đã giành lại độc lập sau chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam thì tới những thập niên 70 và 80 sau thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam và dưới tác động của thắng lợi này, nhiều nước thuộc thế giới thứ ba đã “phi thực dân hóa”, giành chủ quyền, độc lập ở những mức độ khác nhau. Sự phát triển trong điều kiện có hòa bình của một số nước thuộc thế giới thứ ba trong đó có một số nước ở khu vực Đông Nam Á, sự ra đời và ảnh hưởng ngày càng lớn của phong trào không liên kết không tách rời thắng lợi và tác động của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống chính sách và cuộc chiến tranh xâm lược thực dân cũ của Pháp; chính sách và cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ. Nhân dân Việt Nam đã chiến đấu, hy sinh vì độc lập và sự phát triển của dân tộc mình; đồng thời, với 30 năm kháng chiến oanh liệt đi đến chiến thắng trọn vẹn vào mùa xuân năm 1975, Việt Nam đã góp phần dẫn đến những thay đổi to lớn và nhanh chóng có tính toàn cầu.

Trong thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam đã đạt được ba thắng lợi vĩ đại, trong đó có thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Có được những thắng lợi vĩ đại đó là kết quả của việc thực hiện thành công các nội dung,

nguyên tắc cơ bản trong quá trình kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**2. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại”<sup>1</sup>. Thực hiện nhất quán đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Từ bình diện chính trị có thể thấy, có xây dựng được nội lực, phát huy được sức mạnh dân tộc mới bảo đảm giữ vững được độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh,... Đại hội lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế”<sup>2</sup>. Độc lập, tự chủ chính là yêu cầu sống còn, là bản sắc, lẽ sống của dân tộc Việt Nam.**

Trong điều kiện hiện nay, những thành quả mà nhân loại đạt được trong thế giới hiện đại là những yếu tố vô cùng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.66.

quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Một mặt, đòi hỏi phải hiện đại hóa các yếu tố nội lực, mặt khác, đòi hỏi phải chủ động tích cực tiếp thu các yếu tố ngoại lực, hiện đại tiêu biểu cho thời đại. Vốn nước ngoài, công nghệ hiện đại cùng những giá trị văn hóa - tinh thần gắn liền với công nghệ hiện đại là nguồn ngoại lực, sức mạnh thời đại cần thiết cho sự phát triển đất nước hiện nay. Các yếu tố ngoại lực đó chính là tác nhân quan trọng không thể thiếu để hiện đại hóa đất nước. Nhưng, những vấn đề ngoại lực chỉ có thể phát huy tác dụng khi được tiếp nhận và chuyển hóa thành sức mạnh bên trong, thành nội lực. Về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết: “Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta”<sup>1</sup>. Đó chính là biện chứng của quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Như vậy, biện chứng của quan hệ giữa nội lực và ngoại lực, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại dẫn đến yêu cầu tăng cường và phát huy sức mạnh dân tộc cho phát triển, tạo cơ sở và điều kiện để tiếp nhận sức mạnh của thời đại. Đồng thời chủ động và tích cực tiếp sức thời đại, dân tộc hóa chúng, biến chúng thành sức mạnh bên trong cho phát triển. Thực hiện đồng bộ và hiệu quả hai yêu cầu đó sẽ tạo ra hợp lực, sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Đảng ta đã nắm bắt xu thế vận động, phát triển của thời đại, chủ động khai thông với thế giới, làm cho bạn bè quốc tế quan tâm, hiểu và ủng hộ Việt Nam, nâng cao uy tín và ảnh hưởng quốc tế của cách mạng Việt Nam, phát triển trong liên*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.56-57.

*minh, hợp tác trong đấu tranh.* Những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo chiến tranh cách mạng, trong đó bài học về tranh thủ, phát huy sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, có ý nghĩa lớn và lâu dài đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước, nhân dân ta tiếp tục nêu cao truyền thống nhân nghĩa, coi việc kết thúc chiến tranh cũng là sự mở đầu cho một giai đoạn mới trong quan hệ với nước đối phương. Các nước đều phải quan hệ với nhau, dù trong quá khứ đã từng có xung đột hay chiến tranh. Nhưng đó phải là quan hệ bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng chủ quyền, nền văn hóa và con đường phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc. Để phát triển, các nước nhỏ càng cần phải giữ độc lập, tự chủ, mở rộng hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước; đồng thời phải cảnh giác, không để bị cô lập; phải biết đón và tạo ra vận hội mới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến mọi quốc gia, dân tộc. Không một quốc gia, dân tộc nào có thể phát triển được mà lại tách biệt, cô lập với thế giới. Mở cửa, hội nhập, chủ động gia nhập vào quá trình toàn cầu hóa chính là đòi hỏi của toàn cầu hóa, nhưng cũng là điều kiện thuận lợi để kết hợp và phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong phát triển. Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường không phải là đóng cửa, khép kín, biệt lập với bên ngoài, từ chối sự hợp tác, giúp đỡ của các nước theo nguyên tắc cùng có lợi mà phải mở cửa, mở rộng quan hệ, hợp tác với các nước. Trong thời đại ngày nay, đó cũng là một tất yếu khách quan.

Những bài học kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục được phát huy trong bối cảnh thế giới hiện nay đó là: *Nhận thức, đánh giá chuẩn xác, khách quan về nội dung, tính chất của thời đại và sự vận động của thế giới.*

Trong quá trình toàn cầu hóa, chủ quyền quốc gia đứng trước những thách thức mới, do vậy, vấn đề cơ bản có ý nghĩa chiến lược là phải tập trung mọi nỗ lực để xây dựng, củng cố, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Tận dụng thời cơ, chủ động mở rộng và phát triển quan hệ với tất cả các nước, tạo ra lợi ích đan xen trong quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, các đảng cộng sản, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, sẵn sàng hợp tác trong sự bình đẳng, hữu nghị, cùng có lợi.

*Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, khai thác ngoại lực, thúc đẩy nội lực, kết hợp hài hòa ngoại lực để phát triển đất nước.*

Sức mạnh dân tộc Việt Nam trong công cuộc đổi mới là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự đồng thuận xã hội; là tính ưu việt của chế độ, là sức mạnh của hệ thống chính trị và sự ổn định chính trị; là lực lượng lao động đông đảo của đất nước hơn 97 triệu dân cần cù, thông minh và sáng tạo, là năng lực tư duy, tổ chức, khả năng thích ứng, tiếp nhận những giá trị văn hóa, văn minh, tiến bộ từ bên ngoài; khả năng nắm bắt cơ hội để phát triển; là tài nguyên phong phú, địa kinh tế thuận lợi. Sức mạnh thời đại là các xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, cách mạng khoa học công nghệ, toàn cầu hóa... phải kết hợp được sức mạnh dân tộc và thời đại trong sự nghiệp đổi mới.

Việc phát huy sức mạnh dân tộc đòi hỏi không chỉ đẩy mạnh tạo dựng, phát triển từng nguồn lực với tư cách là yếu tố cấu thành sức mạnh dân tộc, mà còn đòi hỏi kết hợp các yếu tố đó thành một hợp lực. Nói cách khác, yêu cầu phát huy sức mạnh dân tộc đòi hỏi phát triển đồng bộ các thành phần, các yếu tố của nội lực, sức mạnh dân tộc. Chủ động và tích cực xây dựng nội lực không chỉ có nghĩa là làm gia tăng bản thân nội lực, mà còn có nghĩa là tạo ra điều kiện để tiếp nhận ngoại lực.

Sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, tiếp tục được hiện thực hóa, phát huy trong công cuộc đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## **NHỮNG CÔNG HIẾN TO LỚN CỦA CÁC THẾ HỆ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

TS. ĐẶNG KIM OANH\*

### **1. Những công hiến xuất sắc của các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng cho cách mạng Việt Nam**

Nhìn lại chặng đường 90 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đảng (03/02/1930 - 03/02/2020), cùng với những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta vô cùng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất, Người đã cống hiến trọn đời cho dân, cho nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, rèn luyện Đảng, dẫn dắt Đảng, nhân dân Việt Nam làm nên những thắng lợi vẻ vang, Người làm “rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại bởi tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của non sông, đất nước, của dân tộc Việt Nam và hơn thế nữa, sự vĩ đại còn bởi Người luôn quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cho Đảng, đào luyện, bồi dưỡng, hình

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

thành nên lớp lớp cán bộ, những học trò đúc đẽo, tài năng xuất sắc, trong số đó phải kể đến lớp cán bộ lãnh đạo tiền bối của Đảng, những con người không chỉ có những cống hiến trên phương diện lý luận, chỉ đạo thực tiễn, mà đó là những tấm gương đạo đức sáng ngời, kiên trung, dâng hiến trọn đời cho lý tưởng cách mạng, không quản ngại gian khổ, hy sinh vì nền độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình thế giới, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả; được nhân dân mãi mãi khắc ghi, tưởng nhớ và tri ân.

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng, dưới ngọn cờ của Đảng, được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường, đội ngũ cán bộ của Đảng vững vàng vượt qua thử thách, trui rèn trong gian khổ, có tài năng, đức độ, có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, trong đó đặc biệt phải kể đến vai trò của các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đó là các đồng chí đã giữ những cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng, Nhà nước từ năm 1945 về trước, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc<sup>1</sup>. Thực tiễn cách mạng Việt Nam

---

1. Ngày 18/4/1999, Thường trực Bộ Chính trị có Công văn số 2118-CV/CPTW, về “Sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và Nhà nước”, giao cho Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh triển khai Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: Giai đoạn 1, năm 2002, gồm 10 đồng chí: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng. Giai đoạn 2, năm 2009, gồm 11 đồng chí: Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thu, Võ Văn Tân, Nguyễn Lương Bằng,

khẳng định có được những thắng lợi to lớn đó là nhờ sự dẫn dắt của Đảng Cộng sản, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và lớp học trò của Người, mà trong đó không thể không nhắc tới vai trò của các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng trong các thời kỳ đấu tranh giành và giữ nền độc lập dân tộc.

Nhìn lại chặng đường 90 năm qua, đặc biệt ở thời kỳ đấu tranh cách mạng giành độc lập, trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với vai trò của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vai trò của các lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam, tiêu biểu như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Võ Văn Tần, Nguyễn Lương Bằng, Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên, Võ Văn Kiệt, Võ Chí Công, Nguyễn Hữu Thọ, Võ Nguyên Giáp, Lê Quang Đạo, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố,

---

*Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên, Võ Văn Kiệt.* Giai đoạn 3, năm 2014, gồm 7 đồng chí: Võ Chí Công, Nguyễn Hữu Thọ, Võ Nguyên Giáp, Lê Quang Đạo, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Huỳnh Tấn Phát. Giai đoạn 4, năm 2016, gồm 9 đồng chí: Tô Hiệu, Nguyễn Thị Minh Khai, Lương Khánh Thiện, Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thành, Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, Tố Hữu. Từ năm 2015 đến năm 2018, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã rà soát và đề nghị Bộ Chính trị, bổ sung 6 đồng chí vào danh sách lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam: năm 2015, các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Lê Thanh Nghị; năm 2017, đồng chí Nguyễn Chí Diểu; năm 2018, đồng chí Võ Văn Ngân và đồng chí Hoàng Đình Gióng. Như vậy, tính đến năm 2018, danh sách các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam là 25 đồng chí.

Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Thị Minh Khai, Lương Khánh Thiện, Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh, Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Ngân, Hoàng Đình Gióng...

Những lãnh đạo tiền bối tiêu biểu đã để lại tấm gương sáng về ý chí cách mạng, lập trường, tư tưởng kiên định, vững vàng, săn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Ca ngợi và ghi nhận những công hiến, hy sinh to lớn của các thế hệ lãnh đạo tiền bối của Đảng, trong diễn văn đọc tại Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay. Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.19-20.

Câu nói của người cộng sản kiên trung, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng - Trần Phú<sup>1</sup> - một lãnh tụ có những cống hiến to lớn cho Đảng, cho cách mạng Việt Nam, ngay trong buổi đầu đầy khó khăn, khi Đảng còn đang trong thời kỳ trứng nước đã từng dặn lại các đồng chí của mình trước khi mất: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” đã trở thành một thứ vũ khí mà mỗi người Việt Nam yêu nước mang theo để xông lên tiêu diệt quân thù, vững vàng vượt qua những khó khăn trên con đường phát triển của cách mạng.

Tổng Bí thư Lê Hồng Phong cũng là một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chiến sĩ cộng sản tiêu biểu, một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, một chiến sĩ quốc tế mẫu mực, có vai trò và những cống hiến gắn liền với cách mạng Việt Nam. Cuộc đời hoạt động, cống hiến cho Đảng, cho cách mạng và nhân dân của đồng chí Lê Hồng Phong tuy ngắn ngủi, nhưng để lại cho chúng ta một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng<sup>2</sup>. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Đồng chí đã gắng nói to lên nhấn với đồng chí nằm ở buồng bên cạnh: “Xin chào tất cả các đồng chí. Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng tới giờ phút cuối cùng Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin tưởng ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng”. Cuộc đời hoạt động của đồng chí Lê Hồng Phong là biểu tượng cho lòng trung thành, ý chí kiên cường, bất khuất của người cộng sản.

1. Xem “Những cống hiến của đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, cho cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương và Đảng ta”, <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/8327902-.html>.

2. Xem Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

Tổng Bí thư Hà Huy Tập trong hoạt động cách mạng đã luôn nỗ lực hết mình, có công hiến to lớn trong khôi phục hệ thống tổ chức đảng sau khi phong trào cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng trong những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ XX. Cả cuộc đời đồng chí Hà Huy Tập đã dành trọn cho cách mạng, cho Đảng, là Tổng Bí thư ở những năm Đảng gặp khó khăn nhất; là nhà lý luận của Đảng phải đấu tranh trực diện với kẻ thù, Đồng chí nêu tấm gương trung thành, sống có nguyên tắc, có bản lĩnh, luôn tìm tòi sáng tạo, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp cao cả của cách mạng, của Đảng và của dân tộc. Đồng chí Hà Huy Tập - người chiến sĩ cộng sản kiên trung, nhà lý luận xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trong lịch sử Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư trẻ tuổi nhất, là một nhà lãnh đạo xuất sắc, một tấm gương sáng chói về đạo đức cách mạng, chí công vô tư “tự chỉ trích” trên tinh thần cộng sản cao cả. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là nhà lý luận xuất sắc, nhà chính trị tài năng, một tấm gương tiêu biểu về tinh thần tự học tập rèn luyện và trưởng thành qua đấu tranh cách mạng. Đồng chí đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân Việt Nam. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là người đi đầu trong việc đề cao tinh thần thẳng thắn đấu tranh phê bình và tự phê bình nhằm nâng cao sức mạnh của Đảng thể hiện thông qua tác phẩm *Tự chỉ trích* được viết vào tháng 7/1939. Tác phẩm *Tự chỉ trích* bằng thực tiễn hoạt động phong phú, đã khái quát được những vấn đề tư tưởng lý luận hết sức sâu sắc mang tính thời đại cho đến nay vẫn còn giá trị thời sự. Tác phẩm đã thể hiện sự minh triết trong tư duy chính trị của một nhà lãnh đạo giàu kinh

nghiêm, tài năng xuất sắc, đồng thời thể hiện chất trí tuệ sáng ngời của Đảng trong việc làm giàu thêm kho tàng lý luận học thuyết Mác - Lênin...

Ngày 18/01/1940, đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị bắt. Biết đây là Tổng Bí thư của Đảng, đế quốc Pháp đã dùng mọi thủ đoạn tra tấn dã man nhất. Dù bị đòn roi ác liệt, Đồng chí vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Sáng sớm ngày 28/8/1941, Đồng chí hiên ngang bước ra pháp trường với những khẩu hiệu cách mạng hô vang trước lúc bị giặc Pháp xử bắn vẫn còn vang vọng mãi đến ngày nay. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị xử bắn tại Hóc Môn (Gia Định) cùng với các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu. Tấm gương hy sinh oanh liệt của đồng chí Nguyễn Văn Cừ mãi mãi là niềm tự hào của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam.

Trong hoạt động cách mạng, các đồng chí không màng danh lợi, hòa mình trong đời sống thực tế của nhân dân; là tấm gương lan tỏa về phẩm chất đạo đức cách mạng gắn liền với việc làm, luôn tuân thủ chặt chẽ kỷ luật, kỷ cương của Đảng và tổ chức, nói ít làm nhiều và đã làm là làm tới nơi tới chốn; không ham danh vị, lợi quyền, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết, trước hết; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của người cộng sản chân chính, phẩm chất cần có của nhà lãnh đạo tài năng, đức độ của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập, cùng với vai trò, đóng góp quan trọng của các đồng chí Tổng Bí thư, lịch sử cách mạng Việt Nam đã ghi nhận những cống hiến to lớn của các đồng chí tiền bối, như Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt,

Hoàng Văn Thụ, Võ Văn Tần, Nguyễn Lương Bằng, Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Thị Minh Khai, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Ngân, Hoàng Đình Gióng... Đồng chí Nguyễn Lương Bằng mãi lưu truyền trong các thế hệ cách mạng với những tên gọi thân thương như “Sao Đỏ”, “Anh Cả”. Nguyễn Lương Bằng là “biểu tượng của sự mẫu mực, sự trong sáng của tình đồng chí, tình anh em”. Tấm gương của đồng chí Ngô Gia Tự, người có những đóng góp quan trọng trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; người cộng sản kiên trung, bất khuất, tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, hy sinh trọn đời vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc... Những tấm gương đó và nhiều tấm gương khác của các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng, bằng những cống hiến to lớn, nhân cách cao đẹp, có giá trị lan tỏa mạnh mẽ, khích lệ tinh thần cách mạng trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

## **2. “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>1</sup> - giá trị giáo dục, khích lệ tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng vang dội của Đảng cho hôm nay và mai sau**

Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú với những cống hiến to lớn, phẩm chất cách mạng kiên cường và tấm gương đạo đức cách mạng mẫu mực, trong sáng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo tiền bối tiêu biểu là niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân, là tài sản tinh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.284.

thần vô giá để mỗi chúng ta có quyền tự hào, bày tỏ tình cảm tri ân những cống hiến của các đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc Việt Nam.

Tiếp nối truyền thống “Ăn quả nhớ người trồng cây”, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn ghi nhớ công ơn của các bậc tiền bối. Truyền thống “hiếu nghĩa bác ái”, lòng quý trọng và biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với những bậc tiền bối đã phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước, cung cố và bồi đắp niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trân trọng đánh giá cao những cống hiến, hy sinh to lớn của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và Nhà nước với nhiều hình thức tưởng nhớ, tri ân. Năm 1999, Bộ Chính trị có Công văn số 2118-CV/CPTW về “Sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và Nhà nước”. Đặc biệt, ngày 18/02/2014, Bộ Chính trị ra Kết luận số 88-KL/TW “Về tổ chức kỷ niệm 100 năm, trên 100 năm ngày sinh; xây dựng khu lưu niệm, nhà lưu niệm; xây dựng, công bố phim tài liệu về thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tiền bối tiêu biểu”. Nội dung Kết luận nêu rõ: Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước được tổ chức kỷ niệm 100 năm và tròn 100 năm ngày sinh gồm 19 đồng chí: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Võ Nguyên Giáp (trường hợp đặc biệt), Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Võ Chí Công, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Hữu Thọ,

Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Lê Quang Đạo, Huỳnh Tấn Phát.

Các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu là các đồng chí đã giữ những cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng từ năm 1945 về trước, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc được tổ chức kỷ niệm 100 năm và tròn 100 năm ngày sinh, gồm 19 đồng chí: Tô Hiệu, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Thụ, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Phong Sắc, Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Chí Thanh, Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, Tố Hữu.

Thực hiện Kết luận số 88-KL/TW Đảng, Nhà nước và nhân dân ta vẫn tiếp tục nghiên cứu, rà soát, phát hiện về thân thế, sự nghiệp cách mạng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tiền bối tiêu biểu thuộc diện được tổ chức để kịp tiếp tục tôn vinh và tri ân.

Thực tiễn 90 năm qua cho thấy, trong các dịp lễ tết, các dịp kỷ niệm các sự kiện lớn của Đảng, của đất nước, của dân tộc, Đảng luôn chú trọng tôn vinh, tri ân các bậc tiên liệt của dân tộc, các lãnh đạo tiền bối của Đảng, của cách mạng, những người đã không tiếc tuổi thanh xuân hy sinh cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt Nam, để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước và đạo đức cách mạng của người cộng sản. Đảng, Nhà nước và nhân dân không bao giờ quên công lao to lớn của các bậc cách mạng tiền bối, các anh hùng liệt sĩ, nguyện sống, chiến đấu, lao động, học tập và làm việc xứng đáng với

các bậc tiên nhân, với những người đã hết lòng hy sinh vì dân, vì nước.

Những cống hiến lớn lao và sự hy sinh cao đẹp của các đồng chí lãnh đạo tiền bối góp phần làm cho “cây cách mạng khai hoa, kết quả”. Những tấm gương lãnh đạo tiền bối tiêu biểu là viên ngọc sáng ngời, giáo dục, khích lệ tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hôm nay. Mỗi dịp kỷ niệm, ôn lại truyền thống vẻ vang của Đảng, tri ân công lao to lớn của các thế hệ lãnh đạo tiền bối là dịp để nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần cách mạng của người cộng sản; thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, không ngừng học tập, đổi mới, sáng tạo, nâng cao trình độ mọi mặt. Ôn lại những cống hiến to lớn của các đồng chí đối với Đảng và cách mạng Việt Nam, cũng là dịp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang, khơi dậy niềm tự hào về lịch sử đấu tranh kiên cường của các thế hệ cha anh.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Sự hy sinh, cống hiến to lớn của các bậc lãnh đạo cách mạng tiền bối mãi mãi được khắc ghi trong trái tim mỗi người Việt Nam ta, là nguồn lực tinh thần quý báu, tiếp thêm sức mạnh để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2020) cũng là lúc toàn Đảng, toàn

dân, toàn quân đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, tích cực chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Tri ân, ghi nhận và học tập những tấm gương cộng sản kiên cường của các thế hệ lãnh đạo cách mạng tiền bối tiêu biểu của Đảng trong chặng đường 90 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ góp phần tạo xung lực mới để mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là những người đứng đầu, có trách nhiệm nêu gương, ra sức học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam; nêu cao tính gương mẫu trong quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với thế hệ trẻ; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

## **NHỮNG CÔNG HIẾN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ HIỆN NAY**

PGS.TS. PHAN VĂN RÂN\*

**L**à một đảng mácxit - léninnít chân chính, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, từ khi ra đời đến nay, luôn làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trước dân tộc và giai cấp, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Vinh dự này bắt nguồn từ nhiều nhân tố khác nhau, trong đó có việc Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, xem đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Từ nhận thức đúng đắn đó, ngoài việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để xây dựng đường lối đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam còn luôn thể hiện sự trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Với phương châm “kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*công nhân*<sup>1</sup>, cùng với việc làm tròn sứ mệnh lịch sử đối với dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam còn có những đóng góp to lớn đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, thể hiện cả về lý luận lẫn thực tiễn, cụ thể như sau:

### 1. Đóng góp về lý luận

Xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh không những vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, mà còn phát triển, bổ sung lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Có thể nêu ra một số luận điểm bổ sung vào kho tàng lý luận Mác - Lênin như sau:

- Phát triển lý luận Mác - Lênin về con đường cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản giai đoạn tự do cạnh tranh, C. Mác dự báo rằng, cách mạng vô sản trước hết sẽ nổ ra và giành thắng lợi ở một loạt các nước tư bản phát triển tiên tiến nhất ở châu Âu. Khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn độc quyền, đế quốc, V.I. Lênin cho rằng cách mạng vô sản không nhất thiết nổ ra ở những nước tư bản phát triển nhất, mà “có thể thắng trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa”<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, trong thời đại ngày nay, khi mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc trở thành một mâu thuẫn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, t.69, tr.449.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.26, tr.447.

cơ bản, V.I. Lenin khẳng định rằng, cách mạng vô sản không chỉ là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước tư bản, mà “đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả những nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế”<sup>1</sup>. Do vậy, Người cho rằng trong cuộc đấu tranh giai cấp của mình, giai cấp vô sản ở các nước tư bản chính quốc cần phải liên minh với phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Từ đó, V.I. Lenin phát triển khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại” của C. Mác thành “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại”.

Với góc nhìn của người dân thuộc địa, lại chứng kiến các phong trào yêu nước Việt Nam lần lượt thất bại, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước mới cho dân tộc mình sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin (tháng 7/1920). Từ đó Người tin theo Lenin, chủ nghĩa Lenin vì đây là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất” và khẳng định “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>2</sup>. Không những tin tưởng vào sự đúng đắn của lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lenin, theo lãnh tụ Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa sau khi hoàn thành sẽ từng bước đi tới xã hội cộng sản. Cương lĩnh chính trị của Đảng đầu năm 1930 do Người soạn thảo đã chỉ

---

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.370.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

rõ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Cách mạng Việt Nam sau này đã đi theo tiến trình được lãnh tụ Hồ Chí Minh vạch ra là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chống thực dân, đế quốc, phong kiến, đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua tư bản chủ nghĩa với tư cách là một chế độ, được khẳng định trên thực tế mối quan hệ mang tính quy luật của sự vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam suốt từ khi có Đảng tới nay. Điều này cho thấy lãnh tụ Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của C. Mác trong điều kiện cách mạng ở các nước thuộc địa, phong kiến, đồng thời qua đó đã bổ sung vào kho tàng lý luận Mác - Lênin về cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trước đây, các nước đang phát triển ngày nay.

*- Phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về mối liên hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc.* Do những hạn chế của bối cảnh lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen chưa bàn về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và mối liên hệ của nó với cách mạng vô sản thế giới. V.I. Lênin là người đầu tiên đặt ra mối quan hệ hữu cơ giữa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới với phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Tuy nhiên, V.I. Lênin xem thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa cần sự giúp đỡ của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển. Tuyên ngôn của Quốc tế Cộng sản (tháng 3/1919) cũng cho rằng công cuộc giải phóng các dân tộc thuộc địa chỉ có thể thắng lợi khi cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc thắng lợi.

Xuất phát từ thực tiễn đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, từ tình hình cách mạng thế giới và từ kinh nghiệm hoạt động phong phú, nhẫn quan sát bén của mình, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã có cái nhìn mới về mối quan hệ này. Người xem sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản như “con đỉa hai vòi”, một vòi bám vào giai cấp vô sản chính quốc, vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Do đó, Người cho rằng trong cuộc đấu tranh của mình, cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng thuộc địa tất yếu có mối liên hệ gắn bó mật thiết, thúc đẩy lẫn nhau như “hai cánh của một con chim”. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa có tính độc lập, bình đẳng, không phụ thuộc hoàn toàn vào cách mạng vô sản ở chính quốc, mà thậm chí “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa...”<sup>1</sup>. Vì vậy, Người cho rằng, *cách mạng ở thuộc địa không được thụ động, trông chờ vào cách mạng ở chính quốc mà cần tự lực cánh sinh, cần tiến hành chủ động, độc lập, sáng tạo, tự đứng lên giải phóng mình và cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, trước cách mạng vô sản ở chính quốc và qua đó góp phần thúc đẩy cách mạng vô sản ở chính quốc*. Ngay trong bản *Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* năm 1921, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã khẳng định công cuộc giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa chỉ có thể thực hiện bằng sự nỗ lực của bản thân họ. Sau đó, trong tác phẩm *Đường kách mệnh* (1927), Người một lần nữa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.295.

chỉ rõ: “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”<sup>1</sup>. Với tư tưởng đó, trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc giải phóng và kháng chiến cứu nước của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn coi trọng trước hết việc phát huy tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>2</sup>. Luận điểm trên đây thực sự là một bổ sung, phát triển có giá trị của lãnh tụ Hồ Chí Minh đối với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Thắng lợi của cách mạng ở một số nước thuộc địa càng khẳng định sự cống hiến của lãnh tụ Hồ Chí Minh cũng như của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

- Phát triển lý luận Mác - Lê nin về xử lý mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc, giữa giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc trong công cuộc giải phóng ở các nước thuộc địa. Trong học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, vấn đề đấu tranh giai cấp và giải phóng giai cấp vô sản được đặt lên hàng đầu, coi giải phóng giai cấp là điều kiện, tiền đề cho giải phóng các dân tộc, còn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được nhìn nhận như hệ quả của giải phóng giai cấp, phụ thuộc vào kết quả của cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản. Theo C. Mác, “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”<sup>3</sup>. Tuy nhiên, chính các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác cũng đã cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản là mang

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.320.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.596.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr.624.

tính thế giới, nhưng cuộc đấu tranh ấy lại gắn với quốc gia - dân tộc cụ thể, và vì thế giai cấp vô sản phải hoàn thành sứ mệnh với dân tộc mình trước đã. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã nêu rõ: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”<sup>1</sup>. Do vậy, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”<sup>2</sup>.

Ngay từ rất sớm, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, học thuyết Mác được xây dựng trên bối cảnh lịch sử cụ thể của châu Âu, mà châu Âu thì “chưa phải là toàn thể nhân loại”<sup>3</sup>. Người phê phán sự máy móc, giáo điều trong nhận thức học thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác “mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”<sup>4</sup>. Lãnh tụ Hồ Chí Minh cho rằng, lý luận mácxit về đấu tranh giai cấp và mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc khi vận dụng vào các xã hội thuộc địa phương Đông cần phải được bổ sung, phát triển “bằng dân tộc học phương Đông”<sup>5</sup>. Theo đó, Người chỉ ra sự cần thiết phải xem xét sự khác nhau cơ bản giữa phương Tây với phương Đông về điều kiện kinh tế và kết cấu xã hội - giai cấp. Ở các nước thuộc địa, phong kiến phương Đông, giai cấp công nhân còn nhỏ yếu, mâu thuẫn giai cấp giữa tư sản và vô sản chưa rõ rệt, nổi bật, trong khi mâu thuẫn chính, chủ yếu là mâu thuẫn

---

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.611, 623-624.

3, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.510.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.312.

giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân, đế quốc và thế lực phong kiến tay sai bán nước. Vì vậy, nhiệm vụ trung tâm, đặt lên hàng đầu cho cách mạng ở các nước thuộc địa là giải quyết mâu thuẫn dân tộc, đó là đấu tranh chống đế quốc, thực dân xâm lược để giải phóng đất nước, giành độc lập cho dân tộc. Về vấn đề này, theo lãnh tụ Hồ Chí Minh: “nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi lại được”. Quan điểm này của lãnh tụ Hồ Chí Minh là một sự phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên bối cảnh lịch sử cụ thể. Tuy vậy, với lãnh tụ Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh dân tộc đó gắn với cuộc đấu tranh giai cấp, là một bộ phận của cách mạng vô sản, dựa trên ý thức hệ của giai cấp công nhân, do đội tiên phong của nó là đảng cộng sản lãnh đạo, có sự liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới, với giai cấp vô sản ở chính quốc và khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải phát triển thành xã hội chủ nghĩa thì cuộc cách mạng mới giành được thắng lợi hoàn toàn.

*Bổ sung và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về đảng cách mạng và lực lượng cách mạng trong bối cảnh cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.* Bàn về quy luật ra đời của các đảng mácxít, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của các nước tư bản châu Âu, V.I. Lênin đã khái quát công thức: Đảng cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân. Tuy nhiên, xuất phát từ bối cảnh xã hội - giai cấp đặc thù của Việt Nam và của các nước

thuộc địa phong kiến, nơi mà phân hóa giai cấp, đấu tranh giai cấp chưa rõ rệt, nơi mà giai cấp công nhân còn nhỏ bé về số lượng, non yếu về chất lượng, nơi mà chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh cho rằng, việc ra đời của các đảng cộng sản ở các dân tộc thuộc địa vì thế phải là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước mang tính dân tộc của các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giải phóng đất nước. Từ đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh cho rằng, đảng mang bản chất giai cấp nhưng không những gắn với giai cấp, đại diện cho lợi ích giai cấp, mà đảng còn phải gắn với dân tộc, đồng thời là đảng của dân tộc, phản ánh đặc thù và truyền thống dân tộc, đại diện và tiêu biểu cho lợi ích nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Với cách mạng Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên phải là đảng của dân tộc Việt Nam, và quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Năm 1961, một lần nữa lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị”<sup>1</sup>. Những luận điểm về sự ra đời của đảng vô sản và mối quan hệ giữa đảng với dân tộc là sự bổ sung, phát triển rất đặc sắc của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam cho học thuyết về xây dựng đảng vô sản kiểu mới ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, cũng là một cống hiến về lý luận cho phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.275.

## 2. Đóng góp về thực tiễn

Có thể khẳng định rằng, cống hiến lớn đầu tiên và bao trùm của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế về mặt thực tiễn là bài học sâu sắc về phương pháp nhận thức, học tập, tiếp thu và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với những người cộng sản và cách mạng chân chính, trong khi học tập và thực hành lý luận mácxit phải luôn sáng tạo, đổi mới và phát triển, không ngừng làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tránh rơi vào giáo điều xơ cứng, không rơi vào lập trường “tả” khuynh, hữu khuynh hay tuyệt đối hóa, thần thánh hóa Mác, Lênin. Việc nhận thức giáo điều, “tả” khuynh, thậm chí là độc quyền chân lý trong nhận thức và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin ở một số người cộng sản và một số đảng cộng sản là nguyên nhân chính dẫn đến sự bất hòa, chia rẽ trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế những năm 50, 70 của thế kỷ XX. Cũng chính do nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách máy móc, giáo điều, thiếu sáng tạo, không được bổ sung, phát triển trước sự vận động của thực tiễn đã là một trong những nguyên nhân khiến chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội hiện thực trở nên xơ cứng, thiếu động lực để phát triển và hệ quả là sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Tấm gương tiếp thu và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là bài học lịch sử, vừa có ý nghĩa thời đại sâu sắc đối với những người cách mạng trong bối cảnh phong trào cộng sản, công nhân quốc tế hiện nay.

Một trong những cống hiến khác về thực tiễn của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lý luận

Mác - Lênin và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế là việc tìm ra con đường cứu nước và chỉ ra phương pháp cách mạng đúng đắn cho các dân tộc thuộc địa bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng, hiện thực hóa thành công lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào bối cảnh của một nước thuộc địa, nửa phong kiến như Việt Nam. Những thành quả vĩ đại, mang tầm vóc thời đại của cách mạng Việt Nam do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là những kinh nghiệm có ảnh hưởng lan tỏa rộng lớn và sâu sắc tới cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa, bị áp bức, góp phần thức tỉnh, khơi dậy, thúc đẩy, cổ vũ các phong trào yêu nước, cách mạng ở các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc ở Á - Phi - Mỹ Latinh đứng lên giải phóng mình, giành lấy tự do và độc lập dân tộc, dẫn tới sự tan rã và sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã tồn tại hàng trăm năm, góp phần to lớn làm thay đổi sâu sắc bộ mặt thế giới trong thế kỷ XX.

Trong bối cảnh thế giới ngày nay, khi phong trào cách mạng thế giới nói chung, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế nói riêng đang tạm thời lâm vào thoái trào, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thể hiện tình đoàn kết quốc tế của mình, tiếp tục có những đóng góp cho phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Trong khi triển khai đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: “Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới”<sup>1</sup>. Trong bốn phương

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.147.

châm chỉ đạo xử lý các vấn đề quốc tế thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã xác định phương châm đầu tiên là: “Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân”<sup>1</sup>.

Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt kể từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây, bằng các hoạt động cụ thể của mình nhằm góp phần khôi phục phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam cùng với giai cấp công nhân và loài người tiến bộ trên thế giới đấu tranh thực hiện mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tuy tình hình thế giới thời kỳ sau Chiến tranh lạnh diễn biến phức tạp và môi trường hoạt động của từng đảng cộng sản ở mỗi nước là không giống nhau, nhưng với tư cách đội tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam và các đảng cộng sản và công nhân trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế luôn thể hiện sự thống nhất với nhau trong nhiều vấn đề về tư tưởng, chính trị trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê nin, kiên trì đấu tranh vì những mục tiêu mang tính thời đại, cùng hướng tới mục tiêu, lý tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sự thống nhất về cơ bản tư tưởng chính trị và mục tiêu chiến lược là tiền đề khách quan thuận lợi tạo nên mối quan hệ hữu nghị, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các đảng cộng sản và công nhân trong phong trào cộng sản quốc tế trước đây cũng như ngày nay,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.449.

thể hiện tính tất yếu và sự trong sáng của chủ nghĩa quốc tế vô sản của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã chứng minh rằng, mỗi một thắng lợi của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam chống thực dân đế quốc trước đây, trong sự nghiệp đổi mới để từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay không chỉ là nguồn động viên, cổ vũ đối với các lực lượng cộng sản trên thế giới, mà còn là một công hiến quan trọng vào cuộc đấu tranh chung của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế vì mục tiêu của thời đại.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới (năm 1986) cũng là thời điểm chủ nghĩa xã hội hiện thực đang lún sâu vào cuộc khủng hoảng gay gắt nhất trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, dẫn đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Trong điều kiện phong trào cách mạng lâm vào thoái trào, việc Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục được củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và mục tiêu chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao vị thế và ảnh hưởng quốc tế của mình là một minh chứng sinh động về sự đóng góp của Đảng ta đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Việc trụ vững của Đảng Cộng sản Việt Nam và việc kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa là nguồn động viên, cổ vũ to lớn đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Không những vậy, việc Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, trước hết là lý luận Mác - Lênin, trên cơ sở đó xây dựng đường lối chiến lược, sách lược để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thích ứng với

những biến đổi của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam được xem như bước đột phá góp phần tăng cường sức sống của chủ nghĩa xã hội, có ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

Trong quá trình hoạt động của mình, Đảng ta luôn thể hiện chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Tuy mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn, sự thể hiện chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân của Đảng ta mang những hình thức khác nhau, nhưng về tổng thể, sự đoàn kết, hợp tác trên tinh thần đồng chí anh em với các đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế được xác định như một nguyên tắc cốt yếu trên mặt trận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự hiện diện đông đảo đại biểu các đảng cộng sản của nhiều nước trên thế giới tại các kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức đăng cai Hội nghị lần thứ 17 các đảng cộng sản và công nhân năm 2016 cũng như sự tham dự của đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam tại các đại hội của nhiều đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế là một biểu hiện cụ thể chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không những thế, trong những năm gần đây, Đảng Cộng sản Việt Nam còn tích cực tham gia các cuộc gặp gỡ quốc tế thường niên giữa các đảng cộng sản, công nhân như ở Aten (Hy Lạp), Síp, Béclin, hoặc các cuộc hội thảo khoa học, diễn đàn Sao Paolô... của các lực lượng cánh tả Mỹ Latinh và thế giới... Thông qua các hình thức này và bằng tiếng nói của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bày tỏ quan điểm, lập trường đối với nhiều vấn đề cấp bách đang đặt ra cho những

người cộng sản cũng như đối với toàn bộ phong trào cộng sản, công nhân quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. Cùng với những vấn đề lý luận mang tính phổ biến, việc Đảng Cộng sản Việt Nam triển khai nghiên cứu và làm sáng tỏ nhiều vấn đề đặt ra đối với cách mạng Việt Nam như về thời kỳ quá độ và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước có xuất phát điểm thấp như Việt Nam; về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế... đều là những kinh nghiệm quý báu mà các đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế có thể tham khảo và vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước mình, đồng thời cũng là nguồn bổ sung, làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác - Lênin.

Chín mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Có được những thắng lợi đó, ngoài nhân tố mang tính quyết định là sức mạnh nội lực, còn có sự đóng góp quan trọng của nhân tố quốc tế - thời đại, trong đó có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn trên tinh thần chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân của các đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đang gặp nhiều khó khăn, với tư cách là một đảng mácxít - léninnít chân chính và là một đảng cầm quyền lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hơn lúc nào hết, Đảng ta cần thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân của mình trong việc hợp tác, giúp đỡ các đảng cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Thực tiễn

cách mạng Việt Nam cho thấy, Đảng ta luôn nhận thức đúng đắn rằng, khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại” của Mác - Ăngghen và được Lê nin bổ sung “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại”, không chỉ là lời hiệu triệu, mà còn là cội nguồn sức mạnh của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống lại sự liên kết quốc tế của giai cấp tư sản, và vấn đề chiến lược có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

Thẩm nhuần những nguyên tắc về đoàn kết quốc tế thống nhất trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế do C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lê nin vạch ra và được lãnh tụ Hồ Chí Minh phát triển sáng tạo, Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn lãnh đạo của mình đã kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp cách mạng thế giới nói chung, của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế nói riêng.

## **90 NĂM MỞ ĐƯỜNG CHO DÂN TỘC, TIỀN PHONG TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG THẾ GIỚI**

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THẢO\*

Một mùa xuân cách đây 90 năm, ngày 03/02/1930, chính đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất các tổ chức cộng sản trong cả nước với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo, tổ chức và rèn luyện của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; nhờ được xây dựng ngày càng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thành công sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm trọn nghĩa vụ quốc tế, đổi mới và hội nhập. Tiến bước dưới lá cờ vinh quang của Đảng, đất nước ta từ thân phận thuộc địa đã trở thành quốc gia độc lập có chủ quyền; từ tình trạng bần cùng lạc hậu đã vươn lên thoát nghèo, trở thành nền kinh tế năng động trong khu vực và trên thế giới; từ chỗ không có tên trên bản đồ thế giới đã trở thành bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; từ tình cảnh nô lệ, nhân dân ta đã trở thành chủ

---

\* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

nhân của xã hội mới, ngày càng tự do, hạnh phúc... Việt Nam đã vững vàng trên vị trí hàng đầu trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc; trong phong trào giải phóng dân tộc; trong sự nghiệp xây dựng, đổi mới chủ nghĩa xã hội và trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tiến bộ xã hội trên thế giới. Chín thập kỷ vang dội của Đảng Cộng sản Việt Nam là chín thập kỷ mở đường cho dân tộc và tiên phong trong sự nghiệp cách mạng thế giới:

**1. Bản *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 đã đưa ra đường lối cách mạng duy nhất đúng đắn, phù hợp gắn kết hữu cơ mục tiêu chống thực dân đế quốc, giải phóng dân tộc với mục tiêu chống chế độ phong kiến, xây dựng chế độ xã hội mới trong một quá trình đấu tranh thống nhất vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với sự kiện này, phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng Việt Nam đã chấm dứt hơn một nửa thế kỷ bế tắc (1858 - 1930) về đường lối giải phóng và con đường phát triển, gắn kết cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.**

Được lý luận Mác - Lenin soi sáng và thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thức tỉnh, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam đã vùng dậy, đoàn kết xung quanh Đảng thực hiện hàng loạt cuộc đấu tranh cách mạng to lớn, trong đó có phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931 và cuộc vận động cách mạng 1936 - 1939, có nội dung và phương thức khác hẳn so với những phong trào đấu tranh yêu nước trước đó (phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân, các cuộc khởi nghĩa nông dân, phong trào cách mạng tư sản, tiểu tư sản, trí thức...). Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản từ năm 1930 là một mô hình tổ chức cuộc cách mạng vô sản

ở thuộc địa, góp phần bổ sung, phát triển lý luận Mác - Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa - một đề tài mà bản thân lãnh tụ V.I. Lênin cũng chỉ có những “sơ thảo” ban đầu và nhìn chung đội ngũ cộng sản châu Âu không có nhiều hiểu biết thực tiễn.

**2.** Mười lăm tuổi, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc, tạo ra mốc son lớn cho phong trào chống thực dân, giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong thời đại ngày nay, đồng thời, đã bổ sung, phát triển lý luận và thực tiễn “giai cấp vô sản phải biến thành dân tộc, trở thành dân tộc” trong cuộc đấu tranh chung. Tháng lợi năm 1945 của cách mạng Việt Nam đã mở rộng chế độ xã hội chủ nghĩa đến châu Á rộng lớn, góp phần tạo ra tương quan lực lượng có lợi cho chủ nghĩa xã hội và xây dựng, củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Nhớ lại thời kỳ cuối thế kỷ XIX, các thế lực tư sản phương Tây hoảng sợ trước “bóng ma” cộng sản đang ám ảnh châu Âu; rồi đến Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, chúng điên cuồng trước sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực đầu tiên, và ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, lại hoang mang tột cùng trước làn sóng cộng sản từ Đông Âu tiến vào trái tim Tây Âu. Trong đầu óc các chiến lược gia tư sản, không mấy ai hình dung được một cuộc cách mạng vô sản nổ ra tại thuộc địa Viễn Đông vào năm 1945; thậm chí, ngay trong đội ngũ các lãnh tụ Quốc tế Cộng sản ngày ấy, vẫn còn không ít tư duy cho rằng, cách mạng vô sản ở thuộc địa không thể nổ ra trước khi cách mạng vô sản ở chính quốc giành thắng lợi. Trong bối cảnh đó, lãnh

tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận biết rất tinh tế các khuynh hướng vận động của thế giới, chuẩn bị đầy đủ lực lượng, chớp thời cơ thành công và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa, lật đổ chính quyền phong kiến - thực dân - phát xít, lập nên chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Quá trình cách mạng do Đảng lãnh đạo từ năm 1930 đến năm 1945 thật sự là một sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện của một quốc gia phương Đông - nơi có phương thức sản xuất đặc thù so với những thứ mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã tổng kết để viết nên học thuyết giải phóng giai cấp cần lao trên toàn thế giới.

**3.** Sau chín năm trường kỳ kháng chiến và với chiến thắng Điện Biên Phủ lùng lẫy năm châu, “chấn động địa cầu”<sup>1</sup> ngày 07/5/1954, quân và dân Việt Nam đã đánh bại đội quân viễn chinh của thực dân Pháp, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình trên toàn bán đảo Đông Dương. Ngọn lửa Điện Biên Phủ - Việt Nam đã trở thành bó đuốc mở đầu cho dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc lan rộng khắp châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Trong vòng chưa đầy nửa thế kỷ sau năm 1954, hệ thống thuộc địa mà các thế lực thực dân dựng lên trong suốt 5 thế kỷ từ năm 1492 trên khắp địa cầu đã sụp đổ hoàn toàn vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX. Hơn 100 quốc gia độc lập có chủ quyền đã ra đời, tự quyết định con đường phát triển của mình không lệ thuộc vào thực dân đế quốc, làm thay đổi hẳn bản đồ chính trị thế giới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.58, tr.614.

Chế độ thực dân Pháp được áp đặt trên đất nước Việt Nam ngay sau tiếng súng xâm lược năm 1858 và được tô vẽ bằng huyền thoại “khai hóa văn minh”. Thực chất đây là quá trình xâm chiếm, khai thác thuộc địa phục vụ cho chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chuyển mình thành một thế lực độc quyền đế quốc. Trong cục diện thế giới thời kỳ Chiến tranh lạnh, chủ nghĩa tư bản đế quốc cấu trúc lại hệ thống thuộc địa thành một trong những thành quách bảo vệ cuối cùng, trong đó có thuộc địa Việt Nam của thực dân Pháp. Bởi vậy, Điện Biên Phủ đã được Pháp và các đồng minh phương Tây kiến tạo thành một tập đoàn cứ điểm hùng hậu; chiến trường Việt Nam đã trở thành nơi hội ngộ của nhiều vị tướng 4 sao lừng danh nhất của quân đội viễn chinh. Theo lôgic tác chiến thông thường, thế trận của thực dân Pháp là “bất khả chiến bại”; nhưng quân và dân Việt Nam, bằng phương thức chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện đã biến điều tưởng như không thể thành chiến thắng hiện thực. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc chín năm trường kỳ kháng chiến và đưa Việt Nam trở thành tiêu điểm của một hội nghị quốc tế giữa các cường quốc thuộc hai hệ thống xã hội đối lập nhau; đồng thời, trở thành ngọn hải đăng và nguồn cảm hứng cách mạng đầy sinh lực cho các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh đang tìm đường thoát khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa thực dân đế quốc.

4. Với thắng lợi của Hiệp định Pari năm 1973 buộc “Mỹ cút” khỏi Việt Nam và đại thắng mùa xuân năm 1975 đánh “nhào” chế độ ngụy quyền Sài Gòn, quân và dân Việt Nam anh hùng đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là chiến thắng vĩ đại của dân tộc chống đế quốc, của chủ nghĩa xã hội chống

chủ nghĩa tư bản, của văn minh chống bạo tàn. Tư tưởng bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*<sup>1</sup>” đã trở thành một chân lý thời đại. Việt Nam trở thành lương tâm và khí phách của nhân loại, tiên phong trong sự nghiệp cao cả vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nước Mỹ đã trở thành một tấm gương về tiềm lực phát triển. Đến giữa thế kỷ XX, siêu cường Mỹ trở thành sức mạnh vượt trội, và trên nhiều phương diện, được xem như một “xã hội vĩ đại”. Tận dụng ưu thế tổng hợp đó, đế quốc Mỹ thực hiện vai trò “sen đàm quốc tế” và triển khai các chiến lược toàn cầu chống phá mọi phong trào đấu tranh, trước hết là các cuộc cách mạng do lực lượng cộng sản lãnh đạo. Đặt trong tính toán chiến lược đó, Việt Nam trở thành nơi quân viễn chinh và sức mạnh của siêu cường Mỹ được huy động phô diễn đến mức cao nhất, cả ở chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam và chiến tranh phá hoại nhằm đưa miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở về “thời kỳ đồ đá”. Hơn 20 năm ròng, quân và dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã làm thất bại hết chiến lược này đến chiến lược khác mà Nhà Trắng và Lầu Năm Góc nhọc nhằn xây dựng, để kết thúc chiến tranh bằng những kỳ tích 1972 - 1973 và Đại thắng ngày 30/4/1975. Giấc mơ mây chục năm ấp ú: Đất nước hòa bình, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực. Chiến thắng của Việt Nam có ý nghĩa thời đại vô cùng to lớn, khẳng định sức mạnh ưu việt

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.131.

của chủ nghĩa xã hội trước chủ nghĩa tư bản đế quốc; sức mạnh vô địch của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trước các thế lực xâm lược đầu sỏ hung hãn nhất; sức sống của ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cho đến hôm nay, chỉ có Việt Nam đã chứng minh cho cả thế giới đây đủ bản lĩnh, trí tuệ dám đánh Mỹ và thắng Mỹ trên chiến trường. Tấm gương thúc tinh và mở đường của Việt Nam, vì vậy, vẫn còn nguyên giá trị và cảm hứng hào hùng cho các dân tộc trên thế giới ngày nay.

**5.** Sau khi Liên Xô tan rã vào tháng 12/1991 và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng cả về lý luận và thực tiễn, đối mặt với những thách thức nghiệt ngã nhất. Từ năm 1986, với trí tuệ và bản lĩnh vốn có, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng, lãnh đạo công cuộc đổi mới. Sau 10 năm đổi mới (1986 - 1996), Việt Nam về cơ bản khắc phục được tình trạng khủng hoảng, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2010, Việt Nam ra khỏi tình trạng chậm phát triển, chấm dứt lịch sử hàng ngàn năm đói nghèo, lạc hậu để trở thành quốc gia có thu nhập trung bình trên thế giới. Với thực tiễn Việt Nam, luận điệu của các nhà tư tưởng tư sản về sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản đã bị bác bỏ một cách thuyết phục. Việt Nam đã cống hiến cho chủ nghĩa xã hội một phương cách mới để tự bảo vệ, trụ vững và phát triển: đó là thông qua đổi mới vừa kiên định, vừa sáng tạo.

Trong lịch sử hình thành và phát triển, chủ nghĩa xã hội có không ít lần phải đối mặt với những thử thách ngặt nghèo của lịch sử, nhưng thử thách cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX là nghiêm trọng nhất vì cuộc khủng hoảng

diễn ra trên diện rộng, toàn diện cả về tư duy, nhận thức lý luận và chính sách, hoạt động thực tiễn. Sự tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết được cả hai phía cộng sản và đế quốc nhận định như một đại động đất địa - chính trị, đẩy thế giới vào khoảng trống lớn và các lực lượng cộng sản vào tình thế mất thăng bằng một cách bất ngờ, bất thường.

Vừa ra khỏi hai cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài mấy chục năm, lại phải đương đầu ngay sau đó với các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới phía Bắc, phía Tây Nam và gánh vác nghĩa vụ quốc tế nặng nề, cộng với những chính sách phát triển kinh tế - xã hội chủ quan, duy ý chí, đến giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, Việt Nam rơi vào một cuộc khủng hoảng gay gắt. Khi Việt Nam tiến hành đổi mới (1986), thì Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng bước vào thời kỳ khó khăn, trì trệ, khủng hoảng rồi tan vỡ thành nhiều mảng lớn. Rõ ràng, đối với đất nước ta, hai cuộc khủng hoảng trong và ngoài đến cùng một lúc, đặt chế độ xã hội chủ nghĩa vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Phải thật tỏ tường về hoàn cảnh đặc thù này mới thấy hết giá trị mở đường của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, của đường lối đổi mới do Đảng quang vinh khởi xướng, lãnh đạo và tổ chức thực hiện thành công trong suốt gần 35 năm qua.

Cũng cần so sánh thêm rằng, quá trình cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, tuy được tiến hành gần như cùng thời gian với đổi mới ở Việt Nam nhưng không thành công, càng triển khai chủ nghĩa xã hội càng suy yếu và cuối cùng là sụp đổ, tan rã. Trái lại, ở Việt Nam và một số quốc gia xã hội chủ nghĩa khác, chủ nghĩa xã hội thông qua đổi mới đã tìm được những “mảnh đất hiện thực”

sinh động để khẳng định sức sống và phát triển. Bí quyết làm nên sự khác biệt đó chính là đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và liên tục bổ sung, phát triển là đúng đắn, phù hợp, thể hiện một lần nữa năng lực mở đường của một chính đảng “là đạo đức, là văn minh”<sup>1</sup>.

6. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới năm 2008 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được chính thức truyền thông trên toàn cầu từ năm 2013 đòi hỏi cộng đồng quốc tế phải nhận thức lại về phạm trù phát triển, tái cấu trúc lại mô hình phát triển và đổi mới chiến lược phát triển ở từng quốc gia. Trước đòi hỏi rất bức thiết này của thế giới đương đại, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tiếp tục đẩy mạnh đồng bộ và toàn diện công cuộc đổi mới, đạt thêm nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng nhanh, đạt trên 7%, cao hơn mức kế hoạch (6,6 - 6,8%), thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới; nâng quy mô GDP lên khoảng 266 tỉ đôla Mỹ, bình quân đạt gần 2.800 USD/người. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lần đầu tiên vượt mốc 500 tỉ USD Mỹ (đạt khoảng 517 tỉ USD), trong đó xuất siêu gần 10 tỉ USD, xuất khẩu tăng khoảng 8% so với năm 2018, trong khi xuất khẩu của nhiều nước sụt giảm mạnh, thậm chí có nước tăng trưởng âm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm xuống còn khoảng 4%, thấp hơn 1% so với năm 2018; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 90%; hơn 54% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, về đích sớm hơn kế hoạch gần 2 năm. Việt Nam được bầu đảm nhiệm

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

vai trò Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ thứ hai) với số phiếu cao gần như tuyệt đối, giữ chức Chủ tịch ASEAN năm 2020 và giành vị trí thứ hai tại Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEAGAME), chỉ sau nước chủ nhà Philíppin... Có lẽ chính vì vậy mà Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra nhận định: “Mây đen phủ lên toàn cầu, nhưng mặt trời vẫn đang tỏa nắng ở Việt Nam”.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục mở đường đổi mới tư duy và mô hình phát triển đáp ứng yêu cầu và xu hướng phát triển của thế giới hiện đại, đem lại vị thế và tiền đồ đẹp đẽ cho quốc gia - dân tộc. Bạn bè quốc tế ngày nay nói về Việt Nam là nói về một thiên anh hùng ca chống thực dân đế quốc, giành độc lập, tự do cho dân tộc; nhưng không chỉ có thế, bạn bè quốc tế còn nói về Việt Nam như một tấm gương đổi mới, hội nhập và phát triển. Các bạn hàng tìm đến Việt Nam không chỉ như một thị trường để khai thác, mà là một đối tác để hợp tác cùng có lợi. Việt Nam đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế không chỉ để có thêm bạn và thích ứng với môi trường bên ngoài, mà còn để tham gia định hình các thể chế quốc tế, chủ trì phối hợp giải quyết các công việc chung... Rõ ràng, Việt Nam đổi mới là một minh chứng sống động và nguồn cảm hứng quý báu cho hàng trăm quốc gia chậm phát triển, đang phát triển trên con đường thoát nghèo và cất cánh; đồng thời, là một đóng góp có tầm vóc quốc tế cho quá trình phục hồi và phát triển của phong trào xã hội chủ nghĩa, cánh tả và cách mạng trên toàn thế giới ngày nay.

PHẦN THỨ HAI

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG  
CHÍNH TRỊ NGANG TẦM  
NHIỆM VỤ**





## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG\*

### **1. Đảng sáng lập và lãnh đạo hệ thống chính trị dân chủ nhân dân**

Sách lược văn tắt của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia”<sup>1</sup>.

Đảng đã sáng lập ra Mặt trận Việt Minh và tích cực xây dựng các tổ chức của quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đánh giá ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân

\* Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.4.

tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”<sup>1</sup>.

Một trong những nguyên nhân làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là do Đảng ta chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công - nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đánh dấu sự hình thành một hệ thống chính trị dân chủ nhân dân. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân có một chính quyền tự xác định là công bộc của dân, dân là chủ và dân làm chủ, dựa trên nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, có một Mặt trận và nhiều tổ chức quần chúng rộng rãi. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ. Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”<sup>2</sup>.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.25.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.410.

dân tộc thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông và trí thức vững chắc; có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

## **2. Đảng lãnh đạo hệ thống chuyên chính vô sản**

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền: miền Nam tiếp tục cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) xác định: “sau khi nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành, thì miền Bắc nước ta cần phải tiến ngay vào cách mạng xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>, “Muốn đạt mục tiêu ấy phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản...”<sup>2</sup>. Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội lần thứ IV của Đảng (năm 1976) chỉ rõ rằng, muốn đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, “điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”<sup>3</sup>. Kể từ Đại hội lần thứ III của Đảng cho đến khi Đảng đề ra đường lối đổi mới đất nước,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.531, 559.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.507.

hệ thống chính trị nước ta về thực chất được tổ chức và hoạt động theo các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản và do vậy, tên gọi của hệ thống và được xác định là hệ thống chuyên chính vô sản. Đảng ta chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm những nội dung chủ yếu: (1) xác định quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức; (2) xác định Nhà nước trong thời kỳ quá độ là Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội; (3) xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản; (4) xác định nhiệm vụ chung của Mặt trận và các đoàn thể là bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội; (5) xác định mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ là cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội.

Hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản được chỉ đạo bằng đường lối của các Đại hội III, IV và V của Đảng đã góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam (giai đoạn 1954 - 1975) và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1985) đã góp phần mang lại những thành tựu quan trọng. Đánh giá thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Đại hội lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời

đại sâu sắc”<sup>1</sup>. Điểm mới, sáng tạo của Đảng là đã xác định làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta.

### **3. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới**

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã sử dụng khái niệm “hệ thống chính trị” thay cho khái niệm “hệ thống chuyên chính vô sản”, là kết quả của bước đổi mới tư duy chính trị có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Từ văn kiện Đại hội lần thứ VI đến văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đều nhấn mạnh xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong gần 35 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh những nội dung cốt lõi sau:

#### *Đảng là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị*

Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng là thành viên của hệ thống chính trị, giữ vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng được hiến định trong Hiến pháp. Hiến pháp năm 1980 đã thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng một cách cụ thể trong “Lời nói đầu” và Điều 4 của Hiến pháp: Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lê nin, là lực

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.471.

lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội... Điều 4, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã xác định rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Điều 4, Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ hơn: Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và cả xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

Trên cơ sở kiên trì các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản, công tác xây dựng Đảng được tiến hành

trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Xây dựng Đảng về chính trị đã giúp giữ vững, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; kiên định các nguyên tắc nền tảng; tăng cường bản lĩnh chính trị; nâng cao chất lượng đường lối, chính sách. Công tác tư tưởng, lý luận được tăng cường đã tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận xã hội trước những vấn đề lớn của đất nước, của công cuộc đổi mới; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; tìm tòi, bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tổ chức đảng có bước đổi mới quan trọng, từ thể chế, tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược; chỉnh đốn lề lối, tác phong công tác; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng được đặc biệt coi trọng, có tác dụng quan trọng trong đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của đảng viên. Qua thực tiễn xây dựng Đảng, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố; quyền con người, quyền công dân được bảo đảm tốt hơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam trưởng thành hơn trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân,

khơi dậy tiềm năng sáng tạo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích nhân dân tham gia xây dựng Đảng và quản lý nhà nước. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới gần 35 năm qua.

*Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 xác định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm”<sup>1</sup>.

Đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta xác định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.145.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra và các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”<sup>1</sup>.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Trong thực tiễn, *dân chủ* và *thực hành dân chủ* có bước tiến quan trọng: *Thứ nhất*, dân chủ trong lĩnh vực *kinh tế*. Các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất, kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh... là thành tựu lớn nhất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. *Thứ hai*, dân chủ trong lĩnh vực *chính trị* được thực hiện ngày càng tốt hơn và có những bước tiến nổi bật. Các tổ chức trong hệ thống chính trị đã và đang tiếp tục được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động. Các hình thức thực hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.513.

dân chủ (dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp) được coi trọng. *Thứ ba*, dân chủ trong lĩnh vực văn hóa và xã hội có những kết quả quan trọng, đặc biệt, dân chủ trong hoạt động lý luận khoa học đã có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng tạo của mình, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

*Tuy nhiên, nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ còn những hạn chế, bất cập:* Quyền làm chủ của nhân dân và sự tham gia của nhân dân trong quản lý nhà nước và xã hội chưa được thực hiện đầy đủ và triệt để. Cho đến nay, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện ở nước ta vẫn còn nặng tính hình thức - xét cả ở góc độ nhận thức và cả ở hiện thực tổ chức, hoạt động của các thiết chế và cơ chế thực thi. Mặc dù nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc nền tảng cho tổ chức và hoạt động của Đảng và Nhà nước ta, nhưng trong những năm gần đây rất nhiều vụ việc được phát hiện, xử lý kỷ luật, truy tố trước pháp luật đều vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tập trung dân chủ trong nhận thức và hành động. *Việc thực hành dân chủ còn những hạn chế:* Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi còn bị vi phạm, *việc thực hiện dân chủ ở một số nơi có lúc còn mang tính hình thức.* Còn không ít biểu hiện mất dân chủ hoặc dân chủ cực đoan; thực hiện pháp luật, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Trong Đảng, tình trạng vi phạm việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách còn xảy ra ở một số nơi. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và của tổ chức đảng, chính quyền quy định chưa rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm...

*Đảng lãnh đạo các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị*

- *Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:* Cương lĩnh năm 1991 xác định Nhà nước là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng đã xác định một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Nhận thức của Đảng về Nhà nước ngày càng có bước phát triển mới. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

*Nhà nước bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Một là, Đảng, Nhà nước càng ngày càng có nhận thức rõ hơn về vấn đề quyền con người. Từ chỗ không đề cập trực tiếp vấn đề nhân quyền trong các văn kiện của Đảng đến chỗ có đề cập và đề cập ngày càng đầy đủ hơn, nhất quán hơn.*

*Hai là*, Đảng chủ trương chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền; kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định của Việt Nam. *Ba là*, Đảng chủ trương Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; thực hiện tận tâm các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết quốc tế về quyền con người.

*Nhận thức rõ hơn đặc trưng của Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*: Một là, bảo đảm thực thi đầy đủ nguyên lý chủ quyền nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước; hai là, quyền lực nhà nước là có giới hạn một cách rõ ràng bằng Hiến pháp và luật; ba là, quyền lực nhà nước là thống nhất, mỗi quan hệ giữa các thiết chế lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước được điều chỉnh bởi nguyên tắc quyền lực của mỗi cơ quan đều được phân định rõ ràng, bảo đảm độc lập tương đối với nhau và có sự kiểm soát quyền lực lẫn nhau (quyền lực kiểm soát quyền lực) trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; bốn là, thượng tôn pháp luật được bảo đảm trong mọi hành vi ứng xử của Nhà nước đối với xã hội và đối với thị trường; năm là, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước được bảo đảm; sáu là, độc lập trong hoạt động xét xử (độc lập tư pháp) được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất (thể hiện cả trong cách thức tổ chức các cơ quan tư pháp, điều kiện

bảo đảm về ngân sách, nguồn bổ nhiệm, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp v.v.); *bảy là*, Nhà nước xây dựng được hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, khả thi, thống nhất, đồng bộ, ổn định; *tám là*, phân định thẩm quyền trung ương, địa phương (phân cấp) một cách rõ ràng, bằng luật định, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, từng bước thực hiện nguyên tắc tự quản địa phương; *chín là*, tôn trọng đầy đủ cam kết quốc tế, tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị toàn cầu để góp phần vào sự phát triển chung của thế giới và bảo vệ thỏa đáng/có hiệu lực lợi ích quốc gia; *mười là*, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Hiến pháp năm 2013 bổ sung yếu tố kiểm soát quyền lực nhà nước vào nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta. Hiến pháp năm 2013 đã có những đổi mới thể hiện sự nhận thức đúng hơn về tầm quan trọng của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định đầy đủ, đồng bộ và toàn diện những nội dung thuộc quyền con người, quyền công dân.

*Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề nhận thức lý luận chưa rõ và còn có ý kiến khác nhau:* Về *dân chủ trực tiếp*, mặc dù Hiến pháp năm 2013 quy định về dân chủ trực tiếp nhưng chưa đầy đủ và đồng bộ. Về *dân chủ đại diện*, các quy định nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân... chưa đầy đủ, bó hẹp, cứng nhắc. Năng lực, hiệu lực của Nhà nước ta còn thấp. Bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, chưa được phân công rành mạch, phân quyền chưa đủ mạnh dẫn đến tình trạng

thẩm quyền vừa bị phân mảnh, manh mún, vừa có sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Nhà nước trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh tế, tuy đã giảm nhưng vẫn còn nhiều. Trách nhiệm giải trình của Nhà nước trước nhân dân còn hình thức, chưa thực chất. Xử lý chưa hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội.

*Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:* Cương lĩnh năm 1991 đã xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Đến Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), nhận thức của Đảng ta về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có bước phát triển mới.

Về vai trò, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân được xác định là “rất quan trọng” đó là: Trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Các đoàn thể nhân dân tuỳ theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt

và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Về tổ chức và vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị được xác định: Là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Nghị quyết của Đại hội lần thứ XI và Đại hội lần thứ XII đã chỉ rõ các nhiệm vụ mới của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là: Tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp, đoàn kết nhân dân, thực hiện dân chủ, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Đại hội lần thứ XII đề ra giải pháp phát huy quyền làm chủ của nhân dân: Đầu mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Hiến pháp đã thể chế hóa chủ trương của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Điều 9, Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ hơn về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: Dưới sự lãnh đạo của

Đảng, hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ phù hợp với nhiệm vụ của các nhiệm kỳ đại hội của từng tổ chức.

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, ngày 25/10/2017 về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, đã giảm được 4 đầu mối trực thuộc Trung ương, 7 tổng cục và tương đương; 81 cục, vụ và tương đương; hơn 2.600 phòng và tương đương. Đặc biệt, giảm hơn 15.000 lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các cấp; giảm hơn 236.000 (tương đương 6,58%) công chức, viên chức, 41.000 hợp đồng và hơn 25.000 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (tương đương 12,84%)...

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. Chú trọng phát triển đoàn viên, hội viên của các tổ chức thành viên. Phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, trong cộng đồng dân cư, trong các dân tộc, tôn giáo, nhân sĩ, trí thức, chuyên gia tham gia các hoạt động trên địa bàn khu dân cư.

Chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân. Tích cực triển khai các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động... Tăng cường phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền cùng cấp trong việc triển khai các nghị quyết liên tịch, các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện có hiệu quả như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; công tác xóa đói, giảm nghèo bền vững...

*Tuy nhiên, nhận thức lý luận về Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn một số vấn đề chưa rõ. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội mới chỉ thực hiện vai trò, nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội của mình đối với cơ quan, tổ chức của Nhà nước, cán bộ chính quyền và dân cử các cấp, chưa có quy định pháp lý để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên. Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Quy định này đã được luật hóa tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013; tuy nhiên, trên thực tế, Đảng mới thực hiện rõ vai trò lãnh đạo, còn vai trò là tổ chức thành viên thì chưa được quy định rõ, cho đến nay vẫn còn có nhận thức chưa đầy đủ. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn một số hạn chế, bất cập: Tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ chuyên trách công tác còn yếu về năng lực chuyên môn, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.*

Nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có mặt còn chậm đổi mới so với yêu cầu, nhiệm vụ. Việc tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình; chưa kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhất

là những vấn đề bức xúc của nhân dân. Thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có việc còn chồng chéo hoặc mang tính hình thức. Một số nơi, các cuộc vận động, phong trào thi đua chưa tạo được sự chuyển biến tích cực, chưa cải thiện được nhiều tình hình khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Ở một số lĩnh vực, địa bàn thực tế, Mặt trận chưa làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đặc biệt đối với những vụ việc còn gây bức xúc, “điểm nóng” trong xã hội; còn nhiều khó khăn trong triển khai các nhiệm vụ về giám sát và phản biện xã hội.

Khái quát lại, trong công cuộc đổi mới, Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công việc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ...

Qua thực tiễn 90 năm Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, có thể rút ra một số *bài học kinh nghiệm* sau:

*Một là*, tùy theo nhiệm vụ của từng giai đoạn của cách mạng để thành lập tổ chức, xác định chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị.

*Hai là*, phải nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, bám sát thực tiễn, thường xuyên đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức để đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

*Ba là*, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân.

*Bốn là*, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức hệ thống chính trị.

*Năm là*, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhận thức và hành động theo quy luật khách quan, kịp thời tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để có chủ trương đúng, giải pháp cụ thể, phù hợp nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của từng bộ phận trong hệ thống chính trị.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Đồng chí UÔNG CHU LUU\*

**X**ây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (xã hội chủ nghĩa) của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một trong những nội dung lớn, quan trọng trong Văn kiện Đại hội Đảng nhiều nhiệm kỳ gần đây. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sự kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị cốt lõi của nhà nước dân chủ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với các giá trị tiến bộ, khoa học của học thuyết nhà nước pháp quyền hiện đại. Trong bài viết này, xin giới thiệu một số nét chính trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhất là hai nội dung lớn: thành tựu và kinh nghiệm.

### **1. Khái quát về sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta**

*Tư tưởng về nhà nước pháp quyền ra đời và phát triển rất sớm ở các nước phương Tây từ thời cổ đại, bắt đầu từ những tư tưởng thống trị của pháp luật trong đời sống nhà nước và*

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

xã hội chống lại sự chuyên quyền, độc đoán của cá nhân người cầm quyền. Đến thời kỳ Phục hưng và Khai sáng ở châu Âu (thế kỷ XVII - XIX), tư tưởng về nhà nước pháp quyền mới được hình thành rõ nét, phát triển mạnh mẽ và trở thành một học thuyết chính trị pháp lý. Ngày nay, học thuyết nhà nước pháp quyền tiếp tục được các nhà tư tưởng chính trị và pháp lý phát triển, bổ sung thêm nhiều đặc điểm mới, tiến bộ và phù hợp với xã hội đương đại, đã trở thành tiêu chuẩn quốc tế trong hệ thống pháp luật quốc tế hiện đại.

Qua tham khảo kinh nghiệm thế giới cho thấy, mặc dù các học thuyết, tư tưởng về nhà nước pháp quyền còn nhiều điểm cụ thể khác nhau, song hạt nhân của tư tưởng này là bảo đảm tính thượng tôn của pháp luật (trong đó Hiến pháp là đạo luật tối cao của hệ thống pháp luật) xuất phát từ mối quan hệ giữa pháp luật và quyền lực để hình thành cách thức tổ chức quyền lực, hạn chế tình trạng tùy tiện, lạm quyền trong việc thực thi quyền lực. Trong đó, quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc phân quyền và bảo đảm quyền lực phải được kiểm soát: quyền lực nhà nước được phân thành các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; việc tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc phân công và chế ước lẫn nhau (quyền lực nhà nước phải được kiểm soát), quyền tư pháp độc lập.

Ở nước ta, ngay từ thập niên 20 của thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề “phải có thần linh pháp quyền” trong bài “Việt Nam yêu cầu ca”<sup>1</sup>. Từ khi Nhà nước

---

1. Trong bài “Việt Nam yêu cầu ca” (năm 1922), yêu cầu thứ bảy là:  
“Bảy xin hiến pháp ban hành,  
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.473.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945) đến nay, tư tưởng xây dựng một nhà nước dân chủ, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; có nền dân chủ lập hiến, quản lý đất nước bằng pháp luật là tư tưởng nhất quán, được hình thành và phát triển ngày một hoàn thiện qua các thời kỳ. Đến Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (tháng 01/1994), lần đầu tiên thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân” đã chính thức được đưa vào Văn kiện. Đến Đại hội lần thứ IX (2001) của Đảng, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trở thành quan điểm chỉ đạo xây dựng Nhà nước ta<sup>1</sup> và sau đó được thể chế vào Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* xác định rõ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tại Đại hội lần thứ XII (2016), Đảng bổ sung, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó vừa làm sâu sắc thêm những quan điểm, tư tưởng đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện trước,

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.131.

vừa có những phát triển mới khắc phục những hạn chế trong tư duy, nhận thức và hành động trong giai đoạn trước đây và đáp ứng được những đòi hỏi của tình hình mới.

Nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển tư tưởng nhà nước pháp quyền trong các văn kiện của Đảng qua các thời kỳ nêu trên, có thể rút ra một số đánh giá, nhận xét sau:

*Thứ nhất, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, mang bản chất dân chủ và pháp quyền (thượng tôn pháp luật) là chủ trương nhất quán của Đảng được hình thành, phát triển và ngày càng hoàn thiện.*

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994) đánh dấu sự đổi mới mang tính đột phá trong nhận thức về mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước - trụ cột của hệ thống chính trị - với việc chính thức xác định Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, và vì dân là mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước mà Đảng và nhân dân ta cần xây dựng, khắc phục quan niệm đơn giản, sai lầm khi đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản<sup>1</sup>. Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng, với việc hiến định đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đến các Đại hội lần thứ X, lần thứ XI, lần thứ XII và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã xác định Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong tám yếu tố đặc trưng của xã hội

---

1. Xem Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), tr.137.

xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định là Nhà nước mang bản chất dân chủ và pháp quyền (thượng tôn pháp luật): “trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền”<sup>1</sup>. Trong đó:

- Bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đều được các văn kiện Đại hội lần thứ X, lần thứ XI và lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh là Nhà nước “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, chủ thể của quyền lực nhà nước là nhân dân, quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ nhân dân: “tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân”. Bản chất dân chủ này còn thể hiện ở việc Nhà nước “tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân”<sup>2</sup>, đề cao trách nhiệm pháp lý của Nhà nước trước nhân dân, bảo đảm xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, trong đó mọi người dân thực sự có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”<sup>3</sup> đã được ghi nhận, khẳng định trong đạo luật cơ bản của Nhà nước.

- Tính pháp quyền (thượng tôn pháp luật, đề cao trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm phục vụ của Nhà nước trước nhân dân, đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội và trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước) trong quản lý kinh tế - xã hội, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.175.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.85.

3. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, [www.vanban.chinhphu.vn](http://www.vanban.chinhphu.vn).

ngày càng được đề cao. Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định: Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý... bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật... Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật... mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật...; Cương lĩnh năm 2011 của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật “đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch... thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân”. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội”<sup>1</sup>.

*Thứ hai, từng bước xác lập các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa mang giá trị phổ biến của nhân loại, vừa mang giá trị đặc thù của nước ta, đó là:* (1) Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên nền tảng chủ quyền nhân dân - nhân dân là nguồn gốc, là chủ thể của quyền lực nhà nước, quyền lực nhà nước thống nhất ở nhân dân;

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.176.*

(2) Tinh thần thượng tôn pháp luật: Luật pháp (trong đó Hiến pháp là đạo luật gốc, có vị trí cao nhất trong hệ thống pháp luật) có vị trí tối thượng trong đời sống nhà nước, đời sống xã hội của quốc gia và trong quan hệ quốc tế. Pháp luật là cơ sở tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; pháp luật phải được áp dụng công bằng, nhất quán, kịp thời, phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận; (3) Quyền lực nhà nước được tổ chức thực hiện theo nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp<sup>1</sup>; Tòa án - cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, nghiêm cấm mọi sự can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án<sup>2</sup>; (4) Nhà nước tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (5) Nhà nước tôn trọng và tuân thủ các cam kết quốc tế mà mình là thành viên; (6) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhưng các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

*Thứ ba, dưới ánh sáng tư tưởng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đã khắc họa sâu sắc yêu cầu, mỗi quan hệ biện chứng, tất yếu của việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đi đôi với bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội:*

---

1. Yếu tố kiểm soát quyền lực chính thức được ghi nhận từ Cương lĩnh năm 2011 sau đó được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013.

2. Xem Chương VIII, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Tlđd.

- *Chức năng quản trị quốc gia và chức năng phục vụ nhân dân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được nhận thức ngày càng sâu sắc.* Cùng với quá trình phát triển thì tư duy “Nhà nước làm tất cả” đã thay đổi và đang chuyển theo hướng Nhà nước tôn trọng các quy luật thị trường, hạn chế can thiệp làm sai lệch các quan hệ thị trường, Nhà nước chỉ làm những việc xã hội không làm được hoặc không muốn làm nhằm khắc phục những bất cập của thị trường, phân định rõ hơn: *các nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị quốc gia* (xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và chiến lược; bảo đảm ổn định chính trị - xã hội - kinh tế vĩ mô, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản quốc gia, thực hiện tốt chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; kiểm soát độc quyền và bảo vệ người tiêu dùng...) với *các nhiệm vụ thuộc chức năng phục vụ nhân dân, cung ứng các dịch vụ công* (bao gồm cả dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ hành chính công), đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực xã hội cùng Nhà nước cung cấp và nâng cao chất lượng các dịch vụ công, từng bước tiến tới nguyên tắc cơ quan, công chức nhà nước chỉ làm những gì pháp luật cho phép, người dân được làm những gì luật không cấm.

- *Nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tư tưởng thượng tôn pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đã có những phát triển mới,* bên cạnh việc khẳng định: “**Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.** Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra

sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn”<sup>1</sup>, Văn kiện nhấn mạnh đến các yếu tố như: 1) Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội; 2) Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; 3) Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; 4) Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội; 5) Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

- *Đi đôi với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thì việc bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân là hai mặt không thể tách rời trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội:* Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.175.*

bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

+ *Nội dung của quyền dân chủ được nhận thức đầy đủ hơn* với việc Đảng đã khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa có nội dung cốt lõi là tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm dân chủ gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm chủ quyền thực sự thuộc về nhân dân<sup>1</sup>. Quá trình dân chủ hóa bắt đầu từ dân chủ trong kinh tế đến dân chủ trong chính trị; từ dân chủ trong Đảng đến dân chủ trong Nhà nước, dân chủ trong Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và trong toàn xã hội; từ dân chủ trong các hoạt động của Đảng đến dân chủ trong các quan hệ của Đảng với Nhà nước và xã hội; từ dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học đến dân chủ trong sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật; từ việc xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở đến việc chống lại mọi biểu hiện của tệ cửa quyền, quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi...

---

1. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định rõ: “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người”. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

+ *Hình thức và phương thức thực hiện dân chủ ngày càng được nhận thức toàn diện hơn.* Nhân dân thực hiện quyền làm chủ bằng nhiều hình thức *dân chủ đại diện* (qua các cơ quan nhà nước và thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quần chúng...); đồng thời, *dân chủ trực tiếp* ngày càng được coi trọng với việc hiến định các quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực dân sự - chính trị như quyền tham gia quản lý nhà nước, quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước và cao nhất là quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân...<sup>1</sup>. Quyền làm chủ của nhân dân phải được bảo đảm bằng Hiến pháp và toàn bộ hệ thống pháp luật. Dân chủ gắn với công bằng xã hội, dân chủ đi đôi với kỷ cương, kỷ luật trên cơ sở pháp luật được làm ra tuân thủ pháp chế và thực thi một cách dân chủ dưới sự giám sát và phản biện xã hội.

## **2. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong thực hiện thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**

Thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta thời gian qua, nhất là từ khi có Hiến pháp năm 2013 đến nay, có thể thấy chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo tiền đề cho việc

---

1. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định “Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân...” (Điều 6), đến Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của nhà nước” (Điều 6).

tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong các giai đoạn tiếp theo. Điều này được thể hiện thông qua một số điểm nhấn sau:

*Thứ nhất, tinh thần thương tôn pháp luật đã thể hiện sâu sắc hơn trong nguyên tắc chủ quyền nhân dân, trong vấn đề bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.*

Các bản Hiến pháp trước đây, đặc biệt Hiến pháp năm 2013 và hệ thống pháp luật đã khẳng định, làm sâu sắc hơn và thể hiện nhất quán, xuyên suốt vấn đề chủ quyền nhân dân trong toàn bộ các quy định của Hiến pháp và hệ thống pháp luật<sup>1</sup>: 1) Các bản Hiến pháp nhất quán khẳng định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”<sup>2</sup>; 2) Hiến pháp đã xác định rõ hơn nhiệm vụ của Nhà nước là phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức là phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của

1. Như Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật kiểm toán nhà nước...

2. Điều 2, Hiến pháp năm 2013.

Nhân dân<sup>1</sup>; 3) Hiến pháp xác định rõ hơn việc Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước. Đặc biệt quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân được quy định rõ hơn thông qua các quy định về quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân trong Hiến pháp<sup>2</sup> và Luật trưng cầu ý dân; 4) Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp ghi nhận vai trò của Nhân dân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp; trong việc tham gia xây dựng và quyết định Hiến pháp<sup>3</sup>.

Trên cơ sở đó, các hình thức thể hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên thực tế khá đa dạng, thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: một số hình thức dân chủ trực tiếp quan trọng nhất như bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, trưng cầu ý dân; một số hình thức khác như tham gia ý kiến, kiến nghị, phản ánh, thực hiện dân chủ ở cơ sở, thông qua chức năng giám sát và phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thông qua các quy định mới về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử, bảo đảm chức năng giám sát, phản biện xã hội của nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội...

*Thứ hai, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức đều phải*

1. Điều 3, Điều 8, Hiến pháp năm 2013.

2. Điều 6, Điều 29, Hiến pháp năm 2013.

3. Lời nói đầu, Điều 119, Điều 120, Hiến pháp năm 2013.

*tuân thủ triệt để theo các quy định của pháp luật.* Theo đó, Hiến pháp năm 2013 đã:

(1) Điều chỉnh lại một số nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, qua đó hoàn thiện mối quan hệ quyền lực giữa các cơ quan này để vừa bảo đảm sự thống nhất của quyền lực nhà nước, bảo đảm sự đồng bộ của bộ máy nhà nước, vừa bảo đảm vị trí, vai trò của từng thiết chế quyền lực từ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, chính quyền địa phương đến các thiết chế hiến định độc lập. Theo đó, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên<sup>1</sup>.

Căn cứ vào các quy định của Hiến pháp, hàng loạt các luật về tổ chức bộ máy nhà nước được Quốc hội khóa XIII

---

1. Điều 69, Điều 86, Điều 94, Điều 102 và Điều 112, Hiến pháp năm 2013.

và khóa XIV ban hành<sup>1</sup>. Các đạo luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, cùng với các đạo luật trong tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội khác bảo đảm cho bộ máy nhà nước tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật theo yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong thời gian qua, tổ chức bộ máy nhà nước đã có những điều chỉnh hợp lý hơn: Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đã được kiện toàn thêm một bước, số đại biểu chuyên trách được tăng cường, Chính phủ đã sáp xếp tổ chức lại nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 gồm 18 bộ, 4 cơ quan ngang bộ, 8 cơ quan thuộc Chính phủ (bộ máy này tương đương nhiệm kỳ 2011 - 2016; so với nhiệm kỳ 2007 - 2011 giảm 4 bộ, cơ quan ngang bộ)<sup>2</sup>.

---

1. Như Luật tổ chức Quốc hội; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật kiểm toán nhà nước, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương...

2. Do hợp nhất, sáp nhập, giải thể một số bộ, cơ quan ngang bộ (hợp nhất Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại thành Bộ Công Thương; hợp nhất Bộ Thủy sản và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hợp nhất Bộ Văn hóa - Thông tin với Ủy ban Thể dục thể thao thành Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; giải thể Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em) và giảm 4 cơ quan thuộc Chính phủ (chuyển về thuộc bộ quản lý: chuyển Tổng cục Du lịch vào Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; chuyển Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ vào Bộ Nội vụ quản lý).

Hệ thống Tòa án, Viện Kiểm sát đã được thành lập theo bốn cấp (thành lập thêm Tòa án cấp cao, Viện Kiểm sát cấp cao không phụ thuộc vào đơn vị hành chính), hệ thống chính quyền địa phương đã được tổ chức lại theo Luật tổ chức chính quyền địa phương bước đầu có sự phân định chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo và miền núi, quy định rõ hơn việc phân cấp, phân quyền giữa các cấp chính quyền... Tổ chức bộ máy bên trong của các bộ, cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền địa phương được sắp xếp, tổ chức lại theo hướng tinh gọn, bỏ cấp trung gian.

(2) *Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước từng bước được hoàn thiện và thể chế hóa trong các đạo luật* cùng với quá trình xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của các thiết chế cơ bản trong tổ chức bộ máy nhà nước. Việc bổ sung một nội dung quan trọng: *kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp* đã tạo cơ sở để khắc phục sự yếu kém về kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực do nhân dân ủy quyền. Với sự hoàn thiện này, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ta được xác định bởi bốn nội dung quan trọng: thống nhất quyền lực; phân công quyền lực; phối hợp quyền lực, và kiểm soát quyền lực.

Quốc hội ngày càng được đổi mới, hoạt động ngày càng công khai, dân chủ, minh bạch và thực quyền. Chất lượng, cơ cấu của đại biểu Quốc hội có bước kiện toàn tích cực, tính chuyên nghiệp của Quốc hội từng bước được xác lập. Cơ cấu của Quốc hội được củng cố phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; có sự phân định hợp lý hơn giữa hoạt động tập thể của Quốc hội với hoạt động của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội. Niềm tin của nhân dân, của cử tri vào Quốc hội ngày càng cao hơn. Đặc biệt, trong “dân chủ nghị trường” Quốc hội có những khởi sắc và phát triển đáng kể, tạo được niềm tin với cử tri cả nước.

*Chính phủ ngày càng coi trọng và tập trung nhiều hơn vào chức năng xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành pháp luật để thực hiện quản lý vĩ mô các lĩnh vực của đời sống xã hội, phù hợp hơn với vị trí là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.* Mô hình Chính phủ tập thể (Hội đồng Bộ trưởng) trước Hiến pháp năm 1992 đã được chuyển sang mô hình Chính phủ có sự kết hợp giữa chế độ trách nhiệm của tập thể Chính phủ với vai trò cá nhân của Thủ tướng và các thành viên Chính phủ<sup>1</sup>. Các bộ được tổ chức lại phù hợp với các điều kiện của nền kinh tế thị trường theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực nên cơ cấu tổ chức, số lượng các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ ngày càng hợp lý hơn<sup>2</sup>. Sự phân tách quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh được xác lập từ Đại hội lần thứ VI về cơ bản đã xóa bỏ chế độ bộ chủ quản, cấp chủ quản... Từng bước tách hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hoạt động của cung cấp dịch vụ công; triển khai mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công. Dưới ánh

1. Báo cáo tổng kết việc thi hành Hiến pháp năm 1992. Xem *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu tổng kết 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.253-254.

2. Trước đổi mới, số lượng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ vào khoảng 70, hiện tại, trong cơ cấu của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV có 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ, <http://www.gov.vn/portal/page/portal/chinhphu/bonganh>.

sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng theo tinh thần nhà nước pháp quyền thì nền hành pháp đang được xây dựng, hoàn thiện theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ dân, trong đó Chính phủ với trọng tâm là thực hiện quyền hành pháp, là Chính phủ hành động, liêm chính, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

*Vai trò trung tâm của Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp đã được thể chế hóa trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Bộ luật tố tụng dân sự và Bộ luật tố tụng hình sự.* Hệ thống Tòa án nhân dân đã có bước kiện toàn cả về tổ chức, thẩm quyền, quy trình tố tụng và đội ngũ cán bộ theo định hướng cải cách tư pháp. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ xét xử trong bối cảnh kinh tế thị trường, trong cơ cấu của tòa án các cấp, ngoài các tòa hình sự, dân sự, đã thành lập các tòa chuyên trách hoặc phân công thẩm phán xét xử chuyên trách về kinh tế, lao động, hành chính, gia đình và người chưa thành niên. Khâu đột phá của cải cách tư pháp là mở rộng tranh tụng trong hoạt động xét xử bước đầu được chú trọng cũng như nguyên tắc độc lập xét xử có những chuyển biến nhất định với việc tăng cường năng lực của các chức danh thẩm phán, công tố viên và luật sư, góp phần giảm đáng kể án oan sai, án bị hủy... Việc thực thi chế độ trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với những thiệt hại do các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan này trong việc bảo vệ công lý, công bằng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. *Chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân đã được xác định hợp lý hơn với việc nhấn mạnh chức năng hàng đầu của Viện Kiểm sát là thực hành quyền công tố, thu hẹp chức năng kiểm sát chung thành kiểm sát hoạt động tư pháp.*

*Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước đã có những chuyển biến tích cực bằng việc đề cao hiệu quả giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, coi trọng hơn công tác thanh tra, kiểm tra hành chính, phát huy vai trò của thiết chế kiểm toán nhà nước, bước đầu thiết lập được cơ chế giám sát tư pháp đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Ngoài ra, hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước được triển khai<sup>1</sup>.*

(3) Hiến định một số thiết chế độc lập như Hội đồng Bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước nhằm tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước. Việc bổ sung các thiết chế hiến định độc lập trong Hiến pháp sửa đổi vừa là một bước hoàn thiện quan trọng trong việc bảo đảm tính ổn định của mô hình tổng thể bộ máy nhà nước hiện hành, vừa là một bước phát triển của bộ máy nhằm đáp ứng một cách hiệu quả yêu cầu của chế độ pháp quyền trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

(4) Nhiều nội dung, giá trị của tư tưởng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã tạo nên những thay đổi tích cực trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước đã ghi nhận rõ và đầy đủ hơn sự phối kết hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, như: bầu cử,

---

1. Xem Báo cáo của Bộ Tư pháp về Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn “đổi mới hệ thống chính trị; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa” trong 30 năm đổi mới (1986 - 2016).

bổ nhiệm kết hợp với phê chuẩn một số chức danh trong bộ máy; mô hình tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để kết hợp chế độ lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số; cấp dưới phục tùng cấp trên; thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số... Sự kết hợp giữa dân chủ và tập trung vừa tạo nên sức mạnh thống nhất, vừa thể hiện các đặc thù trong cấu trúc tổ chức và mối quan hệ giữa các bộ phận bên trong cấu trúc của mô hình thiết chế quyền lực. Trên cơ sở nguyên tắc này, Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương đều đã có quy định cụ thể về cách thức tổ chức và hoạt động của từng cơ quan để xử lý hài hòa tính dân chủ và tập trung phù hợp với tính chất của từng loại cơ quan trong lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Thứ ba, hệ thống pháp luật thời gian qua đã tương đối đầy đủ, đồng bộ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội; tính tối cao của Hiến pháp và vị trí quan trọng của các đạo luật trong quản lý nhà nước và xã hội ngày càng được coi trọng.*

Theo nguyên tắc pháp quyền, Hiến pháp được xác định giữ vị trí tối thượng trong hệ thống pháp luật; mọi văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp và không được trái với Hiến pháp. Nhận thức được vị trí và vai trò quan trọng của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (năm 1986) đến nay, Quốc hội đã hai lần tiến hành hoạt động lập hiến (ban hành Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013) và ba lần tiến hành hoạt động sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 - sửa đổi Hiến pháp năm 1980 và năm 2001 - sửa đổi Hiến pháp năm 1992).

Cùng với hoạt động lập hiến, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo khung pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoạt động lập pháp ngày càng được chú trọng. Hệ thống pháp luật đã cơ bản được hoàn thiện cả về nội dung và hình thức, số lượng và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Nếu như trước đây, hệ thống pháp luật đa số là các văn bản dưới luật thì đến nay, hầu như lĩnh vực nào cũng có luật để điều chỉnh và hạn chế ban hành các văn bản dưới luật. Đặc biệt, kể từ khi có Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị đến nay, tổng số văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành là 471 văn bản, trong đó, luật chiếm đa số với 326 văn bản (chiếm 69,2%), ngoài ra còn có 34 nghị quyết của Quốc hội (chiếm 7,2%), 38 pháp lệnh (chiếm 8%), 73 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (chiếm 15,5%)<sup>1</sup>.

Tinh thần sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ngày càng được đề cao trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở; phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân; thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tôn trọng quyền tự do kinh doanh, bảo đảm quyền bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật của các chủ thể thuộc

---

1. Trong khi đó, từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa I đến khóa VII, ngoài 3 bản Hiến pháp năm 1946, năm 1959 và năm 1980, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ thông qua 29 luật, 36 pháp lệnh và 118 nghị quyết, quyết định có chứa quy phạm pháp luật.

các thành phần kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ môi trường; củng cố quốc phòng, bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an sinh xã hội; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng.

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã được xây dựng theo các tiêu chí đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, từng bước tiếp tục được hoàn thiện theo các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Số lượng các đạo luật, pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành trong hơn 30 năm đổi mới gấp 9,5 lần so với số lượng luật, pháp lệnh được ban hành trong 41 năm trước đổi mới<sup>1</sup>. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện theo hướng coi trọng hơn công tác phân tích chính sách, đánh giá dự báo tác động kinh tế - xã hội, tham vấn ý kiến nhân dân và các đối tượng chịu sự tác động một cách dân chủ. Gắn kết chặt chẽ hơn giữa xây dựng và thi hành pháp luật; mức độ tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước từng bước trở thành một trong các tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá kết quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

*Thứ tư, trên tinh thần thương tôn pháp luật, Hiến pháp và hệ thống pháp luật đã có những thay đổi quan trọng, tích cực trong việc thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.*

Theo đó, Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc tôn trọng, bảo

---

1. Từ ngày 02/9/1945 đến ngày 30/12/1986, nước ta ban hành 63 luật, pháp lệnh. Từ ngày 01/01/1987 đến ngày 31/12/2019, nước ta ban hành được 596 luật, pháp lệnh.

đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đó là việc ghi nhận “... Các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”<sup>1</sup>. Đồng thời, Hiến pháp đã bổ sung quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”<sup>2</sup>; thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực thi các quy định bảo đảm quyền con người, quyền công dân thông qua việc bổ sung một loạt các quyền hiến định mới, như: quyền sống; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền kết hôn và ly hôn; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa; quyền xác định dân tộc; quyền được sống trong môi trường trong lành<sup>3</sup>... Trên cơ sở đó nhiều đạo luật mới đã được ban hành, quy định đầy đủ, chi tiết hơn về điều kiện bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân; quy định rõ hơn quyền con người và quyền công dân theo kỹ thuật lập hiến hiện đại, phù hợp với cách diễn đạt trong các công ước quốc tế về quyền con người, các tập hợp từ “mỗi người”, “mọi người” hay “công dân” đã được sử dụng chính xác để xác định rõ chủ thể của các quyền. Bên cạnh đó, Hiến pháp còn quy định rõ trình tự, thủ tục, điều kiện thực hiện các quyền con người, quyền công dân chủ yếu do luật định, hạn chế

---

1, 2. Điều 14, Hiến pháp năm 2013.

3. Xem các điều 19, 20, 21, 34, 36, 41, 42 và 43, Hiến pháp năm 2013.

nguy cơ tùy tiện, vi phạm quyền con người trong thực tiễn thi hành Hiến pháp và các luật.

*Việc ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, các quyền dân chủ của công dân còn được thể hiện rõ trong các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội có bước tiến quan trọng.* Việc thể chế hóa và thực hiện quyền dân chủ của người dân trong lĩnh vực dân sự, kinh tế có nhiều điểm tiến bộ theo hướng bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu của công dân và các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, quyền tự chủ của các doanh nghiệp nhà nước, quyền làm việc và chọn lựa nơi làm việc của công dân, quyền thuê mướn và sử dụng lao động của các tổ chức kinh tế... Pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thương mại, dân sự là một trong những lĩnh vực có nhiều thành tựu nhất trong thực tiễn cải cách, đổi mới kinh tế ở nước ta với sự hiện diện của các luật quan trọng như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật thương mại, Luật cạnh tranh, Bộ luật dân sự..., góp phần tích cực đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong lĩnh vực chính trị, quyền bầu cử và ứng cử của công dân thực chất hơn cùng với những cải tiến trong cơ chế bầu cử đại biểu các cơ quan dân cử. Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nhờ kết quả của quá trình cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, việc thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị ngày càng được cải thiện. Sự tham gia của nhân dân vào công việc của

Nhà nước mà trước hết là tham gia xây dựng Hiến pháp, xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã có cơ chế bảo đảm bước đầu.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, nhiều văn bản luật mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hóa tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013, như: Luật tiếp công dân, Luật đất đai, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật trưng cầu dân ý, Luật tiếp cận thông tin, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật căn cước công dân, Luật hộ tịch, Luật tố tụng hành chính, Luật báo chí, Luật trẻ em, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật trợ giúp pháp lý, Luật tố cáo, Luật đặc xá, Bộ luật lao động... đã được sửa đổi để thể chế hóa kịp thời quan điểm của Đảng, quy định của Hiến pháp về tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Từ kết quả, thành tựu đạt được trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta, nhất là sau hơn 30 năm đổi mới, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cơ bản như sau:

*Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố cơ bản, quyết định sự thành công của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Trong hơn 30 năm qua, sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã có nhiều đổi mới trong nhận thức và hành động. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng đã thể hiện tầm nhìn dài hạn và tư duy chiến lược của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”<sup>1</sup>, “Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>2</sup>, “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”<sup>3</sup>. Điều lệ Đảng, Cương lĩnh chính trị và các nghị quyết của Đảng đã ngày càng làm rõ mối quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trên các lĩnh vực.

Trong thời gian qua, Đảng đã ban hành các chủ trương, nghị quyết về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đề ra các quan điểm, đường lối xây dựng và phát triển đất nước làm cơ sở định hướng cho hoàn thiện lý luận, xây dựng nhà nước pháp quyền trong thực tiễn, đồng thời lãnh đạo việc thể chế hóa chủ trương, đường lối đó thành pháp luật; lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật của Nhà nước.

*Thứ hai, không ngừng đổi mới nhận thức, tư duy lý luận của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta. Đảng ta đã xác định đúng đắn mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta vừa phù hợp với các nguyên tắc, nguyên lý phổ quát về nhà nước pháp quyền nói chung trên thế giới, vừa phát triển lý luận phù hợp với đặc điểm của*

---

1, 2, 3. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Tlđd.*

nước ta, coi Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phương thức tổ chức và vận hành xã hội dựa trên các nguyên tắc cơ bản, như: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình, mọi tổ chức và hoạt động của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

*Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị bao gồm bộ máy nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội ở cả Trung ương và địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội; xử lý tốt các mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa quản lý đất nước theo pháp luật với coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.*

*Thứ tư, nhấn mạnh quan điểm “lấy dân làm gốc”, phát huy các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân trong việc tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, xây dựng, thi hành pháp luật. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền phải lấy người dân làm trọng tâm, “dân là gốc”. Phải xây dựng Nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực*

nhà nước. Thông qua Hiến pháp, nhân dân ủy quyền của mình cho các cơ quan của Nhà nước thực hiện và chịu sự giám sát của nhân dân. Tăng cường huy động sự tham gia, giám sát và ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng nhà nước pháp quyền, thực thi pháp luật. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước.

\*

\* \* \*

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sự kết hợp có chọn lọc giữa những giá trị cốt lõi của nhà nước dân chủ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với các giá trị phổ quát, tiến bộ của học thuyết nhà nước pháp quyền hiện đại. Ở nước ta, trong tư tưởng Hồ Chí Minh và ngay từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (năm 1945) đến nay, tư tưởng xây dựng một nhà nước dân chủ mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân; có nền dân chủ lập hiến, quản lý đất nước bằng pháp luật là những tư tưởng nhất quán, được hình thành và phát triển ngày một hoàn thiện qua các thời kỳ khác nhau. Việc tổng kết những thành tựu và bài học kinh nghiệm về xây dựng nhà nước pháp quyền thời gian qua sẽ góp phần quan trọng vào việc chỉ đạo thực tiễn hoạt động, phát triển, hoàn thiện lý luận trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian tới.

## **ĐỔI MỚI, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TINH GỌN, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Đồng chí LÊ VĨNH TÂN\*

**T**hực hiện đường lối đổi mới của Đảng, qua hơn 30 năm, công tác lãnh đạo của Đảng đổi với Chính phủ và chính quyền địa phương đã thu được một số kết quả nhất định, khẳng định tính đúng đắn của các quan điểm, nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Theo đó, hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Chính phủ đến chính quyền địa phương từng bước được đổi mới và hoàn thiện hơn trên các phương diện: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan nhà nước khác trong hệ thống chính trị có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả hơn; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước. Bài viết này tập trung làm rõ một số thành tựu nổi bật và kinh nghiệm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ dưới sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình đổi mới.

---

\* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

## 1. Tổng quan về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đổi với tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Qua hơn 30 năm đổi mới, từ Đại hội lần thứ VI đến Đại hội lần thứ XII của Đảng, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương đổi mới, trong đó các quan điểm đổi mới của Đảng đổi với Chính phủ và chính quyền địa phương được phát triển trên nền tảng cơ chế tổng thể “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ tập thể”<sup>1</sup> đã được xác định từ Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Cụ thể hóa một bước quan điểm đổi mới trên, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, Đảng đã chính thức đưa ra khái niệm về “hệ thống chính trị”. Từ Đại hội lần thứ VII, Đảng đã xác định rõ: Đảng là bộ phận của hệ thống chính trị, nhưng là bộ phận hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống ấy; Nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, có chức năng thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, quản lý toàn diện xã hội. Trên cơ sở đó, qua các kỳ Đại hội, Đảng ta đã xác định rõ nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị trong từng giai đoạn, trong đó có yêu cầu tập trung đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động các bộ phận cấu thành hệ thống, bao gồm: Chính phủ và chính quyền địa phương.

Qua quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Đại hội lần thứ VIII của Đảng tiếp tục khẳng định vấn đề Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng việc định hướng đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.35, tr.211.

mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước. Chủ trương này được cụ thể hóa trong nhiều nghị quyết của Đảng, trong đó có Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII.

Đến Đại hội lần thứ X, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được đặt ra với yêu cầu cao hơn và toàn diện hơn, cụ thể là sự đổi mới này phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước.

Trên cơ sở quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nêu trên, các quan điểm lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Chính phủ và chính quyền địa phương được cụ thể hóa trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011) và trong các văn kiện qua các kỳ Đại hội Đảng (từ khóa VI đến khóa XII); trong đó, các nội dung được thể hiện rõ nét nhất trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII; Nghị quyết Trung ương 2 và Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX; Nghị quyết Trung ương 4 và Nghị quyết Trung ương 5 khóa X; đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

## **2. Một số thành tựu nổi bật trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ dưới sự lãnh đạo của Đảng**

Trên cơ sở thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, các thành tựu nổi bật qua 6 đợt sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Chính phủ tương ứng với 6 nhiệm kỳ (từ năm 1992 đến nay) được thể hiện qua 3 giai đoạn chủ yếu sau:

a) *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa IX, khóa X (giai đoạn 1992 - 2002)*

- Chính phủ khóa IX (1992 - 1997), đầu nhiệm kỳ có 30 bộ, cơ quan ngang bộ. Trong nhiệm kỳ này có sự hợp nhất của 3 bộ: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm; Lâm nghiệp; Thủ lợi thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tháng 10/1995), nên đến cuối nhiệm kỳ có 27 bộ, cơ quan ngang bộ. Ngoài ra, có 29 cơ quan thuộc Chính phủ.

- Chính phủ khóa X (1997 - 2002) có tổng số 48 cơ quan; trong đó có 23 bộ, cơ quan ngang bộ và 25 cơ quan thuộc Chính phủ (so với Chính phủ khóa IX giảm được 8 đầu mối; trong đó giảm được 4 bộ, cơ quan ngang bộ và 4 cơ quan thuộc Chính phủ). Đây là nhiệm kỳ Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, theo đó đã sáp nhập, hợp nhất tương đối nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để hình thành một số bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Trong giai đoạn này, Chính phủ đã thực hiện đổi mới từ cơ cấu tổ chức đến phương thức hoạt động. Cụ thể là:

- Về cơ cấu tổ chức, cùng với việc thu gọn bộ máy, đã thực hiện phân biệt chức năng quản lý hành chính nhà nước với

chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, đưa nhiều xí nghiệp ra khỏi “bộ chủ quản”, hình thành hệ thống tổ chức công ty; tiến hành sáp nhập nhiều bộ với nhau, làm chức năng quản lý hành chính đa ngành, đa lĩnh vực.

- Về cơ chế hoạt động của Chính phủ cũng có sự đổi mới quan trọng. Chính phủ chủ yếu quản lý ở tầm vĩ mô thông qua các chính sách, kế hoạch, pháp luật, tập trung xây dựng những ngành kinh tế mũi nhọn, có sức cạnh tranh cao; tạo ra được môi trường ổn định cho sản xuất trong nước và đầu tư nước ngoài; xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư; tiến hành kiểm tra, thanh tra chặt chẽ trong quá trình quản lý nhà nước. Đã tiến hành một bước cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, loại bỏ nhiều “giấy phép con”, nhiều “vùng cấm” gây phiền hà, tạo nên bầu không khí thông thoáng, cởi mở, dân chủ, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

b) *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa XI (giai đoạn 2002 - 2007)*

Chính phủ khóa XI có tổng số 38 cơ quan, gồm: 26 bộ, cơ quan ngang bộ; 12 cơ quan thuộc Chính phủ. So với Chính phủ khóa X giảm được 10 đầu mối, cụ thể: tăng 3 bộ, cơ quan ngang bộ (do hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước: Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Bưu chính, Viễn thông) và giảm được 13 cơ quan thuộc Chính phủ.

c) *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong nhiệm kỳ Chính phủ các khóa XII, XIII, XIV (giai đoạn 2007 đến nay)*

Trước yêu cầu đầy mạnh cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X, Nghị quyết Trung ương 4

và Nghị quyết Trung ương 5 khóa X; cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII tiếp tục được kiện toàn trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, khắc phục sự chồng chéo hoặc bỗ trống nhiệm vụ để hình thành các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực với quy mô được mở rộng hợp lý hơn; giảm đáng kể đầu mối tổ chức đến mức cần thiết, phù hợp với yêu cầu đổi mới chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ trong tình hình mới.

- Đối với Chính phủ khóa XII, cơ cấu tổ chức của Chính phủ có 30 cơ quan, gồm: 18 bộ, 4 cơ quan ngang bộ; 8 cơ quan thuộc Chính phủ. So với Chính phủ khóa XI giảm được 8 đầu mối, cụ thể: giảm 4 bộ, cơ quan ngang bộ (do hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể một số bộ, cơ quan ngang bộ: giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; chuyển Ủy ban Thể dục thể thao vào Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đưa Bộ Thủy sản vào Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hợp nhất Bộ Thương mại và Bộ Công nghiệp thành Bộ Công Thương) và giảm 4 cơ quan thuộc Chính phủ (chuyển về thuộc các bộ quản lý).

- Đối với Chính phủ khóa XIII, trên cơ sở đánh giá thực tiễn 4 năm hoạt động của Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII cho thấy, tổ chức bộ máy của Chính phủ và việc phân công chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực giữa các bộ, cơ quan ngang bộ cơ bản là phù hợp. Vì vậy, trong quá trình xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XIII, tuy đã nghiên cứu tương đối tổng thể, nhưng để thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 39-TB/TW, ngày 14/6/2011 về sơ kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X đã nêu: Trước mắt, cơ bản giữ ổn định tổ chức bộ máy các cơ quan như hiện nay; do đó, cơ cấu tổ chức Chính phủ

khóa XIII được giữ ổn định như Chính phủ khóa XII với 30 cơ quan.

- Đổi với Chính phủ khóa XIV, thực tiễn hoạt động thời gian qua cho thấy, cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016 về cơ bản là phù hợp. Chính phủ đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức Chính phủ và các luật liên quan. Đồng thời, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã có Kết luận số 64-KL/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW và có ý kiến tại Văn bản số 1416-CV/VPTW, ngày 28/6/2016 chỉ đạo trước mắt giữ ổn định tổ chức của Chính phủ như hiện nay; do đó, tổ chức bộ máy của Chính phủ khóa XIV được giữ ổn định như Chính phủ khóa XIII và khóa XII, gồm: 18 bộ, 4 cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ.

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14, ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong thời gian tới, Chính phủ sẽ đánh giá cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XIV, trong đó nghiên cứu, làm rõ phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực làm cơ sở tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực để xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XV tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chủ trương của Đảng và của Quốc hội.

### **3. Kinh nghiệm và thực tiễn trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ**

#### *a) Một số kinh nghiệm nổi bật*

Một là, việc cải cách tổ chức bộ máy của Chính phủ cần được nghiên cứu và tổ chức triển khai một cách có hệ thống

trên cơ sở quán triệt các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ trong từng giai đoạn.

*Hai là*, công tác hoàn thiện thể chế, xác định đúng vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong từng thời kỳ có ý nghĩa quyết định đến việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Kết quả của quá trình này là chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực chỉ phân công cho các bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ thực hiện. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chuyển các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước vào bộ thích hợp để quản lý, gộp phân tinh gọn bộ máy của Chính phủ.

*Ba là*, để từng bước tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ qua mỗi nhiệm kỳ, Chính phủ đã triển khai từng bước áp dụng và nhân rộng mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực với phạm vi chức năng, nhiệm vụ ngày càng hoàn thiện, bảo đảm bao quát đầy đủ phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ. Việc tổ chức mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đã tạo điều kiện cho việc hợp nhất các bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý các chuyên ngành, lĩnh vực có mối quan hệ liên thông, gắn kết với nhau vào cùng một bộ quản lý.

*Bốn là*, trong phân công chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Chính phủ cần thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp theo thẩm quyền. Đồng thời, thường xuyên rà soát để chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm

hiệu quả thấp cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận theo yêu cầu cải cách hành chính.

*Năm là*, để mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực phát huy hiệu quả hoạt động thì tổ chức quản lý chuyên ngành trong bộ quản lý đa ngành cần được thường xuyên quan tâm, củng cố và hoàn thiện cả về mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong từng giai đoạn. Hình thành cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các tổ chức quản lý chuyên ngành trong bộ quản lý đa ngành cũng là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định đến sự ổn định và phát triển về quy mô của bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

*Sáu là*, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cần bảo đảm thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực với chức năng quản lý giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; tách chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực với quản lý của đơn vị sự nghiệp công, bảo đảm khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

*b) Thực tiễn đặt ra đối với công tác cải cách tổ chức bộ máy của Chính phủ*

Để đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một số yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với việc nghiên cứu, hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ trong tình hình mới như sau:

*Một là*, phù hợp với quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,

phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cải cách hành chính nhà nước.

Theo yêu cầu hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề đặt ra là cần thay đổi tư duy và cách tiếp cận khi xác định vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Phải chuyển mạnh từ Nhà nước điều hành nền kinh tế sang Nhà nước kiến tạo phát triển, với vai trò Chính phủ là trung tâm, thực hiện tốt việc xây dựng quy hoạch phát triển theo một chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng đắn; tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường giám sát để phát hiện các mâu thuẫn có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an toàn hệ thống. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Chính phủ cần có một cơ quan chuyên trách làm đầu mối giúp Chính phủ trong việc quản lý tổng hợp về kinh tế của đất nước; trong đó, trọng tâm là chức năng tham mưu tổng hợp đối với nền kinh tế (xây dựng thể chế kinh tế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước) và điều hành kinh tế vĩ mô.

*Hai là*, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ theo quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức Chính phủ năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) gắn với việc thực hiện phân cấp hợp lý về quản lý nhà nước giữa Chính phủ với ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo yêu cầu cải cách hành chính.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo quy định của Luật tổ chức Chính phủ năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản luật chuyên ngành, lĩnh vực, về nguyên tắc, khi sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới các

phạm vi quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, Chính phủ cần phân công và xác định rõ đầu mối cơ quan của Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực đó, bảo đảm nguyên tắc mỗi việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp theo quy định. Khi phân công, giao bổ sung phạm vi quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, cần chú ý quy mô hợp lý của mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực và năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo bộ, ngành.

Ba là, thực hiện phân công hợp lý về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, bảo đảm phát huy hiệu quả của mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực với quy mô hợp lý trên cơ sở các ngành, lĩnh vực trong phạm vi quản lý của bộ có sự gắn kết, liên thông cao với nhau.

Trong quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, việc xem xét quy mô hợp lý của bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực cần được gắn với việc tái cơ cấu tổ chức bên trong của bộ khi có sự chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ hoặc sáp nhập các bộ đang được giao quản lý các ngành, lĩnh vực có mối quan hệ liên thông, gắn kết với nhau. Trong cơ cấu hiện hành của Chính phủ, vẫn còn nhiều ngành, lĩnh vực có mối quan hệ này nhưng đang được giao cho các bộ khác nhau quản lý. Vấn đề này không chỉ chưa tuân thủ nguyên tắc phân công quản lý nhà nước của Chính phủ (mỗi việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính), mà còn làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, nhất là những hiệu quả cộng sinh khi các ngành, lĩnh vực có mối quan hệ liên thông, gắn kết với nhau được giao cho cùng một bộ quản lý. Đây là vấn đề cần nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức

Chính phủ để thực hiện đồng thời mục tiêu tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

*Bốn là*, từng bước hình thành mối tương đồng về tổ chức bộ máy của Chính phủ trên cơ sở nghiên cứu xu hướng và kinh nghiệm thực tế về mô hình cơ cấu tổ chức Chính phủ một số nước trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng tốt hơn yêu cầu hợp tác và phát triển trong hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc tổ chức cơ cấu của Chính phủ có mức độ tương đồng cao với tổ chức bộ máy Chính phủ các nước trong khu vực và trên thế giới là việc làm cần thiết. Tuy nhiên, bộ máy Chính phủ của mỗi nước cần được thiết kế trên cơ sở phù hợp với thể chế chính trị, trình độ, năng lực và phương thức quản lý. Theo đó, trong điều kiện của Việt Nam, việc nghiên cứu, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ cần phân thành các nhóm sau: 1) Đối với những ngành, lĩnh vực có mức độ hội nhập sâu, bộ máy quản lý nhà nước và phương thức quản lý cần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế; 2) Đối với những ngành, lĩnh vực đòi hỏi có sự điều tiết của Nhà nước, bộ máy quản lý nhà nước cần điều chỉnh từng bước theo hướng tinh gọn và có lộ trình thích hợp; 3) Đối với những ngành, lĩnh vực đặc thù, Chính phủ tổ chức cơ quan quản lý nhà nước theo mô hình quản lý chuyên trách hoặc mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực (có cơ chế bảo đảm tính độc lập trong hoạt động nhưng vẫn chịu sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong phạm vi của bộ, ngành).

# KIÊN ĐỊNH CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, GIỮ VỮNG TRẬN ĐỊA TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

TS. VĂN THỊ THANH MAI\*

TS. ĐINH QUANG THÀNH\*\*

## 1. Chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XX, hành trình bôn ba tìm đường cứu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lenin, đến với con đường cứu nước đúng đắn khi được đọc tác phẩm *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin và khẳng định: “Hồi đồng bào bị đọa dày đau khổ! Đây là cái cân thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”<sup>1</sup>; “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>2</sup>; Cách mệnh “trước hết phải có đảng

---

\* Ban Tuyên giáo Trung ương.

\*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562, 30.

cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt..."<sup>1</sup> và "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin"<sup>2</sup>; "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mā Khắc Tư và Lê-nin"<sup>3</sup> và Người đã nỗ lực hoạt động, xúc tiến, chuẩn bị về mọi mặt cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam mùa xuân năm 1930.

Thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng lãnh đạo đã cho thấy, trên nền tảng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng sáng tạo, phù hợp điều kiện của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn để lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng Tháng Tám mùa Thu năm 1945, lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trước Đại hội lần thứ VII của Đảng, văn kiện các kỳ Đại hội và Điều lệ Đảng đều khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289, 304.

chỉ nam cho hành động. Song từ quá trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của tiến trình cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, không chỉ giải quyết vấn đề thuộc về tư duy lý luận mà cao hơn, đó là tư duy hành động, nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn cách mạng Việt Nam đòi hỏi. Tư tưởng của Người được hình thành, phát triển trên cơ sở kế thừa, chọn lọc những tư tưởng, giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; tiếp thu, tiếp biến và vận dụng sáng tạo tinh hoa văn hóa nhân loại: văn hóa phương Đông, phương Tây mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lê nin. Cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lê nin mà hạt nhân lý luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc; đã nỗ lực xây dựng chế độ dân chủ cộng hòa, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, với một Đảng phụng sự và liêm chính, Chính phủ liêm chính và sáng tạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư... Cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Người đã “để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại...; là biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung

của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>1</sup>.

Vì thế, tại Đại hội lần thứ VI (tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”<sup>2</sup>. Đến Đại hội lần thứ VII (tháng 6/1991), Đảng bổ sung điểm mới: “Nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>3</sup>; đồng thời khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam và tư tưởng của Người đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và dân tộc ta. Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*; trong đó khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn và phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân”<sup>4</sup>. Đây là bước phát triển lớn trong tư duy, nhận thức và hoạt động thực tiễn về nền tảng tư tưởng của Đảng; thể hiện rõ quan điểm nhất quán về

1. Hội thảo Khoa học quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh (tham luận của đại biểu quốc tế), UNESCO và Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.9.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.459.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.29, 254.

mặt tư tưởng: cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cơ bản cấu thành hệ tư tưởng, thế giới quan, phương pháp luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng trong Cương lĩnh năm 1991 không chỉ bảo đảm sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, mà còn thể hiện rõ ý chí kiên quyết đấu tranh đối với những luận điệu sai trái, thù địch đi ngược lại tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cùng với thời gian, Đảng đã nhận thức đầy đủ, sâu sắc giá trị to lớn, toàn diện công hiến vô giá về lý luận, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới trong thế kỷ XX chứng thực và khẳng định tại Đại hội lần thứ IX rằng: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại...* Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”<sup>1</sup>. Tiếp đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* cũng khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động... Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.130.

vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”<sup>1</sup>.

Thực tiễn những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh rằng: Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là trong hơn 30 năm đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng chính là nhờ sự kiên định, nắm vững và vận dụng sáng tạo, đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển bức thiết của cách mạng Việt Nam và phù hợp với quy luật phát triển của thời đại.

## **2. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng và chống suy thoái về chính trị, tư tưởng**

Việt Nam đầy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước diễn biến khó lường cùng những khó khăn, phức tạp trong đời sống xã hội, nhất là sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập đã làm cho một bộ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.516.

phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân phai nhạt lý tưởng xã hội chủ nghĩa, hoang mang, dao động, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội... Trong khi đó, các thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá Đảng, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thế giới có thể đổi thay, nhưng hơn bao giờ hết, thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải: “**Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị**. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới”<sup>1</sup> - coi đó là một nguyên tắc cơ bản để giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng. Cụ thể là, toàn Đảng nói chung, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải:

- Chú trọng học tập, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để hiểu sâu sắc bản chất và tin tưởng vững chắc vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo; để không chỉ nói, viết và làm theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác.

- Thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phòng, chống những biểu hiện suy thoái

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.199.

về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống như phai nhạt mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và xu thế khách quan của lịch sử và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chạy theo lối sống thực dụng, vị kỷ... Đồng thời, chủ động phòng, chống và đấu tranh phản bác lại các luận điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và chống phá Đảng, Nhà nước, công cuộc đổi mới đất nước... bằng những việc làm cụ thể phù hợp chức năng, nhiệm vụ mình đảm nhiệm.

Tuy nhiên, trong thực tế, đã có “không ít cán bộ, đảng viên có những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”<sup>1</sup> như Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đã nhận định. Không chỉ vậy, bộ phận suy thoái về tư tưởng chính trị đó đã thật sai lầm khi:

*Một là, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ phù hợp với thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX chứ không phải là ở thế kỷ XXI - thời đại của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của nền kinh tế tri thức; chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là sản phẩm của Việt Nam mà du nhập từ phương Tây, nên không phù hợp với điều kiện Việt Nam; đòi sửa đổi Cương lĩnh của Đảng theo hướng đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng mà chỉ giữ lại “học thuyết Hồ Chí Minh”,*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.195.*

chỉ giữ lại mục tiêu độc lập dân tộc mà bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội... Đây là những nhận thức sai lầm của những người bản lĩnh chính trị không vững vàng, thiếu tu dưỡng, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, nên đã không thấy hoặc cố tình không thấy rằng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là cái “cẩm nang thần kỳ”, là “mặt trời chói lọi” soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Nhận thức sâu sắc rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là trong hơn 30 năm đổi mới và hội nhập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đổi mới về tư duy lý luận, nhận thức và ngày càng khẳng định sức sống, giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin; tăng cường tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ cũng như loại bỏ những nhận thức ấu trĩ, giáo điều, duy ý chí về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chủ nghĩa xã hội, v.v. để vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện lịch sử của Việt Nam.

*Hai là*, xuyên tạc, bóp méo, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh như: “Hồ Chí Minh du nhập những tư tưởng ngoại lai vào Việt Nam”; “Hồ Chí Minh đi trên cỗ xe Nho giáo đến với chủ nghĩa Mác - Lênin”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư biện, lý thuyết, giáo điều”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự sao chép, máy móc chủ nghĩa Mác - Lênin, không phù hợp với thực tiễn hiện nay, bởi thế, cần từ bỏ nó để “kịp đi với con đường chung mà thế giới hiện nay đang đi” - con đường tư bản chủ nghĩa”. Thậm chí, có người muốn tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin hoặc tìm mọi cách đả kích, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức cách mạng của Người để “hạ bệ thần tượng”; lung lạc

những người nhẹ dạ, cả tin và phủ nhận những giá trị cơ bản, đúng đắn trong tư tưởng của Người, nhằm phá hoại và làm thay đổi nền tảng tư tưởng của Đảng, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam... Những quan niệm sai lầm này cho thấy sự thiển cận của những người không hiểu và cố tình không hiểu rằng, chỉ khi tìm thấy và lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh tụ Hồ Chí Minh mới tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp xu thế thời đại, để lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Hệ thống quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về mục tiêu, con đường, phương pháp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới ở Việt Nam là cơ sở cho đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt 90 năm xây dựng và phát triển.

Ba là, đề cao “cực đoan” tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng ở Việt Nam chỉ cần tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ mà không cần chủ nghĩa Mác - Lênin, thậm chí coi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam. Đây là quan điểm sai trái, bởi thực tế lịch sử đã chứng minh, lãnh tụ Hồ Chí Minh là người lựa chọn, tiếp thu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, song điều đó không có nghĩa cách mạng Việt Nam chỉ cần tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ... Loại ý kiến đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh này thực chất là xuyên tạc và nhầm hạ thấp sự cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và thế giới, hạ thấp tư tưởng của Người, bởi chính thể làm nên hệ tư tưởng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin

và tư tưởng Hồ Chí Minh, chứ không phải chỉ duy nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bốn là, “hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>1</sup>, “lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>2</sup>, “phản bắc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>3</sup> như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” chỉ ra. Những người dao động về nền tảng tư tưởng, ý thức hệ này không hiểu được rằng: “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình”<sup>4</sup>, nhất là “học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn”<sup>5</sup>. Những biểu hiện suy thoái này có thể dẫn đến sự phản bội lại mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, xa rời nền tảng tư tưởng của Đảng, do đó cần phải được nhận thức, cảnh giác sâu sắc trong toàn Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

Vì vậy, để kiên định và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là một nhiệm vụ trọng yếu để giữ

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.28.

4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.611.

vững trận địa tư tưởng của Đảng, toàn Đảng cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

*Thứ nhất*, trong mọi thời điểm, mọi hoàn cảnh đều phải kiên định, nghiên cứu và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh mới của tình hình thế giới và trong nước theo Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư khóa XII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; coi đó “là nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, vừa có vai trò nền tảng, vừa có vị trí then chốt trong tình hình hiện nay” gắn với Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030” để triển khai nghiên cứu lý luận và Quy định số 285-QĐ/TW, ngày 25/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI “Về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước”; tạo môi trường khuyến khích sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu lý luận chính trị và tôn trọng, tiếp thu và sử dụng kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Tăng cường và đổi mới việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, để không chỉ nhận thức sâu sắc mà quan trọng hơn là bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, gắn với tổng kết thực tiễn và vận dụng vào thực tiễn, phù hợp điều kiện của Việt Nam.

*Thứ hai*, chú trọng công tác tư tưởng, gắn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII

về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; triển khai toàn diện, sâu rộng Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam; trước hết, trong xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thể chế, nguyên tắc tổ chức hoạt động của toàn hệ thống chính trị... Đồng thời, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc trong Đảng và trong xã hội. Trong đó, việc đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với Việt Nam và xu thế thời đại; việc phát huy sức mạnh tổng hợp của báo chí, truyền thông, kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền miệng và các kênh thông tin khác gắn với nâng cao tính thuyết phục, tính chiến đấu và tính hấp dẫn của công tác tư tưởng trên báo chí, xuất bản, internet và mạng xã hội có vai trò quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị về chương trình, giáo trình, nội dung và phương pháp giảng dạy trong hệ thống các trường chính trị,

trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đó, xây dựng các chương trình, nội dung đào tạo lý luận chính trị phù hợp với đối tượng và cấp học, có tính liên thông để khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp, chưa bám sát thực tiễn gắn với việc nâng cao tính hấp dẫn trong dạy và học các bộ môn lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Đồng thời, chú trọng giáo dục lý luận chính trị cho thế hệ trẻ, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ.

Thứ tư, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đấu tranh phản bác có hiệu quả, kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch, với các hình thức đa dạng, phong phú để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng. Tăng cường thực hiện cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị; chủ động xây dựng kế hoạch, luận cứ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc và tạo sự thống nhất trong phối hợp giữa các cơ quan, ngành có liên quan trên cả ba lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa và văn học - nghệ thuật. Trong đó, các cơ quan thông tấn, báo chí từ Trung ương đến địa phương tiếp tục xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sát hợp thực tế về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phòng và chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”; phòng và chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh"... Thông qua đó, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, sự cần thiết phải học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận diện và kiên quyết phòng, chống và ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; chỉ rõ và vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội của các thế lực thù địch, phản động nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân để tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

*Thứ năm*, xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có trình độ chuyên môn sâu, có năng lực nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn từ cử nhân, thạc sĩ đến tiến sĩ thuộc tất cả các chuyên ngành: triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kinh tế chính trị học; chủ nghĩa cộng sản khoa học; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử Đảng; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam; chính trị học và một số bộ môn khác nghiên cứu chuyên sâu về đường lối, chủ trương, chiến lược của Đảng. Trong đó, chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia đầu ngành có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy sáng tạo và trình độ lý luận cao, am hiểu tình hình thế giới và trong nước, có năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn; gắn lý luận với thực tiễn, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn tốt để không chỉ chứng minh tính đúng đắn, khoa học của chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ sáu, mỗi cán bộ, đảng viên tiếp tục học tập nâng cao trình độ về mọi mặt để có đủ năng lực nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và có hệ thống những di sản tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao về nhận thức, trình độ, bản lĩnh chính trị, năng lực tự duy... Thông qua đó, mỗi người không chỉ thêm hiểu sâu sắc, tin tưởng vững chắc vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng vào quá trình công tác và thực tiễn cuộc sống để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó, mà còn góp phần thực hiện tuyên truyền và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh với các luận điệu sai trái, phản động của các thế lực thù địch, cơ hội để thống nhất cao về ý chí, hành động, siết chặt đội ngũ, bảo vệ và giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

PGS.TS. PHẠM ĐỨC KIÊN\*  
TS. LÊ THỊ CHIÊN\*\*

### **1. Đảng Cộng sản Việt Nam với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Điều đó thể hiện quyết tâm rất lớn của Đảng trong việc lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay. Tuy nhiên, không phải cho đến hiện nay, vấn đề này mới được đặt ra, mà ngay từ khi thành lập Đảng (năm 1930), Đảng đã lãnh đạo đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, cơ hội, phản động để bảo vệ nền tảng tư tưởng.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoạt động dựa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê nin và

---

\* , \*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính nền tảng đó là “kim chỉ nam” cho Đảng hoạch định Cương lĩnh, đường lối đúng đắn và hiện thực hóa thành công những mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ chính trị, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ thập niên 50, 60 của thế kỷ XX, trên thế giới nổi lên cuộc đấu tranh của chủ nghĩa cơ hội, xét lại chống lại chủ nghĩa Mác cũng như phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết và kiên trì đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa Mác. Tháng 12/1963, Đảng Lao động Việt Nam ban hành Nghị quyết Trung ương 9 khóa III “Về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng”. Trong Nghị quyết, Đảng ta đã chỉ rõ khi đó, có một số cán bộ, đảng viên đã nhận thức và hành động trái với quan điểm của Đảng, có người rời bỏ Đảng, được cử đi học thì tìm cách ở lại nước ngoài. Số đó tuy rất ít nhưng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng. Do đó, với lập trường kiên định và rõ ràng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên định đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Vì vậy, trước những sóng gió cuộc đấu tranh tư tưởng chống lại sự chống phá của các phần tử phản động, cơ hội, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn giữ được sự thống nhất vững chắc về tư tưởng, lý luận; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoàn thành giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã từng bước rơi vào khủng hoảng và tan rã. Tổng thống Nga V. Putin trong *Thông điệp Liên bang năm 2005* gọi đó là “một chấn động chính trị khủng khiếp nhất thế kỷ XX”.

Sự đổ vỡ này xảy ra ngay tại Liên Xô - quê hương của Cách mạng Tháng Mười, nơi khai sinh nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới, nơi được coi là thành trì của chủ nghĩa xã hội hiện thực khiến cho các học giả tư sản được dịp lên tiếng phê phán, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Kể từ sau sự kiện gây chấn động lịch sử toàn thế giới đến nay đã gần 30 năm, các thế lực thù địch vẫn luôn ra sức tìm mọi cách lợi dụng xuyên tạc, công kích và phủ định chủ nghĩa Mác - Lê nin. Họ cho rằng sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tất yếu lịch sử vì nó bắt nguồn từ “sự lạc hậu, lỗi thời của bản thân chủ nghĩa Mác - Lê nin”; và bởi, “chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội “không tưởng”, không bao giờ thực hiện được”<sup>1</sup>. Họ cũng cho rằng chủ nghĩa xã hội khoa học mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã xây dựng chỉ là một học thuyết “viển vông”, “ảo tưởng” nên áp dụng vào thực tiễn chỉ có thể sinh ra những “quái thai của lịch sử”<sup>2</sup>... Những luận điệu đó được tung ra khắp nơi trên thế giới với các hình thức, diễn đàn khác nhau nhằm phủ nhận bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Xuất phát từ lập luận đó, họ cho rằng hiện nay “Việt Nam đang bế tắc không chỉ về kinh tế, mà còn về tinh thần. Không ai còn tin vào chủ nghĩa Mác nữa”<sup>3</sup>; rằng, “con đường xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang đi là trái với quá trình lịch sử - tự nhiên”<sup>4</sup>. Đó chính là

1, 2, 3. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.48, 47-48, 48.

4. Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lê nin trong thời đại hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.12.

“một khúc cong của lịch sử, là đoạn vòng vèo đầy đau khổ đi lên chủ nghĩa tư bản”<sup>1</sup>. Do đó, theo họ, Việt Nam cần “tránh chõ tối, tìm chõ sáng”, “tránh con đường đau khổ” mà một số nước đã đi qua để đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đây thực sự là một thử thách rất lớn đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, với sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã sớm nhận thấy những diễn biến tiêu cực của các Đảng và các nước xã hội chủ nghĩa nên đã chủ động phòng ngừa sự chống phá của các thế lực thù địch. Sự chủ động và quyết tâm của Đảng được thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI khi đề ra những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, bảo đảm cho đổi mới đúng hướng, đúng mục tiêu và có hiệu quả. Trong Nghị quyết, Đảng ta không chỉ khẳng định tính chất của công cuộc đổi mới ở Việt Nam không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp mà Đảng ta còn nhấn mạnh: “*Chủ nghĩa Mác - Lenin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta*”<sup>2</sup>. Sự khẳng định này đã cho thấy bản lĩnh và quyết tâm rất lớn của Đảng trong việc kiên định chủ nghĩa Mác - Lenin, bất chấp mọi sự chống phá của các thế lực thù địch.

1. *Việt Nam tiến bước cùng thời đại*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr.29.

2. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.49, tr.591.

Tiếp theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI, tháng 8/1989, Hội nghị Trung ương 7 khóa VI của Đảng ban hành Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay”, Trung ương đã nhận định sáu điểm về những sai lầm trong cải tổ, cải cách của một số đảng về thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, dân chủ hóa không giới hạn, hạ thấp sự lãnh đạo của đảng cộng sản, phủ nhận thành tựu của lịch sử, của chủ nghĩa xã hội. Từ việc nhìn nhận những thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu khi buông lỏng vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, khiến đảng viên và nhân dân mất niềm tin vào chính lý tưởng mà mình đã theo đuổi, Nghị quyết Trung ương 7 khóa VI của Đảng đã nhấn mạnh: “*Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt năm nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng*”<sup>1</sup>. Quan điểm này cho thấy sự kiên định của Đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin trong một giai đoạn rất khó khăn và cam go.

Một trong những điểm nhấn quan trọng trong công tác lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thể hiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (năm 1991). Lúc này, mặc dù sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu vừa tạo ra một “chấn động chính trị toàn thế giới” song Đảng ta vẫn khẳng định

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.49, tr.742.

Việt Nam vẫn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Toàn bộ mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng hướng vào làm sáng tỏ và sâu sắc hơn bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu sai trái, thù địch. Đây là một Cương lĩnh rất quan trọng của thời kỳ đổi mới, khẳng định rất rõ sự kiên trì, quyết tâm của Đảng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong mọi tình huống.

Từ sau Cương lĩnh năm 1991, căn cứ tình hình cụ thể ở mỗi giai đoạn, Đảng ta tiếp tục đưa ra những chỉ đạo cụ thể về việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch như Nghị quyết số 01-NQ/TW “Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay” (tháng 3/1992); Nghị quyết số 09-NQ/TW “Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” (tháng 02/1995); đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2012) và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (năm 2016) về xây dựng Đảng. Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Đảng ta đã thẳng thắn vạch rõ những âm mưu thâm độc của các lực lượng thù địch khi thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam như: “Diễn biến hòa bình” là một chiến lược nằm trong hệ thống chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc, là “thủ đoạn hòa bình để giành thắng lợi”. Nhiều chuyên gia và chính khách phương Tây còn gọi đây là phương pháp “chuyển hóa hòa bình”, “biến đổi hòa bình”, “cách mạng hòa bình” và

gần đây là “cách mạng nhung”, “cách mạng màu”, “cách mạng đường phố”... Trong chiến lược này, hoạt động văn hóa - tư tưởng được coi là “mũi đột phá”, là “cây cầu dẫn vào trận địa”, là lĩnh vực hàng đầu làm tan rã niềm tin, gây hỗn loạn về lý luận và tư tưởng, tạo ra khoảng trống để dần dần đưa hệ tư tưởng tư sản vào, rồi cuối cùng xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, Đảng ta còn chỉ rõ đã có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên “Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”<sup>1</sup> khiến cho các thế lực thù địch có cơ hội chống phá, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tinh thần và bản lĩnh của Đảng trong việc lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng được thể hiện đậm nét nhất trong Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Nghị quyết nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.28.

hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó các cơ quan báo chí tuyên truyền các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Nhìn lại lịch sử 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập, xây dựng chủ nghĩa xã hội mà còn đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong mọi tình huống. Do đó, 90 năm qua cũng chính là một hành trình phát triển của Đảng trong công tác lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là “kim chỉ nam” cho mọi hành động của Đảng và của nhân dân.

## 2. Những thành tựu cơ bản

Qua 90 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Những thành tựu đó được thể hiện trên những khía cạnh cơ bản sau:

*Thứ nhất*, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong việc xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ, phát triển và làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, xã hội Việt Nam; đồng thời vô hiệu hóa các luận điệu và hoạt động phá hoại tư tưởng, lý luận của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; bảo vệ thành công các quan điểm, tư tưởng đổi mới của Đảng. Ngoài ra, sự lãnh đạo của Đảng cũng góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam; tổ chức lực lượng và các điều kiện bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch. Sự ra đời và hoạt động hiệu quả của Ban Chỉ đạo 94 Trung ương, Ban Chỉ đạo 609 của Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Chỉ đạo 213 Trung ương về đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; Ban Chỉ đạo 94 Đảng ủy Công an Trung ương; Ban Chỉ đạo 94 Quân ủy Trung ương và các ban chỉ đạo trực thuộc Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh 86, Lực lượng 47, cơ quan thường trực, lực lượng nòng cốt, lực lượng chuyên sâu, lực lượng tham gia đấu tranh ở từng cấp đã góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam.

*Thứ hai*, chủ động phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại những âm mưu của các thế lực thù địch xuyên tạc, chống phá quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế ở Việt Nam như ý đồ “tư nhân hóa” nền kinh tế, tiến công vào vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; giúp cho nền kinh tế Việt Nam giữ được độc lập, tự chủ, không bị lệ thuộc vào nước ngoài, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định với tốc độ tăng trưởng

cao 6 - 7%/năm. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng ta tiếp tục lãnh đạo giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm công bằng xã hội.

Thứ ba, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch hòng thay đổi hệ giá trị văn hóa Việt Nam bằng hệ “giá trị văn hóa tư sản”; bảo vệ và phát triển nền văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong quá trình đổi mới. Ngoài ra, sự lãnh đạo của Đảng đã làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng đổi mới để gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo; lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng Việt Nam; không ngừng củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội.

Thứ tư, lực lượng vũ trang nhân dân luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao; đạt nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số đơn vị, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang. Đồng thời, đây là lực lượng đóng vai trò thiết yếu trong nhiệm vụ làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch phá hoại vũ khí, trang bị, cơ sở vật chất - kỹ thuật; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bản sắc

văn hóa dân tộc và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; làm thất bại mưu đồ bao vây, cấm vận, cô lập Việt Nam, cản trở Việt Nam mở rộng quan hệ quốc tế; nhờ đó, Việt Nam tạo được môi trường thuận lợi phục vụ cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao; tranh thủ được nhiều diễn đàn quốc tế để tập hợp đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và cơ hội chính trị.

Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch không chỉ mang lại những thành tựu to lớn trong lĩnh vực tư tưởng - lý luận, mà còn mang đến những thành quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, các mặt của đời sống xã hội. Điều đó cho thấy sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng là nhân tố quan trọng, quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ đổi mới đất nước.

### **3. Một số kinh nghiệm chủ yếu**

Từ những thành công của sự nghiệp đổi mới, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch như sau:

*Một là*, trong bất kỳ hoàn cảnh và tình huống nào cũng phải luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; coi đây là nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng. Do đó, căn cứ điều kiện, hoàn cảnh ở mỗi giai đoạn lịch sử, Đảng phải luôn kiên trì với nền tảng tư tưởng đã

lựa chọn, bản lĩnh và vững vàng trước những sóng gió để lãnh đạo, dẫn dắt đảng viên và nhân dân đi theo. Tuy nhiên, sự kiên trì, kiên định không đồng nghĩa với việc bảo thủ, rập khuôn. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là sự thống nhất biện chứng của hai quá trình: vừa tiếp tục khẳng định những giá trị phổ quát, đúng đắn của chủ nghĩa Mác, vừa không ngừng bổ sung, phát triển và vận dụng linh hoạt những nguyên lý của chủ nghĩa Mác trong điều kiện thực tiễn Việt Nam ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Thực tiễn cho thấy, không thể làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác nếu không quyết tâm khắc phục chủ nghĩa giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí, quan niệm giản đơn, hời hợt về những quy luật khách quan của lịch sử và quá trình cách mạng.

*Hai là*, luôn luôn tỉnh táo phòng ngừa, chủ động và kiên quyết phê phán mọi nhận thức lệch lạc và đấu tranh với quan điểm sai trái và thù địch. Thực tiễn cho thấy, mặc dù phong trào cách mạng và công nhân quốc tế luôn có những bước thăng trầm, thậm chí có những giai đoạn cam go, đầy thử thách bởi luôn phải đối mặt với sự chống phá của các thế lực thù địch nhưng Đảng ta vẫn luôn tỉnh táo, kiên trì và kiên quyết đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng. Sự chủ động, tỉnh táo đến từ tầm nhìn, tầm tư duy chiến lược của cơ quan lãnh đạo, người lãnh đạo cao nhất và của các cơ quan tham mưu, chuyên môn trên lĩnh vực tư tưởng lý luận. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng, lý luận nói chung và trong đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, thù địch có ý nghĩa quyết định thành công. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị luôn luôn có định hướng

đúng đắn về công tác tư tưởng - định hướng cho thời kỳ dài và phương hướng cụ thể của từng giai đoạn. Đó là cơ sở rất quan trọng để các cơ quan chuyên môn, cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận kịp thời đề xuất bước đi, giải pháp cần thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Ba là*, luôn tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thực tiễn 90 năm qua cho thấy, để cụ thể hóa chủ trương của Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết gắn với những nhiệm vụ cụ thể trong những điều kiện lịch sử nhất định. Những nghị quyết đó nhanh chóng được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi. Đặc biệt, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của đảng viên, mà còn là trách nhiệm của cán bộ và nhân dân. Đảng đã biết phát huy vai trò, thế mạnh của các phương tiện truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí trong việc tuyên truyền những đường lối, chủ trương của Đảng; có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cơ sở đảng các cấp, thường xuyên lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở các cuộc họp đảng bộ, chi bộ, các cơ quan, đơn vị... Ngoài ra, Đảng cũng luôn phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là một cách thức hữu hiệu để huy động sức mạnh tổng hợp tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Do đó,

đúng như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không phải là việc riêng của Đảng mà còn là việc chung, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân”<sup>1</sup>.

Trong 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong mọi hoàn cảnh và tình huống. Điều đó đã cho thấy rất rõ quyết tâm và bản lĩnh của Đảng, để lại những bài học kinh nghiệm quý giá trong việc lãnh đạo đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đó đã củng cố niềm tin, tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân mơi tin vào con đường Đảng đã chọn, kiên trì, kiên định đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, xứng đáng là người kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng.

---

1. “Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019”, Báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 30/12/2019, tr.1.

## NHỮNG THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC

PGS.TS. HỒ TRỌNG HOÀI\*  
TS. NGUYỄN THỊ THU HUYỀN\*\*

Xây dựng Đảng về đạo đức có nội dung rất rộng lớn, song, cốt lõi, thực chất là xây dựng văn hóa Đảng. Văn hóa đó có mặt trong mọi lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Đảng, đến con người đảng viên - nhân tố đóng vai trò là nền tảng cho mọi hoạt động của Đảng. Do vậy, xây dựng văn hóa Đảng nhất thiết phải đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên của Đảng, bởi cán bộ, đảng viên có đạo đức trong sáng thì chính trị, tư tưởng sẽ trong sáng, tổ chức sẽ đoàn kết, vững mạnh, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng được khẳng định. Chính vì điều đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chủ trương đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức thành một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”<sup>1</sup>. Như vậy, xây dựng Đảng về đạo đức đã

---

\* , \*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.47.

trở thành một nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách của công tác xây dựng Đảng, được đặt ở vị trí ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - đặc biệt quan tâm xây dựng Đảng về đạo đức. Ngay từ những lớp huấn luyện chính trị đầu tiên trong giai đoạn 1925 - 1927 để đào tạo những “hạt giống đỏ” của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đặt lên trước hết bài giảng về tư cách của một người cách mạng. Trong đó, Người chỉ ra 23 tiêu chí để xác định tư cách của một người cách mạng được thể hiện thông qua ba mối quan hệ với mình, với người, với việc. Trên cơ sở giải quyết các mối quan hệ đó một cách đúng đắn, những chuẩn mực đạo đức của một người cán bộ cách mạng được hình thành. Ví như: Cân kiêm, Hòa mà không tư, Cả quyết sửa lỗi mình, Nhẫn耐, Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh, Khoan thứ, Dũng cảm, Phục tùng đoàn thể...<sup>1</sup>.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947) - tác phẩm chứa đựng những quan điểm hết sức quý giá về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đặt tên phần III là “Tư cách và đạo đức cách mạng”. Đó trước hết là 12 điều tư cách của một đảng chân chính cách mạng, trong đó chủ yếu là về lĩnh vực đạo đức. Tiêu chí đầu tiên đã thể hiện rõ điều này: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh,

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.280-281.

đồng bào sung sướng”<sup>1</sup>. Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (1958) - tác phẩm chứa đựng tập trung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng nói chung, tư tưởng xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng, Người xác định: “Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là: Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất”<sup>2</sup>. Trong *Di chúc*, Người còn nhấn nhủ: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>3</sup>.

Trong suốt quá trình cách mạng, kể từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Hàng loạt nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã đề ra 8 biện pháp và nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng, chú trọng chỉnh đốn Đảng về tổ chức; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã đề ra 10 nhiệm vụ, chủ trương tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lăng phí”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.603.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611-612.

Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Chỉ thị số 05 CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”...

Qua các nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức cũng như việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị này trong cuộc sống, có thể thấy trong 90 năm qua, công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã đạt được nhiều *thành tựu* hết sức to lớn:

*Một là*, Đảng đã thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>1</sup>.

Trong thời gian vừa qua, có thể nói, niềm tin của nhân dân đối với một bộ phận cán bộ, đảng viên đã suy giảm. Nguyên nhân của tình hình trên, như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI khẳng định, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục. Những hạn chế yếu kém đó được chỉ ra như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

vừa bị buông lỏng trong thực hiện, vừa chưa được quy định cụ thể; cơ chế, chính sách, pháp luật được nghiên cứu, ban hành chưa thích ứng kịp với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ, chưa có cơ chế thật sự để trọng dụng người có đức, có tài; không kiên quyết thay thế người vi phạm, uy tín giảm sút, năng lực yếu kém. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, có tình trạng những việc làm đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ; những sai sót, vi phạm không bị phê phán, xử lý nghiêm minh. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, nhất là đấu tranh với những vi phạm chưa được tiến hành thường xuyên và nghiêm túc. Chưa phát huy được vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội một cách hiệu quả.

Những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng thể hiện ở chỗ, “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”<sup>1</sup>; “... có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.22.

dám nghĩ, dám làm, tạo kẽ hở cho cách làm việc tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân”<sup>1</sup>.

Tuy đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng đã tạo được những chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị, nhưng Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII vẫn thẳng thắn thừa nhận, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, một số việc chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII nhận định: “Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đáp ứng yêu cầu. Nội dung sinh hoạt đảng ở nhiều nơi còn đơn điệu, hình thức, hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu. Công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ, đảng viên còn yếu kém. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái”<sup>2</sup>; “Tự phê bình và phê bình nhiều nơi mang tính hình thức; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.23.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.21-22.

điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao. Việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của người đứng đầu với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng”<sup>1</sup>.

Vì vậy, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” là sự tiếp nối Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Đảng đã cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt hơn trong tự phê bình và phê bình khi nhận diện rất đầy đủ và cụ thể 27 biểu hiện suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chế độ và của Đảng.

*Hai là*, chính việc dám nhìn thẳng vào những hạn chế, khuyết điểm đã giúp Đảng xác định đúng những quan điểm, giải pháp phù hợp để thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã đề ra 8 biện pháp và nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng, chú trọng chỉnh đốn Đảng về tổ chức, trong đó nhấn mạnh việc “thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình từ trên xuống, trước hết là trong cấp ủy, chống làm hình thức,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22.

chiếu lệ, chỉ phê bình mà không tự phê bình, chỉ tự phê bình và phê bình mà không sửa chữa khuyết điểm”<sup>1</sup>.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã đề ra 10 nhiệm vụ, chủ trương tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đưa ra 4 nhóm giải pháp: Nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tinh thần phong, gương mẫu của cấp trên; Nhóm giải pháp về tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng; Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; Nhóm giải pháp về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đưa ra 4 giải pháp: Về công tác chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình; Về cơ chế, chính sách; Về kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng; Về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Có thể nói, các nhóm giải pháp được đưa ra ngày càng đầy đủ, hướng đến các đối tượng từ người đứng đầu đến các cán bộ, đảng viên, có cả vai trò của quần chúng nhân dân; từ cá nhân đến các tổ chức đảng. Các biện pháp đề ra bao gồm nhiều cấp độ, từ giáo dục, rèn luyện đến giám sát, xử lý kỷ luật. Trong đó, có thể kể đến những biện pháp rất quyết liệt, thể hiện quyết tâm chỉnh đốn Đảng như “Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ làm việc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.52, tr.197.

kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu”<sup>1</sup>; “Xây dựng quy định xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lời nói và việc làm biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng”<sup>2</sup>...

Ba là, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị trên, công tác xây dựng Đảng về đạo đức từng bước được hiện thực hóa.

Để góp phần xây dựng Đảng về văn hóa, Đảng đã tiến hành Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, làm cho việc thực hành đạo đức cách mạng theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành một nhu cầu văn hóa, thành động lực tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đảng chú ý là, đội ngũ cán bộ chủ chốt thực hành nêu gương thực hành đạo đức đã có tác dụng thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

Trong cuộc vận động rộng lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về đạo đức, Đảng ngày càng đẩy mạnh đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí... Trong những năm gần đây, công cuộc đấu tranh đó đã thu được nhiều kết quả, góp phần lấy lại niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ.

Đây có thể coi là một thành tựu nổi bật trong công tác xây dựng Đảng những năm qua. Trong suốt nhiều năm,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.41, 46.

Đảng ta đã nhận thức rõ tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; thực trạng tham nhũng đã bị coi là vấn nạn của quốc gia, trở thành một trong bốn nguy cơ có thể đẩy đất nước vào khủng hoảng. Tuy nhiên, việc kỷ luật bộ phận cán bộ, đảng viên này chưa nghiêm minh, rất ít trường hợp bị phát hiện và xử lý. Điều đó đã làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với đối ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và hơn nữa là đối với Đảng, với chế độ.

Khắc phục hạn chế trên, trong những năm gần đây, việc đưa ra xử lý hàng loạt cán bộ vi phạm kỷ luật Đảng, tham nhũng được đẩy mạnh. Nhiều cán bộ cấp cao, là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, có những người đã nghỉ hưu bị xử lý, cho thấy sự quyết liệt trong công tác giám sát, kiểm tra, kỷ luật Đảng. Công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay được khẳng định là “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”.

Theo thống kê, “từ năm 2014 đến nay, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 840 tổ chức đảng và 58.120 đảng viên vi phạm, trong đó có gần 2.720 đảng viên vi phạm về tham nhũng, cố ý làm trái. Riêng từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 490 tổ chức đảng và 35 nghìn đảng viên vi phạm, trong đó có gần 1.300 đảng viên bị thi hành kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương thi hành kỷ luật nhiều tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước vi phạm, cả đương chức, chuyển công tác và đã nghỉ hưu. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã thi hành kỷ luật 50 cán bộ diện Trung ương

quản lý, trong đó có 9 cán bộ là Ủy viên Trung ương, nguyên là Ủy viên Trung ương, khai trừ đảng 01 Ủy viên Trung ương - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị”<sup>1</sup>.

Từ những thành tựu và những hạn chế trên, một số bài học kinh nghiệm trong xây dựng Đảng về đạo đức có thể rút ra như sau:

*Một là*, quán triệt quan điểm xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của toàn Đảng.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc. Để làm tròn nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, Đảng phải mạnh, toàn Đảng tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Cho nên chỉnh Đảng là việc chính, phải đặc biệt chú trọng”<sup>2</sup>. Theo đó, cần thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Thực hiện nghiêm việc “tự soi, tự sửa” đối với những biểu hiện suy thoái đã được Đảng chỉ ra.

*Hai là*, xây dựng Đảng về đạo đức là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân.

Đặc biệt cần củng cố và tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Có thể thấy, trên thực tế, góp phần vào công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là có sự góp sức to lớn của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

---

1. Báo cáo của Ban Nội chính Trung ương tại Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng ngày 25/6/2018.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.396.

chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí cũng như sự tham gia của nhân dân. Nhận thức rõ điều này, các giải pháp xây dựng Đảng cũng luôn khẳng định điều đó.

Ba là, giáo dục, vận động luôn phải đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng và bảo đảm tính nghiêm minh, thượng tôn pháp luật.

Bốn là, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là hết sức quan trọng trong xây dựng Đảng về đạo đức. Vì vậy, cần phải thực hiện đúng các nguyên tắc về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu. Người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, là trung tâm đoàn kết, có khả năng tập hợp, quy tụ trí tuệ tập thể vì đại cục; luôn sát cánh cùng tập thể, nhìn thẳng sự thật, nói đúng sự thật, dám nhìn nhận khuyết điểm để sửa sai và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để xây dựng đất nước.

Năm là, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>, do đó, xây dựng Đảng về đạo đức phải đặc biệt quan tâm xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên. Để thực thi hiệu quả, cần đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, lấy hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn và sự tín nhiệm làm thước đo chủ yếu; chú trọng công tác đánh giá, nhận xét, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ theo hướng công khai, minh bạch; phát huy dân chủ trong công tác cán bộ, phân công nhiệm vụ rõ ràng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc gắn với đề cao vai trò, trách nhiệm, tính tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309.

## **CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG LỊCH SỬ - GIÁ TRỊ VÀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY**

TS. NGUYỄN BÌNH\*  
ThS. ĐỖ VĂN PHƯƠNG\*\*

### **1. Các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong lịch sử và giá trị**

Trong lịch sử xây dựng và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam, khi lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã tiến hành nhiều cuộc chỉnh đốn Đảng. Có thể kể đến một số cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sau đây:

- *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm duy trì phong trào cách mạng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I năm 1931.* Đầu năm 1931, phong trào cách mạng đang lăng xuống, đặt ra yêu cầu chỉnh đốn Đảng về tư tưởng và tổ chức nhằm duy trì phong trào cách mạng. Trong bối cảnh đó, Xứ ủy Trung Kỳ đã có sai lầm, quay sang chỉnh đốn tổ chức, tháng 4/1931, ra Chỉ thị thanh Đảng, chủ trương: “*thanh trừ trí phú địa hào, đào tận*

---

\* , \*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*gốc trốc tận rẽ”<sup>1</sup>.* Ngày 20/5/1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị gửi Xứ ủy Trung Kỳ để phê phán sai lầm trên. Trung ương chỉ rõ: “*Xứ ủy Trung Kỳ, nhất là đồng chí Bí thư, ra chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ: thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rẽ*, như vậy thì gốc đâu mà đào, xem rẽ ở đâu mà trốc, quả là một ý nghĩ mơ hồ, một chỉ thị vô đoán và là một lối hành động quàng xiên chí tướng”<sup>2</sup>. Trung ương Đảng chỉ thị Xứ ủy Trung Kỳ phải nghiên cứu thẩm tra lại tình hình cụ thể từng đảng bộ, từng cấp ủy và toàn thể đảng viên tiến hành tự phê bình và phê bình, kiểm điểm sắp xếp lại lực lượng, góp phần uốn nắn những lệch lạc, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng về tư tưởng và tổ chức, hướng tới nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc.

- *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm thống nhất tư tưởng trong Đảng theo tinh thần tác phẩm Tự chỉ trích của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (02/1938 - 9/1939).* Trước tình hình phong trào cộng sản Nam Kỳ bị chia rẽ, nảy sinh các khuynh hướng tư tưởng “tả” khuynh và hữu khuynh, mâu thuẫn giữa những người cộng sản theo phái Mặt trận dân chủ và phái Trótkít, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết cuốn *Tự chỉ trích*, do Nhà xuất bản Dân chúng phát hành ngày 20/7/1939 tại Hà Nội. Về đường lối chiến lược và sách lược của Mặt trận, Đồng chí nêu bật mối quan hệ hữu cơ giữa nhiệm vụ chiến lược và chỉ đạo thực hiện chiến lược của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Muốn lãnh đạo Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Đảng phải giữ độc lập về chính trị và tổ chức, giữ quyền lãnh đạo của giai cấp

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.3, tr.157.

công nhân. Mặt trận phải được xây dựng trên cơ sở quần chúng rộng rãi lấy liên minh công nông làm nền tảng. Để thành lập được Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phải phát động một phong trào đấu tranh sâu rộng trong quần chúng, chống lại khuynh hướng “tả” và “hữu”, biết lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, phân biệt kẻ thù nguy hiểm cụ thể trước mắt với kẻ thù nói chung. *Tự chỉ trích* có ý nghĩa và tác dụng quan trọng trong cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng; tác phẩm chỉ rõ những nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta trong cao trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình. Tuy nhiên, đến tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, tình hình chuyển biến, khiến cho cuộc đấu tranh tư tưởng này sớm chấm dứt.

- *Cuộc vận động phê bình và tự phê bình nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương (4/1947 - 10/1948)*. Lúc này, mặc dù tuyên bố “tự giải tán” song thực chất là rút vào bí mật, Đảng đã trở thành đảng cầm quyền, lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Tuy nhiên, trong Đảng xuất hiện nhiều vấn đề về tư tưởng, đạo đức của cán bộ, đảng viên như cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa, quan liêu... Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4/1947 và *Bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các đồng chí Bắc Bộ và Trung Bộ* đã kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện này. Trung ương Đảng mở cuộc vận động tự phê bình và phê bình lớn trong Đảng nhằm khắc phục các khuyết điểm nói trên, đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến.

- *Cuộc vận động chỉnh Đảng, chỉnh quân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (4/1952 - 6/1953)*. Thời điểm này, Đảng Lao động Việt Nam đã có trên 76 vạn đảng viên. Bước vào giai đoạn

phản công, Trung ương Đảng chủ trương tiến hành chỉnh Đảng, chỉnh quân nhằm làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, gương mẫu, coi đó là cuộc đấu tranh tư tưởng gay go, quyết liệt và là nhiệm vụ trọng yếu. Đồng thời với chỉnh Đảng là chỉnh quân nhằm làm cho quân đội thật sự cách mạng, mạnh mẽ, đủ sức tiến lên phản công địch giành thắng lợi cuối cùng. Một đợt sinh hoạt chính trị lớn được tiến hành trong toàn Đảng, toàn quân. Nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng lên một bước, tuy nhiên, hàng nghìn cán bộ, đảng viên thuộc thành phần tư sản, tiểu tư sản, địa chủ bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa lý lịch, không thể tiếp tục trưởng thành và phát triển được.

- *Cuộc vận động chỉnh đốn Đảng về tổ chức trong cải cách ruộng đất sau năm 1954 ở miền Bắc.* Cùng với cải cách ruộng đất, Đảng tiến hành chỉnh đốn tổ chức. Quá trình này kéo dài từ trước năm 1954 đến giữa năm 1956. Hàng vạn cán bộ, đảng viên bị chỉnh đốn, quy sai thành phần, thậm chí quy là phản động. Hệ thống tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở bị xáo trộn lớn. Cuối năm 1956, Trung ương Đảng phải sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Nhiều đảng viên được phục hồi đảng tịch.

- *Cuộc vận động chỉnh huấn và xây dựng chi bộ, đảng bộ “Bốn tốt” ở miền Bắc (1961 - 1968).* Miền Bắc lúc này thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại. Từ năm 1961, Trung ương Đảng phát động cuộc *Chỉnh huấn mùa Xuân* và phong trào *Xây dựng chi bộ, đảng bộ “Bốn tốt”*. Cuộc vận động đã bồi dưỡng lý luận Mác - Lê nin, nhận thức cho cán bộ, đảng viên miền Bắc về những nhiệm vụ chính trị hết sức nặng nề, tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trên toàn miền Bắc. Nhờ vậy, đến năm 1964, công

cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”<sup>1</sup>. Trong giai đoạn tiếp theo, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, quân và dân miền Bắc vừa đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

*Cuộc vận động chỉnh huấn nâng cao chất lượng đảng viên (1969 - 1973).* Thời điểm này, cách mạng miền Nam đang gặp khó khăn lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bộc lộ nhiều bất cập, trong tư tưởng cán bộ, đảng viên xuất hiện nhiều tư tưởng hữu khuynh, mệt mỏi, cá nhân, ý thức tổ chức kỷ luật kém... Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc vận động, đợt sinh hoạt chính trị lớn học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên... Cuộc vận động đã góp phần củng cố tổ chức, nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt. Chỉ trong năm 1973, đã có trên 15.000 đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng.

Việc Đảng tiến hành các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng qua các giai đoạn lịch sử cho thấy công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành thường xuyên, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ từng giai đoạn cách mạng cụ thể. Thông qua các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.275.

phẩm chất, có năng lực gắn bó mật thiết với nhân dân để lãnh đạo thành công nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng, đấu tranh giải phóng miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đồng thời, Đảng xây dựng được hệ thống tổ chức vững mạnh, rộng khắp, hoạt động hiệu quả trong điều kiện đấu tranh giành chính quyền cũng như trong điều kiện lãnh đạo kháng chiến, kiến quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên, các cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước năm 1986 cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm.

+ Nhấn mạnh thành phần trong Đảng làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, tiêu biểu là chủ trương “Trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ” của Xứ ủy Trung Kỳ năm 1931 và thành phần cán bộ, đảng viên trong chính huấn, chính quân năm 1952 - 1953.

+ Công tác phát triển đảng viên có thời kỳ phát triển ô ạt, làm cho chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa cao, sau đó lại ngừng phát triển đảng viên, làm nhiều quần chúng ưu tú không có cơ hội đứng trong hàng ngũ của Đảng, khuyết điểm này tồn tại trong những năm 1949 - 1950.

+ Trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn có biểu hiện “tả” khuynh, nhất là trong chỉnh Đảng, chỉnh quân những năm 1952 và chỉnh đốn tổ chức trong những năm 1954 - 1955 ở miền Bắc. Nhiều tổ chức đảng bị giải tán, nhiều đảng viên bị quy kết oan sai, gây ra những chấn động trong Đảng.

+ Mặc dù mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng đều hướng đến xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng tốt, song vẫn còn tình trạng suy thoái đạo đức, quan liêu, tham ô, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên

trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc những năm 1954 - 1975. Do đó, trong những năm 1973 - 1975, hàng chục nghìn cán bộ, đảng viên đã bị khai trừ khỏi Đảng.

Từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay, Đảng tiếp tục lãnh đạo nhiều cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”*. Cuộc vận động được tiến hành theo ba bước, từ ngày 19/5/1999 đến ngày 19/5/2001, với nội dung chủ yếu là thực hiện tự phê bình và phê bình. Sau khi thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thông qua ba bước chuẩn bị, tiến hành kiểm điểm và sau kiểm điểm, các đảng bộ trực thuộc Trung ương đã có nhiều cố gắng, các vấn đề trong nội bộ cấp ủy đã được đặt ra và giải quyết, những tồn tại trong nhiều năm đã được xem xét và kết luận. Nhiều đồng chí qua kiểm điểm đã thành thật nhận khuyết điểm; những hành vi tiêu cực về đạo đức, lối sống được đấu tranh phê phán; những vụ tham nhũng, sách nhiễu được lật án,... đoàn kết nội bộ ở nhiều nơi được củng cố, dân chủ được tôn trọng, ý thức trách nhiệm trong công tác được nâng lên. Những chuyển biến trong Đảng đã có tác dụng tích cực trong xã hội; công việc ở nhiều cơ quan, đơn vị bước đầu được chấn chỉnh; kỷ luật lao động và tinh thần làm việc được nâng cao hơn; việc sử dụng xe công, điện thoại, điện nước, tiếp khách cũng được tiết kiệm hơn,...

Qua kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, số cán bộ bị xử lý kỷ luật thuộc diện Trung ương quản lý là 53 đồng chí, trong đó, có 10 đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng; số cán bộ từ

cấp huyện ủy quản lý trở lên bị kỷ luật là hơn 19.000 đồng chí. Ban Chỉ đạo và Thường trực Trung ương 6 (lần 2) đã thúc đẩy việc điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án lớn liên quan đến quản lý kinh tế, lợi dụng chức vụ quyền hạn gây hậu quả nghiêm trọng... Trong các vụ án đó, nhiều cán bộ cao cấp, từ thứ trưởng, phó chủ tịch tỉnh, phó viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đến Ủy viên Trung ương Đảng đã bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức, thậm chí phải chịu án tù<sup>1</sup>.

- *Cuộc vận động toàn Đảng, toàn dân học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (2003 - 2005)* theo Chỉ thị số 23-CT/TW “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới” ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX nhằm “Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta”<sup>2</sup>. Chủ trương của Đảng về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được toàn Đảng, toàn dân đón nhận. Các cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương, đơn vị đã quán triệt nghiêm túc chỉ thị, tổ chức các đợt giáo dục, tuyên truyền sâu rộng, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh tại địa phương,

---

1. Xem Nghĩa Nhân: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng - lát cắt 13 năm”, báo *Pháp luật*, ngày 17/4/2012.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.62, tr.194.

đơn vị mình. Tại khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước, hoạt động nghiên cứu, giáo dục, tuyên truyền đã được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, sáng tạo và sâu rộng trong mọi tổ chức, đoàn thể, thu hút đông đảo mọi lứa tuổi, mọi đối tượng tham gia. Trên báo chí và các lĩnh vực văn học nghệ thuật, có nhiều công trình, tác phẩm với nội dung tuyên truyền về thân thế và sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh. Dù mới là giai đoạn thí điểm, nhưng những hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, tuyên truyền và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng sâu sắc hơn, góp phần nâng cao nhận thức lý luận của đảng viên và niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở cuộc vận động này, ngày 07/11/2006, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW “Về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh””.

- *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” tháng 01/2012.* Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, tập trung vào các nhiệm vụ cấp bách và các nhóm giải pháp được nêu ra. Một nhiệm vụ quan trọng trong việc triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, tiến hành kiểm điểm và lấy ý kiến đóng góp cho các đồng chí cấp ủy và lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhằm để mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc tinh thần của Nghị quyết, từ đó có nhận thức tư tưởng, chính trị đúng đắn, chuyển hóa thành hành vi chuẩn mực; ngăn chặn,

đẩy lùi, khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, mà trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; củng cố niềm tin của đảng viên và nhân dân đối với Đảng.

Việc kiểm điểm được tiến hành từ cấp trung ương đến cấp cơ sở, cấp trên kiểm điểm trước, cấp dưới kiểm điểm sau; cán bộ lãnh đạo chủ chốt kiểm điểm trước, đảng viên kiểm điểm sau. Phương thức thực hiện kiểm điểm là lấy ý kiến tham gia góp ý của tập thể và cá nhân theo đúng với hướng dẫn của cấp ủy cấp trên; sau đó, sẽ tổng hợp các ý kiến tham gia góp ý. Trên cơ sở đó, cấp ủy sẽ xây dựng dự thảo báo cáo kiểm điểm của tập thể ban thường vụ, các đồng chí ủy viên ban thường vụ đảng ủy báo cáo kiểm điểm cá nhân.

“Trong 5 năm (chủ yếu là 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI), toàn Đảng đã xử lý kỷ luật gần 1.400 tổ chức đảng và hơn 74.000 đảng viên ở các cấp. Trong số đảng viên bị kỷ luật, có 82 tỉnh ủy viên và tương đương; hơn 1.500 huyện ủy viên và tương đương; gần 3.000 đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cách chức; hơn 8.700 người bị khai trừ ra khỏi Đảng và hơn 4.300 cán bộ, đảng viên phải xử lý bằng pháp luật”<sup>1</sup>.

- *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,*

---

1. “Kỷ luật nghiêm minh làm nê sút mạnh của Đảng”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 17/02/2017.

*những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*, ngày 30/10/2016. Mục tiêu của cuộc vận động này là nhằm đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm... trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần đấu tranh với những hành vi sai trái, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Chỉ riêng trên lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và vấn đề nêu gương, từ nhiệm kỳ XII trở lại đây, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiến lên một bước mới. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn, lâu dài, quyết liệt và Đảng đã cho thấy quyết tâm của mình. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức, nhất là vấn đề nêu gương. Vi phạm những vấn đề thuộc về đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hàng nghìn cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhiều cán bộ cao cấp của quân đội, công an đã bị xử lý kỷ luật về Đảng và xử lý hình sự. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến tháng 12/2018, đã có 53.107 cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu năm 2019, đã có gần 8.000 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật đảng và xử lý hình sự, có gần 80 cán bộ, đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng đương chức, bộ trưởng, thứ trưởng đương chức và đã nghỉ hưu, nhiều tướng lĩnh công an, quân đội vi phạm kỷ luật đảng và

pháp luật nhà nước. Đây là điều chưa từng có trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước đây, cho thấy nỗ lực của Đảng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãnh phí<sup>1</sup>.

Giá trị và kết quả của những cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ năm 1986 đến nay trên hai mặt lý luận và thực tiễn:

*Về lý luận*, Đảng tiếp tục khẳng định và đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng; thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng được quy định rõ hơn; nền tảng tư tưởng của Đảng được xác định ngày càng rõ hơn và đầy đủ, vững chắc hơn; Đảng nhận thức rõ hơn yêu cầu đối với một đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền; Đảng xác định sâu sắc về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong nhiệm vụ chính trị.

*Về thực tiễn*, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường. Công tác tư tưởng từ đổi mới đến nay đã góp phần tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và tạo ra sự đồng thuận trong xã hội. Công tác tổ chức bộ máy cũng tạo được những chuyển biến kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả cao. Công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược được coi trọng. Công tác kiểm tra, giám sát được coi trọng và ngày càng có chất lượng. Việc xử lý kỷ luật ngày càng nghiêm minh, được đảng viên, nhân dân đồng tình, ủng hộ. “Từ năm 2011 đến năm 2017, toàn Đảng đã sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức xóa tên 50.938 đảng viên, trong đó xóa tên do vi phạm 38.519 đảng viên, chưa kể 12.499 đảng viên bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng. Việc rà soát, sàng lọc, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi

---

1. Dẫn theo báo Vietnamnet.vn, ngày 22/01/2019 và ngày 26/7/2019.

Đảng có chiều hướng gia tăng, năm 2011 là 6.005 đảng viên, năm 2013 là 7.413 đảng viên, năm 2015 là 6.458 đảng viên, năm 2017 là 9.822 đảng viên”<sup>1</sup>. Đảng chú ý hơn đến công tác dân vận. Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới.

Nhờ vậy, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng cao; đội ngũ đảng viên của Đảng tiếp tục có bước phát triển, từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng được củng cố. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt, có đủ năng lực và phẩm chất lãnh đạo cách mạng. Đại đa số đảng viên của Đảng có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có tinh thần phục vụ nhân dân.

## **2. Một số kinh nghiệm đổi với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay**

*Thứ nhất, coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương, gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với nghiên cứu, học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng không phải là một giải pháp tình thế, có tính chất đối phó thụ động trước biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, mà nó có mối quan hệ hữu cơ, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Đảng. Một đảng nếu không tự đổi mới, chỉnh đốn sẽ sa vào trì trệ, bảo thủ, không theo kịp sự phát triển của thời cuộc.

Lịch sử xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ năm 1986 đến nay cho thấy nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành

---

1. Dẫn theo Báo Công an nhân dân, ngày 19/12/2018.

thường xuyên, liên tục, đồng thời phải được tiến hành liên tục trong toàn bộ hệ thống tổ chức đảng, từ trung ương đến địa phương, cơ sở một cách có hệ thống, từ trên xuống dưới.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cấp trung ương chủ yếu tập trung xây dựng đường lối chiến lược, cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước, kiểm điểm công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy đảng. Ngược lại, xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở địa phương, cơ sở, chủ yếu dựa trên cơ sở thực tiễn, thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của cấp ủy đảng cấp trên vào công tác cụ thể ở cơ sở.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn là tư tưởng về xây dựng và không ngừng sáng tạo, đổi mới và phát triển đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về xây dựng Đảng ta “là đạo đức, là văn minh”<sup>1</sup>. Đất nước đã hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, bước vào thời kỳ xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế, nên tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ khi đất nước bước vào thực hiện sự nghiệp đổi mới đến nay tập trung vào những vấn đề chiến lược như xây dựng đường lối phát triển đất nước, hội nhập quốc tế. Trong đó, các cuộc chỉnh đốn Đảng có các nội dung, mục tiêu cụ thể, trên những lĩnh vực cụ thể như đạo đức tác phong, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ và hiệu quả nhiệm vụ xây dựng Đảng. Do đó, nội dung chính của các cuộc chỉnh đốn Đảng, dù về chính trị, tư tưởng, hay tổ chức cán bộ, đạo đức

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

cách mạng của đảng viên... đều không tách rời việc học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Riêng xây dựng Đảng về đạo đức là nội dung được đặc biệt chú trọng, khi công tác cán bộ, vấn đề tư cách, đạo đức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên hiện đang bị chi phối, chịu tác động mạnh từ nhiều phía, nhiều nguyên nhân. Sự thoái hóa, biến chất, suy thoái đạo đức cách mạng, thờ ơ, buông xuôi, không dám đấu tranh xuất hiện trong nhiều cán bộ, đảng viên, ở các cấp bộ đảng, đặc biệt nghiêm trọng là ở cả cấp chiến lược, khiến vấn đề đặt ra càng trở nên cấp thiết. Xác định quyết tâm noi gương và học tập tư tưởng cách mạng toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh, vừa là phương sách hữu hiệu nhất để “chỉnh đốn Đảng”<sup>1</sup>, cũng là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay, khi mà sự suy thoái đạo đức của “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên”<sup>2</sup> đã và đang làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng lãnh đạo bằng nhiều phương thức, ngoài chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị... thì sự thường xuyên, sâu sát của tổ chức đảng và tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên là phương thức sát dân và đem lại hiệu quả tích cực nhất. Cán bộ, đảng viên tại các cấp bộ đảng, nhất là các tổ chức cơ sở thực hành đúng tinh thần, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh là những đảng viên chân chính, hành động gương mẫu, phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, dù ở cương vị nào cũng được nhân dân tin yêu, gắn bó; mỗi quan hệ giữa Đảng và nhân dân ngày càng bền chặt.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.25, 22.

Việc phát động các cuộc chỉnh đốn Đảng gắn với học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh sâu rộng, từ trong Đảng đến toàn dân, đã thể hiện sự quyết tâm và hành động của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân đối với Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, đạo đức và trí tuệ.

*Thứ hai, gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng, chỉnh đốn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị*

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện, song Đảng là một bộ phận trong hệ thống chính trị và đồng thời là bộ phận lãnh đạo hệ thống chính trị, vì thế xây dựng, chỉnh đốn Đảng có mối quan hệ hữu cơ đối với xây dựng, chỉnh đốn các tổ chức trong hệ thống chính trị và hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị như Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh là các tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng đến với quần chúng nhân dân và mọi hoạt động của xã hội, nên xây dựng, chỉnh đốn Đảng đồng thời phải xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị, cụ thể là thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước, xây dựng và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị để đạt hiệu quả cao nhất.

Là đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do đó, Đảng vừa tiến hành xây dựng Đảng, đồng thời chỉnh đốn Đảng nghiêm túc, khoa học, thi hành kỷ luật đảng nghiêm minh, đúng Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

Do đó, xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với xây dựng và cải cách nền hành chính nhà nước, xây dựng và đổi mới phong thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Đó chính là quá trình triển khai nghị quyết vào cuộc sống, là quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối qua các tổ chức đại diện cho các giai cấp, tầng lớp, các giới...; tạo điều kiện pháp lý đầy đủ, mở rộng dân chủ, nhất là dân chủ ở cơ sở, để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước.

*Thứ ba, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước hết phải từ người đứng đầu, cán bộ cấp trung ương, cấp chiến lược, đến cán bộ, đảng viên ở cơ sở*

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải bắt đầu từ xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược và đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có ảnh hưởng đến phương hướng, chủ trương lớn, phạm vi tác động rộng trong cả nước hay cấp tỉnh. Đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, cho nên có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của các địa phương, cơ sở và củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian vừa qua cho thấy vẫn có tình trạng nể nang né tránh ở các cấp ủy đảng tại các ban, ngành, địa phương. Vì thế, trong nhiều trường hợp, Trung ương Đảng, cụ thể là Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải trực tiếp kiểm tra, giám sát, đề nghị kỷ luật và thi hành kỷ luật. Trong nhiều trường hợp, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải “với tay” xuống tận cơ sở huyện, xã mới giải quyết được những vấn đề tồn đọng lâu dài, những bức xúc

của nhân dân đã lâu không được giải quyết, hoặc cấp ủy địa phương không giải quyết được do ở trong tình trạng “chi bộ nhà ta”, “chi bộ họ ta”, “cả họ làm quan”... nể nang, né tránh, sợ đụng chạm, dẫn đến tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, “trên bảo dưới không nghe”.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay còn có nội dung mới là đấu tranh chống lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ. Lợi ích nhóm có thể là lợi ích của một số cá nhân liên kết lại, lợi ích của một ngành, của một gia đình, dòng họ. Lợi ích nhóm gây bức xúc cho nhân dân, gây thiệt hại cho Nhà nước, tác động xấu đến sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích nhóm về kinh tế đồng thời cũng dẫn đến tình trạng phe nhóm, bè phái, mất đoàn kết trong nội bộ Đảng. Bất cứ lợi ích nhóm nào trái với lợi ích của toàn Đảng và của nhân dân đều phải kiên quyết đấu tranh xóa bỏ.

Do đó, các cuộc chỉnh đốn Đảng hiện nay cần chú trọng hơn hiện trạng trên, xây dựng mục tiêu sát thực, hiệu quả, tránh sự kêu gọi, hô khẩu hiệu chung chung mà thiếu quyết tâm trong hành động thực tiễn.

*Thứ tư, tiến hành toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, phương thức lãnh đạo, tác phong công tác và đạo đức*

Các mặt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng có liên quan chặt chẽ với nhau. Đường lối, chủ trương của Đảng chỉ được triển khai thực hiện có hiệu quả khi có quyết tâm chính trị cao, có hệ thống tổ chức khoa học, có phương thức lãnh đạo đúng đắn, có tác phong công tác và đạo đức chuẩn mực của cán bộ, đảng viên.

Về chính trị, Đảng chú ý xây dựng và bổ sung, phát triển các *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên*

*chủ nghĩa xã hội năm 1991, Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011*, tập trung xây dựng cương lĩnh trong thời kỳ hội nhập quốc tế, một mặt, vừa bảo đảm kiên định con đường cách mạng đã chọn, không chênh hướng xã hội chủ nghĩa, mặt khác, bảo đảm nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Xây dựng Đảng về tư tưởng luôn chú ý xây dựng sự đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận của nhân dân tiến tới mọi chủ trương, đường lối, chính sách phải có sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân.

Về tổ chức, Đảng luôn chú ý xây dựng hệ thống tổ chức đảng ngày càng hoàn thiện, bảo đảm giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc lập các tổ chức đảng theo các cấp của hệ thống chính trị và theo quy mô địa giới hành chính, nguyên tắc lập các tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị thuộc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và bảo đảm nguyên tắc mỗi đảng viên đều phải sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở đảng.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng nhấn mạnh thêm vấn đề xây dựng đảng về đạo đức.

Ngay từ năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, trong đó nêu rõ vai trò của đạo đức, một vấn đề quyết định của cán bộ, đảng viên phải xây dựng, rèn luyện, trau dồi lâu dài, gian khổ mới có được. Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, trong bối cảnh Đảng ta phải lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng và xây dựng đất nước sau chiến tranh với những nhiệm vụ chính trị nặng nề, phức tạp, vấn đề xây dựng Đảng về đạo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

đức chưa được chú ý đúng mức. Hiện nay, việc xây dựng Đảng về đạo đức được coi trọng chính là trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh và ngày càng được coi trọng đặc biệt.

*Thứ năm, tiếp tục vận dụng sáng tạo những quan điểm của Lenin và Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền*

Quan điểm của Lenin là đảng cộng sản phải thường xuyên sàng lọc, thanh trừ những phần tử cơ hội, suy thoái ra khỏi đảng, đưa ra khỏi đảng những đảng viên gian giảo, đã quan liêu hóa, không trung thực, những đảng viên vào đảng chỉ lấy cái danh, không thực sự làm việc, vào đảng với động cơ không trong sáng, vì địa vị... Phải đưa ra khỏi Đảng những người kiêu ngạo, không khiêm tốn, thiếu tôn trọng nhân dân, coi thường dân, dùng mọi thủ đoạn cướp đoạt tài sản, đất đai, khoáng sản của nhân dân và Nhà nước. Người nhấn mạnh, phải phạt thật nặng những người là đảng viên phạm tội, thậm chí xử nặng hơn gấp ba lần người không phải là đảng viên. Đó là cuộc đấu tranh không khoan nhượng, phải có quyết tâm chính trị cao, quyết tâm đưa những phần tử cơ hội ra ánh sáng, xử lý kỷ luật nghiêm minh, không có vùng cấm...

Quán triệt quan điểm xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Lenin, Hồ Chí Minh cũng cho rằng phải thường xuyên và kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng.

Các quan điểm về xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Lenin và Chủ tịch Hồ Chí Minh thời gian qua đã bước đầu được nghiên cứu, nhận thức và tuyên truyền thực hiện trong quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần thiết phải đẩy mạnh nghiên cứu,

tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa những di sản quý báu của Lê nin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng để các cấp ủy Đảng, nhất là cấp Trung ương nhận thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng đối với sự tồn vong của chế độ, sự phát triển của đất nước.

*Thứ sáu, tránh biểu hiện “tả” khuynh, hữu khuynh trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bảo đảm “mục tiêu kép”, vừa thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vừa giữ vững ổn định chính trị, phát triển bền vững.*

Trong lịch sử xây dựng Đảng, nhiều cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đề ra với mục đích tốt đẹp ban đầu, nhưng đi vào tổ chức thực hiện thường rơi vào “tả” khuynh hoặc hữu khuynh, trong đó xu hướng rơi vào “tả” khuynh là chủ yếu. Thực tế lịch sử các cuộc thanh Đảng năm 1931 của Đảng bộ Trung Kỳ, cuộc chỉnh đốn tổ chức kết hợp với thực hiện cải cách ruộng đất những năm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm đầu miền Bắc giải phóng đã cho thấy rõ điều đó.

Chính vì thế, trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ đổi mới đến nay, Đảng hết sức chú ý, tránh rơi vào “tả” khuynh, hữu khuynh.

Trong quá trình đề xướng và lãnh đạo các cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ công cuộc đổi mới đến nay, Đảng hết sức chú ý vừa xây dựng, chỉnh đốn Đảng thành công, vừa bảo đảm giữ ổn định chính trị, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đảng nhận thức rõ không có ổn định chính trị thì sẽ không có ổn định trên các lĩnh vực khác, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, cho nên giữ vững ổn định chính trị là tạo môi trường thuận lợi cho công tác xây dựng và phát triển Đảng. Ngược lại, xây dựng và phát triển

Đảng, chỉnh đốn Đảng thành công tạo điều kiện tăng cường ổn định chính trị, trên cơ sở đó, phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Trong bối cảnh các thế lực thù địch không ngừng và tăng cường chống phá Đảng, chống phá chế độ, thực hiện “diễn biến hòa bình” thì sự ổn định chính trị càng đặc biệt quan trọng.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành hết sức thận trọng, từng bước, có trọng tâm, trọng điểm, từ Trung ương đến địa phương, thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trước khi tiến hành một cách rộng rãi trong toàn Đảng.

Chính vì thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng có định hướng rõ ràng và đúng đắn như trên, nên từ sau khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, mặc dù tình hình quốc tế và trong nước vô cùng phức tạp, việc thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã không gây ra những xáo trộn lớn trong Đảng cũng như trong xã hội.

## **90 NĂM XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

PGS.TS. VŨ HOÀNG CÔNG\*

**X**ây dựng Đảng về tổ chức là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và là quá trình liên tục suốt 90 năm kể từ ngày thành lập (1930) cho đến nay. Nhờ vậy, trải qua các thời kỳ lịch sử với những đặc điểm khác nhau, tổ chức của Đảng ngày càng lớn mạnh và công tác tổ chức cũng để lại nhiều kinh nghiệm quý báu mà ngày nay chúng ta cần phát huy. Sau đây xin đề cập những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng Đảng về tổ chức.

### **I- THÀNH TỰU TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ MẶT TỔ CHỨC**

#### **1. Giai đoạn đấu tranh giành độc lập và kháng chiến chống thực dân Pháp (1930 - 1954)**

Thẩm nhuân tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin về nguyên lý tổ chức và hoạt động của đảng cách mạng kiểu mới, học tập kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Bônsêvích Nga, ngay sau Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10/1930 là Đảng Cộng sản

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Đông Dương), Đảng xác định nhiệm vụ hàng đầu là phát triển các tổ chức đảng ra khắp các miền Bắc, Trung, Nam của đất nước.

Điều lệ văn tắt tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng 02/1930), quy định hệ thống tổ chức đảng bao gồm: chi bộ; huyện, thị, khu bộ; tỉnh bộ, thành bộ và toàn quốc. Tại Hội nghị Trung ương tháng 10/1930, Điều lệ Đảng quy định có thêm cấp tổng bộ và cấp xứ bộ. Những quy định này được kế thừa trong Điều lệ được thông qua tại Đại hội lần thứ I năm 1935.

Ở mỗi cấp, cơ quan lãnh đạo cao nhất là các Đại hội đại biểu và dưới đó là ban thường vụ (ban thường vụ xứ bộ, Ban thường vụ tỉnh bộ, huyện bộ, tổng bộ, ban ủy viên). Toàn quốc sẽ có Ban Chấp hành Trung ương.

Sau ngày thành lập Đảng (1930), theo sự chỉ đạo của Trung ương và các cấp ủy đảng, với sự lăn lộn của các đảng viên và phong trào yêu nước phát triển ở các nơi, tổ chức đảng được phát triển ở nhiều tỉnh, huyện, xã trong cả nước. Nhiều tổ chức cơ sở đảng cũng đã hình thành trong các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền của thực dân Pháp, thậm chí trong các nhà tù của đế quốc. Tuy nhiên cho tới Cách mạng Tháng Tám năm 1945, do điều kiện đi lại khó khăn, bị địch bắt bớ, truy nã, còn nhiều tỉnh và nhiều huyện, nhất là ở các vùng núi cao, xa xôi chưa hình thành được tổ chức đảng và thành lập được cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cùng với sự hình thành chính quyền cách mạng trong cả nước, các tổ chức đảng tiếp tục phát triển ở các địa phương. Một số địa phương trước đó do điều kiện khách quan và chủ quan chưa có đảng bộ, chi bộ, ví dụ Lai Châu, thì năm 1949 đã thành lập được

Ban Chấp hành lâm thời của Đảng bộ tỉnh và lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh phối hợp với bộ đội để giải phóng Lai Châu. Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, để thuận lợi cho lãnh đạo cuộc kháng chiến ở các vùng, miền trong cả nước, Đảng đã bỏ cấp xứ ủy (Bắc, Trung, Nam Kỳ) và thay bằng các khu ủy (3, 4, 5, 6, 8, 9); bên dưới là các tỉnh ủy, huyện ủy.

*Về tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu* của Đảng, từ cấp trung ương, tới cấp kỳ và cấp tỉnh, đều hình thành cơ quan văn phòng, cơ quan tổ chức, cơ quan tuyên truyền, cơ quan kiểm tra, cơ quan dân vận. Những cơ quan hoặc bộ phận này thường rất ít cán bộ, thậm chí có khi phải kiêm nhiệm, hoặc khuyết do cán bộ bị địch bắt. Ngay cả khi Đảng thực hiện sách lược tuyên bố “tự giải tán” thì các cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu ở các cấp vẫn được duy trì.

*Về mặt thể chế Đảng*, ngay từ Hội nghị thành lập Đảng, Đảng đã chú trọng xây dựng và sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với tình hình. Đó không chỉ là tuyên ngôn về mục đích, lý tưởng của Đảng, là quy định về hệ thống tổ chức và bộ máy của Đảng, mà còn quy định cụ thể về thẩm quyền, nhiệm vụ của các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp; quy định về nguyên tắc sinh hoạt của Đảng; về quyền và nghĩa vụ của đảng viên.

## **2. Giai đoạn vừa đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955 - 1975)**

*Ở miền Bắc*, theo Điều lệ được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) thông qua, cho tới ngày thống nhất Tổ quốc (1975), hệ thống tổ chức của Đảng có thêm cấp

khu tự trị ở các tỉnh miền núi phía Bắc (Khu tự trị Tây Bắc, Khu tự trị Việt Bắc). Tương ứng với các cấp đảng bộ có ban chấp hành đảng bộ khu tự trị; ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành; ban chấp hành đảng bộ huyện, xã và chi ủy. Trong điều kiện thuận lợi, các tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở) đã phát triển mạnh, có mặt ở hầu hết các đơn vị hành chính cấp cơ sở, trong các đơn vị và cơ quan chính trị, xã hội, kinh tế. Các bộ của Chính phủ (bao gồm cả Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) đều thành lập đảng bộ. Riêng với quân đội, đảng bộ quân đội bao gồm nhiều đảng bộ quân chủng, binh chủng, quân khu với cơ quan lãnh đạo cao nhất và trực tiếp là Quân ủy Trung ương.

Thời kỳ này, từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới các ban chấp hành đảng bộ ở các cấp, đều tổ chức các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy với cơ cấu về cơ bản là: văn phòng cấp ủy, ban tổ chức, ban tuyên huấn, ban dân vận, ban kiểm tra. Biên chế của các cơ quan này đã nhiều hơn và phân định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ đã rạch ròi hơn. Riêng ở Trung ương có thêm Ban Thống nhất, đặc trách về công tác miền Nam.

Ở miền Nam, sau Hiệp định Giơnevơ, để thích hợp với tình hình, Đảng lập ra Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy V. Đến tháng 10/1961, cơ quan lãnh đạo là Trung ương Cục miền Nam, do một Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam làm Bí thư. Bên dưới Trung ương Cục miền Nam có khu ủy các khu 5, 6, 7, 8, 9. Hầu hết các tỉnh ở miền Nam đều có đảng bộ và tỉnh ủy cùng một số cơ quan tham mưu tùy theo điều kiện và tình hình (như Ban thanh vận, Ban trí vận...). Ở các tỉnh có phong trào cách mạng phát triển đồng đều thì hầu hết các huyện của tỉnh đều có đảng bộ huyện và huyện ủy.

### **3. Giai đoạn cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành đổi mới (từ năm 1976 đến nay)**

Vấn đề tổ chức của Đảng thời kỳ này bao gồm các công tác trọng tâm là: tổ chức các đảng bộ trong toàn quốc theo mô hình chung, thống nhất; quy định thống nhất chức năng, nhiệm vụ các cấp ủy (từ đảng ủy trực thuộc Trung ương tới đảng ủy cấp trên cơ sở, đảng ủy và chi ủy cấp cơ sở); thống nhất bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp.

- Tổ chức các đảng bộ trong toàn quốc theo mô hình thống nhất: Từ Đại hội lần thứ IV (1976) đến trước Đại hội lần thứ VI (1986) là thời kỳ tổ chức đảng trong cả nước được hoàn chỉnh, thống nhất theo một mô hình chung, cơ bản theo đơn vị hành chính. Các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương bao gồm các đảng bộ ở tất cả các tỉnh, thành phố (sau năm 1976 do sáp nhập một số tỉnh, số lượng đảng bộ giảm, nhưng sau khi chia tách tỉnh, số lượng lại tăng, đến nay là 63 đảng bộ tỉnh, thành phố) và 2 đảng bộ lớn là Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an. Bên cạnh đó là một số đảng bộ khối các cơ quan trung ương (có lúc lên tới 7 đảng bộ khối; nay còn 3 đảng bộ là Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối các doanh nghiệp Trung ương, Đảng bộ Ngoài nước). Tổng số hiện nay là 68 đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Bên dưới đảng bộ trực thuộc Trung ương là đảng bộ cấp trên cơ sở bao gồm đảng bộ cấp huyện và tương đương, đảng bộ ở cơ quan bộ, cơ quan ban đảng (ví dụ, Đảng bộ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đảng bộ cấp trên cơ sở). Tổng số cả nước có khoảng 800 đảng bộ cấp trên cơ sở.

Hiện cả nước có 54.349 tổ chức cơ sở đảng, trong đó 25.699 đảng bộ cơ sở và 28.567 chi bộ cơ sở. Tổng số cả nước có 5.097.747 đảng viên.

- Về tổ chức cơ quan lãnh đạo, điều hành của Đảng: Sau Đại hội lần thứ IV, cơ quan lãnh đạo và điều hành của Đảng được tổ chức thống nhất. Theo Điều lệ Đảng, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu. Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo cao nhất là Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trung ương Đảng bầu ra Bộ Chính trị và Ban Bí thư để lãnh đạo, điều hành công tác của Đảng giữa hai kỳ họp. Từ Đại hội lần thứ IV, chức vụ Tổng Bí thư thay thế cho Bí thư thứ nhất như Đại hội lần thứ III quy định.

Một điểm đáng lưu ý là sau 20 năm ổn định với hệ thống cơ quan lãnh đạo, điều hành như trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) đã thông qua Điều lệ Đảng sửa đổi, theo đó, thay đổi cơ cấu của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, lập ra Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị, không có Ban Bí thư như trước kia. Sự thay đổi này kéo dài trong một nhiệm kỳ, tới Đại hội lần thứ IX (2001), Điều lệ sửa đổi lại tái lập Bộ Chính trị và Ban Bí thư như hiện nay.

- Về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy: Trong thời kỳ từ năm 1976 tới năm 1986, từ Trung ương tới cấp ủy đảng địa phương (tỉnh, huyện), bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc đã *phình to hơn*. Ở Trung ương, ngoài 5 cơ quan đã có trước, có thêm các cơ quan sau: Ban Tài chính - quản trị, Ban Đối ngoại, Ban Kinh tế, Ban Công nghiệp, Ban Nông nghiệp, Ban Nội chính, Ban Khoa giáo, Ban Văn hóa - Văn nghệ. Có thể nói đây là thời kỳ Trung ương Đảng có nhiều cơ quan nhất, hơn nữa chung cơ cấu bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, biên chế của mỗi cơ quan (nhất là các cơ quan mới) chưa được quy định rõ ràng,

rành mạch nêu số lượng cán bộ tuy đông song hiệu lực, hiệu quả còn nhiều hạn chế.

Theo mô hình ở Trung ương, ở nhiều tỉnh, thành phố cũng có thêm các ban nội chính, ban khoa giáo, ban kinh tế, ban nông nghiệp (một số thành phố thay bằng ban công nghiệp) trong bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy.

Năm 1986, Đại hội lần thứ VI đã mở ra thời kỳ đổi mới đất nước. Đại hội đã chỉ ra những khuyết điểm nhiều mặt, trong đó có sự cồng kềnh, thiếu khoa học trong tổ chức bộ máy đảng, nhà nước và nêu yêu cầu tinh giản bộ máy, biên chế đi đôi với nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo và quản lý đất nước. Sau Đại hội, một số tỉnh và huyện do sáp nhập trở nên quá lớn thì được chia tách, đương nhiên về tổ chức đảng cũng được chia tách theo. Do vậy cùng với số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện tăng lên thì số lượng đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện cũng tăng lên. Xu hướng này kéo dài cho tới sau năm 2000, nâng tổng số đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước lên 63 đảng bộ.

Thấy rõ nhược điểm của sự phình to bộ máy, bộ máy các cơ quan đảng ở Trung ương được xắp xếp lại, theo đó cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, một số ban được sáp nhập, ví dụ Ban Nông nghiệp, Ban Công nghiệp sáp nhập trở lại với Ban Kinh tế. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương sáp nhập vào Ban Tuyên huấn Trung ương. Từ sau Đại hội lần thứ VII (1991), vấn đề sáp nhập các ban của Trung ương Đảng và của cấp ủy địa phương được đặt ra nghiêm túc, được nhiều hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị cân nhắc. Thậm chí Ban Dân vận cũng từng được đề cập sáp nhập hay không, chỉ sau khi Bộ Chính trị khóa VII khẳng định không thể không tồn tại Ban Dân vận ở cả Trung

ương và cấp tỉnh, thành phố thì Ban mới ổn định như hiện nay. Sau Đại hội lần thứ VIII (1996), trong khi ở Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị, Ban Khoa giáo, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ còn tồn tại, thì ở cấp tỉnh, Trung ương Đảng ra nghị quyết sáp nhập các cơ quan tham mưu, giúp việc tinh ủy chỉ còn 6 là: Văn phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Nội chính, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra.

Đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, sau Đại hội lần thứ X (2006), các ban đảng Trung ương tiếp tục được sáp nhập: Ban Khoa giáo hợp nhất với Ban Tuyên huấn thành Ban Tuyên giáo; Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ban Kinh tế nhập vào Văn phòng Trung ương; Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và Ban Nội chính hợp nhất vào Ban Tổ chức Trung ương. Từ đây số ban đảng Trung ương chỉ còn Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương; ngoài ra có Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương. Ở cấp tỉnh chỉ còn 5 ban.

Sau Đại hội lần thứ XI (2011), trước tình trạng tham nhũng diễn biến phức tạp, đặc biệt liên quan tới lãnh đạo lĩnh vực kinh tế, Bộ Chính trị quyết định tái lập Ban Kinh tế Trung ương và Ban Nội chính Trung ương. Ở cấp tỉnh, tái lập Ban Nội chính.

Về mặt thể chế đảng, điều đáng ghi nhận là từ sau Đại hội lần thứ VII (1991), trên cơ sở Điều lệ Đảng, Trung ương Đảng đã ban hành ngay Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trong phạm vi thẩm quyền, Bộ Chính trị cũng chú trọng và lần lượt ban hành các quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc giúp cho

vấn đề tổ chức được đồng bộ giữa hai mặt *bộ máy* và *thể chế*. Vấn đề xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện thể chế đảng trên tất cả các mặt hoạt động lãnh đạo của Đảng là có nhiều thành tựu.

## II- MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC

### **1. Luôn quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất và nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin, đảng cộng sản phải là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành của giai cấp công nhân, có sứ mệnh lãnh đạo giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đảng phải được tổ chức chặt chẽ, thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Lenin từng nói, trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, giai cấp công nhân không có sức mạnh nào khác là sức mạnh của sự đoàn kết, thống nhất, triệu người như một. Đảng của giai cấp công nhân không thể là tập hợp lỏng lẻo của một nhóm, lại càng không phải là câu lạc bộ.

Vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ đầu đã thể hiện thực sự là đội tiên phong và đại diện cho giai cấp công nhân Việt Nam, và hơn thế Đảng còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và toàn dân tộc, đại diện cho lợi ích toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập và đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng dù là đảng của toàn dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn được tổ chức theo

nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân và dân tộc. Chính vì vậy trong suốt 90 năm qua, Đảng luôn tạo được sức mạnh của sự thống nhất ý chí và hành động, đủ năng lực trí tuệ và bản lĩnh lãnh đạo giai cấp, dân tộc vượt qua các thử thách, khó khăn giành thắng lợi. Những nguyên tắc được ghi trong Điều lệ Đảng ngày nay chính là sự tổng kết cô đúc lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn của Đảng suốt 90 năm qua.

## **2. Căn cứ bối cảnh, điều kiện nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng ở mỗi thời kỳ**

Trên cơ sở nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, một mặt phải giữ vững bản chất của Đảng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, mặt khác việc đổi mới về tổ chức bộ máy, thể chế của Đảng phải tùy theo *điều kiện khách quan* nhằm bảo đảm Đảng luôn phát huy được vai trò lãnh đạo, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân.

Thời kỳ mới thành lập, trong điều kiện hoạt động bí mật, phương tiện thông tin, liên lạc vô cùng khó khăn, luôn bị đế quốc Pháp theo dõi và đàn áp tàn bạo, tổ chức đảng, bộ máy lãnh đạo ở các cấp được phân tán theo kỳ, tỉnh, huyện, tổng, xã, chi bộ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, tổ chức đảng bộ theo khu, tỉnh, huyện, xã (ở miền Bắc, duy trì tổ chức đảng theo hai khu tự trị Tây Bắc và Việt Bắc; ở miền Nam là đảng bộ các khu 5, 6, 7, 8, 9 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam). Thời kỳ cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, tổ chức đảng về cơ bản theo đơn vị hành chính tỉnh, huyện, xã.

Đặc biệt, bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc các cơ quan lãnh đạo Đảng ở các cấp càng phải tùy bối cảnh, điều kiện khách quan và nhiệm vụ từng thời kỳ mà được tổ chức cho phù hợp. Đã có thời kỳ bộ máy này phình to và hoạt động mang tính bao biện, làm thay cơ quan nhà nước, nhưng cũng có thời kỳ do nhận thức chưa đúng nên đơn giản hóa quá mức dẫn đến thiếu cơ quan tham mưu cho cơ quan lãnh đạo Đảng trên những mặt công tác quan trọng, chẳng hạn lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và lý luận.

Hiện nay Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, không có đảng đối lập hoặc đảng tham chính nào khác, do đó về *tổ chức bộ máy và thể chế*, dù đổi mới ra sao phải luôn bảo đảm cho Đảng giữ đúng vị trí của người lãnh đạo cao nhất của xã hội.

### **3. Luôn bảo đảm sự đồng bộ giữa bộ máy và thể chế của Đảng**

Để cho các cơ quan lãnh đạo, điều hành cũng như cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng từ Trung ương tới địa phương hoạt động có hiệu quả, điều quan trọng hàng đầu là phải có cơ cấu hợp lý và thể chế rõ ràng, khoa học. Điều này đòi hỏi phải xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan cũng như mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan và các chức danh trong bộ máy. Từ sau Đại hội lần thứ VII (1991) đến nay, Đảng ta đã làm khá tốt điều này.

Dưới tác động của các nhân tố khách quan từ xã hội tới nhân tố chủ quan từ bên trong, xu hướng chung của bộ máy là ngày càng to về quy mô, phức tạp về thể chế, thậm chí vượt quá mức độ cần thiết. Do vậy, việc chỉnh đốn lại tổ chức

bộ máy và thể chế là thường xuyên, định kỳ. Từ sau Đại hội lần thứ VI, Đảng ta đã thực hiện nhiều lần sắp xếp lại bộ máy, biên chế, song cũng nhiều lần sau khi thu gọn, bộ máy, biên chế lại phình to, và hiện nay vấn đề tinh gọn bộ máy, biên chế đang được đặt ra và cần phải giải quyết. Đồng thời với sắp xếp lại theo hướng tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cũng cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện không ngừng về thể chế. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, việc hoàn thiện thể chế phải theo hướng vừa bảo đảm thống nhất, kỷ cương, kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đồng thời tăng cường dân chủ trong Đảng. Đây là hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau, tương hỗ lẫn nhau.

#### **4. Đổi mới tổ chức bộ máy cơ quan Đảng đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế và xu hướng dân chủ hóa, hiện đại hóa hệ thống chính trị ở các nước phát triển trên thế giới**

Bộ máy của Đảng phải đủ bảo đảm cho Đảng thuận lợi trong giao lưu, hợp tác quốc tế, nhưng cũng không trở nên cồng kềnh, tiêu tốn nguồn lực của đất nước, dẫn đến phản cảm từ xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng phải được hiện đại hóa, tiếp cận với tiêu chuẩn “Lãnh đạo thông minh”. Điều này phải được thể hiện trong bộ máy, thể chế và con người của cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu.Thêm vào đó, cần phải tận dụng được thuận lợi của một quốc gia có tiềm lực về công nghệ thông tin, có hạ tầng viễn thông và internet phát triển mạnh mẽ.

## CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM

Đồng chí NGUYỄN ĐỨC HÀ\*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, kể từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ và xác định: xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở các cấp có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn lịch sử của cách mạng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành bại của cách mạng và sự tồn vong của Đảng. Suốt 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ cán bộ của Đảng ở các cấp đã không ngừng lớn mạnh, tận trung với nước, tận hiếu với dân, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách, không ngại hy sinh, gian khổ, gắn bó mật thiết với nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân đưa cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác: đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á; tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải

---

\* Ban Tổ chức Trung ương.

phóng hoành toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành toàn diện công cuộc đổi mới đất nước.

Gần 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đã làm cho tiềm lực, sức mạnh, vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế ngày càng nâng cao, như lời đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nói: “*Chưa bao giờ đất nước ta có được cơ đồ như ngày nay*”. Trong những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó, có những thành tựu về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ - nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Xuất phát từ vai trò, vị trí quan trọng của công tác cán bộ và từ kinh nghiệm thực tiễn phong phú trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>; “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>2</sup>. Người còn nói: “Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn”<sup>3</sup>. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng nhiều lần nhấn mạnh: “*Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt thì công tác cán bộ là then chốt của nhiệm vụ then chốt*”. Nhìn tổng thể, có thể nêu lên những thành tựu và kinh

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309, 280.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.356.

nghiệm nổi bật về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng qua gần 35 năm đổi mới như sau:

### **1. Chủ trương, đường lối của Đảng về công tác cán bộ từng bước được bổ sung, hoàn thiện và ngày càng cụ thể, chặt chẽ, sát thực tiễn hơn**

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế,... về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, từng bước hoàn thiện chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, đáng chú ý là: Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HNTW, ngày 20/6/1988 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 29/6/1992 “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 “Về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 02/02/1999 về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ban hành Kết luận số 04-KL/TW, ngày 19/11/2001 “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa X ban hành Kết luận số 37-KL/TW, ngày 02/02/2009 “Về tiếp tục đẩy mạnh Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

Để cụ thể hóa thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận... về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, như: Bộ Chính trị khóa IX ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25/01/2002 “Về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý” và Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 30/11/2004 “Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Bộ Chính trị khóa XI ban hành Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 “Về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo”, Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý” và Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 “Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”; Ban Bí thư khóa XI ban hành Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; v.v..

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế... về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ để thực hiện. Cụ thể là:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

Bộ Chính trị ban hành Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 “Một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Kết luận số 12-KL/TW, ngày 22/3/2017 “Về sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về công tác cán bộ”; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 “Quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”; Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 “Quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp” và Quy định số 90-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 “Quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”, làm cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa tiêu chí đánh giá đối với cán bộ; Quy định số 98-QĐ/TW, ngày 07/10/2017 “Quy định về luân chuyển cán bộ”; Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 “Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm”, quy định cụ thể về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm, khắc phục tư tưởng tư duy nhiệm kỳ trong cán bộ, đảng viên và quan niệm khi đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác là “hạ cánh an toàn”; Kết luận số 24-KL/TW, ngày 15/12/2017 “Về nguyên tắc điều động, phân công, bố trí công tác đối với cán bộ Trung ương luân chuyển”; Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 19/12/2017

“Về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử” để thay thế Quy định số 67, số 68-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa X, với tinh thần đổi mới là đẩy mạnh việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ sung, hoàn thiện quy trình năm bước khi tiến hành bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn; Kết luận số 43-TB/TW, ngày 28/12/2017 về “Kết quả kiểm tra thực hiện Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với thực hiện Quy chế bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử”; Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 “Về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị”; Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 về “Chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ”; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 về “Kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”; v.v..

Ban Bí thư đã ban hành Công văn số 13-CV/TW, ngày 17/8/2016 về “Xác định tuổi công tác của đảng viên”, lấy ngày, tháng, năm sinh trong hồ sơ kết nạp Đảng của đảng viên làm căn cứ để tính tuổi công tác, chấm dứt tình trạng “chạy tuổi” của cán bộ, đảng viên đã diễn ra trong nhiều năm qua; Quy định số 109-QĐ/TW, ngày 03/01/2018 về “Công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”; Kết luận số 55-KL/TW, ngày 15/8/2019 “Về việc tiếp tục chấn chỉnh công tác cán bộ để chuẩn bị tốt nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng”; v.v..

Trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban

hành gần 130 văn bản quan trọng để lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có nhiều nghị quyết, quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn... về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Để cụ thể hóa thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, các cấp ủy cấp tỉnh cũng ban hành hơn 6.200 văn bản các loại, trong đó có nhiều văn bản về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Việc ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy các cấp đã từng bước hoàn thiện thể chế về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ để thực hiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

## **2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ được bổ sung, phát triển ngày càng cụ thể, toàn diện, đồng bộ hơn**

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công hóa, hiện đại hóa đất nước”, xác định năm quan điểm chỉ đạo về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã tổng kết việc thực hiện Chiến lược cán bộ và ban hành Kết luận số 37-KL/TW, ngày 02/02/2009, bổ sung thêm một quan điểm, thành sáu quan điểm chỉ đạo.

Trên cơ sở tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới của đất nước, Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đã bổ sung, phát triển và xác định năm quan điểm chỉ đạo về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ để thực hiện trong những năm tới, thể hiện kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn và sự phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Cụ thể như sau:

*Một là*, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành một cách khoa học, thận trọng, thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

*Hai là*, thực hiện nghiêm và nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Chuẩn hóa, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền và ràng buộc trách nhiệm; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm.

*Ba là*, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, thường xuyên đổi mới công tác cán bộ phù hợp với tình hình thực tiễn. Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu,

nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân; đặt trong tổng thể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kết hợp chặt chẽ với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao và thu hút, trọng dụng nhân tài.

*Bốn* là, quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ. Xử lý hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa xây và chống; giữa đức và tài; giữa tính phổ biến và đặc thù; giữa kế thừa, đổi mới và ổn định, phát triển; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể.

*Năm* là, xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng mà trước hết là người đứng đầu và cơ quan tham mưu của Đảng, trong đó cơ quan tổ chức, cán bộ là nòng cốt. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan truyền thông, báo chí trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân; phải thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và xây dựng đội ngũ cán bộ.

### **3. Đội ngũ cán bộ các cấp đã trưởng thành, phát triển về nhiều mặt - nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước**

Qua 20 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đội ngũ cán bộ

các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề và lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi công tác ở ban, bộ, ngành Trung ương là 6,22%; ở cấp tỉnh là 6,41%; cán bộ cấp huyện dưới 35 tuổi là 6,5%; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo nữ diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại địa phương tăng gấp 2 lần trong 3 nhiệm kỳ vừa qua, từ 10% lên 20%; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo nữ công tác ở các ban, bộ, ngành Trung ương là 13,03%. Nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý được quy hoạch ở các cấp khá dồi dào, bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững của đội ngũ cán bộ. Trình độ các mặt của đội ngũ cán bộ các cấp được nâng lên đáng kể, số người có trình độ đại học và trên đại học chiếm 7,3% dân số cả nước, trong khi mục tiêu Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII đề ra là 4%.

Qua thực hiện Chiến lược cán bộ và kết hợp chặt chẽ giữa các khâu của công tác cán bộ, nên việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy ở đại hội đảng và nhân sự bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp mấy nhiệm kỳ vừa qua khá thuận lợi; mỗi nhiệm kỳ đại hội, cấp ủy các cấp đã được đổi mới khoảng 40%, trong khi mục tiêu Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII đề ra đổi mới 30 - 40%. Riêng Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đổi mới 42%, khóa X đổi mới 54,7%, khóa XI đổi mới 47% và khóa XII đổi mới là 48%. Sự trưởng thành, phát triển của đội ngũ cán bộ nói chung, của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nói riêng, nhất là cấp chiến lược, đã trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới đất nước gần 35 năm qua.

Nhìn chung, đa số cán bộ có lập trường tư tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, gương mẫu; có ý thức rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, nhất là cán bộ cấp chiến lược có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hầu hết cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang được rèn luyện thử thách qua thực tiễn, trung thành với Đảng, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Nhiều cán bộ khoa học tâm huyết, say mê nghiên cứu, có nhiều đóng góp tích cực cho đất nước. Một số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước đã thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của đất nước trong những năm qua.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đồng nhưng chưa mạnh. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị vẫn chưa đạt mục tiêu, yêu cầu; cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề chưa thật hợp lý; chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp không đồng đều; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ còn xảy ra ở nhiều nơi; không ít cán bộ, kể cả cán bộ cấp chiến lược chưa ngang tầm nhiệm vụ; tư duy, khả năng thích ứng với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế còn chậm; năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện còn hạn chế. Không ít cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tiên phong, gương mẫu, ngại việc khó, thích nhận việc dễ, có nhiều lợi ích; chưa thật sự sâu

sát, gắn bó với nhân dân. Một bộ phận không nhỏ cán bộ thiếu tu dưỡng, rèn luyện, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thậm chí có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Những hạn chế, yếu kém đó làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; làm suy giảm uy tín, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và đe dọa sự tồn vong của Đảng.

#### **4. Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, ngày càng dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn**

Trong mấy nhiệm kỳ Đại hội Đảng vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, luật, nghị định, sửa đổi, bổ sung nhiều quy định, quy chế liên quan đến công tác cán bộ để khắc phục những vướng mắc, hạn chế, yếu kém, bất cập trước đây. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước đã lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa thành các quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt được những kết quả quan trọng. Công tác cán bộ đã bám sát các quan điểm, nguyên tắc của Đảng và đang đi vào nền nếp; coi trọng cả “xây” và “chống”, kết hợp hài hòa giữa tính phổ biến và đặc thù, giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa đức và tài, trong đó đức là gốc. Quy trình công tác cán bộ ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, bảo đảm dân chủ, đồng bộ, chặt chẽ hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Cụ thể là:

- Đã xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng chức danh, đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đánh giá cán bộ được đổi mới mạnh mẽ theo hướng: đánh giá xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm, có khảo sát và so sánh với các chức danh tương đương; đồng thời, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ.

- Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được gắn kết với các khâu của công tác cán bộ, bảo đảm sự liên thông giữa các cấp trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và cơ cấu ba độ tuổi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài. Kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý từ Trung ương về địa phương, từ địa phương lên Trung ương với luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác, lĩnh vực này sang lĩnh vực khác. Thực hiện mạnh mẽ chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và một số ngành không phải là người địa phương. Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến ngày 30/6/2019, Trung ương đã luân chuyển, điều động 29 đồng chí về làm bí thư và phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy; chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã luân chuyển 704 cán bộ từ cấp tỉnh về cấp huyện và 380 cán bộ từ cấp huyện lên cấp tỉnh; 3.608 cán bộ từ cấp huyện về cấp xã và 1.701 cán bộ từ cấp xã lên cấp huyện.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực và gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, yêu cầu thực tiễn và tiêu chuẩn chức danh của từng cán bộ. Triển khai thực hiện việc thi tuyển

cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp vụ, cấp sở trở xuống và giới thiệu nhiều phương án nhân sự để cấp có thẩm quyền xem xét, lựa chọn quyết định. Kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, giảm sút uy tín, không chờ đến khi hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Triển khai nghiên cứu, xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; cơ chế, chính sách để phát hiện, thu hút và sử dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng và tinh giản mạnh mẽ biên chế hành chính. Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý; các ngạch, bậc công chức, viên chức; tăng cường cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; khắc phục tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” cán bộ ở không ít cơ quan. Từng bước cải cách hệ thống chính sách đối với cán bộ; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, công bằng trong thực hiện chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các đối tượng cán bộ; gán trách nhiệm, nghĩa vụ với thẩm quyền, lợi ích của cán bộ.

- Công tác tuyển chọn, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ có nhiều đổi mới để lựa chọn đúng người, bố trí đúng việc. Thực hiện việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp vụ, cấp sở trở xuống và giới thiệu nhiều phương án nhân sự để cấp có thẩm quyền xem xét, lựa chọn quyết định. Xây dựng cơ chế và thực hiện quy chế cho thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút, không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không chờ đến khi hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

- Đặc biệt, trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng, đã thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; lấy phiếu tín nhiệm trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các cơ quan dân cử; kiện toàn các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước ngay sau đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ XII của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được coi trọng, tăng cường, với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền”; kỷ cương, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước được đề cao. Việc xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đã có tác dụng cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, quan liêu, tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng.

Tuy nhiên, một số nội dung trong các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ chậm được thể chế hóa, cụ thể hóa. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa kịp thời, thiếu quyết liệt, hiệu quả thấp. Nguyên tắc tập trung dân chủ có nơi thực hiện chưa nghiêm; việc quản lý cán bộ thiếu chặt chẽ, tính đảng của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý còn yếu. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu. Quy hoạch cán bộ vẫn còn thiếu tính tổng thể, liên thông giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ vẫn còn một số bất cập. Việc sắp xếp, bố trí, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử vẫn có trường hợp đúng quy trình nhưng chưa chọn được đúng người, đúng việc.

Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân cán bộ lãnh đạo còn xảy ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Chủ trương thu hút nhân tài chậm được cụ thể hóa nên kết quả còn hạn chế. Chính sách tiền lương, nhà ở chưa thực sự là động lực để cán bộ phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc.

*Những hạn chế, khuyết điểm và bất cập nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan, khách quan, nhưng chủ yếu là do các nguyên nhân chủ quan sau:*

- Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự sâu sắc, toàn diện về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ; về mối quan hệ giữa xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng, chỉnh đốn Đảng; với đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị và đổi mới quản lý kinh tế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nội dung nêu trong nghị quyết, kết luận thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên, chậm thể chế hóa, cụ thể hóa, còn tình trạng thiếu trách nhiệm, chưa gương mẫu, mất dân chủ, nể nang, né tránh, ngại va chạm, dùng tập thể để hợp lý hóa ý đồ cá nhân.

- Một số khâu trong công tác cán bộ chậm được đổi mới; chưa có cơ chế để tạo động lực, bảo vệ cán bộ và thu hút, trọng dụng nhân tài; chính sách cán bộ chậm đổi mới, chưa phù hợp, chưa phát huy tốt tiềm năng của cán bộ; công tác quản lý cán bộ có nơi, có lúc bị buông lỏng; chưa thay thế kịp thời những cán bộ uy tín thấp.

- Phân công, phân cấp, phân quyền chưa gắn với ràng buộc trách nhiệm, với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; chưa có biện pháp hiệu quả để kịp

thời ngień ch  n, đẩy l  i t  nh trạng chạy chức, chạy quyền và những tiêu cực trong công tác cán bộ.

- Chưa phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; thiếu cơ chế phù hợp để cán bộ, đảng viên gắn bó máu thịt, mật thiết với nhân dân; chưa thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông.

- Chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ chậm được đổi mới. Chưa quan tâm đúng mức xây dựng đội ngũ làm công tác cán bộ. Còn coi nhẹ công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận về công tác cán bộ và xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ.

*Từ thực tiễn của công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là qua hơn 20 năm thực hiện Chiến lược cán bộ, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:*

*Một* là, phải nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ; nâng cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; phải đặc biệt coi trọng việc đánh giá và bố trí đúng cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược và bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp.

*Hai* là, phải thường xuyên đổi mới công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đặc biệt chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống và rèn luyện, thử thách cán bộ qua thực tiễn công tác, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực khó khăn để nâng cao bản lĩnh chính trị, nhân sinh quan cách mạng cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ.

*Ba* là, phải quán triệt quan điểm giai cấp của Đảng, phù hợp với chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong từng thời kỳ để xây dựng đội ngũ cán bộ; phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và của nhân dân trong xây dựng đội ngũ cán bộ.

*Bốn* là, công tác cán bộ phải phát huy tối đa trí tuệ của tập thể, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và tiến hành dân chủ, khách quan, công tâm, công khai, minh bạch. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực, nhất là kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ đối với người đứng đầu.

*Năm* là, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để khuyến khích đổi mới, sáng tạo; đồng thời có cơ chế để bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

## CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CỦA ĐẢNG - THÀNH TỰU VÀ GIẢI PHÁP

PGS.TS. TRƯƠNG THỊ THÔNG\*

### 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định vị trí, vai trò to lớn của cán bộ và vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng. Sinh thời, V.I. Lênin đã khẳng định: “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào”<sup>1</sup>. Khi Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, V.I. Lênin đã rất coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, để có được những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức: “Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có bản lĩnh. Hiện nay đó là

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.4, tr.473.

then chốt; nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn”<sup>1</sup>. Theo V.I. Lênin, trong giai đoạn đầu khi cách mạng mới thành công, hầu hết cán bộ đều phải học văn hóa, học lý luận. V.I. Lênin cho rằng, chủ nghĩa cộng sản “chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi”<sup>2</sup>. Về vấn đề đào tạo, trang bị kiến thức lý luận cho cán bộ, V.I. Lênin nhấn mạnh: “phải học lý luận, nghĩa là lý luận về tổ chức công tác mà họ có ý định chuyên làm”<sup>3</sup>. “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu tri óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”<sup>4</sup>. Vì vậy, mỗi cán bộ phải coi trọng việc tự học, phải hấp thụ những kiến thức một cách có phê phán và gắn lý thuyết với hoạt động thực tiễn để đầu óc không phải chất đầy một mớ hỗn lốn vô ích, mỗi cán bộ trong quá trình học tập và tự học tập “phải làm sao cho học thức thật sự ăn sâu vào trí não, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc sống của chúng ta”<sup>5</sup>.

Trong tác phẩm *Thà ít mà tốt*, V.I. Lênin cho rằng cần phải lựa chọn những người cán bộ có trình độ, kinh nghiệm, hoặc những giáo sư... để hướng dẫn những người làm công tác gắn với lý luận, như cán bộ của ủy ban kiểm tra, những cán bộ này “phải thực tập dưới sự lãnh đạo hoặc của những đồng chí có kinh nghiệm, hoặc của những giáo sư các viện nghiên cứu cao cấp về tổ chức lao động”<sup>6</sup>.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.44, tr.449.

2, 4. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.41, tr.365, 362.

3, 5, 6. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.45, tr.450, 444, 450.

Nhiều nội dung trong tư tưởng của V.I. Lênin về cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị: những luận điểm về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, tuyển chọn cán bộ, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận, về kiến thức quản lý kinh tế... trong đó V.I. Lênin yêu cầu học phải đi đôi với hành, lý thuyết kết hợp với thực tiễn... có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ khi Đảng chưa được thành lập, từ những năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã quan tâm lựa chọn những thanh niên yêu nước đưa đi đào tạo ở Trung Quốc, Liên Xô để chuẩn bị cán bộ cho việc thành lập Đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng sau khi Đảng ra đời. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao vị trí, vai trò của cán bộ, Người khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>; “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>2</sup>; chỉ có được những cán bộ tốt, khi được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng về mọi mặt cả ở nhà trường và trong thực tiễn, thì mới có phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sau khi trở thành Đảng cầm quyền, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của cán bộ và nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và Người khẳng định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>3</sup>.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309, 280, 309.

Sau bốn năm cầm quyền, lãnh đạo đất nước, năm 1949, Đảng đã quyết định tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và thành lập Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc - tiền thân của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vào tháng 9/1949. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ là để nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta để giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng ta, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình”<sup>1</sup>.

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cả về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức cần thiết khác cho đội ngũ cán bộ các cấp của Đảng, là biện pháp quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân tố tạo sức mạnh cho Đảng, bảo đảm cho Đảng lãnh đạo cách mạng giành thắng lợi.

## **2. Thành tựu về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng**

Ngay sau khi Đảng lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ba nhiệm vụ quan trọng của cách mạng lúc này là chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Đảng đã lãnh đạo mở các lớp bình dân học vụ dạy chữ cho nhân dân, và đến năm 1949, Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc được thành lập để bồi dưỡng, giáo dục lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960),

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.90.

Đảng đã xác định: “Việc nâng cao trình độ lý luận Mác - Lê nin trong cán bộ và đảng viên là điều kiện chủ yếu để tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng ta, làm cho sự đoàn kết thống nhất ấy có cơ sở khoa học thật vững chắc”<sup>1</sup>. Các quyết định tiếp theo của Đảng về công tác giáo dục chính trị như Quyết định số 15-QĐ/TW, ngày 02/01/1983 của Ban Bí thư khóa V “Về công tác các trường Đảng”; Quyết định số 30-QĐ/TW, ngày 08/12/1983 “Về tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên”, đều là sự cụ thể hóa và tiếp tục hoàn chỉnh, phát triển cao hơn tinh thần của các nghị quyết trước đó với mục tiêu không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), Đảng ngày càng coi trọng công tác cán bộ, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nói chung, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên của Đảng nói riêng, coi đây là một nhân tố, điều kiện quan trọng để Đảng hoàn thành những nhiệm vụ chính trị khó khăn, phức tạp trong thời kỳ đổi mới đất nước. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), Đảng chỉ rõ nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự giác học tập để không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt và năng lực công tác: “Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.641.

buộc đổi với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hóa”<sup>1</sup>.

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới theo tinh thần Đại hội lần thứ VI, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, trong đó đã đề ra mục tiêu, phương hướng chung của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp là: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Việc học tập của cán bộ phải được quy định thành chế độ và phải được thực hiện nghiêm ngặt. Mọi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Kết luận số 37-KL/TW, ngày 02/02/2009 về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020 và những năm tiếp theo”. Hội nghị Trung ương 9 khóa X cũng đã kiểm điểm 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về Chiến lược cán bộ, Đảng ta phân tích, đánh giá nghiêm túc kết quả công tác cán bộ, trong đó có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.416-417.

công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Đảng. Kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII và một số văn kiện, nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị “Về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng”; Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX của Đảng cũng đã chỉ rõ: “Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả”<sup>1</sup>. Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX tiếp tục nhấn mạnh: “Trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo”<sup>2</sup>. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa X khẳng định tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ đến năm 2020 đã xác định: “Mục tiêu cần đạt được là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc...”<sup>3</sup>, để đạt được mục tiêu đề ra, Trung ương Đảng yêu cầu nghiên cứu, xây dựng “Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế” với nhiệm vụ “Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.61, tr.315, 671-672.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.68, tr.225.

thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện Chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới”<sup>1</sup>.

Ngày 20/11/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 874/Ttg, nêu rõ mục tiêu, nội dung, các cơ quan chịu trách nhiệm đào tạo lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ công chức; Quyết định số 161/2003/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 04/8/2003, ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quy định rõ, về mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng là trang bị kiến thức về lý luận chính trị, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; chuyên môn nghiệp vụ; kiến thức ngoại ngữ, tin học và các kiến thức bổ trợ khác nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tháng 5/2008, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã công bố Quyết định ban hành Luật công chức, viên chức, trong đó có nội dung về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Theo tinh thần của Luật công chức, viên chức, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 18/2010/NĐ-CP, ngày 05/3/2010 về đào tạo, bồi dưỡng công chức. Điều 6 của Nghị định đề cập nội dung đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, phần đào tạo và bồi dưỡng ở trong nước được đặt lên hàng đầu với nội dung giáo dục lý luận chính trị.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.68, tr.227.

Trong nội dung bồi dưỡng ở ngoài nước, Nghị định nêu lên bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý chuyên ngành. Nghị định của Chính phủ đã quy định các tổ chức đào tạo chịu trách nhiệm biên soạn tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Tiếp đến, Quyết định số 1374/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015 đã nêu rõ nội dung đào tạo trong nước là: Lý luận chính trị: trang bị trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn quy định cho các chức danh cán bộ, ngạch công chức và chức danh lãnh đạo quản lý; tổ chức phổ biến các văn kiện, nghị quyết của Đảng; bồi dưỡng cập nhật, nâng cao trình độ lý luận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước: trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chương trình quy định cho công chức các ngạch và theo chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý chuyên ngành và vị trí việc làm theo chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm. Quyết định số 163/QĐ-TTg, ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 với mục tiêu nhằm “tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế”; với các mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến

năm 2020, 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý. Đảm bảo hằng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức về pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ. Đối với cán bộ cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 90% công chức xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhận. Hằng năm có ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ. Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức người dân tộc Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc trên địa bàn công tác. Đối với viên chức, bảo đảm đến năm 2020, ít nhất 60% và đến năm 2025, 100% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm. Hằng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành. Từ năm 2011 đến năm 2015, Đảng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị như Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 08/3/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác

đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”; Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, và tổng kết của các địa phương tỉnh, thành ủy và các ban, bộ, ngành trung ương về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp. Qua những văn bản chỉ đạo trên của Đảng, Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị, có thể thấy rằng, trong những năm qua, Đảng và Chính phủ rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nói riêng, đã góp phần nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ từng bước đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới đất nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã gắn với quy hoạch cán bộ, điều động, luân chuyển cán bộ, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII “Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đến nay đã có 98% cán bộ chủ chốt cấp huyện, sở, ban, ngành cấp tỉnh có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 95% có trình độ đại học trở lên, 100% cán bộ được quy hoạch vào cấp ủy tỉnh, thành phố có trình độ đại học trở lên, 100% có trình độ cao cấp lý luận chính trị.

Theo thống kê của Bộ Nội vụ, trong giai đoạn 2011 - 2015, cả nước tiến hành đào tạo, bồi dưỡng cho trên 3.230.000 lượt cán bộ, công chức, trong đó khối các bộ, ngành có hơn 889.000 lượt người và khối các tỉnh, thành phố là 2.344.000 lượt cán bộ, công chức. Trong tổng số 3.230.000 lượt cán bộ nói trên, có 465.000 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng

về lý luận chính trị, 489.000 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. So với giai đoạn 2006 - 2010, số lượng cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn này tăng khoảng 24% ở khối bộ, ngành và tăng 42% ở khối các tỉnh, thành phố.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng đã có nhiều chuyển biến tích cực như quy mô, phạm vi đào tạo, bồi dưỡng được mở rộng, tăng thêm các chuyên ngành, đổi tượng đào tạo, bồi dưỡng; công tác quản lý đào tạo, nhất là nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã được đổi mới căn bản; chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị (nhân tố quan trọng quyết định chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng) ngày càng lớn mạnh theo hướng chuẩn hóa; công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị qua các giai đoạn cách mạng của Đảng, góp phần cùng Đảng và dân tộc hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội và thành tựu to lớn của hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng cũng còn những hạn chế, bất cập đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trong những năm qua, cụ thể:

*Một là*, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều bất cập, hạn chế cả về nội dung, chương trình đào tạo hiện có so với mục tiêu đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Kết quả khảo sát các tỉnh, thành phố cho thấy: 95,9% ý kiến cho rằng

nguyên nhân của nội dung, chương trình chưa phù hợp là do một nội dung, chương trình áp dụng cho nhiều đối tượng đào tạo; 76,7% cho rằng lý luận còn giáo điều, xa thực tế; 90,8% cho rằng nội dung còn nặng về phương pháp luận, lý thuyết; trên 80% cho rằng nội dung, chương trình chưa sát công việc thực tiễn của cán bộ; và 100% ý kiến được hỏi cho rằng nội dung còn trùng lặp, chồng chéo giữa các môn học, giữa các hệ đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính và cao cấp lý luận chính trị, trùng lặp các nội dung giữa các chuyên đề trong cùng khối kiến thức, môn học.

*Hai là*, công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu đào tạo chưa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển năng lực và còn thiếu tầm chiến lược dẫn đến một số cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, nhiệm vụ của công tác đào tạo, bồi dưỡng, không thấy được trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của đơn vị, vì thế mà chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa cao, còn để xảy ra tiêu cực trong đào tạo, bồi dưỡng. Mặt khác, nhận thức về trách nhiệm của cán bộ, công chức tự giác tự học tập, học suốt đời nhằm không ngừng nâng cao trình độ, năng lực công tác, năng lực chuyên môn còn hạn chế.

*Ba là*, quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chưa được quan tâm thực hiện một cách khoa học từ hoạt động đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn lạc hậu, chậm được đổi mới nên chưa phù hợp đối tượng đào tạo, bồi dưỡng; nặng về lý thuyết, nội dung thiếu hơi thở cuộc sống, thiếu kiến thức kỹ năng nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn; còn trùng lặp nội dung giữa các

chương trình đào tạo, bồi dưỡng dẫn đến tình trạng không ít cán bộ, công chức tham gia nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng nhưng vẫn thiếu kiến thức, kỹ năng làm việc. Không ít cơ sở đào tạo chủ yếu coi trọng số lượng các lớp đào tạo mà không chú trọng chất lượng đào tạo nên chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa cao.

*Bốn* là, trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều hạn chế, bất cập; đa số giảng viên đã vận dụng phương pháp dạy học tích cực, song hiệu quả chưa cao, còn hình thức, chưa gợi mở được những tri thức mới, những kinh nghiệm hay từ thực tiễn của người học, thậm chí còn dạy chay, thiếu kiến thức thực tiễn; chưa quan tâm đúng mức công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nên chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng chưa cao.

*Năm* là, công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều lỏng lẻo, lệch lạc, còn biểu hiện khá phổ biến của bệnh thành tích dẫn đến dễ dãi trong học tập, cho điểm, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học viên, việc phân công, phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giữa các cấp, các ngành, các địa phương chưa thực hiện tốt nên sự phối hợp chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Công tác đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu dừng lại ở việc lấy ý kiến của người học sau khi kết thúc buổi giảng hoặc kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng mà chưa xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá chuẩn làm thước đo đánh giá chuẩn xác.

*Sáu* là, cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng trong những năm gần đây đã được Đảng, Nhà nước

quan tâm đầu tư xây dựng khang trang, song nhìn chung cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, bồi dưỡng còn thiếu thốn, nhiều trường chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ các lớp học tập trung nên chủ yếu mở các lớp học không tập trung với các huyện, quận và các cơ quan trong tỉnh; cơ chế chính sách, nhất là chính sách đổi mới với giảng viên, học viên còn nhiều bất cập chưa được đổi mới, chưa thực sự là động lực thúc đẩy thầy, trò tích cực dạy và học, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng trong những năm qua đang đặt ra những vấn đề liên quan đến đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống trường đảng.

### **3. Quan điểm và giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng**

Trong điều kiện mới hiện nay, Đảng đã nhấn mạnh một số quan điểm về đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ nay đến năm 2030 là: Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ quan trọng của Đảng. Mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, gắn học tập với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư cách người cách mạng. Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”; Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 20/5/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”; bảo đảm tính hệ thống và liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức đào

tạo, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh cán bộ để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phải luôn bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của chiến lược cán bộ và gắn kết chặt chẽ với các khâu của công tác cán bộ.

Nhằm đạt được mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực, phong cách làm việc hiệu quả đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cần quán triệt thực hiện những biện pháp sau:

*Một là, tăng cường nhận thức và sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, cấp ủy, các cấp chính quyền tỉnh, thành phố đối với vị thế của trường Đảng và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các trường Đảng.*

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ cần xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các trường Đảng tỉnh, thành phố đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc tỉnh, thành phố trong giai đoạn cách mạng mới bằng việc thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời ban hành các văn bản có liên quan đến trường chính trị và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng ở các trường chính trị; tạo cơ chế, chính sách, định hướng mạnh mẽ việc xây dựng các trường chính trị tỉnh, thành phố thành trường chính trị chuẩn giao diện nay theo

Kết luận số 117-KL/TW, ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các cấp ủy, chính quyền tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch, sử dụng, bố trí cán bộ. Quan tâm việc lựa chọn cử cán bộ đi học cần bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, tính thiết thực, tránh tràn lan, tiêu cực, lãng phí.

Xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tăng cường công tác quản lý của Nhà nước đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng trong từng tỉnh, thành phố; Nhà nước thể chế hóa phương hướng, mục tiêu, yêu cầu đào tạo của Đảng thành chủ trương, chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cả vật chất và tinh thần để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chính trị khác được giao phó.

Sắp xếp kiện toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách hợp lý, thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

*Hai là, các trường, học viện, các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng đào tạo.*

Rà soát, bổ sung nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đã có, chú ý nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm tính khoa học, thiết thực, cập nhật kiến thức mới, thông tin mới, coi trọng lý luận cơ bản với kiến thức thực tiễn

và kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, bảo đảm tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm của đối tượng đào tạo. Nội dung, chương trình phải khắc phục cho được sự trùng lặp, chồng chéo giữa các môn học, giữa các chuyên đề trong từng môn học, giữa các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, cần quan tâm đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, hiện đại, sinh động, gắn với thực tiễn cuộc sống, tăng cường trao đổi, thảo luận, đối thoại, lấy người học làm trung tâm.

*Ba là, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.*

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, cơ cấu hợp lý giữa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý với đội ngũ giảng viên; nhất là đội ngũ giảng viên các trường Đảng cần được quan tâm nâng cao trình độ theo tiêu chí của các trường chính trị chuẩn, ít nhất từ 70% đội ngũ giảng viên của trường có trình độ thạc sĩ về chuyên môn nghiệp vụ, 100% giảng viên có chứng chỉ phương pháp sư phạm, phương pháp dạy học cơ bản và nâng cao. Chú trọng nâng cao trình độ nhận thức, trang bị kỹ năng, phương pháp công tác chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tham mưu về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Kết hợp việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy của các trường với việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

*Bốn là, rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng đối với người dạy và học như quy chế giảng viên; quy chế học viên, quy chế thi, kiểm tra học phần, hết môn, thi tốt nghiệp cuối khóa; quy chế khảo thí và*

bảo đảm chất lượng đào tạo... Tăng cường phân cấp quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với các cơ sở đào tạo, đối với giảng viên, học viên trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố. Có cơ chế thưởng, phạt nghiêm minh đối với tập thể và cá nhân chấp hành tốt hoặc vi phạm.

*Năm là, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng.*

Đảng, Nhà nước mà trực tiếp là cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ sở đào tạo cần quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện làm việc, trực tiếp phục vụ cho dạy và học theo hướng ngày càng hiện đại, đồng bộ, thiết thực, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới đất nước.

## **CÔNG TÁC BẢO VỆ ĐẢNG, BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ - 90 NĂM THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

PGS.TS. PHAN HỮU TÍCH\*

**X**ây dựng Đảng gắn với bảo vệ Đảng là quy luật trong quá trình phát triển của các đảng cộng sản. Ngay từ khi thành lập Liên đoàn những người cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thấy rất rõ vai trò quan trọng của công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ Đảng của giai cấp công nhân. Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản đã xác định: “Mỗi cơ quan của Liên đoàn phải thi hành những biện pháp cần thiết để bảo đảm sự an toàn của Liên đoàn và tăng cường hoạt động của Liên đoàn”<sup>1</sup>. V.I. Lênin đã khẳng định sự cần thiết có ý nghĩa cốt tử của công tác bảo vệ Đảng: “Đảng không thể tồn tại nếu nó không bảo vệ sự tồn tại của nó, nếu nó không cương quyết đấu tranh chống những kẻ thù tiêu nó, hủy bỏ nó, không thừa nhận nó, từ bỏ nó”<sup>2</sup>. Người căn dặn những người cộng sản phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.736.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.23, tr.84.

như “giữ gìn con ngươi của mắt mình”<sup>1</sup>. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 90 năm qua đã khẳng định: Bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ gắn liền với quá trình ra đời và đấu tranh, trưởng thành của Đảng, ghi dấu những thành tựu to lớn và để lại những kinh nghiệm quý báu về bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

### **1. Đảng luôn coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ**

Sau khi được thành lập, để kịp thời bảo vệ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, Đảng ta đã kịp thời chỉ đạo phải bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở, bảo vệ tổ chức đảng. Ngày 03/01/1931, trong *Thông cáo cho các xứ ủy*, Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Các đảng ủy phải có thảo luận lại vấn đề “bí mật”, phải xét lại kinh nghiệm tổ chức cho kỹ, xếp đặt mọi việc cho có trật tự... Mỗi một địa phương phải căn cứ vào điều kiện ở đó mà giải quyết những vấn đề tổ chức đó để giữ gìn lấy cơ sở của mình”<sup>2</sup>. Trong Thông cáo ngày 20/3/1937, Trung ương Đảng đã chỉ đạo các vấn đề tổ chức chung, vấn đề thanh Đảng<sup>3</sup>. Thực hiện chủ trương điều chỉnh chiến lược của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chuyển hướng kịp thời. Đảng đã chỉ rõ: hiện

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.3, tr.10.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.211-212.

thời chưa phải là giành ruộng đất cho nông dân, mà tạm thời gác việc thực hiện nhiệm vụ đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc thực dân giành độc lập dân tộc để tập trung cho cuộc đấu tranh dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình, chống bọn phản động thuộc địa và nguy cơ chiến tranh. Song, tình hình trở nên nghiêm trọng khi bọn Trốtkít phê phán Đảng từ bỏ đấu tranh giai cấp, thỏa hiệp với đế quốc, phong kiến chia rẽ trong nội bộ Đảng. Một số đảng viên chủ trương hợp tác với Trốtkít phê phán các quan điểm chính thống. Trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chỉ đạo đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, nhằm củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng. Tác phẩm *Tự chỉ trích* ra đời với nội dung chủ đạo là thực hiện tự phê bình và phê bình, nhằm “tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ”<sup>1</sup>; và với tinh thần: “Bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích Bônsôvích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chơi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mâu thuẫn chia rẽ trong hàng ngũ Đảng”<sup>2</sup>.

Trong những năm chuẩn bị các mặt tiền tới Tổng khởi nghĩa, công tác bảo vệ Đảng tiếp tục được coi trọng nhằm giữ gìn và

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.620, tr.623-624.

tăng cường lực lượng, sức mạnh của Đảng. Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ đã ban hành “Chỉ thị về củng cố và phát triển đảng; phương pháp chống khủng bố”<sup>1</sup>. Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “Để phòng bọn gián điệp chui vào hàng ngũ Đảng và các cơ quan chính quyền”<sup>2</sup>. Ngày 08/12/1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết “Về công tác củng cố nội bộ”<sup>3</sup>. Ngày 29/12/1951, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị “Về cuộc vận động chấn chỉnh đảng”<sup>4</sup>. Ngày 24/5/1953, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị “Về kế hoạch chỉnh đốn chi bộ và phát triển đảng”, chuẩn bị bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ... Ngày 05/9/1954, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 90-CT/TW “Về giải quyết vấn đề đảng tịch của những đảng viên bị bắt, ra tù trong dịp thi hành Hiệp định đình chiến”. Ngày 01/12/1955, Trung ương Đảng chỉ thị cho các đảng bộ miền Nam về chống “tố cộng”. Ngày 14/12/1956, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 51-CT/TW “Về một số điểm trong chính sách cụ thể cần nắm vững khi tiến hành sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất”<sup>5</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960) của Đảng xác định, phải coi trọng công tác bảo vệ Đảng. Nghị quyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.403.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.9, tr.351.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.602, 607.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.765.

số 39-NQ/TW, ngày 20/01/1962 của Bộ Chính trị khóa III “Về việc tăng cường đấu tranh chống các bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”<sup>1</sup> đã chỉ rõ: các cấp ủy trong toàn Đảng phải hết sức chú ý làm tốt công tác bảo vệ nội bộ. Ngày 12/9/1962, Ban Bí thư ra Nghị quyết số 57-NQ/TW về “Thành lập Ban Thẩm tra chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Trung ương (gọi tắt là Ban Thẩm tra Trung ương)”<sup>2</sup>. Ngày 01/03/1965, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 90-CT/TW “Về việc mở cuộc vận động nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, làm tốt công tác thẩm tra chính trị và cải tiến công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên để bảo vệ Đảng (gọi tắt là cuộc vận động bảo vệ Đảng)”<sup>3</sup>. Ngày 01/3/1965, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 91-CT/TW về “Sử dụng, xử lý và quản lý đối với những cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và nghi có vấn đề chính trị hiện nay”. Chỉ thị đã xác định một số chính sách xử lý, sử dụng cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị và nghi có vấn đề chính trị hiện nay.

Khi đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam, Nghị quyết Trung ương 11 (đặc biệt) khóa III, ngày 25, 26, 27/3/1965 “Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt”<sup>4</sup>; Nghị quyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.23, tr.33.

2. Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương: *Bảo vệ Đảng, 40 năm hoạt động và trưởng thành*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.26.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.41, 102.

Trung ương 12 khóa III, ngày 27/12/1965 “Về tình hình và nhiệm vụ mới”<sup>1</sup> đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược, thống nhất ý chí, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh giải phóng miền Nam.

Sau Đại hội lần thứ IV, ngày 15/3/1977, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 01-QĐ/TW, thành lập Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy phía Nam để thẩm tra, kết luận, giải quyết vấn đề lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên. Ngày 25/10/1982, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 03-NQ/TW xác định nhiệm vụ: Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân kiên quyết đập tan âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu thâm độc của các thế lực phản động, nâng cao cảnh giác cách mạng... Ngày 16/4/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa V ra Chỉ thị số 33-CT/TW về “Tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới” và “Quy định những điều đối với đảng viên phải làm và không được làm” để tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ Đảng. Chỉ thị đã xác định rõ công tác bảo vệ Đảng là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, phải tăng cường hơn nữa trong giai đoạn cách mạng mới.

Trước tình hình quốc tế phức tạp và khó khăn của đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”<sup>2</sup>,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.622.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.346.

Đảng đã “phân tích sâu sắc *những nguyên nhân chủ quan, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm*”<sup>1</sup>, quyết định thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Khi tình hình thế giới có những biến động phức tạp, Đảng nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đại hội lần thứ VII của Đảng đề ra nhiệm vụ: *Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng... khai trừ khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức, gây chia rẽ, bè phái, tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng...*<sup>2</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng” đã nhấn mạnh: “Trong tình hình hiện nay phải đặc biệt coi trọng *công tác bảo vệ Đảng*”<sup>3</sup>. Ngày 12/6/1993, Bộ Chính trị khóa VII ban hành Chỉ thị số 23-CT/TW về “Tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới”, khẳng định: *Nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ có quan hệ đến sự sống còn của Đảng và của chế độ*. Cùng ngày, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 70-QĐ/TW, thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994) xác định “bốn nguy cơ”: “Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.353.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.122.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.101.

gay gắt; nguy cơ chênh hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lạch lạc trong chỉ đạo thực hiện, nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xác định: Trong tình hình hiện nay, cần “đặc biệt coi trọng làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”<sup>2</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” tiếp tục làm rõ thêm nội dung, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Nghị quyết chỉ rõ: “Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ cương lĩnh và đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Bảo vệ sự trong sạch chính trị nội bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các phần tử chống đối và cơ hội về chính trị. Thẩm tra kết luận về các cán bộ có vấn đề về lịch sử chính trị hoặc có quan hệ chính trị phức tạp. Phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức chống đối ngay từ khi chúng nhen nhúm hoạt động...”<sup>3</sup>.

Ngày 14/8/1998, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW về “Việc thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.53, tr.198.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.425.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.56, tr.353.

trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ”, chỉ đạo rà soát tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên. Để tăng cường xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, ngày 25/4/2000, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Quy định số 75-QĐ/TW “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”. Quy định đã xác định những tiêu chí để xem xét tiêu chuẩn người vào Đảng, vào cấp ủy, làm cán bộ chủ chốt, làm việc ở cơ quan, bộ phận trọng yếu, cơ mật.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”<sup>1</sup>. Bộ Chính trị khóa IX đề ra quan điểm chỉ đạo về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trong thời kỳ mới: “Khi xem xét vấn đề chính trị nội bộ, giữa lịch sử chính trị với chính trị hiện nay thì vấn đề chính trị hiện nay là chính; giữa bản thân với quan hệ gia đình thì bản thân là chính; giữa quản lý đâu vào với xử lý đâu ra thì quản lý đâu vào là chính; giữa xử lý với sử dụng thì sử dụng là chính...”<sup>2</sup>.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X chỉ rõ: “... Hết sức chú trọng công tác bảo vệ Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bảo vệ chính trị nội bộ là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy đảng. Bảo vệ chính trị nội bộ phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ *Cương lĩnh*, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.56, tr.353.

2. Thông báo số 23-TB/TW, ngày 24/10/2005 của Bộ Chính trị “Về Tổng kết thực hiện Quy định số 75-QĐ/TW một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.

trong Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên... ”<sup>1</sup>. Ngày 03/5/2007, Bộ Chính trị khóa X ban hành Quy định số 57-QĐ/TW “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”, thay thế Quy định số 75-QĐ/TW. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đề ra nhiệm vụ: “Nghiên cứu ban hành và thực hiện tốt chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị. Chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay”<sup>2</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII thêm một bước xác định cụ thể, toàn diện hơn là: “Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng (...) Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm... Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”<sup>3</sup>. Ngày 27/9/2012, Bộ Chính trị khóa XI ban hành “Chính sách sử dụng, quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị”<sup>4</sup>. Cùng với nội dung chỉ đạo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.347.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.262.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.207-208.

4. Thông báo kết luận số 104-TB/TW, ngày 27/9/2012 của Bộ Chính trị “Về chính sách sử dụng, quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị”.

trong các văn kiện đại hội, các chỉ thị của Bộ Chính trị, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đến năm 2016, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành 5 nghị quyết chuyên đề “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng” (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VI), “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng” (Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII); “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay (Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII”, về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI); về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” (Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

Như vậy, ngay từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn xác định: bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ là bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, có quan hệ đến sự sống còn của Đảng và chế độ.

## **2. Những thành tựu trong công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ**

Trong những năm đầu sau ngày thành lập Đảng, vượt qua những khó khăn, thử thách qua thực tiễn lãnh đạo đấu tranh cách mạng, nhất là cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931, Đảng chỉ đạo “bảo vệ Nghệ Tĩnh đỏ”, khắc phục “tả” khuynh, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng.

Trong đó, Đảng đã kịp thời điều chỉnh chiến lược thời kỳ Mặt trận dân chủ và thời kỳ vận động giải phóng dân tộc. Khi tình hình thế giới đã thay đổi, nhân loại đang phải đối

mặt với chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, Đảng đã lãnh đạo đấu tranh với nhóm Trótkít, vạch rõ những tác hại của trào lưu này vì nó chia rẽ và phá vỡ chủ trương lập mặt trận rộng rãi chống phát xít và nguy cơ chiến tranh. Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận để bảo vệ Đảng do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần “Tự chỉ trích”; nhờ đó, tạo ra sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Đảng. Sau sự điều chỉnh chiến lược, xác định đường lối chính trị qua ba hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6, lần thứ 7 và lần thứ 8, Đảng trở lại đúng đường lối của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra từ ngày thành lập Đảng năm 1930, chuẩn bị mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức, chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, chớp thời cơ làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Tại Đại hội đại biểu lần thứ II, Đảng đề cập ba vấn đề, mỗi quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong kháng chiến; vấn đề giai đoạn trong cách mạng Việt Nam; vấn đề đổi tên Đảng và tách đảng riêng mỗi nước ở Đông Dương có những ý kiến khác nhau. Những vấn đề quan trọng đó của Đảng được trao đổi, tranh luận thăng thắn, nghiêm túc. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nghiên cứu và xem xét đầy đủ, lấy ý kiến thảo luận dân chủ, lắng nghe ý kiến đa chiều, tranh luận chính trị nội bộ để quyết định từng vấn đề một cách thấu đáo. Đến nay, nhìn lại những vấn đề cơ bản được Đại hội lần thứ II quyết định là đúng đắn, sáng tạo.

Thực hiện bảo vệ Đảng, bảo vệ nội bộ trong chính huấn, chính quân, chỉnh Đảng và cải cách ruộng đất trong kháng

chiến chống thực dân Pháp được tiến hành thành nhiều đợt trong hai năm 1952 - 1953. Kết quả các đợt chỉnh huấn đã mang lại một sự nhất trí cao trong Đảng, trong quân đội về đường lối chính trị, về tư tưởng hành động trong Đảng và quân đội, góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến và kiến quốc. Qua chỉnh huấn, đã tạo ra sự nhất trí trong toàn Đảng; cán bộ, chiến sĩ nâng cao giác ngộ chính trị, lý luận, tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo động lực tinh thần và sức mạnh chiến đấu, chiến thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau khi nhận thức rõ sai lầm trong các đợt cải cách ruộng đất, Đảng đã thực hiện nghiêm túc sửa sai và chỉnh đốn tổ chức. Ban Bí thư chỉ đạo việc sửa chữa sai lầm trong chỉnh đốn các cơ quan cấp tỉnh, huyện và chi bộ nông thôn; đồng thời, thực hiện sửa sai trong cải cách ruộng đất. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn và cán bộ cải cách ruộng đất. Hội nghị Trung ương 10 khóa II quyết định nhiệm vụ và kế hoạch sửa sai, kỷ luật 3 đồng chí trực tiếp lãnh đạo cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, trong đó có Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương 14 khóa II tổng kết, đánh giá thắng lợi, những sai lầm, nêu nguyên nhân, bài học kinh nghiệm.

Cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm là chống biểu hiện nhân danh tự do dân chủ trong hoạt động văn học nghệ thuật và trong đời sống chính trị để phê phán sự lãnh đạo của Đảng và đả kích từng cá nhân tích cực trong giới văn nghệ. Rõ nét nhất là đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ. Cuộc đấu tranh diễn ra bằng nhiều hình thức, nhiều phương pháp và mức độ khác nhau. Thực hiện

thuyết phục, lãnh đạo gấp gõ cá nhân để trao đổi, có trường hợp trao đổi và thảo luận tập thể. Bộ Chính trị chỉ đạo: “Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh này, cần chú ý phân biệt những vấn đề tư tưởng, học thuật với những vấn đề chính trị, phân biệt những người lạc hậu với những phần tử thù địch, những người phạm sai lầm mà không tự giác với những phần tử ngoan cố. Cần coi trọng sự thật, tránh chủ quan, một chiều. Tiến hành đấu tranh trong nội bộ trước rồi mở rộng đấu tranh trong các Hội Văn học, nghệ thuật sau”<sup>1</sup>. Có số ít đưa ra tòa án xét xử, có số kỷ luật nội bộ, khai trừ khỏi Đảng; một bộ phận đưa đi các cơ sở sản xuất để cải tạo bằng lao động chân tay; số đông vẫn tiếp tục học tập và công tác. Kết thúc cuộc đấu tranh này, Đảng đã thống nhất và ổn định tư tưởng xã hội, đồng thời nâng cao được trình độ lý luận chính trị của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức phù hợp với yêu cầu mới của lịch sử. Thực tiễn cho thấy rằng, cần hiểu biết sâu sắc đặc điểm, đánh giá đúng đội ngũ trí thức Việt Nam. Đấu tranh chống những sai lầm, khuyết điểm của trí thức, trước hết phải bằng sức mạnh của chân lý, của tri thức khoa học để làm rõ những phi lý, phi khoa học trong quan điểm, nhận thức của họ.

Thực hiện chủ trương chống chính sách “tố cộng, diệt cộng”, giữ gìn lực lượng và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 khóa II, Đảng bộ miền Nam đã củng cố tổ chức, lãnh đạo nhân dân tiến hành “đồng khởi”, tạo bước ngoặt cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Bằng sự dày dạn và mẫn cảm về chính trị, các nghị quyết Hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.19, tr.8.

nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 khóa III đã vượt qua những tác động to lớn của những nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa, tư vấn “trường kỳ mai phục” hay “đánh lấn” để hoàn chỉnh đường lối chiến lược của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đảng xác định “miền Bắc là hậu phương lớn”, “miền Nam là tiền tuyến lớn”; miền Bắc có vai trò quyết định nhất, miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp... và giữ vững quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc đang có bất đồng và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế to lớn đối với Việt Nam. Đó là cơ sở để Đảng động viên lực lượng và quyết tâm sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chiến đấu, quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Kết quả của hoạt động xây dựng, củng cố tổ chức đảng, xây dựng chi bộ, đảng bộ “bốn tốt” có tác dụng to lớn trong xây dựng Đảng vững mạnh. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị “Về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”<sup>1</sup>; Chỉ thị của Ban Bí thư “Về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”<sup>2</sup>, các cơ sở đảng đã kết nạp được nhiều quần chúng ưu tú vào Đảng. Đồng thời, “từ năm 1971 đến năm 1973, ở miền Bắc đã đưa 85.885 người không đủ tiêu chuẩn đảng viên ra khỏi Đảng (chiếm tỷ lệ 8,79%)”<sup>3</sup>; đã củng cố đội ngũ, tăng cường sức chiến đấu của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.31, tr.129.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.32, tr.436.

3. Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương: *Bảo vệ Đảng, 40 năm hoạt động và trưởng thành*, Sđd, tr.42.

Đảng trong xây dựng, bảo vệ miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam.

Hòa bình lập lại, Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Trước tình hình thế giới có nhiều biến đổi và cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước, Đảng đã có quyết định chiến lược đúng đắn và kịp thời, thực hiện công cuộc đổi mới: “Đổi với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn”<sup>1</sup>. Vượt qua những tác động từ sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, Đảng đã đề ra đường lối đổi mới, kiên quyết đổi mới tư duy, từ bỏ cơ chế tập trung quan liêu; giữ vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đổi mới không đổi màu, hội nhập không hòa tan; kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phát huy dân chủ, dựa vào dân, tin dân... Đó là cơ sở vững chắc để Đảng lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, tiến tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đấu tranh với tác động mặt trái của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế làm tha hóa đảng viên, các kỳ Đại hội và các Hội nghị Trung ương đã đề ra nhiều nghị quyết về đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã nghiêm khắc chỉ ra “...những yếu kém,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.459.

khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chật đ được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”<sup>1</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII chỉ ra 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng được thực hiện quyết liệt, đã xử lý kỷ luật đảng và khởi tố nhiều cán bộ. Theo Ban Nội chính Trung ương: “Từ năm 2014 đến giữa năm 2018, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 840 tổ chức đảng và 58.120 đảng viên vi phạm, trong đó có gần 2.720 đảng viên vi phạm về tham nhũng, cố ý làm trái. Riêng từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã thi hành kỷ luật hơn 490 tổ chức đảng và 35.000 đảng viên vi phạm, trong đó có gần 1.300 đảng viên bị thi hành kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương đã thi hành kỷ luật nhiều tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước vi phạm, cả đương chức, chuyển công tác và đã nghỉ hưu...”<sup>2</sup>. Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 11

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.21-22.

2. Báo cáo của Ban Nội chính Trung ương tại Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, ngày 25/6/2018.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: “kể từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật hơn 70 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 1 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và 4 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, 14 đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 1 đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, 5 đồng chí Bộ trưởng và nguyên Bộ trưởng, 2 đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, 5 đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy và 17 đồng chí là tướng lĩnh; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự; Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã kỷ luật 7 tổ chức đảng...”.

Kiên trì và kiên quyết đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng với phong cách: “không có vùng cấm”, “không loại trừ bất kể người đó là ai” đã góp phần làm sạch Đảng, củng cố tổ chức, nâng cao sức chiến đấu của Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng. Đó là yếu tố quan trọng, bảo đảm xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

### **3. Những kinh nghiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ**

*Một là, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối, Điều lệ, nguyên tắc tổ chức của Đảng; bảo vệ tổ chức đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên, nhằm làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu cho đạo đức, trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc Việt Nam.*

Lịch sử 90 năm của Đảng và sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô cho thấy: Vấn đề cốt tử của Đảng là bảo vệ nền tảng tư tưởng, các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Không giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, xa rời, vi phạm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng sẽ dẫn đến mất phương hướng, không thống nhất hành động, mất niềm tin của nhân dân, Đảng mất sức chiến đấu, dẫn đến tan rã. Cách đây gần 100 năm, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: Cách mệnh muốn thành công, “Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>1</sup>. Luôn luôn quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Đảng phải trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kịp thời tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận, những vấn đề thực tiễn đã vượt qua, bảo đảm cho học thuyết Mác - Lênin có sức sống mới. Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là con đường đúng đắn của Đảng ta.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

*Hai là, sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta vượt qua muôn vàn thử thách khốc liệt nhưng đã giành được thắng lợi vẻ vang vì có lãnh tụ thiên tài, sáng suốt; có đội ngũ cán bộ kế cận dày dạn, bản lĩnh và luôn chăm lo củng cố đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.*

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Người là tượng trưng cho trí tuệ, đạo đức, danh dự và lương tâm của dân tộc, dẫn dắt con đường cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi vinh quang. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chăm lo xây dựng, đào luyện đội ngũ kế cận dày dạn, bản lĩnh, trí tuệ, xứng đáng là lớp người kế tục vẻ vang sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đảng luôn chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược, coi trọng xây dựng và phát huy vai trò của người đứng đầu; đồng thời, củng cố đội ngũ đảng viên - những chiến sĩ tiên phong trên các mặt trận, các lĩnh vực công tác ở mọi miền đất nước, thực hiện phát huy vai trò và trách nhiệm chính trị của Đảng từ cơ sở.

*Ba là, phát huy dân chủ trong Đảng, dựa vào dân, tin dân trong bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ thường xuyên.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi dân chủ là “chìa khóa vạn năng”<sup>1</sup>. Thực tiễn cho thấy, những công việc khó khăn, phức tạp đến mấy, nếu thực sự phát huy dân chủ, bao giờ cũng tìm được cách giải quyết. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ là công việc rất khó khăn, phức tạp, liên quan đến vấn đề hệ trọng của Đảng, đến sinh mệnh chính trị của cán bộ,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.325.

đảng viên. Vì vậy, khi xem xét, giải quyết phải thực hiện đúng nguyên tắc của Đảng, phải thực sự phát huy dân chủ, tránh chủ quan, phiến diện, áp đặt, gò ép, thành kiến. Giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và thực hiện tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh, đề cao giáo dục, thuyết phục, trị bệnh cứu người. Thực tiễn cho thấy, không vụ việc, vấn đề gì có thể “qua mặt” được người dân. Nhân dân luôn tin tưởng vào Đảng, mong muốn Đảng luôn vững mạnh và có trách nhiệm trong xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng. Cần nhận thức đúng về “nhân dân” trong cơ quan, đơn vị, trong cộng đồng dân cư để thấy rõ trình độ dân trí đã được nâng cao. Cần có hình thức phù hợp, tuyên truyền sâu rộng, hướng dẫn cụ thể nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng thiết thực. Xây dựng Đảng gắn liền với bảo vệ Đảng là quy luật đã được thực tiễn hoạt động 90 năm qua của Đảng kiểm chứng. Từ thực tế công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, đặt ra yêu cầu phải kịp thời đề ra biện pháp hữu hiệu để bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ. Đây thực sự là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng. Cần nghiên cứu, xác định nội dung về xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ trong từng chủ trương, nghị quyết của Đảng.

## **THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG QUA 90 NĂM**

Đồng chí CAO VĂN THỐNG\*

**N**gay từ ngày mới thành lập, Đảng ta đã rất quan tâm, coi trọng công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng, luôn gắn công tác này với mọi hoạt động của các cấp ủy từ cơ sở đến Trung ương. Từ khi thành lập đến năm 1948, các cấp ủy và chi bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng. Do nhiệm vụ cách mạng ngày càng nhiều, đa dạng và phức tạp, ngày 16/10/1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Quyết nghị số 29-QN/TW thành lập Ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan kiểm tra chuyên trách đầu tiên của Đảng.

Chín mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi vẻ vang và ngày nay đang tổ chức, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng

---

\* Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

được quan tâm và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và chế độ. Một trong những nguyên nhân đóng góp quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là do Đảng luôn quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, xây dựng ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp vững mạnh, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra vừa hồng, vừa chuyên. Ủy ban kiểm tra các cấp cùng với lớp cán bộ lãnh đạo, các thế hệ đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng phấn đấu liên tục, không ngừng tu dưỡng bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng, rèn luyện phong cách làm việc thận trọng, tận tụy phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng là chỗ dựa quan trọng cho các cấp ủy đảng.

Đảng ta đã khẳng định, kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng, là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng nhằm bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh, ngăn ngừa và khắc phục những vi phạm, hư hỏng, tiêu cực trong Đảng. Không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Những năm qua, hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Đảng nói chung cũng như của ủy ban kiểm tra các cấp nói riêng đã thực hiện thắng lợi rất nhiều vụ việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao, trong đó có nhiều vụ việc phức tạp, nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận, đóng góp quan trọng vào việc giữ gìn sự trong sạch của Đảng, giữ vững nguyên tắc,

kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước.

Từ nhiệm kỳ Đại hội X đến nay, Điều lệ Đảng (khóa X) đã bổ sung nhiệm vụ giám sát cho cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, là điểm mới so với các nhiệm kỳ trước, với yêu cầu phải thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” (Nghị quyết Trung ương 3 khóa X) và Nghị quyết số 14-NQ/TW “Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng” (Nghị quyết Trung ương 5 khóa X). Đây là những nghị quyết hết sức quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng, đáp ứng đòi hỏi của nhân dân và xã hội, yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực sự tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về tư tưởng, nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Các văn bản của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới tạo thành hệ thống khá đầy đủ, đồng bộ, toàn diện, như: Bộ Chính trị ban hành Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020; Quy chế kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ; Quy định xử lý đảng viên vi phạm; Quy định xử lý tổ chức đảng vi phạm; Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy định thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; v.v.. Ban Bí thư ban hành 28 quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi

hành kỷ luật đảng giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các tổ chức đảng, cơ quan ở Trung ương có liên quan; v.v.. Từ nhiệm kỳ Đại hội XI đến nay, Hướng dẫn thực hiện về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng và Quy định về những điều đảng viên không được làm đã được nâng thẩm quyền từ Bộ Chính trị ban hành lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành. Gần đây, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền. Đây là lần đầu tiên, Đảng ta có quy định cụ thể về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ để kiểm soát khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng bằng việc thông qua xây dựng chương trình toàn khóa và kế hoạch hằng năm, tập trung vào kiểm tra, giám sát các nội dung: thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, công tác cán bộ, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm, “sân sau”, bệnh thành tích, lãng phí, tiêu cực; kiểm tra việc tu dưỡng, rèn luyện, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gợi ý kiểm điểm và kiểm tra việc khắc phục các tồn tại, yếu kém qua kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trách nhiệm nêu gương,... kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên;... Điều quan trọng là phạm vi hoạt động của công tác kiểm tra, giám sát được mở rộng, nhiều lĩnh vực trước đây thường được

coi là “vùng cấm, vùng trắng” nay đã được quan tâm kiểm tra, xử lý dứt điểm như những vi phạm, khuyết điểm ở các doanh nghiệp nhà nước, công an, quân đội. Việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra được quan tâm, cùng với bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ làm công tác kiểm tra đã khuyến khích cán bộ làm công tác kiểm tra yên tâm công tác. Việc tuyên truyền công khai một số vụ việc đã thể hiện tính chiến đấu cao, được dư luận xã hội đồng thuận. Trách nhiệm, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra được giao thêm và đã được ghi trong Điều lệ Đảng, các quy định, quy chế làm việc ngày càng rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đã có bước đột phá, nhất là trong việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, “lợi ích nhóm”, “sân sau”. Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật gần 80 đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có đồng chí là Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương và 1 đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, 1 đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, một số đồng chí là cấp tướng trong lực lượng vũ trang, trong đó một số trường hợp phải xử lý hình sự. Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã thi hành kỷ luật 9 tổ chức đảng..., thể hiện quyết tâm của Đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ” trong cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái, ngăn chặn, đẩy lùi từng bước tham nhũng, lợi ích

nhóm, “sân sau”, lãng phí, tiêu cực, thúc đẩy thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, góp phần làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, đoàn kết hơn, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố và tăng cường. Có thể khẳng định, trong thời gian qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đã đạt kết quả và đóng góp rất quan trọng cho công tác chung của Đảng.

Thực tiễn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng thời gian qua, rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Một là, thường xuyên nắm vững quan điểm chỉ đạo kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng và nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp để thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cấp ủy và thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao. Muốn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trước hết, ủy ban kiểm tra các cấp phải nhận thức sâu sắc và nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình do Điều lệ Đảng quy định, theo quy chế làm việc do cấp ủy cùng cấp ban hành, trong đó cần phân biệt rõ công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, trước hết là của cấp ủy và công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp để thực hiện đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.*

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có nội dung và phạm vi rất rộng, vì nó là những chức năng lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện, là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Đó là

công tác của toàn Đảng, của các tổ chức đảng, đặc biệt là của các cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy. Cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, vừa có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, vừa phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo của mình trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì thế, nơi nào xảy ra nhiều vi phạm, khuyết điểm mà không phát hiện được bởi các cơ quan kiểm tra cấp trên thì trách nhiệm đó trước hết thuộc về cấp ủy và ủy ban kiểm tra, chịu trách nhiệm chính là người đứng đầu cấp ủy và ủy ban kiểm tra cùng cấp.

Để thực hiện tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cấp ủy các cấp phải phát huy vai trò của ủy ban kiểm tra các cấp, các ban của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trong việc tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng, ban hành đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn, quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng theo thẩm quyền.

- Một khác, giúp cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, tập trung lựa chọn đối tượng, lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, phức tạp, dễ phát sinh vi phạm, những vấn đề bức xúc mà cán bộ, đảng viên, nhân dân quan tâm để kiểm tra, giám sát, nhưng không được chồng chéo với chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên; giúp cấp ủy kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát, xem xét, xử lý kỷ luật, giải

quyết khiếu nại kỷ luật theo thẩm quyền đối với các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của toàn đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp là một bộ phận quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, được giới hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng cả về phạm vi, nội dung, đối tượng và phương pháp kiểm tra, giám sát.

Do chưa nhận thức rõ sự khác nhau này và vì những lý do khác, một số nơi cấp ủy giao cho ủy ban kiểm tra những công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của cấp ủy như việc kiểm tra chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; bản thân một số ủy ban kiểm tra cũng mặc nhiên coi đó là chức năng, nhiệm vụ của mình nên dành nhiều thời gian, công sức để thực hiện. Điều đó vừa làm hạn chế vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, không phát huy được chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức khác, vừa làm cho hoạt động của ủy ban kiểm tra gặp khó khăn, lúng túng, không tập trung vào việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình do Điều lệ Đảng quy định.

*Hai là, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cũng như của ủy ban kiểm tra các cấp phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; phải chủ động, tích cực, kiên quyết thực hiện để hỗ trợ công tác thanh tra, điều tra, xử lý vi phạm những vụ việc phức tạp, khó khăn. Vì là chức năng lãnh đạo của Đảng và là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nên công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng từng thời kỳ, và nhằm thực hiện thắng lợi*

những nhiệm vụ và công tác ấy. Công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp là một bộ phận quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nên phải tuân thủ vấn đề cốt lõi, có tính nguyên tắc ấy. Thực tiễn đã chứng minh là nếu xa rời vấn đề này, hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp sẽ chêch mục tiêu, mất phương hướng, không rõ phạm vi, nội dung và không mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ, đối với từng đảng bộ có những mục tiêu, yêu cầu, nội dung cụ thể khác nhau; trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu của công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tệ quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, “sân sau”, bệnh thành tích và lãng phí.

Điều đó đòi hỏi từng cấp ủy, ủy ban kiểm tra của cấp ủy phải nắm vững quan điểm, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của đảng bộ mình trong từng thời gian để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể, sát hợp và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát có chất lượng, hiệu lực và hiệu quả.

Đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng là yếu tố cơ bản có tính chất quyết định sự nghiệp cách mạng và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ. Ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải nắm vững đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước vừa là để thực hiện đúng, vừa có cơ sở để xem xét, kết luận, xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm và có điều kiện phục vụ cấp ủy kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với các ban, ngành để kiểm tra, giám sát những nội dung quan trọng này đối với tổ chức đảng và đảng viên. Ở các thời kỳ lịch sử, bất luận hoàn cảnh nào, dù nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra có bổ sung, sửa đổi, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra các cấp luôn lấy vấn đề này làm mục tiêu, phương hướng hoạt động nên đã góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Đối tượng có vi phạm, khuyết điểm là tổ chức đảng và đảng viên, trong đó có một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền là đối tượng trực tiếp và chủ yếu của công tác kiểm tra, giám sát. Do đó, công tác kiểm tra, giám sát phải chủ động, tích cực, kiên quyết thực hiện để hỗ trợ công tác thanh tra, điều tra, xử lý vi phạm những vụ việc phức tạp, khó khăn. Khi phát hiện đảng viên có vi phạm, khuyết điểm phải chủ động kiểm tra, kết luận, xử lý ngay về kỷ luật đảng, sau đó yêu cầu các cơ quan thanh tra, điều tra làm rõ và xem xét, kết luận, xử lý theo quy định của pháp luật, có như vậy mới xử lý triệt để được vi phạm.

*Ba là, công tác kiểm tra, giám sát phải xác định những “mắt xích” yếu nhất, gây bức xúc trong nhân dân để tiến hành kiểm tra, giám sát, từ một số việc mà được nhiều việc, từ một số người mà có tác dụng đối với nhiều người, lấy “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, “chống” là nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt. Cấp trên gương mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát trước để tạo sự thúc đẩy, lan tỏa cho cấp dưới thực hiện. Những “mắt xích” yếu nhất là những nơi có nhiều*

quyền lợi, có nhiều lợi ích, xảy ra nhiều vi phạm, khuyết điểm tập trung ở những cán bộ có chức, có quyền mà Đảng và nhân dân trông đợi. Đảng ta phải kịp thời phát hiện, kiểm tra, làm rõ, kết luận, xử lý thật nghiêm minh, để từ đó tìm ra các vi phạm, khuyết điểm khác trong Đảng, từ một việc mà mang lại nhiều kết quả, từ xử lý một số người mà góp phần cảnh tỉnh, răn đe được nhiều người; công tác kiểm tra, giám sát không được thụ động, bỏ trống “địa bàn”, phải chủ động và chú trọng giám sát, phải kiểm tra ngay những cơ quan và những người làm nhiệm vụ chống tham nhũng, tiêu cực.

Thực tế cho thấy, mọi vi phạm, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả những cán bộ cao cấp của Đảng, trước hết đều bắt đầu từ vi phạm kỷ luật đảng, sau đó mới “lún sâu” dẫn đến vi phạm pháp luật đều có nguyên nhân là do thiếu hoặc không kịp thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực; nếu được kiểm tra, giám sát chủ động, kịp thời, thường xuyên và sớm hơn thì mức độ, hậu quả của vi phạm, khuyết điểm sẽ ít nghiêm trọng hơn hoặc có thể sẽ không xảy ra vi phạm, khuyết điểm đến mức phải xử lý kỷ luật và không để lại hậu quả.

Công tác kiểm tra, giám sát phải lấy “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và quyết liệt; không chỉ làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm và xử lý vi phạm, mà còn làm cho tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, đoàn kết hơn, khả năng hoàn thành nhiệm vụ chính trị cao hơn, mà nhiệm vụ quan trọng là còn phát hiện những nhân tố mới, phát huy sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên và đóng góp cho sự lãnh đạo,

chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; công tác giám sát phải được tăng cường để quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên, kịp thời phát hiện, giải quyết sớm, ngăn chặn xảy ra vi phạm, khuyết điểm từ khi còn manh nha; công tác kiểm tra, giám sát phải giải quyết toàn diện những vấn đề giũ gìn kỷ luật và chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Đảng để nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên một cách căn bản và lâu dài.

Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên phải gương mẫu kiểm tra trước, nhất là kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên để tạo sự thúc đẩy, lan tỏa cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện kiểm tra. Khi cần thiết, ủy ban kiểm tra cấp trên có thể tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên cách nhiều cấp.

Khi có vụ việc vi phạm được phát hiện phải xem xét và kiên quyết xử lý nghiêm minh từ trên xuống dưới, không có “vùng cấm”, không có đặc quyền, không có ngoại lệ, không có nhân nhượng để giáo dục cán bộ, đảng viên và giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Vì sự sống còn của Đảng phải xử lý một số người để cứu muôn người; thực tế xử lý vi phạm của Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên ngày càng nghiêm minh, đồng bộ, triệt để và kịp thời hơn. Đây là bước đột phá trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

*Bốn là, ủy ban kiểm tra các cấp luôn tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp; sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với công tác kiểm tra, giám sát và nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo ấy.*

Cấp ủy đảng là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ, có nhiệm vụ lãnh

đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo của đảng bộ mình. Mặt khác, ủy ban kiểm tra các cấp do ban chấp hành đảng bộ cùng cấp bầu, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cùng cấp. Vì vậy, ủy ban kiểm tra phải luôn theo sát và tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo ấy.

Thực tiễn đã chứng minh là ở đâu, lúc nào, cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra; cấp ủy ban hành kịp thời và tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra thực hiện đúng quy chế làm việc; thường kỳ nghe ủy ban kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động và cho ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo; quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra... thì ở đó, lúc đó hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra đạt được hiệu quả, chất lượng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy đảng là nhân tố quyết định kết quả hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra.

Thực tiễn cũng đã chứng minh là muốn có sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra không thể thụ động ngồi chờ cấp ủy, mà phải có sự độc lập tương đối, tích cực hoạt động theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định, đúng quy chế làm việc do cấp ủy ban hành, đúng sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; thường kỳ báo cáo kết quả hoạt động với cấp ủy, chủ động đề xuất ý kiến, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ và thường trực cấp ủy cùng cấp; chủ động và

thường xuyên tham mưu cho cấp ủy về công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, phải chủ động xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cấp ủy cấp dưới, để qua đó các cấp ủy cấp dưới quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra của cấp dưới.

Theo quy định thi hành Điều lệ Đảng, Quy định thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp, ủy ban kiểm tra cấp trên có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong một số trường hợp có thể gặp khó khăn, trở ngại, lúng túng, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo đối với cấp ủy viên cùng cấp, do cấp ủy cùng cấp không đồng tình, ủng hộ hoặc có biểu hiện can thiệp, ngăn cản, không tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ; hoặc khi giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nội dung tố cáo phức tạp, chỉ ủy ban kiểm tra cấp dưới không thể thực hiện được thì ủy ban kiểm tra cấp dưới cần chủ động báo cáo xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ của ủy ban kiểm tra cấp trên; trường hợp đặc biệt có thể đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp kiểm tra cách cấp để giải quyết triệt để những vi phạm xảy ra.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gấp khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ, ủy ban kiểm tra cấp dưới phải đề nghị ủy

ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn để tháo gỡ. Do vậy, ủy ban kiểm tra cấp dưới phải nắm chắc các đặc điểm, các vấn đề nêu trên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để khi có khó khăn, trở ngại, vướng mắc thì đề nghị tranh thủ sự hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ của ủy ban kiểm tra cấp trên, thậm chí là ủy ban kiểm tra cấp trên yêu cầu cấp ủy cấp dưới quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt, kể cả về cán bộ, điều kiện, phương tiện làm việc để ủy ban kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ. Thực tế thời gian qua, khi gặp khó khăn, vướng mắc, trở ngại, ủy ban kiểm tra cấp dưới đã kịp thời báo cáo, xin ý kiến, tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của ủy ban kiểm tra cấp trên, kể cả việc cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra do ủy ban kiểm tra cấp dưới chủ trì, giúp ủy ban kiểm tra cấp dưới kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tăng cường sự tin tưởng, bản lĩnh, tính trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngược lại, ủy ban kiểm tra cấp trên, nhất là Ủy ban Kiểm tra Trung ương, qua theo dõi, nắm tình hình cũng đã chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Khi ủy ban kiểm tra cấp trên thấy cấp ủy cấp dưới có biểu hiện can thiệp, ngăn cản, không ủng hộ, tạo điều kiện hoặc gây khó khăn, trở ngại cho ủy ban kiểm tra cấp dưới thì cũng đã chủ động đề nghị cấp ủy cấp dưới quan tâm, tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Đây cũng là một ưu điểm, kinh nghiệm trong công tác của ủy ban kiểm tra các cấp thời gian qua.

*Năm là, nǎm vũng và thực hiện tốt phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát.* Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cũng như công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp là công tác lãnh đạo của Đảng, là công tác xây dựng Đảng, là sinh hoạt nội bộ Đảng. Do đó, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát phải giữ đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đúng tính chất công tác đảng. Kinh nghiệm 90 năm qua đã chứng minh rằng, muốn tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đạt chất lượng, hiệu lực, hiệu quả cao, phải nǎm vũng và thực hiện tốt các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát, đó là: dựa vào tổ chức đảng; phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng; làm tốt công tác thẩm tra, xác minh; kết hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp và sự phối hợp với các ban, ngành có liên quan.

Trong các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát thì thẩm tra, xác minh là một phương pháp rất quan trọng. Thực tiễn cho thấy, nhiều tổ chức đảng và đảng viên có tinh thần tự phê bình và phê bình, tự giác trình bày trước tổ chức đảng có thẩm quyền cả ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm, tự nhận trách nhiệm của tập thể, cá nhân và hình thức xử lý tương xứng với mức độ lỗi phạm (nếu có), nhưng cũng có không ít tổ chức đảng và đảng viên thiếu tự giác, tự phê bình còn quanh co, giấu giếm khuyết điểm, vi phạm, không tự giác nhận trách nhiệm của tập thể, không tự nhận hình thức kỷ luật đúng với mức độ lỗi phạm, thậm chí tìm

mọi cách đối phó, gây khó khăn, trở ngại đối với công tác kiểm tra, giám sát. Trong xử lý kỷ luật, có nhiều trường hợp công minh, chính xác, kịp thời, nhưng cũng có không ít trường hợp phải thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật, chậm xử lý kỷ luật hoặc không xử lý kỷ luật hoặc xử lý không đúng mức. Trong khiếu nại, tố cáo, có nhiều trường hợp đúng, nhưng cũng có không ít trường hợp không đúng, chỉ đúng một phần hoặc có dụng ý xấu, vu cáo, tố cáo sai sự thật. Vì vậy, chưa thẩm tra, xác minh, chưa làm rõ được trách nhiệm và vi phạm, khuyết điểm thì chưa được kết luận. Trường hợp tự phê bình và phê bình càng yếu, tự giác càng kém thì đòi hỏi phải hết sức coi trọng và tiến hành công tác thẩm tra, xác minh một cách công phu, tỉ mỉ, thận trọng, chính xác. Mặt khác, thẩm tra, xác minh cũng là một biện pháp nhằm hỗ trợ nâng cao tính tự giác, tự phê bình và “văn hóa tự xử” của tổ chức đảng và đảng viên.

Trong điều kiện hiện nay, có những vi phạm hết sức tinh vi, có những vi phạm mới trước đây chưa từng xảy ra cũng cần phải kiểm tra và xử lý công minh, chính xác, kịp thời. Do đó, phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương pháp kiểm tra, giám sát, phương pháp thẩm tra, xác minh, từng bước ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, đưa công tác kiểm tra, giám sát thực sự thành khoa học và nghệ thuật.

Quá trình thực hiện các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo, để phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát và tình hình cụ thể, coi trọng chứng cứ, kết hợp chặt chẽ giữa động viên, thuyết phục, cảm hóa với việc đối thoại với đối tượng được

kiểm tra để họ nhận ra vi phạm, khuyết điểm, “tâm phục, khẩu phục” với kết luận kiểm tra. Song, dù linh hoạt, sáng tạo đến đâu cũng không được lẩn lộn và thay phương pháp kiểm tra, giám sát của Đảng bằng những phương pháp đặc thù của các tổ chức khác (điều tra, theo dõi bí mật,...). Làm khác đi là vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, là trái với tính chất công tác đảng, không những không đạt được hiệu quả mà nhiều khi còn làm phức tạp thêm tình hình nội bộ. Thực tiễn cũng đã chỉ rõ là tổ chức nào thì có phương pháp hoạt động ấy, và phương pháp hoạt động, đến lượt nó, lại có tác dụng quyết định đến chức năng, nhiệm vụ, đến tính chất, đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu hoạt động của tổ chức.

*Sáu là, phải kịp thời công khai các kết quả kiểm tra, giám sát và chú trọng giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra.* Ủy ban kiểm tra các cấp phải luôn chú trọng các công việc sau kiểm tra, đó là giám sát chặt chẽ việc thực hiện kết luận kiểm tra, kết quả giám sát, quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra và của cấp ủy. Các cuộc kiểm tra, nhất là kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm không kết thúc ở việc xem xét kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên mà ủy ban kiểm tra tiếp tục đề nghị cấp có thẩm quyền chỉ đạo làm rõ, xử lý nghiêm những sai phạm của các tổ chức, cá nhân liên quan, cũng như thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các kết luận kiểm tra, thông báo kết quả giám sát, quyết định kỷ luật của ủy ban kiểm tra và của cấp ủy. Đó mới là cái đích cuối cùng của công tác kiểm tra, giám sát.

Mỗi thông báo kết luận kiểm tra, nhất là về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo của ủy ban kiểm tra đều chỉ ra những sai phạm của đối tượng được kiểm tra, hình thức kỷ luật (nếu có), yêu cầu kiểm điểm, chấn chỉnh hoạt

động và kiến nghị các cấp có thẩm quyền chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để hoàn thiện các quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đối với các vụ việc phức tạp xảy ra, ủy ban kiểm tra cần thành lập tổ công tác để đôn đốc, theo dõi các tổ chức đảng xử lý về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và khắc phục các hậu quả đã gây ra sau kiểm tra.

Sau kiểm tra cần kịp thời công khai các kết luận kiểm tra, kết quả giám sát, quyết định xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vụ việc vi phạm, giúp định hướng đúng dư luận xã hội và cung thể hiện sự công khai, minh bạch của Đảng để nhân dân giám sát, đồng hành cùng với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc và sự chống phá của các thế lực thù địch. Kinh nghiệm cho thấy, ở một mức độ nào đó, với từng vụ việc cụ thể, việc kiểm tra, giám sát, nhất là kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo cần có sự công khai kết luận ở mức độ phù hợp để nhận được sự đồng tình, ủng hộ từ báo chí và dư luận. Phải phối hợp tốt với cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội.

*Bảy là, luôn quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra, xây dựng cơ quan ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát. Qua trên 70 năm hoạt động, một trong những kinh nghiệm cần được coi trọng là phải luôn quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp, cơ quan ủy ban kiểm tra phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng*

yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát nói riêng và thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng nói chung, vì đây là nhân tố quyết định sự thành bại của hoạt động kiểm tra, giám sát.

So với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới thì ủy ban kiểm tra các cấp, cơ quan ủy ban kiểm tra còn bất cập, hạn chế, chưa tương xứng, ngang tầm; đội ngũ cán bộ kiểm tra còn thiếu về số lượng, trình độ, năng lực, kiến thức còn hạn chế; có nơi, có lúc còn nhiều khó khăn, lúng túng, bất cập với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhất là đối với ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra ở cơ sở. Nhưng thời gian qua, được các cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp chăm lo củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp, cơ quan ủy ban kiểm tra từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, kiên quyết thay thế những cán bộ cản trở, nhụt chí, không hoàn thành nhiệm vụ, không dám làm; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra theo hướng “coi trọng cả đức và tài, đức là gốc”<sup>1</sup>; trong việc nâng cao trình độ, năng lực, thì đã coi trọng cả việc nâng cao hiểu biết về công tác xây dựng Đảng, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đã mở hệ đào tạo cử nhân chuyên ngành kiểm tra và những kiến thức cần thiết có liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát (quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, pháp luật...), nên đội ngũ cán bộ kiểm tra không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, tiến bộ cả về phẩm chất và năng lực, bảo đảm ngày càng thực hiện tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.55, tr.420.

công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cũng đã hết sức quan tâm chăm lo thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên về phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên, hỗ trợ kinh phí hoạt động để động viên, tạo điều kiện cho cán bộ kiểm tra yên tâm, phấn khởi công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều đáng vinh dự và tự hào là trong mọi thời kỳ của cách mạng, dù chiến tranh hay hòa bình, khủng hoảng kinh tế, xã hội hay phát triển, khó khăn hay thuận lợi, kể cả những thời điểm thử thách, gay go, quyết liệt nhất, ủy ban kiểm tra, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức, kỷ luật và lối sống gương mẫu, tận tụy, liêm khiết, trong sạch, lành mạnh; có lòng trung thực, đoàn kết, thương yêu đồng chí, “không thiên vị”, “không thành kiến”; luôn hết lòng, hết sức, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, kể cả nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ tham mưu, giúp cấp ủy và do cấp ủy giao.

Cán bộ kiểm tra cũng như các cán bộ khác của Đảng, đều luôn phải đấu tranh giữa mặt cách mạng và không cách mạng, tích cực và tiêu cực, tiến bộ và lạc hậu, trưởng thành và thoái hóa, biến chất, lợi ích chung và quyền lợi riêng. Nhưng do đặc điểm và yêu cầu của nhiệm vụ (kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật), được sự giáo dục của cấp ủy, tổ chức đảng, sự phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản

thân, sự phối hợp, cộng tác chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, sự giúp đỡ và tin tưởng của đảng viên và nhân dân nên trong quá trình vận động của quy luật phát triển và đào thải, đội ngũ cán bộ kiểm tra luôn tố rõ sự vững vàng, kiên định, luôn khắc sâu trong lòng: phải liêm chính, trong sạch, biết gương mẫu giữ mình, không liêm chính thì không kiểm tra được người khác, không nói được người khác, nhiều khi phải hy sinh lợi ích cá nhân để bảo vệ, giữ gìn kỷ luật, trọng liêm chính, không chịu bất cứ sức ép không trong sáng nào, bất cứ sự can thiệp, tác động, cám dỗ, mua chuộc nào.

\*

\* \* \*

Những thành tựu và kinh nghiệm của công tác kiểm tra, giám sát và cũng là của ngành kiểm tra, xứng đáng với truyền thống: “Tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đoàn kết, kỷ luật” hơn 70 năm qua. Điều cần làm là giữ vững và phát huy hơn nữa những thành tựu và bài học kinh nghiệm đã đạt được, phấn đấu khắc phục có hiệu quả những yếu kém, bất cập để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

## **ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG - NHIỆM VỤ XUYÊN SUỐT, BAO TRÙM CỦA ĐẢNG HIỆN NAY**

PGS.TS. TRẦN QUỐC CUỜNG\*

**T**rên phạm vi toàn cầu, tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực tồn tại ở tất cả các quốc gia trên thế giới; là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực. Tham nhũng gây thiệt hại nghiêm trọng đến các nguồn lực công, xâm hại đến hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước, làm sai lệch công lý, công bằng xã hội, làm suy giảm niềm tin, cản trở các nỗ lực giảm nghèo và phát triển đất nước, xã hội. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là công việc rất quan trọng, liên quan đến sự phát triển bền vững của đất nước, chế độ. Thời gian gần đây, nhiều quốc gia đã rất nỗ lực trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng như: Hàn Quốc, Lào, Braxin, Indônêxia, Trung Quốc...

Tại Việt Nam, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức và ngày càng xác định rõ hơn về nguy cơ, tác hại của tham nhũng đối với Đảng, chế độ và sự nghiệp xây dựng đất nước; xác định phòng, chống tham nhũng là một trong những nội dung

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ thường xuyên, vừa cấp bách, vừa khó khăn, phức tạp, lâu dài.

Ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ, là “giặc ở trong lòng”, là “giặc nội xâm”<sup>1</sup>. Từ đó, Người nhấn mạnh: Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là “cách mạng”; là “dân chủ”<sup>2</sup>. Đặc biệt, trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tháng 9/1950, song Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bác đơn xin giảm tội, giữ mức án “Tử hình” đối với Đại tá Trần Dụ Châu, Giám đốc Nha Quân nhu, Bộ Quốc phòng vì tội ăn cắp công quỹ và làm nhiều điều vi phạm nghiêm trọng đạo đức người cán bộ cách mạng<sup>3</sup>.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tại Đại hội lần thứ III của Đảng và những năm sau đó, trên cơ sở nhận định “công tác kiểm tra không được chặt chẽ, tình trạng lãng phí, tham ô còn khá phổ biến”<sup>4</sup>, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, như: Bộ Chính trị ban hành hai nghị quyết về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.362.

2. Xem Ban Nội chính Trung ương: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.37, 38.

3. Xem “Bác Hồ với công tác phòng chống tham nhũng”, trang thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.834.

chống tham ô, lãng phí, quan liêu<sup>1</sup>; lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh về trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa; Ban Pháp chế Trung ương (tổ chức tiền thân của Ban Nội chính Trung ương) tham mưu với Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 228-NQ/TW, ngày 12/01/1974 “Về cuộc đấu tranh chống lạm quyền tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ tốt đời sống nhân dân”. Đặc biệt, năm 1979, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV, Ban Chỉ đạo đấu tranh chống tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 79) được thành lập, Ban Nội chính Trung ương được giao nhiệm vụ là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo 79<sup>2</sup>.

Bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện chính sách mở cửa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tại Đại hội lần thứ VI của Đảng và trong hơn 30 năm qua, trên cơ sở nhận định: “Những hành vi lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời”<sup>3</sup>; “Thực trạng nói trên làm

1. Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 26/4/1962 “Về cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí quan liêu”; và Nghị quyết số 85-NQ/TW, ngày 24/7/1963 “Về cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”.

2. Xem Ban Nội chính Trung ương: *Ngành Nội chính Đảng - 50 năm xây dựng và trưởng thành (1966 - 2016)*, Hà Nội, 2016.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.352.

giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điêu hành của các cơ quan nhà nước”<sup>1</sup>; Nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác là một trong bốn nguy cơ đối với Đảng và cách mạng Việt Nam, “uy hiếp sự tồn vong của chế độ ta”<sup>2</sup>; “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp,... làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước”<sup>3</sup>; “Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành, làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong dư luận, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ”<sup>4</sup>..., Đảng ta xác định “*Phải triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi*”<sup>5</sup>; “Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và杜绝 trị tệ quan liêu,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.353.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.235.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.173.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.196.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.474.

tham nhũng, lạm quyền, vô trách nhiệm,...”<sup>1</sup>; “Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân”<sup>2</sup>; “Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự”<sup>3</sup>; “Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nhân tố quyết định thành công của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”<sup>4</sup>...

Từ góc độ lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng qua công tác tổ chức - cán bộ, Đảng ta chủ trương: “Ở Trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban. Lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.145.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.237.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.522.

4. Kết luận số 21-KL/TW, ngày 15/5/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, [www.dulieuvankien.dangcongsan.vn](http://www.dulieuvankien.dangcongsan.vn).

thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, về chủ trương, chính sách lớn thuộc lĩnh vực nội chính; đồng thời, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng<sup>1</sup>. Điều này xuất phát từ yêu cầu khách quan với mong muốn và quyết tâm tạo bước chuyển biến mới, rõ rệt hơn nữa trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng<sup>2</sup>.

Bên cạnh đó, trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, Đảng ta còn đề ra nhiều chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về phòng, chống tham nhũng<sup>3</sup>, thể hiện ở nhiều văn bản khác nhau, trong đó xác định mục tiêu chung, bao trùm của công tác phòng, chống tham nhũng là: *Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế -*

---

1. Kết luận số 21-KL/TW, ngày 15/5/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, [www.dulieuvankien.dangcongsan.vn](http://www.dulieuvankien.dangcongsan.vn).

2. Xem Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 01-TB/BNCTW, ngày 16/02/2013).

3. Quy định 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về những điều đảng viên không được làm”; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”; Luật phòng, chống tham nhũng; Luật tiếp cận thông tin; Luật cán bộ, công chức; và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

*xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.*

Từ khi Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), do đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước làm Trưởng ban được thành lập, nhất là từ Đại hội lần thứ XII của Đảng đến nay, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo, công tác phòng, chống tham nhũng đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, trên cả hai mặt công tác: phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng; với nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, như: thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, giáo dục đạo đức liêm chính cho cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng; xác định trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là người đứng đầu ở các cấp trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng; thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng; từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước... Trong đó, nổi bật nhất là một số nhiệm vụ, giải pháp mang lại hiệu quả rõ rệt, như sau:

## **1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng**

Đây là nhiệm vụ, giải pháp căn cơ, quan trọng, hàng đầu để *phòng ngừa tham nhũng*; được hình thành trên cơ sở: *Một là*, quan niệm truyền thống của người Việt Nam về mối quan hệ giữa “phòng” và “chống”, theo đó, “phòng hơn chống”. *Hai là*, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng thời gian qua cho thấy, sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân phát sinh tiêu cực, tham nhũng, trong khi việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới cơ chế, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn chậm, có lúc chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng một số văn bản chưa cao<sup>1</sup>; chưa có biện pháp hữu hiệu bảo vệ người tố cáo tham nhũng<sup>2</sup>... *Ba là*, xuất phát từ nhận thức chung về bản chất (nguồn gốc) của tham nhũng là sự tha hóa quyền lực, do vậy, để kiểm soát quyền lực, cần thiết phải “nhốt quyền lực vào trong lồng thể chế”<sup>3</sup>. *Bốn là*, phù hợp với tinh thần thượng tôn pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn phát triển

---

1. Xem Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X.

2. Xem Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 9 của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 143-TB/BCĐTW, ngày 14/01/2016 của Ban Chỉ đạo).

3. Báo cáo số 176-BC/BCĐTW, ngày 26/7/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay, phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới.

mới. *Năm là*, Đảng ta nhất quán quan điểm: “Vừa tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính”<sup>1</sup>, “cơ bản, lâu dài”<sup>2</sup>.

Trên cơ sở đó, Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, với những nội dung chính như sau:

*Thứ nhất*, tăng cường công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác cán bộ và phòng, chống tham nhũng, nhất là các quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; về nêu gương, kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật đảng; về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân; về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Nội chính Trung ương - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo...

*Thứ hai*, khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách và quy định pháp luật là nguyên nhân phát sinh tiêu cực, tham nhũng, nhất là ở những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, như: quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; thu, chi ngân sách; đầu tư xây dựng (bao gồm cả đầu tư công

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.522.

2. Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

và đầu tư theo hình thức BT, BOT); tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan; các chế độ, định mức, tiêu chuẩn...

*Thứ ba*, gỡ bỏ các rào cản, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân, như: cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức quản lý; ngăn chặn, giảm thiểu những biểu hiện nhũng nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp; tạo lập môi trường minh bạch, cung cố niềm tin, thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích doanh nghiệp phát triển.

*Thứ tư*, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng nói chung, pháp luật về phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nói riêng sát với thực tiễn của Việt Nam và phù hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như: Luật phòng, chống tham nhũng; Bộ luật hình sự; Luật tố cáo; Luật giám định tư pháp...).

*Thứ năm*, hoàn thiện cơ chế để bảo vệ, khuyến khích người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự kiểm tra phát hiện, xử lý tham nhũng, cũng như bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng.

*Thứ sáu*, kiểm soát việc xây dựng chính sách, pháp luật để hạn chế sự tác động tiêu cực của “nhóm lợi ích”, “sân sau”, “tư duy nhiệm kỳ”, ngăn chặn nguy cơ nảy sinh tham nhũng ngay từ khi xây dựng chính sách.

Kết quả là, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành gần 90 văn bản (10 nghị quyết, 9 chỉ thị, 30 quy định, 15 kết luận, thông báo kết luận; 11 quyết định, 4 kế hoạch, 8 hướng dẫn); Quốc hội ban hành 63 luật, pháp

lệnh, 66 nghị quyết; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 607 nghị định, 530 nghị quyết, 195 quyết định; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

Tất cả tạo thành một chỉnh thể thống nhất, đồng bộ, vừa để giáo dục, phòng ngừa, vừa là căn cứ để phát hiện và xử lý tham nhũng; giúp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

## **2. Phòng, chống tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán**

Đây được xem là “kênh” hữu hiệu để *phát hiện tham nhũng*; được xác định trên các cơ sở: *Một là*, từ vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát: “Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng”. “Lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo”<sup>1</sup>. *Hai là*, từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng cho thấy, trong thời gian tương đối dài, công tác kiểm tra, đôn đốc các khâu, các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm chưa được thường xuyên<sup>2</sup>; việc tự kiểm tra, phát hiện tham

---

1. Theo điểm 1.1, khoản 1, mục I Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

2. Xem Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 3 của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 13-TB/BCĐTW, ngày 23/7/2013 của Ban Chỉ đạo).

những trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn hạn chế; số vụ tham nhũng được phát hiện, xử lý qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra còn ít, chưa tương xứng với thực trạng tình hình tham nhũng đang diễn ra; cơ quan thanh tra tiến hành nhiều cuộc thanh tra nhưng phát hiện tham nhũng ít; việc xử lý các sai phạm, thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra còn hạn chế<sup>1</sup>; có trường hợp xử lý kỷ luật chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của vi phạm<sup>2</sup>; không ít địa phương kiểm tra, giám sát còn hình thức; chất lượng, hiệu quả còn thấp, chưa tạo được những chuyển biến căn bản, đủ sức để giáo dục, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tiêu cực trong nội bộ Đảng<sup>3</sup>... Ba là, Đảng ta nhất quán quan điểm “Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có hành vi tham nhũng”<sup>4</sup>, với các phương châm “Giám sát phải mở rộng”; “Kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”; “Trị bệnh cứu người”, “Kỷ luật một vài người để cứu muôn người”<sup>5</sup>.

---

1. Xem Ban Nội chính Trung ương: *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn 30 năm đổi mới về phòng, chống tham nhũng (1986 - 2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

2. Xem Tờ trình số 05-TTr/BCĐTW, ngày 26/6/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

3. Xem Thông báo kết luận số 156-TB/TW, ngày 01/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X “Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”.

4. Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị, *Tlđd*.

5. Báo cáo số 176-BC/BCĐTW, ngày 26/7/2018 của Ban Chỉ đạo, *Tlđd*.

Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán để phòng, chống tham nhũng như sau:

*Thứ nhất, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp chú trọng:* (1) Chỉ đạo, lựa chọn đối tượng, lĩnh vực, địa bàn phức tạp, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, những vấn đề bức xúc mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm để tiến hành kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý (như rà soát, nắm tình hình hoạt động tín dụng nhằm phòng ngừa và hạn chế phát sinh tiêu cực, tham nhũng tại một số ngân hàng thương mại có vốn nhà nước); (2) Tăng cường giám sát và tập trung kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; (3) Kết luận, làm rõ vi phạm, kỷ luật nghiêm minh, chính xác, kịp thời tổ chức đảng, đảng viên sai phạm do tham nhũng, cố ý làm trái; (4) Đảm bảo đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng và kỷ luật theo pháp luật của Nhà nước; là tiền đề để các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát xử lý tiếp.

*Thứ hai, ngành thanh tra, kiểm toán tập trung:* (1) Thanh tra, kiểm toán các lĩnh vực có nhiều dư luận, dễ phát sinh sai phạm, tiêu cực, tham nhũng, như: công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai, chuyển đổi nhà, đất công có vị trí đặc địa; đầu tư xây dựng cơ bản; tài nguyên khoáng sản; các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT; việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý và sử dụng vốn, tài sản của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài; công tác cán bộ; lĩnh vực giáo dục, y tế...; (2) Làm rõ sai phạm, kiến nghị, xử lý các tổ chức, cá nhân có liên quan, thu hồi tài sản cho Nhà nước; nhất là tại

các dự án gây thất thoát, thua lỗ lớn, kéo dài, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

*Thứ ba*, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các chủ thể kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán về phòng, chống tham nhũng (như kiểm tra, rà soát tổng thể các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các đoàn kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo...).

*Thứ tư*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu cấp ủy trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; tăng cường trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo trong việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi địa bàn, lĩnh vực, chuyên đề được phân công theo dõi, phụ trách.

*Thứ năm*, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phát hiện và xử lý tham nhũng của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng; đưa công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán về phòng, chống tham nhũng; công tác kiểm tra, giám sát việc thanh tra, xử lý vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án tham nhũng, lãng phí vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra và ban nội chính các cấp.

*Thứ sáu*, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhất là giám sát đối với việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan và người có trách nhiệm, thẩm quyền.

*Thú bảy*, chủ động thông tin về kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm.

*Thứ tám*, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán phải bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng chéo, hình thức, gây phiền hà cho địa phương, cơ sở, doanh nghiệp; đồng thời, thiết lập cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với các chủ thể kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán (nếu có lỗi) trong trường hợp sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán mà cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện ra vụ việc tham nhũng tại nơi đã tiến hành kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán về cùng một nội dung.

Kết quả là từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay: (1) Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 1.112 tổ chức đảng và 72.838 đảng viên, trong đó có hơn 2.374 cán bộ, đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái; (2) Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy có thẩm quyền đã xử lý kỷ luật gần 80 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 19 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 22 sĩ quan cấp tướng trong Công an, Quân đội; (3) Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tổ chức 15 đoàn kiểm tra, giám sát việc thanh tra vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế tại 34 địa phương; 5 đoàn kiểm tra về công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế tại 7 bộ, ngành và 9 địa phương; (4) Qua thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính gần 455 ngàn tỉ đồng và hơn 8.100ha đất; kiến nghị xử lý

trách nhiệm đối với 7.899 tập thể và nhiều cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý 409 vụ, 602 đối tượng<sup>1</sup>...

Qua đó có sức cảnh báo, răn đe mạnh mẽ, tác dụng lớn trong việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước; đồng thời, nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng, nhất là trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng.

### **3. Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, kinh tế**

Đây là nhiệm vụ, giải pháp mang tính quyết định thành công của công tác phòng, chống tham nhũng; được xác định trên các cơ sở: *Một là*, từ quan niệm truyền thống của người Việt Nam “đòn đau nhớ đời”. *Hai là*, từ thực tiễn đấu tranh chống tham nhũng cho thấy, trong một thời gian dài, công tác phát hiện, xử lý tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu; số vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện còn ít (nhất là tự phát hiện trong nội bộ); một số vụ việc xử lý còn kéo dài, chưa nghiêm (trong đó có cả nguyên nhân do quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng còn khác nhau); công tác phát hiện, xử lý tham nhũng ở cơ quan, địa phương chưa mạnh, còn nhiều hạn chế<sup>2</sup>; khâu điều tra, giám định tư pháp chậm,

---

1. Xem: Dự thảo Báo cáo kiểm điểm kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, ngày 08/01/2020.

2. Xem kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 11 của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 40-TB/BCĐTW, ngày 10/01/2017 của Ban Chỉ đạo).

cho hưởng án treo không đúng<sup>1</sup>; công tác thu hồi tài sản tham nhũng đạt kết quả thấp, gây tâm lý bức xúc và hoài nghi trong xã hội về quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước ta<sup>2</sup>... *Ba là*, quan điểm nhất quán của Đảng là “*Kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời* những người có hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí; *không có vùng cấm, vùng trống, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, bất kể* người đó là ai”<sup>3</sup>; “trong quá trình xử lý các vụ việc, vụ án, lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm,..., không buông lỏng lãnh đạo nhưng cũng không bao biện, làm thay, không can thiệp vào công việc của các cơ quan chức năng”<sup>4</sup>...

Trên cơ sở đó, công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, kinh tế được Đảng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện như sau:

*Thứ nhất*, đẩy nhanh tiến độ, xử lý dứt điểm, nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận xã hội quan

1. Xem Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 7 của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 116-TB/BCĐTW, ngày 14/5/2015 của Ban Chỉ đạo).

2. Xem Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”.

3. Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị, *Tlđd*.

4. Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 3 của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 32-TB/BCĐTW, ngày 08/01/2014 của Ban Chỉ đạo).

tâm, nhất là vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế còn tồn đọng, kéo dài, chưa xử lý dứt điểm, với phương châm “*tài liệu chắc đến đâu xử lý đến đó, sau đó điều tra, xử lý tiếp nhằm giải quyết kịp thời những bức xúc của xã hội, tạo sự lan tỏa và thúc đẩy công tác phát hiện, xử lý tham nhũng*”.

Thứ hai, chú trọng áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của pháp luật để kịp thời phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

Thứ ba, thiết lập các cấp độ theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm (gọi tắt là án ba cấp độ), gồm: Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo; Ban Nội chính Trung ương theo dõi, đôn đốc; tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo xử lý (gọi tắt tương ứng là án cấp độ 1, 2, 3); đồng thời, mở rộng phạm vi vụ việc, vụ án đưa vào diện cấp độ 1, 2 theo hướng “có dấu hiệu tham nhũng” mà không cần thiết chờ đến khi kết luận có tham nhũng.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị chức năng trong phát hiện, xử lý tham nhũng, qua việc thiết lập các cơ chế: (1) Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa các cơ quan chức năng về phòng, chống tham nhũng; (2) Cơ chế giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa các cơ quan chức năng trong quá trình xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; (3) Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan truy tố, xét xử ở Trung ương và địa phương trong ủy quyền công tố và kiểm sát xét xử so thẩm các vụ án kinh tế, tham nhũng; (4) Cơ chế trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị chức năng cấp vụ, cục để đánh giá về tiến độ, kết quả xác minh, điều tra, truy tố, xét xử và những khó khăn, vướng mắc phục vụ công tác tham

mưu, để xuất chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án; (5) Cơ chế phối hợp xử lý đối với đối tượng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm pháp luật được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; (6) Thành lập tổ công tác liên ngành để tập trung chỉ đạo đối với một số vụ việc, vụ án có nhiều khó khăn, vướng mắc trong thanh tra, kiểm toán, xác minh, xử lý, điều tra, truy tố, xét xử và thu hồi tài sản; (7) Tăng cường hợp tác có hiệu quả với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong việc xử lý tội phạm tham nhũng.

*Thứ năm*, áp dụng kịp thời các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng ngay trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm minh những cán bộ không tích cực thu hồi hoặc cản trở hoạt động thu hồi tài sản tham nhũng.

*Thứ sáu*, xác định trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng về tiến độ, kết quả xử lý các vụ việc, vụ án.

*Thứ bảy*, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc (“tham nhũng vặt”).

Kết quả là, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm 1.053 vụ án/2.438 bị cáo về các tội tham nhũng. Đối với các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đã kết thúc điều tra, truy tố và đưa ra xét xử sơ thẩm 53 vụ án/550 bị cáo, cụ thể tòa án đã tuyên: 3 bị cáo án tử hình; 11 bị cáo với 12 án tù chung thân (trong đó có 1 bị cáo bị tuyên 2 án tù chung thân); 6 bị cáo án tù 30

năm; 490 bị cáo tù có thời hạn từ 12 tháng đến 30 năm (trong đó phạt tù cho hưởng án treo 114 bị cáo); cải tạo không giam giữ 15 bị cáo; phạt tiền 24 bị cáo, trong đó, có nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, mở rộng điều tra, xử lý triệt để; đã đặc biệt quan tâm công tác thu hồi tài sản tham nhũng, chú trọng xác minh, áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của các đối tượng phạm tội ngay từ giai đoạn điều tra; động viên, khuyến khích người phạm tội tự thú, tự nguyện giao nộp tài sản tham nhũng, do vậy, việc kê biên và thu giữ tài sản trong nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế đạt khá cao; trong giai đoạn thi hành án có bước chuyển biến tích cực. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng ở các địa phương có nhiều tiến bộ, khắc phục dần tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”; loại trừ “tham nhũng vặt” được quan tâm chỉ đạo, tạo chuyển biến bước đầu trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên.

Đây là bước đột phá rất quan trọng, chưa từng có trong công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, thể hiện quyết tâm chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các mặt công tác nêu trên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập và đối diện với thách thức như sau:

*Thứ nhất*, cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội trên một số lĩnh vực vẫn còn nhiều sơ hở, chưa phù hợp với thực tiễn, dễ bị lợi dụng để tham nhũng; nhiều định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật lạc hậu, chưa sát với thực tế, là nguy cơ dẫn đến tham nhũng; thể chế về phòng, chống tham nhũng chưa chặt chẽ, đủ mạnh, nhất là trên các

lĩnh vực: quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; thu, chi ngân sách; đầu tư, mua sắm công; tài chính, ngân hàng; quản lý doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp; kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập.

Các quy định để phòng, chống tham nhũng trong công tác cán bộ vẫn còn thiếu và việc thực hiện có mặt chưa nghiêm; chưa có đủ quy định để kiểm soát quyền lực, chưa có chế tài đủ mạnh để kiểm soát quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn. Chưa có quy định cụ thể và thiếu kiên quyết trong điều chuyển, thay thế cán bộ có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp. Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng chưa mạnh; kiểm soát tài sản, thu nhập, tặng quà, nhận quà chưa chặt chẽ; việc công khai, minh bạch trong hoạt động các cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị còn chưa được thực hiện nghiêm; chưa có giải pháp hữu hiệu để phòng, chống các “nhóm lợi ích”, “doanh nghiệp sân sau”...

*Thứ hai*, công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị vẫn là khâu yếu; qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện nhiều sai phạm, nhưng số vụ việc chuyển cơ quan điều tra để xử lý còn thấp.

Hoạt động giám sát của cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp về phòng, chống tham nhũng hiệu quả chưa cao. Việc khuyến khích và bảo vệ tổ chức, cá nhân tích cực tham gia phát hiện, tố cáo tham nhũng chưa được thực hiện tốt trong thực tế.

Vẫn còn để xảy ra sai phạm, tham nhũng trong các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng và cơ quan bảo vệ pháp luật; người dân còn thiếu lòng tin vào sự trong sạch

của một bộ phận cán bộ trong các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng.

*Thứ ba*, công tác giám định, định giá tài sản phục vụ cho xử lý tham nhũng tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn chậm, nhiều bất cập. Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng vẫn còn thấp so với số tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại; trong một số vụ án, vụ việc vẫn còn để xảy ra tình trạng có đối tượng bỏ trốn, tẩu tán tài sản ra nước ngoài.

*Thứ tư*, công tác phòng, chống tham nhũng ở một số bộ, ngành, địa phương chưa có sự chuyển biến rõ rệt; việc phát hiện, xử lý tham nhũng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, đòi hỏi lộ trong quá trình giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp (“tham nhũng vặt”) chưa được ngăn chặn. Tham nhũng trên nhiều lĩnh vực còn nghiêm trọng, phức tạp, với biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội; tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Thời gian tới, để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng cần chú trọng những nhiệm vụ và giải pháp sau<sup>1</sup>:

*Một là*, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phòng, chống tham nhũng, tạo hành lang chính trị, pháp lý hoàn chỉnh, đồng bộ, bảo đảm

---

1. Xem Báo cáo chuyên đề số 346-BC/BNCTW, ngày 19/11/2019 của Ban Nội chính Trung ương “Về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay; nhiệm vụ, giải pháp công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng nhiệm kỳ 2021 - 2025”.

công tác phòng, chống tham nhũng có hiệu lực, hiệu quả; thiết lập một cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng”. Cụ thể:

- Khẩn trương rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ; hình thành hệ thống các quy chế nội bộ, các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức áp dụng đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức, liêm chính, gương mẫu đi đầu trong phòng, chống tham nhũng. Hoàn thiện các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu khi thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; quy định về ngăn chặn những người có chức, có quyền lợi dụng cương vị công tác để trực lợi; quy định về cho thôi, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; quy định về điều chuyển, thay thế cán bộ khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; quy định về xử lý kỷ luật, về những điều cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức không được làm, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính của Nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế quy định trách nhiệm và bảo vệ, khuyến khích mạnh mẽ người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự kiểm tra phát hiện, xử lý tham nhũng và cơ chế bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng; đồng thời xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm khắc phục những sơ hở trong quản lý kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham

nhũng. Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng chính sách, pháp luật để hạn chế sự tác động tiêu cực của “nhóm lợi ích”, “sân sau”, ngăn chặn nguy cơ nảy sinh tham nhũng ngay từ khi xây dựng chính sách. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về chuyển đổi vị trí công tác, tặng quà và nhận quà tặng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức. Kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng để chuyển mạnh và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; từ đó hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng”.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác thi hành pháp luật, nhất là thực hiện có hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng mới ban hành.

*Hai là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, nhằm phát hiện, ngăn chặn sớm sai phạm. Cụ thể:

- Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải được tiến hành một cách thường xuyên, toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ, trong đó giám sát diện rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường quản lý, giám sát thường ngày đối với đảng viên, công chức và cán bộ lãnh đạo để kịp thời phát hiện, giải quyết từ sớm, ngăn chặn từ đầu sai phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm những cán bộ nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tập trung kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán những nơi có vấn đề

phức tạp, các lĩnh vực nhạy cảm, dễ nảy sinh tiêu cực, có nhiều dư luận, thông tin, phản ánh, tố cáo về tham nhũng.

- Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng; nhất là giám sát đối với việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan và người có trách nhiệm, thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng nói chung, trong xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nói riêng.

- Các cơ quan chức năng phải có các giải pháp phù hợp, thuận lợi, an toàn để khuyến khích và kịp thời xử lý thông tin do người dân phát hiện, phản ánh, báo cáo, tố cáo tham nhũng.

*Ba là*, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thoát khỏi trong các vụ án. Cụ thể:

- Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, kinh tế đã khởi tố, chú trọng phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng mới theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt hơn nữa trong phát hiện, xử lý tham nhũng ở địa phương, cơ sở, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” trong phòng, chống tham nhũng.

- Khi đã xảy ra tham nhũng thì phải xử lý kiên quyết, nghiêm minh, kịp thời, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không có ngoại lệ, không chịu sự tác động không đúng của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Xử lý nghiêm cả những người bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng.

- Chú trọng truy tìm, kịp thời áp dụng các biện pháp kê biên, tạm giữ tài sản, phong tỏa tài khoản và xử lý tài sản

tham nhũng ngay trong quá trình thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; khuyến khích người phạm tội tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan tư pháp của các nước, các tổ chức quốc tế để truy bắt, dẫn độ số đối tượng phạm tội tham nhũng lẩn trốn, chuyển giao tài liệu, chứng cứ và thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài.

Bên cạnh đó là các nhiệm vụ, giải pháp khác để bảo đảm tính toàn diện và đồng bộ trong công tác phòng, chống tham nhũng, như: Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nhân để “không muốn tham nhũng”. Cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở, chính sách đãi ngộ hợp lý, bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức để “không cần tham nhũng”. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng...

## **NHỮNG THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG**

PGS.TS. LÂM QUỐC TUẤN\*

ThS. LÊ HOÀNG TRANG\*\*

**C**ông tác dân vận là một mặt công tác cơ bản của Đảng, góp phần quan trọng vào việc củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, công tác dân vận cần được tiếp tục đẩy mạnh, thực sự là cầu nối giữa “ý Đảng” với “lòng dân”, phát huy sức dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”<sup>1</sup>. Thẩm nhuần tư tưởng của Người, qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đều có các nghị quyết chuyên đề về dân vận để định hướng lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác này. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã ban hành Nghị quyết

\*; \*\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.234.

số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 25). Nghị quyết đã được các cấp, các ngành, các tổ chức, lực lượng quán triệt, tổ chức thực hiện, với nhiều cách làm hay, sáng tạo và mang lại hiệu quả thiết thực.

### **1. Những thành tựu cơ bản trong lãnh đạo công tác dân vận của Đảng**

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng luôn quan tâm công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, xây dựng, củng cố lòng tin, mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân. Những thành tựu trong công tác dân vận của Đảng thời gian qua được thể hiện trên nhiều mặt:

*Một là*, Đảng có nhiều chủ trương, nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác dân vận và liên quan đến đời sống của nhân dân. Trong tất cả các kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn dành một vị trí quan trọng cho công tác dân vận. Đặc biệt từ Đại hội lần thứ VI đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra hai nghị quyết chuyên đề về công tác dân vận: Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI năm 1990 “Đổi mới công tác quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” và Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”. Đây là hai nghị quyết chuyên đề rất quan trọng, giải quyết những vấn đề cơ bản nhất về quan điểm, đường lối, nội dung, phương thức

công tác vận động nhân dân và giải pháp tăng cường công tác vận động nhân dân trong giai đoạn cách mạng mới. Ngoài ra, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị còn ra nhiều nghị quyết, quyết định về công tác mặt trận, công tác vận động các đối tượng khác nhau... Quốc hội, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, hướng dẫn liên quan đến công tác vận động nhân dân, nhằm cụ thể hóa, luật hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận.

*Hai là*, nội dung, phương thức công tác dân vận của Đảng, các cấp ủy đảng đã có nhiều đổi mới, bám sát nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Nội dung công tác dân vận đã tập trung giải quyết những vấn đề cụ thể như xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là tập trung đầu tư, ưu tiên cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... Gắn tuyên truyền với giải quyết vấn đề lợi ích, gắn việc tập hợp, thu hút các tầng lớp nhân dân với các dự án kinh tế - xã hội, với củng cố các tổ chức và hoạt động của các đoàn thể. Hình thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể khá đa dạng, phong phú, gắn với đặc điểm đối tượng và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

*Ba là*, phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới theo hướng tôn trọng tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động, phát huy vai trò đại diện, đề cao chức năng tham mưu của Mặt trận và các đoàn thể. Cùng với việc lãnh đạo chặt chẽ Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ

thống chính trị, Đảng cũng rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội tham gia công tác tuyên truyền, vận động, thu hút, tập hợp nhân dân, chăm lo cho nhân dân.

*Bốn là,* hệ thống tổ chức bộ máy công tác dân vận ngày càng hoàn thiện. Chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân vận ngày càng được nâng cao.

Ngay từ khi mới được thành lập, trong điều kiện hoạt động rất nguy hiểm, khó khăn, thiếu thốn, các đảng viên của Đảng đã lăn lộn trong phong trào quần chúng nhân dân, thực hiện “vô sản hóa”, “ba cùng” với nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân bảo vệ, che chở, giúp đỡ. Đảng cử những đồng chí có uy tín, phẩm chất, năng lực, gắn bó với quần chúng nhân dân, trưởng thành từ phong trào quần chúng phụ trách công tác dân vận của Đảng. Hệ thống bộ máy, tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, vận động quần chúng ngày càng được hoàn thiện, hoạt động ngày một nền nếp, hiệu quả. Ngày 29/3/1976, sau khi nước nhà được thống nhất, đất nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, Bộ Chính trị khóa IV đã ban hành Nghị quyết số 249-NQ/TW về việc thành lập Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương. Cơ quan này vừa làm tham mưu cho Trung ương Đảng về công tác dân vận và mặt trận, vừa là Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ đó, Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quyết định... để tiếp tục hoàn thiện, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, củng cố, tăng cường bộ máy cán bộ của ban dân vận cấp ủy các cấp. Đến nay, hệ thống dân vận trong cả nước từ Trung ương đến

cơ sở đã khá đồng bộ, được kiện toàn, tăng cường cả về tổ chức, bộ máy, biên chế cán bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 15/7/2002, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Quyết định số 38-QĐ/TW “Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương”. Quyết định của Bộ Chính trị khẳng định: Ban Dân vận Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận. Điều này một lần nữa khẳng định sự quan tâm của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình hiện nay và trách nhiệm nặng nề nhưng rất vinh quang của đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận trong cả nước.

## **2. Những kinh nghiệm của Đảng được đúc kết trong lãnh đạo công tác dân vận**

Trải qua 90 năm xây dựng và trưởng thành, công tác dân vận của Đảng đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng nói chung và công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, để lại nhiều bài học kinh nghiệm sống động và sâu sắc, đó là:

*Thứ nhất, cần phải nhận thức “đúng” và “trúng” về vị trí, vai trò của nhân dân.*

Chủ nghĩa Mác - Lê nin xác định vị trí, vai trò của nhân dân ở một tầm cao mới khi khẳng định nhân dân là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và những giá trị tinh thần - nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Nhân dân là lực lượng cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Động lực của những cuộc cải biến, những cuộc cách

mạng ấy lại là các lợi ích. Theo C. Mác, tất cả cái gì mà con người đấu tranh để giành lấy đều dính liền với lợi ích của họ. V.I. Lê nin nhấn mạnh: Lợi ích thiết thân của cá nhân người lao động là cơ sở để xây dựng nền kinh tế. Sức mạnh của quần chúng nhân dân khi họ được tổ chức lại là vô địch. Muốn có sức mạnh, nhân dân phải thống nhất ý chí, phải đoàn kết, phải có tổ chức.

Khi vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tin tưởng, đánh giá đúng đắn lực lượng cách mạng to lớn của nhân dân nói chung, mà còn nhìn nhận, xác định những lực lượng cách mạng nhất trong quần chúng nhân dân, đó là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân. Nhân dân cần Đảng dẫn đường. Đảng Cộng sản Việt Nam phải là tổ chức chính trị có mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, kính trọng. Nhân dân cần Đảng dẫn đường; để nhân dân biết làm cách mạng thì trước hết phải “làm cho dân giác ngộ”<sup>1</sup>, “phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”<sup>2</sup>; phải tập trung sức mạnh của nhân dân thành khối thống nhất - muốn làm được những điều đó thì “phải có đảng cách mệnh”<sup>3</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở Đảng phải “biết ý kiến dân chúng”, “học dân chúng”, “nâng cao dân chúng”. Trong *Di chúc*, Người nhấn mạnh: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>4</sup>.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.288, 289.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622.

Đối với Đảng, trải qua đấu tranh thực tiễn, đòi hỏi phải phát huy cao độ tính tự giác và vai trò sáng tạo của quần chúng; đồng thời cũng tạo ra những tiền đề khách quan để phát huy vai trò ấy. Xuất phát từ những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Đảng ta từng bước nhận thức một cách sâu sắc rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, cách mạng muốn thành công phải dựa vào sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân là truyền thống quý báu của dân tộc ta, của nhân dân ta, là một tư tưởng lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra, đồng thời là đường lối chiến lược và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Đại đoàn kết toàn dân đã trở thành cội nguồn sức mạnh và động lực to lớn để Đảng ta lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trở thành nhân tố quan trọng tạo ra sự ổn định xã hội và thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Đại đoàn kết dân tộc là khối đại đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc trong cả nước; giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp; giữa đảng viên của Đảng và quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại đoàn kết dân tộc là nhằm phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, đưa cả cộng đồng dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong công cuộc đổi mới, khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được giữ vững và có những bước phát triển, mở rộng hơn, có nội dung phong phú và đa dạng hơn. Quyền làm chủ của quần chúng nhân dân ngày càng được tôn trọng và phát huy, nhân dân ta ngày càng vững tin vào công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo. Tuy nhiên, việc xây

dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc còn có những hạn chế, khuyết điểm và đang đứng trước những thử thách mới. Nhiều vấn đề mới của xã hội đang nảy sinh và tích tụ không thể xem nhẹ, như sự suy giảm lòng tin ở một bộ phận nhân dân vào Đảng, vào Nhà nước và chế độ; sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí; công tác dân vận bị xem nhẹ... Mặt khác, các thế lực thù địch đang lợi dụng những sơ hở của chúng ta để khoét sâu mâu thuẫn xã hội, chia rẽ và phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và thâm độc, như thông qua các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng sử dụng nhiều hình thức, từ tuyên truyền, vu khống đến việc tổ chức móc nối, gây dựng cơ sở phản động, nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây mất ổn định chính trị - xã hội, tiến tới bạo loạn, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ra sức hoạt động chống phá sự thống nhất đất nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo cơ hội cho sự can thiệp từ bên ngoài.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta cần xác định rõ tầm quan trọng đặc biệt của khối đại đoàn kết dân tộc và nâng sức mạnh đó lên tầm cao mới trong tiến trình đổi mới đất nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội để thực hiện được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Thứ hai, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phải là một người làm công tác dân vận.*

Có thể nói, thực tiễn công tác dân vận của Đảng ta 90 năm qua, nhất là giai đoạn năm chính quyền thì hiệu quả của công tác cải cách hành chính, công tác tiếp dân, giải

quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị chính đáng của nhân dân phụ thuộc vào công tác dân vận của chính quyền các cấp, nhất là chính quyền cơ sở và việc xây dựng đội ngũ công chức có phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”<sup>1</sup>. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, nắm bắt tình hình nhân dân, đặt mình vào vị trí của người dân; các cấp, các ngành phải phối hợp chặt chẽ, thống nhất quan điểm, giải quyết kịp thời các bức xúc của nhân dân.

Trong bài *Dân vận*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt câu hỏi “Ai phụ trách dân vận?”<sup>2</sup> và Người chỉ ra rằng: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân... *đều phải phụ trách dân vận*”<sup>3</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn thể cán bộ, công chức đối với nhân dân: “Cán bộ đoàn thể cũng như chính quyền, từ trên xuống dưới, đều là đài tổ của nhân dân, phải xem trọng ý kiến của nhân dân”<sup>4</sup>. Nghị quyết Trung ương 8 khóa VI “Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” chỉ rõ: “*Công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể...* Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình”<sup>5</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.62, tr.37.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.414.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.50, tr.84.

*độ lên chủ nghĩa xã hội* xác định: “xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”<sup>1</sup>. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”<sup>2</sup>. Điều 8, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng”. Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg, ngày 21/9/2000 của Thủ tướng Chính phủ “Về tăng cường công tác dân vận” cũng nêu rõ: “Bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dân là người thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của Chính phủ, đoàn thể, nên dân phải được hiểu biết, bàn bạc và giám sát, do đó không chỉ có mặt trận, các đoàn thể mà chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương cũng phải làm công tác dân vận”.

Chính quyền các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước, có nhiệm vụ quản lý hành chính trên địa bàn, đồng thời có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.453.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.219.

trách nhiệm động viên, vận động nhân dân, mọi thành phần kinh tế phát huy vai trò làm chủ của mình, đem tài năng, vốn liếng, sức lực xây dựng địa phương giàu mạnh. Do đó, để thực hiện được nhiệm vụ chính trị của địa phương, hệ thống chính quyền cần phải tăng cường công tác vận động nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, kiên quyết chống thói quan liêu, cửa quyền, lạm quyền, hạch sách, nhũng nhiễu người dân trong quá trình thừa hành nhiệm vụ. Cung cách hành xử thiếu tôn trọng dân, hống hách, cửa quyền của một bộ phận cán bộ, nhân viên của chính quyền đã khiến người dân có suy nghĩ lệch lạc, giảm sút lòng tin vào bộ máy chính quyền.

Cán bộ, công chức chính quyền làm công tác dân vận phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ về tầm quan trọng của công tác dân vận; sâu sát, chú ý lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhân dân, coi trọng việc vận động, thuyết phục, chịu khó tiếp xúc, tìm hiểu đời sống, tâm tư, chú trọng giải quyết kịp thời những nguyện vọng, bức xúc chính đáng của người dân. Các bộ phận, cơ quan, các ngành chức năng của Nhà nước có quan hệ với dân như: tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính, công an, thuế, lao động - thương binh và xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, xây dựng... cần tổ chức quán triệt, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức về công tác dân vận gắn với học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, làm cho đội ngũ cán bộ, công chức có ý thức tự rèn luyện về phẩm chất đạo đức, tích cực học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ, công vụ được giao, tận tụy phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân,

liên hệ chặt chẽ với nhân dân, có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

*Thứ ba, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trên các lĩnh vực đời sống xã hội; các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án đầu tư liên quan đến lợi ích của nhân dân thì công tác dân vận phải được tham gia ngay trong tất cả giai đoạn triển khai, tạo được sự đồng thuận trong xã hội.*

Trong giai đoạn hiện nay, để tăng cường công tác dân vận của Đảng thì bài học kinh nghiệm sâu sắc trong thực tiễn đã chứng minh là các cơ quan nhà nước phải thật sự phát huy dân chủ, thực hiện tốt, nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở theo hướng mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong đó, cấp ủy các cấp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là chính quyền cơ sở ở xã, phường, thị trấn.

Những năm qua, cấp ủy các cấp đã tích cực, chủ động tham gia vào việc chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, từ đó, góp phần tạo chuyển biến quan trọng trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát huy dân chủ, xây dựng chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, thể hiện rất rõ nét trong công tác tuyên truyền về Quy chế dân chủ ở cơ sở và triển khai thực hiện ở xã, phường, trong các cơ quan nhà nước. Việc tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, người sử dụng lao động, người lao động được chú trọng. Các đơn vị cũng tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với kiểm tra về công tác

chuyên môn. Đồng thời, thường xuyên tổ chức đối thoại, lắng nghe ý kiến của đoàn viên, hội viên và nhân dân, đặc biệt là những vấn đề nhân dân quan tâm, như: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, chính sách đất đai, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số,...

Nhận thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của công tác dân vận, trước yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới đòi hỏi phải tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân vận, và đây cũng là một trong những biện pháp để Đảng ta tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, biến lời nói thành hành động. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã từng bước đi vào nền nếp; qua đó, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

*Thú tư, hết sức coi trọng việc tập hợp nhân dân vào các tổ chức, hội quần chúng và đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Đồng thời, gắn chặt công tác dân vận với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.*

Đảng ta chỉ rõ: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Công tác dân vận là nhiệm vụ chiến lược, phải được tiến hành thường xuyên trong mọi hoàn cảnh, mọi địa bàn, đối với tất cả các tầng lớp nhân dân. Nội dung, phương thức vận động nhân dân phải xuất phát và phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng; với đặc điểm, lợi ích, trình độ và khả năng của mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội. Phải khơi dậy phong trào cách mạng của quần chúng để thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối, chính sách và củng cố phong trào quần chúng mà Đảng, Nhà nước kiểm định lại chủ trương, đường lối, chính sách.

Cơ cấu giai tầng trong xã hội nước ta hiện nay đang có sự biến đổi mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; cơ cấu dân cư cũng có những thay đổi lớn. Cơ cấu của giai cấp nông dân có xu hướng giảm dần trong khi giai cấp công nhân ngày càng tăng nhanh, nhất là trong các loại hình doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, các ngành dịch vụ, du lịch. Độ ngũ trí thức ngày càng trở nên đông đảo, trình độ không ngừng nâng cao. Từ thực tế đó phải có nhiều hình thức mới phù hợp nhằm tập hợp các đối tượng thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội quần chúng... với phương châm tự nguyện và vì lợi ích thiết thân của họ.

Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân những năm đổi mới được cải thiện và nâng lên rõ rệt, song nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đời sống nhân dân vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Sự phân hóa giàu - nghèo diễn ra mạnh mẽ không chỉ ở nông thôn - thành thị, tinh ly - biên giới - vùng cao mà diễn ra ngay trong nội

bộ Đảng, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhà nước. Sự chênh lệch về mức sống và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư khá rõ nét. Điều đó tác động không nhỏ tới tư tưởng, tâm trạng của quần chúng. Vì vậy, các hình thức, phương pháp công tác dân vận phải đa dạng, phong phú, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện đối tượng cụ thể, với nhiều cấp độ khác nhau để tập hợp mọi đối tượng quần chúng, tạo ra các phong trào thi đua trong nhân dân. Có như vậy mới phát huy được khả năng sáng tạo phong phú của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận, đoàn thể phải nắm chắc chủ trương, nghị quyết của Đảng, bám sát đối tượng, địa bàn, nắm chắc tâm tư, tình cảm của nhân dân, đối thoại trực tiếp với dân, nhất là những vấn đề liên quan mật thiết tới đời sống, lợi ích của nhân dân. Đồng thời, thông qua triển khai nghị quyết có thể lắng nghe phản hồi từ cuộc sống, tổng kết sáng kiến của nhân dân để nghị quyết không rời vào lý thuyết, giáo điều mà thực sự sát với nguyện vọng của nhân dân và nhu cầu của cuộc sống.

Hướng đổi mới là đa dạng hóa nội dung, phương thức hoạt động để tập hợp quần chúng, các đoàn thể cần hướng mạnh về cơ sở, sát đoàn viên, hội viên và quần chúng, khắc phục lối làm việc hành chính, hình thức. Gắn thực hiện nhiệm vụ chính trị với chăm lo lợi ích, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân là chất keo gắn kết đoàn viên, hội viên với tổ chức. Tăng cường giáo dục đoàn viên, hội viên tự giác chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết và điều lệ hội. Xây

dựng Mặt trận, các đoàn thể vững mạnh, là cầu nối giữa nhân dân với Đảng và chính quyền.

\*  
\*      \*

Lịch sử công tác dân vận của Đảng ta đã chứng minh, công tác dân vận thực sự góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính quyền trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Chỉ dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, thì Nhà nước mới phát huy được bản chất cách mạng, hiệu lực quản lý, nhân dân mới thực hiện được quyền làm chủ của mình. Để thực hiện được như vậy, cả hệ thống chính trị phải trong sạch, vững mạnh, trong một cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Đồng chí HẦU A LÊNH\*

**K**ế thừa, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã chủ trương đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ trong một Mặt trận dân tộc thống nhất để cùng nhau chống kẻ thù chung vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Giữa lúc cao trào cách mạng đầu tiên do Đảng lãnh đạo mà đỉnh cao là phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh đang diễn ra sôi nổi và rầm rộ trong cả nước, ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Sự ra đời của Mặt trận gắn liền với sự ra đời của Đảng và ngay từ đầu đã định ra được những vấn đề cơ bản về chủ trương, chính sách, phương pháp để tổ chức và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rất đúng đắn và sáng tạo.

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng theo những nguyên tắc: Trên nền tảng liên minh công nông (trong xây dựng chế độ xã hội mới có thêm lao động trí thức) dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích của tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng. Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ theo phương châm đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp khác nhau của lãnh tụ Hồ Chí Minh là: “Cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung, đề cao cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt.

Chúng ta rất tự hào về truyền thống đoàn kết của dân tộc, về lịch sử vẻ vang của Mặt trận dân tộc thống nhất. Có thể khẳng định rằng, trong lịch sử cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay, không có thời kỳ nào vắng bóng tổ chức Mặt trận. Hội Phản đế đồng minh (tháng 11/1930), Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (tháng 11/1936), Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương (tháng 3/1938) và Mặt trận Việt Minh (ngày 19/5/1941) đã lần lượt ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã động viên, tổ chức các tầng lớp nhân dân đứng lên làm cách mạng, tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, giành lại độc lập dân tộc, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt đã đoàn kết quân dân đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Sau Hiệp định Giơnevơ, ở miền Bắc thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ngày 10/9/1955), ở miền Nam ra đời Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 20/12/1960) và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam

(ngày 21/4/1968) đã đoàn kết quân và dân cả nước làm tròn nhiệm vụ lịch sử vẻ vang, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi đất nước thống nhất, ngày 31/01/1977, ba tổ chức Mặt trận thống nhất lấy tên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bước vào thời kỳ đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã động viên nhân dân cả nước đoàn kết phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và đã giành được thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế, đưa đất nước bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong hơn 30 năm qua, thực hiện sự nghiệp đổi mới, thông qua phong trào thi đua yêu nước; đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”; cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”..., tình đoàn kết gắn bó giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo... ngày càng gắn bó. Sự đồng thuận xã hội ngày càng cao, các cuộc vận động phát triển xã hội, nhân đạo từ thiện ngày càng sâu rộng, thể hiện “ý Đảng, lòng Dân”, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Từ đó, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các đoàn thể nhân dân ngày càng được phát huy, tạo mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, để “Đảng gần dân, dân tin Đảng”.

Quá trình lịch sử ấy khẳng định, Mặt trận dân tộc thống nhất là vũ khí chính trị không thể thiếu được để nhân dân ta

phát huy sức mạnh tổng hợp của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại độc lập tự do và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng củng cố và mở rộng còn góp phần quan trọng xây dựng Đảng, xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân, củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Nhờ đoàn kết trong nước, chúng ta đã mở rộng và phát triển đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và hợp tác của bạn bè khắp năm châu.

Mặt trận dân tộc thống nhất là một thành tựu nổi bật của cách mạng Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là vấn đề có tính nguyên tắc, bảo đảm cho Mặt trận không ngừng được củng cố và mở rộng. Thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đi đôi với củng cố nền tảng và mở rộng sự liên hiệp là vấn đề cốt lõi có quan hệ hữu cơ với nhau trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với tính chất là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài, để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, cần chú trọng thực hiện tốt các nội dung sau:

*Một là, Mặt trận thực hiện chức năng đoàn kết bằng tổ chức và bằng phong trào của quần chúng nhân dân.*

Trong quá trình đổi mới, Mặt trận coi trọng mở rộng các tổ chức thành viên và cá nhân thành viên, coi đây là phương thức quan trọng để thực hiện chức năng đoàn kết bằng tổ

chức, thông qua tổ chức. Hoạt động của Mặt trận ngày càng tăng tính thiết thực, giảm tính hành chính, bám sát nhân dân, bám sát địa bàn cơ sở. Tiếp tục xây dựng và hỗ trợ các tổ chức, hội đoàn yêu nước có điều kiện hoạt động và phát triển.

Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện chức năng đoàn kết thông qua việc tổ chức thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức thực hiện các phong trào mang tính toàn dân. Các thành viên của Mặt trận tổ chức thực hiện các phong trào mang tính ngành, giới. Giữa Mặt trận và các tổ chức thành viên phân định rõ ràng trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các phong trào, các cuộc vận động.

Mặt trận xây dựng tiêu chuẩn đối với cá nhân tiêu biểu bảo đảm tính tiêu biểu, tính thiết thực và tính đại diện. Mặt trận lựa chọn, xây dựng cá nhân tiêu biểu, gương mẫu trong tập hợp, vận động, đoàn kết dân tộc, tôn giáo và các giai tầng xã hội. Người tiêu biểu phải được chính cộng đồng nơi họ sinh sống, làm việc suy tôn, tiến cử và ban công tác Mặt trận ở cơ sở hiệp thương, giới thiệu tham gia vào công tác của Mặt trận. Mặt trận Tổ quốc các cấp lựa chọn, đề xuất với cấp ủy về đội ngũ người tiêu biểu, phát huy vai trò của họ trên các lĩnh vực của đời sống, góp phần tích cực vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Hai là, xây dựng đoàn kết luôn gắn liền với dân chủ, kỷ cương và công bằng xã hội.*

Thực tiễn cho thấy, để huy động được sức mạnh và trí tuệ của toàn dân đóng góp cho sự nghiệp đổi mới đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trước hết phải quán triệt và thực hiện chủ trương đoàn kết luôn gắn liền với dân chủ, kỷ cương và công bằng xã hội. Xã hội càng phát triển thì

đòi hỏi trình độ dân chủ trong xã hội càng cao. Mặt khác, dân chủ là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để đo lường sự phát triển của xã hội, bởi lẽ bảo đảm và phát huy dân chủ là bảo đảm tôn trọng và thực hiện quyền con người, quyền và lợi ích của người dân trên tư cách người chủ của xã hội. Dân chủ phải đi liền với bảo đảm trật tự, kỷ cương, tuân thủ pháp luật. Một nền dân chủ lành mạnh phải là nền dân chủ tuân thủ pháp luật, không tách rời khỏi pháp luật. Pháp luật chính là giới hạn, là hành lang vận động của dân chủ. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang tập trung xây dựng là mô hình nhà nước quản lý và điều hành theo pháp luật, trong đó pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương được tăng cường.

Dân chủ trong điều kiện mới thể hiện trong các thể chế, thiết chế của Đảng, Nhà nước và của cả hệ thống chính trị cũng như trong các quan hệ xã hội, trong đó phải đề cao tính công khai, minh bạch, tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến nhân dân. Người dân có quyền làm chủ toàn diện trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát”. Muốn vậy, trước hết phải xây dựng, hoàn thiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng, đồng thời hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước.

Tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, đặc biệt là thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách để ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân, thu nhập của người dân không ngừng được cải thiện. Đến nay, việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn có những hạn chế. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ, sự chênh lệch trong hưởng thụ các giá trị của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với vùng đồng bằng, đô thị còn lớn; giảm nghèo chưa bền vững; khoảng cách giàu - nghèo, sự chênh lệch trong thu nhập ngày càng gia tăng... Đây chính là những vấn đề cần chia sẻ, cần khắc phục, không để mâu thuẫn phát sinh. Giải quyết tốt vấn đề dân sinh cần được xem là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong thời kỳ mới. Vấn đề cốt lõi là cần tập trung xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp với từng giai tầng xã hội, nhất là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, lấy kinh tế tư nhân làm động lực phát triển. Trong quá trình thực hiện, cần quan tâm hơn nữa đến các đối tượng yếu thế trong xã hội, quan tâm đến vùng, miền còn nhiều khó khăn, hạn chế. Nhà nước phải có sự hỗ trợ và có chính sách cụ thể để tạo sự phát triển cân đối, bền vững, bảo đảm ổn định đời sống, ổn định chính trị - xã hội.

*Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức thành viên và các tầng lớp nhân dân.*

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã đề ra những chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng của quần chúng nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc

Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại đoàn kết toàn dân tộc là khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, miền của đất nước; giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp; giữa đảng viên của Đảng và quần chúng, giữa người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhằm phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, đưa cả cộng đồng dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phù hợp với cách thức tổ chức có "tính mở" của mình, Mặt trận có thể tập hợp nhân dân bằng các hình thức đa dạng, phong phú, như tuyên truyền, vận động nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc và tham gia trực tiếp các cuộc vận động, phong trào kinh tế, xã hội, văn hóa; phát huy tính tích cực của cá nhân tiêu biểu trong các giai tầng xã hội, dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền, vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài đoàn kết cộng đồng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc;...

Để đẩy mạnh các hoạt động tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận phối hợp với các thành viên

của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thông qua các hoạt động như tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước mang tính toàn dân, toàn diện, toàn quốc; tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước của địa phương; các phong trào thi đua yêu nước liên quan đến quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam muốn vững mạnh cần có hệ thống tổ chức thống nhất và thông suốt trong toàn quốc, vừa tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của ủy ban Mặt trận ở bốn cấp và ban công tác Mặt trận ở khu dân cư, vừa xây dựng và kiện toàn bộ máy chuyên trách ở Trung ương và địa phương.

*Bốn là, phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp.*

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Quan hệ phối hợp giữa Mặt trận với Nhà nước được thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước hữu quan ở từng cấp ban hành.

Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận hoạt động có hiệu quả. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận và Nhà nước đều là bộ phận của hệ thống chính trị. Tuy chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Mặt trận và Nhà nước có khác nhau nhưng đều là công cụ để nhân dân thực hiện và phát huy quyền làm chủ của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhà nước là một tất yếu và xuất phát từ nhu cầu tự thân của cả Mặt trận lẫn Nhà nước.

Nhà nước điều hành quản lý xã hội bằng pháp luật, nhân dân là người trực tiếp thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhà nước cần tôn trọng và tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có tổ chức của nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ và giám sát Nhà nước.

Trong quá trình ra các nghị quyết về quản lý và điều hành, cơ quan nhà nước các cấp cần lắng nghe những kiến nghị của Mặt trận. Nhà nước căn cứ quy chế tổ chức và cơ chế hoạt động để giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận. Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận trong việc tham gia quản lý kinh tế - xã hội.

Nhà nước phối hợp với Mặt trận trong việc chăm lo lợi ích chính đáng của nhân dân trong việc vận động các tầng lớp nhân dân đầy mạnh phong trào hành động thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp công tác giữa cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp theo hướng phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận các cấp trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

Quy chế phối hợp công tác phải có quy định rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận thực hiện tốt chức năng giám sát xã hội, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng cơ chế tôn trọng ý kiến của Mặt trận. Cấp ủy và chính quyền cần trao những công cụ, phương tiện cần thiết, đủ mạnh để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, đồng thời phải có cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với các chủ thể chịu sự giám sát, phản biện.

Quy định cụ thể nhiệm vụ của người đại diện tổ chức đảng trong Mặt trận các cấp; xác định rõ trách nhiệm của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc trong việc tham mưu cho cấp ủy cùng cấp về công tác giám sát, phản biện xã hội, về hoạt động tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

*Năm là, chú trọng xây dựng tổ chức bộ máy và cán bộ gắn liền với đổi mới tư duy, đổi mới phương thức hoạt động của công tác Mặt trận.*

Về tổ chức bộ máy, các tổ chức đoàn thể nhân dân cần được hoàn thiện hơn. Cần phải thực hiện sự phân cấp giữa Trung ương và địa phương trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc; tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo ở cấp trung ương, cấp tỉnh; tổ chức hợp lý bộ máy cấp huyện; mở rộng thành phần cán bộ bán chuyên trách cho cấp xã, phường, thị trấn. Cần tạo cơ chế cho Mặt trận Tổ quốc ở địa phương tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuyển dọc, nhằm bảo đảm tính độc lập tương đối so với các cơ quan quyền lực cùng cấp. Mặt trận Tổ quốc các cấp cần thiết phải phát huy tiềm năng các thành viên, các cá nhân tiêu biểu, các hội đồng tư vấn, cộng tác viên, đoàn viên, hội viên là chuyên gia am hiểu về công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; xây dựng tiêu chuẩn, chức danh, cơ chế, chính sách phù hợp đối với cán bộ Mặt trận làm công tác chuyên trách các cấp...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tích cực, chủ động nghiên cứu thí điểm để đi đến hoàn thiện tổ chức ủy ban Mặt trận cấp xã. Trai qua nhiều năm làm thí điểm, đến Đại hội toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ III việc củng cố và xây

dựng lại ủy ban Mặt trận cấp xã mới coi như hoàn thiện và được đưa vào Điều lệ. Từ đây, Mặt trận Tổ quốc có đủ bốn cấp. Thành lập ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư phục vụ cho định hướng đưa công tác Mặt trận về khu dân cư và gia đình. Trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, ban công tác Mặt trận có nội dung, phương thức hoạt động ngày càng phong phú, đa dạng, góp phần làm cho hoạt động của Mặt trận mạnh lên, gắn bó với nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc thành lập các hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương, các tổ chức tư vấn và mở rộng lực lượng cộng tác viên ở các cấp Mặt trận, góp phần quan trọng trong việc tập hợp và phát huy trí tuệ, dân chủ, góp phần thực hiện tư vấn, giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc tích cực và chủ động mở rộng các tổ chức thành viên. Sau mỗi kỳ Đại hội, số tổ chức thành viên ngày càng tăng thêm về số lượng và tính đa dạng, làm cho tổ chức Mặt trận thể hiện là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn nhất ở Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc coi trọng cả về số lượng và chất lượng của các thành viên là cá nhân tiêu biểu theo hướng cơ cấu đa dạng các giai tầng xã hội, các nhóm xã hội, các nhân sĩ, các dân tộc, các tôn giáo, các chuyên gia trên các lĩnh vực... đã làm cho Ủy ban Trung ương và các cấp thể hiện tính đại diện cao, thực sự tiêu biểu và có điều kiện hoạt động thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên. Sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc biểu hiện ở sức mạnh của các tổ chức thành viên và sự phối hợp thống nhất hoạt động giữa

các tổ chức thành viên. Mặt trận Tổ quốc giữ vai trò chủ trì phối hợp và phát huy thế mạnh của từng thành viên, ủng hộ mọi sáng kiến của các tổ chức thành viên.

Ủy ban Mặt trận các cấp được củng cố và mở rộng, thu hút thêm nhiều thành viên mới, tăng thêm số lượng người tiêu biểu, có tín nhiệm về năng lực, phẩm chất đạo đức, nhất là trong các tôn giáo, dân tộc, doanh nhân và người ngoài Đảng. Hệ thống tổ chức, bộ máy của ủy ban Mặt trận các cấp cần được tăng cường về số lượng và chất lượng, hội đồng tư vấn và cộng tác viên được mở rộng về tổ chức và phát huy hiệu quả tham mưu cho ủy ban Mặt trận các cấp tham gia xây dựng các nghị quyết, chủ trương, chính sách của cấp ủy đảng, chính quyền và các chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Công tác kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của ban công tác Mặt trận ở khu dân cư được đầu tư, coi trọng với nhiều giải pháp thiết thực.

Về công tác cán bộ, yêu cầu bức thiết đặt ra đối với hệ thống Mặt trận Tổ quốc các cấp là phải xây dựng cho được đội ngũ cán bộ chuyên trách và lực lượng cộng tác viên làm công tác Mặt trận ngày càng được nâng cao về chất lượng, vững vàng về tư tưởng chính trị; có năng lực, trình độ, kinh nghiệm; có tâm huyết, trách nhiệm và gắn bó với công tác Mặt trận.

Cán bộ Mặt trận, trước hết phải là những người có uy tín, năng lực, biết vận động và tổ chức quần chúng thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, đồng thời bản thân cán bộ phải là người luôn gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; có lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao, biết thông cảm và chia sẻ với những khó khăn của nhân dân.

*Sáu là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

- Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về trách nhiệm xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh; nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ công dân, sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các giai tầng xã hội trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, làm cơ sở xã hội cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và vai trò làm chủ của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ chế chính trị nước ta, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, giữ vững ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân.

- Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chú trọng tổng kết các phong trào, các cuộc vận động, tìm ra những nhân tố mới để tham mưu, kiến nghị với Đảng, Nhà nước bổ sung, hoàn chỉnh chủ trương, chính sách về công tác vận động quần chúng;

xây dựng lực lượng cốt cán; phát huy vai trò những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng, gia đình, dòng họ trong công tác vận động quần chúng.

- Tăng cường công tác dân vận của chính quyền các cấp; xây dựng quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế phối hợp, ký kết liên tịch, chương trình phối hợp công tác giữa ủy ban nhân dân với ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước về phong cách dân vận: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”; “Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”, thực sự vì nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân.

## **THƯỜNG XUYÊN GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI NHÂN DÂN - NGỌN NGUỒN SỨC MẠNH CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH**

PGS.TS. LÊ VĂN LỢI\*

**D**ược Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước trưởng thành qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, khẳng định vị trí, vai trò “là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>1</sup>. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đã “đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”<sup>2</sup>, mở ra thời đại mới trong lịch sử phát triển dân tộc - Thời đại Hồ Chí Minh, “một thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam, là kỷ nguyên độc lập

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.546.

và chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Có nhiều nhân tố tạo nên sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, trong đó nhân tố quan trọng, then chốt là Đảng đã thường xuyên tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

Gắn bó mật thiết với nhân dân là một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, có cơ sở khoa học vững chắc là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính đảng cách mạng chân chính. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin khẳng định, đảng cộng sản là chính đảng của giai cấp công nhân, có mục tiêu, lý tưởng là xóa bỏ tận gốc rễ mọi áp bức, bất công, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó con người được hoàn toàn tự do và phát triển toàn diện. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”<sup>2</sup>. Muốn vậy, chính đảng cách mạng của nó không những phải xác định rõ mục tiêu lý tưởng giải phóng nhân dân khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, mà còn phải thường xuyên gắn bó mật thiết với nhân dân, tập hợp, vận động và

---

1. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại kỷ niệm 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2015), <https://vov.vn/chinh-tri/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-ky-niem-sinh-nhat-bac-401809.vov#ref-https://vn.search.yahoo.com/>.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.4, tr.623-624.

lãnh đạo nhân dân lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới tốt đẹp hơn.

Mặt khác, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định rằng, nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử, có vai trò quyết định vận mệnh của quốc gia, dân tộc; là lực lượng chủ yếu và đóng vai trò quyết định sự thành công của các cuộc cách mạng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp hết sức to lớn, lâu dài và có rất nhiều khó khăn, phức tạp, gian khổ, nếu không phát huy được sức mạnh của nhân dân sẽ không thể thành công, chủ nghĩa xã hội sẽ không thể trở thành hiện thực. Theo V.I. Lenin, “Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân”<sup>1</sup>, vì vậy, chính đảng của giai cấp công nhân phải gắn bó mật thiết với nhân dân để tập hợp, lôi cuốn, thuyết phục, đoàn kết nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”<sup>2</sup>; “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc”<sup>3</sup>. Người cũng nhiều lần khẳng định, ngoài lợi ích của dân tộc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Bởi vậy, Người yêu cầu “Tất cả cán bộ và đảng viên phải đặt quyền lợi của Đảng, của giai cấp và của nhân dân lên trên hết”<sup>4</sup>; “phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, xứng

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.35, tr.64.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.276.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.477.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.186.

đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>1</sup>. Như vậy, theo Người, sự gắn bó mật thiết với nhân dân là mang tính bản chất, tất yếu, thể hiện bản chất cách mạng của Đảng ta. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò to lớn của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Trong tác phẩm *Dân vận*, Người viết: “Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”<sup>2</sup>. Đảng từ nhân dân mà ra, lấy lợi ích của nhân dân làm lợi ích của mình, vì nhân dân mà phấn đấu hy sinh, nên được nhân dân tin cậy giao phó trọng trách lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sức mạnh của Đảng là nhờ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, nhân dân “luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”<sup>3</sup>. Đồng thời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh dân tộc được nhân lên, đủ sức đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giành lại non sông, đưa đất nước phát triển theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, trong 90 năm qua, Đảng ta luôn coi trọng và ngày càng hoàn thiện nội dung, phương thức tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Ngay từ khi ra đời, *Chính cương văn tắt* và *Sách lược văn tắt - Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng - đã nêu rõ Đảng phải

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

“thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”<sup>1</sup>, “thu phục cho được đại bộ phận dân cày”<sup>2</sup>, “phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia”<sup>3</sup>, “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”<sup>4</sup>. Đến năm 1941, sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thành lập Mặt trận Việt Minh, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân vào Mặt trận thống nhất, nhờ vậy đã phát huy cao độ sức mạnh dân tộc, thực hiện cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (1951) đã khẳng định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”<sup>5</sup>. Đại hội đã thông qua Điều lệ Đảng, trong đó khẳng định tôn chỉ của Đảng là: “Lấy việc phục vụ quần chúng nhân dân làm đường lối hoạt động của Đảng”<sup>6</sup> và yêu cầu “mỗi đảng viên phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân, hiểu rõ nguyện vọng nhu cầu của quần chúng nhân dân để kịp thời giải quyết một cách thích đáng”<sup>7</sup>. Điều lệ Đảng được Đại hội lần thứ III thông qua đã khẳng định

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.4.

5, 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.38, 445.

“Đảng Lao động Việt Nam đi đường lối quần chúng trong mọi hoạt động của mình”<sup>1</sup>, đồng thời đã nêu rất cụ thể nội dung Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, như: mục đích của Đảng không có gì khác là phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và của quần chúng nhân dân; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân do Đảng lãnh đạo; Đảng và mỗi đảng viên phải quan tâm đến đời sống của quần chúng, phải học hỏi quần chúng, tin và dựa vào quần chúng; không thể cô độc, tách rời khỏi quần chúng; một mặt không theo đuôi quần chúng, mặt khác phải tích cực chống quan liêu, mệnh lệnh, bao biện làm thay là những biểu hiện xa rời quần chúng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền<sup>2</sup>.

Điều lệ Đảng được Đại hội lần thứ IV của Đảng thông qua đã được bổ sung vào phần mở đầu nội dung quan trọng: “liên hệ chặt chẽ với quần chúng, không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động”<sup>3</sup>. Đại hội lần thứ VI tuy không sửa đổi, bổ sung Điều lệ song đã rút ra bài học quý cho công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng, đó là bài học kinh nghiệm về quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đại hội lần thứ VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.780, 780-781.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.919.

thể hiện rất rõ nhận thức mới về bản chất của Đảng: ‘Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc’<sup>1</sup>, đồng thời bổ sung vào Điều lệ Đảng nội dung “chịu sự giám sát của nhân dân... đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng”<sup>2</sup>. Đến Đại hội lần thứ X, Đảng đã chính thức nâng vấn đề giữ gìn mối liên hệ mật thiết với nhân dân thành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đánh dấu bước phát triển nhận thức quan trọng của Đảng về công tác xây dựng Đảng.

Đại hội lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định nguyên tắc này trong Điều lệ, đồng thời đã có chỉnh sửa để chính xác hóa khái niệm, và đặc biệt đã tiếp tục có bước nhận thức mới về bản chất của Đảng cũng như mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã bổ sung thêm nội dung mới “tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng”<sup>3</sup>. Như vậy, trải qua thực tiễn cách mạng, Đảng luôn nhất quán quan điểm gắn bó mật thiết với nhân dân là ngọn nguồn sức mạnh của Đảng, đồng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.240.

2. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.5-6.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.33.

thời có sự phát triển tư duy, nhận thức qua các thời kỳ cách mạng. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới đất nước, với tư duy đổi mới, Đảng đã có sự nhận thức toàn diện và sâu sắc hơn tầm quan trọng, nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc gắn bó mật thiết với nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Thực tiễn lịch sử chứng minh, dù trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, hy sinh, thậm chí có những thời điểm Đảng bị tổn thất rất lớn do sự khủng bố của kẻ thù, nhưng nhờ kiên định mục tiêu lý tưởng, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân chở che, bảo vệ và tin tưởng đi theo Đảng đã vượt qua những hoàn cảnh hiểm nghèo và ngày càng trưởng thành, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, lãnh đạo nhân dân hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau 15 năm ra đời, với chỉ khoảng 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với đỉnh cao là thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến thắng “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam và với chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, đưa cả nước

tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đất nước thống nhất nhưng bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta khắc phục hậu quả chiến tranh, đồng thời phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở Tây Nam và biên giới phía Bắc, bảo vệ độc lập, chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Đặc biệt, Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, đưa nước ta từ một nước nghèo nàn, lạc hậu thành một nước có mức thu nhập trung bình và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, với quan điểm đổi mới, nhìn thẳng vào sự thật, Đảng đã thẳng thắn chỉ rõ bệnh quan liêu, xa dân. Từ đó, Đảng kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, đưa nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đổi mới công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền, phát huy khối đại đoàn kết và sức mạnh toàn dân tộc vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Có thể nói, sau gần 35 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện khát vọng đất nước phát triển, dân tộc hùng cường, đúng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định “Dân tộc Việt Nam chưa bao giờ có được cơ đồ như ngày nay, triển vọng phát triển rất tươi sáng”<sup>1</sup>.

---

1. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại kỷ niệm 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2015), *Tlđd*.

Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, có lúc, có nơi, một số tổ chức, cán bộ, đảng viên, thậm chí có cả một số cán bộ cao cấp chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và chưa thực hiện đầy đủ các nội dung nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều đó đã gây tổn thất cho cách mạng, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ. Trong thời kỳ đổi mới, bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được trong công tác xây dựng Đảng, việc thực hiện mối gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân vẫn còn có mặt hạn chế: (1) Một số chủ trương, chính sách của Đảng chưa sát hợp với thực tiễn, chưa phản ánh đầy đủ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; (2) Đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn thấp, đặc biệt đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn rất khó khăn; (3) Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, có nơi, có lúc chưa bảo đảm tốt quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; (4) Hoạt động của một số cơ quan nhà nước chưa thật hiệu lực, hiệu quả và đặc biệt còn để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có mặt chưa đáp ứng yêu cầu tập hợp và đại diện cho quyền, lợi ích của hội viên, đoàn viên; (5) Một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng chưa gắn bó, gần gũi, tôn trọng và lắng nghe ý kiến quần chúng nhân dân, một bộ phận sa vào suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; (6) Niềm tin của một bộ phận nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ có mặt giảm sút.

Công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn mới có nhiều thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đặt ra những nền tảng quan trọng cho sự phát triển trong giai đoạn mới, nhưng cũng đặt ra những khó khăn, thách thức cho quá trình lãnh đạo, quản trị quốc gia cũng như cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự bùng nổ công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội đang tác động đa chiều đến mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Một mặt, thực hành dân chủ xã hội có điều kiện được tăng cường, mở rộng, quyền làm chủ của nhân dân có điều kiện được nâng cao; mặt khác, các thế lực thù địch đã lợi dụng triệt để công nghệ thông tin, mạng xã hội để tiến hành các hoạt động “diễn biến hòa bình”, lan truyền các quan điểm sai trái, thù địch, kích động bạo loạn, lật đổ,... Trong bối cảnh đó, việc tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân có ý nghĩa vô cùng quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng đến sự tồn vong của Đảng, của chế độ và của cả dân tộc Việt Nam. Để tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân trong bối cảnh hiện nay, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

*Một là*, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về tầm quan trọng, nội dung, phương thức Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân. Cần giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ, gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân có tầm quan trọng đặc biệt

trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải thường xuyên liên hệ, gắn bó mật thiết với nhân dân. Trong giáo dục, cần làm rõ cán bộ, đảng viên phải tránh hai thái cực, hoặc đổ lỗi cho nhân dân để biện minh cho những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý; hoặc theo đuôi quần chúng, sa vào chủ nghĩa dân túy. Với quần chúng nhân dân, cần thông qua các đoàn thể nhân dân, giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân hiểu chủ trương của Đảng về gắn bó mật thiết với nhân dân, đặc biệt cần giải thích rõ những nội dung Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân để tránh hiểu lầm, hiểu sai về nội dung này.

*Hai là*, tiếp tục đổi mới cách thức ban hành chủ trương, chính sách của Đảng để thật sự phản ánh được lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, bảo đảm phù hợp giữa “ý Đảng” và “lòng Dân”. Đảng đã có nhiều đổi mới trong cách thức ban hành nghị quyết và nhìn chung các nghị quyết của Đảng đã được nâng cao về chất lượng. Tuy nhiên, vẫn còn một số nghị quyết còn chung chung, chưa sát thực tế, nên hiệu lực, hiệu quả không cao. Bởi vậy, cần tiếp tục đổi mới cách thức ban hành theo hướng nghiên cứu, khảo sát kỹ, có đánh giá tác động của chủ trương, chính sách, mở rộng hơn nữa dân chủ trong lấy ý kiến góp ý của nhân dân, bảo đảm mỗi chủ trương, chính sách của Đảng đều hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

*Ba là*, cụ thể hóa cơ chế các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng dân, lắng nghe ý kiến của dân. Việc cụ thể hóa cơ chế tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên gắn bó mật thiết với nhân dân là rất cần

thiết, nhằm gắn trách nhiệm cụ thể, tránh tình trạng quan liêu, xa dân. Bởi vậy, cần hoàn thiện hơn nữa cơ chế, quy định tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên giữ gìn liên hệ mật thiết với nhân dân.

*Bốn là*, tiếp tục lãnh đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị. Để Nhà nước thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, cần tiếp tục đổi mới, sáp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, cần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước; đẩy mạnh thực hiện dân vận chính quyền và có cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước để quyền lực không bị tha hóa. Với các tổ chức đoàn thể nhân dân, cần đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động để bảo đảm thể hiện được tiếng nói, ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

*Năm là*, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Đây chính là điểm mấu chốt nhất thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, vì suy cho cùng, nhân dân giao cho Đảng trọng trách cầm quyền, lãnh đạo đất nước là để chăm lo lợi ích của nhân dân. Bởi vậy, Đảng không những phải có đường lối phát triển kinh tế đúng đắn, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn cụ thể. Đặc biệt, Đảng cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề phân hóa giàu nghèo, quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và những người có hoàn cảnh đặc biệt

khó khăn. Thực hiện mô hình phát triển bao trùm, nhân văn, lấy con người làm trung tâm và không để ai bị bỏ lại phía sau, qua đó tăng cường đồng thuận, đoàn kết dân tộc; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ, phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, cần cù lao động sáng tạo của nhân dân, khơi dậy niềm tự hào và khát vọng xây dựng Việt Nam phát triển trong mỗi một người dân, nhất là thế hệ trẻ. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân tạo nên sức mạnh vô địch cho Đảng và dân tộc, giúp chế độ vững bền, nhân dân no ấm, hạnh phúc, dân tộc trường tồn, đất nước mạnh giàu, quốc gia hùng cường như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong mỏi và gửi gắm tâm nguyện cho các thế hệ mai sau.

PHẦN THỨ BA

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ -  
VĂN HÓA - XÃ HỘI -  
QUỐC PHÒNG - AN NINH -  
ĐỐI NGOẠI**





**VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG  
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

PGS.TS. LÊ QUỐC LÝ\*

**P**hát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự lựa chọn sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần 35 năm đổi mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã tiến hành cuộc cách mạng - đổi mới tư duy, đặc biệt là đổi mới tư duy về kinh tế, cốt lõi là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đến năm 2001, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được khẳng định.

Chủ nghĩa Mác - Lenin khẳng định xã hội tồn tại và phát triển được là nhờ sản xuất vật chất, lịch sử của xã hội loài người trước hết là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất. C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng sản xuất là hoạt động đặc trưng của con người và xã hội loài người. Ngay từ tháng 3/1918,

---

\* Nguyên Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

V.I. Lenin đã khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của nền đại công nghiệp cơ khí<sup>1</sup>. Và nếu “không có kỹ thuật tư bản chủ nghĩa quy mô lớn được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại... thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được”<sup>2</sup>.

Thực tế cho thấy, trong một thời gian dài mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp được chọn là mô hình kinh tế Việt Nam đã bộc lộ nhiều nhược điểm, yếu kém trên tất cả các mặt như sản xuất đình đốn, thương mại trì trệ, năng suất lao động thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế hầu như rất thấp, lực lượng sản xuất lạc hậu... làm cho đất nước đã đói nghèo càng đói nghèo hơn.

Trước tình trạng nền kinh tế lạc hậu và chậm phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện vai trò lãnh đạo và dẫn dắt của mình bằng sự phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào thực tiễn Việt Nam. Đó là nhận thức và đổi mới tư duy kinh tế, là sự từ bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp để chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa một cách sáng suốt. Xuất phát điểm của tiến trình đó là việc đổi mới tư duy của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), trong đó có đổi mới tư duy và nhận thức về nền kinh tế Việt Nam. Với gần 35 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước phát triển, tư duy và nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được đổi mới và ngày

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn: *C. Mác, V.I. Lenin với chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.36, tr.368.

càng phát triển. Từ tư duy và nhận thức cho rằng để đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải phát triển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đến tư duy và nhận thức cho rằng để xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phát triển nền kinh tế thị trường là một bước tiến dài trong nhận thức, tư duy và lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò quyết định đến sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã tiến hành đổi mới nhận thức và đổi mới tư duy về kinh tế, trong đó tiến hành chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ chế, chính sách và luật pháp về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành và ban hành. Trong quá trình đổi mới đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành lãnh đạo đổi mới toàn diện nền kinh tế theo những bước đi và lộ trình phù hợp. Bên cạnh đổi mới tư duy và nhận thức về nền kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều biện pháp tiến hành tổng kết thực tiễn, đánh giá những thành công và bất cập trong chỉ đạo, điều hành đổi mới nền kinh tế, từ đó đúc rút những bài học kinh nghiệm để tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật. Ngay từ những bước đi chập chững ban đầu của đổi mới, thực tiễn đã cho thấy những minh chứng đáng thuyết phục, đó là nền kinh tế đã chuyển mình theo hướng tích cực với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày một cao.

Những năm trước đổi mới (trước năm 1986), tốc độ tăng trưởng kinh tế hầu như không đáng kể, có năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế âm. Những năm đầu đổi mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã có sự tăng khá, lúc đầu khoảng 2%, sau đó lên 4,5% và đạt 6% vào năm 1991. Đặc biệt, vào năm 1995, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đã lên đến 9,5%; và năm 1996 ở mức 9,34%. Năm 1999, tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ là 4,77%; đến năm 2009 là 5,32%; 10 năm sau, vào năm 2019 là 7,08%. Đây là sự thay đổi ngoạn mục, chưa từng có trước đây của nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao thì đời sống của người dân được cải thiện, nhiều mặt của xã hội cũng được phát triển. Những thành tựu này khẳng định sự đúng đắn của Đảng trong đổi mới tư duy và trong lãnh đạo đổi mới nền kinh tế từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, tiền đề của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đặc biệt, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có đổi mới nhận thức và đổi mới tư duy về nền kinh tế thị trường, đó là nền kinh tế thị trường không phải là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, và không phải nền kinh tế thị trường là biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, nền kinh tế thị trường và chủ nghĩa tư bản không phải là một, mà nền kinh tế thị trường là sản phẩm, là thành quả phát triển của nhân loại và nền kinh tế thị trường được phát triển cao ở chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định để đi lên chủ nghĩa xã hội, không thể không phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà bản chất là phát

triển một nền kinh tế thị trường đồng bộ, đầy đủ, hiện đại và hội nhập, đồng thời giữ vững nguyên tắc và bản chất chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại lịch sử, có thể nói việc xác định lý luận về mô hình phát triển nền kinh tế nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội cho đến ngày hôm nay là một bước tiến ngoạn mục. Phát triển nền kinh tế thị trường là nền tảng để giải phóng và khơi thông mọi nguồn lực, tiềm năng và sáng tạo cho phát triển. Đây là một bước đi tất yếu và là phương tiện không thể thiếu để đi đến giàu có và phồn vinh. Với những kết quả đạt được của gần 35 năm đổi mới ở Việt Nam, có thể thấy rằng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một hướng đi đúng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện xuyên suốt qua các kỳ Đại hội của Đảng với việc đề ra các phương hướng, định hướng, mục tiêu, và các giải pháp phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Tư duy về kinh tế của Đảng được đổi mới bắt đầu từ khi chấp nhận phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) và qua các kỳ Đại hội tiếp theo đã liên tục đổi mới. Khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). Đây là kết quả của quá trình 15 năm đổi mới tư duy của Đảng và thực tiễn vận hành ở Việt Nam, được đúc kết trên cơ sở đánh giá và rút ra các bài học qua các kỳ Đại hội lần thứ VII (1991), lần thứ VIII (1996) của Đảng. Đại hội

lần thứ IX của Đảng đã xác định: “phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*<sup>1</sup>. Bắt đầu từ đây, đổi mới tư duy về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng được đẩy mạnh hơn, ngày một toàn diện hơn. Đại hội lần thứ X của Đảng (2006) đã khẳng định 5 thành phần kinh tế: “kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”<sup>2</sup> cùng phát triển trong nền kinh tế nước ta. Tư duy và nhận thức lý luận kinh tế được đổi mới ở Đại hội lần thứ X của Đảng thể hiện trong việc xác định đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa xã hội so với nội dung trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, đó là: “có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”<sup>3</sup>. Chấp nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong nền kinh tế đã tạo ra xung lực mới cho sự phát triển và đã làm cho nền kinh tế đất nước từ nghèo khó từng bước được cải thiện và khởi sắc đi lên. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng tiếp tục làm rõ nội hàm, mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.60, tr.181.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.377, 139.

chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối ở các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Đại hội lần thứ XI của Đảng cũng đã đề ra một trong ba đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 chính là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đổi mới tư duy kinh tế được phát triển cao phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Đại hội lần thứ XI gắn với việc không bị gò bó, cứng nhắc vào một loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất mà quan tâm vào bản chất bên trong của nó, chính là quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp. Đây là bước tiến lớn trong đổi mới tư duy lý luận về kinh tế của Đảng với việc khẳng định, làm rõ quan điểm, lý luận và tư duy về kinh tế cho giai đoạn phát triển mới, coi trọng và bảo đảm cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ vì một đất nước Việt Nam giàu mạnh xã hội chủ nghĩa. Cụ thể của nhận thức ở đây là: nền kinh tế “với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.204-205.

và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển”<sup>1</sup>. Điểm mới và bước tiến trong tư duy và nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng chính là khẳng định sự “bình đẳng” và “phát triển lâu dài” của các thành phần kinh tế và khẳng định việc “thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp voblin cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”<sup>2</sup>. Hơn nữa, Đảng ta khẳng định: “*Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm*”<sup>3</sup>; xây dựng cơ cấu kinh tế “có hiệu quả và bền vững”<sup>4</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng đã làm rõ hơn khái niệm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa về cả nội hàm, mục tiêu và cách thức thực hiện: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng,

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.73-74, 74, 75.

văn minh”<sup>1</sup>. Tiếp theo đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, trong đó đã chỉ rõ: Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững và Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 “Về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, trong đó khẳng định kinh tế tư nhân là động lực phát triển nền kinh tế. Đổi mới tư duy về kinh tế của Đảng đã diễn ra liên tục trong gần 35 năm đổi mới vừa qua và đang được tiếp tục tiến hành mạnh mẽ trong giai đoạn mới.

Trong thực tiễn lãnh đạo của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến hành đổi mới nền kinh tế. Đầu tiên, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13/01/1981 về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”, tiếp theo đó là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 05/4/1988 “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” đã tạo ra bước ngoặt quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Đây là khâu đột phá ban đầu để đi đến thành công của sự nghiệp đổi mới nền kinh tế trong gần 35 năm qua. Tiếp theo đó, Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới quản lý trong doanh nghiệp, kế hoạch hóa trong các doanh nghiệp nhà nước ra đời. Tiếp theo tiến trình đó là

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.102.

công nhận tính tự chủ tài chính và tự chủ toàn diện của doanh nghiệp nhà nước, sau đó là cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, cho phép phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Năm 1986, Đảng đã lãnh đạo định hướng thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ đạo việc xây dựng cơ chế, chính sách và ban hành luật thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tính đến nay, Việt Nam đã thu hút được hơn 380 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cơ chế giá cũng từng bước thay đổi, từ cơ chế hai giá (giá nhà nước và giá thị trường chợ đen) thành cơ chế một giá theo thị trường. Tình trạng bao cấp qua giá được xóa bỏ.

Đặc biệt, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có vai trò to lớn trong lãnh đạo đổi mới hệ thống ngân hàng từ một hệ thống chuyển thành hai hệ thống ngân hàng, tách bạch chức năng thương mại ra khỏi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phát triển hệ thống các ngân hàng thương mại, thực hiện chức năng thương mại theo thông lệ quốc tế. Nhờ có đổi mới này mà quan hệ hàng hóa - tiền tệ phát triển, các quy luật thị trường được phát huy tác dụng, quy luật cung - cầu được vận dụng tốt. Tiếp theo tiến trình đó, hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, không chỉ dừng ở các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước mà có cả các ngân hàng thương mại nước ngoài và liên doanh được thành lập. Đến nay, hệ thống ngân hàng Việt Nam cơ bản đã hội nhập với hệ thống ngân hàng thế giới, thực hiện theo các thông lệ quốc tế, thực sự đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam đã và

đang từng bước được làm sáng tỏ. Nhiều cơ chế, chính sách, thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang từng bước được hoàn thiện. Nhiều vấn đề thị trường ở Việt Nam đã và đang được hiện đại hóa và đang từng bước phù hợp hơn với thị trường quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục làm sáng tỏ. Đặc biệt, cần tiếp tục đổi mới nhận thức và tư duy về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thực tế, bằng các cơ chế, chính sách và pháp luật.

Bước tiến lớn nữa trong nhận thức lý luận và tư duy về nền kinh tế thị trường ở nước ta đã và đang được thể hiện ở các chính sách kinh tế, chính sách đối ngoại với việc đất nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thị trường thế giới. Bên cạnh những thành công to lớn về phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta từ khi đổi mới đến nay, những thành tựu trong việc hợp tác kinh tế, chính trị, ngoại giao... với thế giới càng khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là một lựa chọn sáng suốt và tất yếu. Kinh tế thị trường là phương thức phát triển kinh tế năng động và hiệu quả đối với các quốc gia biết cách sử dụng và vận hành nó. Có nhiều mô hình phát triển nền kinh tế thị trường (mô hình kinh tế thị trường kiểu tư bản chủ nghĩa ở các nước phương Tây, Mỹ, Nhật Bản... hay mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) và mỗi quốc gia cần lựa chọn cho mình mô hình tối ưu nhất. Kinh tế thị trường cũng có ở nhiều tầng nấc khác nhau: nền kinh tế thị trường hiện đại, phát triển; nền kinh tế thị trường còn nhiều bất cập, kém phát triển; nền kinh tế thị trường tự do; nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; nền kinh tế hỗn hợp;... Đích hướng tới của nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là một nền kinh tế thị trường hiện đại, năng động, hiệu quả đưa đất nước đi tới giàu mạnh và phồn vinh, bảo đảm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong những năm gần đây, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn chậm được cải thiện. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng đã chậm lại. Xã hội nảy sinh không ít vấn đề bức xúc. Một trong những nguyên nhân là động lực mà những cải cách trước đây tạo ra đã không còn đủ mạnh để thúc đẩy phát triển. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ để có thêm động lực làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững. Việc nhận thức đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “chìa khóa” đột phá cho sự phát triển. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng làm cho thế giới đang ngày một nhích lại gần nhau hơn, thế giới phẳng, không gian và thời gian như缩小 lại và ngắn hơn, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng đã và đang thu hút các quốc gia, các nền kinh tế vào quỹ đạo nền kinh tế thị trường mà ở đó sở hữu tư nhân đóng vai trò quan trọng, thị trường và cơ chế thị trường quyết định sự phân bổ nguồn lực và cung cấp các thông tin, phi tập trung hóa là đặc trưng quan trọng trong việc ra quyết định, vật chất là động lực chủ yếu để thúc đẩy các thành viên. Những yếu tố thị trường của nền kinh tế thị trường hiện đại cần phải có như tính tích cực, năng động và hiệu quả đều được phát huy và phát triển ở mức cao, đồng thời nền kinh tế thị trường cần có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để hạn chế các mặt trái, tiêu cực của nó,

cũng như những tác động làm cho các quan hệ kinh tế thay đổi về cách thức và phương thức theo hướng phát triển tốt và hiệu quả hơn, có nhiều đặc trưng của chủ nghĩa xã hội hơn; đồng thời có cơ chế phân phối hiệu quả và công bằng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hướng tới là một nền kinh tế mà ở đó có thể chế kinh tế tối ưu nhất, bảo đảm cho các yếu tố thị trường phát triển đầy đủ, bảo đảm sự phân bổ nguồn lực hiệu quả được thực hiện triệt để theo cơ chế thị trường và hàm chứa đầy đủ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Thực tế hiện nay cho thấy, chúng ta cần đổi mới tư duy kinh tế nhiều hơn nữa, đột phá trong tư duy kinh tế, lấy hiệu quả và lợi ích của cả đất nước, cả dân tộc làm thước đo chính cho mọi quyết sách.

# **PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA LÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG**

PGS.TS. VŨ VĂN PHÚC\*

## **1. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sau gần 35 năm đổi mới đất nước**

Một trong những thành tựu lớn nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần 35 năm đổi mới đất nước là Đảng đã lãnh đạo chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau gần 35 năm đổi mới, không thể phủ nhận sự tồn tại khách quan của kinh tế thị trường trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được làm sáng tỏ hơn.

Thứ nhất, kinh tế thị trường (trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hóa, khi mọi yếu tố sản xuất và sản phẩm đều trở thành hàng hóa) là sản phẩm của văn minh nhân loại, xuất hiện từ cuối chế độ chiếm hữu nô lệ, được phát triển tới

---

\* Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương.

trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng *tự bản thân kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản*. Kinh tế thị trường không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản, mà kinh tế hàng hóa, nguồn nuôi dưỡng và xuất phát điểm của kinh tế thị trường, tồn tại trong nhiều chế độ xã hội khác nhau, đồng thời không có kinh tế thị trường chung, đồng nhất cho mọi chế độ xã hội, mọi quốc gia. Mặc dù, kinh tế thị trường là mô hình phát triển phổ quát, có những đặc điểm, những giá trị, nguyên tắc, chuẩn mực chung; nhưng ở mỗi quốc gia, kinh tế thị trường có sắc thái riêng, dấu ấn riêng về lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội, truyền thống... Không thể có nền kinh tế thị trường ở nước này là bản sao của kinh tế thị trường ở nước khác.

Thứ hai, thực tiễn qua gần 35 năm đổi mới đã chứng minh đầy sức thuyết phục rằng: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải kinh qua kinh tế thị trường, bởi kinh tế thị trường có những lợi thế mà kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp và kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp không thể so sánh được: kinh tế thị trường tạo động lực lao động tích cực, tự giác cho từng người lao động thông qua cơ chế cạnh tranh để trở thành người giỏi nhất (sáng tạo nhất, năng động nhất và hợp lý nhất); kinh tế thị trường thúc đẩy chuyên môn hóa ngày càng sâu để phát huy tiềm năng nhiều mặt của những con người khác nhau; kinh tế thị trường phôi hợp, điều tiết hành vi của mọi người một cách tự giác thông qua cơ chế trao đổi hàng hóa một cách tự nguyện, thỏa thuận theo quy luật cung - cầu; kinh tế thị trường phản ánh mức độ tự do, dân chủ cao trong điều kiện nguồn lực để thỏa mãn nhu cầu còn khan hiếm; kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu khai thác có hiệu quả những tiềm năng và lợi thế của đất nước, yêu cầu

sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đất nước. Trong lịch sử phát triển các mô hình kinh tế của nhân loại đã trải qua thì kinh tế thị trường là mô hình kinh tế có hiệu quả nhất.

Nhưng cần khẳng định: kinh tế thị trường tự nó không thể mang lại chủ nghĩa xã hội cho con người. Việt Nam muốn đi lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng xác định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nghĩa là vừa chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế thị trường khách quan, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Quy luật của kinh tế thị trường và bản chất xã hội chủ nghĩa không phải là hai phần ghép vào với nhau một cách cơ học. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất biện chứng, bao gồm hai mặt: *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường đầy đủ, vận động tuân theo các quy luật thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường mà trong nó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản lý nền kinh tế vừa phải tuân theo các quy luật thị trường, vừa hàm chứa, gắn với và hướng tới những giá trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội.*

Không có một nền kinh tế thị trường phi chính trị, phi lịch sử, phi quốc gia - dân tộc. Yếu tố xã hội chủ nghĩa thể hiện ở chỗ đảng cộng sản là đội tiên phong của nhân dân lao động, lãnh đạo sự phát triển nền kinh tế thị trường. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì

nhân dân quản lý nền kinh tế thị trường, cũng là thiết chế để nhân dân lao động có thể cải cách mọi thứ vì quyền lợi của mình, cũng là một chủ thể của kinh tế thị trường, chứ không chỉ thuần túy là thiết chế chính trị.

Thực tiễn qua gần 35 năm đổi mới đã khẳng định: *phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường - loại hình kinh tế phổ biến của xã hội loài người - vào điều kiện Việt Nam*, nhằm phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế tối đa những khuyết tật, mặt trái của kinh tế thị trường trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa là tính chất, là thuộc tính của nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang xây dựng. Tính chất đặc trưng này được quyết định bởi bản chất của nền kinh tế, bởi chính tính chất của những bộ phận cấu thành, nằm trong kết cấu nội tại của nền kinh tế xác định bản chất và xu thế vận động của nền kinh tế thị trường Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, cơ chế quản lý và phương thức phân phối của nền kinh tế nhằm khai thác tối đa mặt tích cực, lợi thế của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế, khắc phục mặt trái, khuyết của kinh tế thị trường phục vụ lợi ích của mọi người dân, hướng đến thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cũng chứng minh rằng *sự nỗ lực sáng tạo và trung thành với lợi ích chung của nhân dân lao động của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam chính là bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế*.

Thứ ba, “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>“1</sup>.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.102.

sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Sự khác biệt giữa nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là ở chỗ ai làm chủ sức mạnh kinh tế và sức mạnh chính trị trong một nước. Trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa: đó là giới chủ; trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: đó là đồng đảo nhân dân lao động. Đó là sự khác biệt duy nhất. Các mặt kỹ thuật và tổ chức còn lại của kinh tế thị trường như nguyên tắc trao đổi hàng hóa, kỹ thuật kiểm soát nền kinh tế thị trường, kỹ thuật tổ chức quản lý để nền kinh tế quốc dân nói chung, mỗi tổ chức kinh tế nói riêng hoạt động ở trạng thái hiệu quả đều có thể chung nhau giữa hai thể chế kinh tế vì đó là thành quả tiến hóa mang tính nhận thức và khoa học của loài người.*

## **2. Một số kiến nghị xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong những năm tới**

Kinh tế thị trường là thành quả phát triển hàng nghìn năm của nhân loại và đạt được tốc độ phát triển đột biến khi

chuyển sang nền kinh tế dựa trên nền tảng công nghiệp. Vì thế, có thể khẳng định rằng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển cao khi Việt Nam hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nền kinh tế phát triển trên cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ kỹ thuật số với cơ cấu kinh tế chuyên môn hóa sâu dựa trên lợi thế cạnh tranh, nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chính là con đường tất yếu khách quan.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi càng ngày càng phải phát triển mọi sức sản xuất xã hội, mở đường cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển ngày càng hiện đại. Lợi ích kinh tế là động lực phát triển quan trọng nhất, mà trước hết là lợi ích của các nhà đầu tư, người sản xuất, người lao động, người tiêu dùng, của tập thể, của Nhà nước và của toàn xã hội. Đã là kinh tế thị trường thì phải tuân theo những quy luật khách quan của cơ chế vận hành chung là cơ chế thị trường, nhưng đồng thời mỗi nền kinh tế thị trường có tính đặc thù phù hợp với trình độ, thể chế, điều kiện phát triển cụ thể của mỗi quốc gia. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng là phát triển theo trật tự tự nhiên để xã hội loài người đi lên chủ nghĩa xã hội theo đúng nghĩa của nó. Kinh tế thị trường là con đường, là phương thức phát triển mà xã hội loài người phải trải qua, không phát triển kinh tế thị trường một cách thực sự hiệu quả, bền vững bằng cách phát huy, tận dụng tối đa mặt tích cực, mặt thuận và hạn chế tối đa mặt không thuận, mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, thì không

thể đi lên chủ nghĩa xã hội đích thực một cách hợp quy luật, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra.

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức, là con đường để Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối không được đi ngược lại các quy luật, các nguyên tắc phổ biến của kinh tế thị trường và phải xuất phát từ thực tế khách quan của đất nước, phù hợp với lợi ích của quảng đại nhân dân, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết. Điều đó đòi hỏi phải tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, làm cơ sở để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Muốn vậy phải đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, chú trọng phát triển theo chiều sâu, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế hiệu quả, thiết thực.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để tháo gỡ mọi cản trở cho sự phát triển, hoàn thiện quan hệ sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, phát triển mạnh kinh tế tri thức, kinh tế số, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong việc hình thành cơ chế phân bổ nguồn lực, cơ chế giá..., đồng thời

nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của Đảng, năng lực quản lý, điều hành kinh tế của Nhà nước, bảo đảm để Nhà nước điều tiết hiệu quả và có chính sách phân phối đúng đắn nhằm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Giải quyết đồng bộ, hiệu quả quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - doanh nghiệp, giữa giữ vững độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển đồng bộ các yếu tố, các loại thị trường trong nước, mở rộng, đa dạng hóa thị trường ngoài nước. Gắn kết, phát huy tối đa vai trò và ưu thế của các thành phần kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả và vai trò chủ đạo thực sự của kinh tế nhà nước; phát huy mạnh mẽ và hiệu quả vai trò động lực quan trọng của kinh tế tư nhân; tiếp tục phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã; tạo điều kiện để phát huy tối đa, hiệu quả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài...

- Phải tạo ra các quy chế bảo đảm tính tổ chức và văn minh của các giao dịch trên thị trường, nhất là về phương diện giảm thiểu chi phí và rủi ro cho các chủ thể kinh tế, trong đó chú ý tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, cung cấp thông tin về sản phẩm, kỷ luật hợp đồng và thanh toán không dùng tiền mặt... Từng bước phát triển các phương thức giao dịch phái sinh và hỗ trợ (giao dịch tương tác, bảo hiểm...).

- Nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế và chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước đất nước của Đảng trong lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao vai trò, năng lực quản lý, điều hành nền kinh tế của Nhà nước. Nhà nước với vai trò là đại diện cho nhân dân là chủ thể quyền lực, xây dựng pháp luật và bảo đảm hiệu lực tối cao của Hiến pháp và pháp luật, cơ chế,

chính sách nhằm quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng môi trường để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm cho các thành tố của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo các quy luật khách quan; đồng thời, hạn chế sự phát triển lách laced và khuyết tật của kinh tế thị trường.

- Giảm thiểu can thiệp của Nhà nước vào giá cả; tăng cường điều tiết thông qua các công cụ thị trường; doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác; Nhà nước sử dụng chính sách tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế để điều tiết phân bổ nguồn lực và phân phối của cải xã hội...

- Cân xác định rõ vấn đề chế độ sở hữu, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tìm kiếm các mô hình kinh tế tập thể hấp dẫn và có lợi cho các hộ gia đình. Đa dạng hóa cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước nhằm tăng hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước đi đôi với hỗ trợ thực hiện mục tiêu của Nhà nước. Khẳng định vai trò động lực quan trọng của kinh tế tư nhân; chế chế bằng pháp luật, cơ chế, chính sách... để kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Kiên quyết cải cách hành chính để có các cơ quan quản lý nhà nước trong sạch, thủ tục quản lý đơn giản, dễ tiếp cận, công khai, để cao trách nhiệm phục vụ và giải trình của công chức.

- Tăng cường vị thế của đất nước trên thị trường thế giới bằng chính sách đối ngoại mềm dẻo, bảo vệ hiệu quả lợi ích quốc gia - dân tộc.

- Những vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nâng cao nhận thức lý luận của Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, kiện toàn luật pháp và bộ máy quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống chính sách... là những vấn đề lâu dài, cần thiết kế những bước đi ngắn hạn tích cực, nhưng biết lựa chọn mục tiêu đầu tư để đạt hiệu quả dài hạn lớn nhất, không thể nóng vội làm một lần là xong.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần chú ý các vấn đề sau: định hướng rõ về chủ trương, giải pháp phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn nước ta; có bước đi thích hợp đổi mới mô hình tăng trưởng thực sự hiệu quả, cơ cấu lại nền kinh tế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô bền vững, huy động các nguồn lực và thúc đẩy các động lực của nền kinh tế để tăng trưởng hợp lý và bền vững; các cơ quan, tổ chức và người dân hình thành thói quen và tập quán giao dịch văn minh, hiện đại trên thị trường; Nhà nước và doanh nghiệp hình thành các kỹ năng phù hợp với kinh tế thị trường; giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa vai trò quản lý của Nhà nước và vai trò của cơ chế thị trường trong nền kinh tế; định hình rõ hơn mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta làm cơ sở để định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường; kiên định nguyên tắc xã hội chủ nghĩa là mọi chính sách phát triển kinh tế - xã hội của

Nhà nước phải được hoạch định và thực thi trên lập trường lợi ích của đa số nhân dân lao động.

- Cân thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: ngoài hai vấn đề có tính nguyên tắc là *đa phần tư liệu sản xuất đã tích lũy được phải nằm trong tay người lao động*; và *Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*, thì còn cần phải xây dựng các tiêu chí để xác định rõ hơn tính định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường; những giải pháp cơ bản để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam... Các vấn đề về mô hình tổ chức các hoạt động sản xuất, lưu thông nên được xử lý mềm dẻo hướng tới hiệu quả và phù hợp với quan hệ thị trường. Những vấn đề phân phối bất công bằng nên được xử lý bằng hệ thống các công cụ đa dạng như thuế và trợ cấp, phúc lợi xã hội, hoạt động an sinh xã hội... chứ không chỉ bằng sở hữu tư liệu sản xuất và mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh.

Thực tiễn đã kiểm nghiệm rằng: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với xuất phát điểm từ một nước kém phát triển là một nhiệm vụ khó khăn, nặng nề, lâu dài. Để phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong thời gian tới, cần thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế:

*Một là*, Nhà nước nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và củng cố nền tăng kinh tế vĩ mô vững chắc;

*Hai là*, thực hiện quyết liệt và có hiệu quả ba đột phá chiến lược;

*Ba là*, nâng cao hơn nữa năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế;

*Bốn là*, đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể, đồng bộ và toàn diện các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trên phạm vi cả nước và từng địa phương, doanh nghiệp và sản phẩm chủ yếu với tầm nhìn dài hạn, có lộ trình cụ thể; gắn kết chặt chẽ giữa cơ cấu lại “tổng thể” và cơ cấu lại trên 5 trọng tâm, gồm cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cơ cấu lại đầu tư, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công;

*Năm là*, đẩy mạnh tốc độ cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng nhanh năng suất nội bộ ngành;

*Sáu là*, xây dựng và phát triển khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, thực sự là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế;

*Bảy là*, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng, tăng cường hợp tác và khai thác lợi thế vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đồng thời tăng cường vai trò đầu tàu tăng trưởng của vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác;

*Tám là*, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh;

*Chín là*, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

Tóm lại, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường hiện thực và tối ưu đối với dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, những thiết kế cụ thể để mô hình đó hoạt động hiệu quả hiện vẫn còn nhiều thách thức. Chúng ta cần luôn kiên định mục đích, linh hoạt trong phương thức thực hiện, coi mục tiêu phát triển bền vững và ưu tiên lợi ích của nhân dân lao động là những tiêu chuẩn tối cao cho các lựa chọn chính sách của mình.

## **NHÌN LẠI HƠN 20 NĂM ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC**

PGS.TS. NGUYỄN HOÀI SƠN\*

### **1. Tư tưởng và quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Đảng, Nhà nước Việt Nam rất coi trọng vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, và luôn khẳng định trên thực tế vai trò, ảnh hưởng to lớn của văn hóa Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước qua hàng ngàn năm lịch sử. Chính vì lẽ đó, ngay sau khi đất nước được độc lập, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày một quan niệm giản dị nhưng mang tính nguyên lý, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài, đó là: “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”<sup>1</sup>. Khi Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều đặc điểm khác biệt, Đảng đã nhận thức được phải tiến hành công cuộc

---

\* Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

đổi mới sâu sắc, toàn diện từ tư duy, nhận thức; thể chế phát triển, đến tổ chức, bộ máy và con người thực hiện, trong đó văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, có vai trò dẫn dắt, điều chỉnh, soi đường cho dân tộc, đất nước đi đến mục tiêu xác định. Trong toàn bộ quá trình đó, vai trò “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” đã tiếp tục được cụ thể hóa với nhiều nội hàm sâu sắc, phù hợp để hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>1</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991), được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, chính là sự đánh dấu một bước đổi mới quan trọng trong nhận thức và hành động trong lĩnh vực văn hóa, xã hội và con người với việc xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”<sup>2</sup>. Với việc khẳng định nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu “đặc trưng” tạo nên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã xác định văn hóa là một thành tố hữu cơ, không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, phản ánh rõ hơn tính chất của nền văn hóa tiến bộ, văn minh, khoa học, kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hướng đến hiện đại, theo xu thế phát triển của thời đại và văn minh nhân loại.

Từ sau Cương lĩnh năm 1991, “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.102.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.52, tr.354.

tiếp tục là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam và được đề cập trong nhiều văn bản quan trọng. Tuy nhiên, mốc đánh dấu sự đổi mới toàn diện trong tư duy về văn hóa của Đảng ta phải kể đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) (Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Đây là một nghị quyết chuyên đề, có tầm quan trọng đặc biệt, thể hiện tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, năng lực sáng tạo, quan điểm phát triển và hiện đại của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên tư cách một Đảng lãnh đạo và cầm quyền. Văn kiện mang tính cương lĩnh của Đảng về văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đã chỉ rõ 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa nước ta là: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất, đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5- Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng. Có thể nói, 5 quan điểm chỉ đạo này là một chỉnh thể thống nhất, trong đó đã nhấn mạnh đến: vai trò của văn hóa trong phát triển; mục tiêu, tính chất của văn hóa Việt Nam mà chúng ta xây dựng; tinh thần khoan dung văn hóa với quan niệm về sự thống nhất mà đa dạng của nền văn hóa Việt Nam,

phù hợp với đặc điểm của một dân tộc đa tộc người, đa văn hóa và đa tôn giáo; khẳng định sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, với vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; nhấn mạnh văn hóa là một mặt trận, một sự nghiệp cách mạng lâu dài, phải có ý chí cách mạng, sự kiên trì, thận trọng.

Như vậy có thể khẳng định, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã thể hiện rõ quan điểm phát triển văn hóa của Đảng, trong đó, tính tiên tiến và bản sắc dân tộc được hòa quyện, gắn bó hữu cơ trong các yếu tố cấu thành của nền văn hóa: bảo đảm tính kế thừa và phát triển, vừa giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời bảo đảm tính mở, tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại. Cũng trong Nghị quyết, nội hàm của tính tiên tiến và bản sắc văn hóa cũng được xác định rõ, phù hợp với mục tiêu, đặc điểm, truyền thống của đất nước trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo đó, tiên tiến trong văn hóa trước hết là nền văn hóa yêu nước và tiến bộ, một xã hội dân chủ, văn minh tất cả vì con người, vì tự do, hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người được đặt trên cơ sở của hệ tư tưởng chính trị với lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Còn bản sắc văn hóa dân tộc là các giá trị đặc trưng, tiêu biểu phản ánh diện mạo, cốt cách, bản chất riêng của nền văn hóa, là dấu hiệu cơ bản để phân biệt nền văn hóa của dân tộc này với dân tộc khác được hình thành trong mối liên hệ thường xuyên với điều kiện kinh tế, môi trường tự nhiên, thể chế chính trị... trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Bản sắc văn hóa được thể hiện rõ trong truyền thống dân tộc, là các giá trị văn hóa

tiêu biểu được trao truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, được khai thác và phát huy, tiếp tục bồi đắp, tạo nên dòng chảy văn hóa của dân tộc từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Với mục tiêu chung hướng đến của quá trình xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, hướng tới chân - thiện - mỹ, thẩm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, Đảng đã xác định đây là một quá trình lâu dài, đòi hỏi phải có bước đi phù hợp, thích ứng với điều kiện, trình độ phát triển về kinh tế, xã hội, bối cảnh trong nước và quốc tế. Điều này cho thấy tầm nhìn rộng và xa của Đảng về sự phát triển bền vững của đất nước, ít nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những quan điểm chỉ đạo đúng đắn về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII cho thấy Đảng đã thể hiện rõ bản lĩnh văn hóa và sự nhạy cảm trước những vấn đề mới nảy sinh về văn hóa và trong đời sống xã hội, xác định được những định hướng cơ bản có tính chiến lược; đồng thời, xác định được những trọng điểm cần giải quyết trước những vấn đề cấp bách đang đặt ra cho xã hội ta hiện nay trên lĩnh vực văn hóa cũng như đề ra được mục tiêu, định hướng, giải pháp khả thi, hiệu quả cho việc xây dựng và phát triển văn hóa của đất nước trong giai đoạn mới. Chính vì đề cập đúng và trúng những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa, về văn hóa và phát triển, về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, ngay từ khi mới

ra đời, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã được đón nhận nồng nhiệt, không chỉ đối với các nhà hoạt động văn hóa, các nhà lãnh đạo, quản lý mà còn đối với đông đảo các tầng lớp nhân dân và nhanh chóng được quán triệt, triển khai sâu rộng, đưa đến sự chuyển biến và phát triển nhận thức của xã hội về văn hóa một cách rõ rệt.

Những tư tưởng chủ yếu của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được quán triệt và thể hiện xuyên suốt trong những văn kiện tiếp theo. Trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X* (tháng 4/2006), Đảng xác định phát triển văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội là một trong những nhiệm vụ lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân những năm tới; phát triển cả chiều sâu, chiều rộng, cũng như không ngừng nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gắn kết chặt chẽ hơn với phát triển kinh tế - xã hội; làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội<sup>1</sup>. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* sau đó, Đảng tiếp tục khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.205.

thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao...”<sup>1</sup>. Tiếp đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Đảng tiếp tục khẳng định những quan điểm lớn về văn hóa, con người và xã hội như: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng dân tộc Việt Nam, xây dựng môi trường văn hóa đồng bộ, lành mạnh, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng, phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa... “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thẩm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>2</sup>.

Như vậy, trong quá trình lãnh đạo đất nước và phát triển văn hóa dân tộc, cùng với nhiều nghị quyết khác, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng nền văn hóa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.75-76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47.

Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã thể hiện rõ năng lực tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng trong lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa nước nhà. Đồng thời, nhờ nỗ lực đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn của đất nước và dân tộc, nhất quán với phương châm và hành động, Đảng đã chỉ đạo sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta có tính chiến lược lâu dài của toàn Đảng và toàn dân trong xây dựng và phát triển đất nước.

## **2. Kết quả hơn 20 năm Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

### *2.1. Những thành tựu đạt được*

Từ khi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ra đời cho đến nay đã 22 năm. Trong suốt hơn 20 năm ấy, Đảng đã nhất quán, kiên trì lãnh đạo đất nước xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đạt được nhiều thành tựu đáng kể:

- Qua hơn 20 năm triển khai thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng đã tạo được bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức chung của xã hội về vị trí, vai trò to lớn của văn hóa và về con đường phát triển của văn hóa Việt Nam trong thời kỳ lịch sử mới.

- Cùng với đó, hệ thống thể chế được tăng cường, quản lý văn hóa đặt trọng tâm vào ban hành, hướng dẫn và thực thi luật pháp. Các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành hàng trăm văn bản luật pháp liên quan đến sự nghiệp văn hóa, trong đó đáng chú ý là các văn bản luật trực tiếp quy

định công tác báo chí, xuất bản, bản quyền, di sản văn hóa, thư viện, điện ảnh, quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật... Những quy định luật pháp đã mở đường cho sự tham gia của xã hội vào các hoạt động văn hóa, giữ vững định hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đẩy lùi những tiêu cực, sai trái trong hoạt động văn hóa.

- Bên cạnh luật pháp, nhiều chủ trương, chính sách phát triển văn hóa như: chính sách về tăng ngân sách cho các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học, về nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa của lịch sử và của cách mạng, về giao lưu văn hóa với các nước,... được ban hành và áp dụng rộng rãi từ Trung ương đến các địa phương. Điều này đã mở đường cho nhiều phong trào và các cuộc vận động về văn hóa nhằm khắc sâu các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, góp phần đáng kể trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trước sức công phá của mặt trái kinh tế thị trường và quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế. Đặc biệt, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng và từng bước đi vào chiều sâu, khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng, có ảnh hưởng lan tỏa rộng khắp đến đời sống văn hóa của cả nước, được mọi tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng mạnh mẽ, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, đạo đức, lối sống cho các tầng lớp nhân dân.

- Cùng với việc phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống và tinh thần cách mạng của dân tộc, trong suốt hơn 20 năm qua, Việt Nam đã từng bước tiếp nhận những giá trị văn hóa phổ quát của nhân loại, đó là tinh thần dân chủ,

ý thức tự do và tầm nhìn toàn cầu; nhiều thành tựu về khoa học và công nghệ hiện đại đã đến với người dân... Ngoài ra, công tác phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển văn học nghệ thuật, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, chính sách văn hóa đổi mới với tôn giáo, giao lưu văn hóa với nước ngoài,... đều đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn. Điều đó đã từng bước nâng cao tính tiên tiến của văn hóa Việt Nam, tạo điều kiện để văn hóa Việt Nam hội nhập quốc tế và phát triển.

- Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được đặt ra đã có bước chuyển biến quan trọng, bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên. Đảng và Nhà nước đã từng bước gắn kết chặt chẽ hơn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước cũng như gắn kết chặt chẽ hơn việc xây dựng và phát triển văn hóa với xây dựng và phát triển con người Việt Nam.

- Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường xây dựng và từng bước hiện đại, phát triển rộng khắp từ Trung ương đến cấp xã: Hệ thống bảo tàng tiếp tục được mở rộng và ngày càng đổi mới về nội dung và hình thức trình bày, thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống, nâng cao giá trị văn hóa, khoa học cho người dân, nhất là thế hệ trẻ. Hệ thống thư viện các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, hệ thống giáo dục quốc dân, thư viện chuyên ngành ngày càng được mở rộng, đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu. Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa không chỉ được mở rộng ở một số quốc

gia, ở trong nước cũng được phát triển đến các thôn, bản. Vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng con người mới, gia đình hạnh phúc, môi trường văn hóa lành mạnh luôn được quan tâm.

- Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và đóng góp nguồn lực cho phát triển văn hóa ngày càng nhiều hơn. Văn học, nghệ thuật có bước phát triển mới. Truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về loại hình, quy mô, lực lượng, phương tiện kỹ thuật và ảnh hưởng xã hội. Đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

- Chủ trương gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển kinh tế vì mục tiêu văn hóa, vì sự phát triển con người đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Trong các chính sách kinh tế - xã hội, sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người đã được các cấp, các ngành, từ Trung ương đến các địa phương quan tâm đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng, có nhiều khởi sắc, thực hiện các điều ước quốc tế song phương và đa phương, thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế về văn hóa tiếp tục phát triển sâu rộng,... góp phần làm cho vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; văn hóa, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè hiểu biết rõ hơn.

- Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của giới trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí đang mở rộng sức tập hợp và nâng cao chất lượng hoạt động. Phương hướng xây dựng nền văn

hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được thừa nhận trong chính cuộc sống, được sự nhất trí của nhân dân và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa. Tinh thần tự do sáng tạo và sự giúp đỡ vật chất của Nhà nước và xã hội cho hoạt động văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản ngày càng thiết thực, có hiệu quả. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và các hình thức, sáng kiến xây dựng văn hóa trong nhân dân phong phú, sinh động hơn trước. Trình độ dân trí được nâng lên, cùng với văn hóa phát triển đã góp phần khơi dậy tính chủ động sáng tạo của nhân dân và nâng cao tính đồng thuận xã hội, tạo ra bầu không khí dân chủ, niềm tin của nhân dân được nâng lên không ngừng.

- Các cơ quan thông tin, truyền thông, đặc biệt là báo chí, xuất bản thể hiện tốt vai trò là công cụ trực tiếp, đặc lực, có trách nhiệm tuyên truyền cho quá trình chăm lo phát triển văn hóa của đất nước trên cơ sở vì mục đích, lợi ích của nhân dân và đất nước. Hệ thống thông tin, báo chí, xuất bản phát triển rộng khắp từ Trung ương đến địa phương với tất cả các loại hình báo chí, đáp ứng nhu cầu về thông tin trong nước và quốc tế cho người dân, cùng với các lĩnh vực văn hóa khác, góp phần thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền. Việc coi trọng bảo vệ, gìn giữ văn hóa truyền thống, đấu tranh chống lại các sản phẩm phi văn hóa, các thông tin sai trái, thù địch trong điều kiện công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ.

- Những giá trị và đặc sắc văn hóa của 54 dân tộc anh em được kế thừa và phát triển, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Trong thành tựu chung, những chuyển biến trong xây dựng văn hóa

các dân tộc thiểu số là rất đáng kể. Ý thức về bình đẳng dân tộc, mối quan tâm về những giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số và quyết tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc anh em là những chuyển biến có ý nghĩa. Nhà nước đã có nhiều chính sách để đưa sản phẩm văn hóa, thông tin đến vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số. Các chương trình phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương đã phát sóng hàng chục ngôn ngữ dân tộc. Con em các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện đến trường. Nếp sống văn minh được hình thành trong nhiều thôn, bản... Công tác sưu tập, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc được đẩy mạnh, các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa. Nhiều di sản văn hóa - cả vật thể và phi vật thể đều được giữ gìn, tôn tạo.

- Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa trong Đảng gắn liền với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao phẩm chất đảng viên được đặt ra, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới văn hóa nói riêng.

## *2.2. Những hạn chế và nguyên nhân*

Hơn 20 năm Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhưng trước những biến động khó lường của tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt là quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng sâu sắc và toàn diện, khiến cho sự nghiệp phát triển văn hóa vẫn còn nhiều hạn chế cần sớm được khắc phục:

- Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước. Công tác tổ chức thực hiện chủ

trương, quan điểm phát triển văn hóa ở một số lĩnh vực, địa phương còn hạn chế; cơ chế, chính sách còn bất cập, đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Chưa phát huy hết vai trò, tiềm năng của văn hóa đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Ở một số nơi, sự phát triển của văn hóa chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, hoặc thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

- Những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng so với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã dẫn đến môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi sự lan tràn của các sản phẩm và các dịch vụ văn hóa thấp, biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục. Thiếu các sản phẩm và dịch vụ văn hóa chất lượng cao. Số lượng tác phẩm văn hóa có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật chưa tương xứng với yêu cầu phát triển văn hóa, đồng thời vẫn còn không ít tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp... Điều này tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ, dẫn đến đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng, tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Nghiêm trọng hơn là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn xuất hiện ngày càng nhiều

trong xã hội. Có thể nói, đây là mặt hạn chế lớn, là vấn đề gây bức xúc nhất trong đời sống văn hóa - xã hội của đất nước hiện nay, tuy nhiên Đảng và Nhà nước chưa tập trung đúng mức để ngăn chặn và đẩy lùi. Ngoài ra, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hóa - tinh thần ở vùng sâu, vùng xa vẫn chưa được khắc phục hiệu quả.

- Hệ thống thông tin đại chúng phát triển còn thiếu quy hoạch, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người.

- Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao.

Thực tế những hạn chế của công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có thể được lý giải bởi nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, như:

- Tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi, một số lĩnh vực chưa lường hết được tác động của tàn dư văn hóa cũ, lạc hậu, của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế. Cùng với đó, bệnh chủ quan, duy ý chí trong quản lý kinh tế - xã hội cùng với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam còn không ít khó khăn đã tác động tiêu cực đến việc triển khai đường lối phát triển văn hóa; đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn chế, chưa tương xứng. Chưa xây dựng được cơ chế,

chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nhận thức và việc cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về văn hóa ở một số địa phương, lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Chưa quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quan điểm phát triển văn hóa của Đảng.

- Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa có biểu hiện thực dụng, xa rời thiên chức của văn hóa, thị hiếu thấp kém... là những tác nhân gây bất lợi cho sự phát triển văn hóa cần được nhận biết và khắc phục.

### **3. Một số định hướng giải pháp phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời gian tới**

Như vậy, với sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và qua hơn 20 năm Đảng lãnh đạo phát triển văn hóa, lĩnh vực văn hóa đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới đất nước. Sự chuyển mình của văn hóa Việt Nam và thành tựu bước đầu của văn hóa dân tộc đã cho thấy, đường lối đổi mới văn hóa cũng như sự lãnh đạo của Đảng là đúng đắn. Trong hành trình mới của dân tộc, để tiếp tục quy tụ được năng lực sáng tạo, sức mạnh và ý chí của toàn Đảng, toàn dân, mở ra một kỷ nguyên mới trong sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc, cần tập trung vào những vấn đề sau:

*Một là*, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Coi trọng xây dựng luật pháp, hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa thành hệ thống chính sách và pháp luật để triển khai thực hiện... Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa như hoàn thiện một số cơ chế, chính sách về văn hóa.

Mỗi cấp ủy và chính quyền, đoàn thể, mỗi cán bộ, đảng viên cần xem xét nghiêm túc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của mình, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa. Tăng cường các biện pháp quản lý cán bộ, đảng viên; giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược về các nội dung liên quan đến đạo đức, văn hóa.

*Hai là*, tiếp tục phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong xây dựng và phát triển văn hóa; đẩy mạnh hơn nữa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho văn hóa thâm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động của xã hội, vào từng con người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, cũng như mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người trong xã hội.

Gắn kết ngay từ đầu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển văn hóa, đồng thời cụ thể hóa nội dung xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong chính trị. Triển khai

thực hiện có lộ trình đặt ngang hàng văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội về nhiệm vụ; đầu tư kinh phí, trách nhiệm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức xã hội và người dân. Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế.

Phát huy vai trò các phương tiện truyền thông đại chúng trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới: Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội và người dân về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước; tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, xây dựng gia đình văn hóa, môi trường văn hóa xã hội lành mạnh; coi trọng giáo dục truyền thống, tính tự hào, tự tôn dân tộc,...

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nâng cao khả năng dự báo, định hướng phát triển văn hóa, con người. Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả. Tiếp tục cụ thể hóa đặc trưng văn hóa, đặc tính con người Việt Nam trong điều kiện mới; hoàn thiện hệ giá trị chuẩn mực văn hóa, con người; khuyến khích hình thành các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân và giới thiệu văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Huy động các nguồn lực xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa; coi trọng bảo tồn các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số. Ban hành các chính sách mới, phù hợp nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền đặc

biệt là ở các vùng khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Phát triển các thiết chế văn hóa, bảo đảm tính hiệu quả trong sử dụng, phù hợp với vùng, miền, tập quán dân tộc. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, minh bạch, công khai và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư cho phát triển văn hóa, trong đó đầu tư cho văn hóa phải tương đương với tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh công tác phát triển công nghiệp văn hóa.

*Ba* là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động mang tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, những vấn đề liên quan đến quyền tác giả và các quyền liên quan phù hợp với luật pháp quốc tế; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn chỉnh hệ tiêu chí về văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới, cụ thể hóa nội dung văn hóa trong chính trị và kinh tế, coi trọng việc đánh giá các tác động của các chính sách kinh tế đối với văn hóa và ngược lại; phát huy tốt vai trò của văn hóa với tư cách là hệ điều tiết phát triển xã hội.

*Bốn* là, quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa phù hợp với yêu cầu mới đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Coi trọng và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ ở cơ sở,... Có chính sách phù hợp nhằm thu hút cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số trong các lĩnh vực văn hóa ở cơ sở. Quy hoạch lại hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó vừa bảo đảm nhu cầu đào tạo các lĩnh vực văn hóa quần chúng, vừa chú trọng đào tạo chuyên sâu. Xây dựng một số trường đại học nghiên

cứu về văn hóa mang tầm khu vực. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tôn vinh, đài ngộ, trọng dụng những người tài, đặc biệt là trong những lĩnh vực văn hóa đặc thù.

Năm là, đề cao vai trò nêu gương của người đứng đầu trong thực hiện các quy định về văn hóa, đạo đức, lối sống, đẩy mạnh công tác phát triển văn hóa, xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đặc biệt, “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, đòi hỏi ý chí cách mạng kiên cường, trình độ trí tuệ và tính tự giác cao. Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương nêu cao vai trò gương mẫu của người cộng sản, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp phát triển văn hóa”<sup>1</sup>. Chỉ khi Đảng thực sự “là văn minh”, “là đạo đức” (như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh), trở thành đội ngũ tiên phong của giai cấp, của dân tộc thì với sức lan tỏa mạnh mẽ của mình, Đảng sẽ lôi cuốn cả dân tộc - khẳng định những giá trị đạo đức trong đời sống tinh thần của xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. Tiến hành sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong toàn Đảng và bộ máy nhà nước, trước hết trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý. Phát huy vai trò gương mẫu về đạo đức, lối sống văn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.173.

hóa của cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước. Đẩy mạnh và đưa vào chiêu sâu việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kiên quyết đấu tranh “chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”<sup>1</sup>...; xử lý nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người suy thoái, tha hóa về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

\*  
\*      \*

Như vậy, nhìn lại hơn 20 năm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng đã thể hiện vai trò to lớn đối với thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc. Những thành tựu về phát triển văn hóa trong những năm qua đã góp phần tô điểm thêm cho nền văn hóa Việt Nam nhiều giá trị, diện mạo và sắc thái mới, thấm nhuần tinh thần “dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học, đại chúng”, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.202.

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VỚI VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM  
THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG\*

**D**ảng Cộng sản Việt Nam không có mục tiêu nào khác ngoài mục tiêu gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội để giải phóng con người Việt Nam thoát khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột. Để thực hiện mục tiêu này, một mặt, Đảng phấn đấu để mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, ốm đau được chữa bệnh, người già cả, neo đơn thì được xã hội, Nhà nước quan tâm, chăm sóc; mặt khác, Đảng chăm lo xây dựng con người Việt Nam mới phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Vấn đề này thể hiện đặc biệt rõ nét trong quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Điều này thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

*Một là, mọi chủ trương, đường lối của Đảng đều lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất - là cơ sở cho việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong*

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*thời kỳ đổi mới.* Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) bắt đầu của sự nghiệp đổi mới, Đảng đã căn dặn cán bộ, đảng viên không được coi nhẹ yếu tố con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội yêu cầu “khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Đồng thời, Đại hội cũng yêu cầu quán triệt “lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động”<sup>2</sup> của Đảng, Nhà nước. Với tinh thần phục vụ con người làm trọng, Đại hội cũng đề ra quan điểm hết sức đúng đắn: “Sự quan tâm đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau phải trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ đồng đảo nhân dân”<sup>3</sup>. Quan điểm này hoàn toàn đúng, bởi lẽ nếu không có môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội trong lành thì khó mà xây dựng được con người mới Việt Nam phát triển toàn diện; đồng thời cũng thể hiện bản chất nhân văn, vai trò to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc xây dựng con người mới Việt Nam phát triển toàn diện.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) tiếp tục khẳng định: “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người”<sup>4</sup>; “Phát triển sự nghiệp khoa học, giáo dục, văn hóa nhằm phát huy nhân tố

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.48, tr.48.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.421, 423.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.100.

con người và vì con người”<sup>1</sup>. Có nghĩa là mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung phải vì mục tiêu phục vụ con người Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) chỉ rõ, giáo dục và đào tạo phải có nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và “Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam”<sup>2</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) cũng đề ra nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó “Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam”<sup>3</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) đề ra nhiệm vụ tiếp tục phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần “hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam”<sup>4</sup>, “đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>5</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) khẳng định “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”<sup>6</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) có bước phát triển hơn khi khẳng định “Xây dựng con

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.106.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.391.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.202.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.213.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.76.

người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển”<sup>1</sup>.

Như vậy có thể thấy, các đại hội Đảng thời kỳ đổi mới đều coi con người là mục tiêu của mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là nền tảng, cơ sở quan trọng để Đảng đề ra các chính sách xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong thời kỳ đổi mới.

*Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam là người đề ra chủ trương xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.* Đây là chủ trương đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới, điều kiện đất nước còn rất khó khăn, nhưng Đảng đã chủ động đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng nền nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội; nêu cao tính tự giác, ý thức tự trọng của mỗi người kết hợp với các biện pháp giáo dục và hành chính của các tổ chức xã hội và các cơ quan nhà nước”<sup>2</sup> để có môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội thuận lợi cho xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Đại hội lần thứ VI đề ra nhiệm vụ thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, giải quyết tốt việc làm cho người lao động; thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội; chăm lo đáp ứng nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân, trên cơ sở đó xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.126.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.423.

Đại hội lần thứ VII trên cơ sở đổi mới chính sách xã hội theo hướng chăm lo cho con người thì cần phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục “vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán những thói hư tật xấu, cái độc ác, thấp hèn”<sup>1</sup>.

Đại hội lần thứ VIII tiếp tục đề ra nhiệm vụ phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để “xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”<sup>2</sup>. Để thực hiện mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, Đại hội yêu cầu thực hiện tốt các chính sách giải quyết các vấn đề xã hội; đặc biệt thực hiện chủ trương “tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”<sup>3</sup>; đồng thời, tập trung tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân; đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, v.v..

Đại hội lần thứ IX có bước cụ thể hơn so với Đại hội lần thứ VIII khi đề ra nhiệm vụ “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.110.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.391, 393.

thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”<sup>1</sup>. Đồng thời, Đại hội lần thứ IX cũng xác định: “Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>2</sup>.

Đại hội lần thứ X quan tâm nhiều đến những cách thức để thực hiện chủ trương xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Đó là “phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội”<sup>3</sup>; “Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam”<sup>4</sup>; “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”<sup>5</sup>; “Tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển”<sup>6</sup>; “Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả”<sup>7</sup>; “Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi”<sup>8</sup>; “Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”<sup>9</sup>,...

Đại hội lần thứ XI tiếp tục lĩnh hội tinh thần các Đại hội trước, nhưng đã có bước phát triển hơn, hoàn thiện hơn khi đề ra nhiệm vụ cụ thể cho việc xây dựng con người Việt Nam “phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật”<sup>10</sup>. Muốn đạt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.143, 202.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.64, tr.69.

4, 5, 6, 7, 8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.151, 65, 201, 202, 203.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.105.

được mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện như trên, Đại hội lần thứ XI đề ra nhiệm vụ phải thực hiện tốt các chỉ tiêu bổ sung, hỗ trợ. Cụ thể: “Đến năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức khoảng 1%; tuổi thọ trung bình đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sĩ và 26 giường bệnh trên một vạn dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân”<sup>1</sup>,... Bên cạnh đó, Đại hội cũng nhấn mạnh việc “Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện”<sup>2</sup>. Đây là quan điểm hoàn toàn đúng đắn, bởi lẽ để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện thì phải có điều kiện, phải gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI của Đảng tăng cường gắn xây dựng văn hóa với xây dựng con người và cụ thể thêm một bước chủ trương phát triển con người Việt Nam toàn diện: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thẩm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”<sup>3</sup>. Hội nghị Trung ương 9 khóa XI cũng nhấn mạnh nhiệm vụ “Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc”<sup>4</sup>.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.104, 100.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 49.

Đại hội lần thứ XII chủ trương “Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện”<sup>1</sup>. Để thực hiện chủ trương này, Đại hội đề ra nhiệm vụ giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội; coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người<sup>2</sup>,... Trên cơ sở đó, Đại hội xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội là “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”<sup>3</sup>. Điểm mới là, Đại hội XII đề ra nhiệm vụ “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”<sup>4</sup>.

Như vậy có thể thấy chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đã được Đảng định hướng, quán triệt xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới. Đó là những định hướng “phát triển con người toàn diện về tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, thể chất, về đạo đức, nhân cách, lối sống với các đặc

1, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.136, 219, 126-127.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.136-138.

tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”<sup>1</sup>. Đặc biệt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đã “bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên”<sup>2</sup> đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ ba, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương gắn nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện với nhiệm vụ xây dựng văn hóa; xây dựng, phát triển đất nước.* Đây là chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng, bởi lẽ, xây dựng, phát triển con người Việt Nam không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Trong nền văn hóa Việt Nam thì con người Việt Nam vừa là chủ thể sáng tạo, xây dựng nền văn hóa đó, vừa là đối tượng phục vụ, mục tiêu của nền văn hóa này. Hơn nữa, chính hệ giá trị con người Việt Nam cũng thống nhất với hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Có thể khẳng định: “Mỗi quan hệ khăng khít giữa xây dựng văn hóa với xây dựng con người đã được Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng con người để thúc đẩy phát triển văn hóa. Con người là chủ thể sáng tạo, thụ hưởng, truyền bá văn hóa, là trung tâm của chiến lược phát triển. Xây dựng con người có nhân cách, lối sống

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.93.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.123.

tốt đẹp là trọng tâm, cốt lõi của phát triển văn hóa; mọi hoạt động văn hóa đều phải hướng tới xây dựng, phát triển con người”<sup>1</sup>.

Đồng thời nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước. Bởi lẽ, con người cũng vừa là chủ thể của quá trình xây dựng, phát triển đất nước, vừa là mục tiêu của các chương trình xây dựng, phát triển đất nước. Hơn nữa, chính nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước quy định nội dung các nhiệm vụ cụ thể cho xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước. Để thực hiện sự gắn kết này, Đảng chủ trương gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người phát triển và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và trong từng chính sách phát triển. Tư tưởng này đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho các chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển đất nước. Chính vì vậy, nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện luôn tương thích, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước. Để thực hiện sự gắn kết giữa xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện với xây dựng văn hóa và xây dựng, phát triển đất nước, Đảng chủ trương hướng các hoạt động văn hóa, khoa học, giáo dục vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng đạo đức, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người và quyền công dân. Hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; kết hợp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Sđd, tr.93.

hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội. Nâng cao thể lực, tâm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy có thể khẳng định, mọi thành tựu trong xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong gần 35 năm đổi mới vừa qua đều gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đều xuất phát từ mục tiêu phục vụ con người Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã cụ thể hóa chủ trương xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về *tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, thể chất*, về *đạo đức, nhân cách, lối sống* với các đặc tính cơ bản: *yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo* bằng các chính sách cụ thể. Để đạt được những mục tiêu này, Đảng, Nhà nước đã gắn chủ trương xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện với chủ trương xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; với chính sách xây dựng, phát triển đất nước; hình thành môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội thuận lợi cho con người Việt Nam phát triển toàn diện.

## **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI NHIỆM VỤ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Đồng chí CHU NGỌC ANH\*

**T**rong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với sự phát triển như vũ bão của làn sóng cách mạng công nghiệp mới, khoa học và công nghệ trở thành yếu tố đầu vào quan trọng nhất của lực lượng sản xuất hiện đại, là chìa khóa quyết định tốc độ và chất lượng phát triển của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, xem trọng vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được xem là quốc sách hàng đầu, là nền tảng động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngay từ rất sớm, Đảng đã nhận thức sâu sắc và có các định hướng, chỉ đạo đúng đắn về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời, luôn coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi để khoa

---

\* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

học và công nghệ nước nhà phát triển. Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng đã trở thành kim chỉ nam cho hoạt động khoa học và công nghệ, dẫn dắt lực lượng khoa học và công nghệ Việt Nam tiến những bước dài trên con đường xây dựng và phát triển tiềm lực, đóng góp thiết thực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững quốc phòng và an ninh quốc gia, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống người dân, góp phần đưa nước ta từ một nước kém phát triển gia nhập nhóm quốc gia có thu nhập trung bình. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử mà Việt Nam đạt được trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là sau gần 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, có vai trò, đóng góp quan trọng của khoa học và công nghệ.

### **1. Tâm nhìn chiến lược và đường lối phát triển khoa học và công nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Ngay từ những năm kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp, Đảng ta đã sớm nhận thức về tầm quan trọng của công tác phát triển khoa học và kỹ thuật. Lần đầu tiên, tại Đại hội đại biểu lần thứ II (1951), *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* đã chỉ ra 15 chính sách cần thi hành nhằm đưa kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, trong đó phải cải cách chế độ giáo dục và “phát triển khoa học, kỹ thuật”. Năm 1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 với chủ trương đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, xem khoa học và kỹ thuật là điều kiện không thể thiếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

ngày càng ác liệt, Đảng đã chỉ đạo kịp thời chuyển hướng và tăng cường công tác khoa học - kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất, chiến đấu để giải phóng miền Nam, bảo đảm đời sống trước mắt của nhân dân miền Bắc. Năm 1967, Ban Bí thư ban hành Nghị quyết số 157-NQ/TW, ngày 22/02/1967 “Về tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Nghị quyết chỉ rõ phải đẩy mạnh cách mạng khoa học và kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu trong thời chiến và tích cực chuẩn bị để thực hiện cuộc cách mạng này trên quy mô lớn, trình độ cao trong phạm vi cả nước sau khi nước nhà thống nhất.

Với đường lối sáng suốt của Đảng, những nền tảng đầu tiên của một nền khoa học và kỹ thuật còn non trẻ đã được hình thành ngay trong những năm tháng chiến tranh gian khổ để thực hiện sứ mệnh góp phần hoàn thành các mục tiêu quốc gia về sản xuất, dân sinh và quốc phòng. Các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, trung học chuyên nghiệp bắt đầu được thành lập; đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật được gây dựng; phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật được khởi xướng. Chính trong thời kỳ khó khăn này, đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã thực hiện thành công những nhiệm vụ vô cùng quan trọng: tiến hành điều tra, khảo sát tài nguyên, khoáng sản ở nhiều miền đất xa xôi; tiếp thu làm chủ kỹ thuật từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em để thiết kế, thi công các công trình, nhà máy, xí nghiệp lớn làm “trụ cột” cho nền công nghiệp non trẻ; nghiên cứu ứng dụng giống cây mới và quy trình gieo cấy tiên tiến, bảo đảm lương thực cho hậu phương lớn miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến miền Nam; triển khai các công trình y dược về sốt rét, lây nhiễm, da liễu, ngoại khoa, phục vụ kịp thời việc

chăm sóc sức khỏe nhân dân và lực lượng quân đội trên chiến trường; hệ thống các công trình kỹ thuật quân sự như chống nhiễu radar, cải tiến tên lửa phòng không, rà phá thủy lôi từ tính và bom từ trường đã góp phần cùng quân và dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh kỹ thuật cao của đối phương, hoàn thành sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, đất nước bước vào giai đoạn lịch sử mới: “*giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>. Bên cạnh các cơ hội thuận lợi khi nước nhà thống nhất, nền khoa học và kỹ thuật sau giải phóng đứng trước muôn vàn khó khăn trong hoàn cảnh nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, bị chiến tranh tàn phá và chủ nghĩa thực dân mới kìm hãm. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn yếu kém, cơ cấu kinh tế chưa cân đối, năng suất lao động thấp, sản xuất chưa bão đảm được nhu cầu đời sống và tích lũy. Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976) của Đảng đã xác định cần tiến hành cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt trong ba cuộc cách mạng của thời kỳ khôi phục và kiến thiết đất nước sau thống nhất.

Thập niên 80 của thế kỷ XX là thời kỳ có những thay đổi quan trọng trong đường lối, chủ trương, chính sách về xây dựng đất nước, đã tác động mạnh mẽ và quyết định đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung, khoa học và công nghệ nói riêng. Năm 1981, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 20/4/1981 “Về chính sách khoa học và kỹ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.987.

thuật thống nhất cho cả nước". Đây là nghị quyết đầu tiên của Đảng về một chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất, có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh với quyết tâm chấm dứt thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật một cách tự phát, tản漫, thiếu hiệu quả. Nhiều đổi mới trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ngày nay thực chất đã khởi nguồn từ Nghị quyết này như: chính sách cải tổ hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ, tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 2% "thu nhập quốc dân"<sup>1</sup>, "mỗi trường đại học phải là một cơ sở nghiên cứu khoa học"<sup>2</sup>, chú trọng thu hút kiều bào ở nước ngoài và bồi dưỡng, phát triển nguồn cán bộ khoa học trẻ tài năng. Đặc biệt, Nghị quyết đã nhấn mạnh từ rất sớm vai trò đặc biệt quan trọng của khoa học và công nghệ đối với một nước nghèo: "Cần khẳng định rằng trong điều kiện kinh tế càng khó khăn, trình độ kỹ thuật của sản xuất càng thấp kém, thì càng phải chú trọng đầu tư cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật, cho công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật và công nhân kỹ thuật. Chính đó là con đường góp phần nhanh chóng nâng cao năng suất lao động xã hội và giải quyết triệt để những khó khăn trong sản xuất và trong nền kinh tế hiện nay"<sup>3</sup>.

Đường lối đổi mới toàn diện đất nước, chủ trương chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.491.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.34, tr.37.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.42, tr.159.

nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước đã tác động trực tiếp tới việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học - kỹ thuật. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) quyết tâm đổi mới theo tinh thần cách mạng và khoa học, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, khẳng định “*Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học - kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực*”<sup>1</sup>. Tới năm 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng chính thức tuyên ngôn tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xác định mục tiêu đến năm 2000 phải không ngừng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cũng trong năm này, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết quan trọng thứ hai về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới (Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/3/1991), tiếp tục cải tổ mạnh mẽ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ như: tăng mạnh đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn (đạt mức ít nhất 2% ngân sách hàng năm); thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở các bộ, địa phương; các cơ sở sản xuất, kinh doanh cần dành một phần vốn của mình để chi cho nghiên cứu đổi mới công nghệ; cơ quan khoa học được tự mình tổ chức sản xuất, kinh doanh hoặc liên kết, liên doanh với doanh nghiệp để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm do hoạt động nghiên cứu và triển khai của mình tạo ra; xây dựng các trung tâm khoa học và công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.42, tr.159.

nghệ cao ở những nơi tập trung nhiều tiềm lực khoa học và công nghệ; chính sách tín dụng và miễn giảm thuế cho hoạt động đổi mới công nghệ.

Đây là thời kỳ đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật đã được huy động tham gia thiết kế, thi công các công trình thế kỷ của Việt Nam, như xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; khai hoang, cải tạo vùng Đồng Tháp Mười; xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam; tiến hành khai thác dầu khí ở Biển Đông hoặc chọn tạo mới các giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, làm tiền đề cho sự phát triển của các ngành công nghiệp và nông nghiệp của đất nước. Bên cạnh đó, lực lượng khoa học và công nghệ Việt Nam đã từng bước tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng, xóa bỏ cơ chế bao cấp, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế.

## **2. Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Quan điểm coi khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa được khẳng định và quán triệt trong nhiều văn kiện của Đảng thời kỳ đổi mới. Nếu như trước Đại hội lần thứ VI, Đảng đã xác định cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt trong ba cuộc cách mạng của thời kỳ khôi phục và kiến thiết đất nước sau thống nhất, thì lần đầu tiên trong Đại hội lần thứ VI (1986), khoa học và công nghệ được xem là động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Đại hội lần thứ VII (1991) khẳng định khoa học và công nghệ là *nền tảng* của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình lâu dài mà mục tiêu là cải biến Việt Nam thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Năm 1994, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ban hành Nghị quyết số 07-NQ/HNTW, ngày 30/7/1994 “Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) xác định mục tiêu đến năm 2020, đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp; khoa học và công nghệ phải trở thành nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tháng 12/1996, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, ngày 24/12/1996 “*Về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*”. Trong hoàn cảnh đất nước vừa bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và cơ bản hoàn thành giai đoạn chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng Việt Nam vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn lạc hậu, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII ra đời đã định

hướng và tạo cơ sở quan trọng cho sự phát triển của nền khoa học và công nghệ nước nhà, từng bước phát huy vai trò động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn này, nhiều cải cách lớn đã được tiến hành như: sắp xếp các cơ quan nghiên cứu - triển khai, chuyển đổi hình thức trực thuộc của cơ quan nghiên cứu - triển khai nhà nước về các tổng công ty; cho phép thí điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước trong cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu; cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ; nâng mức đầu tư cho khoa học và công nghệ lên 2% tổng chi ngân sách nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) xác định mục tiêu sớm đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời coi khoa học và công nghệ là *quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực* công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) đề ra mục tiêu sớm đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, đồng thời, nhấn mạnh vai trò *động lực* của khoa học và công nghệ trong *phát triển kinh tế tri thức*. Năm 2008, lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết riêng về xây dựng đội ngũ trí thức (Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”), khẳng định vai trò của đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế;

xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ dân tộc.

Năm 2011, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đề ra đường lối đầy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, xác định khoa học và công nghệ giữ vai trò *then chốt* trong phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* được thông qua tại Đại hội nhấn mạnh: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”<sup>1</sup>, phát triển khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững; làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Năm 2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI thông qua Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đề ra sáu nhóm giải pháp lớn, trong đó nhấn mạnh việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cả về phương diện đầu tư và cơ chế tài chính, hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, chính sách trọng dụng cán bộ khoa học tài năng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.69, tr.508.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) tiếp tục trung thành với định hướng đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Báo cáo chính trị của Đại hội kêu gọi cần phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới.

### **3. Những thành tựu khoa học và công nghệ nổi bật sau gần 35 năm đổi mới**

Định hướng dẫn dắt của Đảng mở ra một thời kỳ quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách và pháp luật về khoa học và công nghệ ở Việt Nam khi lần đầu tiên, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001 và năm 2013) khẳng định vai trò là *quốc sách hàng đầu, then chốt* của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các đạo luật điều chỉnh toàn diện và đồng bộ lĩnh vực khoa học và công nghệ lần lượt ra đời nhằm giải phóng tiềm năng sáng tạo, tạo môi trường ngày càng thuận lợi và thông thoáng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới theo hướng tôn trọng đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, phù

hợp với thực tiễn thị trường, dần tiệm cận với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của doanh nghiệp trong hệ thống sáng tạo quốc gia; từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu; áp dụng nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng trong tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện cơ chế khoán chi và kiểm soát chi thông thoáng; gắn nhiệm vụ nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn và thị trường; trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phát triển thị trường công nghệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh cho khoa học và công nghệ; trọng dụng cán bộ khoa học theo nhóm đối tượng tài năng.

Đường lối chỉ đạo của Đảng được thể chế hóa bằng pháp luật và cơ chế, chính sách tiến bộ là điều kiện tiên quyết góp phần nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học và công nghệ của đất nước. Nếu như trong thập niên 60 của thế kỷ XX, cả miền Bắc chỉ có 8 viện nghiên cứu, 6 trường đại học thì đến thập niên thứ hai của thế kỷ XXI cả nước đã có hơn 4.000 tổ chức khoa học và công nghệ, 3 khu công nghệ cao quốc gia, 13 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 8 khu công nghệ thông tin tập trung và gần 67.000 cán bộ nghiên cứu. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm như công nghệ sinh học, hóa dầu, vật liệu, năng lượng, tự động hóa, nano, công nghệ tính toán, y học được tăng cường. Nguồn lực thông tin, nền tảng tri thức Việt số hóa được đầu tư, kết nối và chia sẻ trong cộng đồng. Đầu tư từ doanh nghiệp cho khoa học - công nghệ gia tăng mạnh mẽ. Đã hình

thành các viện nghiên cứu công nghệ công nghiệp theo mô hình tiên tiến thế giới ở cả khu vực nhà nước và tư nhân. Thị trường công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động, hệ thống sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng ngày càng hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, khuyến khích sự ra đời của hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp có tiềm năng tăng trưởng.

Trình độ khoa học và công nghệ của Việt Nam từng bước được nâng cao; số lượng bài báo, công trình khoa học công bố quốc tế và sáng chế của người Việt Nam được gia tăng hằng năm; tốc độ đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ của quốc gia và doanh nghiệp được tăng cường; khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực được rút ngắn đáng kể trong xếp hạng năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo toàn cầu và ở một số lĩnh vực khoa học có thể mạnh. Năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tục tăng, năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng thêm 3 bậc, đặc biệt, năm 2019 đạt thứ hạng tốt nhất từ trước tới nay, xếp thứ 42 trên 129 quốc gia, dẫn đầu nhóm quốc gia thu nhập trung bình thấp. Số lượng công bố quốc tế của các nhà khoa học Việt Nam tăng trung bình 26% mỗi năm, trong đó lĩnh vực toán học và vật lý luôn đứng ở tốp đầu các nước ASEAN.

Khoa học và công nghệ tiếp tục có những bước tiến quan trọng về mọi mặt, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia.

Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chủ trương phát triển đất nước, hoàn thiện pháp luật, tạo tiền đề cho đổi mới tư duy kinh tế, khẳng định lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, bảo tồn

các hệ giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu, đồ sộ về tâm vóc tri thức và ảnh hưởng đã và đang được xây dựng như: bộ *Lịch sử Việt Nam* - bộ quốc sử chính thống cung cấp thông tin toàn diện và chuyên sâu về lịch sử quốc gia; bộ *Địa chí quốc gia Việt Nam (Quốc chí)* - thư tịch cung cấp thông tin toàn diện và hệ thống về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam; *Bách khoa toàn thư Việt Nam* - bộ từ điển tra cứu toàn diện về các vấn đề văn hóa, khoa học và kỹ thuật nhằm nâng cao tri thức cho quảng đại quần chúng nhân dân; *Dịch thuật Kinh điển phuong Đông* - bộ sách tinh hoa về các tác phẩm kinh điển phuong Đông có ý nghĩa lịch sử và thời đại, mang giá trị dân tộc và nhân văn sâu sắc.

Khoa học kỹ thuật và công nghệ đã góp phần nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về lúa gạo và một số mặt hàng nông, thủy sản chủ lực. Nhân tố khoa học và công nghệ đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Trong công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam đã có khả năng độc lập thiết kế, thi công các nhà máy thủy điện lớn; xây dựng công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt tiêu chuẩn quốc tế; chế tạo thiết bị cơ khí thủy công và nâng hạ siêu trường, siêu trọng; giàn khoan tự nâng ở độ sâu 90m và 120m nước; phát triển công nghệ khai thác dầu trong đá mỏng; khai thác vôi tinh viễn thông và vôi tinh viễn thám; làm chủ kỹ thuật ghép đa tạng và sản xuất vắcxin. Việc tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở địa phương cũng góp phần phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, phát

huy lợi thế và tiềm năng vùng, miền, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện hạ tầng an sinh và điều kiện sống của người dân các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Những thành tựu đó đã đóng góp thiết thực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, đổi mới và hoàn thiện thể chế, thúc đẩy năng suất, chất lượng và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, giữ vững quốc phòng và an ninh quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, tạo nên thế và lực mới cho đất nước.

#### **4. Phương hướng phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên toàn cầu với các cơ hội và thách thức đan xen, đòi hỏi một nước đi sau như Việt Nam cần nhanh chóng đổi mới tư duy, hành động kịp thời, một mặt kiên trì các giải pháp tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong dài hạn, mặt khác bằng mọi giá tìm cách đi riêng để phát triển bứt phá. Để đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư tiếp tục có các văn kiện chỉ đạo kịp thời những định hướng lớn về phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh mới. Hai văn kiện quan trọng nhất vừa mới được ban hành là Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Nghị quyết

số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Khác biệt nổi bật nhất của giai đoạn mới này là đường lối chỉ đạo của Đảng về phát triển khoa học và công nghệ không chỉ được định hình trong các văn kiện riêng về khoa học và công nghệ như nêu trên mà đã được đưa vào hầu hết các nghị quyết Trung ương quan trọng liên quan tới các lĩnh vực khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội nước nhà. Đó là các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 4 và Trung ương 5 khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các định hướng cơ bản về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững đã được Đảng vạch rõ:

- Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong phát triển khoa học và công nghệ. Nhanh chóng tháo gỡ các rào cản, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành đột phá và động lực trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới

mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia lấy doanh nghiệp làm trung tâm; gắn kết chặt chẽ viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm kiến tạo và tích lũy tài sản trí tuệ, tạo ra nguồn nhiên liệu mới cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Xây dựng năng lực quản trị nhà nước đối với hệ thống đổi mới sáng tạo và hoàn thiện thể chế cho các hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, thúc đẩy liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, biến khởi nghiệp sáng tạo thành một trong những động lực đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Rà soát, tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia. Ưu tiên nguồn lực triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên như: công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh.

- Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ; cho phép doanh nghiệp tự chủ, tự quyết định sử dụng quỹ cho ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi thông các nguồn lực, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thu hút chọn lọc, có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài thông qua các dự án hợp tác khoa học và công nghệ, ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, có tiềm năng đóng góp, lan tỏa, chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đổi mới và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Bảo hộ và khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các sáng chế tại Việt Nam. Khuyến khích các công ty đa quốc gia đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.

- Phát triển và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài.

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và xu thế phát triển dựa vào tri thức ngày càng sâu rộng. Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước nhanh chóng ra khỏi nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp và cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đội ngũ khoa học và công nghệ Việt Nam sẽ nỗ lực hết mình để biến các chủ trương, đường lối sáng suốt của Đảng thành chương trình hành động cụ thể, quyết tâm đưa khoa học và công nghệ nước nhà tiến nhanh hơn, mạnh hơn, đóng góp thiết thực và hiệu quả hơn cho sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững.

## **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức đi đầu, tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Trong thời bình, dưới sự chỉ đạo của Đảng, đất nước ta đã thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu lớn của dân tộc, đặc biệt là công cuộc đổi mới toàn diện và tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước.

Mỗi mốc lớn của lịch sử đất nước trong 90 năm qua đều ghi đậm dấu ấn lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những thành tựu mà Đảng và dân tộc ta đạt được trong suốt thời gian qua đã chứng tỏ sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, trí tuệ của Đảng. Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn của đất nước và yêu cầu của thời đại trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, điều này thể hiện rõ qua tính khoa học, tính chân lý, tính thực tiễn của cương lĩnh, chủ trương,

đường lối của Đảng trên mọi phương diện khác nhau, trong đó có khoa học và công nghệ.

Trong những năm qua, khoa học và công nghệ Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể. Quá trình phát triển của khoa học và công nghệ là một quá trình lịch sử, trong đó ghi đậm dấu ấn của Đảng Cộng sản Việt Nam với những chủ trương, đường lối chỉ đạo mang tính chiến lược, đúng đắn. Đảng không chỉ thực sự coi trọng khoa học, mà còn thúc đẩy khoa học phát triển. Có thể thấy vai trò của Đảng được thể hiện ở những khía cạnh lớn sau:

*Thứ nhất, Đảng nhận thức được vai trò đặc biệt quan trọng của khoa học và công nghệ.*

Khoa học và công nghệ luôn là một lĩnh vực được Đảng khẳng định vai trò từ rất sớm. Điều này được thể hiện trong sự nghiêm túc của Đảng khi nhìn nhận vấn đề ở các kỳ đại hội. Cụm từ “khoa học và công nghệ” xuất hiện từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), thay cho cụm từ “khoa học - kỹ thuật” ở các kỳ đại hội trước đó. Không phải ngẫu nhiên mà có sự thay đổi này. Về mặt ngữ nghĩa, phạm trù “kỹ thuật” và “công nghệ” khác biệt rõ rệt. Công nghệ (sản xuất) dùng để chỉ tất cả những yếu tố có liên quan đến việc biến đổi những nguồn lực ở đầu vào thành sản phẩm ở đầu ra của quá trình sản xuất. Kỹ thuật (sản xuất) được hiểu là toàn bộ các thiết bị, phương tiện, máy móc và công cụ vật chất giúp quản lý, khai thác, bảo quản và chế tạo các sản phẩm. Theo đó, cụm từ “khoa học và công nghệ” có phạm vi bao quát rộng hơn “khoa học - kỹ thuật”. Mọi sự thay đổi ở hiện thực đều xuất phát từ sự thay đổi của nhận thức. Định danh cho khoa học và công nghệ cho thấy bước phát triển mới trong tư duy

của Đảng: Yếu tố đóng góp tích cực vào giá trị và hiệu quả của nền sản xuất xã hội không đơn giản là các yếu tố thiết bị, phương tiện, máy móc thuộc lực lượng sản xuất vật chất mà còn phụ thuộc vào những yếu tố khác như phương pháp, quy trình, kỹ năng.

Khoa học và công nghệ luôn có một vị trí quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các sứ mệnh khác nhau, giải quyết các yêu cầu khác nhau của thực tiễn phát triển. Đất nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã nhận định khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt. “Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hóa, nâng cao dân trí”<sup>1</sup>. Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đảng ta xem là “quốc sách hàng đầu”.

Nói khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, có vai trò then chốt đồng nghĩa với việc Đảng coi đây như là “chìa khóa”, là “nút thắt” của vấn đề phát triển xã hội. Do đó, muốn tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển phải tập trung phát triển khoa học và công nghệ.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.138-139.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước diễn ra với mục tiêu đề ra là đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), Đảng tiếp tục xác định khoa học và công nghệ (cùng với giáo dục và đào tạo) chính là “nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”<sup>1</sup>. Sự thay đổi cách dùng từ cho thấy nhận thức của Đảng về vai trò của khoa học và công nghệ có bước phát triển, thể hiện sự rõ ràng, rành mạch trong tư duy. Đến đây, khoa học và công nghệ đã thực sự trở thành một yếu tố không thể thiếu, đóng vai trò trực tiếp tạo “vốn” và “lực” để Việt Nam tiến tới mục tiêu công nghiệp hóa.

Bước vào thập niên đầu của thế kỷ XXI cũng là lúc chúng ta đã đi được hai phần ba chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng nhấn mạnh rằng việc phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ chính là một trong những *khâu đột phá chiến lược* để đạt được mục tiêu này. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng cho rằng: “Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”<sup>2</sup>. Đây là giai đoạn đất nước sắp tiến đến gần mục tiêu năm 2020 do đó Đảng đã thay đổi nhận thức, đồng thời cũng là sự nhấn mạnh trọng trách của khoa học và công nghệ. Lúc này đây, khoa học và công nghệ thực sự là một yếu tố đột phá chiến lược giúp đất nước nhanh chóng đạt được mục tiêu đề ra và rút ngắn thời kỳ quá độ. Là

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tr.61, tr.682.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.132.

một trong những khâu đột phá chiến lược cũng có nghĩa sự thay thế của khoa học và công nghệ là không thể và đây là lựa chọn chính xác nhất.

Đặc biệt, sự phát triển trong nhận thức của Đảng về vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ còn được thể hiện ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), khi lần đầu tiên sau nhiều kỳ đại hội, cách dùng từ “khoa học, công nghệ” được thay thế cho “khoa học và công nghệ”, bỏ từ “và” thay bằng dấu phẩy (,). Cụm từ “khoa học, công nghệ” được dùng thống nhất từ tiêu mục đến nội dung; hàm chỉ một phạm trù thống nhất của hai yếu tố đảng lập là “khoa học”, “công nghệ”. Sự thay đổi về mặt câu chữ này có hàm ý về một mối liên hệ khăng khít với nhau và có quan hệ biện chứng của hai yếu tố kể trên. Dấu phẩy (,) trong trường hợp này biểu thị sự kết nối về mặt nội dung. Trong khi đó, cụm từ “khoa học và công nghệ” khi được dùng trong văn kiện (đặc biệt trong nội dung Đảng xác định phương hướng, nhiệm vụ của khoa học, công nghệ) là để chỉ hai lĩnh vực song song với nhau, từ “và” trong trường hợp này có ý nghĩa liệt kê, biểu thị sự kết nối về mặt hình thức.

Một vài điểm thay đổi khác ở Đại hội lần thứ XII là việc đưa khoa học, công nghệ ở một mục riêng (Mục VI - Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng), không ghép chung với giáo dục và đào tạo hay văn hóa như nhiều kỳ đại hội trước đó cũng đã cho thấy nhận thức của Đảng đến vị trí, vai trò của nhân tố này ở một trạng thái độc lập tương đối với các yếu tố khác.

Đặc biệt, nhận thức của Đảng thời kỳ này có sự thay đổi rõ rệt khi nhận định cụ thể về vai trò, trọng trách của khoa học, công nghệ, đó là: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới”<sup>1</sup>.

Tự chung lại, vai trò quan trọng và to lớn đối với sự nghiệp phát triển đất nước của khoa học, công nghệ đã được Đảng nhận thức từ rất sớm. Sự biến đổi vai trò này cũng đã được Đảng nhận thức khác nhau ở mỗi giai đoạn cụ thể, đáp ứng những mục tiêu khác nhau của đất nước.

*Thứ hai, Đảng đã đưa ra được những chủ trương, quan điểm đúng đắn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển khoa học, công nghệ.*

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về vai trò của khoa học, công nghệ, Đảng đã có những quyết sách quan trọng đáp ứng thực tiễn phát triển của khoa học, công nghệ. Xuyên suốt các kỳ đại hội, khoa học, công nghệ luôn trở thành một trong những vấn đề then chốt được Đảng quan tâm và có những chỉ đạo sát sao.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), sau 5 năm thực hiện quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta đã

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.119-120.

nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với tiến trình phát triển chung của đất nước. Nhận thức đó được rút ra từ quá trình phân tích thực tiễn biến chuyển của tình hình kinh tế - xã hội thế giới, đặc biệt là sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại. “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc”<sup>1</sup>. Trong bối cảnh đó, Đảng đã khẳng định, nó vừa tạo ra những thời cơ, cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế, song cũng là thách thức không nhỏ đối với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước còn lạc hậu, kinh tế kém phát triển, và Việt Nam khi đó cũng thuộc nhóm này.

Đảng đã nhìn ra then chốt của vấn đề và tìm ra “chìa khóa” cho nền kinh tế nước nhà chính là phát triển khoa học, công nghệ. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị “Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới” chính là hành động thiết thực đầu tiên, cụ thể hóa cho nhận thức và tầm nhìn của Đảng về vai trò của khoa học, công nghệ. Trong đó, Đảng đã chỉ rõ mặt hạn chế, yếu kém của khoa học, công nghệ nước nhà, đề ra nhiệm vụ cụ thể cho khoa học, công nghệ và những biện pháp cụ thể, chủ yếu để

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.131.

phát triển khoa học, công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thực sự phát huy hiệu quả thúc đẩy nền kinh tế đi lên.

Đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khoa học, công nghệ tiếp tục trở thành lĩnh vực được Đảng “giao phó” trọng trách quan trọng là phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã đề ra Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, ngày 24/12/1996 “Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”. Điều này cho thấy quan điểm thống nhất của Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) đó là đánh giá vai trò “then chốt” của khoa học, công nghệ và coi khoa học, công nghệ là “quốc sách hàng đầu”. Chính lẽ đó, một bước tiến lớn trong hành động của Đảng, cho thấy độ quyết tâm cao chính là nội dung của Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, đã đặt ra yêu cầu cấp bách đối với việc ban hành luật pháp về khoa học, công nghệ. Nhờ sự nhận diện chính xác và hành động khẩn trương, quyết đoán của Đảng, đồng thời cũng đáp ứng cho nhu cầu phát triển của thực tiễn, năm 2000, Luật khoa học và công nghệ đã được ban hành, từ đây tạo cơ sở và hành lang pháp lý cho hoạt động khoa học và công nghệ phát triển.

Trong bối cảnh mới, Đảng ta đã nhận định quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể rút ngắn, và khoa học, công nghệ chính là một trong những yếu tố giúp chúng ta rút ngắn thời gian. Do đó, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đưa ra Kết luận số 14-KL/TW, ngày 26/7/2002 “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2

khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010". Để khoa học, công nghệ phát huy được vai trò là "nền tảng", "động lực" đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, Kết luận số 14-KL/TW đã xác định nhiệm vụ của khoa học, công nghệ chính là: Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế quốc dân; xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm bắt tinh thần của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), liên quan đến khoa học, công nghệ, kỳ họp Hội nghị Trung ương 9 khóa X đã đề ra Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 02/02/2009 “Về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng”. Trong đó, đề cập lĩnh vực khoa học, công nghệ, Nghị quyết có đoạn: “*Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học - công nghệ; nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ quốc gia và các ngành, các sản phẩm quan trọng... Phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, giáo dục - đào tạo. Có chính sách, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc tốt hơn cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao*”<sup>1</sup>. Đây là những chỉ đạo rất sát sao, cụ thể,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.68, tr.146-147.

phản ánh quan điểm thống nhất của Đảng coi khoa học, công nghệ là động lực và là nền tảng của sự phát triển đất nước.

Quan điểm nêu trên của Đảng về khoa học, công nghệ một lần nữa được tái khẳng định ở Đại hội lần thứ XI (2011): “Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>. Cùng với đó, hoạt động quản lý khoa học, đầu tư cho khoa học, công nghệ có sự đổi mới và nâng cao. Để tạo đà cho khoa học, công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và khoa học, công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tiếp theo, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng đã vạch rõ những định hướng cơ bản sau: “Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.154.

công nghệ”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” còn khẳng định chắc chắn rằng: “Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.

Nếu như ở giai đoạn trước, Đảng đánh giá khoa học, công nghệ là “một trong những động lực quan trọng nhất” cho sự phát triển kinh tế - xã hội thì đến Đại hội lần thứ XII, Đảng đã đặt ra nhiệm vụ lớn cho khoa học và công nghệ là khoa học, công nghệ phải “thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất”<sup>2</sup> để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại... Đảng cũng đặt ra mục tiêu phấn đấu cụ thể cho khoa học, công nghệ trong thời gian tới là “Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới”<sup>3</sup>. Nói như vậy không có nghĩa quan điểm của Đảng đang đặt áp lực cao cho khoa học, công nghệ. Trái lại, nó thể hiện tầm nhìn chiến lược và khả năng phân tích thực tiễn của Đảng, từ đó có những chủ trương đúng đắn, kịp thời để tạo động lực và thúc đẩy khoa học, công nghệ nước nhà phát triển. Đồng thời, chính khoa học, công nghệ cũng có điều kiện để phát huy được vai trò của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.78.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.119-120, 120.

mình, vươn tầm quốc tế. Thật vậy, một trong những luận điểm đáng quan tâm tại Đại hội lần thứ XII là đã phản ánh rõ quan điểm, chủ trương của Đảng đầu tư cho khoa học, công nghệ phát triển chính là việc đề ra mục tiêu trong tương lai gần đó là phải xây dựng chiến lược phát triển công nghệ quốc gia, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trong nước, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao.

Ở mỗi giai đoạn, để đáp ứng cho những nhu cầu khác nhau của hiện thực phát triển, Đảng lại có những quan điểm và đề ra những chủ trương khác nhau cho khoa học, công nghệ. Từ chỗ nhận thức đúng về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ, Đảng đã hoạch định đường lối phát triển khoa học, công nghệ cho từng giai đoạn, đồng thời trao trọng trách cụ thể cho khoa học, công nghệ bám sát với từng mục tiêu phát triển của đất nước. Có thể thấy, lịch sử phát triển của khoa học, công nghệ luôn gắn liền với các kỳ đại hội, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ta. Những quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển của khoa học, công nghệ nước nhà. Cụ thể hơn, những quan điểm, chủ trương của Đảng đã có vai trò trực tiếp chỉ đạo, định hướng cho Chính phủ trong việc hoạch định chính sách về khoa học, công nghệ; chỉ đạo, định hướng cho Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, tổ chức thực thi công tác nghiên cứu khoa học và phát triển, ứng dụng công nghệ ở tầm vĩ mô.

Dưới ánh sáng của Đảng, khoa học, công nghệ nước ta đã ghi nhận nhiều dấu ấn phát triển. Trước hết cần phải nói

đến chính là những chính sách, luật định quan trọng về khoa học, công nghệ được ban hành trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ: Năm 2000, Việt Nam ban hành Luật khoa học và công nghệ; ngày 31/12/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 272/QĐ-TTg “Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010”; ngày 11/4/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 418/QĐ-TTg “Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020”. Dựa vào cơ sở như vậy, đã có nhiều đề án, chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đề xuất và tổ chức thực hiện lộ trình trung và dài hạn. Những kết quả thống kê sau phần nào nói lên sự phát triển của khoa học, công nghệ:

Trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản: Với khoa học xã hội và nhân văn, giai đoạn 2011 - 2015 đã có 5 chương trình nghiên cứu (KX), giai đoạn 2016 - 2020 có 2 chương trình. Với khoa học tự nhiên, đều có các chương trình trọng điểm cấp quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện đến năm 2020 hoặc đến năm 2025. Việc đầu tư cho nghiên cứu cơ bản luôn được chú trọng và thực hành theo các chuẩn mực quốc tế thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), một thiết chế tài chính do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và điều hành<sup>1</sup>.

Trong khoa học kỹ thuật và công nghệ: Giai đoạn 2011 - 2015 có 10 chương trình (KC), giai đoạn 2016 - 2020 có 6

---

1. Xem Chu Ngọc Anh: “Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên ở nước ta trong bối cảnh mới hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 14/8/2019.

chương trình được triển khai. Một số lĩnh vực như công nghệ vũ trụ, công nghệ sinh học hoặc các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao và sản phẩm quốc gia đều có các chương trình, đề án riêng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện đến năm 2020 ở tầm quốc gia. Năm bắt xu hướng vận động, phát triển của khoa học, công nghệ, năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt bổ sung Chương trình trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 về hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư<sup>1</sup>.

Đáp ứng lại kỳ vọng của Đảng, khoa học, công nghệ phát triển đã từng bước đáp ứng được những yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, *khoa học xã hội và nhân văn* “đã và đang thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, giúp các cơ quan chức năng hoạch định chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng đất nước bền vững, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Các kết quả nghiên cứu hai năm 2015 và 2016 đã phục vụ trực tiếp xây dựng Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới (1986 - 2016), soạn thảo các dự thảo Văn kiện Đại hội XII và các hội nghị Trung ương Đảng”<sup>2</sup>.

---

1. Xem Chu Ngọc Anh: “Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên ở nước ta trong bối cảnh mới hiện nay”, *Tlđd*.

2. Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc với chủ đề “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”, ngày 04/01/2017.

*Khoa học tự nhiên* phát triển cả về lượng và chất, khẳng định được trí tuệ Việt trong khu vực và trên trường quốc tế, bằng các giải thưởng cao trong các kỳ thi Olympic Toán, Vật lý quốc tế... Trong những năm gần đây, số lượng công trình công bố quốc tế của các nhà khoa học Việt Nam tăng trung bình 26% mỗi năm<sup>1</sup>. Các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tổng hợp tài nguyên thiên nhiên của quốc gia được thực hiện tạo cứ liệu quan trọng cho Nhà nước trong quy hoạch, phát triển đất nước. Công tác nghiên cứu, dự báo, cảnh báo thiên tai không ngừng được nâng cao, cải thiện độ chính xác đã đóng góp rất lớn vào sự ổn định chung của xã hội; hoạt động đánh giá tác động của biến đổi khí hậu được tiến hành tổng thể giúp phân tích nguy cơ và đưa ra những khuyến cáo thích hợp cho người dân, giảm tối đa những thiệt hại do thiên tai...

*Khoa học kỹ thuật - công nghệ* đánh dấu nhiều bước tiến mới trong lĩnh vực nghiên cứu phát minh ra những sản phẩm mới, giống mới, quy trình mới đáp ứng cho các ngành dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp. Đặc biệt phải kể đến chính là những nghiên cứu ứng dụng công nghệ 4.0 giúp ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tựu chung, những tiến bộ của khoa học, công nghệ đã giúp thay đổi đáng kể bộ mặt kinh tế của nước ta, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu nền kinh tế. Những thành tựu của khoa học, công nghệ là chìa khóa giúp Việt Nam hướng đến

---

1. Xem Chu Ngọc Anh: “Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên ở nước ta trong bối cảnh mới hiện nay”, *Tlđd*.

phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa giữa hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái.

*Thứ ba, khoa học, công nghệ nước ta trong những năm qua có bước phát triển mạnh mẽ, song vẫn cần đổi mới để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển đất nước.*

Quá trình phát triển của khoa học, công nghệ nước ta luôn có sự đồng hành của Đảng. Từ chỗ nhận thức và khẳng định vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển đất nước, Đảng đã đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn, kịp thời để tạo điều kiện, mở đường cho khoa học, công nghệ phát triển, phát huy vai trò của mình. Ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, Đảng luôn đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho khoa học, công nghệ, đánh giá những thành tựu làm được và thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, hạn chế giúp khoa học, công nghệ có được căn cứ tiếp tục phát triển.

Khoa học, công nghệ được nhận định là một trong những khâu đột phá chiến lược và tạo nền tảng để hoàn thành mục tiêu đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng kết thực tiễn thời gian vừa qua, Đảng đã đưa ra đánh giá chung: Việc ứng dụng khoa học, công nghệ còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, “Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>. Trong đó, tất cả các vấn đề cụ thể của khoa học, công nghệ như:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.249.*

Đầu tư cho khoa học, công nghệ; vấn đề xã hội hóa các đơn vị khoa học, công nghệ; thị trường; tiềm lực; vấn đề sử dụng ngân sách; số lượng công bố khoa học, phát minh, sáng chế... đều đã được Đảng chỉ rõ từng điểm yếu kém.

Ngoài ra, việc thực hiện mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 20-NQ/TW chưa đạt được kết quả như kỳ vọng. Trong Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư, ngày 30/5/2019 “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” nhấn mạnh: “so với mục tiêu Nghị quyết đã đề ra, kết quả đạt được còn hạn chế. Nhiều nội dung của Nghị quyết chưa được quán triệt và thực hiện đầy đủ. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế quản lý tài chính đối với khoa học và công nghệ tuy đã có đổi mới, song còn bất cập, chưa đồng bộ; phân bổ ngân sách chưa hợp lý. Hiệu quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu chưa cao”.

Trước bối cảnh phát triển chung và sự phát triển của khoa học, công nghệ nói riêng trên thế giới, kết hợp với những yêu cầu cấp bách mà thực tiễn đất nước đặt ra đòi hỏi Đảng phải có những nhận thức mới, những quan điểm chỉ đạo mới để đưa khoa học, công nghệ nước nhà phát triển. Mục tiêu trước hết là để khoa học, công nghệ thực sự phát huy được vai trò của mình, trở thành động lực thực sự cho sự phát triển kinh tế, tăng năng suất lao động, phục vụ tốt quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; sau đó, là sự vươn tầm của khoa học, công nghệ Việt Nam ra ngoài khu vực và thế giới, khẳng định vị trí của nước ta.

*Thứ tư, về những nhận thức mới, chỉ đạo mới của Đảng để khoa học, công nghệ Việt Nam phát triển trong bối cảnh hiện nay.*

Ngay khi năm bắt được những kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI, Đảng ta đã có những chỉ đạo mới để khoa học, công nghệ phát triển. Cụ thể, Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư đã đưa ra 6 nhiệm vụ cụ thể và giải pháp sau:

*Một là, tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, đồng bộ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết.*

*Hai là, rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ.*

*Ba là, tiếp tục tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ quốc gia theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng.*

*Bốn là, xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.*

*Năm là, tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hoàn thiện chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất.*

*Sáu là, đa dạng hóa đối tác và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế.*

Như vậy, trong tình hình hiện tại và tương lai gần, Đảng vẫn tiếp tục đề cao, coi trọng vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ. Không những vậy, khoa học, công nghệ còn có trọng trách là giúp hoàn thiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bộ Chính trị cũng nêu quan điểm đến năm 2030 nước ta hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa. Nhận thức của Đảng về vai trò của khoa học, công nghệ là nhất quán, xuyên suốt quá trình phát triển đất nước. Đảng liên tục bổ sung những nhận thức mới về khoa học, công nghệ phù hợp với thực tiễn, tạo động lực phát triển đất nước. Dưới ánh sáng của Đảng, khoa học, công nghệ Việt Nam hôm nay sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh của mình, đồng thời khắc phục những điểm còn yếu kém, vượt qua các thử thách mới để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của đất nước.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC DÂN TỘC - THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

Đồng chí PHAN VĂN HÙNG\*

**V**iệt Nam là quốc gia đa dân tộc, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó, dân tộc Kinh là dân tộc đa số, 53 dân tộc còn lại là các dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm trên 14% dân số cả nước, cư trú chủ yếu trên địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới có vị trí chiến lược về kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, đồng bào các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm và chế ngự thiên nhiên. Trước khi có Đảng, đồng bào các dân tộc thiểu số sống trong nghèo nàn, lạc hậu, bệnh tật, đói khổ. Từ khi có Đảng, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào các dân tộc đã hy sinh tính mạng, đóng góp sức người, sức của để nuôi dưỡng, chở che cho cách mạng, xây dựng lực lượng và chuẩn bị các điều kiện để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và cùng nhau phát triển kinh tế - xã hội.

---

\* Nguyên Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

## 1. Tình hình các dân tộc thiểu số ở Việt Nam dưới chế độ thực dân

Trước khi có Đảng, đồng bào các dân tộc Việt Nam cũng chịu chung thân phận của người dân nô lệ, mất nước, không được gọi đúng tên, không có địa vị chính trị. Theo các tài liệu sử sách, dưới chế độ thực dân Pháp, nhiều dân tộc thiểu số phía Bắc được gọi chung là Xá, các dân tộc thiểu số phía Nam (chủ yếu là ở Tây Nguyên) là Mọi<sup>1</sup>. Trong các công trình nghiên cứu khoa học, trên các phương tiện thông tin đại chúng, thậm chí trong các văn bản hành chính của chính quyền thực dân, phong kiến trước đây sử dụng rộng rãi các tên gọi mang tính miệt thị dân tộc, xem là người dã man có tính chất phiếm xưng.

Chính quyền thực dân, phong kiến thực hiện chính sách “chia để trị”. Chúng dùng các thủ đoạn cường điệu, bịa đặt, kích động hận thù dân tộc, tạo ra những xích mích để gây chia rẽ giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, giữa các dân tộc thiểu số với nhau. Chúng duy trì các thiết chế xã hội lang đạo của người Mường, phia tạo của người Thái, thổ ty của người Tày, thống lý của người Mông,... thông qua các tầng lớp trên để đàn áp, bóc lột nhân dân các dân tộc, thực hiện âm mưu gây chia rẽ dân tộc<sup>2</sup>.

Các dân tộc thiểu số Việt Nam có trình độ phát triển không đồng đều, nhưng chế độ cũ thực hiện chính sách duy trì sự bất bình đẳng dân tộc. Trong gần 100 năm cai trị,

1. Xem A. Bonifacy: *Giáo trình dân tộc học Đông Dương*, 1919.

2. Xem Ủy ban Dân tộc, Hội Dân tộc học Việt Nam: *Các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

chính quyền thực dân, phong kiến đã không có bất kỳ chính sách nào để khắc phục sự bất bình đẳng giữa các dân tộc. Không những không có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ, mà chính quyền thuộc địa còn khoét sâu mâu thuẫn giữa các dân tộc và trong nội bộ dân tộc. Một số dân tộc sống trong tình trạng săn bắn, hái lượm du canh du cư, nay đây mai đó, gọi là Xá lá vàng (La Hủ, Cống, Mảng,... ở Tây Bắc); dân tộc Rục và một số dân tộc ở Trung Bộ sống trong hang đá, ăn bột cây báng và thịt khỉ qua ngày; nhiều dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên canh tác theo lối chọc lỗ, tra hạt,... Các dân tộc chỉ có tiếng nói, không có chữ viết, sống trong cảnh tăm tối, đói cơm, thất học. Rừng thiêng, nước độc, dịch bệnh, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tệ nạn nghiện rượu và thuốc phiện hoành hành làm cho sức khỏe, chất lượng dân số suy giảm, giống nòi suy thoái,...

Không những thế, đồng bào các dân tộc còn phải đóng sưu cao, thuế nặng, đi phu phen, tạp dịch cho chính quyền thực dân, phong kiến và các chức dịch,... Từ năm 1885, các dân tộc thiểu số đã phải nộp thuế thân, thuế nuôi voi, thuế nóc nhà, thuế ruộng,... Năm 1944, các loại thuế gia tăng, thời gian đi phu dài hơn, có dân tộc phải đi phu từ 5 đến 6 tháng<sup>1</sup>. Chính quyền thực dân Pháp chiếm đoạt hàng vạn hécta đất rừng của đồng bào các dân tộc để lập hàng trăm đồn điền trồng cao su, khai thác mỏ ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ,... Giới chúa đất và quan lại cai trị lợi dụng thực dân Pháp để chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân. Nhiều nơi đồng bào

---

1. Xem Ủy ban Dân tộc, Hội Dân tộc học Việt Nam: *Các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỷ XX*, Sđd.

dân tộc không có đất, trong khi các địa chủ, quan lại chiếm tới 50% số ruộng đất.

Không chịu nổi ách áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến, đồng bào các dân tộc thiểu số đã nổi dậy ở nhiều nơi. Sau phong trào Cần Vương, các cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc thiểu số tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa của các dân tộc thiểu số Tây Bắc (1914 - 1916) trên địa bàn các tỉnh Lai Châu, Phong Xa Lỳ (Lào), do Lương Bảo Định, Bạch Cầm Chân, Lương Văn No và Cầm Văn Tư lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Mông ở Lai Châu (1918 - 1921) do Giàng Tả Chay lãnh đạo. Năm 1918, binh lính các dân tộc Kinh, Dao, Nùng, Hoa ở Bình Liêu do Thăm Cay Say và Lô Sáp Giáp cầm đầu tiến hành cuộc khởi nghĩa, chiếm đồn Bình Liêu, làm chủ vùng rộng lớn từ Tiên Yên, Móng Cái đến Hải Phòng. Trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, điển hình là cuộc khởi nghĩa của dân tộc M'Nông (1914 - 1935) do N'Trang Lồng đứng đầu, kéo dài hơn 20 năm làm chủ được cả vùng rộng lớn. Những năm 1937 - 1939, người Chăm ở Phú Yên, đứng đầu là Săm Brăm, đã nổi dậy chống thực dân Pháp. Nghĩa quân của Săm Brăm đã đánh, chiếm được nhiều đồn ở Trà My, Trà Bồng, Sơn Hà, Đăk Glei, Đăk Tô, An Khê,...

## **2. Đảng lãnh đạo công tác dân tộc trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền**

Ngay từ khi mới thành lập (tháng 02/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định công tác dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đảng ta đã vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin về

vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Trong những ngày đầu của cách mạng, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chủ trương đoàn kết các dân tộc, tập hợp các dân tộc cùng nhau xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng đội ngũ cốt cán là người dân tộc thiểu số, dựa vào núi rừng, đồng bào các dân tộc để mở rộng căn cứ địa cách mạng, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền,... Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc trở nên rộng khắp, vùng dân tộc đã trở thành các khu căn cứ địa cách mạng vững chắc. Năm 1940, cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên do Đảng lãnh đạo là cuộc khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp và phát xít Nhật tại Bắc Sơn, Lạng Sơn. Đảng bộ Bắc Sơn đã lãnh đạo người dân nổi dậy tước khí giới của quân Pháp, để tự vũ trang, giải tán chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng. Đội Cứu quốc quân II được thành lập ngày 15/9/1941 tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên gồm nhiều chiến sĩ cốt cán là người dân tộc thiểu số. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (được xem là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) đã được khai sinh vào ngày 22/12/1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào các dân tộc thiểu số đã tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiều nơi, vùng đồng bào dân tộc đã nổi dậy giành chính quyền sớm hơn Hà Nội: Bắc Kạn (tháng 3/1945), Ba Tơ, Quảng Ngãi (tháng 3/1945), Bình Thuận (tháng 3/1945), Bình Định (tháng 5/1945). Tháng 3/1945, chính quyền cách mạng đã được thành lập ở Tuyên Quang, hình thành châu Tự Do. Tân Trào có vinh dự được

đón Bác Hồ, Trung ương Đảng về lập chiến khu, chọn làm căn cứ cách mạng, lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, giành chính quyền về tay nhân dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

### **3. Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số**

Ngay sau khi giành chính quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện đã quan tâm đến công tác dân tộc, đồng bào các dân tộc. Trong *Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu*, ngày 19/4/1946, Người viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”<sup>1</sup>.

Quan điểm xuyên suốt trong các nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội là: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”<sup>2</sup>. Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX “Về công tác dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” khẳng định: “... đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.249.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.121.

của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>; “Thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; chống kỳ thị hẹp hòi, chia rẽ dân tộc”<sup>2</sup>.

Từ các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đã thể chế hóa thành các điều luật cụ thể quy định về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong các Hiến pháp. Trong Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nêu rõ: “Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có nhiều khó khăn, chậm phát triển, Nhà nước có chính sách giúp đỡ, để cùng nhau phát triển”<sup>3</sup>; “Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung”. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) tiếp tục khẳng định: “Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc”<sup>4</sup>... “Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số”<sup>5</sup>. Cụ thể hóa các Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành nhiều luật liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc như: Luật giáo

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.62, tr.48, 34.

3. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1946 (Điều thứ 8).

4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 1992 (Điều 5).

5. Xem Ủy ban Dân tộc: *Báo cáo đánh giá chính sách dân tộc*, 2019.

dục; Luật hôn nhân và gia đình; Luật bảo hiểm y tế; Luật chăm sóc sức khỏe nhân dân; Luật khám, chữa bệnh; Luật bình đẳng giới,...

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, nước ta có 118 chính sách dân tộc còn hiệu lực, bao gồm: 50 chính sách chung phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có vùng dân tộc nói chung, 21 chính sách phát triển các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, 13 chính sách hỗ trợ phát triển các dân tộc thiểu số, 34 chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, 21 chương trình mục tiêu có những nội dung hỗ trợ phát triển các lĩnh vực trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi<sup>1</sup>. Mặc dù trong bối cảnh các nền kinh tế thế giới suy thoái, tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng trong giai đoạn 2003 - 2008, Chính phủ đã ưu tiên chi ngân sách khoảng 250 nghìn tỉ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 là 690 nghìn tỉ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 998 nghìn tỉ đồng từ ngân sách nhà nước<sup>2</sup> để đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, phục vụ công tác xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Để có cơ sở áp dụng, thực hiện các chính sách dân tộc, ngay sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975), Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan quản lý và khoa học tiến hành xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam. Sau nhiều năm nghiên cứu, khảo sát, năm 1979, Ủy ban Dân tộc và Ủy ban

---

1, 2. Xem Ủy ban Dân tộc: *Báo cáo đánh giá chính sách dân tộc*, 2019.

Khoa học xã hội tham mưu cho Chính phủ xác định bản Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam và giao cho Tổng cục Thống kê công bố. Theo đó, Việt Nam có 54 dân tộc anh em, dân tộc Kinh là dân tộc đa số, 53 dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số<sup>1</sup>. Việc xác định thành phần dân tộc là cơ sở để thực hiện chính sách dân tộc, bảo đảm các dân tộc “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”.

Nhờ thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đến nay, các dân tộc thiểu số về cơ bản đã được bình đẳng về chính trị. Số lượng đại biểu là dân tộc thiểu số trong các khóa Quốc hội luôn chiếm tỷ lệ cao hơn so với tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong tổng dân số cả nước. Trong các nhiệm kỳ Quốc hội gần đây, tỷ lệ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số chiếm 15,6% - 17,27%, cao hơn tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số trong tổng dân số ta (14,3%). Trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Quốc hội có 86 đại biểu đại diện cho 48 dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 17,4%. Đại biểu dân tộc thiểu số trong hội đồng nhân dân các cấp khoảng 40%, riêng cấp xã đạt khoảng 60%<sup>2</sup>.

Nhiều cán bộ là người dân tộc thiểu số đã và đang giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan lãnh đạo Trung ương như: Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, các bộ trưởng, thứ trưởng,...

---

1. Xem Tổng cục Thống kê: *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam*, 1979.

2. Xem Ủy ban Dân tộc: *Báo cáo đánh giá chính sách dân tộc*, 2019.

Bộ mặt vùng dân tộc và miền núi Việt Nam đã có những thay đổi rõ rệt, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc được cải thiện. Theo số liệu thống kê, đến hết năm 2015 đã có 98,6% số xã có đường ôtô đến trụ sở ủy ban nhân dân xã, có 99,8% số xã và 95,5% số thôn, bản có điện lưới quốc gia<sup>1</sup>.

Nhà nước có nhiều chính sách, chương trình, dự án về dạy nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số có việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống. Theo kết quả điều tra kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số năm 2016, người lao động dân tộc thiểu số có việc làm đạt tỷ lệ cao, cụ thể: Dân tộc Mông 95,5%; Thái 91,4%; Muồng 90,4%; Tày 87,6%; Khmer 82,2%; các dân tộc khác bình quân đạt 88,1%<sup>2</sup>...

Từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, Đảng, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo đầu tư và ưu tiên nguồn lực thực hiện các chính sách giảm nghèo, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Một số chương trình giảm nghèo quan trọng được triển khai trong vùng dân tộc như: *Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững*; Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa*” (hay còn gọi là Chương trình 135); Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ “Về Chương trình hỗ trợ

---

1, 2. Xem Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*, 2016.

giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo”; gần 20 chương trình mục tiêu khác liên quan đến chính sách hỗ trợ, giúp đỡ các hộ nghèo, hộ gia đình là người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, làm nhà ở, định canh, định cư, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, hỗ trợ cho sinh viên, học sinh đi học... Nhờ thực hiện đồng bộ các chính sách trên, hằng năm, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc giảm nhanh: các tỉnh Đông Bắc giảm 3,62%, Tây Bắc giảm 4,4%, Tây Nguyên giảm 3,04%<sup>1</sup>.

Từ năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, ngày 20/7/2004 “Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn”. Kết quả thực hiện đến hết năm 2014 đã có hơn 500.000 hộ dân tộc thiểu số được hỗ trợ nhà ở; 72.000 hộ dân tộc thiểu số được hỗ trợ đất ở; xây dựng hơn 3.000 công trình nước sạch tập trung; 153.000 hộ dân tộc thiểu số được hỗ trợ nước sinh hoạt<sup>2</sup>.

Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe như: Chương trình quốc gia về tiêm chủng mở rộng; Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng; Chương trình phòng, chống các bệnh sốt rét, bướu cổ và các bệnh nguy hiểm ở vùng dân tộc; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho toàn bộ người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn và

1. Xem Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*, 2016.

2. Xem Ủy ban Dân tộc: *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 134/2004/QĐ-TTg*.

xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh ở cơ sở. Theo số liệu điều tra năm 2016 của Tổng cục Thống kê, 99,39% số xã vùng dân tộc đã có trạm y tế; 77,8% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 94,2% số thôn/bản có cán bộ y tế<sup>1</sup>; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 25%. Tất cả người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được khám, chữa bệnh miễn phí. Một số dịch bệnh trước đây phổ biến ở vùng dân tộc và miền núi như sốt rét, bướu cổ, phong, lao được ngăn chặn và đẩy lùi.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Đã hoàn thành chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó 100% xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, hơn 80% xã đặc biệt khó khăn hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và gần 90% số xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở<sup>2</sup>. Hệ thống trường học các cấp vùng dân tộc được đầu tư và mở rộng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến cuối năm 2016, 99,5% số xã có trường tiểu học; 93,2% số xã có trường trung học cơ sở; 12,9% số xã có trường trung học phổ thông và 96,6% số xã có trường mẫu giáo, mầm non<sup>3</sup>.

Bên cạnh hệ thống giáo dục phổ thông các cấp, Nhà nước đã hình thành hệ thống giáo dục chuyên biệt cho con em các dân tộc thiểu số như hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc từ Trung ương đến địa

---

1, 3. Xem Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*, 2016.

2. Xem *Báo cáo thực hiện chính sách dân tộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, 2019.

phương. Năm học 2013 - 2014, cả nước đã có 295 trường phổ thông dân tộc nội trú, với trên 80.000 học sinh các dân tộc theo học, 1.657 trường phổ thông dân tộc bán trú, với khoảng 150.000 học sinh dân tộc thiểu số theo học, 4 trường dự bị đại học với quy mô trên 3.000 học sinh/năm<sup>1</sup>. Sau hơn 15 năm (1998 - 2014) thực hiện chính sách cử tuyển, cả nước đã đào tạo được 14.283 sinh viên thuộc 53 dân tộc thiểu số tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng<sup>2</sup>. Đến nay, tất cả các dân tộc thiểu số đều có người tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

Để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, Chính phủ ban hành các chính sách như: Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 “Về công tác dân tộc”, trong đó quy định: “1. Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; 2. Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật; 3. Xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống;... hỗ trợ xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 5. Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc theo từng khu vực hoặc

---

1, 2. Xem Báo cáo thực hiện chính sách dân tộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019.

từng dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số". Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1270/QĐ-TTg, ngày 27/7/2011 Phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020" tập trung ưu tiên bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số rất ít người. Nhờ các chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn vinh, từng bước được bảo tồn; đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số được cải thiện; mức hưởng thụ văn hóa được nâng cao. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số như: "Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên", "Thánh địa Mỹ Sơn", "Cao nguyên đá Đồng Văn"... được bảo tồn, tôn vinh, được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Để nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, Chính phủ có chính sách cấp miễn phí hơn 20 đầu báo, tạp chí đến các xã, thôn, bản, ấp và người có uy tín trong vùng dân tộc. Trên 90% hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và trên 80% số hộ được xem truyền hình<sup>1</sup>. Đến nay, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các đài phát thanh, truyền hình địa phương phát bằng 26 ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Số lượng các chương trình phát thanh và truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số tăng từ 335 chương trình mỗi tuần (2005) lên đến 362 chương trình (2013)<sup>2</sup>, bảo đảm cho người dân tộc

1. Xem Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*, 2016.

2. Xem Ủy ban Dân tộc: *Báo cáo đánh giá chính sách dân tộc và miền núi*, 2019.

thiểu số sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa có điều kiện tiếp cận với thông tin trong nước và quốc tế. Dịch vụ internet đã được cung cấp đến tận xã, thôn, bản cho 63 tỉnh, thành phố, kể cả vùng sâu, vùng xa.

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, Chính phủ đã xây dựng và đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường học chữ viết một số dân tộc thiểu số. Qua tổng kết, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15/7/2010 “Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên”. Đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã biên soạn giáo trình dạy 12 thứ tiếng dân tộc thiểu số; cả nước có 30 tỉnh, 600 trường tổ chức dạy, với trên 200.000 học sinh đang theo học tiếng dân tộc<sup>1</sup>.

#### **4. Một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết trong thời gian tới**

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm, chăm lo cũng như có nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số đã được cải thiện, nhưng đến nay vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra, cần phải tiếp tục giải quyết trong thời gian tới, đó là: tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, khoảng cách giàu, nghèo, phân hóa xã hội đã và đang diễn ra gay gắt; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn có nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu; số hộ thiếu

---

1. Xem *Báo cáo thực hiện chính sách dân tộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, 2012.

đất sản xuất, đất ở, du canh, du cư còn nhiều; nguồn nhân lực của các dân tộc thiểu số còn thấp xa so với mức bình quân của cả nước; tỷ lệ cán bộ, đảng viên là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương cơ sở còn thấp; một số dân tộc thiểu số chưa có cán bộ, đại diện trong các cơ quan quản lý nhà nước; môi trường sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa chưa bảo đảm; một bộ phận không nhỏ người dân ở vùng cao chưa đủ nước sinh hoạt, chưa có công trình vệ sinh; trong thời gian gần đây, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã xuất hiện một số “điểm nóng” về các vấn đề xã hội, tôn giáo; một số vùng còn tiềm ẩn những bất ổn về trật tự, an toàn xã hội và an ninh, quốc phòng,...

## **5. Một số bài học kinh nghiệm**

Qua thực tiễn 90 năm Đảng lãnh đạo công tác dân tộc, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

*Một là*, thực hiện nhất quán, nghiêm túc quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, “Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”<sup>1</sup>. Quan điểm này là biểu hiện sinh động của việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào hoàn cảnh nước ta, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân tộc, đoàn kết dân tộc; mang tính nguyên tắc, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo công tác dân tộc của Đảng, qua các thời kỳ cách mạng và đến nay vẫn khẳng định tính đúng đắn.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, t.69, tr.502.

*Hai là, Đảng lãnh đạo công tác dân tộc bằng các nghị quyết, các quan điểm, chủ trương, đường lối; Nhà nước cụ thể hóa thành các chính sách, đề án, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc. Đảng không làm thay, bao biện, chồng chéo với các cơ quan nhà nước. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, góp phần làm thay đổi bộ mặt vùng dân tộc, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số.*

*Ba là, chăm lo, làm tốt công tác cán bộ dân tộc thiểu số là nhân tố quyết định cho thành công của công tác dân tộc, góp phần phát triển nhanh và bền vững vùng dân tộc thiểu số. Thực tế cho thấy ngay từ khi mới ra đời, trong suốt quá trình lãnh đạo công tác dân tộc qua các thời kỳ cách mạng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm, chăm lo công tác cán bộ dân tộc thiểu số. Với các chính sách cán bộ đặc thù, đến nay, chúng ta có đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đông đảo, có phẩm chất tốt, có năng lực, am hiểu văn hóa dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp công tác dân tộc.*

*Bốn là, công tác dân tộc luôn gắn bó chặt chẽ với các yếu tố thời đại, hội nhập, công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Các dân tộc thiểu số có mối quan hệ đồng tộc, quan hệ xuyên biên giới với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, vì thế công tác dân tộc luôn gắn với bối cảnh chung của quốc tế, khu vực. Trong suốt quá trình lãnh đạo công tác dân tộc,*

Đảng ta luôn coi trọng vấn đề hợp tác quốc tế, mở cửa, quan hệ kinh tế cửa khẩu, xử lý tốt các mối quan hệ dân tộc và quốc gia, nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thực hiện chủ trương tăng cường quan hệ quốc tế, mở cửa hội nhập như hiện nay, thì vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc xuyên biên giới càng cần được quan tâm, chú ý, để vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững về kinh tế, bảo đảm ổn định an ninh, quốc phòng.

\*

\* \* \*

Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là dịp để ôn lại chặng đường vẻ vang, tổng kết những thành tựu, đúc kết những bài học kinh nghiệm quý báu, để khẳng định đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong công tác dân tộc nói riêng và trong công cuộc lãnh đạo đất nước nói chung. Từ đây, mỗi người dân càng thêm tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách dân tộc của Nhà nước. Thời gian tới, chắc chắn vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ có những bước phát triển nhanh, đồng bộ, toàn diện về kinh tế - xã hội, và mãi là căn cứ vững chắc, tin cậy của cách mạng Việt Nam.

## **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN**

TS. NGUYỄN THỊ XUÂN\*

**B**ảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là trách nhiệm của Đảng và của cả hệ thống chính trị. Nhận thức rõ điều đó, ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (năm 1945), Đảng luôn chú trọng lãnh đạo phát triển sự nghiệp y tế. Ngành y tế từng bước phát triển mạnh mẽ, đạt được những thành tựu quan trọng, tạo điều kiện cho việc thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

**1.** Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền thực dân, phong kiến không quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe cho quần chúng nhân dân. Các hoạt động y tế chủ yếu nhằm phục vụ chính quyền thực dân, phong kiến và tầng lớp trên. Các cơ sở y tế tập trung ở các đô thị, các địa bàn trọng yếu của chính quyền thực dân.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, sự nghiệp y tế được Đảng, Chính phủ quan tâm phát triển. Ngay sau khi Chính phủ lâm thời được thành lập (ngày 25/8/1945), dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Y tế được thành lập do

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Bộ trưởng. Đây là cơ quan y tế đầu tiên trong Chính phủ chuyên chăm lo công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Nền y học của nhà nước cách mạng từng bước được hình thành và phát triển. Để bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và kịp thời cứu chữa cho lực lượng Vệ quốc quân, tháng 12/1945, Bộ Y tế đã lập Ban Y tế Vệ quốc đoàn. Tháng 3/1946, Cục Quân y trực thuộc Bộ Quốc phòng được thành lập.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, ngành y tế được xác định là một mặt trận quan trọng nhằm chăm lo sức khỏe cho nhân dân và bộ đội, góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Từ chủ trương khám, chữa bệnh là chính, Đảng, Chính phủ chỉ đạo ngành y tế từng bước thực hiện phương châm: “chú trọng phòng bệnh là chính yếu, chữa bệnh là thứ yếu”<sup>1</sup>. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, với sự nỗ lực của quân, dân cả nước, trong những năm 1946 - 1954, ngành y tế đã giành được những thành tựu quan trọng:

Về xây dựng, phát triển các cơ sở y tế, vượt lên hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, ngành y tế đã xây dựng được hệ thống cơ sở y tế từ Trung ương tới địa phương. Năm 1949, cả nước xây dựng được 3.505 cơ sở y tế xã, huyện; năm 1953, xây dựng được 14.308 cơ sở, tăng 350% so với năm 1949. Số bệnh viện, bệnh xá cũng tăng đáng kể: Năm 1949 là 54 cơ sở, năm 1953 là 136 cơ sở, tăng 250% so với năm 1949<sup>2</sup>. Riêng cơ sở y tế nông thôn, năm 1948 có 330 cơ sở, năm 1949 tăng lên 3.041 cơ sở, đến năm 1953 là 11.357 cơ sở. Các cơ sở hộ sinh cũng

---

1, 2. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ 118.

được xây dựng thêm nhiều: năm 1948 với 327 cơ sở, đến năm 1953 phát triển lên 4.042 cơ sở<sup>1</sup>.

Tại Nam Bộ, mỗi huyện đều có ban quân dân y, quân dân y xã, tổ nha y, tổ hộ sinh, tổ bào ché. Ở cấp xã, có ban y tế xã, trạm cứu thương, nhà bảo sinh. Năm 1953, cấp xã đã tổ chức được 40 dân y xã, 132 trạm cứu thương, 120 tổ chức bảo sinh, 9 tổ chức nha y, 9 tổ chức bào ché.

Ở cấp Trung ương, khu, tỉnh đều có các cơ quan y tế. Các cơ quan y tế ở Trung ương, khu, tỉnh đã tổ chức những cơ sở điều trị cho nhân dân, cán bộ, dân quân du kích...

Đặc biệt, từ năm 1950, để bảo đảm sức khỏe cho dân công phục vụ chiến dịch, mỗi khu, tỉnh đều tổ chức ban y tế dân công chuyên trách. Năm 1953, ở Trung ương tổ chức thêm một Ban Y tế dân công Trung ương. Ngoài ra, các tỉnh, khu còn thành lập các bệnh xá, trạm xá trực tiếp khám, chữa bệnh cho dân công. Mỗi bệnh xá trung bình khám 5 - 600 người/tháng, trạm xá trung bình khám 300 người/tháng.

- Về sản xuất thuốc và y cụ, với tinh thần “tự cấp, tự túc”, ngành y tế đã tổ chức cho các dược sĩ nghiên cứu, chế biến thuốc nam; tổ chức các cơ sở sản xuất thuốc và y cụ, các cơ quan sản xuất sinh hóa. Trong kháng chiến, ta đã sản xuất được một số thuốc tây, thuốc nam, vắcxin phòng bệnh và y cụ giải phẫu.

- Với phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, công tác vệ sinh phòng bệnh thời kỳ kháng chiến được chú trọng. Phong trào vệ sinh phòng bệnh và đề cao khẩu hiệu:

---

1. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ 118.

“Tam tinh, tứ diệt” (trong đó, tam tinh là ba sạch: ăn sạch, uống sạch, ở sạch; tứ diệt là diệt ruồi, diệt muỗi, diệt rận rệp, diệt chuột bọ) được phát động sâu rộng, đặc biệt trong các vùng tự do, vùng du kích. Ngoài mặt trận, công trường, trong thời gian diễn ra các chiến dịch, công tác vệ sinh phòng bệnh trong dân công được tăng cường. Trong suốt cuộc kháng chiến, chúng ta không để xảy ra nạn dịch lớn. Số bộ đội, dân công bị bệnh tại các công trường, tiền tuyến giảm đi đáng kể.

- Bên cạnh việc chỉ đạo xây dựng hệ thống cơ sở y tế, đẩy mạnh công tác khám, chữa bệnh, sản xuất thuốc, vệ sinh phòng, chống dịch bệnh, Đảng, Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo ngành y tế đào tạo đội ngũ cán bộ y tế từ cao cấp đến sơ cấp. Từ năm 1947 đến năm 1954, ngành y tế đã đào tạo được 38 bác sĩ; từ năm 1950 đến năm 1954, đào tạo được 54 dược sĩ. Để đào tạo cán bộ trung cấp, trong những năm 1948 - 1952, Bộ Y tế đã mở trường Y sĩ và Dược sĩ. Đến năm 1954, cả nước có 311 y sĩ và 61 dược sĩ trình độ trung cấp bồi. Để đào tạo cán bộ sơ cấp, mỗi khu đều thành lập trường đào tạo y tá, dược tá, hộ sinh<sup>1</sup>.

Những thành tựu quan trọng của ngành y tế trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đã bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và bộ đội. Các bệnh xã hội như: bệnh hoa liễu, bệnh lao, bệnh đau mắt hột... cơ bản được giải quyết; các dịch bệnh lớn không xảy ra; sức khỏe nhân dân, bộ đội cơ bản ổn định; bảo đảm phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

---

1. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ 118.

**2.** Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975), công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và bộ đội được Đảng, Chính phủ tiếp tục xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo phát triển hệ thống cơ sở y tế, đào tạo cán bộ, đẩy mạnh công tác khám, chữa bệnh, sản xuất thuốc, vệ sinh môi trường, phòng trừ dịch bệnh...; quan tâm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân miền núi, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em; thực hiện phương châm “Đông, Tây y kết hợp”, kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh, lấy phòng bệnh là chính.

Tháng 9/1962, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập Cục Bảo vệ sức khỏe trực thuộc Bộ Y tế. Nhiệm vụ của Cục là giúp Bộ Y tế nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ, biện pháp về phòng, chữa bệnh nhằm bảo vệ cán bộ trung, cao cấp của Đảng, Nhà nước. Ngày 03/6/1964, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 79-CT/TW “Về công tác bảo vệ sức khỏe cho cán bộ”. Trong thời kỳ này, Đảng có các chỉ thị về chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ sức khỏe cán bộ, bộ đội, công nhân; nghị định phụ cấp ngoài lương cho cán bộ ngành y tế; ra chỉ thị về đẩy mạnh các phong trào vệ sinh phòng, chống dịch bệnh.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của Đảng, Chính phủ, ngành y tế đã có bước phát triển quan trọng. Hệ thống cơ sở y tế ngày càng tăng. Năm 1955, toàn miền Bắc (tính từ Khu IV trở ra) chỉ có 78 cơ sở y tế, 14.000 giường bệnh<sup>1</sup>; năm 1965 tăng lên 252 bệnh viện, 350 bệnh xá, 16 viện điều dưỡng,

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh: *Chính sách xã hội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016, tr.91.

5 trại phong, 6 viện nghiên cứu y học, 28 trạm vệ sinh phòng dịch, 20 trạm chống mắt hột, 22 trạm chống sốt rét, 28 trạm bảo vệ bà mẹ và trẻ em, 5.463 trạm y tế, hộ sinh xã. Số giường bệnh tăng nhanh: bệnh viện có 19.100 giường bệnh, trạm xã có 8.900 giường bệnh, viện điều dưỡng có 1.600 giường bệnh, trại phong có 1.900 giường bệnh, trạm y tế hộ sinh xã có 38.200 giường bệnh<sup>1</sup>. Riêng vùng nông thôn, khoảng 4.800 xã có trạm y tế với 31.000 giường bệnh cấp cứu và đỡ đẻ; 130 đội y tế lưu động chuyên sâu chữa mắt hột, chống sốt rét, phòng bệnh, chống dịch<sup>2</sup>. Mạng lưới chống bệnh lao, bệnh phong, hệ thống trạm vệ sinh phòng dịch phát triển hầu khắp các tỉnh.

Trong những năm để quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng và Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển ngành y tế phù hợp với hoàn cảnh thời chiến. Hệ thống mạng lưới y tế cơ sở, công tác phòng, chống bệnh dịch, thực hiện phương châm “Đông, Tây y kết hợp”, tăng cường y tế miền núi tiếp tục được chú trọng. Bên cạnh đó, Đảng chủ trương tăng cường phổ cập sơ cấp cứu ở các xã, các hợp tác xã, làm tốt công tác cấp cứu chiến thương; làm tốt công tác sản xuất, phân phối, dự trữ thuốc và dụng cụ y tế; đẩy mạnh công tác đào tạo, giáo dục tư tưởng cho cán bộ ngành y tế.

Đến năm 1968, hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp, khu phố đều có các tổ y tế, 99% số xã ở miền Bắc có trạm y tế, hầu hết các huyện đều có bệnh viện. Cùng năm, toàn miền Bắc

---

1. Xem Tổng cục Thống kê: *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr.163.

2. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh: *Chính sách xã hội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*, Sđd, tr.141.

có 6.043 trạm xá, 981 bệnh viện, 50 cơ sở điều dưỡng<sup>1</sup>. Năm 1975, các tỉnh miền núi phía bắc có 129 bệnh viện với 8.116 giường bệnh, 26 bệnh xá, 13 viện điều dưỡng, 1.646 trạm y tế với 9.494 giường bệnh<sup>2</sup>. Hệ thống y tế cấp tỉnh trưởng thành nhanh chóng, có khả năng đảm nhiệm công tác phòng, chữa bệnh, tổ chức cấp cứu, đào tạo cán bộ. Ngoài cơ sở y tế ở các địa phương và ở Trung ương, các đội y tế lưu động cũng được lập ra, tỏa về các địa phương làm nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân phòng bệnh và trực tiếp chữa bệnh cho nhân dân. Trong thời gian diễn ra hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ngành y tế đã tổ chức được 2.484 tổ cứu thương. Thời kỳ này, ta đã xây dựng được trung tâm y tế lớn nhất miền Bắc là Hà Nội với nhiều bệnh viện chuyên khoa đầu ngành như: Bệnh viện huyện Đông Anh, Xanh Pôn, Việt Đức, Bạch Mai...

Cùng với sự phát triển của hệ thống cơ sở y tế, đội ngũ cán bộ ngành y tế ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Năm 1955, miền Bắc đào tạo được 5.000 cán bộ y tế xã, gần 1.800 hộ sinh viên ở xã, hơn 30.000 vệ sinh viên; số bác sĩ y khoa mới có 155 người, y sĩ trung cấp là 518 người, cao cấp là 87 người; nữ hộ sinh sơ trung cấp là 217 người; y tá là 3.278<sup>3</sup>. Trong thời gian diễn ra chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, số cán bộ ngành y tế tăng nhanh: từ 1.525 bác sĩ, 8.043 y sĩ, 38.928 y tá và 14.886 nữ hộ sinh năm 1965 tăng lên 2.838 bác sĩ, 12.056 y sĩ, 46.799 y tá, 13.715 nữ

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.331.

2, 3. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh: *Chính sách xã hội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*, Sđd, tr.253, 91.

hộ sinh<sup>1</sup> vào năm 1968. Năm 1975, toàn miền Bắc có 5.684 bác sĩ, 23.906 y sĩ, 42.354 y tá, 8.517 nữ hộ sinh<sup>2</sup>. Hệ thống các trường y sĩ cũng lần lượt ra đời ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hà Đông, Hà Nam..., bao đảm đào tạo tương đối đủ về cán bộ y tế, đặc biệt là cán bộ y tế cấp xã.

Bên cạnh đó, cán bộ ngành dược cũng được quan tâm và phát triển khá mạnh. Năm 1965, toàn miền Bắc mới có 370 dược sĩ cao cấp, 750 dược sĩ trung cấp và 2.377 dược tá, đến năm 1968, số dược sĩ cao cấp đã tăng lên 693, dược sĩ trung cấp là 1.117 và 6.582 dược tá<sup>3</sup>.

Việc sản xuất thuốc và chế tạo dụng cụ y tế cũng có nhiều tiến bộ. Năm 1956, miền Bắc tự lập được 25.946 tủ thuốc thôn, xóm. Từ năm 1965, nhiều địa phương đã thành lập xí nghiệp sản xuất thuốc bằng các nguyên liệu khai thác tại địa phương. Ngành dược đã nghiên cứu, tự chế ra một số loại thuốc kháng sinh, thuốc nam, một số vắcxin phòng dịch, trong đó có vắcxin phòng bại liệt. Năm 1968, sản xuất dược phẩm tăng gấp 5 lần năm 1965, đáp ứng nhu cầu chữa bệnh ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam<sup>4</sup>. Trong suốt cuộc kháng chiến, hàng ngàn tấn dụng cụ y tế, dược phẩm được sản xuất để chi viện cho các tỉnh Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên.

Ngoài việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống cơ sở y tế; xây dựng các cơ sở y tế chuyên sâu, các xí nghiệp dược phẩm;

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Sđd, tr.331.

2. Xem Tổng cục Thống kê: *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2004, tr.633.

3, 4. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh: *Chính sách xã hội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*, Sđd, tr.201, 204.

đào tạo cán bộ y tế; đẩy mạnh công tác khám, chữa bệnh... Đảng còn quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh. Năm 1956, miền Bắc đào được 165.755 giếng nước. Phong trào vệ sinh yêu nước, chống Mỹ; phong trào “Ba sạch” (Ăn sạch, ở sạch, uống sạch), “Bốn diệt” (diệt ruồi, muỗi, bọ, chuột) xây dựng ba công trình vệ sinh, tiêm chủng phòng dịch, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, trồng và sử dụng thuốc nam... phát triển rộng khắp. Năm 1971, 70% gia đình có hố xí, 30% gia đình có giếng nước, 25% gia đình có nhà tắm<sup>1</sup>. Các thành phố, khu công nghiệp đều được áp dụng các biện pháp tăng quạt gió chống bụi.

Với chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, trong những năm 1954 - 1975, ngành y tế ở miền Bắc đã từng bước đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh, cứu thương cho nhân dân, cán bộ và chiến sĩ. Hầu hết các tỉnh miền Bắc không có các dịch bệnh lớn xảy ra. Số người mắc các bệnh đau mắt hột, phong, lao không nhiều. Đến năm 1975, Việt Nam đã xóa được dịch tả, dịch hạch, sốt rét, bại liệt trẻ em, thương hàn; cơ bản khống chế được bệnh lao, mắt hột, quäm mắt và bệnh hoa liễu. Tỷ lệ bệnh nhân tử vong hạ từ 1,12% năm 1957 xuống còn 0,7% vào năm 1974<sup>2</sup>. Cùng năm, tỷ lệ trẻ em tử vong tuy còn cao nhưng cũng giảm xuống 26,7%. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tuổi thọ trung bình của người dân từ 40 tuổi tăng lên 60 tuổi vào năm 1974<sup>3</sup>.

Nhờ chăm sóc tốt sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, trong những năm 1954 - 1975, miền Bắc đã có đủ lực đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, xây dựng, bảo vệ hậu phương

---

1, 2, 3. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh: *Chính sách xã hội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*, Sđd, tr.251, 203.

và chi viện cho miền Nam, góp phần nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

**3.** Trong giai đoạn đất nước thống nhất, cả nước thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1986), cùng với lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm sát sao hơn tới công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cán bộ, chiến sĩ. Hệ thống cơ sở y tế được xây dựng, phát triển ngày càng rộng khắp. Đội ngũ bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, y tá cũng phát triển khá mạnh. Hệ thống các trường y từ đại học đến trung cấp được mở rộng, phát triển thêm. Trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, hệ thống dân y trên các tuyến đã được tổ chức để sẵn sàng vận chuyển, tiếp nhận cứu chữa cho thương, bệnh binh. Chỉ tính riêng từ ngày 17/02/1979 đến ngày 20/3/1979, ngành y tế đã tổ chức được một hệ thống tổ chức cứu chữa thương, bệnh binh bao gồm: 9.167 giường bệnh; 1.201 bác sĩ (trong đó quân y có 361, dân y có 840); 4.620 y sĩ (quân y có 1.241, dân y có 3.379); 8.186 y tá (quân y có 3.449, dân y có 4.737) và hàng trăm đội phẫu thuật. Với hệ thống tổ chức đó, ngành y tế đã bảo đảm cứu chữa cho 7.842 thương binh (trong đó lực lượng dân y đã thu dung, điều trị 4.415 thương binh, chiếm 53,6% số thương binh trên toàn tuyến), tỷ lệ tử vong được hạn chế tối đa.

Nhờ công tác lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh mẽ phát triển sự nghiệp y tế và ban hành những chính sách đáp ứng kịp thời nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, sức khỏe của nhân dân về cơ bản được bảo đảm. Trên địa bàn cả nước, dịch bệnh lớn hâu như không xảy ra. Nhân dân có điều kiện tham gia học tập, sản xuất, xây dựng đất nước và bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Từ năm 1986 đến nay, trong gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng đặc biệt tới công tác lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư phát triển ngành y tế, đề ra các chủ trương, chính sách nhằm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cán bộ và lực lượng vũ trang. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta luôn chú trọng đề ra chủ trương phát triển ngành y tế, tạo cơ sở để chăm sóc ở mức cao nhất sức khỏe cho nhân dân. Thời kỳ này, Trung ương Đảng đã ra hai nghị quyết chuyên đề về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cụ thể: Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, ngày 14/01/1993 “Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân” và Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”. Cả hai nghị quyết đều nêu rõ quan điểm, chủ trương, giải pháp, xác định rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Nghị quyết nêu rõ: Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành y tế là nòng cốt. Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tổ chức cung cấp dịch vụ công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản, đồng thời, khuyến khích hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu. Phát triển nền y học Việt Nam khoa học, dân

tộc và đại chúng. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập theo phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, quân y và dân y. Phát triển dược liệu, công nghiệp dược và thiết bị y tế. Hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; được bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các dịch vụ y tế. Nghề y là một nghề đặc biệt, vì vậy nhân lực y tế phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và y đức; cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đai ngộ đặc biệt. Hệ thống mạng lưới y tế phải rộng khắp, gần dân; được chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ Trung ương tới địa phương trong phạm vi cả nước, đồng thời, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Với chủ trương, chính sách đúng đắn, trong những năm qua ngành y tế đã không ngừng phát triển và đạt được một số thành tựu đáng kể. Năm 2015, cả nước có 98,4% số xã có trạm y tế; 96% số thôn, bản có nhân viên y tế, 80% số xã có bác sĩ, 50% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; trên 95% số xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh. Bảo hiểm y tế đã chi trả chi phí để phụ nữ khi có thai được khám thai, sinh đẻ tại các cơ sở y tế<sup>1</sup>.

Năm 2018, cả nước có 1.400 bệnh viện với 180.000 giường bệnh; 11.400 trạm y tế xã; gần 99% số xã, phường, thị trấn

---

1. Xem “An sinh xã hội ở Việt Nam: Những thành tựu, thách thức và định hướng phát triển”, <http://ilssa.org.vn/vi/news/an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-nhung-thanh-tuu-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien-208>.

có nhà trạm; 87,5% số trạm có bác sĩ khám, chữa bệnh; 97% số trạm có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản - nhi; gần 75% số thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế; trong đó, ở nông thôn, miền núi là 96%. Trong năm, hệ thống bệnh viện đã khám và điều trị ngoại trú cho khoảng 120.000 lượt người bệnh, điều trị cho hơn 10 triệu lượt người; thực hiện hàng triệu thủ thuật; khoảng 2 triệu ca phẫu thuật phức tạp. Các trung tâm y tế chuyên sâu được thành lập và triển khai hiệu quả. Kỹ thuật chẩn đoán, phẫu thuật và điều trị ngang tầm với các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là thụ tinh trong ống nghiệm, ghép tạng. Cuối năm 2018, cả nước có 15 cơ sở ghép được tim, thận, gan, giác mạc, tế bào gốc tạo máu<sup>1</sup>... Hiện nay, ngành y tế đã xây dựng được 23 bệnh viện hạt nhân và 127 bệnh viện vệ tinh. 10 chuyên khoa được đầu tư và ưu tiên phát triển là ung bướu, ngoại chấn thương, tim mạch, sản, nhi, nội tiết, thần kinh, huyết học lâm sàng, hồi sức cấp cứu, chống độc.

Trong thời gian gần đây, hệ thống y tế phát triển, công tác vệ sinh phòng dịch bệnh được thực hiện tốt, nhân dân được hưởng dịch vụ y tế ngày càng chất lượng. Nhờ đó, sức khỏe của người dân ngày càng được nâng lên, hầu hết các dịch bệnh được khống chế và ngăn chặn kịp thời. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nhẹ cân, thấp còi, tỷ lệ bà mẹ và trẻ em dưới 1 tuổi tử vong so với thế giới và khu vực tuy còn cao nhưng đã giảm dần. Năm 2015, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nhẹ

---

1. Xem “Y học Việt Nam ngày càng có nhiều thành tích đáng tự hào”, <https://giaoduc.net.vn/suc-khoe-hoc-duong/y-hoc-viet-nam-ngay-cang-co-nhieu-thanh-tuu-dang-tu-hao-post204444.gd>.

cân giảm còn khoảng 14,1%; tỷ lệ trẻ em thấp còi còn 24,2%; tỷ lệ bà mẹ tử vong còn 58,3/100.000 trẻ đẻ sống, trẻ em dưới 1 tuổi tử vong còn 14,7‰. Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được chăm sóc chu đáo, trên 90% khám thai ít nhất 3 lần, 98% phụ nữ khi sinh nở do cán bộ y tế qua đào tạo đỡ<sup>1</sup>; hầu hết bà mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh tại cơ sở y tế. Hiện nay, tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên 73,6 tuổi<sup>2</sup>.

Riêng năm 2018, ngành y tế Việt Nam đã đạt 9 thành tựu quan trọng trong lĩnh vực khám, chữa bệnh cụ thể là sản xuất thành công vắc xin cúm mùa “3 trong 1” gồm: cúm A/H1N1/09, cúm A/H3N2, cúm B và vắcxsin cúm tiền đại dịch A/H5N1; vắcxsin sởi, vắcxsin phổi hợp sởi - rubella đạt tiêu chuẩn GMP của Tổ chức Y tế thế giới (WHO). Bên cạnh đó, Việt Nam đã loại trừ được bệnh giun chỉ bạch huyết, được Tổ chức Y tế thế giới trao chứng nhận công nhận; trở thành quốc gia thứ 11 trong khu vực loại trừ được bệnh này. Việt Nam được nhận giải thưởng toàn cầu của Quỹ Bloomberg vì những nỗ lực và thành tích trong theo dõi, giám sát sử dụng thuốc lá và các chính sách phòng, chống tác hại của thuốc lá. Đặc biệt, lần đầu tiên ngành ghép tạng Việt Nam đã làm nên kỳ tích khi thực hiện thành công lấy đồng thời 6 tạng để ghép từ cùng một người cho đa tạng chết não và đã tiến hành ghép 5 tạng cùng một thời điểm cho 4 bệnh nhân và kết hợp điều

1. Xem “An sinh xã hội ở Việt Nam: Những thành tựu, thách thức và định hướng phát triển”, *Tlđd*.

2. Xem “Thông cáo báo chí Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê”, <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19440>.

phối “xuyên Việt” 1 thận cho bệnh nhi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,5%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội và Chính phủ giao<sup>1</sup>.

Với những thành tựu đạt được, ngành y tế đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Những thành tựu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân của Việt Nam được các nước trong khu vực và trên thế giới đánh giá cao. Tại Hội nghị Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organization - WHO) khu vực châu Á - Tây Thái Bình Dương (họp tại Hà Nội từ 24 - 28/9/2012), Tiến sĩ Sin Young Soo - Giám đốc Tổ chức khu vực này của WHO nhận xét: Việt Nam là quốc gia đã nỗ lực nhiều và hoàn thành trước thời hạn các mục tiêu thiên niên kỷ như thanh toán bệnh sởi, tỷ suất tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi, tỷ suất tử vong của bà mẹ đều thấp hơn so với nhiều quốc gia có cùng điều kiện kinh tế. Tuổi thọ bình quân của người Việt Nam tăng, đạt 73 - 74 tuổi. Đặc biệt, Việt Nam đã rất chú trọng hoạt động y tế ở các vùng nông thôn, miền núi,...

Cùng với sự quan tâm, lãnh đạo đầy mạnh mẽ nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và những chủ trương, đường lối đúng đắn, Đảng ta đã đưa ngành y tế Việt Nam từng bước phát triển mạnh mẽ, bảo đảm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; tạo điều kiện hơn nữa cho phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

---

1. Xem “Bộ Y tế công bố 9 thành tựu tiêu biểu của ngành y tế năm 2018”, <https://soha.vn/bo-y-te-cong-bo-9-thanh-tuu-tieu-bieu-cua-nganh-y-te-nam-2018-20181227085454635.htm>.

**ĐẢNG VỚI NHIỆM VỤ LÃNH ĐẠO  
GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO  
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

PGS.TS. NGUYỄN THANH XUÂN\*

**V**iệt Nam là quốc gia đa dạng về dân tộc và tôn giáo. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo, có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới với dân tộc, tôn giáo phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Từ khi đất nước bước vào thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam có chính sách đổi mới đối với dân tộc và tôn giáo, đạt được những kết quả quan trọng cùng với những bài học kinh nghiệm quý báu. Trong bối cảnh mới, nhiều vấn đề đặt ra đối với Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác dân tộc, tôn giáo.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2009, Việt Nam có tất cả 54 dân tộc với 85.800.000 người, trong đó người Kinh (Việt) chiếm gần 85,72% dân số với 73,60 triệu người, còn lại khoảng 14,28% là đồng bào các dân tộc thiểu số (tộc người thiểu số quen gọi

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

là “dân tộc”) với hơn 12,8 triệu người. Năm 2019, dân số cả nước là 96.208.984 người, trong đó dân tộc thiểu số là 14.123.255 người, chiếm 14,7% dân số.

Việt Nam là quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng và tôn giáo và nhiều người theo tín ngưỡng, tôn giáo. Ước tính Việt Nam có khoảng 90% dân số tin theo tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có khoảng 25.323 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm 27% dân số, 58.000 chức sắc, 29.000 cơ sở thờ tự của hàng trăm tổ chức tôn giáo, trong đó 43 tổ chức tôn giáo đã được công nhận.

## **1. Chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước**

### *1.1. Về chính sách dân tộc*

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đề ra nhiều chủ trương, chính sách đối với vấn đề dân tộc, như Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị “Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi”; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về công tác dân tộc”; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010”; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 21/01/2003 của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010”; Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị “Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010”... Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đều thể hiện các nguyên tắc trong chính sách dân tộc:

*Một* là, bình đẳng giữa các dân tộc là quyền ngang nhau của mọi dân tộc, không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển, chủng tộc. Bình đẳng giữa các dân tộc được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, được đảm bảo bằng pháp luật.

*Hai* là, đoàn kết giữa các dân tộc là nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt quá trình hoạch định chính sách dân tộc của Đảng. Đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

*Ba* là, giúp cùng nhau phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí cho đồng bào dân tộc thiểu số, xóa đi khoảng cách, chênh lệch về đời sống kinh tế, xã hội giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số.

*Bốn* là, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số góp phần tạo ra sự đa dạng và đặc sắc của văn hóa Việt Nam, nhất là trong điều kiện mở cửa và hội nhập quốc tế.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:* “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam”<sup>1</sup>. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.81.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với dân tộc thiểu số thời kỳ đổi mới, các địa phương, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương đã có nhiều nỗ lực đạt được những kết quả quan trọng. Cụ thể:

- Tập trung quán triệt chính sách đổi mới trong công tác dân tộc và triển khai thực hiện đạt những kết quả quan trọng. Thành tựu lớn nhất là tất cả mọi công dân, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giới,... đều bình đẳng về chính trị, bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống và bình đẳng trước pháp luật. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường. Các dân tộc thực hiện tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước quan tâm và có chính sách ưu tiên đầu tư đổi mới với các vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: giao thông nông thôn, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, các công trình trường học, y tế,... góp phần làm cho bộ mặt nông thôn vùng dân tộc thiểu số chuyển biến rõ rệt.

- Hoạt động sản xuất tại hầu hết các địa bàn dân tộc thiểu số đều chuyển biến tích cực, nhất là lĩnh vực nông nghiệp hình thành một số vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa với các sản phẩm chủ lực như cà phê, hồ tiêu, chè, cao su,... Từ đó đã tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống rõ rệt. Đời sống vật chất và tinh thần, chất lượng cuộc sống của đồng bào từng bước được cải thiện rõ rệt.

- Công tác giáo dục, đào tạo nhằm tăng cường nguồn nhân lực cho các dân tộc thiểu số đạt được kết quả quan

trọng. Đến nay, cơ bản xóa được tình trạng mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở trong độ tuổi (năm 2017, tỷ lệ phổ cập tiểu học đạt 95%, cả nước có 314 trường dân tộc nội trú, 1.013 trường dân tộc bán trú, 50/54 dân tộc có người học đạt trình độ giáo dục từ cao đẳng, đại học trở lên).

- Mạng lưới y tế vùng dân tộc thiểu số phát triển, nhiều xã đạt chuẩn về y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu được nâng lên, chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện đều khắp, nhiều bệnh nguy hiểm được khống chế và đẩy lùi, đồng thời từng bước kiểm soát được tỷ lệ sinh đẻ tăng tự nhiên.

- Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số tiếp tục được giữ gìn và phát huy. Thiết chế văn hóa cơ sở được củng cố gắn với phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, mạng lưới thông tin, phát thanh, truyền hình phủ rộng khắp,... góp phần quan trọng trong việc mở mang dân trí. Một số di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số được UNESCO công nhận, nhiều di sản được công nhận là di sản quốc gia.

- Hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số không ngừng được xây dựng, củng cố, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số tham gia công tác trong hệ thống chính trị ngày càng nhiều, nhất là ở cơ sở và từng bước nâng cao cả về chất lượng và số lượng.

- Lãnh thổ và chủ quyền quốc gia ở các vùng biên giới được bảo đảm. An ninh chính trị và trật tự xã hội trong vùng dân tộc cơ bản giữ được ổn định. Đồng bào các dân tộc đoàn kết, nâng cao cảnh giác, đấu tranh làm thất bại âm mưu chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch.

### 1.2. Về chính sách tôn giáo

Cùng với sự nghiệp đổi mới đất nước, trước hết là đổi mới tư duy, Đảng ta đã từng bước đổi mới về lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Trong quá trình đó, tư duy lý luận của Đảng về vấn đề này ngày càng được thể hiện một cách đầy đủ và hoàn thiện hơn qua các chủ trương của Đảng đối với tôn giáo, bao gồm các văn kiện như sau: Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”; Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị “Về công tác tôn giáo trong tình hình mới”; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 “Về công tác tôn giáo”; Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 18/01/2018 “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo”,... Thực hiện chủ trương của Đảng, về phía Nhà nước có các văn bản quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tôn giáo, như: Nghị định số 69/NĐ-HĐBT, ngày 21/3/1991 “Quy định về các hoạt động tôn giáo”, Nghị định số 26-NĐ/CP, ngày 19/4/1999 “Về các hoạt động tôn giáo”, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Trong đó, Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được ban hành nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004; tiếp tục thể chế hóa các quan điểm của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, đồng thời tiếp tục sự tương thích với luật pháp quốc tế trong điều kiện Việt Nam mở cửa và hội nhập quốc tế một cách sâu rộng. Sau đây là những nội dung cụ thể về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tôn giáo thời kỳ đổi mới.

Trước hết là nhận thức, đánh giá về tôn giáo, Đảng ta đã có sự đổi mới nhận thức về công tác tôn giáo trên ba khía cạnh: *Một là*, mở rộng hướng tiếp cận về tôn giáo. Tôn giáo không chỉ là tư tưởng triết học, không chỉ liên quan chính trị (do sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực chính trị xấu), mà tôn giáo còn là lịch sử (tôn giáo là một mặt phản ánh các tiến trình lịch sử của loài người), tôn giáo còn là nhận thức, là văn hóa, là đạo đức, là chỗ dựa về đời sống tâm linh của con người,... và tôn giáo không chỉ là hình thái ý thức xã hội, mà còn là một thực thể xã hội tồn tại lâu dài gắn với con người; *Hai là*, bổ sung nguồn gốc ra đời và sự tồn tại của tôn giáo. Ngoài nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội, tôn giáo xuất hiện, tồn tại và phát triển còn có những nguyên nhân khác, trong đó có những nguyên nhân về nhận thức, nguyên nhân về tâm lý, và nhất là nguyên nhân gắn với cái chết của con người. Chính điều này đã góp phần làm cho tôn giáo tồn tại lâu dài; *Ba là*, có cách nhìn khách quan về vai trò và ảnh hưởng của tôn giáo. Bên cạnh những mặt hạn chế, tiêu cực của tôn giáo như tôn giáo yếm thế, ru ngủ con người trong điều kiện trình độ dân trí thấp; xét về mặt chính trị, tôn giáo cũng rất dễ bị các thế lực xấu và chủ nghĩa cơ hội lợi dụng trong những tình thế lịch sử nhất định. Tôn giáo, với cách nhìn mới, còn có những giá trị tích cực được ghi nhận và trân trọng, trong đó có giá trị tích cực về đạo đức và tích cực về văn hóa.

Như vậy, với tư duy khoa học, tôn trọng thực tế, không chủ quan duy ý chí, Đảng ta đã đưa nhận thức, đánh giá rất đổi mới về tôn giáo: (1) “*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân*”; (2) “*Tôn giáo là một vấn đề*

còn tồn tại lâu dài”; (3) “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”.

Từ nhận thức và đánh giá đúng về tôn giáo, Đảng chủ trương thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình tôn giáo Việt Nam thời gian qua có sự chuyển biến rất quan trọng. Cụ thể:

- Hầu hết các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được công nhận pháp nhân (trước đổi mới năm 1986 chỉ có 3 tổ chức, đến năm 2019 có 43 tổ chức). Sau khi được công nhận pháp nhân, các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định. Cụ thể là các hoạt động về tổ chức, như đại hội, hội nghị, mở trường lớp đào tạo chức sắc, phong chức, phong phẩm, xuất bản ấn phẩm tôn giáo, xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự, quan hệ quốc tế... đã đi vào nền nếp, chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

Các tôn giáo ở Việt Nam khi được Nhà nước công nhận pháp nhân đều xây dựng và nỗ lực thực hiện đường hướng

gắn bó với dân tộc và tuân thủ pháp luật. Phương châm hoạt động của Phật giáo là “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Công giáo là “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc”, đạo Tin lành là “Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, Phục vụ Tổ quốc và dân tộc, đạo Cao Đài là “Nước vinh - Đạo sáng”,...

- Các tôn giáo tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, góp phần cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội để lại từ hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cùng những vấn đề xã hội mới nảy sinh. Chính từ những đóng góp xã hội của các tôn giáo, trong Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, ngày 10/01/2018 “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới”, Đảng đã chính thức xác định tôn giáo là nguồn lực xã hội: Phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước.

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo vừa là tạo mối quan hệ giữa tôn giáo ở Việt Nam với tôn giáo thế giới, vừa là kênh ngoại giao nhân dân, vừa là kênh đấu tranh đối ngoại chống lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam.

## **2. Những tác động của thế giới đến vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam**

Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề dân tộc và tôn giáo cần chú ý là: (1) Tốc độ lan tỏa nhanh chóng của quá trình toàn cầu hóa lần thứ ba cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI cùng với đó là sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, nhất là sự bùng nổ của công nghệ thông tin - truyền thông đại chúng

(mạng internet). Tất cả những điều đó tạo ra sự liên đới giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên các phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội,...; (2) Cơ chế xã hội dân sự ở các nước Âu - Mỹ, trong đó tôn giáo đóng vai trò quan trọng, đã tác động đến các nước trên thế giới. Ở nhiều quốc gia, tôn giáo khai thác cơ chế này để “lấy lại” ảnh hưởng trong đời sống xã hội, khai thác quá trình toàn cầu hóa để truyền bá, thúc đẩy xã hội dân sự nhằm đề cao vị trí của tôn giáo; (3) Nhiều tổ chức quốc tế được hình thành và có vai trò, ảnh hưởng đối với đời sống chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa thế giới và từng khu vực. Vấn đề tôn giáo, dân tộc được các tổ chức quốc tế quan tâm, nhất là Liên hợp quốc với Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (1966) mà Việt Nam đã tham gia ký kết năm 1981; (4) Liên Xô sụp đổ và sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã làm giảm đi tư tưởng thành kiến cực đoan với tôn giáo (vốn có ở một số nước xã hội chủ nghĩa) tạo điều kiện mới cho tôn giáo phục hồi và phát triển; (5) Các nước phát triển Âu - Mỹ có lợi thế nhiều mặt, nhất là về kinh tế mở rộng ảnh hưởng ra thế giới. Theo đó, các tôn giáo và văn hóa, lối sống của những nước này cũng được dịp mở rộng tác động đến nhiều nước khác, nhất là các nước đang phát triển.

Điều cần chú ý là thời gian gần đây, nhiều quốc gia phải đối diện với những diễn biến phức tạp, gây mất ổn định về chính trị liên quan đến vấn đề dân tộc và tôn giáo, thậm chí ở một số quốc gia, vấn đề dân tộc, tôn giáo đã dẫn đến các hoạt động ly khai - giải lãnh thổ, như việc tan rã nước Nam Tư và các cuộc nội chiến sau đó, việc đòi ly khai, tự trị của vùng Trécnia ở Côxôvô đối với nước Nga, của Mindanao đối với Philíppin, của Tây Tạng đối với Trung Quốc,... vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

Việt Nam chủ trương mở cửa, hội nhập với thế giới, do đó không thể tránh khỏi những tác động của tình hình tôn giáo thế giới, với cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Cụ thể: Việc các tôn giáo tham gia giải quyết các vấn đề xã hội mang tính thời sự (biến đổi khí hậu, môi trường, chiến tranh, hòa bình,...) đã thúc đẩy các hoạt động xã hội của các tôn giáo ở Việt Nam, nhất là Việt Nam vừa đi ra từ hai cuộc chiến tranh kéo dài còn có nhiều vấn đề xã hội phải giải quyết. Thời gian vừa qua, các tôn giáo ở Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, nhất là từ thiện xã hội và có những đóng góp tạo nguồn lực xã hội quan trọng. Việc các tôn giáo thực hiện đối thoại, trong đó có xu hướng “liên tôn” ở các phạm vi khác nhau cũng đã thúc đẩy các hoạt động “liên tôn” và đối thoại giữa các tôn giáo ở Việt Nam. Điều này phù hợp, đúng hơn là khích lệ truyền thống đoàn kết, hòa hợp giữa các tôn giáo ở Việt Nam; đồng thời xóa đi sự khác biệt và những bất đồng do lịch sử để lại. Việc các tôn giáo đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động truyền giáo dẫn đến các tôn giáo ở nước ngoài có cơ hội truyền bá vào Việt Nam dẫn đến việc gia tăng các hiện tượng đạo mới, đạo lạ gây tác động tiêu cực đến đời sống tôn giáo, thậm chí gây ra xung đột về văn hóa ở một số dân tộc thiểu số trên một số địa phương cụ thể, điển hình là việc đạo Tin lành phát triển nhanh ở Tây Nguyên, thâm nhập cộng đồng đồng bào Mông ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Các xu hướng cực đoan về tôn giáo trên thế giới cũng đã thâm nhập cộng đồng một số tôn giáo ở Việt Nam, gây tác động xấu đến đời sống xã hội. Đặc biệt, các phần tử xấu đã khai thác và lợi dụng những vấn đề liên quan đến tôn giáo, tôn giáo - dân tộc nhằm gây mất ổn định chính trị ở Việt Nam. Cụ thể,

vấn đề ly khai trong một số phần tử cực đoan người Khmer ở Tây Nam Bộ; vấn đề Fulro và cái gọi là nhà nước Đềga ở Tây Nguyên; vấn đề “xưng Vua” và “Vương quốc Mông” trong một bộ phận người Mông ở Tây Bắc,...

Bên cạnh môi trường và sự tác động của quốc tế, vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam còn chịu tác động của kinh tế thị trường. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) quyết định đổi mới toàn diện đất nước trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Với định hướng đổi mới, nền kinh tế Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường, và đặc biệt là nền kinh tế nhiều thành phần, nhất là sự đổi mới nhận thức về thành phần kinh tế tư nhân, không chỉ hai thành phần kinh tế như trước là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Với nền kinh tế theo cơ chế thị trường, dù có theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì đều có sự cạnh tranh gay gắt và sự rủi ro trong kinh doanh. Cũng cần nhấn mạnh thêm, ở Việt Nam, trong nhiều trường hợp còn làm ăn theo lối “chộp giật” nên sự rủi ro càng nhiều. Việc may rủi trong sản xuất, kinh doanh hay việc thất bát trong kinh tế “chộp giật”, nhiều người đã tìm đến với tôn giáo, cầu xin “đáng bề trên” phù hộ. Khi kinh tế ngày càng phát triển thường dẫn đến sự phân hóa giàu - nghèo càng ngày rõ rệt. Đây cũng là yếu tố đưa con người đến với tôn giáo để được an ủi, che chở. Ngoài các tôn giáo truyền thống, khi nhu cầu tôn giáo tăng lên sẽ là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự ra đời những tôn giáo mới. Thời gian vừa qua, một số tôn giáo mới xuất hiện trên cơ sở vay mượn giáo lý của các tôn giáo trước là khá phổ biến. Đạo Hà Mòn, đạo Dương Văn Minh cũng có gốc gác

từ Kitô giáo; Nhất Quán đạo là sự pha trộn giữa Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo; Long Hoa Di Lặc và Thanh Hải Vô Thượng Sư đều lấy những giáo lý cũng như hình mẫu của Phật giáo; đạo Cô Non, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, hay đạo Bác Hồ có những sự vay mượn phần lớn từ tín ngưỡng thờ Mẫu và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên,... Bên cạnh đó, kinh tế thị trường cũng ảnh hưởng đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số - đối tượng được thụ hưởng chế độ bao cấp, trên nhiều phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tóm lại, môi trường quốc tế, cơ chế kinh tế thị trường có tác động tích cực và tiêu cực đến vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta cần quan tâm đến vấn đề dân tộc, tôn giáo và chính sách dân tộc, tôn giáo nhằm góp phần vào sự ổn định và phát triển đất nước trong quá trình đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế.

### **3. Đảng lãnh đạo giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo**

#### *3.1. Đảng lãnh đạo giải quyết vấn đề dân tộc*

Đảng lãnh đạo giải quyết vấn đề dân tộc với các chính sách cụ thể về kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, về hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Cụ thể:

- *Về kinh tế*: Chú trọng phát triển nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển nông nghiệp có cơ cấu khá hợp lý, phù hợp với địa hình đất dốc và chia cắt, nhiều tiểu vùng khí hậu, cấu tạo địa tầng địa mạo khác nhau, gắn với các vùng và thị trường trong nước và ngoài nước. Làm tốt chính sách định canh, định cư, phân bố lại dân cư hợp lý; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu

quốc gia: xây dựng nông thôn mới và xóa đói, giảm nghèo bền vững. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như: phát triển hệ thống giao thông, thủy điện, thủy lợi, nước sạch, trường học, trạm y tế,... Chú ý bảo vệ bền vững môi trường sinh thái. Đẩy nhanh công tác xóa đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số, trước hết là đối với những xã đặc biệt khó khăn, thuộc diện trọng điểm vùng sâu, vùng xa. Có chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút đầu tư kinh tế vào các địa bàn vùng sâu, vùng xa.

- *Về văn hóa, xã hội:* Xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục. Quyết tâm thực hiện mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống giáo dục phổ thông nội trú các cấp. Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân các dân tộc. Do cư trú ở các vùng khí hậu khắc nghiệt, điều kiện sinh hoạt, lao động thiếu thốn, cơ sở vật chất còn lạc hậu, trình độ dân trí thấp,... nên việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số cần được chú ý, quan tâm hơn. Chú trọng công tác y tế dự phòng, xây dựng các trạm y tế xã hoặc cụm để chăm sóc sức khỏe cho đồng bào. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Bảo tồn và phát triển các bản sắc văn hóa riêng của từng dân tộc về nhà ở, ẩm thực, ngôn ngữ, chữ viết, văn học, nghệ thuật, phong tục, tập quán, lối sống, tín ngưỡng truyền thống,... Đồng thời dần dần đẩy lùi đi tới xóa bỏ những tâm lý, thói quen, hủ tục, cùng các tệ nạn ma túy,

mại dâm, cờ bạc, rượu chè,... trái với bản sắc văn hóa tốt đẹp vốn có của các dân tộc.

- *Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại:* Xuất phát từ vị trí đặc biệt của miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, chống âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và các thủ đoạn chống phá khác của các lực lượng phản động và thù địch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chú ý đến vấn đề dân tộc nhạy cảm do lịch sử để lại, vấn đề dân tộc liên quan đến các quốc gia láng giềng, vấn đề dân tộc liên quan đến tôn giáo. Nghiêm trị những hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để hoạt động chính trị, gây chia rẽ dân tộc. Bằng mọi cách không để xảy ra xung đột dân tộc.

- *Các chính sách về hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số:* Cùng cố hệ thống chính trị trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chú trọng công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, bảo đảm thôn, bản nào cũng có đảng viên, xã nào cũng có chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở nhằm tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng trong các dân tộc. Công tác cán bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ các dân tộc thiểu số trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm dân tộc nào cũng có cán bộ là người của dân tộc mình. Cùng với chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng hợp lý cần quan tâm động viên, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ là người dân tộc thiểu số an tâm công tác.

- *Khắc phục những tồn tại trong thực hiện chính sách dân tộc:* Cùng với lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ nói trên,

trong thời gian tới, Đảng còn lãnh đạo việc khắc phục những tồn tại trong công tác dân tộc. Đó là đời sống dân sinh, trình độ dân trí vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhìn chung vẫn còn thấp so với mặt bằng chung, vấn đề bảo tồn, lưu giữ giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc, vấn đề tái mù chữ, tái đổi nghèo, vấn đề di dân tự do, vấn đề lợi dụng, kích động của các thế lực thù địch,... Đó là việc chưa cụ thể hóa bằng quy định pháp luật những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế, quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ, trí thức,... Một số quy định còn mang tính định hướng chung chung nên khó cụ thể hóa hướng dẫn thực hiện, một số chính sách cụ thể còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ giữa mục tiêu, thời gian thực hiện, định mức hỗ trợ và nguồn lực bảo đảm. Một số chính sách chưa phù hợp với đặc điểm vùng và dân tộc. Một số chính sách mang tính bao cấp tạo sự trông chờ, ỷ lại không còn phù hợp. Đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Việc tổ chức thực hiện ở một số địa phương còn lúng túng, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ. Các nguồn lực thực hiện chính sách còn thiếu do vốn ngân sách hằng năm chưa đáp ứng, dàn trải nên có những dự án, chương trình vẫn đang còn dở dang. Vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ sự bao cấp của Nhà nước; chưa chủ động thực hiện nên hiệu quả của chính sách không cao,...

### *3.2. Đảng lãnh đạo giải quyết vấn đề tôn giáo*

Chính sách dân tộc là chính sách phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại, chính sách về hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Khác với chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của các tín đồ, hoạt động của chức sắc, của tổ chức tôn giáo, các vấn đề đào tạo, phong chức, phong phẩm, điều chuyển chức sắc, xuất bản kinh sách, hoạt động từ thiện xã hội, đất đai, xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự, quan hệ quốc tế giữa các tôn giáo,... Do vậy, nhiệm vụ lãnh đạo công tác tôn giáo của Đảng trong bối cảnh mới sẽ tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

- *Quán triệt và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo.* Một thời gian trước năm 1986, vì nhiều nguyên nhân nên việc đánh giá ứng xử với tôn giáo có những thành kiến và khoảng cách. Do vậy, việc quán triệt quan điểm, nhận thức mới đối với tôn giáo của Đảng là rất quan trọng nhằm giải quyết vấn đề nhận thức về tôn giáo là nền móng (gốc) cho việc thực hiện chính sách tôn giáo. Đồng thời, phải thực hiện đầy đủ, đúng đắn chính sách và những quy định pháp luật liên quan đến tôn giáo để tạo niềm tin của chức sắc, tín đồ tôn giáo. Tránh việc vi phạm hoặc không thực hiện chính sách đã ban hành hoặc thực hiện không bình đẳng giữa các tôn giáo,... dẫn đến mất lòng tin, nghi ngờ, thậm chí phản ứng từ phía các tôn giáo.

- *Cần điều chỉnh những quy định pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.* Sau một thời gian thực hiện, Luật tín ngưỡng, tôn giáo cần được điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp, trên bốn phương diện: nội dung quản lý, hình thức quản lý, phân cấp quản lý, điều kiện và thủ tục hành chính. Điều chỉnh quy định pháp luật về hoạt động tôn giáo vừa phù hợp với thực tế tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, vừa thể

hiện quan điểm đổi mới của Đảng và ý nguyện của tín đồ, chức sắc các tôn giáo, vừa tương thích với luật pháp quốc tế - môi trường toàn cầu hóa mà Việt Nam hội nhập. Quy định pháp luật cần chú ý việc hài hòa giữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, sự điều chỉnh của pháp luật và sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Quy định pháp luật về hoạt động tôn giáo ở Việt Nam cần bao đảm ba yếu tố: tính dân tộc, tính pháp quyền và tính quốc tế. Đồng thời, Nhà nước phải sớm cụ thể hóa những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện xã hội của tôn giáo để khai thác nguồn lực xã hội của tôn giáo cho sự phát triển của đất nước.

- *Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tín đồ các tôn giáo.* Đảng xác định nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng, đồng thời cần quan tâm đặc biệt công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc tôn giáo, nhất là chức sắc cấp cao có uy tín và ảnh hưởng trong tôn giáo, theo phương châm “đến với một người sẽ được muôn người”. Công tác tuyên truyền, vận động tín đồ, chức sắc trong hoàn cảnh mới, cần có sự điều chỉnh về nội dung, hình thức, phương pháp như khai thác ảnh hưởng của các nhà khoa học, những người tiêu biểu có uy tín trong xã hội tham gia vì trên cương vị của họ sẽ thuận tiện trong việc tuyên truyền, giải thích. Công tác tuyên truyền, vận động tín đồ, chức sắc tôn giáo cần tránh việc nói lấy được mang tính áp đặt, nói cho xong việc, không lắng nghe phản hồi của dư luận. Đặc biệt, muốn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo phải thực hiện tốt chính sách đối với tôn giáo để tạo lòng tin.

- *Thực hiện bình đẳng tôn giáo trước pháp luật.* Bình đẳng tôn giáo là nguyên tắc hiến định - một nguyên tắc ứng xử của xã hội tiến bộ, bởi vì mọi tôn tại đều có giá trị, đều có những nhu cầu nhất định cần được quan tâm đáp ứng. Việt Nam là một đất nước có nhiều loại hình tôn giáo, tổ chức tôn giáo, trong đó có tôn giáo được truyền bá vào từ rất sớm, có tôn giáo mới du nhập hoặc mới hình thành; có tôn giáo đồng tín đồ với phạm vi hoạt động rộng, có tôn giáo ít tín đồ và phạm vi hoạt động hẹp; có tôn giáo chỉ có một tổ chức, có tôn giáo nhiều tổ chức tồn tại độc lập,... Trước thực trạng đó, thực hiện chính sách tôn giáo cần chú ý đến bình đẳng tôn giáo, tránh việc quan tâm đến tôn giáo này, không quan tâm đến tôn giáo khác. Việc ứng xử bất bình đẳng sẽ gây ra sự so bì giữa tôn giáo này với tôn giáo kia, thậm chí dẫn tới sự phản ứng gây mất ổn định xã hội.

- *Rà soát, giải quyết dứt điểm những khiếu kiện tôn giáo,* trong đó có việc khiếu kiện về đất đai liên quan đến tôn giáo,... Vấn đề khiếu kiện liên quan đến tôn giáo thời gian vừa qua đã giảm nhiều nhưng vẫn còn đối với một số tôn giáo ở một số địa phương. Một số vụ việc khiếu kiện xảy ra tạo thành “điểm nóng tôn giáo”, nhất là liên quan đến đất đai. Khi “điểm nóng tôn giáo” xuất hiện, cần bình tĩnh, không để các phần tử cực đoan kích động tâm lý đám đông qua đức tin tôn giáo. Khiếu kiện liên quan đến tôn giáo cần giải quyết theo phương châm “tôn giáo giải quyết việc tôn giáo”. Khiếu kiện liên quan đến chính quyền, cần trao đổi thoại theo phương châm “cầu đồng, tồn dị”, thượng tôn pháp luật nhưng chú ý đến đặc trưng riêng khác của từng tôn giáo, nhất là luật lệ, lễ nghi tôn giáo; chú ý chủ động giải quyết giảm nhẹ

theo hướng “đại sự trở thành trung sự, trung sự trở thành tiểu sự, tiểu sự trở thành vô sự”. Khi có vụ việc, điểm nóng liên quan đến tôn giáo, việc thông tin phải thật chính xác, đúng với bản chất của sự việc, tránh việc tuyên truyền sai lệch, tuyên truyền thành “chiến dịch” không chỉ tạo tâm lý nghi ngờ của tín đồ chức sắc, mà còn dẫn đến phản ứng mang tính xã hội bất lợi.

- *Giải quyết các hiện tượng tôn giáo mới một cách phù hợp.* Trong thời gian gần đây, ở Việt Nam xuất hiện rất nhiều các hiện tượng tôn giáo mới/đạo lạ. Hiện tượng tôn giáo mới phát triển nhanh do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc niềm tin của một bộ phận quần chúng bị suy giảm với các tôn giáo truyền thống đương thời, xã hội xảy ra nhiều vấn đề tiêu cực, tệ nạn chưa được khắc phục, thay đổi đời sống trong quá trình công nghiệp hóa và sự rủi ro của cơ chế kinh tế thị trường cùng với những điều bất hạnh trong cuộc sống. Hiện tượng tôn giáo mới là vấn đề tôn giáo, tâm linh nên không thể hạn chế và xử lý hành chính như tà giáo, mê tín dị đoan. Vì vậy, có thể giải quyết hiện tượng tôn giáo mới theo Điều 5 (“Các hành vi bị nghiêm cấm”) của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời cân nhắc kỹ lưỡng trong việc cấp đăng ký hoạt động và pháp nhân tôn giáo cho nhóm này.

- *Giải quyết những vấn đề dân tộc liên quan đến tôn giáo (hoặc ngược lại).* Ở Việt Nam, do nhiều nguyên nhân, trong đó có những yếu tố lịch sử nên nhiều vấn đề dân tộc và tôn giáo có liên quan với nhau, như người Chăm theo Hồi giáo liên quan đến mối quan hệ giữa người Chăm với người Việt trong lịch sử; người Khmer ở Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông với

ba vấn đề vùng đất, con người và tôn giáo, trong đó có nhóm mang tư tưởng ly khai lôi kéo, kích động; người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo đạo Tin lành liên quan đến sự lợi dụng của tổ chức phản động Fulro; người Mông ở miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành liên quan đến xung đột giữa văn hóa lối sống truyền thống của người Mông với đạo Tin lành,...

- *Tổng kết thực tiễn, nhất là những vấn đề mới, vấn đề phúc tạp liên quan đến tôn giáo.* Thời gian vừa qua, tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam có những vấn đề mới, những vấn đề phúc tạp, ở đó có sự khác nhau trong quan điểm gây kéo dài thời gian nhận thức và giải quyết dẫn đến hậu quả, ảnh hưởng xấu. Điển hình là vấn đề truyền đạo và theo đạo Tin lành trong vùng đồng bào Mông ở Tây Bắc, sự phát triển nhanh của đạo Tin lành ở Tây Nguyên, giải quyết mối quan hệ giữa đạo Tin lành với Fulro và ổn định chính trị ở Tây Nguyên, vấn đề công nhận pháp nhân tôn giáo, vấn đề hiện tượng tôn giáo mới, vấn đề lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, vấn đề quan hệ quốc tế các tôn giáo trong điều kiện mở cửa và hội nhập,... Đồng thời nghiên cứu lý luận và tham khảo quốc tế về chính sách tôn giáo, nhất là những quốc gia có sự tương đồng và có quan hệ tốt với Việt Nam để cung cấp luận cứ khoa học nhằm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Việt Nam về tôn giáo.

\*

\* \* \*

Vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo ở Việt Nam là hai vấn đề lớn, phúc tạp và nhạy cảm. Kế thừa kết quả và bài học

kinh nghiệm đã đạt được, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước xây dựng hệ thống chính sách đổi mới với dân tộc và tôn giáo. Vấn đề đặt ra là tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện thật đầy đủ và đúng đắn những chủ trương, chính sách đã ban hành; đồng thời có sự đánh giá, tổng kết để điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp, nhất là trong môi trường và hoàn cảnh mới ở trong nước và quốc tế. Giải quyết vấn đề tôn giáo có liên quan đến vấn đề dân tộc hoặc ngược lại, vấn đề dân tộc liên quan đến vấn đề tôn giáo là cùng một lúc phải thực hiện thật tốt cả hai chính sách đặc thù: dân tộc, tôn giáo, cùng một lúc phải quan tâm cả hai vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Đối với vấn đề dân tộc và tôn giáo, cần thận trọng, không được khinh suất hoặc bất cẩn, nếu không thì việc nhỏ trở thành việc lớn, việc đơn giản trở thành phức tạp. Vì vậy, việc Đảng lãnh đạo giải quyết thành công vấn đề dân tộc, tôn giáo góp phần rất quan trọng vào sự ổn định và phát triển của đất nước.

**ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG -  
NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG  
TRONG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ  
CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**

ThS. ĐỖ THỊ THU THẢO\*

**T**rong các thời kỳ cách mạng, Đảng luôn coi trọng vai trò và sự đóng góp to lớn của các tầng lớp phụ nữ, đồng thời xác định: “Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam”<sup>1</sup>. Việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với tổ chức Hội và công tác vận động phụ nữ được quan tâm theo hướng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của phụ nữ trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là nhân tố

\* Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

1. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

có tính quyết định tới những thành công trong công tác vận động phụ nữ nói chung và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nói riêng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị”<sup>1</sup>.*

*Thứ nhất, đổi mới quy trình, cách thức ban hành nghị quyết theo hướng tăng cường sự tham gia của phụ nữ và phát huy vai trò phản biện của tổ chức Hội trong quá trình xây dựng văn bản, nhất là đối với các vấn đề liên quan đến công tác vận động phụ nữ và tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.*

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa VIII “Tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết và chỉ thị của Đảng... Nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, các cấp ủy và tổ chức đảng từng ngành có thể thực hiện được ngay, giảm bớt thời gian chờ đợi hướng dẫn, cụ thể hóa ở các cấp...”<sup>2</sup>, Đảng đã có sự đổi mới

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88-89.

2. Nghị quyết số 10-NQHN/TW, ngày 02/02/1999 của Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”.

căn bản trong cách thức tiếp cận với những vấn đề của phụ nữ, phát huy mạnh mẽ vai trò phản biện xã hội của tổ chức hội trong quá trình xây dựng, ban hành các chủ trương, nghị quyết, chính sách liên quan đến công tác vận động phụ nữ. Quy định về việc lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có tổ chức Hội được đưa vào nhiều văn bản của Đảng, Nhà nước như: "Về việc ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội" theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật bình đẳng giới...

Phát huy dân chủ và lắng nghe ý kiến của phụ nữ, tăng cường các diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với tổ chức hội và với phụ nữ, lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, đặc biệt là đối tượng phụ nữ thụ hưởng hoặc chịu tác động của chủ trương, nghị quyết, chính sách. Chủ trương, nghị quyết khi ra đời bảo đảm tính khoa học, tôn trọng quy luật khách quan, hướng vào giải quyết đúng và trúng vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn đối với phụ nữ và công tác hội, tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành, tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tầng lớp phụ nữ cũng như cả xã hội thực hiện.

Với dự thảo Hiến pháp năm 2013, các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức lấy ý kiến của trên 10 triệu lượt phụ nữ, với trên 1,2 triệu ý kiến tham gia. Từ năm 2013 đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tham gia phản biện xã hội nhiều dự thảo luật quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến phụ nữ, trẻ em và vấn đề bình đẳng giới

như: Bộ luật dân sự (sửa đổi); Bộ luật hình sự (sửa đổi), Bộ luật lao động (sửa đổi), Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo hiểm xã hội, Luật trẻ em...; tổ chức 21.742 cuộc đối thoại trực tiếp<sup>1</sup> với các cơ quan liên quan để đề xuất các nội dung cụ thể vào văn bản dự thảo trên cơ sở ý kiến, nguyện vọng của phụ nữ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hội và các quy định của pháp luật. Nhiều ý kiến đóng góp của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã được nghiêm túc tiếp thu, góp phần làm cho hệ thống chính sách về bình đẳng giới, chính sách dành cho phụ nữ ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và được đánh giá là tiến bộ so với các nước trong khu vực.

*Thứ hai, việc ban hành các nghị quyết được đổi mới theo hướng phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong sự nghiệp phát triển đất nước, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đóng vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ, đại diện cho các tầng lớp phụ nữ, nhấn mạnh nhiệm vụ tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.*

Phụ nữ, từ là đối tượng cần được quan tâm, chăm lo sang vai trò chủ thể trong công tác phụ nữ, phát huy tiềm năng, sự đóng góp với tư cách là nguồn nhân lực quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Thời kỳ đầu đổi mới, Đảng xác định “phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội

---

1. Theo tổng hợp Báo cáo 5 năm thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về việc ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “Ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” của 63 tỉnh, thành phố.

dung quan trọng của công cuộc đổi mới”<sup>1</sup>, đến năm 2007, Nghị quyết số 11-NQ/TW nêu rõ “nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực... là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>2</sup>, đồng thời khẳng định vai trò chủ thể của phụ nữ trong công cuộc này. Sau gần 35 năm đổi mới, Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” bên cạnh việc tiếp tục quan tâm, chăm lo cho phụ nữ, nhất là những “phụ nữ ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ, lao động nữ di cư, chuyên đổi nghề”, đặc biệt coi trọng việc phát huy, khai thác tiềm năng, thế mạnh của phụ nữ với vai trò là nguồn nhân lực quan trọng của đất nước, vì vậy Chỉ thị nhấn mạnh: “Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, tôn vinh nhằm khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân...”.

Việc chuyển hướng các hoạt động từ chăm lo sang khai thác, phát huy thế mạnh, tiềm năng và vai trò chủ thể của phụ nữ được các cấp hội phụ nữ, các cấp chính quyền và xã hội thực hiện. Trong thời gian qua, phụ nữ tham gia ngày càng chủ động, tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng

1. Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị “Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”.

2. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nguồn nhân lực nữ chất lượng cao từng bước được hình thành. Trong lĩnh vực chính trị, tỷ lệ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ngày càng cao, đặc biệt có không ít người đảm nhiệm các vị trí chủ chốt, quan trọng ở cả Trung ương và địa phương. Trong các hoạt động khoa học, công nghệ, nhiều công trình nghiên cứu cấp nhà nước do phụ nữ làm chủ nhiệm đề tài đã đóng góp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, ứng dụng vào sản xuất và hoạt động thực tiễn, đem lại lợi ích trên nhiều lĩnh vực.

Về vai trò của tổ chức hội, nếu như Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị “Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”, khẳng định: “Hội Liên hiệp phụ nữ là tổ chức đại diện cho lợi ích của phụ nữ, là trung tâm tập hợp đoàn kết phụ nữ Việt Nam, hướng dẫn và vận động chị em phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ, bình đẳng nam nữ”; thì hơn 10 năm sau đó, Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã nâng thành nhiệm vụ nòng cốt trong công tác phụ nữ. Theo đó, vai trò đại diện của các cấp hội ngày càng được coi trọng, phát huy theo hướng “Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bảo đảm cho các cấp hội tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; giám sát, phản biện xã hội; đảm nhiệm một số nhiệm vụ trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>. Ban hành nhiều quy định, quy chế của Đảng về giám sát, phản biện và việc tham gia xây

---

1. Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”.

dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể<sup>1</sup>, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Chức năng đại diện cho các tầng lớp phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và nâng cao quyền làm chủ cho phụ nữ ngày càng được thực hiện chủ động, hiệu quả hơn, nhất là trong công tác xây dựng, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Qua giám sát, phản biện xã hội, phát hiện kịp thời sai sót trong thực thi chính sách, giúp cán bộ của Đảng, Nhà nước, trong đó có người đứng đầu kịp thời điều chỉnh<sup>2</sup>, đề xuất được các chính sách phù hợp tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng<sup>3</sup>.

---

1. Xem Quy định số 217-QĐ/TW và Quy định số 218-QĐ/TW năm 2013 của Bộ Chính trị; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư “Về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”.

2. Năm 2017, qua tham gia giám sát chính sách đối với người có công, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát hiện 541 trường hợp hưởng sai chính sách. Sau giám sát, kiến nghị cấp ủy, chính quyền các địa phương đã điều chỉnh kịp thời, góp phần tạo nên sự công bằng xã hội.

3. Khi phản biện Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã kiến nghị, được Quốc hội sửa từ 20 năm xuống 15 năm đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu đối với nữ cán bộ chuyên trách ở cơ sở. Tương tự, Hội đã đề xuất hỗ trợ phụ nữ nghèo dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số và được Chính phủ chấp nhận đưa vào Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ “Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số” với mức hỗ trợ 2 triệu đồng/lần. Những điều chỉnh trên đã nhận được sự đồng thuận không chỉ của những người trực tiếp hưởng lợi mà còn được dư luận xã hội đồng tình, đánh giá cao sự ưu việt trong chính sách của Nhà nước.

*Thứ ba, lãnh đạo đầy mạnh mẽ chế hóa chủ trương, nghị quyết thành các chính sách cụ thể để khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh, vai trò chủ thể của phụ nữ, đặc biệt các nhóm phụ nữ đặc thù, yếu thế.*

Việc vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra yêu cầu thể chế hóa mạnh mẽ các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác phụ nữ. Phụ nữ chiếm một nửa số lao động của xã hội, vừa chịu tác động rất lớn của các quy luật kinh tế thị trường, chấp nhận cạnh tranh, vừa có cơ hội để khẳng định tài năng và lợi thế của mình. Nếu hệ thống thể chế công bằng, không thiên vị, ở đó thể hiện được đầy đủ quyền của phụ nữ trên cả ba bình diện: (1) được ghi nhận về mặt lập pháp; (2) được thực thi về mặt hành pháp; và (3) được bảo vệ về mặt tư pháp. Với quan điểm đó, việc xây dựng, thực hiện các chính sách cụ thể hướng tới bảo đảm các quyền, lợi ích chính đáng, phát huy tiềm năng, lợi thế của phụ nữ được đặc biệt quan tâm.

Lần đầu tiên khái niệm bình đẳng giới được ghi rõ trong Hiến pháp năm 2013. Các văn bản quy phạm pháp luật đã thể chế hóa tương đối đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ, tạo cơ sở để đưa Việt Nam trở thành một nước có nhiều tiến bộ trong xây dựng khung khổ pháp lý về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, tạo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ. Trong các văn bản luật pháp, chính sách, các quy định về vị trí, vai trò của Hội ngày càng rõ nét hơn. Đặc biệt, Việt Nam đã ban hành được một số luật riêng biệt về những vấn đề liên quan đến phụ nữ như Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình... Vai trò của các cấp hội trong tham gia quản lý nhà nước tiếp tục

được khẳng định trong Nghị định số 56/2012/NĐ-CP<sup>1</sup> theo hướng tạo cơ chế, điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức các hoạt động, các chương trình, huy động sự tham gia của phụ nữ trong việc thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới, góp phần thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các đề án, chương trình cụ thể<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các chính sách, chương trình bảo vệ và hỗ trợ phụ nữ<sup>3</sup> với nhiều quy định mới tiến bộ.

Với mục tiêu cao nhất là sự phát triển bền vững và không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình hội nhập quốc tế, công tác phụ nữ, bên cạnh việc tiếp tục mục tiêu “xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện”, giải pháp quan trọng trong công tác vận động phụ nữ của Đảng là: “xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ, lao động nữ di cư, chuyển đổi nghề”<sup>4</sup>. Các đề án “Tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia giải

1. Nghị định số 56/2012/NĐ-CP, ngày 16/7/2012 của Chính phủ “Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước”.

2. Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức”; Đề án “Tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội”; Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”...

3. Bộ luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật phòng, chống mua bán người, Luật hôn nhân và gia đình.

4. Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về công tác phụ nữ trong tình hình mới”.

quyết các vấn đề xã hội giai đoạn 2017 - 2027”, “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đặc biệt là “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030” với nhiều nội dung liên quan đến việc thực hiện mục tiêu thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV đã thể hiện rất rõ sự thể chế hóa quan điểm này của Đảng.

Tiếp cận công tác phụ nữ từ góc độ vai trò quan trọng đặc biệt của phụ nữ trong gia đình, Đảng hướng vào giải quyết các vấn đề của gia đình thông qua hệ thống chính sách tương đối đồng bộ<sup>1</sup>. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020; tầm nhìn 2030; phê duyệt và triển khai thực hiện nhiều đề án hỗ trợ phát triển gia đình. Nhiều chính sách an sinh xã hội, chương trình, đề án hỗ trợ gia đình; góp phần thay đổi vai trò truyền thống, giảm bớt công việc gia đình; tạo điều kiện để người phụ nữ có thời gian học tập nâng cao trình độ, tham gia các hoạt động xã hội.

Thực hiện chủ trương lãnh đạo của Đảng, hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng đến nhiều đối tượng khác nhau, mở rộng tính liên hiệp để tăng cường vai trò đại diện, xây dựng, phát huy sự tham gia, vai trò của nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, như đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nữ doanh nhân, nữ trí thức..., đồng thời có nhiều giải pháp cụ thể dành cho nhóm phụ nữ đặc thù, khó khăn

---

1. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật trẻ em năm 2016, Luật đất đai năm 2013.

như các chương trình “Mái ấm tình thương”<sup>1</sup>, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”<sup>2</sup>... Xác định việc hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc và xây dựng người phụ nữ Việt Nam là một nhiệm vụ trọng tâm; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai các đề án về xây dựng gia đình, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực, trình độ cho phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giáo dục gia đình, chăm sóc sức khỏe và an toàn cho phụ nữ, trẻ em...

Sự đổi mới trong cách tiếp cận về công tác vận động phụ nữ dẫn tới nhận thức xã hội về vai trò, khả năng phụ nữ có những thay đổi tích cực. Đời sống, việc làm, điều kiện lao động, học tập, vui chơi, giải trí của phụ nữ không ngừng được cải thiện; trình độ, năng lực của phụ nữ được nâng lên. Phụ nữ trở nên ngày càng tự tin, chủ động hơn, được thụ hưởng các thành quả trong quá trình phát triển; khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong gia đình và xã hội, đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Cùng với sự vận động của thực tiễn, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đổi mới công tác phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam không ngừng được đổi mới một cách

1. Chương trình hỗ trợ làm nhà cho phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thực hiện từ năm 2007 đến nay đã vận động xã hội được 1.374,6 tỉ đồng, hỗ trợ làm mới 45.121 và sửa chữa 25.986 căn nhà.

2. Chương trình hỗ trợ phụ nữ các xã biên giới vùng khó khăn, phát động thực hiện từ năm 2018, sau hơn một năm thực hiện đã huy động được hơn 65 tỉ đồng với nhiều hoạt động hỗ trợ cụ thể cho 110 xã biên giới đặc biệt khó khăn.

đồng bộ trên tất cả các phương diện, rõ nét nhất là đổi mới trong việc ban hành và lãnh đạo thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết. Đây là nhân tố quan trọng có tính quyết định tới thành công trong các hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng như sự chuyển biến tích cực trong công tác vận động phụ nữ của toàn xã hội. Hội đã thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng, nhiệm vụ và vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ. Nhu cầu đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp phụ nữ ngày càng được đáp ứng tốt hơn. Với những đóng góp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phụ nữ đã và đang khẳng định vai trò không thể thiếu của mình với tư cách là nguồn nhân lực quan trọng của sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay đặt ra nhiều vấn đề cho công tác vận động phụ nữ, đó là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã hình thành một cộng đồng mạng với sự tham gia của mọi tầng lớp phụ nữ; sự phân tầng, mõi quan tâm, lợi ích, nhu cầu của các nhóm phụ nữ rất khác nhau và khác biệt so với trước đây; đời sống của một bộ phận phụ nữ, nhất là phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật còn nhiều khó khăn; tình hình tội phạm liên quan đến phụ nữ, trẻ em, bạo lực gia đình ngày càng phức tạp; vấn đề lao động, việc làm và những biến đổi của văn hóa gia đình tạo nên thời cơ nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay phải được coi là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn với huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

## **QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

Trung tướng LUÔNG ĐÌNH HỒNG\*

**Q**uân đội nhân dân Việt Nam - lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, là đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh “vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>, vì hạnh phúc của nhân dân. Tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam là Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên, được thành lập ngày 22/12/1944 theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Từ một đội quân chỉ vài trăm người khi tham gia Tổng khởi nghĩa, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các sư đoàn chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 07/5/1954.

Theo Hiệp định Giơnevơ (tháng 7/1954), đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Trước sự can thiệp trực tiếp của đế quốc Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sát cánh cùng với nhân dân và các lực lượng vũ trang, tiến

\* Chính ủy Học viện Quốc phòng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.435.

hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, lập nên những kỳ tích mà tiêu biểu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968; chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ ở miền Bắc mà đỉnh cao là chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12/1972; kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào ngày 30/4/1975, thống nhất đất nước, mở ra thời kỳ phát triển mới cho dân tộc. Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục cùng với nhân dân cả nước tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở hai đầu đất nước, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, chất lượng tổng hợp, sức mạnh, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội được nâng lên, thực sự là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước; là lực lượng chủ lực trong tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, tích cực giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh.

Trên mỗi chặng đường cách mạng, Quân đội nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã viết nên những trang sử vàng chói lọi, xây đắp nên phẩm chất, truyền thống cách mạng vẻ vang, xứng đáng với lời ngợi khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào

cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”<sup>1</sup>. Quá trình xây dựng và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam luôn gắn chặt với sự lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục”<sup>2</sup>. Do đó, Đảng “phải xây dựng và lãnh đạo vững chắc *lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân*, bảo đảm đánh thắng bất cứ kẻ thù nào, bất cứ trong hoàn cảnh nào”<sup>3</sup>.

Tình hình thế giới, khu vực, đặc biệt vấn đề Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp; hòa bình, hợp tác, phát triển, hội nhập vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng cạnh tranh giữa các nước, nhất là các nước lớn ngày càng gay gắt, khốc liệt hơn. Trong nước, các thế lực thù địch, cơ hội chính trị đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và thực hiện “phi chính trị hóa” quân đội ngày càng diễn ra quyết liệt. Quân đội tiếp tục điều chỉnh tổ chức, lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt, cơ động đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời bình và sẵn sàng mở rộng lực lượng khi có yêu cầu; tiếp tục xây dựng một số quân, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Theo đó, sự trưởng thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng được biểu hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

### **1. Củng cố, tăng cường bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới**

Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội kiểu mới do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.435, 435, 608.

sáng lập, tổ chức, lãnh đạo giáo dục và rèn luyện, là lực lượng vũ trang cách mạng mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Ở đó có sự thống nhất lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của dân tộc và lợi ích của nhân dân trong đường lối cách mạng của Đảng. Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng không chỉ nhằm giải phóng giai cấp công nhân, mà còn nhằm giải phóng dân tộc và mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quân đội ta là *quân đội nhân dân*. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để tranh lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác”<sup>1</sup>.

Bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của quân đội không thể tự phát hình thành, phát triển mà phải trải qua quá trình xây dựng, đồng thời không phải là bất biến mà đòi hỏi phải thường xuyên củng cố và tăng cường. Để tăng cường bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới, cần phải:

*Một là*, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định bản chất mọi sự trưởng thành, chiến thắng vẻ vang của quân đội. “Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục”<sup>2</sup>; do đó “cần phải tăng cường sự *lãnh đạo* của *Đảng* trong *quân đội*”<sup>3</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.334.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.435.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.29.

*Hai là*, phải tăng cường giáo dục mục tiêu, lý tưởng cách mạng, nâng cao giác ngộ lập trường giai cấp công nhân, bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước, quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ quân đội. Quá trình xây dựng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của quân đội, là quá trình quán triệt bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc vào quân đội. Quá trình đó đòi hỏi phải làm sao cho mọi người dân, bất kể thành phần xuất thân, khi vào quân đội và trở thành quân nhân chỉ với lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc và khát vọng giành độc lập, tự do cho dân tộc mà từng bước giác ngộ lập trường giai cấp công nhân, chuyển từ ý thức dân tộc lên thành ý thức xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí. Quân đội tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đội quân công tác, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân. Tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt các nhiệm vụ trực tiếp tham gia xây dựng cơ sở chính trị trên các địa bàn đóng quân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở các khu kinh tế quốc phòng, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

## **2. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội, hoàn thành tốt nhiệm vụ cung cấp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc**

Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cung cấp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Được sự quan

tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam đã bám sát đường lối quân sự, quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng, triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng vững mạnh theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”<sup>1</sup>, trong đó, một số lực lượng tiên thảng lên hiện đại, tạo bước phát triển mang tính đột phá; tập trung xây dựng bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân, tinh thần cảnh giác cách mạng cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tổ chức quân đội đã và đang được điều chỉnh theo hướng “tinh, gọn và mạnh”<sup>2</sup>, bảo đảm cân đối giữa các quân chủng, binh chủng, giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Công tác giáo dục - đào tạo, huấn luyện, diễn tập có sự đổi mới toàn diện, tạo bước chuyển biến tích cực, đồng bộ, vững chắc. Các đơn vị đã thực hiện tốt phong châm huấn luyện “cơ bản, thiết thực, vững chắc”; coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, sát với đối tượng tác chiến, yêu cầu, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, trang bị và địa bàn hoạt động. Công tác xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật được tăng cường. Công tác hậu cần, kỹ thuật được quan tâm xây dựng cả về tiềm lực và thế trận; phong thức bảo đảm có nhiều đổi mới, chất lượng không ngừng được nâng cao. Vũ khí, trang bị kỹ thuật được đầu tư nâng cấp, từng bước hiện đại hóa. Công tác nghiên cứu khoa học quân sự (cả nghệ thuật quân sự và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.52, tr.225.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.648.

khoa học công nghệ quân sự) đạt kết quả tích cực, v.v. qua đó, tạo tiền đề quan trọng, thiết thực góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Xây dựng quân đội theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”; trong đó, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; tạo bước phát triển mới với ba đột phá là:

*Một là*, tích cực điều chỉnh, kiện toàn tổ chức lực lượng; xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật. Các cơ quan, đơn vị cần quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 606-NQ/QUTW, ngày 16/6/2018 của Quân ủy Trung ương “Về lãnh đạo triển khai Kết luận số 16-KL/TW, ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị Về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2021”; Quyết định số 2574/QĐ-BQP, ngày 30/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng “Phê duyệt Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 606-NQ/QUTW và các văn bản hướng dẫn có liên quan”. Quá trình thực hiện cần nêu cao quyết tâm chính trị, lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ cả về tư tưởng, tổ chức và chính sách, thực hiện đồng bộ, thống nhất, lấy nâng cao sức mạnh của Quân đội là mục tiêu cao nhất, tránh mọi biểu hiện, tư tưởng “tả” khuynh hoặc hữu khuynh.

*Hai là*, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện theo phương châm “Cơ bản, thiết thực, vững chắc”, coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, sát thực tế chiến đấu và cách đánh truyền thống Việt Nam. Quán triệt, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác huấn luyện, nhất là Nghị quyết 765-NQ/QUTW về “Nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo”. Trên cơ sở đó,

tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành huấn luyện; tích cực đổi mới công tác huấn luyện, diễn tập theo tư duy mới về quốc phòng, quân sự của Đảng và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ba là, bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, công nghiệp quốc phòng cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, giữ vững ổn định và cải thiện đời sống các cán bộ, chiến sĩ bộ đội. Bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhất là Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI, ngày 16/7/2011 “Về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo”, Thông báo kết luận số 25-TB/TW, ngày 11/4/2017 của Bộ Chính trị khóa XII “Về Đề án “Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới””; Nghị quyết số 29/NQ-TW của Bộ Chính trị “Về “Chiến lược trang bị Quân đội nhân dân Việt Nam””,... tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng; quy hoạch sử dụng vũ khí, trang bị; chương trình, đề án mua sắm, sản xuất, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật, phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội, khả năng của đất nước.

### **3. Chủ động đấu tranh, đẩy lùi khuynh hướng “phi chính trị hóa” trong Quân đội**

Khuynh hướng “phi chính trị hóa” trong quân đội là biểu hiện của sự yếu kém về chính trị, sự sa sút nghiêm trọng về bản lĩnh chính trị đối với một vấn đề chính trị - xã hội đặc biệt của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Khuynh hướng đó vô tình hay hữu ý tiếp sức cho quá

trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, vô hiệu hóa sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam trong bối cảnh mới.

Biểu hiện khuynh hướng “phi chính trị hóa” trong Quân đội là xa rời những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vi phạm nguyên tắc Đảng lãnh đạo Quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, dẫn đến hạn chế về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng. Một số cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất, lối sống; trong sinh hoạt đảng biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, nể nang, chưa nói thẳng, nói thật; nguyên tắc tự phê bình và phê bình không được thực hiện nghiêm túc; hiệu quả thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 15/5/2016 “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chưa cao, tính lan tỏa chưa thật sâu, rộng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho bộ đội *chưa thường xuyên được đổi mới* nên chất lượng và hiệu quả chưa cao. Tất cả điều đó, *một mặt* sẽ trở thành nguyên cớ để các thế lực thù địch xuyên tạc truyền thống chiến đấu vẻ vang, bản chất cách mạng của Quân đội, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” để đưa lối sống phương Tây, các “giá trị” văn hóa tư sản vào Quân đội. *Mặt khác*, các thế lực thù địch được cờ và vin vào nhằm hạ thấp, đi đến đòi xóa bỏ hoạt động công tác đảng, công tác chính trị cùng hệ thống cán bộ chính trị và cơ quan chính trị trong Quân đội; phá hoại mối quan hệ đoàn kết cán binh, đoàn kết quân dân..., từ đó làm cho cán bộ, chiến sĩ bi quan, chán nản, dao động lập trường, phai nhạt mục tiêu, lý tưởng chiến đấu.

Để ngăn chặn, đẩy lùi khuynh hướng “phi chính trị hóa” Quân đội, cần tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong Quân đội. Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 04-NQHN/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 30/10/2016 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; phải không ngừng chăm lo xây dựng các tổ chức đảng các cấp trong Quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống, những biểu hiện lệch lạc về chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Qua đó, xây dựng tổ chức đảng các cấp trong Quân đội thực sự trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống.

*Hai là*, tăng cường nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn vạch trần và chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch hòng làm Quân đội nhân dân Việt Nam “tự chuyển hóa”, “tự diễn biến” theo khuynh hướng “phi chính trị”. Trong cuộc đấu tranh vạch trần sự dối trá, lừa bịp và ngụy biện trong khẩu hiệu “Quân đội cần đứng ngoài chính trị” của các thế lực thù địch, phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phải gắn chặt với việc nâng cao tinh thần

cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân; nâng cao trách nhiệm trong việc tham gia tuyển chọn và cử công dân đủ tiêu chuẩn chính trị nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự. Cấp ủy và chính quyền các địa phương cần quán triệt sâu sắc hơn cơ chế lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của mình, cùng chức năng của Quân đội để khi cần thiết huy động lực lượng quân đội tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh trên địa bàn, phải tuân thủ quy định của Nhà nước và của Bộ Quốc phòng, tránh huy động, sử dụng tùy tiện, sai nguyên tắc, nhất là vào những công việc không đúng chức năng, dễ làm giảm uy tín và vị thế của Quân đội.

Ba là, tăng cường xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức - thực chất là xây dựng bản chất giai cấp công nhân của Quân đội cho phù hợp với sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ; lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Quá trình xây dựng Quân đội về chính trị cũng là quá trình làm cho Quân đội thật sự thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng nhằm nâng cao giác ngộ chính trị, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo. Xây dựng Quân đội về chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải đạt *tới năng lực và hiệu lực chính trị thực tiễn cao* trong đời sống chính trị của đất nước và được thể hiện ở việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, quân sự của Quân đội. Trong đó, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, góp phần

giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và phát triển đất nước phải được nhận thức và thực hiện nhất quán trong toàn quân; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước ngày được tăng cường; chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh và khả năng chiến đấu của Quân đội phải tiếp tục được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng Quân đội về chính trị đòi hỏi sự nỗ lực, kiên định và bền bỉ rất cao của toàn Đảng, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và bản thân Quân đội. Vì thế, các cấp, các ngành cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đề cao cảnh giác với những thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch trong âm mưu hạ thấp vai trò và vị thế của Quân đội; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn để chăm lo xây dựng Quân đội, củng cố và tăng cường sức mạnh đoàn kết quân dân, góp phần giữ gìn và phát huy hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong xã hội.

\*

\* \* \*

Thực tiễn hơn 75 năm xây dựng, trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam cho thấy, nhờ có sự lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân đội nhân dân Việt Nam đã được xây dựng theo quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, trở thành Quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng là

nhân tố quyết định bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc, bảo đảm cho Quân đội ta luôn luôn là Quân đội của dân, do dân, vì dân, chiến đấu vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Quân đội nhân dân Việt Nam vẫn kiên định, vững vàng, trung thành vô hạn với mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của Đảng, với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; tuyệt đối tin tưởng, nhất trí và quyết tâm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và của Nhà nước; hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, đặc biệt là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY**

Thiếu tướng, PGS.TS. NGUYỄN VĂN BẠO\*

**T**rải qua 45 năm kể từ khi đất nước thống nhất (30/4/1975) đến nay, trên cơ sở nhận thức và vận dụng đúng đắn quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nhờ đó, dù cho tình hình quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng Việt Nam vẫn luôn giữ vững được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và tạo được môi trường hòa bình để xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### **1. Đảng nhận thức đúng, kịp thời xác lập và không ngừng bổ sung, phát triển đường lối bảo vệ Tổ quốc phù hợp với tình hình thực tiễn**

Ngay sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã nhận thức đúng tầm quan trọng đặc biệt của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng

---

\* Giám đốc Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng.

(tháng 12/1976), đã xác định chủ trương bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới: “*Không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*”<sup>1</sup>.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước, nhất là mối đe dọa tới nền hòa bình, độc lập dân tộc khi nước ta phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, với nhận thức mới, Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) xác định rõ, cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới có hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược này có mối quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau và phải được tiến hành đồng thời theo phương châm: “Trong khi không một phút lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu *nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*”<sup>2</sup>.

Với tư duy đổi mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), chủ trương: Tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược do Đại hội lần thứ V đề ra và tăng cường bảo đảm nhu cầu quốc phòng đáp ứng yêu cầu bảo vệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.523.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.57.

Tổ quốc. Thực hiện xây dựng và củng cố quốc phòng ngày càng vững mạnh, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Đồng thời, trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật và từng bước trang bị cho lực lượng vũ trang, bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, nhất là sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở một số nước Đông Âu, cùng với nguy cơ Liên Xô tan rã và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam được đặt ra vô cùng cấp thiết. Với nhận thức mới, tại Đại hội lần thứ VII (tháng 6/1991), lần đầu tiên Đảng chỉ rõ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (tháng 6/1992) đã bổ sung nội dung bảo vệ sự thống nhất (thống nhất về lãnh thổ, về đường lối, quan điểm, về thể chế chính trị...) trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc. Sự bổ sung này là cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng, phù hợp với thực tiễn nhằm ngăn ngừa xu hướng đòi ly khai, tự trị, phá vỡ sự đoàn kết thống nhất giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam do sự kích động, phá hoại của các thế lực thù địch.

Cùng với chỉ rõ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc, Đảng còn xác định nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là: “Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị”<sup>1</sup>. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (tháng 6/1992) nhấn mạnh, chống “diễn biến hòa bình” là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu và phải được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống khác.

Về *quan điểm chỉ đạo*, Đại hội lần thứ VII của Đảng và Hội nghị Trung ương 3 khóa VII xác định: Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với chất lượng ngày càng cao; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân, của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy Quân đội nhân dân và Công an nhân dân làm nòng cốt.

Trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) khẳng định:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.111.

“Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ lửng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”<sup>1</sup>.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong những năm tới là: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa... Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>2</sup>.

Bước vào thế kỷ XXI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) bổ sung mục tiêu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới với những nội dung toàn diện: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Đồng thời, Đảng chỉ rõ: Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh của lực

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.333.

lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân... Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của nhân dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Đặc biệt, tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (tháng 7/2003) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Đảng xác định rõ những nhiệm vụ cơ bản về bảo vệ Tổ quốc. Đó là: Giữ vững môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, duy trì nền hòa bình lâu dài; bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam trước mọi nguy cơ; bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc.

Lần đầu tiên, tại Hội nghị này, Đảng chỉ rõ trong bảo vệ Tổ quốc phải xác định đúng đối tác - đối tượng để định chiến lược, sách lược. Phương châm chỉ đạo trong xác định đối tác, đối tượng là: Trên tinh thần chính sách đối ngoại thêm bạn, bớt thù, phân hóa, cô lập các thế lực thù địch chống đối, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Về nguyên tắc xác định đối tác, đối tượng: “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối

tượng đấu tranh. Trong tình hình phức tạp, cần có cách nhìn nhận biện chứng là trong mỗi đối tượng đấu tranh vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của dân tộc ta. Do đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng đối với các đối tượng và đối tác hoặc mơ hồ, mất cảnh giác, hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và các biện pháp trong xử lý các tình huống cụ thể”<sup>1</sup>. Đây là những nhận thức mới và là sự bổ sung, ngày càng hoàn thiện đường lối bảo vệ Tổ quốc đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) tiếp tục bổ sung nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa... Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011), trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong*

---

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.44.

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng xác định: Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Đặc biệt, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (tháng 10/2013) ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW, về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Nghị quyết thể hiện sâu sắc sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là nghị quyết chuyên đề về chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta. Trong đó, xác định rõ mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới của tình hình thế giới, khu vực, hội nhập quốc tế. Các nội dung cơ bản được Đảng khẳng định: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của đất nước, nhất là vai trò của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; giữ nước phải giữ từ thời bình; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế; xây dựng lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy

của Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01/2016) xác định: “Mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”<sup>1</sup>.

Nhằm ngày càng hoàn thiện đường lối bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, ngày 16/4/2018, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về “Chiến lược quốc phòng Việt Nam”, đồng thời, có Kết luận số 31-KL/TW, ngày 16/4/2018 về “Chiến lược quân sự Việt Nam” và công bố Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 25/7/2018 về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng”.

Như vậy, có thể thấy từ năm 1975 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức đúng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, kịp thời xác lập và không ngừng bổ sung, phát triển đường lối bảo vệ Tổ quốc phù hợp với tình hình thực tiễn. Đây là

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.147-148.

yếu tố đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định hàng đầu tới thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

## **2. Chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân, Quân đội nhân dân vững mạnh đủ sức bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống**

Để có sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống, Đảng đã lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, Quân đội nhân dân vững mạnh. Theo đó, Đảng chỉ đạo tích cực, chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh với mục đích để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Nền quốc phòng toàn dân được Đảng chủ trương xây dựng có tính chất toàn dân, toàn diện, hiện đại. Đó là nền quốc phòng của dân, do dân, vì dân. Theo đó, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị và sức mạnh mọi mặt của đất nước bao gồm sức mạnh về chính trị, tinh thần; sức mạnh kinh tế; sức mạnh văn hóa; sức mạnh khoa học, công nghệ; sức mạnh quốc phòng, an ninh; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và củng cố cả tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng. Đồng thời, xây dựng nền quốc phòng hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Để xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, Đảng chủ trương xây dựng và củng cố *lực lượng quốc phòng*, trong đó, chú trọng xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng bao gồm tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học công nghệ; tiềm lực quân sự... Xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng với việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn liền với quy hoạch tổng thể của quốc gia, của từng địa phương theo hướng kết hợp kinh tế với quốc phòng, phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh gắn với phân vùng kinh tế - xã hội, hình thành các khu vực chiến lược, bảo đảm “vững trên toàn cục, mạnh ở trọng điểm”; xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc trong hệ thống phòng thủ chung của cả nước; kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân, nhất là xây dựng và củng cố “thế trận lòng dân”.

Để xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, kể từ năm 1991, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, tổ chức, điều hành của Nhà nước, chúng ta đã tiến hành điều chỉnh thế bố trí chiến lược trên phạm vi cả nước nhằm ứng phó với chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, đề phòng chiến tranh xâm lược vũ trang cục bộ và chuẩn bị đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Thực hiện giảm số quân thường trực, tăng cường lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ. Thực hiện bố trí lại lực lượng trên các hướng theo phương châm “vững trên toàn cục, mạnh ở trọng điểm”.

Chúng ta cũng đã tích cực triển khai phương án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), huyện (quận),... bảo đảm khả năng chiến đấu của từng địa phương và của cả nước trong nhiều tình huống khác nhau... Nhờ đó, khả năng sẵn

sàng chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được tăng cường, nhất là các vùng biển, đảo, biên giới đất liền, các thành phố lớn.

Thực hiện quan điểm: *Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của nhân dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt*, trong những năm qua, Đảng chú trọng lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng (Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Binh chủng Thông tin liên lạc, Lực lượng Tác chiến điện tử - Cảnh sát biển Việt Nam) vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất của Quân đội nhân dân trong điều kiện mới.

Chú trọng đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho Quân đội nhân dân. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ cho quốc phòng, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân. Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn

lãnh thổ của Tổ quốc trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng công tác dự báo tình hình. Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, việc chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân và Quân đội nhân dân vững mạnh đủ sức bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống là điều kiện hết sức quan trọng bảo đảm cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc giành được thắng lợi trong suốt 45 năm qua.

### **3. Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước**

Nhận thức đúng tầm quan trọng của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, nên ngay sau khi thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, kịp thời chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt đánh bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là được sống trong hòa bình để xây dựng đất nước. Song, các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá cách mạng

Việt Nam. Chúng không muốn nước Việt Nam được thống nhất, hòa bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tập đoàn Pôn Pốt ở Campuchia đã thi hành chính sách diệt chủng dã man ở trong nước và chính sách thù địch chống Việt Nam. Chúng liên tục gây ra xung đột vũ trang, lấn chiếm biên giới. Ngay từ ngày 03/5/1975, chính quyền Pôn Pốt đã cho quân đổ bộ lên đảo Phú Quốc và sau đó chiếm đảo Thổ Chu của Việt Nam. Từ tháng 4/1977, chúng tiến hành chiến tranh quy mô lớn dọc tuyến biên giới phía Tây Nam nước ta, coi Việt Nam là kẻ thù số một.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có quan hệ hữu nghị từ lâu đời. Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam biết ơn sâu sắc sự ủng hộ, giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Nhưng từ năm 1978, quan hệ của Trung Quốc với Việt Nam xấu đi rõ rệt, Trung Quốc công khai thi hành chính sách thù địch chống Việt Nam. Cùng với việc liên tiếp gây ra các vụ xung đột vũ trang, lấn chiếm biên giới.

Trước âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV (ngày 27/7/1978) đã ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ mới”. Đảng đã kịp thời vạch rõ kẻ thù mới rất nguy hiểm của nhân dân ta, chỉ rõ sứ mệnh lịch sử của nhân dân ta là làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch để bảo vệ độc lập dân tộc, đưa Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ quân sự trước mắt là đánh thắng chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Tây Nam và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn từ biên giới phía Bắc.

Trong khi tập đoàn Pôn Pốt thi hành chính sách thù địch đối với Việt Nam, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị hai bên cùng đàm phán để giải quyết bằng con đường thương lượng, nhưng đối phương đã khuất từ và càng đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, từ đầu tháng 12/1977 đến đầu tháng 01/1978, quân và dân ta đã mở chiến dịch lớn đánh đuổi lực lượng Pôn Pốt ra khỏi biên giới.

Ngày 02/12/1978, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời công bố Cương lĩnh cách mạng đoàn kết toàn dân đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt - Yeng Xary. Ngày 26/12/1978, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia quyết định phát động phong trào nổi dậy của quân chúng, đồng thời kêu gọi quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ nhân dân Campuchia. Trong tình hình đó, Đảng đã chỉ đạo kết hợp cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam với việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế, phối hợp và giúp đỡ nhân dân Campuchia tiêu diệt bè lũ diệt chủng. Với sự hỗ trợ, hy sinh không tiếc xương máu theo tinh thần “giúp bạn là tự giúp mình” của lực lượng quân tình nguyện Việt Nam, đến ngày 07/01/1979, Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Ngay sau thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, ngày 17/02/1979, Trung Quốc đã phát động cuộc chiến tranh quy mô lớn với việc sử dụng hơn 60 vạn quân tấn công trên toàn tuyến biên giới, đánh vào 6 tỉnh phía Bắc Việt Nam gồm Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh, có nơi quân đội Trung Quốc tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam tới 50km.

Trước tình hình đó, ngày 17/02/1979, Chính phủ ta ra Tuyên bố về cuộc chiến tranh chống Việt Nam của Trung Quốc. Ngày 03/3/1979, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về “Cuộc kháng chiến chống quân Trung Quốc”. Ngày 04/3/1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước đứng lên bảo vệ Tổ quốc*. Ngày 05/3/1979, Chủ tịch nước công bố Lệnh *Tổng động viên trong cả nước để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*. Đáp lời kêu gọi của Đảng, sau 30 ngày đêm chiến đấu anh dũng, từ ngày 17/02 đến ngày 18/3/1979, quân và dân ta đã làm thất bại cuộc chiến tranh quy mô lớn của Trung Quốc, buộc họ phải rút quân về nước.

Thắng lợi của quân và dân ta trong hai cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn, đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế, đã bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước, góp phần củng cố hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới. “*Những thành tựu có ý nghĩa chiến lược đó là một bảo đảm cực kỳ quan trọng cho nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>.

Cùng với những chỉ đạo chiến lược đánh thắng hai cuộc chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước, Đảng còn chỉ đạo các lực lượng vũ trang nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, thực hiện những nhiệm vụ quân sự phức tạp, gian khổ, hy sinh, dài ngày nhằm truy quét, tiêu diệt lực lượng Fulro

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.42.

phản động tay sai đế quốc ở địa bàn rừng núi Tây Nguyên; tiến hành ngăn chặn, tiêu diệt các nhóm vũ trang của lực lượng phản động người Việt lưu vong từ nước ngoài xâm nhập hòng chống phá cách mạng Việt Nam; chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đặc biệt, tháng 3/1988, trước hành động Hải quân Trung Quốc đưa quân chiếm đóng trái phép các bãi đá Côlin, Len Dao và Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam, cán bộ, chiến sĩ quân đội đã kiên cường chiến đấu hy sinh để bảo vệ biển, đảo. Tiếp đó, vào tháng 5/2014, Trung Quốc ngang nhiên kéo giàn khoan Hải Dương 981 tới vị trí thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, các lực lượng, các cấp, các ngành, trong đó lực lượng quân đội là nòng cốt đã kiên quyết, kiên trì đấu tranh giữ vững chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Trong tình hình hiện nay, Đảng chú trọng chỉ đạo thực hiện kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế... Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

Nắm chắc diễn biến phức tạp, mau lẹ của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, từ năm 1975 đến nay, kiên định

với chủ trương: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”<sup>1</sup>, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công trong xây dựng, hoàn thiện đường lối bảo vệ Tổ quốc; không ngừng chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, Quân đội nhân dân vững mạnh; kịp thời chỉ đạo giải quyết các tình huống chiến lược làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, tạo lập môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ngày càng phồn vinh và thịnh vượng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.333.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC QUÂN SỰ, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Thiếu tướng PHẠM TIẾN DŨNG\*

Nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc luôn giữ vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc. Vì vậy, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm xác định công tác quân sự, quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xuất phát từ quan điểm nhất quán như vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn quan tâm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh, gắn với xây dựng nền an ninh vững mạnh, tạo sức mạnh to lớn góp phần vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Bước vào thời kỳ đổi mới, tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường.

---

\* Chính ủy Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước vô cùng khó khăn. Sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân tuy đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trên tất cả các lĩnh vực, song vẫn còn một số hạn chế: tổ chức và biên chế của quân đội còn chưa thực sự hợp lý; công tác bảo đảm về cơ sở vật chất, trang bị vũ khí kỹ thuật và đời sống của bộ đội, chiến sĩ gặp rất nhiều khó khăn... Trong bối cảnh đó, các thế lực thù địch đầy mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chống phá cách mạng Việt Nam. Việc đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội là vấn đề sống còn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải tiến hành đổi mới lĩnh vực quân sự, quốc phòng và an ninh, với hình thức, nội dung, biện pháp và bước đi thích hợp, vừa là yêu cầu, vừa là đòi hỏi khách quan từ thực tiễn công cuộc đổi mới, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta xác định: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong thời kỳ đổi mới. Vì vậy, cùng với đổi mới toàn diện đất nước, Đảng luôn chăm lo xây dựng và từng bước hoàn thiện đường lối quân sự, quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Nhiều chủ trương, chính sách trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng và an ninh đã được bổ sung và phát triển mới. Đại hội xác định: “*Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành*

công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Quan điểm này khẳng định quyết tâm chính trị cao của Đảng trong xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình đổi mới đất nước. Trên cơ sở đưa ra nhận định: Nhân dân ta đã có những khả năng mới để giữ vững hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đại hội đã chỉ rõ phương châm: “Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”, “Toàn dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”<sup>2</sup>.

Theo quan điểm của Đại hội lần thứ VI, muốn thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nhất là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thì trước hết phải quan tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân mà thực chất là tập trung xây dựng quân đội chính quy có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, có kỷ luật chặt chẽ và trình độ sẵn sàng chiến đấu cao; luôn gắn liền với sự phát triển của dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng phù hợp. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam; từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước.

Đối với ba nước Đông Dương, trong lịch sử cũng như hiện tại, luôn gắn bó, đoàn kết, cùng đấu tranh vì sự nghiệp chung, nhưng lại đứng trước những tác động lớn từ bên ngoài, Đại hội chỉ rõ, để giữ vững hòa bình, ổn định và phát triển, cần củng cố liên minh chiến đấu đặc biệt giữa Việt Nam với Lào và

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.371, 258.

Campuchia; coi đây là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, vấn đề có tầm quan trọng chiến lược, gắn với lợi ích sống còn của dân tộc, của các nước trên bán đảo Đông Dương.

Thời kỳ 1986 - 1990, Đảng từng bước lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân; nhiều điều chỉnh chiến lược, bố trí lại lực lượng trên phạm vi toàn quốc đã được triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: "Sức chiến đấu, trình độ săn sàng chiến đấu, chất lượng huấn luyện của một số đơn vị chưa cao. Đời sống cán bộ và chiến sĩ còn nhiều khó khăn. Hiệu quả công tác đảng, đoàn, công tác chính trị còn hạn chế. Việc xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, công tác quản lý và huấn luyện lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ còn nhiều vấn đề phải giải quyết"<sup>1</sup>. Điều này, đòi hỏi phải quan tâm hơn nữa đến lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng và an ninh trong giai đoạn cách mạng mới.

Điễn biến lịch sử những năm sau đó, đã chứng tỏ dự báo tình hình và khẳng định niềm tin của Đảng, của nhân dân ta về công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hoàn toàn chính xác. Khi công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, càng diễn ra mạnh mẽ thì sự chống phá của các thế lực thù địch cũng lại càng quyết liệt, nhất là về lĩnh vực quân sự, quốc phòng và an ninh. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng chú trọng đổi mới hơn nữa về công tác quân sự, quốc phòng và an ninh, coi đây là lĩnh vực trọng yếu của công cuộc đổi mới tiếp theo. Đại hội chỉ rõ: "Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.69.

chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù”<sup>1</sup>. Đây là điểm mới rất quan trọng trong tư duy của Đảng về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh; thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân để bảo đảm giữ vững nền độc lập, chủ quyền của quốc gia trong mọi tình huống. Đại hội chỉ rõ, cùng với quan tâm xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lấy chất lượng làm chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm, gắn với xây dựng và củng cố các khu căn cứ hậu phương chiến lược vững chắc. Chủ trương kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế được đặt trong tổng thể quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của mỗi địa phương đã đặt nền móng cho quá trình phát triển kinh tế gắn với xây dựng nền quân sự, quốc phòng và an ninh vững mạnh.

Thực hiện chủ trương của Đại hội lần thứ VII, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh trong những năm 1991 - 1995 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trên thực tế, chiến lược quân sự, quốc phòng tiếp tục được điều chỉnh; thế trận quốc phòng được củng cố; chất lượng và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang ngày càng được nâng cao, góp phần giữ vững ổn định chính trị, độc lập, chủ quyền và môi trường hòa bình, ổn định đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.111.

hoảng về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế, cần tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối quân sự, quốc phòng và an ninh. Quán triệt những quan điểm trước đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) của Đảng chỉ rõ: *Thứ nhất*, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế; kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh. *Thứ hai*, gắn nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại. *Thứ ba*, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của toàn dân và toàn quân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. *Thứ tư*, hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ Tổ quốc; thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh. *Thứ năm*, thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội và Công an, với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII* đã bổ sung nhiều vấn đề mới, thể hiện sự nhận thức của Đảng về quân sự, quốc phòng và an ninh ngày càng toàn diện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) có quan điểm về quân sự, quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc

phát triển căn bản ở tất cả các nội dung, cụ thể là: *Thứ nhất*, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. *Thứ hai*, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng, thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. *Thứ ba*, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. *Thứ tư*, phối hợp hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại. *Thứ năm*, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Theo quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, nội hàm của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được đề cập với phạm vi rộng lớn hơn, phức tạp và nặng nề hơn; về phương thức bảo vệ Tổ quốc được Đảng nhấn mạnh, chủ yếu bằng các biện pháp hòa bình, phi vũ trang, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang để chống lại sự xâm lược của kẻ thù. Quan điểm này đã đặt ra nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng tiềm lực quân sự, quốc phòng và an ninh trong tình hình mới cũng có sự bổ sung, phát triển; trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là quan tâm xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở.

Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (tháng 3/2003) tiếp tục có sự phát triển mới và được thể hiện rõ nét trong “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Ngoài việc bổ sung nội hàm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thì Nghị quyết đã chỉ ra những quan điểm cơ bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc đó là: Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Ra sức phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa ngoại lực; quán triệt đường lối độc lập, tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, theo phương châm “thêm bạn, bớt thù” vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (tháng 7/2003) nhấn mạnh đến vấn đề xác định “đối tác” và “đối tượng” của cách mạng Việt Nam. Đảng chỉ rõ “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta; bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, trong quá

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.64, tr.49.*

trình giải quyết quan hệ cần nhận thức cho đúng: Có những đối tượng đấu tranh nhưng cũng cần tranh thủ hợp tác trên những mặt, lĩnh vực có lợi cho sự phát triển đất nước, nhưng chưa có hại đến an ninh quốc gia. Mặt khác, cần cảnh giác và có biện pháp đấu tranh thích hợp với những đối tác có các biểu hiện xâm hại tới lợi ích quốc gia, dân tộc. Có thể khẳng định, nhận thức mới về “đối tác” và “đối tượng” của cách mạng Việt Nam thể hiện tầm tư tưởng cao của Đảng trong giải quyết quan hệ đối ngoại thời kỳ hội nhập quốc tế, với tư tưởng xuyên suốt là “thêm bạn, bớt thù”.

Sức mạnh quân sự, quốc phòng và an ninh theo quan điểm của Đảng không chỉ được thể hiện ở sức mạnh quân sự thuần túy, mà còn là tổng thể những hoạt động được tiến hành đồng bộ về chính trị, quân sự, an ninh, đối ngoại, văn hóa, xã hội... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và tăng cường sức mạnh quân sự, quốc phòng và an ninh phải hướng tới đáp ứng yêu cầu đối nội, đối ngoại, đấu tranh vũ trang và phi vũ trang, đấu tranh trong thời bình và trong cả thời chiến; không chỉ chuẩn bị cho chiến tranh mà “thượng sách” là đẩy lùi và triệt tiêu nguy cơ chiến tranh, góp phần trực tiếp củng cố và giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước.

Công cuộc đổi mới tiếp tục được triển khai sâu rộng trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước nảy sinh những diễn biến mới, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa những chủ trương về quân sự, quốc phòng và an ninh. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, lần thứ XI và lần thứ XII* của Đảng, đặc biệt là *Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám* (khóa XI năm 2013), về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” đã bổ sung nhiều vấn đề mới; thể hiện

sự phát triển biện chứng về tư duy lý luận, là kết quả từ quá trình chỉ đạo thực tiễn nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh. Đặc biệt, về mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có hai điểm mới căn bản: *Thứ nhất*, Đảng nhấn mạnh tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đây là nội dung quan trọng trong bối cảnh thế giới và khu vực đang có những diễn biến phức tạp, khó lường, khi Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. *Thứ hai*, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thể hiện rõ quan điểm, lập trường quyết tâm chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng bổ sung một số vấn đề mới như phải “kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội”, “kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại”<sup>1</sup>; chủ động phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong và những tiêu cực nảy sinh do tác động của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân, binh chủng, lực lượng. Đảng còn chỉ rõ: “Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.149.

Nhà nước đổi với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

Cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hơn 30 năm qua, đường lối quân sự, quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc của Đảng dân tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện. Trước hết, nhận thức toàn diện và sâu sắc hơn về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; từng bước xây dựng đi đến hoàn thiện về mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ *xây dựng* và *bảo vệ* trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh ngay trong chủ trương, chính sách, trong quy hoạch và kế hoạch cụ thể. Tiềm lực quân sự, quốc phòng, an ninh và sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc ngày càng được củng cố, tăng cường; góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và an ninh quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Thực hiện điều chỉnh *chiến lược bảo vệ Tổ quốc* kịp thời, phù hợp với tình hình và khả năng thực tế của đất nước; bố trí lại lực lượng trên phạm vi cả nước tạo ra thế phòng thủ hợp lý, vững chắc. Tiến hành điều chỉnh một bước cơ cấu, tổ chức biên chế lực lượng vũ trang ba thứ quân, bảo đảm tương đối hợp lý giữa bộ đội thường trực và dự bị động viên, giữa bộ đội chủ lực với bộ đội địa phương và dân quân du kích. Lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quân đội đã “thực hiện tốt chức năng, nhiệm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.150.

vụ tham mưu với Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng và an ninh; xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...”<sup>1</sup>. Lực lượng dân quân tự vệ, dù bị động viên được quan tâm xây dựng về mọi mặt. Nên quốc phòng toàn dân được củng cố vững chắc; triển khai xây dựng các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn chiến lược, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo...

Những thành tựu nổi bật đạt được về quân sự, quốc phòng và an ninh trong hơn 30 năm đổi mới, nhất là việc nghiên cứu, ban hành các chiến lược về lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh như: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia... đã khẳng định sự phát triển tư duy lý luận và quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng ta; vị trí, vai trò, bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục có những quyết sách đúng đắn, kịp thời để bổ sung, hoàn thiện đường lối quân sự, quốc phòng và an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

---

1. Đảng bộ Quân đội: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020)*, Văn phòng Quân ủy Trung ương, Hà Nội, 2015, tr.9.

Từ quá trình lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng và an ninh trong công cuộc đổi mới của Đảng, có thể rút ra một số kinh nghiệm cơ bản:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lĩnh vực quân sự, quốc phòng và an ninh, đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

*Hai là*, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc đường lối độc lập, tự chủ, quan điểm tự lực, tự cường trong hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và an ninh.

*Ba là*, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục để tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về chủ trương của Đảng đối với công tác quân sự, quốc phòng và an ninh trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

*Bốn là*, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam toàn diện nói riêng, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở và nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

*Năm là*, quán triệt và thực hiện tốt chủ trương của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Quan tâm xây dựng hậu phương chiến lược ngay từ trong thời bình.

*Sáu là*, chủ động nắm vững, đánh giá đúng tình hình âm mưu chiến lược, khả năng hành động của các lực lượng thù địch, dự báo chính xác các tình huống có thể xảy ra, có chủ trương, đối sách xử lý phù hợp, không để bị động, bất ngờ.

## **CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG - THÀNH TỰU TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

TS. NGUYỄN MẠNH CUỜNG\*

**T**rong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trên con đường đổi mới gần 35 năm qua, công tác đối ngoại của Đảng ngày càng phát triển. Đối ngoại Đảng đã không ngừng đổi mới tư duy, mở rộng mối quan hệ, phát huy sự chủ động, tích cực, sáng tạo, đóng góp quan trọng vào những thành tựu chung trên mặt trận ngoại giao của đất nước.

### **1. Quá trình phát triển tư duy của Đảng về quan hệ đối ngoại**

Quan hệ đối ngoại của Đảng được hình thành ngay từ khi Đảng mới ra đời. Từ đầu những năm 1950, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phong trào độc lập dân tộc, quan hệ đối ngoại Đảng phát triển mạnh mẽ. Trước thời kỳ đổi mới, trong bối cảnh các mối quan hệ quốc tế và chính trị thế giới bị chi phối bởi sự đối lập giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và

\* Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng.

hệ thống tư bản chủ nghĩa, Đảng chủ yếu phát triển quan hệ với các đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản, công nhân, các phong trào giải phóng dân tộc, các phong trào cách mạng và tiến bộ.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1986), nhận thức rõ vị trí, vai trò ngày càng tăng của các chính đảng trong việc hình thành và triển khai chính sách đối ngoại của các nước cũng như trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại, Đảng rất coi trọng việc củng cố, mở rộng và tăng cường các mối quan hệ với các chính đảng ở các nước trên thế giới. Tư duy về quan hệ đối ngoại đảng của Đảng ngày càng được phát triển đầy đủ và hoàn chỉnh hơn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) nhấn mạnh chủ trương tiếp tục tăng cường quan hệ với lực lượng cộng sản, công nhân quốc tế: “Là một đội ngũ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết của phong trào trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Đảng thúc đẩy quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cánh tả theo khuynh hướng giải phóng dân tộc; ưu tiên cao nhất là quan hệ với Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Nhân dân Campuchia và các đảng cộng sản, công nhân cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa là thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV).

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.436.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991), Đảng đã từng bước mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và các đảng khác. Trong nhiệm kỳ Đại hội VII (1991 - 1996), Đảng thực hiện chủ trương “săn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới”<sup>1</sup>. Trong các nhiệm kỳ Đại hội VIII, Đại hội IX và Đại hội X, Đảng chủ trương tiếp tục mở rộng quan hệ với “các đảng cầm quyền và các đảng khác”<sup>2</sup>.

Tháng 01/2011, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, khẳng định: “Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”<sup>3</sup>.

Kết luận của Bộ Chính trị (tại Thông báo số 73-TB/TW, ngày 08/02/2012) về “Tăng cường quan hệ đối ngoại của Đảng trong tình hình mới” chỉ rõ quan hệ đối ngoại đảng có vai trò củng cố và tăng cường hậu thuẫn chính trị quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân thế giới, các chính đảng và tổ chức, chính giới các nước và bạn bè quốc tế

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.48.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.400.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.84.

đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhân dân; đóng góp tích cực cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cho sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Tháng 02/2019, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 32-CT/TW về “Tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới”, khẳng định quan điểm của Đảng là luôn ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Mở rộng và tăng cường quan hệ với các đảng cánh tả, cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

## **2. Một số thành tựu trong công tác đối ngoại đảng**

Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, quan hệ đối ngoại của Đảng không ngừng được mở rộng và đi vào chiều sâu, đạt được thành quả quan trọng, góp phần tăng cường sự tin cậy chính trị, xây dựng nền tảng chính trị, thúc đẩy quan hệ đối ngoại với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng; đóng góp vào thành công chung của công tác đối ngoại, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế và đã đạt được một số thành tựu đáng kể sau:

*Thứ nhất*, phạm vi, nội dung, hình thức, đối tượng, chủ thể quan hệ đối ngoại của Đảng ngày càng được mở rộng. Từ chỗ chỉ có quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, phong trào tiến bộ, ta đã mở rộng, phát triển quan hệ với nhiều đảng cầm quyền, tham chính, các đảng có vai trò, vị thế lớn trên chính trường các nước, các diễn đàn đa phương chính

đảng, tổ chức, phong trào ở tất cả các khu vực trên thế giới. Đến nay, Đảng có quan hệ với 250 chính đảng ở 111 quốc gia trên thế giới, trong đó có 96 đảng cộng sản, 63 đảng cầm quyền, 28 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính.

*Hình thức quan hệ ngày càng phong phú và hiệu quả hơn.* Đảng đã chú trọng thiết lập nhiều cơ chế hợp tác mới giúp thúc đẩy chiều sâu quan hệ và tăng cường tin cậy chính trị với các chính đảng, đặc biệt là các cơ chế: gấp gõ cấp cao, hội thảo lý luận, đối thoại chính sách, tham vấn chính trị, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, đào tạo cán bộ, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đảng, cơ chế “đường dây nóng”, đặc phái viên của Tổng Bí thư. Đảng đã thiết lập các cơ chế hội thảo lý luận và đối thoại chính sách với 7 đảng, bao gồm: Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Xã hội dân chủ Đức, Đảng Cánh tả Đức, Đảng Cộng sản Pháp; đã tiến hành tổng số trên 40 lần hội thảo, trao đổi lý luận, đối thoại chính sách với các đảng. Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ký và triển khai 23 thỏa thuận hợp tác, chủ yếu là các đảng cộng sản cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản, cầm quyền, tham chính ở các nước đối tác quan trọng ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

*Đối tượng của quan hệ đảng ngày càng được mở rộng.* Bên cạnh các chính đảng, các tổ chức quần chúng trực thuộc chính đảng, Đảng ta cũng đã phát triển, mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, chính giới, chính quyền, các cơ quan hành pháp, lập pháp ở nhiều nước... Các kênh quan hệ đối ngoại của Đảng cũng ngày càng đa dạng.

Song song với quá trình mở rộng về đối tượng, *nội dung của hoạt động đối ngoại* cũng ngày càng phong phú, bao hàm

các hoạt động phục vụ phát triển quan hệ đảng, phát triển quan hệ nhà nước, đến việc tham gia thúc đẩy giải quyết các vấn đề quốc tế, khu vực, các vấn đề toàn cầu gắn với an ninh, phát triển; thúc đẩy sự định hình các cơ chế quản trị khu vực và quốc tế dân chủ, tiến bộ và công bằng.

*Chủ thể thực hiện và triển khai quan hệ đối ngoại đảng* được mở rộng và tăng cường hơn. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan Trung ương của Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương đã quan tâm và tích cực tham gia nhiều hoạt động đối ngoại đảng, góp phần thực hiện có kết quả các chủ trương cụ thể trong quan hệ của Đảng ta với các đảng. Các ban đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, nhất là các địa phương giáp biên, đã chủ động hơn trong việc thúc đẩy quan hệ với nhiều đối tác.

*Thứ hai, đối ngoại đảng đã tạo nền tảng chính trị quan trọng cho việc ổn định, mở rộng và thắt chặt quan hệ song phương của Việt Nam với các nước trên thế giới.*

Quan hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Campuchia, Đảng Cộng sản Cuba được tăng cường và phát triển về chiều sâu, đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng tổng thể sự hợp tác toàn diện giữa nước ta với các nước; đồng thời, góp phần xử lý những vướng mắc, khó khăn nảy sinh. Quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân tiếp tục tạo hậu thuẫn chính trị quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của ta, ủng hộ lập trường của Việt Nam trong nhiều vấn đề phức tạp. Quan hệ với các đảng cầm quyền, tham chính, các đảng đối lập lớn đã góp phần làm cho chính giới các nước có cách nhìn

xác thực hơn, hiểu đúng hơn về Việt Nam, tạo nhận thức chung về nhu cầu thúc đẩy khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với nước ta, từ đó thúc đẩy tham gia và tác động vào quá trình hoạch định và triển khai các chính sách của các nước đối với Việt Nam; đồng thời, giúp Việt Nam linh hoạt thích ứng và chủ động ứng xử với những biến chuyển nhanh chóng, khó lường trên chính trường các nước.

Các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao của Đảng đã mang lại hiệu quả thiết thực, tạo động lực mới đưa quan hệ với các nước đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, đặc biệt, đã nâng cấp, xác lập nhiều khuôn khổ quan hệ mới giữa nước ta với các nước, thiết lập vị thế cân bằng và đan xen lợi ích trong quan hệ với các nước lớn. Các chuyến thăm của các đồng chí Tổng Bí thư của Đảng đã trực tiếp nâng cấp khuôn khổ quan hệ với 10 nước lên “đối tác chiến lược”, hoặc “đối tác toàn diện” hoặc “đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng cũng tiến hành nhiều hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước trên kênh đảng, đóng góp tích cực vào tăng cường quan hệ giữa Đảng, Nhà nước Việt Nam với các chính đảng và các nước trên thế giới.

**Thứ ba, đối ngoại đảng đã phát huy hiệu quả trong việc xử lý các vấn đề có liên quan đến an ninh và phát triển của đất nước.** Trên kênh song phương, thông qua quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng tham gia chính quyền ở các nước, ta đã thúc đẩy giải quyết nhiều vấn đề còn tồn tại hoặc mới nảy sinh trong quan hệ giữa Việt Nam và các nước; hóa giải những tình thế phức tạp, góp phần giải quyết nhiều vấn đề quan trọng. Trên kênh đa phương, thông qua các hoạt động đa phương chính đảng, ta cũng đã tranh thủ tuyên truyền, góp

phân làm cho bạn bè quốc tế hiểu đúng và sâu sắc hơn về công cuộc đổi mới, về Đảng, đất nước Việt Nam, về lập trường của ta đối với các vấn đề khu vực và quốc tế, qua đó tranh thủ được sự ủng hộ ngày càng rộng rãi của các đảng đối với những vấn đề thuộc về lợi ích quốc gia - dân tộc của ta.

*Thứ tư*, hợp tác trên kênh đảng góp phần nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Thời gian qua, đối ngoại đảng đã rất coi trọng việc nghiên cứu, tìm hiểu các phương thức xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo, điều hành đất nước của các chính đảng; chú trọng nghiên cứu những bài học kinh nghiệm, học tập những điểm mạnh, góp phần làm phong phú thêm tư duy phát triển, xây dựng và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Từ trao đổi lý luận và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn với các chính đảng nước ngoài, Việt Nam tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm quốc tế bổ ích về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về lãnh đạo, quản lý đất nước và giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa...

*Thứ năm*, đối ngoại đảng đã góp phần nâng cao vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, của đất nước trên trường quốc tế. Qua các hoạt động đối ngoại của Đảng, các đảng, các nước, không phân biệt hệ thống chính trị và khuynh hướng chính trị, ngày càng nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng, đều mong muốn củng cố và mở rộng quan hệ với Đảng và Nhà nước Việt Nam. Các cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các đoàn công tác cấp cao của các nước, các đảng đến Việt Nam ngày càng có nhu cầu và mong muốn làm việc, tiếp xúc với lãnh đạo Đảng cũng như các cơ quan tham mưu của Đảng. Trong các chuyến thăm nước ngoài của Tổng Bí thư, các nước cũng đều

đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là nhà lãnh đạo cao nhất, người đứng đầu chính thể Việt Nam. Trong Tuyên bố chung của Việt Nam với các nước (trong đó có Mỹ, Pháp), các nước không chỉ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà còn tôn trọng chế độ chính trị của Việt Nam.

Cùng với những thành tựu đổi mới của Việt Nam, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã trực tiếp có những đóng góp quý báu đối với phong trào cách mạng thế giới, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả và bạn bè quốc tế đánh giá cao những thành tựu đổi mới của Việt Nam, coi đó là đóng góp tích cực của Đảng cả về lý luận và thực tiễn, trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin và xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin và cổ vũ bạn bè quốc tế. Đặc biệt, năm 2016, Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên đăng cai tổ chức Cuộc gặp quốc tế các đảng cộng sản và công nhân lần thứ 18 tại Hà Nội, đóng góp tích cực và quan trọng vào việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố khối đoàn kết thống nhất của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

Thứ sáu, hoạt động đối ngoại của các ban đảng, của các tỉnh ủy, thành ủy đã đóng góp tích cực vào những kết quả chung của công tác đối ngoại của Đảng. Theo thời gian, các ban đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, nhất là các địa phương giáp biên, đã chủ động hơn trong việc thúc đẩy, đa dạng hóa quan hệ với nhiều đối tác, nhất là các đối tác tương ứng của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Campuchia, Đảng Cộng sản Cuba, và nhiều đối tác quan trọng khác. Nội dung, hình thức quan hệ được

mở rộng, nhất là việc ký thỏa thuận hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác đào tạo, đóng góp tích cực vào triển khai trên thực tiễn các kế hoạch, hoạt động cụ thể giữa Đảng với các chính đảng. Qua các hoạt động đối ngoại, các ban đảng, các tỉnh ủy, thành ủy cũng đã có nhiều đề xuất cụ thể về chủ trương, biện pháp thiết thực nhằm thúc đẩy quan hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam với các chính đảng ở các nước.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, công tác đối ngoại đảng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Phạm vi quan hệ đảng còn chưa thực sự rộng, một số hoạt động chưa thực sự hiệu quả, một số mối quan hệ chưa thực sự thiết thực. Trong một số trường hợp, nhận thức và việc xử lý mối quan hệ chưa rành mạch, bị động, lúng túng, hiệu quả thấp. Sự phối hợp giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, nhịp nhàng. Chưa phát huy đầy đủ và hiệu quả những lợi ích mà hợp tác chính đảng mang lại và cũng chưa lường hết những thách thức và tác động tiêu cực trong hợp tác chính đảng để chủ động ứng phó có hiệu quả.

*Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:* Nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của quan hệ đối ngoại đảng, về mối quan hệ thống nhất giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, dẫn đến việc triển khai quan hệ đối ngoại đảng có lúc, có nơi chưa thực sự được coi trọng. Lực lượng chuyên trách làm công tác đối ngoại đảng ở trong và ngoài nước còn quá mỏng, trong bối cảnh quan hệ đối ngoại đảng ngày càng mở rộng, hoạt động tăng mạnh. Sự phối hợp giữa các cơ quan làm công tác đối ngoại có lúc, có nơi còn chưa thật đồng bộ, kịp thời. Trong triển khai những hoạt động lớn, chưa tranh thủ được hết những lợi thế và đặc thù của

từng trụ cột trong ba trụ cột của mặt trận đối ngoại, gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Sự phân vai có lúc, có nơi còn chưa thực sự hợp lý. Các cơ quan liên quan chưa thực sự tạo được một cơ chế gắn kết chặt chẽ trong công tác nghiên cứu, dự báo, công tác tuyên truyền đối ngoại. Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược trong nhiều trường hợp vẫn còn chưa đáp ứng được so với yêu cầu, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình thế giới, khu vực và sự vận động của các chính đảng trên thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, trong đó đáng chú ý là sự nổi lên của các đảng cực hữu cùng sự xuống dốc của các đảng truyền thống, sự cạnh tranh quyết liệt giữa các chính đảng...

### **3. Nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại đảng thời gian tới**

Sự nghiệp đổi mới của Đảng và đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới cao hơn, với những nhiệm vụ vô cùng trọng đại. Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội để phát triển đất nước, song cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang trong giai đoạn chuyển đổi sâu sắc, với những biến động hết sức phức tạp, khó lường, chứa đựng những thách thức lớn về trật tự chính trị, an ninh, kinh tế thế giới, pháp luật, thương mại quốc tế, tác động sâu sắc đến môi trường an ninh, phát triển của nước ta. Từ đó, công tác đối ngoại nói chung và công tác đối ngoại đảng nói riêng sẽ có những yêu cầu, nhiệm vụ mới cao hơn. Vì vậy, phải tranh thủ tốt nhất các cơ hội mang lại, hóa giải những thách thức đặt ra, thực hiện tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững

môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ vững chắc độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, vị thế của đất nước nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian tới, mục tiêu của công tác đối ngoại đảng là: Góp phần không ngừng nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước và của Đảng ta; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ, các điều kiện và nguồn lực quốc tế; phát triển đất nước nhanh, bền vững; không ngừng nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Để triển khai thực hiện tốt các mục tiêu này, công tác đối ngoại đảng cần quán triệt 5 quan điểm chỉ đạo lớn:

*Một là*, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

*Hai là*, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, các đối tác trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Đây mạnh hợp tác vì hòa bình và phát triển bền vững, cùng nhau giải quyết

các vấn đề chung của khu vực và toàn cầu, các xung đột, tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thể chế chính trị, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Ba là*, kiên định về nguyên tắc, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng ta về đối tác, đối tượng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, chủ động ứng phó với mọi tình huống. Kiên định bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; đồng thời khôn khéo, linh hoạt xử lý đúng đắn, cân bằng, hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia, dân tộc với những mối quan tâm chính đáng của các đối tác tùy theo vấn đề, thời điểm cụ thể, phù hợp với luật pháp quốc tế. Không để rơi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia; không quan hệ với các chính đảng, tổ chức cực đoan...

*Bốn là*, mở rộng, tăng cường quan hệ đối ngoại đảng có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trước sau như một, ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Mở rộng và tăng cường quan hệ với các đảng cánh tả, cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tăng cường sự hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

*Năm là*, tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng là một định hướng chiến lược đối ngoại quan

trọng hàng đầu; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng làm công tác đối ngoại là nòng cốt. Phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân và quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở đó, nhiệm vụ của công tác đối ngoại đảng bao gồm 5 trọng tâm chính:

*Một là*, mở rộng và đưa các mối quan hệ đối ngoại đảng đi vào chiều sâu. Với các đảng cầm quyền ở các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống: chủ động và tích cực thúc đẩy quan hệ đi vào chiều sâu, hiệu quả và thiết thực; củng cố sự tin cậy chính trị, tạo nền tảng chính trị vững chắc, giữ vai trò định hướng chiến lược cho quan hệ song phương giữa Việt Nam và các nước này ngày càng phát triển ổn định, bền vững. Với các đảng cầm quyền, tham chính, đảng có vai trò quan trọng tại các nước: chủ động và ưu tiên thúc đẩy quan hệ nhằm góp phần tạo nền tảng chính trị, bảo đảm thúc đẩy phát triển ổn định và bền vững quan hệ song phương giữa Việt Nam và các nước, chú trọng các đảng ở các nước lớn, các nước ASEAN và các đối tác quan trọng, nhất là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam. Với các đảng cộng sản, công nhân có vai trò đáng kể ở các nước và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: chú trọng tăng cường quan hệ thực chất nhằm duy trì lực lượng hậu thuẫn chính trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với các đảng khác: duy trì quan hệ, tranh thủ tiếp xúc để thúc đẩy quan hệ khi điều kiện cho phép. Đồng thời, chú trọng tạo lập, duy trì quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong khu vực và trên thế giới có vai trò

quan trọng đối với việc triển khai nhiệm vụ đối ngoại đảng. Với các diễn đàn đa phương chính đảng: chủ động và tích cực tham gia có hiệu quả, chú trọng đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương chính đảng, thúc đẩy các sáng kiến phù hợp với lợi ích và vai trò của ta, góp phần làm cho cộng đồng quốc tế hiểu đúng và sâu sắc hơn về công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước ta, về Đảng ta, vận động, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hậu thuẫn quốc tế rộng rãi đối với Đảng và nhân dân Việt Nam.

*Hai là*, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong triển khai các hoạt động đối ngoại quan trọng. Chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo về tình hình các chính đảng nước ngoài và sự phát triển của quan hệ chính đảng trong quan hệ quốc tế hiện đại. Đây là yêu cầu khách quan và có tính cấp bách trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định, nhằm kịp thời và chủ động ứng phó với các thách thức, đón đầu các cơ hội mang lại, đồng thời tạo cơ sở vững chắc để lãnh đạo Đảng thông qua các quyết sách đối ngoại mang tính chiến lược. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại của Đảng. Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là đồng chí Tổng Bí thư, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư để thúc đẩy quan hệ đối ngoại đảng với các đối tác quan trọng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, nhất là người đứng đầu. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại đảng.

Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phối hợp chặt chẽ, thông suốt giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, phát huy vai trò và thế mạnh đặc thù của mỗi kênh đối ngoại. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai quan hệ đối ngoại đảng theo yêu cầu nhiệm vụ, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Bố trí nguồn lực hợp lý và tạo điều kiện để các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện nhiệm vụ phát triển quan hệ đối ngoại đảng.

Bốn là, kiện toàn tổ chức, thường xuyên củng cố và tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đảng có chuyên môn vững chắc, bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, với lợi ích quốc gia - dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của Ban Đối ngoại Trung ương. Kiện toàn tổ chức, cán bộ của Ban Đối ngoại Trung ương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chăm lo rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đảng theo hướng chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc cao.

Năm là, không ngừng đổi mới tư duy đối ngoại đảng, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác đối ngoại đảng. Kiện toàn cơ chế phối hợp, giám sát, đôn đốc trong triển khai hoạt động đối ngoại đảng và việc bố trí, luân chuyển cán bộ

làm công tác đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

\*

\* \* \*

Trong quá trình lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới gần 35 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong của Đảng, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của đất nước. Đóng góp một phần không nhỏ trong đó là những thành tựu của công tác đối ngoại đảng. Các thành tựu này, cùng với các định hướng phát triển trong thời gian tới, sẽ là nền tảng vững chắc để đổi ngoại đảng tiếp tục cống hiến và phục vụ tốt nhất cho mục tiêu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho sự phát triển chiến lược của đất nước cũng như lợi ích toàn diện của nhân dân.

## **CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

PGS.TS. TRẦN THỊ VUI\*

**T**hực tiễn cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua (1930 - 2020) đã chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi. Trong những thành tựu từ quá trình lãnh đạo của Đảng, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc và tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước thường xuyên quan tâm đến công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm huy động mọi nguồn lực vì mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất và phát triển đất nước. Nhận thức rõ người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không thể tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, nên trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc, đúng đắn,

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

sáng tạo, xuyên suốt, bám sát nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Nhờ vậy, Đảng đã tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên những kỳ tích của cách mạng Việt Nam.

### **1. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài của Đảng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc**

Người Việt Nam dù sống ở đâu, dù thuộc thế hệ nào, dù chỉ mang trong mình một phần dòng máu Việt Nam, vẫn luôn có tấm lòng tha thiết hướng về cội nguồn, quê hương đất nước. Đó là tình cảm tự nhiên của con người và cũng là điểm chung nhất làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng, Chính phủ đã ban hành những chủ trương, chính sách đúng đắn, cởi mở, trên tinh thần khuyến khích lòng yêu nước chân chính và phù hợp với quyền lợi chính đáng của Việt kiều, nhằm vận động kiều bào hướng về quê hương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tháng 7/1954, Hội nghị lần thứ sáu (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương, cần củng cố công - nông liên minh, đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác, tranh thủ những nhân sĩ yêu nước, yêu hòa bình và dân chủ, lập thành mặt trận rộng rãi chống đế quốc Mỹ xâm lược. Ngày 17/9/1954, Hội đồng Chính phủ ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tăng cường, mở rộng khối đoàn kết dân tộc, trong đó có chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Bên cạnh công tác vận động kiều bào ủng hộ kháng chiến, Đảng và Nhà nước rất coi trọng nhiệm vụ bảo vệ lợi ích chính đáng của kiều bào, bảo đảm cuộc sống bình thường khi họ hồi hương. Đáp ứng nguyện vọng của Việt kiều và mong

muốn của chính quyền các nước có liên quan, ngày 14/8/1959, Hiệp định về vấn đề hồi hương Việt kiều ở Thái Lan về Việt Nam đã được ký kết tại Rangoon (Mianma). Tiếp đó, ngày 23/10/1959, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết “Về việc đón tiếp Việt kiều ở Thái Lan, Tân Đảo, Tân Thế giới về nước”. Nghị quyết đánh giá: Theo kết quả của những cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Thái Lan, Pháp, kể từ tháng 01/1960 sẽ có từ 6 đến 7 vạn kiều bào phần lớn ở Thái Lan, có một số ở Tân Thế giới, Tân Đảo và Nam Mỹ về nước, mỗi tháng có thể về đến 2.000 người. Việt kiều hầu hết là nhân dân lao động vì bị áp bức, bóc lột và buộc phải xa quê hương, xa Tổ quốc, nên luôn hướng về cội nguồn, mong nước nhà độc lập, mong có cơ hội trở về góp phần xây dựng đất nước, đó là nguyện vọng chính đáng của Việt kiều.

Trong đó, nước Pháp là nơi có đông Việt kiều sinh sống, có tổ chức Hội người Việt Nam yêu nước hoạt động tích cực và hiệu quả. Nhận thức rõ điều đó, ngày 17/12/1970, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 186-CT/TW “Tăng cường công tác vận động Việt kiều ở Pháp”. Chỉ thị nêu rõ: Việt kiều ở Pháp có khoảng 2 vạn người, trong đó có 3.000 sinh viên, 3.000 lao động trí óc, 2.000 công nhân. Tuy thành phần xuất thân và quan hệ gia đình khác nhau, nguyên nhân sang Pháp khác nhau, nhưng số đông Việt kiều có lòng yêu nước, luôn hướng về quê hương, thiết tha đóng góp vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng Tổ quốc.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kiều bào, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc biểu hiện sinh động, linh hoạt và hiệu quả. Trong những năm 1954 - 1959, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đấu

tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tổng tuyển cử thống nhất đất nước diễn ra ở nhiều quốc gia có đông kiều bào sinh sống. Tại Pháp và nhiều nước, kiều bào đã xuống đường mítinh, lấy chữ ký, vận động nhân dân và dư luận sở tại đấu tranh buộc Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định, chống đàn áp những người kháng chiến. Nhiều trí thức và kiều bào chuẩn bị hồi hương, đem kiến thức và tài sản về góp phần xây dựng đất nước.

Trong những năm 1959 - 1965, Đảng và Nhà nước tập trung xây dựng tổ chức chuyên trách, đón tiếp người Việt Nam ở nước ngoài về nước, gây dựng phong trào cách mạng. Ngày 23/11/1959, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 416-TTg, về “Thành lập Ban Việt kiều Trung ương”. Đây là lần đầu tiên một cơ quan chuyên trách về công tác này được thành lập, đánh dấu bước tiến mới trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Nhiều trí thức người Việt Nam ở nước ngoài chuẩn bị hồi hương, đem kiến thức và tài sản tích lũy được về góp phần xây dựng đất nước. Kiều bào về nước sinh sống vẫn giữ mối liên hệ với Việt kiều còn ở nước ngoài. Việt kiều hồi hương đã trở thành cầu nối phát triển công tác vận động kiều bào, góp phần đẩy mạnh phong trào yêu nước của Việt kiều ở Campuchia, Thái Lan, Pháp,... Đồng thời, hình thành nhiều nhóm cốt cán và phong trào Việt kiều yêu nước vận động kiều bào ủng hộ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến, Đảng chủ trương đẩy mạnh phong trào Việt kiều yêu nước, tranh thủ nhân dân tiến bộ trên thế giới ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Bằng nhiều hình thức khác nhau, Việt kiều khắp năm châu đã có những đóng góp to lớn

cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Hoạt động tiêu biểu của phong trào Việt kiều yêu nước thời kỳ này là: tổ chức míttinh, biểu tình tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn; phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi Mỹ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari..., đồng thời, thiết lập nhiều tổ chức quần chúng có sự chỉ đạo, liên hệ chặt chẽ từ cơ sở đến trung ương. Trong những năm đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Pari, đông đảo Việt kiều đã ủng hộ cả về tinh thần, vật chất và nhân sự cho Phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Phái đoàn Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Kiều bào đã kê vai, sát cánh với nhân dân trong nước bằng cách quyên góp, gửi gạo, tiền, vàng về nước, đưa con em về nước tham gia trực tiếp chiến đấu, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

## **2. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài của Đảng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước**

Dấu ấn lịch sử ngày 30/4/1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã tạo niêm phán khởi với đông đảo kiều bào yêu nước. Nhiều tổ chức Việt kiều yêu nước ra hoạt động công khai và đổi tên thành Hội người Việt Nam tại Pháp, Mỹ, Canada, Đức... Số lượng Việt kiều tăng nhanh chóng do nhiều người di tản sau chiến tranh. Thành phần cộng đồng cũng thay đổi mạnh, nhiều người có quan hệ với chính quyền cũ hoặc gắn bó quyền lợi trong chế độ thực dân, thù hận, mặc cảm với chính quyền cách mạng. Các tổ chức phản động người Việt, được sự tiếp tay của các thế lực thù

địch nước ngoài mọc lên như nấm, chống phá quyết liệt, tìm cách phục quốc. Vì vậy, giai đoạn 1979 - 1981 là giai đoạn khó khăn đối với công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Làn sóng người di tản, vấn đề “thuyền nhân” đã tác động mạnh cả trong và ngoài nước. Nhận thức về kiều bào có nhiều biến động, xuất hiện tâm lý đê phòng, quản lý chặt chẽ đối với Việt kiều và thân nhân.

Trước tình hình đó, ngày 04/10/1982, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 09-CT/TW về “Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài”, trong đó nhấn mạnh: Khoảng 1 triệu người Việt Nam sinh sống ở hơn 40 quốc gia, đại bộ phận vẫn giữ liên hệ với đất nước, có thể có những đóng góp nhiều mặt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là về khoa học kỹ thuật. Phong trào Việt kiều yêu nước là một lực lượng quần chúng cách mạng ở nước ngoài, là chỗ dựa của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác vận động đồng bào ở nước ngoài, là người trợ thủ đắc lực trên mặt trận chính trị và ngoại giao của Việt Nam ở ngoài nước. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, công tác vận động kiều bào từng bước chuyển biến theo hướng tập trung xây dựng nòng cốt, hỗ trợ phong trào.

Những năm đầu bước vào thực hiện đường lối đổi mới, cùng với đồng bào trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài đã có nhiều hoạt động tích cực góp phần xây dựng đất nước. Từ những chính sách cải mở của Đảng và Nhà nước, kiều bào ở nhiều nước đã phát động phong trào vận động quyên góp sách báo, tài liệu khoa học kỹ thuật, trang thiết bị gửi về quê hương. Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam tại Pháp, Hội người Việt Nam tại một số nước đã thành lập các nhóm đóng góp trên phương diện khoa học kỹ thuật, cử người về nước tìm

hiểu nhu cầu, khả năng hợp tác, xây dựng các đề án, chương trình hợp tác với trong nước, huy động khả năng của các thành viên của Hội và của các bạn bè sở tại.

Ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Trên tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhận thức rõ vị trí, vai trò, tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài và để đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi bức xúc của tình hình thực tiễn, ngày 29/11/1993, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về “Chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài”. Nghị quyết nêu rõ: Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chính sách đại đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tiềm lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, về vốn, về khả năng tạo các mối quan hệ giữa các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài với nước ta là một lợi thế và một nguồn lực quan trọng cần phải phát huy để bổ sung và hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước. Chính sách và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài phải đáp ứng những yêu cầu chính là: Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 26/3/2004, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 36-NQ/TW “Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài”, thể hiện các tinh thần cốt lõi, như tạo mọi thuận lợi cho người về, giúp đỡ hiệu quả cho người ở ngoài, đấu

tranh phân hóa bộ phận chống đối để kéo họ trở về con đường đại đoàn kết dân tộc<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) của Đảng nhất quán quan điểm: Đồng bào định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. “Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ *đồng bào định cư ở nước ngoài* ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng; tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; có cơ chế, chính sách thu hút đồng bào hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng và bảo vệ đất nước”<sup>2</sup>.

Có thể thấy, quan điểm, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới đã thể hiện truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, vì vậy mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước cần phát huy tốt hơn nữa truyền thống đó. Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không thể tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của kiều bào trên cơ sở pháp luật của Việt Nam, pháp luật nước sở tại và luật pháp quốc tế.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.63, tr.281-293.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.165-166.

Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã đạt được một số kết quả quan trọng sau:

*Một là*, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, hội nhập vào đời sống xã hội nước sở tại. Các đoàn lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam đi công tác nước ngoài đều coi trọng việc trao đổi với chính quyền nước sở tại về tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Tiến hành đàm phán ký kết các điều ước quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài. Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (trước đó là Ban Việt kiều Trung ương) tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xây dựng và triển khai chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Năm 2016, Ủy ban đã chủ động rà soát, kiến nghị và đóng góp ý kiến ban hành các văn bản pháp quy liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài như: Luật đất đai, Luật nhà ở năm 2014, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật thuế và Luật hải quan... Trong đó, công tác bảo hộ lãnh sự được đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành những biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của người Việt Nam ở nước ngoài như tài sản, tính mạng của đồng bào trước các hành động ngược đãi, kỳ thị chủng tộc, bùng nổ xung đột, chiến tranh; bảo vệ lợi ích của người lao động và của công dân Việt Nam khi xảy ra các tranh chấp kinh tế hay quyền lợi của người lao động bị xâm phạm.

*Hai là*, góp phần mở rộng và củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Từ đổi mới quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài đến những chính sách phù hợp với

nguyễn vọng của kiều bào và những thành tựu của công cuộc đổi mới trong nước, hằng năm số lượng kiều bào về nước thăm thân nhân, hợp tác nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật, đầu tư kinh doanh, du lịch, từ thiện... không ngừng tăng lên. Nếu như năm 1987, có khoảng 8.000 lượt kiều bào về thăm quê hương thì đến năm 2016, số lượng kiều bào về thăm đất nước đã tăng lên hơn 500.000 lượt. Từ năm 2010, bình quân mỗi năm, Việt Nam đã thu hút hơn 400 lượt trí thức kiều bào về nước hợp tác, đóng góp chuyên môn<sup>1</sup>. Bên cạnh đó đã có nhiều đoàn kiều bào về quê hương tham gia một số hoạt động lớn trong nước như: đón Tết Nguyên đán, dự Quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương, dự Lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, tham gia Cuộc thi tìm hiểu “60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”,... Những hoạt động này đã có tác động tích cực đến tình hình cộng đồng, làm cho kiều bào tin tưởng hơn vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Ba là, triển khai thực hiện nhiều biện pháp nhằm thu hút tiềm năng kinh tế, tri thức khoa học, công nghệ của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Quá trình đổi mới chính sách của Đảng với người Việt Nam ở nước ngoài đã ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho kiều bào gửi tiền về nước, quay trở về Tổ quốc để đầu tư, làm ăn, đóng góp chất xám xây dựng quê hương. Kể từ sau khi có Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

---

1. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài”. Tài liệu lưu tại Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.

từ năm 1988 đến năm 2016, mỗi năm trung bình người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về nước hàng trăm dự án, với tổng số vốn đầu tư hàng tỉ đôla Mỹ. Nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, số lượng dự án của kiều bào đầu tư về nước ngày càng tăng. Tính đến hết năm 2016, có khoảng 3.600 doanh nghiệp do người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về trong nước với tổng vốn đăng ký gần 8,6 tỉ USD trong đó phần lớn số dự án được đánh giá hoạt động có hiệu quả<sup>1</sup>.

Trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước chủ trương chú trọng nội dung, đa dạng hóa hình thức trong *công tác thông tin - văn hóa phục vụ công đồng người Việt Nam ở nước ngoài*. Các cơ quan thông tấn, báo chí thường xuyên thông tin cho kiều bào về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tình hình trong nước cũng như vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong công cuộc xây dựng đất nước.

Bốn là, góp phần quảng bá đất nước, con người, văn hóa Việt Nam với thế giới; củng cố tình hữu nghị với các nước và vùng lãnh thổ, tạo môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác để phát triển đất nước. Những kết quả thu được từ việc thực hiện chủ trương của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã động viên đồng bào giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống của dân tộc; đồng thời, góp phần quảng bá đất nước, con người, văn hóa Việt Nam với thế giới và mở rộng quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và các nước sở tại.

---

1. Theo “Báo cáo tổng kết công tác năm 2016” của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài. Tài liệu lưu tại Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.

### **3. Một số kinh nghiệm trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài**

Tổng kết sự chỉ đạo của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, bước đầu có thể nêu lên một số kinh nghiệm:

*Thứ nhất, chính sách với người Việt Nam ở nước ngoài phải quán triệt sâu sắc, nhất quán chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Thực tiễn công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cho thấy mục tiêu của công tác này là bảo vệ các quyền lợi chính đáng của đồng bào, giúp đỡ đồng bào yên tâm làm ăn, hướng về Tổ quốc, vận động kiều bào tham gia vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc, và điều này chỉ có thể có hiệu quả tốt khi được tiến hành trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, mục tiêu của đại đoàn kết toàn dân tộc là giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nắm vững mục tiêu này, biến nó thành những chính sách, biện pháp cụ thể trong các hoạt động thực tiễn, sẽ bảo đảm cho những thắng lợi của công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

*Thứ hai, không ngừng đổi mới, bổ sung, phát triển các chính sách với người Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với sự phát triển của đất nước, quan hệ và hội nhập quốc tế.*

Trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, công tác xây dựng chính sách giữ vai trò quan trọng. Với đặc thù kiều bào sống xa Tổ quốc, chưa có điều kiện và khả năng để tạo ra các mối liên hệ trực tiếp với từng người ở tất cả các quốc gia trên thế giới, việc ban hành các chính sách với tinh

thần đổi mới và thiết thực sẽ có sức lan tỏa lớn đối với mỗi kiều bào và thân nhân, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho kiều bào mà còn giúp họ hiểu rõ hơn về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng. Để đạt được hiệu quả như vậy, các chính sách được sửa đổi hoặc xây dựng mới phải trên cơ sở thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng và đáp ứng những nhu cầu thiết thân của kiều bào.

Cần nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người Việt Nam ở nước ngoài tại từng khu vực địa bàn, trên cơ sở đó nghiên cứu, đề xuất việc bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới các chính sách nhằm đáp ứng đúng tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài trong mối quan hệ với đất nước và thực hiện tốt các chính sách trên.

Trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà nước Việt Nam đã thể chế hóa nhiều chủ trương của Đảng thành các chính sách cụ thể qua đó đã thúc đẩy mối quan hệ giữa kiều bào với quê hương, đất nước ngày càng gắn bó hơn. Từ những văn bản chính sách đầu tiên liên quan đến kiều bào năm 1959, thì đến năm 2019, Đảng, Nhà nước và các bộ, ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản các loại, từ những quy định về cấp, đổi hộ chiếu, thị thực xuất, nhập cảnh đến các chính sách khuyến khích kiều bào đầu tư về nước, khuyến khích trí thức kiều bào về nước tham gia hợp tác trong các hoạt động khoa học kỹ thuật, giảng dạy nghiên cứu cũng như các chính sách về mua bán nhà, chuyển hàng hóa, chuyển kiều hối về nước. Các chính sách ban hành đã góp phần thu hẹp khoảng cách giữa người trong nước với người ngoài nước, tạo điều kiện cho việc giao lưu thông thoáng của bà con ở nước ngoài, đáp ứng tâm tư, tình cảm,

nguyễn vọng chính đáng của kiều bào, động viên tinh thần yêu nước của kiều bào, góp phần đắc lực vào công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

*Thứ ba, phải tạo được sự thống nhất hành động của cả hệ thống chính trị, xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa hoạt động ở trong nước và ngoài nước trong việc thực hiện chủ trương của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài.*

Việc thực hiện chủ trương của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, trong đó chính quyền có vai trò đặc biệt quan trọng. Mỗi liên hệ giữa Đảng, Nhà nước đối với đồng bào ở nước ngoài chủ yếu thông qua mỗi liên hệ giữa chính quyền đối với kiều bào, vì vậy ứng xử của các cơ quan chính quyền với đồng bào là rất quan trọng. Đảng và Nhà nước Việt Nam chỉ có thể tạo được lòng tin đối với đồng bào, để bà con thật sự thấy gắn bó với quê hương, đất nước khi có sự thống nhất về quan điểm và hành động của các cơ quan chức năng đối với kiều bào.

*Thứ tư, đổi mới và coi trọng chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương pháp tổ chức, vận động người Việt Nam ở nước ngoài.*

Việc tập hợp và đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài phải được tiến hành thông qua nhiều loại hình hoạt động phù hợp với các đối tượng và địa bàn khác nhau, trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với pháp luật, phong tục, tập quán nước sở tại. Phát triển rộng rãi phong trào phải đi đôi với việc xây dựng và bồi dưỡng những cá nhân, tổ chức hoạt động tích cực, phát huy được vai trò vận động, lôi cuốn đoàn kết trong phong trào.

Thực tiễn đã chứng minh muôn công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài được lâu bền, vững chắc và rộng rãi, cần thực hiện hai biện pháp vận động và xây dựng, phát triển nòng cốt đồng thời với việc luôn luôn phải đổi mới, đa dạng các hình thức vận động. Đây là hai biện pháp có quan hệ mật thiết, gắn bó biện chứng với nhau. Cần luôn luôn xây dựng, phát triển các cá nhân, các tổ chức nòng cốt, coi đó là chỗ dựa, là nhân lối của phong trào, trên cơ sở đó hình thành nhiều hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt, từ thấp đến cao, từ hẹp đến rộng, từ văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao đến kinh tế, khoa học kỹ thuật, nhiều tổ chức hội đoàn... thích hợp với các đối tượng khác nhau, tên gọi khác nhau.

*Thứ năm, coi trọng công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời nhằm tạo ra động lực thi đua yêu nước, hướng về Tổ quốc của kiều bào là một trong những yếu tố thành công của công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.*

Người Việt Nam ở nước ngoài sống xa Tổ quốc, không có điều kiện thường xuyên chứng kiến những đổi thay của đất nước, nhất là từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện. Mặt khác, các thế lực chống đối lại luôn ở bên cạnh kiều bào, thường xuyên bằng mọi phương tiện đưa ra những thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình đất nước và những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, việc đem đến cho kiều bào những thông tin chính xác và kịp thời là rất quan trọng, giúp bà con hiểu rõ về đất nước, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất những ý đồ tuyên truyền xấu.

Công tác thông tin tuyên truyền đối với người Việt Nam ở nước ngoài thực chất là một bộ phận của công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại nhưng lại nhầm vào một đối tượng có những đặc điểm riêng biệt. Xuất phát từ đặc điểm này, việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở các nước phương Tây có đông người Việt Nam sinh sống, cần tăng cường cảnh giác, kiên quyết đấu tranh đối với các âm mưu và hành động khống chế cộng đồng, chống phá cách mạng. Đây là cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài và phức tạp, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa trong nước và ngoài nước, sự tranh thủ luật pháp, phong tục, tập quán và các nhân tố tích cực ở nước sở tại. Đặc biệt, cần phải hết sức cảnh giác, giữ bí mật về tổ chức và hoạt động, thận trọng, thầm lặng, tránh để bị khiêu khích, không nôn nóng, khi công khai, khi bí mật tùy hoàn cảnh của môi trường đầy thử thách nhưng kiên quyết không rời bỏ vị trí vận động đồng bào góp phần vào sự nghiệp cách mạng của đất nước.

\*

\* \* \*

Kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là dịp khẳng định những thắng lợi vĩ đại của cách mạng do Đảng lãnh đạo suốt 90 năm qua, nhận thức sâu sắc hơn tầm vóc, ý nghĩa lịch sử, ảnh hưởng của những thắng lợi đó đến sự phát triển của đất nước. Trong đó, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài luôn đóng vai trò quan trọng, tạo nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần tạo động lực để Đảng lãnh đạo đất nước tiến lên trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

# **ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC ĐỔI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

GS.TS. NGUYỄN VŨ TÙNG\*

**T**hực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 90 năm qua từ ngày có Đảng đến nay đã chứng minh, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, trong đó có các thắng lợi quan trọng trên mặt trận đối ngoại và hội nhập quốc tế của thời kỳ đổi mới, góp phần to lớn cho sự nghiệp vẻ vang của dân tộc ta đấu tranh vì độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, kiến thiết đất nước, và củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế.

## **1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới**

Bước ra khỏi chiến tranh, vượt lên những khó khăn, trở ngại của tình trạng bị bao vây cấm vận bên ngoài và khủng hoảng kinh tế - xã hội bên trong, Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, kịp thời thay đổi tư duy đối ngoại

\* Giám đốc Học viện Ngoại giao.

và chuyển hướng hoạt động để phá thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ với bạn bè quốc tế, tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài phục vụ công cuộc phát triển đất nước.

Với tư duy đổi ngoại mới, bảo vệ và xây dựng đất nước bằng “một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh, và một mối quan hệ hợp tác quốc tế rộng mở”, Đảng đã dẫn dắt công tác đổi ngoại có những đột phá về chính sách để phá thế bao vây cấm vận, bình thường hóa quan hệ với nhiều nước, đồng thời từng bước thi hành chính sách mở cửa hội nhập khu vực và quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới đất nước. Chính sách đổi ngoại hòa hiếu “thêm bạn bớt thù” có khởi nguồn từ truyền thống dân tộc và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được quán triệt mạnh mẽ từ năm 1986, được nâng lên thành chính sách “làm bạn với tất cả các nước” tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII năm 1991, “là bạn, đổi tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế” tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X năm 2006, và “thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>1</sup> tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI năm 2011, và được tiếp tục duy trì và thực hiện nhất quán trong phương châm đổi ngoại được đặt ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII năm 2016 cho đến nay. Song song với quá trình định hình phương châm đổi ngoại, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế được Đảng khởi xướng từ Đại hội lần thứ IX đã được nâng tầm thành hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.139.

nhập quốc tế tại Đại hội lần thứ XI, quán triệt và cụ thể hóa trong Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị “Về hội nhập quốc tế”, chủ động, tích cực triển khai ngày càng hiệu quả và đi vào chiều sâu cho đến nay. Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”, là văn bản chỉ đạo đầu tiên của Đảng ta về công tác đối ngoại đa phương của đất nước, trở thành kim chỉ nam cho các hoạt động đối ngoại đa phương đang ngày càng được tăng cường triển khai thực hiện trên thực tế.

Trong quá trình lãnh đạo công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế phục vụ sự nghiệp đổi mới, Đảng đã xác định đúng và nắm bắt được các xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển, xu thế toàn cầu hóa và liên kết, hội nhập quốc tế, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế để Việt Nam đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế của mình, vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại hòa bình và phát triển các mối quan hệ đối ngoại không phân biệt chế độ chính trị - xã hội. Nhờ đó, Việt Nam đã hội nhập ngày càng chủ động hơn vào các cơ chế kinh tế - xã hội, chính trị - an ninh, ngoại giao toàn cầu, tuân thủ và tham gia xây dựng các luật chơi quốc tế, hòa mình vào những trào lưu và dòng chảy mới trong quan hệ quốc tế vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, tiến bộ xã hội và hợp tác quốc tế. Đặc biệt, vị thế thành viên trong ASEAN đã đưa Việt Nam vào đúng dòng chảy của các xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, tăng cường nguồn lực và giá trị địa - chính trị, địa - kinh tế của Việt Nam, tạo nên sức mạnh lớn hơn để Việt Nam mở

rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hội nhập, tạo thế và lực mới để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những bước phát triển, hoàn thiện nhận thức và tư duy mới về đối ngoại trong quá trình đổi mới nêu trên đã trở thành tiền đề để Đảng ta xây dựng và ngày càng hoàn chỉnh đường lối và chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới, chỉ đạo quá trình triển khai để từ đó thu được những thành tựu quan trọng về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

## **2. Thành tựu trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới**

Đánh giá về thành tựu đối ngoại của sự nghiệp đổi mới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhận định “công tác đối ngoại của chúng ta trong 30 năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trở thành một điểm sáng trong toàn bộ những thành tựu chung của đất nước”<sup>1</sup>. Điểm sáng trong toàn bộ những thành tựu chung đó của đất nước được thể hiện rõ nét trên ba phương diện:

*Trước hết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác đối ngoại đã góp phần tiếp tục duy trì, củng cố môi trường hòa bình ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Hoạt động đối ngoại thông qua các biện pháp vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cả trên bình diện song phương và đa phương, đã góp phần phá thế bao vây cấm vận, kiên quyết và kiên trì bảo vệ*

---

1. Diễn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 30, tháng 8/2018.

vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm các lợi ích chiến lược của đất nước.

Trước những biến động nhiều mặt rất phức tạp trên thế giới và khu vực, những diễn biến không thuận của môi trường an ninh xung quanh, những tác động tiêu cực từ bên ngoài, Việt Nam tiếp tục có những quyết sách đúng đắn, bước đi phù hợp để phục vụ phát triển kinh tế, giữ vững môi trường hòa bình ổn định, an ninh, quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Điều này được thể hiện rõ trên các phương diện sau:

*Thứ nhất*, trước những diễn biến phức tạp gần đây ở Biển Đông đang đe dọa đến an ninh và chủ quyền của đất nước, chúng ta đã khéo léo, kiên trì, kiên quyết đấu tranh bằng nhiều hình thức, biện pháp phù hợp, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, vừa bảo vệ được độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, vừa giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Việt Nam cũng đang nỗ lực cùng ASEAN và Trung Quốc tích cực tham gia đàm phán về Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC), đẩy mạnh trao đổi về phân định vùng đặc quyền kinh tế với Indônnêxia, tiếp tục duy trì các cơ chế đàm phán với Trung Quốc ở khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ và tích cực nghiên cứu các khả năng hợp tác cùng phát triển.

*Thứ hai*, chúng ta cũng đã xử lý tốt quan hệ với các nước láng giềng. Trong thời gian qua, mặc dù tình hình ở Campuchia có nhiều biến động chính trị phức tạp, nhưng chúng ta vẫn kiên trì hòa hiếu, duy trì môi trường hòa bình, hữu nghị. Chúng ta cũng đã hoàn thành việc tăng dày, tôn

tạo mốc giới với Lào; tiếp tục triển khai việc thực hiện Nghị định thư và Hiệp định quy chế biên giới Việt - Lào. Với Campuchia, hai nước cũng đã hoàn thành 84% việc phân giới cắm mốc và đang xúc tiến hoàn tất biên bản ghi nhận những kết quả đã đạt được. Việt Nam cũng đang tích cực tham gia và có đóng góp ngày càng quan trọng trong ASEAN, nhất là trong việc xây dựng ba cộng đồng, duy trì đoàn kết nội khối, duy trì vai trò trung tâm của ASEAN, duy trì và củng cố quan hệ của ASEAN với các đối tác bên ngoài.

*Thứ ba*, chúng ta đã khẳng định được đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, thực hiện tốt chủ trương cân bằng quan hệ với các nước lớn mặc dù các nước lớn thời gian qua ra sức vận động, lôi kéo Việt Nam tham gia các tập hợp lực lượng mới. Đồng thời, chúng ta cũng đã đấu tranh kiên quyết, làm thất bại nhiều âm mưu can thiệp của các lực lượng thù địch trong vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo; kịp thời xử lý nhiều vụ việc phức tạp về chính trị, đối ngoại, góp phần bảo vệ chế độ, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho đất nước.

Như vậy, công tác đối ngoại đã góp phần quan trọng trong giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển; phối hợp chặt chẽ với quốc phòng - an ninh góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; đưa quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các nước lớn, các đối tác chủ chốt, bạn bè truyền thống đi vào chiều sâu; nâng tầm đối ngoại đa phương; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

*Công tác đối ngoại đã thành công trong việc đẩy mạnh triển khai chủ trương tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, đưa quan hệ với các đối tác ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, phục vụ thiết thực cho sự phát triển của đất nước.*

Việt Nam đã xử lý tốt và không ngừng đưa các mối quan hệ với các đối tác hàng đầu như Trung Quốc, Mỹ, Nga, Liên minh châu Âu, Nhật Bản... đi vào chiều sâu và ngày càng thực chất. Đến nay, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ, quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, đối tác toàn diện với 14 nước, trong đó có tất cả 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Việt Nam cũng đã tham gia 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 10 Hiệp định đã hoàn tất và đã có hiệu lực, 1 Hiệp định chuẩn bị có hiệu lực, 1 Hiệp định đã được ký kết và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục để thông qua và 4 Hiệp định đang trong quá trình đàm phán; thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam ngày càng mở rộng. Hiện nay, đã có 71 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, chúng ta có quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư với hơn 240 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên chính thức của ASEAN và của trên 70 tổ chức quốc tế và khu vực khác, trong đó có tất cả các tổ chức và định chế thương mại, tài chính chủ chốt ở khu vực cũng như trên thế giới. Chúng ta đã xây dựng được một mối quan hệ quốc tế rộng mở để từ đó góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, tăng cường nguồn lực vốn, thị trường và công nghệ bên ngoài cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước, và nhất là tạo điều kiện nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Việt Nam tiếp tục tranh thủ được nhiều nguồn lực to lớn phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ sau Đại hội lần thứ XII, chúng ta đã ký kết và triển khai hàng trăm thỏa thuận hợp tác quốc tế ở các cấp từ Trung ương tới địa phương. Công tác thông tin, tư vấn tới

nhiều địa phương, doanh nghiệp về tình hình kinh tế thế giới, chính sách kinh tế, thương mại của các nước, các đối tác đã được tăng cường, kịp thời và được các địa phương, doanh nghiệp đánh giá cao. Các nguồn lực to lớn cho phát triển như đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển, hỗ trợ kỹ thuật tiếp tục được quan tâm thu hút và duy trì. Số lượng du khách tới Việt Nam không ngừng gia tăng. Hợp tác quốc tế và hội nhập về y tế, giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được thúc đẩy<sup>1</sup>.

*Quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã đưa lại những kết quả quan trọng, góp phần tăng cường sức mạnh nội lực và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước.*

Thực hiện phương châm “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>2</sup> và chủ động “nâng tầm ngoại giao đa phương”, chúng ta đã tích cực, chủ động trong các hoạt động ngoại giao đa phương, đặc biệt là trong các vấn đề có lợi ích “sát sườn” với Việt Nam. Chúng ta không chỉ tham gia các hoạt động đa phương đơn thuần, mà còn tích cực đóng góp để xây dựng, định hình các thể chế, luật lệ, chuẩn mực đa phương. Điều này được thể hiện rõ nhất trong năm APEC Việt Nam 2017.

Việt Nam cũng rất năng động, tích cực trong các cơ chế của ASEAN, hợp tác tiểu vùng Mêkông; đảm nhiệm ngày

1. Xem Nguyễn Vũ Tùng: “Thực trạng công tác đối ngoại thời gian qua và những vấn đề đặt ra”, trang thông tin điện tử của Hội đồng Lý luận Trung ương, [www.hdll.vn](http://www.hdll.vn), ngày 04/6/2019.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.138-139.

càng nhiều các nghĩa vụ quốc tế như gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (PKO), Hội đồng nhân quyền... Chúng ta cũng đóng vai trò tích cực hơn trong các cơ chế quản trị toàn cầu và xây dựng quan hệ hợp tác ngày càng tốt đẹp với nhiều cơ chế, tổ chức, sáng kiến quốc tế như Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7), Nhóm 20 nền kinh tế mới nổi và phát triển (G20), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng phát triển hạ tầng châu Á (AIIB). Đặc biệt, trong năm 2019, Việt Nam đã được bầu làm Ủy viên Không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với số phiếu tán thành cao kỷ lục 192/193 phiếu.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đã được triển khai đồng đều hơn và có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các lĩnh vực (ngoại giao chính trị, kinh tế, văn hóa) trên các kênh (đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, ngoại giao quốc hội, đối ngoại nhân dân). Hoạt động đối ngoại đảng tiếp tục được mở rộng và tăng cường với nhiều chính đảng các nước trên thế giới, làm nền tảng và động lực chính trị cho quan hệ giữa Việt Nam và các nước, đặc biệt với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Campuchia, Đảng Cộng sản Cuba.

Với những thành tựu nổi bật nêu trên, các quốc gia khác, đặc biệt là các nước lớn, ngày càng coi trọng Việt Nam và đặt Việt Nam ở vị thế ngày càng cao trong chiến lược của họ ở khu vực và trên thế giới<sup>1</sup>.

---

1. Xem Nguyễn Vũ Tùng: “Thực trạng công tác đối ngoại thời gian qua và những vấn đề đặt ra”, *Tlđd*.

Ghi nhận và đánh giá cao những thành tựu nổi bật trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ to lớn, vai trò và vị thế cao như ngày nay. Từ một nước nhược tiểu, nghèo đói, ngày nay Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao, nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao”<sup>1</sup>.

*Nguyên nhân thành tựu:*

Những thành tựu nổi bật nêu trên có được là nhờ sự lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng, trước hết là sự chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, với những quyết sách đúng đắn, kịp thời vào những thời điểm quyết định; sự điều hành chủ động, linh hoạt của Nhà nước, Chính phủ, sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Quốc hội, sự vào cuộc và triển khai tích cực của tất cả các cấp, các địa phương, các ngành, nhất là ngành ngoại giao.

Những kết quả trên đã khẳng định tính đúng đắn trong đường lối đối ngoại của Đảng, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Chúng ta đã “kiên trì về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược”, bám sát yêu cầu

---

1. Phát biểu trả lời phỏng vấn nhân dịp năm mới 2020 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng, báo *Thế giới & Việt Nam*, ngày 03/01/2020.

bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, kết hợp với yêu cầu bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước. Trong các chủ trương, bước đi, chúng ta đã luôn có được sự đồng thuận, ủng hộ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Những thành tựu đó còn là kết quả của sự quán triệt sâu sắc và vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và triển khai các hoạt động đối ngoại theo đúng các nguyên tắc, phương châm “độc lập, tự chủ”, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “kiên trì về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược” - nguyên tắc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc; sách lược là cơ động, linh hoạt điều chỉnh tùy theo vấn đề, tùy từng thời điểm và kết hợp nhuần nhuyễn giữa hợp tác và đấu tranh.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Trong quá trình lãnh đạo công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của đất nước trong gần 35 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra được một số kinh nghiệm quan trọng.

*Một là, bài học về bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong công tác đối ngoại.* Đây là bài học quan trọng, xuyên suốt quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới nói chung và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế nói riêng. Chính sự lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng, sự chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, với những quyết sách tinh táo, kịp thời vào những thời điểm quyết định, đã giúp chúng ta có được những thành tựu đáng tự hào nêu trên. Đảng vừa là người chỉ lối, vừa là ngọn cờ tập hợp lực lượng trong nước và quốc tế để

chúng ta có nguồn lực tối đa phục vụ sự nghiệp đổi ngoại. Dù tình hình có biến đổi khó lường đến nhường nào, trong mọi hoạt động của mình, công tác đổi ngoại vẫn cần bám sát đường lối cách mạng của Đảng nói chung và đường lối đổi ngoại nói riêng để thực hiện cho được những định hướng đổi ngoại trọng tâm; luôn kiên định mục tiêu chiến lược là giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị - xã hội xã hội chủ nghĩa, “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” và “vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”.

*Hai là, bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.* Đây là một bài học quan trọng mà Đảng ta đã đúc rút được từ thực tiễn lãnh đạo đất nước trong 90 năm qua, đặc biệt cần thiết trong giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Với một quốc gia có tiềm lực hạn chế như Việt Nam, trước những thách thức to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam luôn phải tìm cách xác định đúng được vị thế đất nước trong dòng chảy của các xu thế phát triển trên thế giới trong từng thời kỳ và hoàn cảnh cụ thể. Việt Nam cần tiếp tục kiên trì chính sách ngoại giao rộng mở, thêm bạn bớt thù; là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau; là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”<sup>1</sup> mà Đại hội lần thứ XI đề ra chính là chìa khóa để chúng ta kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bối cảnh mới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.138.

Ba là, bài học kiên trì theo đuổi lợi ích dân tộc và hết sức linh hoạt trong xử lý các tình huống đối ngoại. Trong bối cảnh thế giới ngày nay ngày càng rộng mở, mức độ phụ thuộc vào nhau giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng gia tăng, lợi ích của các nước đan xen lẫn nhau hết sức phức tạp thì bài học về “dĩ bất biến, ứng vạn biến” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta trong công tác đối ngoại càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết.

Bốn là, bài học gương cao ngọn cờ hòa bình, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, các nước đối tác và bạn bè truyền thống. Thẩm nhuần tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam cần tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết mâu thuẫn, xung đột bằng biện pháp hòa bình. Bài học truyền thống về yêu chuộng hòa bình là tinh thần cốt lõi của văn hóa Việt Nam, đồng thời cũng là ngọn cờ để chúng ta tập hợp được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc vẫn còn nguyên giá trị. Cùng với đối ngoại quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong các ngành khác, ngoại giao tiếp tục đóng vai trò đi đầu trong việc bảo đảm môi trường quốc tế hòa bình thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước những thách thức to lớn và phức tạp của công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay, đối ngoại tiếp tục gánh vác nhiệm vụ là mặt trận hàng đầu trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, gương cao ngọn cờ hòa bình, nêu cao tinh thần tuân thủ luật pháp quốc tế, thực hành các nguyên tắc ứng xử khu vực để giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột bằng biện pháp hòa bình.

Sự nghiệp đối ngoại của đất nước đang đứng trước bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Xu thế cạnh tranh nước lớn đang phát triển, tác động đến những phát triển mới trong quá trình vận động của nhiều điểm nóng trên thế giới, nhất là trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo. Trong khi đó, các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng nổi lên, đòi hỏi tăng cường sự hợp tác quốc tế. Trong hoàn cảnh đó, nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế là vô cùng vê vang nhưng cũng rất nặng nề và khó khăn. Nhiệm vụ cần thiết trước mắt là chúng ta cần tiếp tục đổi mới tư duy đối ngoại để theo kịp sự phát triển của tình hình mới.

Nhiệm vụ bao trùm công tác đối ngoại là tiếp tục giữ vững hòa bình, ổn định cho đất nước, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại trên, trước hết ngành ngoại giao cần tiếp tục phát huy vai trò là mặt trận đi đầu trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển đất nước. Trong khi kiên quyết bảo vệ chủ quyền, chúng ta tiếp tục giữ gìn cao ngọn cờ hòa bình, ổn định, giải quyết các bất đồng thông qua đàm phán, thương lượng trên cơ sở luật pháp quốc tế, đồng thời phát triển quan hệ tốt với các nước và đóng góp chủ động tích cực vào các thể chế khu vực và quốc tế để tạo sự ủng hộ quốc tế rộng khắp đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ chính đáng của Việt Nam.

Bên cạnh đó, chúng ta cần tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong việc đưa quan hệ với các đối tác nước lớn, khu vực và lảng giềng đi vào chiều sâu, đồng thời phát huy tối đa mọi yếu tố thuận lợi của đất nước để chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các thể chế đa phương, trước mắt là hoàn thành tốt năm Chủ tịch ASEAN 2020 và vai trò nước Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 để thể hiện sự nhất quán triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế mà Đại hội lần thứ XII của Đảng đã đề ra; thể hiện khát vọng của Việt Nam đóng góp cho hòa bình, phát triển ở khu vực và trên thế giới với tư cách là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; đồng thời góp phần quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ hơn nữa các điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của đất nước ta. Nhận thức rõ điều đó, chúng ta đã xác định chủ đề “Gắn kết và chủ động thích ứng” cho năm Chủ tịch ASEAN 2020 và “Việt Nam: Đối tác tin cậy vì hòa bình bền vững” khi đảm nhiệm trọng trách là Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

Thêm vào đó, chúng ta cần tiếp tục triển khai có hiệu quả chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nhất là Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về thực hiện có hiệu quả tiến

trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” và “Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

\*

\* \* \*

Chín mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng, thế và lực của nước ta đã được tăng cường, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam là một quốc gia kinh tế - văn hóa phát triển, chính trị - xã hội ổn định, có nhiều triển vọng tốt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối ngoại Việt Nam đã trải qua một chặng đường cách mạng đầy gian lao, thử thách, nhưng hết sức quang vinh, trở thành một bộ phận không thể tách rời của sự nghiệp rất vẻ vang của dân tộc ta đấu tranh vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ, kiến thiết đất nước, và củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với những thành tựu đối ngoại nổi bật và những bài học kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn cách mạng, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng Đảng sẽ tiếp tục lãnh đạo thành công công tác đối ngoại và sự nghiệp hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới.

## **ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC - THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

Đồng chí NGÔ THỊ THANH HÀNG\*

**H**à Nội là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và giao dịch quốc tế. Với bề dày truyền thống ngàn năm văn hiến, anh hùng, Hà Nội là noi hội tụ, giao thoa, chắt lọc và lan tỏa các giá trị văn hóa của dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12, ngày 29/5/2008 của Quốc hội (khóa XII) “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan”, văn hóa Thủ đô có sự hòa nhập của văn hóa Thăng Long - Hà Nội với một số vùng văn hóa như văn hóa xứ Đoài, văn hóa Sơn Nam Thượng... tạo nên nét đặc sắc, phong phú của văn hóa Thủ đô; thu hút tài năng, tâm huyết của đội ngũ nhà giáo, trí thức, văn nghệ sĩ đến từ mọi miền Tổ quốc. Đây là cơ sở, điều kiện quan trọng để Hà Nội phát huy sức mạnh tổng hợp phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội.

tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Quá trình phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước đã đặt ra nhiều thách thức trong công tác bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, con người Thủ đô Hà Nội. Những biến động phức tạp, khó lường về tình hình chính trị, kinh tế quốc tế; sự xâm nhập của các luồng văn hóa phẩm độc hại; tác động từ mặt trái kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến các chuẩn mực đạo đức xã hội. Sự chống phá của các thế lực thù địch tác động vào tư tưởng, tình cảm đội ngũ làm công tác văn hóa, nghệ thuật. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa còn bất cập đã ảnh hưởng đến phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

Trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô, Thành ủy Hà Nội luôn nhận thức sâu sắc phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nội dung trọng tâm, xuyên suốt, vừa là nhiệm vụ trước mắt, vừa là nhiệm vụ cơ bản và lâu dài. Phát triển văn hóa, xây dựng con người trở thành trung tâm trong chính sách phát triển của Hà Nội; phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Tại các Đại hội Đảng bộ Thành phố (gần nhất là các khóa XIV, XV, XVI), Thành ủy Hà Nội luôn xác định không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo; ban hành và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình công tác lớn, nhất là về phát triển văn hóa, con người. Đó là Chương trình số 04-CTr/TU, ngày

18/10/2011 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển văn hóa, xã hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2011 - 2015”; Chương trình số 04-CTr/TU, ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển văn hóa, xã hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2016 - 2020”.

Quán triệt việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW là sự tiếp nối trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, có tầm quan trọng đặc biệt, nhấn mạnh vai trò và vị thế văn hóa của Hà Nội thực sự tiêu biểu cho văn hóa Việt Nam. Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao, cụ thể hóa bằng việc ban hành 32 văn bản, trong đó trọng tâm là Chương trình hành động số 29-CTr/TU, ngày 10/10/2014 của Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kế hoạch số 43/KH-UBND, ngày 18/02/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP, ngày 31/12/2014 của Chính phủ gắn với việc thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU. Hà Nội triển khai thực hiện mục tiêu xây dựng văn hóa, con người Thủ đô tập trung vào hai định hướng lớn: *thứ nhất*, xây dựng và phát triển văn hóa; và *thứ hai*, xây dựng con người Thủ đô phát triển toàn diện.

Thành ủy Hà Nội đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch cũng như các sở,

ngành liên quan phát huy hiệu quả của 23 cơ quan báo chí thành phố và sự tham gia tích cực của các cơ quan báo chí Trung ương đóng trên địa bàn, truyền tải sâu rộng những quan điểm chỉ đạo, nội dung cơ bản của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đến mọi tầng lớp nhân dân. Từ năm 2017, thành phố hợp tác với mạng tin tức truyền hình cáp CNN để tuyên truyền quảng bá hình ảnh lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội - Việt Nam trên kênh CNN quốc tế, mang lại hiệu quả truyền thông đột phá.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát, đúng hướng của Thành ủy cùng sự hưởng ứng, tham gia tích cực của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân đã tạo ra những kết quả đáng ghi nhận trong việc phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

*Thứ nhất, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh phát triển toàn diện.*

Việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là nhiệm vụ được thực hiện quyết liệt, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Triển khai giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường, xã hội bằng nhiều hình thức phong phú. Tích cực xây dựng nếp sống văn minh, thanh lịch thông qua tổ chức xét chọn, biểu dương người tốt việc tốt, trao tặng danh hiệu công dân ưu tú. Thực hiện giảng dạy nếp sống thanh lịch, văn minh trong trường học... Năm 2017, thành phố ban hành Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố và Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội. Việc thực hiện

hai quy tắc ứng xử đã góp phần tích cực xây dựng, lan tỏa nếp sống thanh lịch, văn minh, bồi đắp và hoàn thiện nhân cách con người Thủ đô.

Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhằm mục đích xây dựng con người văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thành phố thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Tăng cường tập huấn cho đội ngũ giáo viên nâng cao nhận thức về bản chất của đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên các cấp học việc thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tổ chức các cuộc thi giáo viên dạy giỏi ở các cấp học; khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển năng lực học sinh như: văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; thi tiếng Anh trên mạng; thi giải toán trên mạng... Chú trọng chỉ đạo chuyên môn đổi với bộ môn Lịch sử nhằm nâng cao chất lượng dạy học lịch sử theo đặc thù như tạo hứng thú học tập cho học sinh bằng cách tăng cường sử dụng các phương tiện nghe nhìn, cung cấp cho học sinh những tư liệu gốc, phim ảnh, dạy học ở thực địa, bảo tàng... Chú trọng mục tiêu giáo dục tư tưởng đạo đức, định hướng thái độ, hành vi, xây dựng hệ thống câu hỏi hợp lý, phát triển tư duy của học sinh. Tăng cường đặt ra các câu hỏi mở, gắn với các vấn đề mang tính thời sự, quê hương, đất nước, đẩy mạnh chương trình giáo dục di sản trong các trường học. Thành phố Hà Nội là địa phương có tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn cao nhất cả nước; tỷ lệ giáo viên ở các bậc học, cấp học đạt chuẩn là 100%. Số giáo viên

dạy giỏi các cấp học đạt tỷ lệ cao; đạt nhiều kết quả ấn tượng trong các Hội thi Giáo viên dạy giỏi toàn quốc, chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngày càng đáp ứng với thời kỳ hội nhập và phát triển; chú trọng đến chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thành phố đã phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới trường học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, đang hoàn thiện đề án “Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới trường học thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Thành phố ưu tiên kinh phí đầu tư cho công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; đến nay, có trên 60% trường đạt chuẩn quốc gia.

Triển khai Đề án số 07-ĐA/TU, ngày 24/9/2013 của Thành ủy Hà Nội về “Đào tạo cán bộ nguồn Thành phố Hà Nội giai đoạn từ nay đến năm 2020”, thành phố đã đào tạo 1.000 công chức nguồn làm việc tại xã, phường, thị trấn (đến tháng 9/2017, có 714 công chức nguồn được tuyển dụng vào làm việc). Gần 500 công chức nguồn khôi cơ quan đảng đã được phân công công tác thời gian qua.

Đấu tranh chống quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến nền văn hóa, làm tha hóa con người Thủ đô, thành phố tập trung chỉ đạo làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đấu tranh chống khuynh hướng văn hóa, nghệ thuật đối lập với chính trị; phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ định văn học cách mạng, coi nhẹ văn hóa truyền thống dân tộc, đề cao

giá trị vật chất, sùng ngoại, tâm lý hưởng thụ. Thành phố bước đầu triển khai công tác xử phạt các vi phạm về tuyên truyền văn hóa phẩm độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội. Việc quản lý các loại hình thông tin trên mạng internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân Thủ đô, nhất là thanh, thiếu niên được thực hiện hiệu quả. Trước thực tế môi trường mạng bộc lộ nhiều mặt trái, đòi hỏi người sử dụng cần có kiến thức nhất định và ứng xử “có văn hóa” trên mạng xã hội, ngày 05/01/2018, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 07/2018/KH-UBND triển khai các giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng khi tham gia môi trường mạng. Qua đó, nhân dân Thủ đô, nhất là thanh, thiếu niên đã hiểu rõ hơn cách sử dụng mạng xã hội hữu ích, góp phần hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực.

### *Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.*

Các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được thành phố xác định là giải pháp quan trọng để xây dựng văn hóa ngay từ cơ sở, từng người dân, gia đình, làng, xã, đơn vị văn hóa đến môi trường văn hóa chung. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có chuyển biến tích cực, đã nhận được sự đồng tình của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhờ chính sách hỗ trợ, khuyến khích hỏa táng nên tỷ lệ các gia đình tổ chức hỏa táng cho người thân khi mất tăng lên, toàn thành phố đạt tỷ lệ 60,8%. Thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU, ngày 03/10/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội “Về việc tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới”, việc thực hiện nếp sống mới trong việc cưới hỏi đã có sự chuyển biến rõ nét, cơ bản các đám cưới đã

thực hiện đảm bảo theo tiêu chí trang trọng, lành mạnh và tiết kiệm. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp về công tác quản lý và tổ chức lễ hội đem lại hiệu quả thiết thực. Theo số liệu thống kê, thành phố Hà Nội có 1.206 lễ hội truyền thống trên tổng số hơn 8.000 lễ hội của cả nước, trong đó có một số lễ hội lớn, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước như lễ hội chùa Hương, đền Vă, đền Sóc, đền Cổ Loa, đền Hai Bà Trưng, Ngọc Hồi, chùa Đậu... Hiện tượng “buôn thần, bán thánh”; các hình thức cờ bạc, bói toán, nhập thần, dựng tượng trái phép... đã giảm đáng kể. Các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của Thăng Long - Hà Nội được bảo tồn, phát huy.

*Thứ ba, xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.*

*Đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị*, ý thức đầy đủ trách nhiệm trước Trung ương Đảng và cả nước, Đảng bộ thành phố Hà Nội đã xác định phương châm “Đoàn kết, hợp tác, trách nhiệm” chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... Thường xuyên chăm lo xây dựng văn hóa trong các cơ quan đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố tới cơ sở; trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Thành phố đã làm tốt công tác quảng bá hình ảnh Thủ đô, đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế nhân sự kiện có tính chất chính trị quốc tế

quan trọng là Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ hai diễn ra tại Hà Nội.

*Đối với việc xây dựng văn hóa trong kinh tế:* Hà Nội được đánh giá là một trong 10 thành phố năng động nhất thế giới tại Hội nghị Diễn đàn kinh tế thế giới diễn ra tại Thụy Sĩ. Với truyền thống ngàn năm lịch sử, là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, Hà Nội hội tụ nhiều tiềm năng, lợi thế tạo nền tảng, cảm hứng, động lực cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, cũng như hình thành nên một thị trường văn hóa năng động và hấp dẫn. Thành phố Hà Nội đã chủ động xây dựng và ban hành Đề án “Đánh giá, đề xuất các giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 29/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Chủ trương từng bước xây dựng nền tảng phát triển, phát huy đặc trưng của công nghiệp văn hóa là “công nghiệp” và “sáng tạo” làm đòn bẩy cho việc mở rộng và phát triển thị trường văn hóa Thủ đô, ngày càng có nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa uy tín, chất lượng và hấp dẫn lưu thông trên thị trường thể hiện trên nhiều lĩnh vực như: du lịch văn hóa, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ truyền thống, nhiếp ảnh, mỹ thuật, quảng cáo...

*Thú tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa.*

*Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thăng Long - Hà Nội.*

\* *Đối với văn hóa vật thể:* Thành phố có 5.922 di tích (trong đó có 1 di sản thế giới, 1 di sản tư liệu thế giới, 17 di

tích quốc gia đặc biệt, 1.182 di tích cấp quốc gia, 1.202 di tích cấp thành phố và 3.487 di tích chưa được xếp hạng...). Để có thể quản lý được số lượng lớn các di tích, thực hiện sưu tầm và phát huy các giá trị di sản văn hóa trên một địa bàn rộng lớn, nhiều thành phần, thành phố ban hành các quyết định thực hiện phân cấp về quản lý về di tích, ban hành “Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Việc lập hồ sơ xếp hạng di tích luôn được thành phố quan tâm, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân các địa phương trong việc tôn vinh giá trị di sản văn hóa địa phương, đồng thời là cơ sở để chuẩn bị cho xây dựng cơ sở dữ liệu về di tích lịch sử và văn hóa của Thủ đô.

\* *Đối với di sản văn hóa phi vật thể:* Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước tiến hành tổng kiểm kê, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Trong đó, 1.793 di sản đã được cập nhật vào phần mềm hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể của Trung ương. Có 18 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, nghi lễ và trò chơi Kéo co, hát Ca trù đã được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại. Trong bốn vị Thánh được lưu danh vào hàng “Tứ bất tử” của Việt Nam, thì ba vị đã có xuất xứ từ Hà Nội. Vì vậy có thể nói, Thủ đô hôm nay chính là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa tâm linh của dân tộc. Thành phố đã chủ động thực hiện các chương trình bảo tồn và phát huy các di sản đang có nguy cơ bị mai một như: Hội Gióng, hát trống quân, hát Dô, múa cồng chiêng của người Mường...

*Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa.*

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ thành phố, lĩnh vực văn hóa - xã hội từng bước tăng cường triển khai vốn đầu tư từ cả nguồn ngân sách và xã hội hóa. Nhiều công trình văn hóa lớn, trọng điểm đã được đầu tư. Các thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao luôn được đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất được tăng cường, một số công trình văn hóa quy mô lớn, kiến trúc đẹp được xây dựng. Xu hướng chung của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao cơ sở là gần gũi, phục vụ sát yêu cầu của nhân dân. Thành phố đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức huy động vốn xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực văn hóa. Trên địa bàn thành phố có 38 dự án đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao với tổng vốn đầu tư khoảng 4.383,2 tỉ đồng; trong đó có 6 dự án đã hoàn thành, 32 dự án đang triển khai. Ngoài ra, thành phố đã thu hút khoảng 164,3 triệu USD từ vốn đầu tư nước ngoài cho các dự án có mục tiêu hoạt động chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Công tác xã hội hóa tu bổ, tôn tạo di tích được đẩy mạnh nhằm phát huy sức mạnh cộng đồng, nâng cao ý thức bảo vệ di sản.

*Sự nghiệp văn học, nghệ thuật Thủ đô có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của thành phố.*

Việc đào tạo, bồi dưỡng, thu hút tài năng trẻ của Thủ đô phát triển văn học nghệ thuật được quan tâm. Công tác tuyển dụng nghệ sĩ, diễn viên ngày càng được chú trọng. Việc chuyển xếp chức danh nghề nghiệp cho tất cả nghệ sĩ, diễn viên chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh trong các đơn vị nghệ thuật của thành phố đã được thực hiện tốt. Việc vinh danh những nghệ sĩ có nhiều cống hiến cho sự

nghiệp văn học - nghệ thuật Thủ đô và cả nước thực hiện theo đúng quy định.

Việc huy động các nguồn lực và phương tiện cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật của thành phố luôn được tăng cường: một số công trình văn hóa, nghệ thuật được đầu tư quy mô lớn đã hoàn thành; các nhà hát nghệ thuật của thành phố hiện nay đều có rạp để luyện tập và biểu diễn phù hợp với đặc trưng của mỗi loại hình nghệ thuật; tăng cường đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng bảo đảm phục vụ đáp ứng yêu cầu chuyên môn cho các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, tiêu biểu như Nhà hát Ca múa nhạc Thăng Long và Nhà hát Chèo Hà Nội; xây dựng một số chương trình nghệ thuật đậm nét truyền thống văn hóa Thăng Long - Hà Nội như: cuộc thi Giọng hát hay Hà Nội, dự án Bảo tồn nghệ thuật chèo truyền thống, dự án Sân khấu học đường; các sự kiện văn hóa, nghệ thuật tại khu vực phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm và phụ cận, triển khai thực hiện Chương trình giới thiệu Cây đàn bầu Việt Nam, Liên hoan nghệ thuật Ca trù Hà Nội...

Đảng bộ và chính quyền thành phố luôn chăm lo, củng cố và phát triển Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, nơi có số lượng hội viên đông đảo với gần 3.800 hội viên, sinh hoạt trong 9 hội chuyên ngành. Số kinh phí đầu tư từ ngân sách của thành phố đối với các hoạt động của Hội trong 5 năm qua khoảng 58 tỉ đồng. Hội viên đã phát huy tinh thần đoàn kết gắn bó, cùng nhau sáng tạo những tác phẩm có giá trị, làm phong phú đời sống tinh thần của người dân Thủ đô và cả nước. Nhiều văn nghệ sĩ được biểu dương và tôn vinh, trao tặng các giải thưởng và danh hiệu cao quý như Giải

thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, đặc biệt có 5 nghệ sĩ được vinh danh là Công dân Thủ đô ưu tú... Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội đã tham gia tích cực vào Hội đồng tư vấn và biên soạn “Tủ sách 1.000 năm Thăng Long” trong dự án dài hạn của Nhà xuất bản Hà Nội (riêng tủ sách về văn học - nghệ thuật đã chiếm 1/4 số đầu sách).

*Thứ năm, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.*

Hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa giữa Hà Nội với quốc tế có nhiều khởi sắc theo hướng hiệu quả và thực chất. Hà Nội là một trong những thành phố tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa và đăng cai các sự kiện văn hóa quốc tế lớn thành công, gây được tiếng vang lớn trong nước và quốc tế. Hà Nội cũng là một trong ba thành phố lớn được định hướng trở thành trung tâm công nghiệp văn hóa trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa của Chính phủ. Thành phố luôn chủ động tạo nhiều cơ hội tiếp xúc rộng rãi, chọn lọc, tiếp thu với văn hóa thế giới; đồng thời tăng cường tổ chức giao lưu, đối ngoại về văn hóa để giới thiệu, quảng bá về văn hóa và con người Thủ đô; về bản sắc văn hóa Thăng Long - Hà Nội, nét đẹp của người Hà Nội thanh lịch, văn minh như các Tuần Văn hóa Hà Nội tại Mátxcơva, Toulouse, Pari, Fukuoka, Masa (Hàn Quốc); tổ chức các sự kiện văn hóa như: Liên hoan phim quốc tế Hà Nội, Chương trình lễ hội Âm nhạc quốc tế Gió mùa. Những thành tựu trên đã góp phần giúp vị thế của Thủ đô Hà Nội ngày càng được củng cố, nâng cao trên trường quốc tế, số lượng khách nước ngoài đến Hà Nội tăng không ngừng; mối quan hệ, hợp tác giữa Hà Nội

với các thủ đô, vùng lãnh thổ trên thế giới ngày càng mở rộng. Hà Nội đã có quan hệ hợp tác kinh tế và văn hóa với 98 thủ đô và thành phố trên thế giới. Đặc biệt, ngày 30/10/2019, thành phố Hà Nội vinh dự là một trong 246 thành phố chính thức gia nhập Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO với lĩnh vực thiết kế.

Bên cạnh những kết quả đạt được đã nêu trên, công tác phát triển văn hóa, xã hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục:

- Sự phôi, kết hợp giữa các cấp, các ngành còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ dẫn đến chồng chéo, buông lỏng, giảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý. Công tác quản lý nhà nước của ngành văn hóa trong một số lĩnh vực có lúc, có thời điểm chưa được thực hiện quyết liệt, đặc biệt trong công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm. Vẫn còn tiềm ẩn những vi phạm và tái vi phạm trong hoạt động quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật, kinh doanh dịch vụ văn hóa... Quản lý nhà nước về văn hóa chưa bắt kịp sự phát triển của các loại hình văn hóa, đặc biệt là quản lý về các trò chơi điện tử, các chương trình, trò chơi trực tuyến (online), trào lưu trên internet, mạng xã hội. Các sản phẩm phản văn hóa, độc hại gây báng hoại đạo đức xã hội chưa được kiểm soát chặt chẽ, xử lý chưa nghiêm, chế tài còn nhẹ...

- Việc xây dựng người Hà Nội phát triển toàn diện chưa tương xứng với yêu cầu Thủ đô ngàn năm văn hiến và xu thế phát triển của thời đại. Việc tập trung các điều kiện để đầu tư toàn diện cho con người với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa chưa được tương xứng với tầm vóc của Thủ đô.

- Cơ chế giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống với phát triển kinh tế - xã hội có lúc, có nơi còn nhiều khúc mắc, chưa thỏa đáng. Một số di sản văn hóa phi vật thể, một số nghệ thủ công truyền thống đang dần mai một và nguy cơ bị lụi tàn. Hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ hoạt động văn hóa ở cơ sở còn thiếu, hiệu quả sử dụng chưa cao. Chưa có những công trình văn hóa xứng tầm Thủ đô. Việc trùng tu, tôn tạo di tích còn nhiều khó khăn, bất cập.

- Văn học, nghệ thuật chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, chất lượng nghệ thuật. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm văn hóa, văn nghệ chưa ngang tầm với vị trí, vai trò, trách nhiệm của Thủ đô.

Từ thực tiễn của công tác lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa, xã hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, Đảng bộ thành phố Hà Nội rút ra sáu bài học kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất, hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững Thủ đô và đất nước thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đặc biệt với vai trò, vị thế là Thủ đô, thành phố Hà Nội cần quan tâm phát triển văn hóa, không chỉ đặt ngang với chính trị, kinh tế, xã hội mà còn có vai trò dẫn dắt sự phát triển đúng theo tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup>. Coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, với quan điểm phát triển tổng thể*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

và toàn diện; phát triển văn hóa, con người Hà Nội phù hợp với xu thế chung của nhân loại.

*Thứ hai*, thường xuyên quan tâm đổi mới phong thức lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; vai trò chủ động, tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố tới cơ sở trong tạo sự đồng thuận, thống nhất, phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thủ đô gắn với tầm nhìn chiến lược, chính sách đổi mới, sáng tạo phù hợp với từng giai đoạn phát triển, điều kiện cụ thể từng địa phương, đơn vị, lấy con người làm trung tâm và chủ thể sáng tạo của chính sách phát triển; bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của Việt Nam, của Thăng Long - Hà Nội; đáp ứng yêu cầu thời đại trong thời kỳ hội nhập và phát triển của khu vực, thế giới.

*Thứ ba*, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, thực hiện phải quán triệt sâu sắc, nâng cao được nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 33-NQ/HNTW tại Hội nghị Trung ương 9 khóa IX đã đặt ra; cụ thể hóa bằng những chương trình, đề án, kế hoạch... và các văn bản theo hướng thiết thực gắn với thực tiễn đời sống xã hội, vừa toàn diện, vừa cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn khâu đột phá trên tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, chia sẻ giữa các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện.

*Thứ tư*, chú trọng khai thác tiềm năng, thế mạnh về nguồn lực văn hóa, con người của Hà Nội; trọng tâm gắn phát triển văn hóa với du lịch, phát triển du lịch với bảo tồn và phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực và đầu tư hợp lý cho văn hóa, tương xứng, cân đối với các lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội của Thủ đô; đồng thời với khuyến khích, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa; thường xuyên chăm lo công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - văn nghệ; tạo điều kiện để các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp phát huy sở trường, gia tăng sự phối hợp và hướng tới việc thực hiện chủ trương tự chủ hiệu quả. Phát huy vai trò quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật của Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội và các hội thành viên.

*Thứ năm*, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa thông qua công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa và tranh thủ tối đa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cả nước vì Hà Nội” của các vùng, miền trong nước, đặc biệt sự ủng hộ, giúp đỡ tích cực của quốc tế trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Đồng thời, phát huy hiệu quả của truyền thông, báo chí Hà Nội và cả nước trong tuyên truyền, phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, cũng như phê phán những hành vi phản văn hóa, cố ý chống đối, đi ngược lại đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng nhằm lan tỏa sự tích cực, hiểu biết, tạo sự đồng thuận, nâng cao tinh thần đấu tranh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trên mặt trận mới, rất khó khăn và phức tạp là không gian mạng.

Thứ sáu, việc triển khai thực hiện, nhất là với các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá phải thường xuyên, liên tục, kiên trì và bền bỉ vì từ nhận thức đến hành động trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Xác định đây là phạm trù càn cả một quá trình, không thể nóng vội, chủ quan, duy ý chí; đặc biệt đề cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu các cấp, địa phương, đơn vị. Trong quá trình phát triển phải xác định chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa quan trọng ngang nhau; văn hóa là đòn bẩy, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy mỗi bước phát triển văn hóa có tác dụng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

## **NHỮNG THÀNH TỰU CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 90 NĂM DƯỚI CỜ ĐẢNG VINH QUANG**

Đồng chí TRẦN LƯU QUANG\*

**C**hín mươi năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh đã cùng cả nước trải qua chặng đường lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường giành độc lập, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; năng động, sáng tạo, chủ động tích cực, luôn mạnh dạn tìm tòi, đương đầu với những khó khăn, thử thách, dám nghĩ, dám làm, có nhiều sáng kiến, cách làm mới, bằng thực tiễn sinh động, đúng đắn, phù hợp, góp phần vào sự hình thành, phát triển đường lối đổi mới đất nước của Đảng, đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng; giữ vị trí, vai trò trung tâm nhiều mặt, là đầu tàu, động lực cho sự phát triển khu vực Nam Bộ và cả nước.

Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh ra đời đầu năm 1930, nhưng ngay từ năm 1919, giới thanh niên tiên tiến của Sài Gòn đã biết và ngưỡng mộ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khi

\* Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

đọc báo *Le Courrier de Saigon* (Thư tín Sài Gòn) đăng tải bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* và Thư gửi Tổng thống Mỹ tại Hội nghị Hòa bình Véc xây. Từ năm 1927, người dân Sài Gòn đã đấu tranh dưới sự lãnh đạo của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Từ năm 1930 đến năm 1975, lịch sử Đảng bộ Thành phố là quá trình lãnh đạo đầy gian khổ mà vinh quang đối với cuộc chiến đấu vô cùng cam go, quyết liệt, hy sinh của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, đương đầu với các thế lực thù địch rất hung hăn và tàn bạo ngay tại trung tâm sào huyệt của chúng, góp phần quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước:

*Thứ nhất*, đó là thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn tháng 8/1945, ở thành phố lớn, chưa nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, nhưng cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trọn vẹn, chỉ 5 ngày sau cuộc khởi nghĩa ở Thủ đô Hà Nội và ngay sau đó đã mở đầu cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp xâm lược.

*Thứ hai*, đó là Đảng bộ Thành phố đã lãnh đạo tiến công địch liên tục về nhiều mặt trong thế ở “đầu sóng ngọn gió”, góp phần to lớn vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Không chỉ ở vành đai đỏ ngoại thành, mà ngay trong nội thành, giặc Pháp luôn phải đương đầu với các hoạt động đột kích trừ gian, những trận đánh đặc công đốt phá các kho xăng dầu, súng đạn; tấn công vào những điểm có đông sĩ quan Pháp... Phong trào đấu tranh chính trị của các giới ở Thành phố ngày càng mạnh; phong trào phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đòi thả tù chính trị, đòi thương thuyết với Chính phủ Hồ Chí Minh, đã được dư luận

xã hội đồng tình; nhiều căn cứ kháng chiến được hình thành như: An Phú Đông, Láng Le - Bàu Cò, Rừng Sác, Bình Mỹ, Hố Bầu, Phú Thọ Hòa, Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An...

Thứ ba, đó là Đảng bộ Thành phố luôn xông pha trong bão táp của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ngay tại trung tâm sào huyệt của địch, tiếp tục mở rộng và nâng cao thế trận lòng dân, xây dựng vành đai căn cứ cách mạng ở ngoại thành, xây dựng các lõm chính trị ngay trong nội thành như: Bàn Cờ, Bảy Hiền..., thực hiện sự phối hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân ở đô thị với phong trào đấu tranh của nông dân ở vành đai và ở các tỉnh Nam Bộ, phối hợp giữa quân dân Thành phố với quân chủ lực, tiến công địch liên tục về chính trị, vũ trang và binh vận, đã góp phần rất quan trọng vào công cuộc giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, với cơ sở vật chất còn nguyên vẹn.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất (30/4/1975), Thành phố Hồ Chí Minh đã gặp rất nhiều khó khăn, thách thức trong giữ vững thành quả cách mạng, ổn định chính trị, khôi phục và phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Với sự linh hoạt, năng động, sáng tạo của mình, nắm vững các chủ trương của Đảng và Nhà nước, bám sát tình hình thực tiễn của Thành phố, vận dụng những bài học kinh nghiệm trong các thời kỳ kháng chiến và với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với cấp trên và với nhân dân, Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh kiên trì từng bước để tháo gỡ, vượt qua những lực cản của cơ chế cũ, tiếp tục tìm tòi hướng đi hữu ích, khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với giải quyết việc làm, chăm lo đời sống nhân dân,

làm sáng tỏ dần con đường đi lên với cách làm mới, tư duy mới, góp phần tích cực vào việc xác định và hình thành đường lối đổi mới của Đảng.

Hàng loạt đơn vị sản xuất, kinh doanh như: Công ty Bột giặt miền Nam; Xí nghiệp Thuốc lá Vĩnh Hội; Công ty Lương thực; các xí nghiệp Dệt Thành Công, Thắng Lợi, Phong Phú, Phước Long; Xí nghiệp cơ khí Caric, Silico, Vinapro, Sinco; Xí nghiệp Dược Thú y... chủ động “phá rào”, tiến hành tổ chức lại sản xuất, liên kết với các tỉnh khai thác nguyên liệu, cung ứng thành phẩm, xây dựng phương án sản xuất ngoài kế hoạch được giao; làm gia tăng năng suất, hiệu quả và chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho công nhân. Trên lĩnh vực nông nghiệp, đời sống nông dân từng bước ổn định, từ “vành đai trắng” trong chiến tranh chuyển thành “vành đai xanh”. Trên lĩnh vực phân phôi, lưu thông, nhận thức của Đảng bộ và chính quyền Thành phố đã chuyển biến theo hướng ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn: kết hợp cải tạo với xây dựng, tổ chức lại mạng lưới tiểu thương rộng lớn ở Thành phố với những hình thức phù hợp, tăng cường quản lý thị trường xã hội... Bên cạnh đó, Thành phố tiến hành liên kết và mở rộng giao lưu hàng hóa với các tỉnh, tích cực đầu tư chiều sâu cho nông thôn ngoại thành, cải tiến phương thức phân phôi và phục vụ... Đặc biệt, Thành phố còn là địa phương đi đầu trong hoạt động xuất, nhập khẩu với nhiều mô hình tiêu biểu như Direximco, Imex Saigon, Cholimex, Ficonimex, Pharinimex, v.v..

Đồng thời, Đảng bộ và chính quyền Thành phố luôn dựa vào dân để làm thất bại âm mưu của các thế lực phản động, thù địch, giữ vững trật tự trị an, bảo vệ thành quả cách mạng;

nêu cao sự tin tưởng và phát huy quyền làm chủ, sức mạnh trí tuệ, nguồn lực của nhân dân, vì lợi ích nhân dân, lợi ích dân tộc; phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, trí tuệ của đội ngũ trí thức để tìm mọi giải pháp tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất, dịch vụ, chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân. Với những chuyên động tích cực đó, Thành phố Hồ Chí Minh được Trung ương Đảng ghi nhận, đánh giá cao như phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười: những bài học rút ra từ thực tiễn của một trung tâm lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, được đúc kết có hệ thống sẽ nâng tầm lãnh đạo của Đảng bộ, đồng thời đóng góp vào kho tàng kinh nghiệm chung của toàn Đảng<sup>1</sup>.

Thực tiễn còn cho thấy, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) - Đại hội của đổi mới, đến nay Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần không nhỏ vào việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội đã khơi dậy và giải phóng sức sản xuất, nguồn lực to lớn từ trong nhân dân; các thành phần kinh tế được phát triển, kinh tế nhà nước được sắp xếp lại, hoạt động ngày càng hiệu quả; kinh tế tập thể được củng cố và mở rộng; kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phát triển nhanh chóng, có đóng góp ngày càng quan trọng hơn vào sự phát triển kinh tế của Thành phố cũng như của cả nước.

---

1. Xem Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V*, 1991, tr.126.

Với tinh thần năng động, sáng tạo đi trước, dẫn đầu, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực Nam Bộ và cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh tiên phong đi trước xây dựng, phát triển nhiều mô hình mới trong kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa. Thành phố là địa phương đi trước cả nước tìm tòi, sáng kiến xây dựng mô hình các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp sinh thái, hình thành trung tâm giao dịch chứng khoán, phát triển hệ thống ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư phát triển đô thị; xây dựng các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; xây dựng cơ chế thúc đẩy phát triển mạnh các loại hình thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường giáo dục... Những mô hình mới về phát triển kinh tế là sản phẩm lao động thể hiện trí tuệ, sự nhạy bén, thích ứng nhanh với quá trình và xu thế hội nhập kinh tế thế giới của Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, những mô hình mới về kinh tế được tạo ra vừa là bước đột phá mới của Thành phố vừa là mô hình chung cho sự phát triển kinh tế của Nam Bộ và cả nước.

Nhiều năm trở lại đây, nhằm khẳng định vai trò, vị thế của mình, Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, đầu tư mạnh cho lĩnh vực này và lấy đó làm nền tảng phát triển, xây dựng một Thành phố công nghiệp có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ

sử dụng lao động thủ công sang sử dụng sức lao động cùng với công nghệ hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế thế giới và nhiều nền kinh tế lớn suy giảm, kinh tế Thành phố tiếp tục duy trì tăng trưởng khá, giữ vững vị trí đầu tàu kinh tế của cả nước. Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP) ước đạt hơn 1,347 triệu tỉ đồng, tăng 8,32%, cao hơn mức tăng trưởng kinh tế của cả nước (7%). Năng suất lao động năm 2019 ước đạt 299,8 triệu đồng/người, tăng 6,82%. Thu ngân sách ước đạt 412.474 tỉ đồng, tăng 3,34% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương tiên phong của cả nước trong việc triển khai xây dựng các khu chế xuất, khu công nghiệp, trong đó Khu chế xuất Tân Thuận là khu chế xuất đầu tiên của cả nước được cấp giấy phép đầu tư (ngày 24/9/1991). Thành phố là địa phương tiên phong phát triển hệ thống ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư phát triển đô thị, xây dựng các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, xây dựng cơ chế phát triển mạnh các loại hình thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ... Thành phố Hồ Chí Minh cũng là một trong những địa phương đi đầu cả nước trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển kinh tế tri thức. Công viên phần mềm Quang Trung là khu công nghiệp phần mềm sớm nhất, lớn nhất và thành công nhất. Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh là khu công nghệ cao có quy mô đầu tư lớn nhất

và đạt giá trị xuất khẩu cao nhất cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương triển khai sớm nhất phương thức quản lý đô thị thông minh và đang xây dựng khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông. Đồng thời, Thành phố Hồ Chí Minh luôn nhạy bén, năng động, sáng tạo, đi đầu cả nước về cải cách hành chính: một cửa một dấu, hành chính công, mạnh dạn đi đầu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO... cho các lĩnh vực, từng bước và tiến dần xã hội hóa một số mặt về quản lý nhà nước, quản lý hành chính. Thành phố Hồ Chí Minh là nơi khơi nguồn cho việc xây dựng thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương tiên phong trong cả nước suy nghĩ, tìm tòi, xây dựng và phát triển các phong trào lớn về văn hóa - xã hội, khởi xướng và thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; “Xây dựng nhà tình nghĩa”, “Nhà tình thương”; Chương trình “Xóa đói, giảm nghèo”; “Bảo trợ bệnh nhân nghèo”; đem lại “Nụ cười cho trẻ thơ”; phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng; phong trào “Ba giảm”, đề án sau cai nghiện, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn minh đô thị, xây dựng Quỹ “Vì người nghèo”, bệnh viện cho người nghèo, chương trình Nông thôn mới, thực hiện xã hội hóa y tế, giáo dục, phát triển mô hình bệnh viện, trường học với nhiều loại hình khác nhau phong phú, đa dạng... mang lại hiệu quả thiết thực, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội rộng lớn, mang tính nhân văn cao cả, có sức lan tỏa mạnh mẽ thể hiện sinh động bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa mà thành phố cùng cả nước đang xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh luôn đầu tư thích đáng cho hoạt động phát triển nông nghiệp, nông thôn; chăm lo cải thiện đời sống nông dân; tiên phong trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, là địa phương thành lập khu nông nghiệp công nghệ cao đầu tiên của cả nước vào năm 2004, góp phần phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao ở các huyện ngoại thành Thành phố, cũng như tạo ra sự lan tỏa đối với các tỉnh trong khu vực. Với vai trò hạt nhân, khu nông nghiệp công nghệ cao đã và đang góp phần hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như vùng sản xuất rau an toàn tại các huyện như: Củ Chi, Bình Chánh, Hooc Môn...

Điểm nổi bật nữa là Thành phố thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại để thúc đẩy sự phát triển Thành phố. Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ để vượt qua thách thức khi hội nhập với nền kinh tế toàn cầu và khu vực là phải nâng cao năng lực cạnh tranh nên từ năm 2007 đã thành lập Trung tâm Hồ trợ hội nhập (Trung tâm WTO) để hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời, quy hoạch dài hạn phát triển kinh tế - xã hội và đô thị với tầm nhìn của một đô thị lớn của khu vực ASEAN, một trung tâm về dịch vụ, công nghiệp, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo của khu vực.

Thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một trong những thành tựu rất quan trọng của Thành phố. Dân chủ được mở rộng, vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng phát huy vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng với đảng

bộ và chính quyền các cấp chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, vận động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

\*

\* \* \*

Chín mươi năm dưới cờ Đảng Cộng sản Việt Nam vinh quang, với tinh thần “vì cả nước, cùng cả nước”, Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, phát huy trí tuệ, tâm huyết, tiềm lực của nhân dân, mạnh dạn đề xuất thí điểm đổi mới những vấn đề mới phát sinh mà thực tiễn đặt ra, từ đó tạo ra những mốc son, nhiều mô hình mới, góp thêm tư liệu thực tiễn sinh động để hình thành đường lối đổi mới và thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đóng góp ngày càng nhiều cho đất nước, xứng đáng là đầu tàu, động lực thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước. Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh càng tự hào với những thành tựu đã đạt được bao nhiêu thì càng phải nhìn thẳng vào những yếu kém trong phát triển Thành phố hiện nay, càng quyết tâm hơn nữa để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố có chất lượng sống tốt, năng suất lao động cao, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

**ĐẢNG BỘ TỈNH NGHỆ AN  
PHÁT HUY SỨC MẠNH QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN  
TỪ XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH ĐẾN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI  
HIỆN NAY**

Đồng chí NGUYỄN XUÂN SƠN\*

**T**rong những năm tháng đầu tiên của lịch sử cách mạng Việt Nam, ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh là một trong những cột mốc lịch sử để lại dấu ấn đậm nét và sức lan tỏa mạnh mẽ nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với đường lối chiến lược cách mạng, khoa học đã có tác động đến phong trào cách mạng ở nước ta trong những năm đầu của thế kỷ XX. Cùng với cao trào cách mạng bùng nổ khắp nơi trong cả nước hai năm 1930 - 1931, Xôviết Nghệ - Tĩnh là kết quả tất yếu về mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa sự lãnh đạo của tổ chức đảng và sức mạnh quật khởi của quần chúng nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của nhân dân bùng lên mạnh mẽ từ đầu năm 1930 trên khắp cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ từ ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930, lần đầu tiên

\* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nghệ An.

công - nông và quần chúng lao động đã thể hiện rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Từ thành phố đến nông thôn, trên cả ba miền đất nước đã xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ Đảng, mít tinh, bão công, biểu tình, tuần hành thị uy. Cao trào cách mạng do Đảng chủ trương và phát động đã diễn ra trên 25 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ, quyết liệt và để lại dấu ấn sâu đậm nhất.

Tháng 9/1930, phong trào công - nông phát triển tới đỉnh cao; quần chúng đã vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy có vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền của địch ở địa phương. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của hơn 8.000 nông dân Hưng Nguyên nổ ra ngày 12/9/1930 để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bão công của công nhân Vinh - Bến Thủy, phản đối chính sách khủng bố của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Thực dân Pháp cho máy bay tới ném bom, làm 217 người chết, 125 người bị thương, càng làm cho phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vùng lên như bão táp, bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Các tổ chức cơ sở đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức xôviết.

Chính quyền xôviết đã ban hành và thực thi nhiều chủ trương, chính sách đem lại lợi ích chính đáng cho nhân dân như: ban bố quyền tự do, dân chủ, tổ chức cho quần chúng tham gia các đoàn thể cách mạng, trùng trị bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh; chia lại công điền, công thổ cho nông dân, thực hiện giảm tô, xóa nợ, thủ tiêu các thú

thuế vô lý... Chính quyền xôviết cũng tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của mình - thực sự là một chính quyền của dân, do dân và vì dân. Xôviết Nghệ - Tĩnh đã trở thành ngọn cờ quy tụ và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quân chúng lao động trong cả nước.

Ngày 19/02/1931, trong bài *Nghệ - Tĩnh đỏ*, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905 - 1925) Nghệ - Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ - Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình... Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu “đỏ”!”<sup>1</sup>.

Xôviết Nghệ - Tĩnh là một sự kiện trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính quyền xôviết tuy chỉ tồn tại trong vòng bảy tháng và còn sơ khai nhưng đã để lại những dấu ấn tốt đẹp về một nhà nước công - nông đầu tiên, chưa có trong tiền lệ lịch sử, đáp ứng khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của người dân mất nước, nô lệ. Quốc tế Cộng sản đã nhiệt liệt biểu dương và đánh giá cao phong trào. Báo *Võ sỹ Pháp* số ra tháng 10/1931 đã đánh giá: Cuộc vận động này là một bước lớn trong cuộc phản đế và điền thổ, có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử giải phóng Đông Dương.

Thành quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh là đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân thông qua chính đảng tiên phong của mình, đoàn kết

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.79-80.

với các tầng lớp nhân dân yêu nước có đủ khả năng đánh đổ nền thống trị của đế quốc, phong kiến tay sai, giải phóng dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đây chính là cuộc thử lửa đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không chỉ đặt ra vấn đề liên minh công - nông, vấn đề ruộng đất và dân cày, mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, vấn đề đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, từng bước tạo thế và lực để dân tộc ta đi tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp ở nước ta. Từ phong trào này, lần đầu tiên công nhân và nông dân liên minh với nhau trong cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; chính quyền cách mạng ở một số vùng nông thôn đã ra đời. Đánh giá về ý nghĩa lịch sử to lớn của cao trào cách mạng 1930 - 1931, trong đó có Xôviết Nghệ - Tĩnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào đó trong một biển máu, nhưng Xôviết Nghệ - Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi sau này”<sup>1</sup>. Từ Xôviết Nghệ - Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã từng bước thực hiện thắng lợi những mục tiêu của con đường đã lựa chọn.

Cao trào 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh đã để lại bài học lớn về sức lôi cuốn, tập hợp được đông đảo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.407-408.

các tầng lớp nhân dân của Đảng thông qua đường lối, chủ trương, khẩu hiệu đấu tranh đúng đắn, đáp ứng được khát vọng cháy bỏng của nhân dân. Từ đó, rút ra kinh nghiệm lịch sử quý báu là bao giờ nhân dân lao động cảm nhận được những lợi ích của mình trong các chủ trương, chính sách, việc làm cụ thể của giai cấp lãnh đạo, thì họ sẽ tích cực, tự giác tham gia hưởng ứng. Và chính Đảng ngay từ đâu đã giúp nhân dân cảm nhận được những lợi ích cơ bản và cấp bách của mình thông qua các chủ trương, khẩu hiệu đúng đắn là giành độc lập, thoát khỏi ách nô lệ, giành ruộng đất, nhà máy về tay công - nông, thực hiện những quyền dân sinh, dân chủ cơ bản đầu tiên...; từ đó khơi dậy và thúc đẩy động lực cách mạng trong quần chúng. Kết quả và những kinh nghiệm lịch sử của thời kỳ này cho thấy:

*Một là*, khẳng định dứt khoát vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam; thường xuyên đấu tranh chống “tả” khuynh và hữu khuynh để bảo đảm tính chất giai cấp công nhân của Đảng, làm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tăng cường mối liên hệ mật thiết với quần chúng, ra sức bảo vệ Đảng trong điều kiện hoạt động bí mật.

*Hai là*, phát động quần chúng nông dân và công nhân nổi dậy chống đế quốc và phong kiến, kết hợp phong trào cách mạng ở thành thị và nông thôn, xây dựng khối liên minh công - nông vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

*Ba là*, trong cách mạng dân tộc dân chủ, cần phát huy cao độ yếu tố dân tộc, thu hút mọi tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc.

Bốn là, biết sử dụng những hình thức và phương pháp cách mạng thích hợp với từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Trong suốt tiến trình cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, những giá trị lý luận và thực tiễn từ Xôviết Nghệ - Tĩnh đã được Đảng bộ và nhân dân Nghệ An vận dụng sáng tạo, hiệu quả, hoàn thành xuất sắc vai trò, nhiệm vụ, đóng góp to lớn vào thắng lợi vĩ đại của cả dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, cùng với nhân dân cả nước, trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã phát huy cao độ vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi trọng yếu việc giành chính quyền về tay cách mạng. Theo đó, giành chính quyền về tay nhân dân ở Nghệ An cũng mang đặc điểm cốt lõi là ý Đảng và lòng dân hòa quyện vào nhau cùng thực hiện mục đích tối thượng là độc lập của dân tộc và tự do, dân chủ, hạnh phúc cho nhân dân. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Việt Minh liên tỉnh Nghệ - Tĩnh đã vận dụng sáng suốt, linh hoạt đường lối, chủ trương của Tổng bộ Việt Minh vào điều kiện cụ thể của Nghệ An, phân tích sâu sắc về tình hình cách mạng thế giới, trong nước, trong tỉnh và sự chuẩn bị nghiêm túc, chu đáo về các nội dung tiến hành trước, trong và sau khi giành chính quyền. Các nội dung đó được thể hiện qua các bước thực hiện, như: công tác tuyên truyền; tập hợp lực lượng; hình thức và phương pháp cách mạng; phân hóa kẻ thù; tổ chức thực hiện nhanh gọn, hiệu

quả. Đáng chú ý nhất là dưới sức mạnh thị uy của đồng đảo quân chúng nhân dân, Việt Minh liên tỉnh chọn hình thức, phương pháp đấu tranh bằng chính trị và ngoại giao là chủ yếu. Bằng cách đó, Việt Minh đã cử lãnh đạo vào gặp vận động chỉ huy sở Oadra người Nhật và Tỉnh trưởng kiêm Thị trưởng Vinh là Đặng Hướng - tay sai phát xít Nhật chấp nhận đầu hàng. Do đó, sau hai giờ đồng hồ khởi nghĩa giành chính quyền ở Vinh thắng lợi.

*Thứ hai*, là lòng dân được ý Đảng khơi lên tột độ. Độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân như một khát vọng ngàn đời nay thời cơ giành lấy đã đến. Đồng đảo các tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân, nông dân, dân quân tự vệ, đội cảm tử quân, trí thức, tiểu thương, học sinh, thanh, thiếu niên... đều nô nức tham gia. Nhiều huyện trên địa bàn Nghệ An đã giành được chính quyền, lần lượt là Quỳnh Lưu (18/8); Diễn Châu (21/8); Nghĩa Đàn (22/8); Nam Đàn, Thanh Chương (23/8); Nghi Lộc, Yên Thành (25/8); Tương Dương, Quỳ Châu (26/8). Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu, có ý nghĩa lịch sử và nhân văn sâu sắc, đặc biệt là việc phát huy sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân, khơi dậy khát vọng độc lập, tự do của nhân dân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại, để giành độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Nghệ An đã hoàn thành xuất sắc vai trò vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến chống kẻ thù. Trong tiến trình cách mạng vẻ vang đó, một lần nữa, vai trò, sức mạnh của quân chúng nhân dân đã được thể hiện một cách đầy đủ và sinh động nhất.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân Nghệ An đã đóng góp nhiều sức người, sức của, lập nhiều chiến công xuất sắc, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử. Nghệ - Tĩnh là một trong những vùng hậu phương quan trọng được giao nhiệm vụ chi viện. Tỉnh Nghệ An đã thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận để huy động mọi nguồn lực phục vụ chiến dịch. Trong chặng cuối của cuộc kháng chiến, với khẩu hiệu “Tất cả vì Điện Biên Phủ”, quân dân Nghệ An nô nức tòng quân. Toàn tỉnh có hàng nghìn thanh niên đi bộ đội và hàng vạn thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến; đóng góp hàng vạn ngày công, vận tải hàng triệu tấn hàng hóa, lương thực, đạn dược, xây dựng, sửa chữa kiên cố hàng trăm kilômét đường giao thông phục vụ kháng chiến; đóng góp hàng ngàn tấn lương thực, thực hiện tốt mối quan hệ hậu phương, tiền tuyến, góp phần quan trọng trong chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước, Nghệ An vừa là tiền tuyến của miền Bắc, vừa là hậu phương của miền Nam. Bằng sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, sức mạnh quần chúng nhân dân ở Nghệ An đã được huy động, sử dụng vô cùng hiệu quả.

Phát huy vai trò, ý thức trách nhiệm và tinh thần yêu nước tuyệt vời của người dân xứ Nghệ, Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành xuất sắc công tác tuyển quân, cung cấp hàng vạn chiến sĩ bộ đội trực tiếp vào miền Nam đánh Mỹ, hàng chục nghìn bộ đội địa phương, dân quân, thanh niên xung phong phục vụ kháng chiến. Ngoài cung cấp sức người, sức của cho các chiến dịch, quân dân Nghệ An còn anh dũng chiến đấu

bảo vệ vùng trời Tổ quốc, xé núi bạt đồi, san lấp hố bom, mở đường cho các đoàn xe ra chiến trường.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bằng khả năng huy động tổng lực lực lượng quân dân, tỉnh Nghệ An đã bảo đảm giao thông suốt ở 52 tuyến đường với 2.210km tỉnh lộ, 100km quốc lộ, 200km đường ở nước bạn Lào, 200km ở tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, 3.500km huyện lộ, 250km đường sông, đường biển, kênh nhà Lê, 60km đường sắt đi qua các trọng điểm: ga Hoàng Mai, cầu Giát, ga Si, Diễn Thành, Mỹ Lý, cầu Cấm, Vinh và dốc Bò Lăn, dốc Truông Dong, dốc Truông Bồn, rú Trét, rú Nguộc trên tuyến đường chiến lược 15A. Chỉ tính từ tháng 12/1965 đến ngày 31/01/1966 trong dịp lễ Giáng sinh, đế quốc Mỹ ngừng ném bom miền Bắc, trên 2 vạn bộ đội, dân quân, thanh niên xung phong tham gia chiến dịch vận chuyển 1 triệu tấn hàng hóa, đào đắp hơn 28.000m<sup>3</sup> đất đá làm đường, sửa chữa làm mới 140m cầu, 36 phà.

Ngoài ra, quân và dân Nghệ An đã mở hàng trăm kilômét đường mới, đường xέ, đường tránh, xây dựng và sửa chữa cầu, đập tràn phụ tại các bến phà, cầu Cấm, cầu Phương Tích, phà Bến Thủy, truông Bồn; bảo đảm giao thông suốt trên các tuyến đường 1A, 7, 15A, 34, 48, 49, cùng với lực lượng công binh đã rà phá hàng ngàn quả bom nổ chậm, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt. Nạo vét kênh đào nhà Lê đoạn Nghệ An - Thanh Hóa trong điều kiện địch đánh phá suốt ngày đêm, kịp thời phục vụ chuyển hàng vào Nam khi đường bộ bị địch đánh phá.

Có thể nói, với những đóng góp rất to lớn về sức người, sức của, những hy sinh xương máu với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của Đảng bộ và nhân dân Nghệ An

trong kháng chiến đã tiếp tục làm sâu sắc thêm bài học phát huy sức mạnh quân chung nhân dân trong sự nghiệp cách mạng thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo giá trị bài học phát huy sức mạnh quân chung nhân dân từ Xôviết Nghệ - Tĩnh trong suốt quá trình thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An đã nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tích đáng tự hào.

Cùng với cả nước, Đảng bộ Nghệ An đã tích cực tìm tòi, sáng tạo, mạnh dạn thực hiện các giải pháp đổi mới trong tư duy, trong cách nghĩ, cách làm, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới. Đổi mới, từng bước hoàn thiện cơ cấu nền kinh tế theo hướng năng động, hiệu quả vận hành theo cơ chế thị trường. Đổi mới cơ chế, cách thức, phương pháp quản lý kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng phù hợp với yêu cầu, đặc điểm, điều kiện cụ thể của tỉnh. Quan tâm công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Chú trọng khai thác, phát huy tối đa mọi nguồn lực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn, đặc biệt là phát huy tiềm năng, thế mạnh của nguồn lực con người Nghệ An trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Chính nhờ những nỗ lực, phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An, trong những năm gần đây, đặc biệt, kết quả 5 năm Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020” đã được Bộ Chính trị ghi nhận, đánh giá cao.

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2018 đạt 8,0%; năm 2019 đạt 9,3%, GRDP bình quân đầu người năm 2019 đạt 43,08 triệu đồng. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả đáng phấn khởi, tính đến hết tháng 12/2019, toàn tỉnh đã có 265/431 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 61,48%), có 4 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ nét; thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực về số lượng, quy mô và chất lượng dự án.

Văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng. Nghệ An là một trong số những địa phương dẫn đầu cả nước về thành tích trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Y tế phát triển đồng đều ở các tuyến. Công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4%. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; bảo đảm quốc phòng, bảo vệ vững chắc biên giới, biển, đảo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển ngày càng được mở rộng và nâng cao hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Tinh thần đoàn kết, thống nhất, hợp tác, trách nhiệm trong cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị các cấp được phát huy, tạo được niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân.

Đó là những kết quả, thành tích đạt được rất đáng tự hào, tuy nhiên trong suốt quá trình lãnh đạo phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân, tỉnh Nghệ An còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức không nhỏ. Trong đó, việc phát huy, vận dụng, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Do đó, trong những năm tới, trước những thời cơ, vận hội lớn của đất nước và của tỉnh, tiếp tục phát huy, vận dụng sáng tạo bài học về phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân từ phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, thực hiện thắng lợi những mục tiêu phát triển, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

*Một là*, quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc giá trị to lớn của truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng và những tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và con người Nghệ An. Đặc biệt là biết cổ vũ, động viên, phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công mạnh mẽ của Xôviết Nghệ - Tĩnh thành khát vọng vươn lên vì một Nghệ An giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong khát vọng chung của dân tộc Việt Nam. Khát vọng đó là ngọn lửa huy động, tập hợp sức mạnh quần chúng, quy tụ nguồn lực và giải phóng tài năng, trí tuệ và phẩm chất tiên phong cách mạng của con người Nghệ An trong thời đại mới.

*Hai là*, tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình mới.

Đây là yêu cầu và là bài học quan trọng nhất trong cả lý luận và thực tiễn lãnh đạo đã được tổng kết, đúc rút thành

nguyên lý trong kho tàng lý luận của Đảng. Chính vì vậy, đây cũng là tiền đề, là điều kiện quan trọng nhất trong vấn đề tập hợp, đoàn kết, phát huy sức mạnh quần chúng trong mọi điều kiện cách mạng. Trong cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh, trước sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của kẻ thù, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, những phẩm chất tiên tiến, cao đẹp của Đảng, quần chúng nhân dân đã một lòng một dạ tin tưởng, đoàn kết, xây dựng vững chắc thành trì cách mạng, kiên cường đấu tranh và hy sinh đưa cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng.

Trong thời kỳ mới, thời kỳ hội nhập và phát triển, tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục nghiên cứu và nghiêm túc thực hiện triệt để bài học về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Kiên trì và quyết liệt phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện tiêu cực; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng bộ. Tập trung xây dựng Đảng, chính quyền nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp trong sạch, vững mạnh, là hạt nhân, là rường cột của khối đại đoàn kết toàn dân, là động lực để phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Ba là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng có chất lượng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh của tỉnh phù hợp, thống nhất với chiến

lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Đây là giải pháp có tính chất then chốt, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với giải quyết có hiệu quả các chính sách xã hội. Cụ thể hóa việc tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân, tạo động lực để phát huy sức mạnh nhân dân.

Chú trọng thực hiện các giải pháp hiệu quả để tiếp tục phát huy tác dụng của các khâu đột phá mà tỉnh đã xác định. Trong đó quan tâm nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư nhằm phát huy mọi khả năng, huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, tạo chuyển biến rõ nét về phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng; tập trung phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên môi trường, đất đai, trật tự xây dựng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.

Bốn là, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả, thực chất tạo sức lan tỏa mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực, các cấp, các ngành. Từ thành thị đến nông thôn, các vùng, miền, các cộng đồng trong công cuộc đổi mới trên quê hương Nghệ An anh hùng gắn với tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục chủ động, tích cực trong việc đổi mới cơ chế, chính sách tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ năng lực đổi mới, sáng tạo, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, tạo bước phát triển đột phá trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, trong từng tập thể, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp đến từng cá nhân cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, quần chúng nhân dân, người lao động, các tầng lớp nhân dân để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn.

\*

\* \* \*

Có thể nói, với tinh thần Xôviết Nghệ - Tĩnh bất diệt, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An trong thời kỳ mới tiếp tục phát huy, cụ thể hóa giá trị của bài học cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng, như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã dạy: “Gốc có vững cây mới bền/ Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.502.

## **VĨNH PHÚC PHÁT HUY VAI TRÒ KHỞI XƯỞNG ĐỔI MỚI TRONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ HIỆN NAY**

TS. NGUYỄN DANH LỢI\*

Tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập năm 1950, trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên, qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính (năm 1968, Vĩnh Phúc và Phú Thọ sáp nhập thành tỉnh Vĩnh Phú; đến năm 1997, tỉnh Vĩnh Phú được chia tách thành hai tỉnh như trước đây, tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập). Năm 2008, sau khi huyện Mê Linh được chuyển về Hà Nội, Vĩnh Phúc có diện tích tự nhiên 1.370,73km<sup>2</sup>, trong đó đất nông nghiệp chiếm 46,4% diện tích. Dân số toàn tỉnh tính đến tháng 4/2019 là hơn 1,231 triệu người.

Vĩnh Phúc là một tỉnh tiếp giáp giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng, có nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch chạy qua, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường sông và đường hàng không. Trong những năm vừa qua, Vĩnh Phúc được Chính phủ quy hoạch vào vùng Hà Nội (trong đường vành đai 5), vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

---

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Nhân dân Vĩnh Phúc có truyền thống lịch sử yêu nước, cách mạng, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Từ khi có Đảng lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc đã giành được nhiều thắng lợi trong đấu tranh giành độc lập, kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và cả trong phát triển kinh tế xây dựng quê hương. Chính Vĩnh Phúc là nơi khởi nguồn của đổi mới tư duy quản lý nông nghiệp - nông thôn, với phương thức “ba khoán” táo bạo, trong đó có khoán đến hộ gia đình xã viên vào cuối thập niên 60, 70 của thế kỷ XX<sup>1</sup>. Đó là bước đi mang tính đột phá, tạo cơ sở thực tiễn cho đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân của Đảng ta sau này.

Kể từ khi đổi mới, đặc biệt là từ khi tái lập tỉnh năm 1997 đến nay, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm trước đây, luôn chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng và tình hình thực tế ở địa phương, giành được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế - xã hội.

---

1. Căn cứ tình hình sản xuất thực tế ở địa phương, sau khi tiến hành thực hiện thí điểm ở hợp tác xã thôn Thượng (Tuân Chính, Vĩnh Tường), ngày 10/9/1966, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TU “Về một số vấn đề quản lý lao động nông nghiệp trong hợp tác xã hiện nay”. Nghị quyết này đã tạo ra cú hích cho sản xuất nông nghiệp của Vĩnh Phúc phát triển, nhưng do trong điều kiện chiến tranh và hạn chế về nhận thức nên Trung ương Đảng đã kiểm điểm, phê bình chủ trương này của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc. Tháng 12/1968, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri số 224-TT/TW “Về chấn chỉnh công tác ba khoán và quản lý ruộng đất ở một số địa phương”.

Sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập. Thời điểm này, Vĩnh Phúc là tỉnh nghèo, GDP bình quân đầu người chỉ bằng 48% so với bình quân chung cả nước. Kinh tế hàng hóa chậm phát triển, sản xuất nông nghiệp chiếm 52,5% giá trị GDP. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, ít doanh nghiệp lớn và hầu hết đang gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Dịch vụ du lịch kém, chậm được khai thác. Kinh tế hợp tác chậm được đổi mới, quy mô kinh tế ngoài quốc doanh còn nhỏ bé. Nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng còn nghèo nàn, chưa được khai thác hiệu quả. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng còn nghèo nàn. Thu ngân sách toàn tỉnh chưa đạt 100 tỉ đồng. Trước thực tế đó, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc đã chủ động phát huy dân chủ, quyết tâm tập trung phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tháng 11/1997, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XII đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội những năm 1997 - 2000 là: “Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, nhất là đổi mới công nghiệp, sớm thoát khỏi tình trạng kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định, vững chắc sau năm 2000, thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung của cả nước. Chuyển nền kinh tế theo hướng cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ... Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giải quyết tốt hơn về việc làm, nâng cao đời sống nhân dân”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Đại hội đề ra

---

1. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XII*, tháng 11/1997, tr.29.

chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 4 năm (1997 - 2000) là: Tăng GDP bình quân 18 - 20%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân trên 50%/năm; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng bình quân 4,5 - 5%/năm; giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 17 - 18%/năm; tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân 35 vạn tấn/năm, đến năm 2000 đạt 37 - 38 vạn tấn; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 16 triệu USD vào năm 2000, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 7 triệu USD, xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9 triệu USD; thu nhập bình quân đầu người đạt 280 - 300USD vào năm 2000. Cơ bản xóa được hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Cụ thể, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp trong GDP từ 48,27% năm 1996 xuống còn 25% năm 2000; tăng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng từ 13,98% năm 1996 lên 44% năm 2000; giảm tỷ trọng dịch vụ từ 37,75% năm 1996 xuống còn 31% năm 2000; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,6% vào năm 2000.

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII (1997 - 2000), kinh tế của tỉnh đạt được nhịp độ tăng trưởng cao, nhất là công nghiệp và xây dựng; GDP tăng bình quân 17,8/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo chiều hướng tích cực: công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.

Về công nghiệp, Đảng bộ chủ trương tập trung mọi nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Hướng chủ yếu là phát triển công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và công nghiệp ngoài quốc doanh, sắp xếp công nghiệp quốc doanh trên địa

bàn, lấy hiệu quả kinh tế làm căn cứ. Triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng hai khu công nghiệp Kim Hoa và Khai Quang. Lấy huyện Mê Linh làm địa bàn mở cửa xây dựng kinh tế liên doanh với nước ngoài. Có chính sách phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các đối tác vào đầu tư.

Với những biện pháp trên, sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 75,7%/năm (mục tiêu kế hoạch đề ra là 84,4%), giá trị sản xuất năm 2000 đạt 5.463,5 tỉ đồng, tăng hơn 9 lần so với năm 1996. Riêng giá trị sản xuất công nghiệp tăng 90,6%/năm chủ yếu do có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khu vực này tăng trưởng bình quân đạt 190,6%/năm. Năm 2000, giá trị sản xuất của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng 90% tổng giá trị ngành công nghiệp.

*Trong nông - lâm nghiệp đã giải quyết tốt một số vấn đề về thủy lợi, giống, vốn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng suất, sản lượng lúa liên tục tăng. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản tăng bình quân 5,8%/năm (mục tiêu kế hoạch đề ra là 4,5 - 5%), tăng 25% so với năm 1996. Năng suất lúa bình quân một vụ từ 32,06 tạ/ha năm 1996 lên 34,6 tạ/ha năm 2000. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 40,2 vạn tấn, tăng bình quân 6,9%/năm (mục tiêu kế hoạch đề ra là 37 - 38 vạn tấn). Bình quân lương thực thực đầu người năm 2000 đạt 362kg/người, tăng 85,7kg so với năm 1996, đạt mức cao nhất so với trước đó, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và bước đầu có nông sản hàng hóa. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng cây công*

nghiệp, cây ăn quả và các loại cây có giá trị kinh tế cao. Thu nhập bình quân một hécta canh tác đạt 20,56 triệu đồng/năm (vùng đồng bằng có nơi đạt 30 - 50 triệu đồng/năm), tăng 3 triệu đồng so với năm 1996.

*Các hoạt động dịch vụ, thương mại phát triển khá, giai đoạn 1996 - 2000 tăng bình quân 13,7%/năm. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ năm 2000 đạt 1.214 tỉ đồng, tăng 67% so với năm 1996. Kinh doanh du lịch có những chuyển biến tích cực, doanh thu du lịch tăng bình quân 39,8%/năm. Các hoạt động dịch vụ như: tín dụng, ngân hàng, cung ứng điện, bưu điện, giao thông vận tải ngày càng mở rộng và có nhiều tiến bộ. Năm 2000, doanh thu vận tải đạt 100,2 tỉ đồng, tăng bình quân 20,2%/năm. Doanh thu ngành bưu chính viễn thông và cung ứng điện tăng 1,5 lần so với năm 1997. Số máy điện thoại tăng gấp ba lần so với năm 1996. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm là 47,4%, năm 2000 đạt 20,987 triệu USD, tăng 4,7 lần so với năm 1996, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 8,8 triệu USD.*

*Thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương* đạt kết quả khá. Hằng năm đều hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước. Năm 2000, tổng thu ngân sách đạt 655,9 tỉ đồng, tăng 5 lần so với năm 1996 (kể cả thuế xuất, nhập khẩu và ngân sách xã). Trong đó, nguồn thu chủ yếu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tăng từ 24,3 tỉ đồng năm 1997 lên 163 tỉ đồng năm 2000, đã góp phần nâng mức chi ngân sách địa phương. Năm 2000 đạt 500,13 tỉ đồng, tăng 1,7 lần so với năm 1997.

*Cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng giao thông*, nhất là khu tinh lỵ Vĩnh Yên có bước phát triển khá nhanh.

Tất cả các tuyến tỉnh lộ từ thị xã Vĩnh Yên đi các huyện đều được rải nhựa hoặc bêtông hóa. Hơn 50% các trường phổ thông trong tỉnh được xây cao tầng. Tất cả các xã đều có điện lưới và điện thoại. Năm 2000, tỷ lệ máy điện thoại là 1,6 máy/100 hộ, tăng gấp 4 lần so với năm 1996 là 0,4 máy/100 hộ; cơ bản hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan cấp tỉnh và hai huyện mới tái lập.

Với kết quả đạt được của nhiệm kỳ đầu tiên sau khi tái lập tỉnh, tháng 3/2001, Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (nhiệm kỳ 2001 - 2005) đã xác định phương hướng trong 5 năm đầu của kỷ nguyên mới là: “Phát huy và khai thác cao độ tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tận dụng mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế theo cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, thực hiện phân công lại lao động xã hội. Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, sớm vượt qua nghèo đói, từng bước tiến tới giàu có, phồn thịnh”<sup>1</sup>.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể trong 5 năm (2001 - 2005): GDP tăng bình quân trên 10%/năm; thu nhập bình quân đầu người đạt 350USD/năm; giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng bình quân hằng năm 16%; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân hằng năm 4,5 - 5%;

---

1. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XIII*, tháng 3/2001, tr.53-54.

giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 9%/năm; sản lượng lương thực bình quân đạt 40 vạn tấn/năm; kim ngạch xuất khẩu đạt 40 - 45 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương đạt 10 triệu USD; cơ cấu kinh tế đến năm 2005 bao gồm: công nghiệp và xây dựng đạt 46%, nông - lâm nghiệp đạt 24,5%, du lịch - dịch vụ đạt 29,5%; giải quyết việc làm cho 15.000 - 16.000 người/năm; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2005 là 11%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 25%. Đại hội cũng đề ra yêu cầu huy động và phát huy các nguồn lực tài chính trong nhân dân để đầu tư phát triển kinh tế. Tăng tích lũy vốn để tạo vốn cho đầu tư phát triển. Phấn đấu thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt trên 600 tỉ đồng (kể cả thu thuế xuất, nhập khẩu và thu ngân sách xã). Khai thác và nuôi dưỡng các nguồn thu trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển ngân sách xã, phấn đấu đến năm 2005 có 30 - 40% số xã có số thu trên địa bàn bằng số chi thường xuyên.

Đại hội đề ra nhiệm vụ và các giải pháp: phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng; phát triển kinh tế đối ngoại; tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển khoa học và công nghệ; đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, du lịch; lành mạnh hóa các hoạt động tài chính, tín dụng,...

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trên, Đại hội đã đề ra 10 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm: Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; Chương trình trồng 6.000ha rừng và bảo vệ rừng hiện có; Chương trình phát triển công nghiệp - thủ công nghiệp; Chương trình xây dựng đô thị và nông thôn mới; Chương

trình phát triển các khu du lịch tập trung; Chương trình dân số, việc làm và xóa đói, giảm nghèo; Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và môi trường; Chương trình giáo dục, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nâng cao tay nghề cho người lao động; Chương trình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và bệnh dịch HIV/AIDS; Chương trình kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị.

Như vậy, trải qua gần 35 năm đổi mới, trong đó có hơn 20 năm tái lập tỉnh, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc đã phát huy được tiềm năng thế mạnh của tỉnh cả về vị trí địa - kinh tế, điều kiện tự nhiên và nguồn lực con người của tỉnh, trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chủ động đề ra được các chủ trương biện pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp. Trên cơ sở đó, kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc đã có bước phát triển vượt bậc.

Từ một địa phương thuần nông trở thành tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp lớn, là trung tâm sản xuất ôtô, xe máy hàng đầu của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin có nhiều chuyển biến; an ninh, quốc phòng được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15,37%/năm; thu ngân sách tăng nhanh, từ 100 tỉ đồng năm 1997 lên gần 33.000 tỉ đồng năm 2018, vượt 11% dự toán và tăng 13,75% so với năm 2017.

Trong phát triển công nghiệp, tỉnh đã đưa ra những giải pháp phát triển mang tính đột phá, từ một tỉnh chỉ có 1 khu công nghiệp đến nay đã hình thành được gần 20 khu công nghiệp với quy mô hơn 8.000ha, thu hút được nhiều tập đoàn lớn đến đầu tư tại tỉnh. Nguồn lao động của Vĩnh Phúc khá

dồi dào, chiếm khoảng trên 60% tổng dân số, trong đó chủ yếu là lao động trẻ, có kiến thức văn hóa và tinh thần sáng tạo để tiếp thu kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ trong những năm qua, đặc biệt là công nghiệp, đã trở thành môi trường nâng cao tay nghề cho người lao động.

Công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và nông thôn mới được quan tâm đẩy mạnh. Vĩnh Phúc đã hoàn thành và phê duyệt hầu hết các quy hoạch, là cơ sở cho việc xây dựng hạ tầng, triển khai các dự án một cách đồng bộ và quản lý chặt chẽ. Năm 2018 có 103/112 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, là một trong số ít các tỉnh trong cả nước có tỷ lệ số xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới khá cao. Với nhiều thế mạnh và tiềm năng phát triển, Vĩnh Phúc đang phấn đấu để trở thành tỉnh công nghiệp, một trong những trung tâm dịch vụ, du lịch của vùng và cả nước, có những khu nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế và trở thành thành phố Vĩnh Phúc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,0 - 7,5%/năm; trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 7,0 - 7,5%/năm, dịch vụ tăng 10,5 - 11,0%/năm, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,5 - 4,0%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: công nghiệp - xây dựng chiếm 61,5%, dịch vụ chiếm 31,4%, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 7,1%; quy mô GRDP đến năm 2020 bằng 1,5 - 2 lần so với năm 2015; vốn đầu tư toàn xã hội hằng năm chiếm khoảng 25 - 30% GRDP; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên GRDP hằng năm đạt 22 - 23%, năm 2020 thu ngân sách nhà nước khoảng 26.500 - 27.000 tỉ đồng; GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 110 triệu đồng, tương đương khoảng 4.800 - 5.000USD; thu hút

mới 1,3 - 1,5 tỉ USD vốn đăng ký từ các dự án FDI và 14.000 - 15.000 tỉ đồng vốn đăng ký từ các dự án DDI.

Trải qua hơn 20 năm tái lập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã phát huy được tiềm năng thế mạnh của tỉnh cả về vị trí địa kinh tế, điều kiện tự nhiên và nguồn lực con người của tỉnh, trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chủ động đề ra được các chủ trương biện pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp. Trên cơ sở đó, kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc đã có bước phát triển vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực. Từ một địa phương thuần nông, Vĩnh Phúc đã trở thành tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong tốp đầu của cả nước; giá trị sản xuất công nghiệp lớn, là trung tâm sản xuất ôtô, xe máy hàng đầu của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin có nhiều chuyển biến tích cực; an ninh, quốc phòng được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, trong đó, diện tích nhà ở của nhân dân đạt  $29,1m^2$ /người, đứng thứ hai so với các tỉnh, thành phố trong cả nước<sup>1</sup>. Với những kết quả đạt được, đầu năm 2020, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.

---

1. “Tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019”, trang tin điện tử Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, <http://thongkevinhphuc.gor.vn/bvct/thong-ke-vinh-phuc/518/tong-ket-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>.

PHẦN THỨ TƯ

**TÂM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG  
CỦA ĐẢNG TRONG ĐẨY MẠNH  
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN,  
PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC  
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**





**TIẾP TỤC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG  
TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, XỨNG ĐÁNG VỚI VAI TRÒ  
NGƯỜI CHÈO LÁI CON THUYỀN CÁCH MẠNG VIỆT NAM  
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

Đồng chí NGUYỄN THANH BÌNH\*

**C**hín mươi năm qua, nhờ kiên trì đường lối tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh và năng lực lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã lập nên những kỳ tích trong thế kỷ XX, mà đỉnh cao là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; thắng lợi của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của công cuộc đổi mới, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bản *Di chúc lịch sử*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

này đến thắng lợi khác”<sup>1</sup>. Thực hiện lời căn dặn của Người trước lúc đi xa, hơn nửa thế kỷ qua, Đảng đã không ngừng xây dựng, chỉnh đốn cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức để viết tiếp những trang sử hào hùng của dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh.

### **1. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ đổi mới**

Thực tiễn phong phú trong chín thập kỷ qua của cách mạng Việt Nam cho thấy, Đảng luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng - nhiệm vụ then chốt, quyết định đến sức mạnh, uy tín của Đảng. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị về xây dựng Đảng. Theo đó, một trong những “điểm nhấn” của Cương lĩnh, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc được chú trọng là công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Trong công cuộc đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành 8 nghị quyết, Bộ Chính trị ban hành 6 nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng. Trong đó có 4 cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với các nghị quyết: Nghị quyết số 03-NQ/TW của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 26/6/1992 “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”; Nghị quyết số 10-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 02/02/1999 “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”;

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, ngày 16/01/2012 “Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết số 04-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 30/10/2016 “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Trong đó, Nghị quyết số 03-NQ/TW của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng” được ban hành ngày 26/6/1992 có thể coi là cuộc chỉnh đốn Đảng lần thứ nhất, khi sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới, đặt cách mạng nước ta trước những thời cơ mới và những thách thức mới. Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới đã chứng tỏ đường lối của Đảng là đúng đắn, cán bộ, đảng viên và nhân dân đoàn kết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện sáng tạo đường lối của Đảng. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, Đảng cũng bộc lộ những khuyết điểm và hạn chế, có những khuyết điểm đang trở thành nguy cơ không thể xem thường. Nghị quyết nêu rõ: “Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa, hư hỏng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất

nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng”<sup>1</sup>. Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn, thực hiện xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, chỉnh đốn Đảng về tổ chức. Cùng với sự vào cuộc quyết liệt, cụ thể hóa và phát triển các quan điểm và đường lối của Đại hội lần thứ VII, từng bước xác định rõ thêm con đường và giải pháp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đã xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh cho cán bộ, đảng viên, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống “diễn biến hòa bình”. Đồng thời, chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp, đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế và chính trị.

Nghị quyết số 10-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 02/02/1999 “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay” được đánh giá là cuộc chỉnh đốn Đảng lần thứ hai với nhiệm vụ trọng tâm là phát huy ưu điểm, kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn, để Đảng ta ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.52, tr.190.

hiện đại hóa đất nước. Theo đó, toàn Đảng đã tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình (từ ngày 19/5/1999 đến ngày 19/5/2001) kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/9/1969 - 02/9/1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2000), sau đó đã dần đi vào cuộc sống, trở thành nền nếp, thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

Cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng lần thứ ba được đánh dấu bởi sự ra đời của Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, ngày 16/01/2012 “Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Nghị quyết khẳng định, bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ, chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Một số vấn đề cấp bách nổi lên trong giai đoạn này, đó là: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”. Với phương châm

nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, không nể nang, né tránh; thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất, Đảng đã lãnh đạo cuộc chỉnh đốn Đảng với trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao, tạo được những chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đây được coi là cuộc chỉnh đốn Đảng lần thứ tư với mục tiêu: Nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về nguy cơ và đề ra các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, biết đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Trên thực tế, các cuộc chỉnh đốn Đảng đã mang lại những kết quả tích cực về nhiều mặt. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và có chuyển biến mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi một bước những

tiêu cực, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên được triển khai tương đối đồng bộ ở các cấp. Nhiều cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; đã có nhiều mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực. Các cấp ủy, tổ chức đảng coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, tấm gương “người tốt, việc tốt” bằng nhiều hình thức phong phú, có tác dụng lan tỏa trong Đảng và trong xã hội.

Bên cạnh đó, việc xử lý kỷ luật nghiêm minh những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cả cán bộ đương chức và nghỉ hưu đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác. Thẩm nhuần tư tưởng chỉ đạo “nói đi đôi với làm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền”, với phương châm “bình tĩnh, tỉnh táo, không nóng vội, cực đoan”, nhằm kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện suy thoái, toàn Đảng đã thi hành kỷ luật hơn 840 tổ chức đảng và 58.120 đảng viên vi phạm. Riêng từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, đã thi hành kỷ luật hơn 490 tổ chức đảng và 35.000 đảng viên vi phạm; kiểm tra, làm rõ nhiều sai phạm đặc biệt

nghiêm trọng, thi hành kỷ luật một số tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ cao cấp vi phạm, kể cả đương chức, chuyển công tác hay đã nghỉ hưu. Trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XII, “đã thi hành kỷ luật hơn 70 cán bộ cao cấp diện Trung ương quản lý, trong đó có 1 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và 4 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, 14 đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 1 đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, 5 đồng chí Bộ trưởng và nguyên Bộ trưởng, 2 đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, 5 đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy và 17 đồng chí là tướng lĩnh; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự”<sup>1</sup>. Nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được điều tra, khởi tố kịp thời, xét xử nghiêm minh, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ của toàn Đảng nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Những kết quả nổi bật nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường sự đoàn kết, vững mạnh, trong sạch trong Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng; tạo nền tảng, tiền đề vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới. Công tác đấu tranh phát hiện, ngăn chặn và xử lý tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; năng lực tự phát hiện và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2019, tr.193-194.

xử lý sai phạm của một số cấp ủy, tổ chức đảng vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục. Tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc vẫn còn nghiêm trọng. Các biểu hiện về sự phai nhạt lý tưởng, xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn diễn biến phức tạp, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta, đánh thẳng vào hệ tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng; kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Những tồn tại, hạn chế trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó phần lớn là các nguyên nhân chủ quan. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức sâu sắc mức độ nghiêm trọng của tình trạng suy thoái, tiêu cực ở địa phương, lĩnh vực mình quản lý; chưa thực sự gương mẫu, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Một số nhiệm vụ được đề ra trong các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và các kết luận, chỉ đạo của Trung ương chậm được thể chế hóa, cụ thể hóa; có những nội dung đã thể chế hóa, cụ thể hóa nhưng thiếu tính khả thi, kết quả thực hiện chưa cao, thiếu đồng bộ, liên thông và quyết tâm giữa các cấp, các ngành. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực

hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa kịp thời, thiếu quyết liệt. Chưa làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, giữa tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong đấu tranh ngăn chặn tình trạng suy thoái, tiêu cực trong Đảng. Công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ chậm được đổi mới, còn bộc lộ nhiều sơ hở, bị lợi dụng; ý thức tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn yếu kém. Chưa có cơ chế đồng bộ và hữu hiệu nhằm phát huy vai trò của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan truyền thông trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái.

## **2. Một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh**

Để công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, đòi hỏi phải có quyết tâm và nỗ lực chính trị cao, hành động quyết liệt, cần kiên trì thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII và các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII đã xác định. Từ thực tiễn những năm vừa qua và kinh nghiệm quý báu rút ra trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Trung ương từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, cần tiếp tục tập trung làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

*Một là, tăng cường công tác tư tưởng và lý luận, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Công tác tư tưởng, lý luận có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần khẳng định, bảo vệ và tuyên truyền, phổ biến

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, đóng vai trò đắc lực trong cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh công tác tư tưởng, lý luận luôn là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần giải đáp những vấn đề do đòi hỏi thực tiễn đặt ra, củng cố niềm tin và lý tưởng vào con đường chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp nhằm nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của công tác tư tưởng; luôn bám sát thực tiễn, đi sâu đi sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn, vướng mắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chủ động nắm bắt và kịp thời giải quyết tình hình tư tưởng nổi lên trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đảm bảo vững chắc trận địa tư tưởng, lý luận của Đảng, tăng cường đấu tranh làm thất bại chiến lược âm mưu “diễn biến hòa bình”, các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu trong việc nắm, giải quyết và báo cáo kịp thời về tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên.

- Thông qua công tác tư tưởng, quan tâm bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; nắm vững nội dung cơ bản, giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê nin,

tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những vấn đề cần tiếp tục bảo vệ, bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo trong thực tiễn hiện nay; giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự lựa chọn của lịch sử, hoàn toàn phù hợp quy luật khách quan và xu thế của thời đại; thấy được những khó khăn, thách thức, trên cơ sở đó xây dựng, củng cố niềm tin vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị các cấp cần phải thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; chú trọng nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc; kết hợp đào tạo, rèn luyện trong thực tiễn với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Tập trung đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch, lành mạnh, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; tu dưỡng đạo đức cách mạng suốt đời, nói phải đi đôi với làm, nêu gương đạo đức cách mạng.

*Hai là, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, tự giác tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên gắn với đầy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên cần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhất là những mặt còn yếu kém, dũng cảm tự soi xét lại mình, đơn vị mình; không nể nang, né tránh, tìm ra được những ưu điểm để phát huy, đề ra các biện pháp khắc phục, sửa chữa những sai lầm, yếu kém, khuyết điểm một cách thiết thực, khả thi; kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề còn yếu kém.

- Mỗi cán bộ, đảng viên cần thể hiện được ở tinh thần cầu thị tiến bộ; tinh thần ham học hỏi ở mọi lúc, mọi nơi; có ý thức kiên trì rèn luyện thói quen, phương pháp làm việc khoa học, nghiêm túc, cụ thể, tỉ mỉ từ việc nhỏ đến việc lớn; tự đánh giá bản thân để lựa chọn con đường, biện pháp rèn luyện phù hợp; có thái độ nghiêm khắc trong tự phê bình, lắng nghe ý kiến nhận xét của quần chúng, cấp trên, cấp dưới và đồng cấp về bản thân mình. Thực hiện có hiệu quả chủ trương người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tích cực chủ động phát huy ưu điểm, khắc phục sửa chữa sai lầm, khuyết điểm để không ngừng tự hoàn thiện bản thân.

- Nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức, lối sống. Quá trình thực hiện phải bảo đảm dân chủ, nghiêm túc, thẳng thắn với tinh thần xây dựng, đúng yêu cầu, nội dung, phương thức và thời gian. Cấp trên phải thực sự là tấm gương trong tự phê bình và phê bình; các đồng chí lãnh đạo phải thực sự gương

mẫu, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, làm gương cho cấp dưới noi theo. Lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, ngoài việc phải gương mẫu thực hiện, còn phải trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ở địa phương, cơ quan, đơn vị do mình phụ trách.

- Để mỗi cán bộ, đảng viên luôn nêu cao ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện, thì cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu tổ chức các cấp cần phải thường xuyên coi trọng công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quy định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền lợi của mỗi cá nhân trên từng cương vị công tác, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên bộc lộ, phát huy tối đa năng lực của bản thân; lấy sự tiên phong, gương mẫu và kết quả hoạt động thực tiễn làm tiêu chí cơ bản để đánh giá phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên.

*Ba là, tiếp tục củng cố tổ chức cơ sở đảng, đổi mới sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng đảng viên.*

Tổ chức cơ sở đảng là “đồn lũy của Đảng”<sup>1</sup>, “là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng”<sup>2</sup>, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, nơi trực tiếp giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Nếu tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, mọi biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống sẽ kịp thời được phát hiện và ngăn chặn. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu phải dồn sức lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, tạo chuyển biến mạnh mẽ,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.288.

rõ nét về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên ở cơ sở, trước hết là bí thư cấp ủy có phẩm chất, năng lực, uy tín và đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thật sự tiên phong, gương mẫu. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng (tổ đảng, chi bộ, đảng bộ) ở những thôn, làng, ấp, bản, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên.

Thực sự quan tâm đến việc đổi mới sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành và thực hiện các quy định chặt chẽ hơn về kết nạp đảng viên theo hướng nâng cao chất lượng, kiên quyết không chạy theo số lượng để ngăn chặn những kẻ cơ hội, thực dụng, cá nhân chủ nghĩa thâm nhập hàng ngũ của Đảng. Nghiên cứu cách thức đánh giá, xếp loại đảng viên thực chất hơn, đủ sức thanh lọc, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng.

*Bốn là, đổi mới đồng bộ, mạnh mẽ công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.*

- Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng đội ngũ cán bộ với sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế bộ máy hệ thống chính trị, gắn với đấu tranh đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, gắn với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới

chính sách tiền lương; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 và Trung ương 7 khóa XII. Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ và quản lý cán bộ trong hệ thống chính trị, tập trung khắc phục triệt để những yếu kém trong công tác cán bộ, những sai phạm của cán bộ khiến dư luận bức xúc.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, bộ, ngành, chính quyền các cấp và cán bộ, đảng viên phải thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị; nhận diện rõ, đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả với những sai trái, lợi ích nhóm, mưu lợi cá nhân, với các đối tượng có biểu hiện, hành vi chạy chức, chạy quyền; bảo vệ cái đúng, chỉ rõ sai phạm, can ngăn những việc làm chưa đúng, phát hiện và xử lý kịp thời việc lạm dụng, lợi dụng quyền lực để thực hiện những hành vi sai trái trong công tác cán bộ hoặc tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của Nhà nước đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trực tiếp trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Nghiên cứu cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp

trên bổ nhiệm thủ trưởng cơ quan hành chính cấp dưới. Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng; về miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ người có dấu hiệu tham nhũng để thanh tra, kiểm tra, điều tra. Khuyến khích việc chủ động, tự giác từ chức vì lý do trách nhiệm.

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở, trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ và trong phát hiện, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức, bộ máy và công tác bảo vệ chính trị nội bộ, góp phần bảo đảm sự trong sạch về chính trị trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, internet... để đưa thông tin sai lệch nhằm xuyên tạc, kích động, gây mất đoàn kết nội bộ.

*Năm là, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, góp phần phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đạt hiệu quả.*

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên để phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời những hành vi sai phạm. Nội dung kiểm tra, giám sát phải toàn diện, cả về tư tưởng chính trị, động cơ, thái độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, lối sống và làm rõ thu nhập, tài sản bất minh của cá nhân, gia đình cán bộ, đảng viên.

Giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, mọi sai phạm phải có hình thức xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai, đúng pháp luật.

Tăng cường kiểm tra toàn diện công tác cán bộ; chú trọng kiểm tra, giám sát cán bộ có biểu hiện tham nhũng; có nhiều dư luận quần chúng phản ánh, tố cáo tham nhũng. Tăng cường giám sát của tổ chức đảng từ trên xuống và từ dưới lên, phát huy vai trò giám sát lẫn nhau trong cùng cấp; tăng cường quản lý, giám sát thường xuyên đối với đảng viên và cán bộ lãnh đạo; kịp thời phát hiện, biểu dương người tốt, việc tốt; tạo dư luận lành mạnh và kịp thời xử lý nghiêm những biểu hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên dù ở bất cứ cương vị công tác nào, không có vùng cấm và ngoại lệ.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, bộ, ngành, chính quyền các cấp và cán bộ, đảng viên phải nhận diện rõ, đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả với các sai phạm, lợi ích nhóm, mưu lợi cá nhân, với các đối tượng có biểu hiện, hành vi chạy chức, chạy quyền; bảo vệ cái đúng, chỉ rõ cái sai, can ngăn những việc làm chưa đúng, phát hiện và xử lý kịp thời việc lạm dụng, lợi dụng quyền lực để thực hiện những hành vi sai trái trong công tác cán bộ hoặc tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền.

- Tập trung kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng trên các lĩnh vực; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ. Chú trọng kiểm tra, giám sát

người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của Chính phủ, công tác giám sát của Quốc hội và các cơ quan hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình; xây dựng quy định xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lời nói và việc làm biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng; người đứng đầu cơ quan, tổ chức đảng phải chịu trách nhiệm nếu không kịp thời phát hiện hoặc phát hiện nhưng chậm xử lý đối với các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

- Tăng cường kiểm soát quyền lực để bảo đảm quyền lực được vận hành công khai, minh bạch, đúng đắn, không bị “tha hóa”; phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời thực hiện nghiêm việc xử lý, điều chuyển, miễn nhiệm, thay thế cán bộ có biểu hiện tham nhũng gây nhiều dư luận xã hội tiêu cực; xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tình trạng tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; đặc biệt phải ngăn ngừa tận gốc những sai phạm, khuyết điểm một cách căn cơ, bài bản dựa trên các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

*Sáu là, tiếp tục hoàn thiện thể chế nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phòng,*

*chống suy thoái, các biểu hiện tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phòng, chống suy thoái, các biểu hiện tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên theo hướng đồng bộ, liên thông, nhất quán trong hệ thống chính trị và phù hợp với thực tế. Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Đảng nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phòng, chống suy thoái, tiêu cực, tham nhũng theo Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 6 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII. Sớm ban hành các quy định nhằm bảo đảm cơ chế giám sát về tư cách đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức. Bổ sung, sửa đổi, ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước bảo đảm phòng ngừa có hiệu quả sự suy thoái, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy, nhất là ở những lĩnh vực quan trọng, những lĩnh vực có nhiều nguy cơ xảy ra sai phạm trong hệ thống chính trị. Cùng với khẩn trương rà soát, loại bỏ các cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cần phải tiếp tục bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách vĩ mô nhằm quản lý tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

\*

\* \* \*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ

những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>1</sup>. Từ những kinh nghiệm, kết quả đạt được trong 90 năm qua, nhất là từ sau Đại hội lần thứ XII của Đảng đến nay, với quyết tâm chính trị cao cùng sự vào cuộc tích cực, đồng bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, Đảng ta sẽ ngày càng trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách cam go để đưa dân tộc đến bến bờ vinh quang.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN VIỆC HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

PGS.TS. HOÀNG PHÚC LÂM\*

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc Việt Nam, biểu tượng sáng ngời về trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, tấm gương hy sinh cao cả, công hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người đã để lại một di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo. Trong bối cảnh hiện nay, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu khách quan của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, mà còn xuất phát từ niềm tin, sự kính trọng của mỗi người dân Việt Nam. *Văn kiện Đại hội*

---

\* Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*đại biểu toàn quốc lần thứ XI* của Đảng khẳng định: “Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là một tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống”<sup>1</sup>.

**1.** Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được phát động trong toàn Đảng, toàn dân bắt đầu từ ngày 03/02/2007, trên cơ sở Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị “Về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đảng phát động cuộc vận động xuất phát từ những lý do chủ yếu sau:

*Một* là, xuất phát từ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản vô giá, đó là tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng về đạo đức. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991) của Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (tháng 01/2011), Đảng tiếp tục khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.257-258.

văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”<sup>1</sup>. Chính vì vậy, tư tưởng đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng để mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân tự giác, tự nguyện học tập và noi theo.

*Hai là*, xuất phát từ thành tựu đạt được sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Đảng đã lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh đến ngoại giao, từ đó đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X* của Đảng nhận định: “Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp”<sup>2</sup>. Đây chính là nhân tố có tính chất quyết định, là nền tảng vững chắc, quan trọng để nước ta phát triển nhanh, bền

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, t.65, tr.177.

vững và toàn diện, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Và đương nhiên để thực hiện được mục tiêu này, đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, mà trước tiên là phải xây dựng được nền tảng đạo đức vững chắc, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”<sup>1</sup>. Đây chính là yêu cầu cơ bản và trước nhất để Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Ba là, xuất phát từ thực trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên cùng với tệ quan liêu, tham nhũng. Mặc dù đã có bước trưởng thành về nhiều mặt sau hơn 20 năm đổi mới, nhưng Đảng vẫn đang phải đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Đó là “tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả”<sup>2</sup>. Trước đó, Đảng đã mở cuộc vận động đẩy mạnh việc nghiên cứu, giáo dục và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27/3/2003 của Bộ Chính trị khóa IX “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”. Tuy nhiên, sau 3 năm thực hiện, “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.142, 175.

chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng<sup>3</sup>. Do đó, nếu không kịp thời và nhanh chóng ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cùng tệ quan liêu, tham nhũng thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự lãnh đạo của Đảng và đến sự tồn vong của chế độ ở nước ta.

Chính vì những lý do trên, ngày 07/11/2006, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW “Về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”“ với mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc, toàn diện về những nội dung cơ bản và những giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm trong việc tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh...; nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là đội tiền phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Cuộc vận động được triển khai đã đáp ứng lòng mong mỏi, tình cảm, sự kính trọng và được đồng đảo cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và quyết tâm thực hiện.

**2.** Trong quá trình triển khai thực hiện, Đảng đã không ngừng tổng kết thực tiễn, tổ chức rút kinh nghiệm để hoàn

thiện nội dung về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của các cấp ủy và tổ chức đảng; sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cuộc vận động đã đạt được kết quả bước đầu sau 4 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, góp phần vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng. Kết quả triển khai cuộc vận động đã khẳng định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là rất quan trọng và cần thiết, không những đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW “Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” nhằm phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện cuộc vận động (theo Chỉ thị số 06-CT/TW) trong thời gian trước đó, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn những nội dung cơ bản và giá trị lớn lao của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến toàn diện, sâu rộng hơn về ý thức, trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng. Nội dung của Chỉ thị tập trung vào những vấn đề cơ bản sau: tiếp tục tổ chức học tập tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, bao gồm cả việc học tập và làm

theo tác phong, phong cách của Người; tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện những chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng và tấm gương Hồ Chí Minh; quy định rõ trách nhiệm tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, của cán bộ, đảng viên; đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể; tiếp tục chỉ đạo việc biên soạn chương trình, giáo trình về đạo đức Hồ Chí Minh để giảng dạy ở các cấp học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các học viện, trường chính trị; luôn luôn coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ; tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người bằng nhiều hình thức phong phú và sinh động. Những nội dung này được xác định là nội dung sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng, gắn với chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, chúng ta đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI. Tuy nhiên, việc học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh còn có những hạn chế, “chưa trở thành việc làm thường xuyên, thành ý thức tự giác của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; không ít nơi vẫn coi đây như là một phong trào, một cuộc vận động; học nhiều nhưng kết quả còn hạn chế. Trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt,

của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa cao, nhiều nơi chưa thực hiện nghiêm, thậm chí có tình trạng cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu trong công tác và trong sinh hoạt, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng”<sup>1</sup>.

**3.** Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Nội dung chủ yếu của Chỉ thị số 06-CT/TW là học tập, làm theo *tư tưởng* Hồ Chí Minh; của Chỉ thị số 03-CT/TW là học tập, làm theo *tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh*; Chỉ thị số 05-CT/TW đã bổ sung, hoàn thiện việc học tập và làm theo *phong cách* Hồ Chí Minh. Theo đó, phong cách Hồ Chí Minh là sự phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện sinh động trong hoạt động, ứng xử hàng ngày. Đó là phong cách tự duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách làm việc dân chủ, khoa học; phong cách ứng xử tinh tế, đầy tính nhân văn; phong cách “nói đi đôi với làm”; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách quần chúng... Với nội hàm đầy đủ, toàn diện, bao quát cả tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 05-CT/TW là văn bản chính thức đầu tiên của Đảng trong công tác chỉ đạo học tập, làm

---

1. Ban Chấp hành Trung ương: *Báo cáo số 02-BC/TW*, ngày 18/6/2016 của Ban Bí thư về tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI “Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Hà Nội, 2016, tr.11-12.

theo toàn bộ di sản vô giá của Người. Đó là sự phát triển, hoàn thiện về nội dung học tập và làm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẳng định quyết tâm chính trị cao độ, đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bối cảnh mới.

**4. Phương thức thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng** rất phong phú, đa dạng, được đồng đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia với tinh thần nhất trí cao.

Để thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, như: Quyết định số 35-QĐ/TW, ngày 16/01/2007 “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 25/7/2016 về “Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Hướng dẫn số 18-HD/BTGTW của Ban Tuyên giáo Trung ương, ngày 10/11/2016 “Về tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và nhân rộng điển hình học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Hướng dẫn số 08-HD/BTGTW của Ban Tuyên giáo Trung ương, ngày 19/8/2016 “Về một số nội dung cụ thể thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... trong đó đều xác định rõ các quan điểm, nguyên tắc thực hiện; xác định

rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp, thời gian, cơ sở vật chất và lực lượng tiến hành.

Cùng với đó, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện thông qua những hoạt động giáo dục chính trị, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân rộng điển hình tiên tiến trong thực hiện nhiệm vụ công tác, trong thực hiện các phong trào thi đua; thông qua việc phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; thông qua công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và thông qua sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nhiều hoạt động hết sức phong phú, thiết thực đã được tổ chức, phát động như: Hội thi "Thuyết trình về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ"; "Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; "Từ lời dạy của Bác đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp"; giao lưu, tọa đàm; đưa nội dung tấm gương đạo đức của Người vào chương trình giáo dục trong nhà trường; phát động cuộc vận động sáng tác về chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"... Qua đó, nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được phát hiện, biểu dương và được xã hội ghi nhận. Phát biểu tại Hội nghị biểu dương các điển hình tiên tiến toàn quốc sau 3 năm thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", ngày 24/01/2010, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã khẳng định: "Thực tiễn 3 năm qua và qua những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến

có mặt và phát biểu tại Hội nghị hôm nay, chúng ta thấy một cách sinh động, sâu sắc mọi người Việt Nam, ai cũng có thể học Bác, làm theo Bác, học và làm theo Bác một cách tự giác, tự nhiên, ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi việc; mỗi người học Bác, làm theo tấm gương đạo đức của Bác là có ích cho chính mình, cho gia đình, con cháu mình và cho xã hội, cho đất nước”<sup>1</sup>. Đây là những minh chứng cho thấy cuộc vận động đã đi đúng hướng, có sức lan tỏa mạnh mẽ, có chiều sâu và hiệu quả thiết thực.

**5.** Việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng, có sức lan tỏa sâu, rộng trong toàn xã hội, tạo không khí phấn khởi, khích lệ cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập và làm theo Người, có tác dụng định hướng xây dựng văn hóa và nhân cách con người Việt Nam. Đồng thời, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ rệt trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết phải giữ gìn, rèn luyện đạo đức cách mạng, phải học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Qua nhiều đợt triển khai, vấn đề đạo đức, phong cách và rèn luyện đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được đặt ra một cách nghiêm túc, toàn diện trong toàn Đảng và toàn xã hội, đặc biệt là trong công tác xây dựng Đảng. Nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cả nhiệm kỳ và hằng năm được gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, của từng cơ quan, đơn vị; góp phần thực hiện thắng lợi

---

1. <http://tnvn.gov.vn/tin-tuc-su-kien/ton-vinh-cac-dien-hinh-tien-tien-hoc-tap-va-lam-theo-tam-guong-dao-duc-ho-chi-m-c1-77.aspx>.

Nghị quyết Đại hội của Đảng trong từng nhiệm kỳ. Những nội dung về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được phổ biến, quán triệt trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của các cấp ủy đảng; đưa vào sinh hoạt đảng định kỳ làm cho sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị có nội dung thiết thực, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, của các cấp chính quyền, đoàn thể được nâng lên. Các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương đã có nhiều biện pháp, hình thức phong phú, đa dạng để vận động, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực, chủ động làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với những việc làm cụ thể, thiết thực. Đã xuất hiện nhiều tấm gương cán bộ, đảng viên gương mẫu, tận tụy, đổi mới lề lối, tác phong làm việc, sâu sát thực tế, nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân, được nhân dân ghi nhận, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, ngày 20/8/2019, đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã khẳng định: “Kết quả thực hiện Chỉ thị đã góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và công tác xây dựng Đảng; hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, đổi mới tác phong làm việc, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu

của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, đóng góp quan trọng cho việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị”<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh hiện nay, để “tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”<sup>2</sup>, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Một là*, lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng và các cấp ủy cụ thể hóa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho từng thời kỳ và hằng năm. Trên cơ sở văn kiện Đại hội nhiệm kỳ của Đảng và chương trình làm việc toàn khóa, hằng năm, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng chương trình, nội dung học tập toàn khóa và hằng năm về những nội dung cốt lõi nhất của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cấp ủy các cấp căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương và đặc điểm tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa từng nội dung cho phù hợp.

*Hai là*, coi trọng và đẩy mạnh trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt

1. <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/41275302-hoi-nghi-toan-quoc-so-ket-ba-nam-thuc-hien-chi-thi-so-05-ct-tw-cua-bo-chinh-tri.html>.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202.

trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó cần tập trung vào ba vấn đề cơ bản là: tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống; và tác phong sinh hoạt, công tác. *Tư tưởng chính trị* cần gương mẫu, tự giác, đi tiên phong trong quán triệt, nghiên cứu, học tập và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, của Nhà nước và nhân dân. *Đạo đức, lối sống* phải gương mẫu thực hiện nghiêm Quy định về những điều đảng viên không được làm của Trung ương; có lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, gần gũi, hòa đồng; thực sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; gương mẫu chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. *Tác phong sinh hoạt và công tác* phải tự giác nêu gương về đức khiêm tốn, giản dị, sâu sát thực tế, gần gũi, lắng nghe và thấu hiểu tâm tư, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những mong muốn, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của cấp dưới và của nhân dân; thực hiện nghiêm Quy định số 08-QĐ/TW của Bộ Chính trị, ngày 25/10/2018 về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

Ba là, phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên trong vận dụng phù hợp việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xây dựng kế hoạch và tự giác làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*B*ốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với đánh giá, nhận xét cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hằng năm và cả nhiệm kỳ. Chỉ đạo các cấp ủy, ủy ban kiểm tra tăng cường kiểm tra việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Động viên tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên làm tốt, đồng thời xử lý những tổ chức, cán bộ, đảng viên không thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*N*ăm là, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ V, đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và chủ động triển khai kế hoạch cần thiết để đưa nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống ngay sau khi tổ chức thành công đại hội đảng các cấp.

## **NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN - NỀN TẢNG CỐT LÕI CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY**

TS. ĐƯƠNG MINH HUẾ\*

**T**rong suốt quá trình ra đời và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để Đảng xứng đáng “là đạo đức, là văn minh”<sup>1</sup>, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Trước bối cảnh mới với nhiều nguy cơ, thách thức, đe dọa đến sự tồn vong của chế độ, xây dựng Đảng về đạo đức hiện trở thành giá trị cốt lõi, nền tảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

### **1. Rèn luyện cần, kiệm, liêm, chính, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích dân tộc, đất nước lên trên hết**

Hai năm sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trước những nhiệm vụ lớn của cách mạng và của đất nước,

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

tháng 10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nhằm chấn chỉnh và đổi mới tác phong công tác của cán bộ, đảng viên (Cuốn sách do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần đầu tiên vào đầu năm 1948). Về mục đích, tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* không phải là tác phẩm chuyên bàn về đạo đức cách mạng, nhưng bên trong nội dung chứa đựng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và chuẩn mực của người cán bộ, đảng viên.

Về tư cách của đảng viên chân chính cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra 12 điều cụ thể và đó không chỉ là tiêu chí của người đảng viên chân chính, mà còn là mục tiêu, hành động của nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nó cũng là nguyên tắc chỉ đạo hành động của Đảng. Người yêu cầu: Mọi công tác của Đảng phải luôn luôn đứng về phía quần chúng, phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư mà dạy bảo cán bộ, đảng viên, phải luôn gắn bó máu thịt với quần chúng. Mọi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, tuyệt đối không được che giấu khuyết điểm của mình, không sợ phê bình, luôn tẩy bỏ những hủ hóa... giữ nghiêm kỷ luật Đảng, đồng thời phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng...

Khi nói về đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt trong mối tương quan giữa mới và cũ, Người chỉ ra đạo đức cách mạng là đạo đức mới, nó khác hẳn về chất so với đạo đức cũ, nó không vì danh vọng, không vì lợi ích của một cá nhân nào, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc và của loài người. Người chỉ ra đạo đức của xã hội cũ là sự phản ánh lợi ích của giai cấp bóc lột, là công cụ tinh thần để nô dịch nhân dân, củng cố địa vị thống trị của các giai cấp bóc

lột và vì lợi ích của thiểu số, trong khi đạo đức cách mạng phản ánh lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn nhân loại, là vũ khí tinh thần để giai cấp công nhân và nhân dân lao động giải phóng mình và giải phóng nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh cho chúng ta thấy rõ đạo đức cách mạng gắn bó một cách chặt chẽ, hữu cơ với sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và mỗi đảng viên của Đảng phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, suốt đời hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, ra sức phấn đấu thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Theo Người, đạo đức cách mạng còn là ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, luôn tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng và khả năng công tác của mình và đồng chí mình, luôn tôn trọng kỷ luật Đảng, tuyệt đối chấp hành sự phân công của Đảng, đồng thời phải hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng giao phó, tích cực hăng hái trong công việc, giữ gìn mối đoàn kết trong Đảng, toàn Đảng phải là một khối thống nhất về cả ý chí và hành động.

Cuối tháng 5, đầu tháng 6/1949, để cổ vũ phong trào “Thi đua ái quốc” và xây dựng “Đời sống mới”, Chủ tịch Hồ Chí Minh với bút danh Lê Quyết Thắng viết bài *Cân, Kiệm, Liêm, Chính*, chỉ rõ rằng: “... Cân, Kiệm, Liêm, Chính là nền tảng của *Đời sống mới*, nền tảng của *Thi đua ái quốc*”<sup>1</sup>.

Việc giáo dục đạo đức cách mạng “cân, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” thực sự góp phần tạo sự chuyển biến mạnh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.117.

mẽ cả về ý thức và hành động, cần khôi phục và đẩy mạnh phong trào thi đua “Người tốt, việc tốt”, thực hiện nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức trong cán bộ, đảng viên. Đây chính là phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh. Muốn thực hiện được những điều đó, cán bộ, đảng viên phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, vì chủ nghĩa cá nhân có tính chất đặc biệt nguy hại, luôn là vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh phải trăn trở, suy nghĩ và tìm nhiều biện pháp kiên quyết phòng, chống. Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ *chủ nghĩa cá nhân* từ năm 1947 trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người chỉ rõ: “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”<sup>1</sup>.

Trong *Lời chào mừng Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ II*, ngày 07/7/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Anh hùng, chiến sĩ thi đua đã là những người tiên phong trong sản xuất, mà cũng là gương mẫu về đạo đức cách mạng. Họ đặt lợi ích chung của dân tộc trên lợi ích riêng của cá nhân. Họ toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân chứ không phải nửa tâm nửa ý. Họ không sợ khó nhọc, ra sức vượt mọi khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho họ, chứ họ không suy bì hơn thiệt của cá nhân, không ganh tị về địa vị và hưởng thụ. Họ không giấu nghề, không dìm những anh em chung quanh mình, họ giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ. Họ không tự kiêu, tự mãn, tự tư tự lợi”<sup>2</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.295.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.496-497.

Năm 1969, trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng bên cạnh những cán bộ, đảng viên hăng hái, dũng cảm, đầy mạnh phong trào thi đua, đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, trong công tác vẫn còn một số ít cán bộ, đảng viên đạo đức, phẩm chất còn thấp kém, mang nặng “chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo “mình vì mọi người” mà chỉ muôn “mọi người vì mình”<sup>1</sup>.

Theo Người, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của cách mạng, nó là nguồn gốc của những “căn bệnh” làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm tha hóa Đảng. Chủ nghĩa cá nhân “trái ngược với đạo đức cách mạng... là một thứ rất gian giảo, xảo quyết; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc”<sup>2</sup>. Đây là sự nguy hiểm tiềm tàng làm cho Đảng mất dần tính cách mạng, tính trí tuệ, tính đạo đức, tính nhân dân... Chừng nào còn chủ nghĩa cá nhân thì cách mạng còn gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, chống chủ nghĩa cá nhân là việc làm cần thiết, thường xuyên của những người cộng sản chân chính. Người cho rằng, mỗi cán bộ, đảng viên không phải cứ viết trên trán mình hai chữ “cộng sản” là được nhân dân yêu mến, mà phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng, chống sa vào chủ nghĩa cá nhân, góp phần làm cho Đảng ta thật sự “là đạo đức, là văn minh”<sup>3</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546-547.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.602.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng nặng nề của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cả nước phải đồng lòng, nhất trí, mang hết sức mình vì nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân tộc là đánh thắng đế quốc Mỹ, giành độc lập cho đất nước. Do đó, Người nêu lên nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, cho dù cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, lâu dài và gian khổ bằng nhiều hình thức phong phú gắn với những điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Cuộc đấu tranh đó không kém cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù ngoại xâm, có khi còn khó khăn hơn, bởi lẽ, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù không lộ nguyên hình, nó ẩn nấp tinh vi trong tư tưởng, suy nghĩ và hành vi của mỗi cá nhân. Vì vậy, đạo đức cách mạng là “vô luận” trong hoàn cảnh nào cũng phải quyết tâm đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

## **2. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng, về hy sinh hết thảy vì lợi ích của Đảng, của dân tộc. Người luôn mong mỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, Đảng không có lợi ích gì khác. Do đó, Người nhấn mạnh: “mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng

lợi ích lâu dài. Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng”<sup>1</sup>.

Thực hiện những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã luôn chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong công cuộc đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) là bước đột phá về xây dựng Đảng với tư duy mới, phong cách lãnh đạo mới. Đại hội Đảng các khóa đều nhấn mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Công cuộc đổi mới ngày càng phát triển với những thành tựu to lớn, công tác xây dựng Đảng có những thành công quan trọng nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém; thậm chí có nhiều yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ. Trước yêu cầu mới, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (tháng 11/2012) ban hành Nghị quyết về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, trong đó vấn đề được đặt lên hàng đầu là kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Vì thế, việc cán bộ, đảng viên tự tu dưỡng, rèn luyện, học tập vì lương tâm, danh dự, trách nhiệm của người cộng sản có ý nghĩa rất quan trọng, căn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.290-291.

bản và bền vững đối với nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nước ta đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thuận lợi còn chịu sự chi phối từ mặt trái của cơ chế thị trường, từ những tiêu cực nảy sinh trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Do đó, chủ nghĩa cá nhân có điều kiện phát triển với những biểu hiện phức tạp và ngày càng tinh vi. Hiện nay, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là những người có chức quyền đang trở thành vấn đề bức xúc của toàn xã hội, nhưng chậm được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, hoặc có ngăn chặn nhưng hiệu quả chưa cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện; ở một số cấp ủy, việc giáo dục đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ hoặc mang tính hình thức. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có những diễn biến phức tạp. Do thoái hóa về ý thức hệ, lý tưởng chính trị, biến chất về đạo đức, lối sống, để cho chủ nghĩa cá nhân phát triển đã làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, gây trở ngại lớn đến sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới ngày càng nặng nề, Đảng chỉ đạo tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và kiểm soát quyền lực trong thực

thi nhiệm vụ, công vụ, quyền hạn được giao, nhất là kiểm soát việc lạm quyền, lộng quyền, lợi dụng quyền lực để trục lợi. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra, giám sát thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiểm tra việc tu dưỡng, rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gợi ý kiểm điểm và kiểm tra việc khắc phục các hạn chế, yếu kém qua kiểm điểm được chỉ ra tại các đại hội, hội nghị, đặc biệt theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo,... và giải quyết một số vụ, việc nổi cộm trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, quyền hạn được giao của một số cán bộ, đảng viên.

Với tinh thần tích cực, khẩn trương, nghiêm túc và trách nhiệm, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị được thành lập với mong muốn đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng thêm một bước, góp phần tích cực trong khắc phục tình trạng suy giảm về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên của Đảng. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng, có 56.572 đảng viên bị xử lý kỷ luật, trong đó có 16.259 cấp ủy viên các cấp. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tiến hành kiểm tra 13 tổ chức đảng và 33 đảng viên. Qua kiểm tra, kết luận các tổ chức đảng, đảng viên đều có khuyết điểm, vi phạm, trong đó đề nghị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách 3 tổ chức đảng, thi hành kỷ luật 13 đảng viên (trong đó khiển trách 7, cảnh cáo 6).

Ủy ban kiểm tra các địa phương, đơn vị đã kiểm tra 15.898 tổ chức đảng và 55.217 đảng viên, trong đó số tổ chức đảng có vi phạm là 10.478, phải thi hành kỷ luật 791 tổ chức đảng; số đảng viên có vi phạm là 42.757, trong đó phải thi hành kỷ luật 20.344 trường hợp<sup>1</sup>.

Tháng 01/2016, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn, do đó, Đảng xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ, trong đó, nhiệm vụ tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, được coi là nhiệm vụ quan trọng, then chốt.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII của Đảng xác định phải: “Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; cán bộ, đảng viên vi phạm phải có hình thức xử lý kịp thời, chính xác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng. Cấp ủy các cấp chỉ đạo nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên; đồng thời,

---

1. Xem Ủy ban Kiểm tra Trung ương: *70 năm truyền thống ngành kiểm tra Đảng (1948 - 2018)*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2018, tr.286.

tiến hành rà soát, sàng lọc và đưa ngay những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng”<sup>1</sup>. Để thực hiện 10 nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng Đảng, nhất là hai nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đề ra, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cụ thể hóa ở các Hội nghị Trung ương 4, 6, 7, 8, với việc lần lượt ban hành các Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương” để thực hiện toàn diện, đồng bộ các nội dung của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó tập trung vào việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.45.

những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chỉnh đốn tổ chức, trong đó tập trung vào việc đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của cả hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chỉnh đốn đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, trong đó tập trung vào việc đổi mới mạnh mẽ các khâu của công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; cụ thể hóa thực hiện nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó tập trung vào đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 21/01/2019, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII ra Chỉ thị số 28-CT/TW “Về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rèn soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng” nhận định: Còn một bộ phận đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu bản lĩnh, bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; có việc làm, phát ngôn sai nguyên tắc, trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng; một số có biểu hiện dao động, hoài nghi về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Những khuyết điểm, yếu kém đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Với quyết tâm đẩy lùi nạn tham nhũng, lãng phí, tình trạng suy giảm về đạo đức, lối sống, “hình thành cơ chế phòng ngừa ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, góp phần ngăn

chặn, răn đe, cảnh tỉnh để “không thể tham nhũng”<sup>1</sup>, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến đầu năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 45 nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng; Quốc hội đã thông qua 45 luật, pháp lệnh, 46 nghị quyết; Chính phủ đã ban hành 511 nghị định, 413 nghị quyết, 160 quyết định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng; đã thi hành kỷ luật 53.306 đảng viên với hơn 60 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 16 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, thậm chí xử lý đến cả Ủy viên Bộ Chính trị<sup>2</sup>.

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII về công tác xây dựng Đảng, đồng đảo cán bộ, đảng viên, kể cả những người dân có trách nhiệm đối với đất nước đều có thể cảm nhận rằng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện vừa toàn diện, đồng bộ; vừa có trọng tâm, trọng điểm và chọn đúng khâu đột phá để thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng được đẩy mạnh, chỉnh đốn được tăng cường; siết chặt kỷ luật, kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

---

1, 2. Trích Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại phiên họp thứ 15 Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, ngày 21/01/2019.

đề cao trách nhiệm của cấp ủy và sự gương mẫu của cấp trên, người đứng đầu các cấp; tăng cường sự đoàn kết thống nhất của Đảng và sự đồng thuận trong xã hội và huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được kết quả khá toàn diện trên các mặt, nhất là đã từng bước khắc phục được một số hạn chế, yếu kém kéo dài đối với một số lĩnh vực khó, phức tạp, nhạy cảm như: đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý nghiêm, “không có vùng cấm” đối với cán bộ, đảng viên vi phạm, kể cả cán bộ đã nghỉ hưu; kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn; tinh giản biên chế; kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền... Bên cạnh đó, công tác tư tưởng được Đảng coi trọng và tăng cường hơn; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương đạt kết quả bước đầu quan trọng. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ được tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc, có hiệu quả. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã được đổi mới, sắp xếp tinh gọn hơn; giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm lãnh đạo và tinh giản biên chế đạt kết quả rõ nét. Công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ tiếp tục được đổi mới và tạo một số chuyển biến tích cực; quy trình công tác cán bộ ngày càng dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn; bước đầu ngăn chặn, khắc phục được một số hạn chế, yếu kém, tiêu cực trong công tác cán bộ, như tình trạng chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy phiếu bầu...

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, năng lực lãnh đạo của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái. Có nơi lựa chọn đối tượng kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm lại né tránh không kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp, chủ yếu lựa chọn cán bộ, đảng viên không có chức vụ để kiểm tra hoặc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên cách nhiều cấp để kiểm tra được nhiều đảng viên và dễ xử lý khi có vi phạm.

Trước yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay cần phải được đẩy mạnh và tăng cường, tập trung vào kẻ thù nguy hiểm nhất là chủ nghĩa cá nhân. Để chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, chúng ta cần nhận thức, quán triệt một cách đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản để chống chủ nghĩa cá nhân, củng cố đạo đức cách mạng, giữ vững niềm tin của quần chúng nhân dân, trong đó chú trọng tăng cường công tác giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, đảng viên về mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Tuyên truyền rộng rãi trong toàn

Đảng, toàn dân ta về tác hại và những biểu hiện mới của chủ nghĩa cá nhân, để từ đó nhận diện và có biện pháp ngăn chặn. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu dài và là tiêu chí cao nhất của phong trào thi đua của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân. Xác định các tiêu chí về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên gắn với quán triệt Quy định về những điều đảng viên không được làm và chức trách, nhiệm vụ của từng người. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp cần có kế hoạch học tập thường xuyên, không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tư cách đảng viên; khắc phục mọi biểu hiện trung bình chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, mơ hồ mất cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu và những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đồng thời, phải giữ vững các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình cả hai chiều từ trên xuống và từ dưới lên, phát huy sự gương mẫu của người đứng đầu.

## **CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

TS. LÊ ĐỨC HOÀNG\*

### **1. Công tác tư tưởng của Đảng gắn liền với những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam**

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, định hình những nét cơ bản nhất về công tác tư tưởng của Đảng ở cả ba hình thái: công tác lý luận, công tác tuyên truyền và công tác cổ động, thông qua việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03/02/1930), công tác nghiên cứu lý luận càng được đẩy mạnh; công tác tuyên truyền, cổ động được phát triển cả về tổ chức và lực lượng, ngày càng thể hiện rõ vai trò, vị trí quan trọng hàng đầu, góp phần cổ vũ, động viên toàn dân tộc làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và tiếp đó là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, “chấn động địa cầu”<sup>1</sup>. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác tư tưởng có bước phát triển

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.58, tr.614.

mới, nội dung phong phú, hình thức sinh động, trở thành nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Lịch sử đã chứng minh, dân tộc Việt Nam chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược không chỉ bằng sức mạnh vật chất mà còn bởi sức mạnh tinh thần, sức mạnh của ý chí và niềm tin mãnh liệt ở ngày mai tất thắng. Góp phần làm nên sức mạnh phi thường ấy, không thể không kể đến vai trò to lớn về công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên thực tế, sức mạnh của công tác tư tưởng cũng được quan điểm sử học tư sản tổng kết: “Một đài phát thanh cũng có thể bình định xong một đất nước”; “Một đôla chi cho tuyên truyền có tác dụng ngang với năm đôla chi cho quốc phòng”<sup>1</sup>. Còn các nhà tư tưởng mácxít khẳng định: “Vai trò của công tác tuyên truyền chính là làm cho lý luận thâm nhập vào quần chúng để qua đó trở thành lực lượng vật chất”<sup>2</sup>. Đảng khẳng định tại Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”: “Công tác tư tưởng, lý luận là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định và nâng cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hóa và đạo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.28.

2. Lương Khắc Hiếu: *Nguyên lý công tác tư tưởng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.II, tr.33.

đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

Công tác tư tưởng gắn với quá trình ra đời, xây dựng, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản. Suốt 90 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn coi trọng công tác tư tưởng, từ khâu đề ra chủ trương đến việc chỉ đạo tiến hành các mặt hoạt động của công tác tư tưởng, đó là: công tác nghiên cứu lý luận và giáo dục lý luận chính trị; công tác tuyên truyền miệng, cổ động trực quan; công tác báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; xây dựng bộ máy tổ chức tiến hành công tác tư tưởng... Chính công tác nghiên cứu lý luận đã tạo cơ sở vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn; chỉ đạo tiến hành công tác tuyên truyền, đưa đường lối cách mạng đến với các tầng lớp nhân dân, giúp họ hiểu, tin tưởng, tạo sự đồng thuận hành động cách mạng; động viên, cổ vũ các phong trào đấu tranh cách mạng, phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, rộng khắp. Bởi vậy, công tác tư tưởng đã góp phần to lớn vào những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân Pháp, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.41.

- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế;

- Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn qua các giai đoạn cách mạng, *công tác tư tưởng* của Đảng đã bổ sung nội dung về văn hóa - văn nghệ, thường gọi là *công tác tư tưởng - văn hóa*; sau đó bổ sung nội dung về khoa giáo, đổi thành *công tác tuyên giáo*. Như vậy, *công tác tuyên giáo* là cụm từ chỉ các hoạt động tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra của Đảng về lĩnh vực tư tưởng, văn hóa - văn nghệ và khoa giáo; được tiến hành ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị, trường học, lực lượng vũ trang... Hiện nay, tuyên giáo là một ngành, một lĩnh vực công tác của Đảng, có hệ thống tổ chức thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm bốn cấp:

- *Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng* là “cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; về chủ trương, quan điểm và chính sách của Đảng trong lĩnh vực tuyên truyền, lý luận chính trị, lịch sử Đảng, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thông tin đối ngoại, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia

dình, trẻ em; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của Đảng”<sup>1</sup>.

- *Ban tuyên giáo tỉnh ủy* là “cơ quan tham mưu của tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy và thường trực tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị tư tưởng, tuyên truyền, lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương”<sup>2</sup>; đồng thời “là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của tỉnh ủy”<sup>3</sup>.

- *Ban tuyên giáo huyện ủy* là “cơ quan tham mưu của huyện ủy mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ và thường trực huyện ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương”<sup>4</sup> và “là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của huyện ủy”<sup>5</sup>.

- *Ban tuyên giáo đảng ủy xã* chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cùng cấp, có chức năng tham mưu, giúp việc cho cấp ủy xã về các mặt công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo, biên soạn - bổ sung lịch sử đảng bộ địa phương, đơn vị và

1. Quyết định số 144-QĐ/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương”.

2, 3. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy”.

4, 5. Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 27/12/2013 của Ban Bí thư “Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy”.

trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tuyên giáo trên địa bàn cơ sở<sup>1</sup>.

## **2. Công tác tư tưởng luôn chủ động, tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

Bên cạnh việc đề ra đường lối, tuyên truyền, cổ động các tầng lớp nhân dân hiểu, tin và hành động theo đường lối cách mạng, Đảng ta còn phải tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Từ năm 1932, những chiến sĩ cộng sản của Đảng như các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt... đã tích cực đấu tranh chống quan điểm sai lầm của tù chính trị Quốc dân Đảng tại Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) và Nhà tù Côn Đảo. Bằng lý lẽ xác đáng, với nhiều bài viết sắc sảo, lập luận đanh thép, đủ luận cứ chứng minh tính đúng đắn về tư tưởng và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản đã làm cho nhiều người trong Quốc dân Đảng như Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình), Trần Huy Liệu, Tưởng Dân Bảo, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Văn Xuân, Tô Chấn... chuyển sang lập trường vô sản, đứng vào hàng ngũ cộng sản, tích cực hoạt động, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

Tiếp đó là cuộc tranh luận về duy tâm và duy vật (từ tháng 10/1933), rồi cuộc tranh luận giữa quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật” và “nghệ thuật vị nhân sinh” (từ tháng 8/1935), và đấu tranh công khai với Đảng Lập hiến và tư

---

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo cơ sở*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.22.

tưởng Trótkít. Đại diện cho Đảng Cộng sản là đồng chí Hải Triều, tên thật là Nguyễn Khoa Văn và một số đồng chí khác viết nhiều bài tranh luận với Phan Khôi<sup>1</sup>, khẳng định giá trị khoa học của triết học duy vật biện chứng, bảo vệ triết học Mác - Lê nin. Cuộc tranh luận giữa quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” với đại biểu là Hải Triều, Trần Huy Liệu, Hồ Xanh, Lâm Mộng Quặng, Hải Âu... và quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật” của nhóm Hoài Thanh, Thiếu Sơn, Lưu Trọng Lư... diễn ra khá sôi nổi, với nhiều bài bút chiến kéo dài nhiều năm. Đặc biệt lúc bấy giờ, báo chí, xuất bản cách mạng đã đấu tranh công khai với Đảng Lập hiến<sup>2</sup> của giai cấp tư sản, tay sai thực dân Pháp ở Nam Kỳ và đấu tranh với tư tưởng Trótkít ở Việt Nam của các phần tử như Tạ Thu Thảo, Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm nhân danh “Đệ tứ Quốc tế” đả kích Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và Liên Xô.

Nhận thức rõ “chủ nghĩa Tòrőtxky là nguy hiểm nhất”<sup>3</sup> bởi nó làm cho một số đảng viên dao động dẫn đến nguy cơ

1. Phan Khôi viết bài đăng báo cho rằng, tinh thần sinh ra vật chất (tức là ý thức quyết định vật chất), ca ngợi văn minh Pháp, chê bai tinh thần người Việt. Hải Triều và một số người khác viết bài bác lại, cho rằng Phan Khôi là nhà duy tâm.

2. Khi đó, Đảng Lập hiến không mấy chú tâm vào việc vận động quần chúng lao động mà chỉ trông vào giới trung lưu người Việt. Ưu tiên của Đảng là thỏa hiệp với chính quyền thuộc địa để đạt được tiến bộ xã hội và bình đẳng với người Pháp rồi tiến đến tự trị. Trong khi đó chính quyền thực dân thì giữ mãi thái độ trì hoãn và không thực tâm cải cách để duy trì quyền lực nên Đảng Lập hiến bị chi phối.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.293.

chia rẽ nội bộ Đảng và tạo nên những nghi vấn trong quần chúng, ngày 05/5/1937, đồng chí Hà Huy Tập với bút danh Thanh Hương xuất bản cuốn sách *Tờ rốtxky và phản cách mạng*. Cuốn sách trình bày quá trình Tờ rốtxky (Trótkít) chống lại V.I. Lenin, Đảng Cộng sản Liên Xô, Quốc tế Cộng sản, Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha, chính sách Quốc - Cộng hợp tác ở Trung Quốc. Đồng chí Hà Huy Tập kết luận: Tờ rốtxky và tổ chức Đệ tứ Quốc tế của ông ta là một tổ chức phản động quốc tế, là “đội tiền phong của giai cấp tư sản phản động quốc tế”. Thông qua đó tác phẩm đã thu hút được đội ngũ báo chí cách mạng, cảm hóa và lôi kéo được nhiều cây bút từng tham gia viết bài cho Trótkít như Nguyễn Thị Lựu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Trần<sup>1</sup>...

Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với bút danh Trí Cường xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* bàn về cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt ở Nam Kỳ mà các đồng chí cộng sản thất bại, còn phái Trótkít (Thâu, Hùm, Thạch) lại đắc cử. Đồng chí chỉ rõ việc thất bại là do một số đồng chí cộng sản có khuyết điểm về cách tuyên truyền và vận dụng chủ trương của Đảng, như tuyên truyền còn trừu tượng, ít tính thuyết phục, khẩu hiệu đấu tranh chưa phù hợp, giải thích chính sách của Đảng không rõ; mặt khác, còn do tư tưởng coi thường nạn Trótkít trong khi các phần tử Trótkít đã lừa bịp, lôi kéo được quần chúng bỏ phiếu cho họ. Từ đó, đồng chí Nguyễn Văn Cừ thẳng thắn nêu rõ: “Người cộng sản có

---

1. Xem *Đồng chí Hà Huy Tập với công tác xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016, tr.160-161.

bổn phận *nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng chứ không phải theo đuôi họ hay phỉnh họ*<sup>1</sup>.

Những năm 1939 - 1945 diễn ra cuộc đấu tranh chống tư tưởng xuyên tạc việc Quốc tế Cộng sản bị giải tán, nghĩa là những người cộng sản đầu hàng, theo đuôi tư bản. Lúc bấy giờ, Tổng Bí thư Trường Chinh đã trực tiếp viết bài đấu tranh phản bác những luận điểm xuyên tạc; nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “Vô luận trong tình thế nào, chúng ta cũng không được hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, coi thường nhiệm vụ của Đảng, hoặc làm lu mờ sứ mệnh lịch sử thiêng liêng của giai cấp vô sản Đông Dương”<sup>2</sup>. Lúc này, Đảng còn đấu tranh với các phần tử A.B và những luận điệu chính trị thân Nhật. Trong tài liệu “Làm thế nào để nhận biết một phần tử A.B?” đăng báo *Cờ giải phóng* ngày 25/12/1944, Đảng chỉ rõ: “A.B là bọn khiêu khích làm tay sai cho đế quốc, đội lốt cộng sản chui vào Đảng để dò xét và phá hoại Đảng... Bọn đế quốc dùng bọn A.B cho đeo mặt nạ vào Đảng để ngầm phá Đảng... phải hết sức tỉnh táo, hằng ngày, hằng giờ, hằng phút kiểm tra hằng ngũ để tìm ra bọn A.B đang kịp thời đối phó”<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, những năm 1940 - 1945, ở Nhà tù Hỏa Lò có một loại tù chính trị là tay sai của Nhật trong các tổ chức đảng phái, như Đảng Phục quốc đồng minh, Đại Việt quốc gia liên minh... bị đế quốc Pháp bắt giam. Trong tù, chúng hoạt động chống phá Đảng Cộng sản, nói xấu Liên Xô, đề cao phát xít

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.644.

2, 3. *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam 1925 - 1954*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.248-249, 287-288.

Nhật và thuyết “Đại Đông Á” của Nhật. Các chiến sĩ cộng sản trong tù đã quyết liệt đấu tranh, đặc biệt là đồng chí Hoàng Văn Thụ đã dùng “khẩu chiến” với những lập luận xác đáng, vạch rõ bản chất phát xít, chiến tranh đế quốc, khẳng định sự đúng đắn của Đảng. Nhờ vậy, một số người lầm đường nhận thức và đi theo cộng sản<sup>1</sup>.

Giai đoạn 1945 - 1954, là cuộc đấu tranh chống tư tưởng phản động trong giai cấp địa chủ, tư sản và một số phần tử trong Mặt trận quốc gia liên hiệp thân Pháp có ý đồ thành lập Cộng hòa tự trị Nam Kỳ. Bên cạnh đó, còn phải đấu tranh với tư tưởng dao động, thỏa hiệp, “tả” khuynh khi Đảng chủ trương ký với Pháp Hiệp định sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9/1946. Đặc biệt gay gắt là cuộc đấu tranh chống âm mưu xuyên tạc của quân Tưởng và tay sai phá hoại cách mạng Việt Nam; đánh tan âm mưu của bọn phản cách mạng trong tổ chức Việt Quốc, Việt Cách qua vụ án Ôn Như Hầu xảy ra tại Hà Nội năm 1946. Ngoài ra, còn đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong tư tưởng cán bộ, đảng viên, thực hiện cuộc vận động chỉnh huấn trong Đảng, quân đội, đoàn thể (1952 - 1953), chống tư tưởng chủ quan nóng vội, muốn “đánh nhanh thắng nhanh”.

Trong những năm 1954 - 1975, là cuộc đấu tranh chống tư tưởng sai lầm, “tả” khuynh trong cải cách ruộng đất và tư tưởng sai lầm của nhóm “Nhân văn - Giai phẩm”; khắc phục tàn dư tư tưởng lạc hậu và chiến tranh tâm lý của địch; chống tư tưởng bi quan, sợ hy sinh gian khổ, sợ kháng chiến

---

1 . Xem *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam 1925 - 1954*, Sđd, tr.267.

lâu dài sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 và tư tưởng chủ quan, xả hơi khi Hiệp định Pari được ký kết năm 1973. Đặc biệt, những năm 1950 - 1960, xuất hiện chủ nghĩa xét lại tiến công vào giá trị khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên quyết, kiên trì đấu tranh, phê phán chủ nghĩa xét lại và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và ở các nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, Nghị quyết Trung ương 9 khóa III (tháng 12/1963) của Đảng “Về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng” đã đóng góp quan trọng trên mặt trận đấu tranh tư tưởng, lý luận.

Trong những năm 1975 - 1985, là cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại về mặt tư tưởng, đồng thời, đấu tranh với tư tưởng tiêu cực, hoang mang, không tin tưởng vào chế độ cộng sản và các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội; sự bi quan, thất vọng trước tình hình khó khăn của đất nước trong bối cảnh bị đế quốc Mỹ bao vây cấm vận, còn Liên Xô đang dần rời vào khủng hoảng... Nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xét lại và cơ hội một lần nữa gây ảnh hưởng xấu, tổn thất lớn trong các nước xã hội chủ nghĩa. Vẫn thủ đoạn phủ định và coi chủ nghĩa Mác - Lê nin đã lỗi thời nhằm phá tan những thành quả to lớn, xóa bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, từ âm mưu phá hoại nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng để phủ nhận vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, truyền bá chủ nghĩa đa nguyên chính trị và chế độ đa đảng, phủ nhận thành quả cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo và chế độ xã hội chủ nghĩa mang lại, các thế lực phản động ở trong nước ra sức

phá hoại và chờ thời cơ thực hiện hành động lật đổ. Thế lực thù địch lưu vong ra sách, báo, lập đài phát thanh chống cộng, thực hiện chiến dịch “chuyển lửa về quê nhà” hy vọng “diễn biến hòa bình” sẽ diễn ra ở Việt Nam.

Sự chủ động trong đấu tranh và phòng ngừa của Đảng thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI (tháng 3/1989), đề ra những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, khẳng định: “*Chủ nghĩa Mác - Lenin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta*”<sup>1</sup>; “Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”<sup>2</sup>.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay, các thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng luôn xác định tấn công trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa là một “mũi đột phá”, “vũ khí lợi hại”; sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “dân tộc”, “nhân quyền”, “tôn giáo”, triệt để sử dụng sức mạnh các phương tiện truyền thông hiện đại, internet, đồng thời còn tấn công vào báo chí cách mạng với chiêu bài “tự do ngôn luận”, “tự do báo chí” để triển khai các hoạt động chống phá, hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam. Trong bối cảnh đó, công tác tư tưởng của Đảng không ngừng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.49, tr.591.

đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, lý luận và văn học nghệ thuật; tích cực đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng, trong đó rất coi trọng việc đấu tranh qua internet. Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Bên cạnh đó, Đảng cũng đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, tích cực xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

### **3. Một số vấn đề đặt ra cho công tác tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay**

*Một* là, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi lối sống, cách giao tiếp, liên kết và cách thức làm việc của con người, làm cho ranh giới giữa thế giới thực và thế giới ảo bị xóa nhòa. Cách thức thu - nhận, trao đổi thông tin, tình cảm, tư tưởng được thực hiện qua nhiều “kênh”, cả kênh truyền thống và phi truyền thống, cả chính thống và phi chính thống (qua internet, website, blog, phát thanh, truyền hình, điện thoại di động...). Khi thông tin lan truyền với tốc độ nhanh, yêu cầu phải tiếp cận đa chiều, càng đòi hỏi cao hơn về phẩm chất, năng lực, bản lĩnh của người cán bộ tuyên giáo, phải nắm chắc lý luận, vững vàng lập trường chính trị, đủ khả năng xử lý thông tin, kịp thời định hướng nhận thức xã hội.

*Hai* là, quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, đặt ra những vấn đề cần phải tiếp tục quan tâm giải quyết, bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích quốc gia, dân tộc với lợi ích quốc tế, tạo sự bình đẳng trong các mối quan hệ. Hội nhập quốc tế sâu rộng mang lại những mặt tích cực là cung cấp thông tin, những thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại trên các lĩnh vực, thu hẹp không gian, thời gian, tăng cường sự giao lưu hợp tác, sự liên kết mọi hoạt động, làm thay đổi sự hiểu biết, nhận thức, tình cảm, lối sống của người dân. Tuy nhiên, mặt trái là sự quá tải thông tin, tính phức tạp của các loại thông tin nếu không được định hướng kịp thời dễ dẫn tới sự dao động, hoài nghi, dễ bị lôi kéo, kích động, nhất là đối với tầng lớp thanh niên, giới trẻ. Trên thực tế, một bộ phận không nhỏ giới trẻ ngày nay quay lưng với giá trị truyền thống của dân tộc, thích ăn chơi hưởng thụ, lười lao động, đòi hỏi nhiều hơn cống hiến. Để đứng vững trên mặt trận tư tưởng, làm tốt công tác tuyên giáo của Đảng trong tình hình mới, đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ tuyên giáo thật sự xứng tầm, thực sự vững về lập trường, giỏi về chuyên môn, sáng về đạo đức; không chỉ có viết tốt, nói tốt mà còn đòi hỏi trình độ công nghệ thông tin tốt, tư duy phản biện sắc sảo.

*Ba* là, những khó khăn, thách thức của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sự thăng trầm trong quá trình phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là từ sau năm 1991 đến nay đã ảnh hưởng tới niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về mô hình, ý thức hệ, nền tảng tư tưởng của chế độ mà chúng ta đang xây dựng.Thêm vào đó là sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch cùng với sự tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản, những mâu

thuẫn mới xuất hiện trong thời đại ngày nay, kể cả các vấn đề phi truyền thống trên các lĩnh vực ý thức hệ, chiến tranh và hòa bình, an ninh, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Chủ nghĩa cường quyền, áp đặt của một số nước lớn, chủ nghĩa khủng bố, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền, biển, đảo, biên giới lãnh thổ ngày càng diễn biến khó lường.

Bốn là, đất nước ta sau gần 35 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, vẫn còn những khó khăn, hạn chế, có tác động đến công tác tư tưởng của Đảng, đó là:

Trong Đảng và xã hội không chỉ xuất hiện nhiều ý kiến khác, mà còn có những ý kiến trái ngược, thậm chí phủ định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một số bức xúc trong nhân dân đối với công tác triển khai một số chủ trương, chính sách, khi bị các thế lực thù địch lợi dụng, kích động dẫn đến khiếu kiện, đình công, biểu tình, chống, bắt người thi hành công vụ, đập phá tài sản công và tài sản cá nhân của người thi hành công vụ. Biểu hiện lợi dụng lòng yêu nước làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, môi trường hòa bình và đường lối đối ngoại của Việt Nam. Mặt trái kinh tế thị trường tác động làm cho chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền có khuynh hướng nổi trội. Các căn bệnh quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm” trong nhiều lĩnh vực; các biểu hiện chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy điểm gây bức xúc trong xã hội. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, bộ máy, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị bên cạnh mặt tích cực còn nảy sinh hạn chế, yếu kém, tác động tới tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cơ chế và công tác thực hiện kiểm soát quyền lực chưa hiệu quả, dẫn tới biểu hiện mất dân chủ, lợi dụng, lạm dụng quyền lực để mưu đồ lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm.

Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn được đặt ra, cần lý giải một cách khoa học, rõ ràng, như: cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới tư duy, nâng tầm năng lực và phong cách lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước; lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm một đảng cầm quyền, xứng đáng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam...

Năm là, sự biến đổi đa chiều, phức tạp về đối tượng, phương thức, phương tiện của công tác tuyên giáo, nhất là trình độ dân trí ngày càng cao, nhu cầu tiếp nhận thông tin lớn, có nhiều kênh để tiếp cận thông tin. Trong khi đó, các thế lực cơ hội, phản động, thù địch tăng cường chống phá ta trên nhiều mặt, nhất là trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, báo chí... với những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc, với các phương tiện, cách thức tuyên truyền hiện đại, nhất là trên không gian mạng nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến” trong nội bộ ta.Thêm vào đó, các thế lực thù địch liên tục đổi mới phương thức, thủ đoạn, tăng cường móc nối với bên trong, kích động, tập hợp, tập dượt biếu tình, chống phá Đảng và Nhà nước.

#### **4. Một số đòi hỏi cấp thiết trong việc tăng cường tính chủ động, kịp thời định hướng thông tin; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo**

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, công tác tư tưởng, tuyên giáo của Đảng cần nâng cao hơn nữa tính chủ động, kịp thời định hướng thông tin, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng, không để xảy ra bị động, bất ngờ trước thực tiễn. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến mới, phức tạp, khó lường và đất nước ta có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút”<sup>1</sup>, các thế lực thù địch càng đẩy mạnh hoạt động chống phá với nhiều thủ đoạn mới, tinh vi, xảo quyệt, đặc biệt là chúng triệt để sử dụng internet, mạng xã hội. Do vậy, hồn lúc nào hết, càng đòi hỏi ngành tuyên giáo phải phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm, lợi thế của mình, đi tiên phong, quyết liệt, giành thời lượng nhất định quyết tâm đấu tranh làm thất bại quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời, phải thực sự là đội quân xung kích trong việc phát hiện, phản ánh, tố giác hiện tượng tiêu cực, nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí, biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” để ngăn chặn “giặc ở trong lòng”.

- Tự làm trong sạch, nâng cao uy tín, vị thế bản thân, tiêu diệt “giặc ở trong lòng”, nghiêm túc nhìn thẳng vào sự

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.68.

thật để nói rõ sự thật, tự phê bình và phê bình có chất lượng, dám thừa nhận khuyết điểm, tự nguyện sửa chữa, khắc phục hạn chế cũng là một vấn đề quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng. Tăng cường việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là sự trong sáng, minh bạch của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”. Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm*, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình”<sup>1</sup>.

Để đứng vững trên mặt trận tư tưởng, làm tốt công tác tuyên giáo của Đảng trong tình hình mới, đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ tuyên giáo thật sự xứng tầm, đủ về lượng, đạt về chất; cần xác định cán bộ tuyên giáo là cái gốc của công tác tuyên giáo<sup>2</sup>. Chất lượng, hiệu quả công tác tuyên giáo của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.362.

2. Tháng 01/1949, Đảng ban hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương 6, trong đó đề cao việc mở lớp đào tạo cán bộ tuyên huấn, thiết lập hệ thống trường đảng. Tháng 5/1949, Ban Bí thư có chủ trương mở lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng, phục vụ tốt hơn công tác tuyên truyền, cổ động cách mạng. Tháng 8/1953, Đảng ra Nghị quyết chấn chỉnh công tác tuyên huấn, chỉ rõ một số khuyết điểm, yêu cầu nâng cao chất lượng cán bộ và hiệu quả công tác tuyên huấn. Bên cạnh Trường Đảng Trung ương Nguyễn Ái Quốc thành lập từ năm 1945, còn có Trường Tuyên giáo Trung ương thành lập từ năm 1962 và các trường chính trị khác. Từ đầu năm 1974, Đảng thành lập Trường Đào tạo cán bộ đặc biệt Khu V (hay còn gọi là Trường T.74). Ngay sau ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975), Ban Tuyên huấn Trung ương giao Trường Tuyên huấn Trung ương mở lớp đào tạo 100 cán bộ tuyên truyền và huấn học (khóa 1976 - 1979)...

Đảng trước hết phụ thuộc vào đội ngũ cán bộ tuyên giáo, bởi như Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>, “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>2</sup>. Cũng từ nhận thức đó mà ngay sau khi tìm được con đường cách mạng, để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, việc trước tiên là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tập hợp, huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực viết sách, báo, coi đây là lực lượng chủ chốt, đi tiên phong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị, tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn coi trọng công tác tư tưởng, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, nhanh nhạy với thời cuộc, trung thành với lý tưởng của Đảng. Vì theo Người: “Tư tưởng không đúng đắn thì công tác ắt sai lầm”<sup>3</sup>; “trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới, thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất”<sup>4</sup>; “lãnh đạo quan trọng nhất là *lãnh đạo tư tưởng*... tư tưởng thông suốt thì làm tốt, tư tưởng nhùng nhằng thì không làm được việc”<sup>5</sup>.

- Cán bộ tuyên giáo phải hiểu rõ nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo;

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.309, 280.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.114.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.554-555.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.309.

kiên trì và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không hoang mang, không dao động trước sự tấn công chống phá của các thế lực thù địch, luôn vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới. Không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị, mà cán bộ tuyên giáo còn phải tinh thông nghiệp vụ, sắc sảo về chuyên môn, gương mẫu trong đạo đức, lối sống; phải biết cách chuyển tải đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nội dung đúng đắn, phong phú, với phương thức phù hợp, sáng tạo và có sức truyền cảm, lan tỏa. Cần phải tăng cường xây dựng Đảng, tích cực học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giải quyết tốt các vấn đề tiêu cực trong xã hội. Hiện nay khi thông tin lan truyền với tốc độ chóng mặt, yêu cầu phải tiếp cận đa chiều, thì càng đòi hỏi cao hơn về phẩm chất, năng lực, bản lĩnh của người cán bộ tuyên giáo, phải nắm chắc lý luận, vững vàng lập trường chính trị, đủ khả năng xử lý thông tin, kịp thời định hướng nhận thức xã hội.

- Cần quán triệt, tuyên truyền, giáo dục để đội ngũ cán bộ tuyên giáo nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành; xác định tuyên giáo là một nghề nên cán bộ tuyên giáo phải chuyên nghiệp, hiểu rõ đặc điểm của ngành, lấy hoạt động nghề của mình làm niềm tự hào, kiêu hãnh, làm mục tiêu phấn đấu, rèn luyện, dấn thân suốt đời. Có kế hoạch dài hạn đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tuyên giáo mạnh về năng lực, đủ về số lượng, sáng về phẩm chất, đạo đức. Tính toán cân đối nhu cầu cán bộ của ngành để có kế

hoạch đào tạo, bồi dưỡng đúng chuyên ngành, đúng yêu cầu vị trí việc làm và phải sử dụng họ sau khi được đào tạo, thậm chí phải đặt hàng đào tạo cán bộ cho những lĩnh vực chuyên môn cụ thể của ngành tuyên giáo. Có chính sách ưu tiên thích đáng trong tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đai ngộ cán bộ làm công tác tuyên giáo.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần xuất phát từ yêu cầu của công việc, dựa trên cơ sở nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và chức năng, nhiệm vụ của cán bộ chuyên môn để triển khai theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm sát hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu, cán bộ trong diện quy hoạch lãnh đạo, quản lý; đồng thời, từng bước sắp xếp, cử cán bộ chưa được đào tạo chuẩn hóa về mặt chuyên môn theo yêu cầu và nhiệm vụ để đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực công tác tuyên giáo.

Nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa các loại hình và đối tượng đào tạo cán bộ tuyên giáo, *nhất là xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh tiến sĩ chuyên ngành tuyên giáo*. Ban tuyên giáo các cấp cần phối hợp chặt chẽ với ban tổ chức, các trường chính trị mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo cho đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp, đồng thời tạo nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ tuyên giáo chuyên trách. Cùng với công tác đào tạo chính quy, ngành tuyên giáo ở Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tăng cường và có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng tập huấn đội ngũ cán bộ tuyên giáo về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt rèn luyện cán bộ qua hoạt động

thực tiễn, đồng thời bảo đảm nâng cao trình độ chính trị theo yêu cầu nghề nghiệp, trình độ sử dụng ngoại ngữ và tin học cho cán bộ đang công tác, đặc biệt đối với đội ngũ kế cận, đội ngũ trẻ.

Trong chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo, phải thể hiện rõ tính chuyên sâu về kiến thức của ngành, hướng cho người học không chỉ nắm vững lý luận mà còn có kỹ năng thực hành tốt, có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, vấn đề nóng, đột xuất, mới phát sinh. Xây dựng mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo theo hướng nâng cao trình độ và kiến thức tổng hợp gắn chặt với các yêu cầu nghề nghiệp, kết hợp giữa học lý luận và thực hành nghiệp vụ, tăng nội dung thực hành, giảm lý thuyết. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng kế hoạch chương trình, nội dung đào tạo theo hướng chỉ đạo nêu trên, bảo đảm sau 5 năm xây dựng được mô hình ổn định về đào tạo cán bộ tuyên giáo các cấp.

- Tăng cường bồi dưỡng thực tiễn cho cán bộ tuyên giáo, tạo điều kiện đi thực tế, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận cơ sở, sâu sát với cuộc sống nhân dân. Qua đó, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phát hiện kịp thời và tham mưu cho các cấp ủy đảng giải quyết tốt những vấn đề tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong toàn xã hội. Khi tuyển dụng cán bộ phải đúng chuyên môn cho vị trí việc làm cần tuyển; chú ý lựa chọn những người nhiệt tình, có niềm tin mãnh liệt, tuyệt đối trung

thành vì sự nghiệp cách mạng của Đảng; bảo đảm về năng lực viết, nói, làm và ngoại hình. Những cán bộ chưa đúng vị trí chuyên môn, nhất thiết phải cho đào tạo, bồi dưỡng kỹ càng về nghiệp vụ. Chú trọng bồi dưỡng từ những cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt của ngành tuyên giáo để làm lãnh đạo lĩnh vực tuyên giáo.

Gắn đào tạo, bồi dưỡng với sử dụng cán bộ được đào tạo đúng chuyên ngành; có cơ chế cho người học đúng ngành tuyên giáo sau khi tốt nghiệp được công tác ở ban tuyên giáo. Thực tế hiện nay, đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, hầu hết chưa được đào tạo bài bản về nghiệp vụ tuyên giáo, phần nhiều là tuyển dụng từ cán bộ ở nhiều ngành, nghề, lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Nhiều cán bộ làm công tác tuyên giáo sau khi đã được đào tạo, bồi dưỡng chu đáo, công tác một thời gian lại điều chuyển công tác khác. Trong khi đó, hiện cả nước mới có Khoa Tuyên truyền thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là nơi duy nhất đào tạo một cách bài bản cán bộ làm công tác tư tưởng nhưng sinh viên tốt nghiệp ra trường lại khó tìm được việc làm trong ban tuyên giáo các cấp.

- Cần xây dựng đội ngũ chuyên trách làm công tác đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, đó là những con người có chuyên môn về lĩnh vực tư tưởng văn hóa, có nghiệp vụ báo chí - xuất bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ bí mật quốc gia, am hiểu sâu rộng, biết ngoại ngữ, giỏi công nghệ thông tin, nhanh nhẹn, xông xáo, dám đương đầu với khó khăn. Họ phải thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật những thông tin cần thiết về hoạt động của đối

tượng chống phá (có trách nhiệm bảo mật thông tin) và có thể được tập huấn cách thức tiến hành đấu tranh (viết bài, xây dựng video clip, vẽ tranh biếm họa, cách nói, khai thác các thông tin của địch...).

Chủ động nắm tình hình, sớm phát hiện hoạt động chống phá của các đối tượng, phát hiện các trang web, blog, diễn đàn thường xuyên đăng tải thông tin xấu độc, sai trái, thù địch; sớm phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước trên không gian mạng, kịp thời nhận diện những phương thức, thủ đoạn mới; phát hiện cá nhân, tổ chức sở hữu, quản lý, điều hành các trang mạng xã hội; phát hiện những bất cập, hạn chế của các biện pháp, công tác nghiệp vụ đã và đang được triển khai... Sử dụng tổng hợp các lực lượng, phương tiện, biện pháp, triệt để sử dụng mạng xã hội, internet; thường xuyên rà quét, lênh danh sách các trang web, blog, diễn đàn có nội dung phức tạp, các đối tượng viết bài trên những trang mạng này; khai thác thông tin trên các trang mạng để xác định được đối tượng sở hữu, quản lý, viết bài và đề xuất biện pháp xử lý kịp thời. Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các trang mạng xã hội và chủ động sử dụng các biện pháp kỹ thuật, ngăn chặn việc truy cập vào các trang mạng độc hại một cách có hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với các nhà cung cấp dịch vụ, tính toán sử dụng các giải pháp về công nghệ để ngăn chặn một cách triệt để các tin tức xấu độc trên không gian mạng.

Cân phân định rõ quan điểm sai trái, thù địch và những ý kiến khác với quan điểm, đường lối của Đảng; xác định rõ

nguồn gốc, động cơ, thủ đoạn, nội dung, biểu hiện, tác hại của những quan điểm sai trái và những quan điểm thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Nhận diện rõ các tổ chức, cá nhân, diễn đàn trong và ngoài nước hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Tập trung khai thác, thường xuyên đưa tin về những tấm gương người tốt, việc tốt; tăng cường thông tin về cán bộ, đảng viên gương mẫu; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và bức xúc của nhân dân để kiến nghị cách giải quyết thỏa đáng, kịp thời bảo đảm quyền lợi cho nhân dân.

## **TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH MỚI**

Đồng chí MAI TRỰC\*

Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng, bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Trong 90 năm qua, Đảng đã rất quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật đảng, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng; đóng góp tích cực vào công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, làm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng mà nhân dân tin cậy giao phó. Trong thời kỳ đổi mới, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Việc xử lý kỷ luật trong Đảng đã có tác dụng

---

\* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

thúc đẩy tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên giữ gìn và chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật, kỷ cương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước...

Sau gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn, có ý nghĩa lịch sử. Nền kinh tế thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vì thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia được tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Điều đó một lần nữa khẳng định đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; đồng thời cũng thể hiện năng lực cầm quyền, lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, không phải lúc nào tất cả các tổ chức đảng và đảng viên đều giữ vững bản lĩnh chính trị, đạo đức và lối sống trong sạch, nêu cao lý tưởng của Đảng, bảo đảm năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã thẳng thắn thừa nhận: “Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức

chiến đấu”<sup>1</sup>. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới tình trạng trên là: “Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức gop phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, kiểm tra, xử lý, hoặc xử lý kéo dài, nên kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát”<sup>2</sup>. Mặt khác, hiện nay đang phát sinh nhiều vấn đề về chính trị nội bộ, vẫn còn những phân tử cơ hội lén lút chui vào Đảng và trong thực tiễn, do tác động của hoàn cảnh bên ngoài cộng với sự thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện nên có một số đảng viên, kể cả số đảng viên có công trạng trở nên suy thoái, biến chất dẫn đến nảy sinh những vấn đề về chính trị hiện nay. Đặc biệt, trong bối cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản trên thế giới tạm thời thoái trào; tình hình quốc tế còn phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường cộng với sự tác động mạnh mẽ của mặt trái cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, xuất hiện một bộ phận cán bộ, đảng viên cơ hội về chính trị, mưu cầu lợi ích cá nhân, trong đó có số do bất đồng ý kiến với tổ chức đảng và Nhà nước, bị ảnh hưởng bởi những quan điểm, khuynh hướng sai lệch hoặc bị các phân tử xấu mua chuộc, lôi kéo dẫn đến xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng, phản bội Đảng,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.192, 195-196.

phản bội dân tộc, có hành động chống lại Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, “sân sau”, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, thiếu gương mẫu, xa rời quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng uy tín, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, trở thành nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của Đảng và chế độ.

Để giữ vững và bảo đảm vai trò lãnh đạo thắng lợi của sự nghiệp đổi mới phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ. Trong công tác xây dựng Đảng thì công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là một trong những nội dung quan trọng, góp phần giữ vững bản chất, mục tiêu, lý tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Vì vậy, việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát là rất cần thiết và quan trọng. Đảng đã khẳng định kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Đảng luôn luôn quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát và xác định công tác kiểm tra, giám sát có vai trò cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương

lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Ủy ban kiểm tra các cấp là cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên trách của cấp ủy cùng cấp và là lực lượng chủ công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao. Trong thời gian tới, việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cần tập trung vào một số vấn đề sau:

*Thứ nhất, đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo tinh thần Đại hội lần thứ XII của Đảng.* Đó là: “Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng về công tác kiểm tra, giám sát, để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

*Đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, công khai kết quả xử lý.* Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và

việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không để người thân trong gia đình lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế và các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại trong Đảng; hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan”<sup>1</sup>. Thực tế, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đã đạt kết quả quan trọng, có bước đột phá. Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến hết năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật gần 80 đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và một đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, một đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, có đồng chí là cấp tướng trong lực lượng vũ trang, trong đó một số trường hợp phải xử lý hình sự. Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã thi hành kỷ luật 9 tổ chức đảng... Qua đó thể hiện năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, quyết tâm của Đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là “không có vùng cấm”,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.208-209.

“không có ngoại lệ” trong cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái, ngăn chặn, đẩy lùi từng bước tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm, tiêu cực, thúc đẩy thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đoàn kết hơn, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Như vậy có thể khẳng định, công tác kiểm tra, giám sát đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhất là ở Trung ương.

*Thứ hai*, công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần quan trọng phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm”. Hiện nay, xuất hiện một bộ phận đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, phẩm chất cách mạng kém, có người dao động mục tiêu lý tưởng, chủ nghĩa cá nhân phát triển, bệnh quan liêu, tham nhũng ngày càng nặng; phần tử cơ hội xuất hiện bằng nhiều hình thức, đáng lo ngại nhất là phần tử cơ hội chính trị nằm ngay trong nội bộ Đảng, nhưng lại tinh vi tìm mọi cách giấu mình để chờ cơ hội thực hiện mưu đồ đen tối. Trong khi đó, nguyên tắc tổ chức của Đảng không được giữ nghiêm, mà nhiều nơi đang bị buông lỏng, tập trung dân chủ bị vi phạm, tự phê bình và phê bình yếu, có nơi chỉ mang tính hình thức, thực hiện dân chủ chưa tốt, tính chiến đấu của nhiều tổ chức đảng và đảng viên đang sa sút, quan hệ nội bộ có lúc, có nơi bị đồng tiền và quyền lực chi phối. Đặc biệt, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức,

lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và quan liêu, lợi ích nhóm, tham nhũng diễn ra ngày càng tinh vi, trầm trọng và có tính phổ biến - từ lĩnh vực kinh tế đến lĩnh vực văn hóa, giáo dục, hoạt động từ thiện,... Trong đó, đặc biệt nghiêm trọng là nó đã len lỏi vào các cơ quan bảo vệ pháp luật và an ninh như kiểm soát, tòa án, công an, quân đội. Hậu quả của tham nhũng chẳng những làm tổn hại lớn đến tài sản của tập thể và của Nhà nước mà điều nguy hại hơn là làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, vào bản chất tốt đẹp của chế độ. Bởi lẽ nạn tham nhũng luôn gắn liền với tệ quan liêu, vì vậy nó được bộc lộ qua tình trạng một số cán bộ, đảng viên xa dân, ngại dân, không muốn đối thoại với dân, không quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc của dân và hệ quả là tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp đã và đang diễn ra trong thời gian gần đây. Có nơi cán bộ, đảng viên làm sai được quần chúng góp ý, phê bình thì quay lại trù dập. Từ suy thoái về đạo đức, lối sống sẽ dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị, tạo điều kiện cho các phần tử cơ hội chính trị và các thế lực thù địch lợi dụng chia rẽ nội bộ Đảng và thực hiện “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam. Do đó, công tác kiểm tra, giám sát phải chủ động, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, “sân sau” chính là góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

*Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần tích cực vào việc giữ gìn sự đoàn kết trong nội bộ Đảng.* Hiện nay, ở một số nơi vẫn còn tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ Đảng,

trong cấp ủy, giữa bí thư với chủ tịch... Tư tưởng nể nang, hữu khuynh, né tránh “dĩ hòa vi quý”, cục bộ, địa phương, dòng họ, tranh giành địa vị, quyền lực, bè phái đang trở thành “điểm nóng” trong sinh hoạt đảng, trong đấu tranh xây dựng nội bộ; tệ “ô dù” bao che nhầm bảo vệ lợi ích cá nhân, phe nhóm của mình, loại bỏ người không cùng ê kíp “hay chống đối”, dẫn đến phát ngôn sai đường lối, chủ trương của Đảng, tán thành đa nguyên, đa đảng đối lập, phủ định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; lưu giữ và phát tán tài liệu có nội dung xấu; cung cấp và làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, thậm chí viết, trả lời phỏng vấn xuyên tạc, bôi nhọ Đảng, Nhà nước và các cán bộ trung kiên của Đảng.

Những yếu kém, tiêu cực trên đã vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước và tất nhiên sẽ làm ảnh hưởng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, dẫn đến nảy sinh vấn đề chính trị hiện nay. Ủy ban kiểm tra các cấp phải chủ động nắm bắt tình hình và diễn biến để có biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý. Công tác kiểm tra, giám sát góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn, đẩy lùi các yếu kém, tiêu cực trên, thúc đẩy tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng chính là đóng góp tích cực vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, củng cố và tăng cường lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

*Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát hướng nhiệm vụ trọng tâm vào phục vụ sự thành công của đại hội đảng bộ các cấp trong năm 2020 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ diễn ra vào đầu năm 2021. Gắn mục tiêu Đại hội Đảng với tiếp tục thực hiện chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII. Chú trọng khâu thẩm định*

nhân sự cấp ủy các cấp bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy trình theo quy định của Trung ương Đảng. Đặc biệt phải chú trọng công tác cán bộ, đảm bảo những đảng viên được bầu vào cấp ủy “phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>1</sup>. Kiên quyết không để những phần tử cơ hội về chính trị, vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những người có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm” lọt vào cấp ủy, bảo đảm cấp ủy là tổ chức trong sạch, vững mạnh nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Khi tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì phải kịp thời chỉ đạo kiểm tra làm rõ, nhất là những trường hợp liên quan đến nhân sự cấp ủy phải được kết luận chính xác và đầy đủ, những vấn đề nổi cộm được dư luận xã hội quan tâm phải được chỉ đạo giải quyết dứt điểm trước khi diễn ra Đại hội. Những đơn thư tố cáo cũng phải kịp thời được chỉ đạo giải quyết, nhất là các trường hợp liên quan nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhằm có cơ sở xem xét tư cách đại biểu hoặc tiêu chuẩn nhân sự cấp ủy, mặt khác cũng kịp thời làm sáng tỏ để minh oan, bảo vệ người tốt khi bị kẻ xấu bôi nhọ, hâm hại. Tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì phải xử lý nghiêm minh, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng và nhân văn, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”.

Thứ năm, muốn công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có chuyển biến mạnh mẽ và hiệu quả trong hoạt động, cấp ủy

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

các cấp cần quan tâm hơn chất lượng kiểm tra, giám sát, phải coi đây là công việc thường xuyên, trở thành công cụ lãnh đạo, vì lãnh đạo “không kiểm tra coi như không lãnh đạo”<sup>1</sup>. Qua hoạt động thực tiễn cho thấy kiểm tra, giám sát là công cụ hữu hiệu để Đảng thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong toàn Đảng. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm đến việc kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng để cán bộ làm công tác kiểm tra được rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, dũng khí đấu tranh, nâng cao đạo đức, phẩm chất trong sạch, liêm chính; nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, sử dụng công nghệ nhằm phát huy hiệu quả trong công việc. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để ủy ban kiểm tra chủ động, tích cực trong công tác tham mưu cho cấp ủy, trong việc triển khai tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng. Có chế độ đãi ngộ tương xứng để bảo đảm cán bộ, đảng viên toàn tâm toàn ý phục vụ, ngăn ngừa những tư tưởng, hành vi tiêu cực.

\*

\* \* \*

Kiểm tra, giám sát vừa là chức năng lãnh đạo, vừa là phương thức lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vừa góp phần nâng cao vai trò, nâng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.630.

lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, vừa là nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng đội ngũ đảng viên xứng đáng là đảng viên cộng sản và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương pháp lãnh đạo khoa học, gắn bó mật thiết với nhân dân, đủ sức gánh vác, lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng của Đảng, hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị mà nhân dân và dân tộc giao phó trong giai đoạn cách mạng mới.

## **TÂM NHÌN CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XXI**

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO\*

**1.** “Tâm nhìn”, theo nguyên nghĩa hay nghĩa đen, là khoảng cách xa nhất mà mắt có thể nhìn thấy; nhưng trong xã hội, “tâm nhìn” còn được hiểu không chỉ là khả năng nhìn xa về khoảng cách không gian, mà cả khoảng cách thời gian, là năng lực thấy trước tương lai, xác định được tương lai muốn đạt đến một cách có căn cứ, không phải là viển vông, mơ mộng. Đó là năng lực “nhìn xa, trông rộng”, năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình; dự báo, xác định được tổ chức mình hay đất nước mình sẽ như thế nào trong tương lai. Tương lai mà tâm nhìn xác định không phải là tương lai gần, ngắn trong một, hai năm tới mà là tương lai xa, có khoảng cách thời gian dài, tối thiểu khoảng 10, 20 năm, một thời kỳ, một giai đoạn phát triển. Do đó, tâm nhìn thường gắn với chiến lược, thường gọi là tâm nhìn chiến lược; gắn với mục tiêu, là cơ sở, định hướng cho việc xác định mục tiêu và các nhiệm vụ chiến lược cần phải thực hiện để đạt được tâm nhìn đó. Tâm nhìn còn gắn với sứ mệnh, thể hiện

---

\* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

mong muốn, niềm tin vào vai trò, giá trị, ý nghĩa của sự tồn tại, phát triển tổ chức mình, đất nước mình trong tương lai.

Tâm nhìn là một trong những yêu cầu hàng đầu, một trong những phẩm chất, đặc tính quan trọng nhất của người lãnh đạo, nhất là người đứng đầu một tổ chức, một quốc gia. Tâm nhìn của lãnh đạo quốc gia là năng lực xác định được tương lai của đất nước; những đặc điểm, đặc trưng lớn, cơ bản của đất nước trong tương lai. Điều đó đòi hỏi phải dựa trên sự phân tích, đánh giá đúng bối cảnh, diễn biến của tình hình quốc tế, xu thế phát triển của thời đại; bối cảnh tình hình, những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đặt ra, những mâu thuẫn lớn, cơ bản phải giải quyết đối với đất nước. Đó là cơ sở để xác định mục tiêu, nhiệm vụ cần phải thực hiện để đi đến tương lai. Đồng thời, tâm nhìn của lãnh đạo, hình ảnh tương lai tươi đẹp của đất nước sẽ có sức tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh to lớn của cả dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh để đạt tới tương lai đó. Tâm nhìn xa của lãnh đạo cũng là cơ sở, điều kiện cho việc xây dựng, chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng nắm bắt thời cơ, tạo bước phát triển nhảy vọt của cách mạng khi thời cơ đến. Thiếu tâm nhìn, không có sự chuẩn bị lực lượng sẽ không thể nắm bắt, tận dụng được thời cơ. Tâm nhìn xa của lãnh đạo đất nước còn là cơ sở bảo đảm cho sự kết nối, kế thừa, phát triển liên tục, nhất quán, không có mâu thuẫn, đứt đoạn giữa các kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ hàng năm, 5 năm, 10 năm hay trong một giai đoạn, thời kỳ phát triển dài.

Tâm nhìn đúng đắn, nhìn xa, trông rộng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những

yếu tố có ý nghĩa quyết định làm nên thắng lợi vĩ đại của đất nước ta, nhân dân ta đạt được trong 90 năm qua. *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng 02/1930) đã xác định rõ tính chất, mục tiêu của cách mạng Việt Nam là cách mạng dân chủ nhân dân, đánh đuổi đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Tâm nhìn đó phản ánh và giải quyết đúng những mâu thuẫn cơ bản, những yêu cầu quan trọng, cấp bách nhất của đất nước và nhân dân ta, phù hợp với xu thế của thời đại, do đó, đã giành được sự đồng tình, ủng hộ và sự tham gia tích cực của nhân dân, tạo nên những phong trào cách mạng mạnh mẽ. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra (1939), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, với tầm nhìn xa, sáng suốt của mình, đã dự báo, thấy trước sự thất bại của phe phát xít sẽ mở ra cơ hội lớn cho cách mạng nước ta. Vì vậy, Người đã về nước, cùng với Đảng lãnh đạo cách mạng, đưa mục tiêu chống kẻ thù xâm lược, giành độc lập dân tộc lên hàng đầu; xây dựng Mặt trận Việt Minh, đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân để vũ trang tuyên truyền gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng, đã tạo nên cao trào cách mạng và khi thời cơ đến (khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh), đã làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do. Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta (ngày 23/9/1945) và khi Mỹ thay thế Pháp, lập chính quyền thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1954),

chia cắt đất nước, đàn áp nhân dân miền Nam, gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh với tầm nhìn chiến lược đã không bị động, bất ngờ, mà có sự chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ để giành được những thắng lợi vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (tháng 7/1954), đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đây là những bài học lịch sử quý báu, truyền thống vẻ vang của Đảng, nhân dân và đất nước.

**2.** Hiện nay, Đảng đang chỉ đạo xây dựng dự thảo các văn kiện chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ tổ chức vào đầu năm 2021. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội được yêu cầu không chỉ xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, mà còn phải xác định mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI, 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đây là chỉ đạo có ý nghĩa rất quan trọng, là sự kế thừa, phát huy những bài học kinh nghiệm, truyền thống quý báu của Đảng. Xác định tầm nhìn của Đảng về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI, thời gian từ nay đến đó còn dài (30 năm), còn qua nhiều nhiệm kỳ Đại hội Đảng, là cơ sở bảo đảm sự kiên định về định hướng phát triển đất nước theo mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo đảm sự nhất quán, kết nối, kế thừa và phát triển chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng qua các kỳ Đại hội. Đây là yêu cầu, đòi hỏi đặc biệt

quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp; Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, toàn diện trên các lĩnh vực; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của đất nước, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc; trong khi đó, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi..., đã đặt ra nhiều thách thức to lớn trên con đường phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, không phải đến nay, khi chuẩn bị các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng mới lần đầu tiên đặt ra yêu cầu xác định tầm nhìn phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua năm 1991 (Cương lĩnh 1991) và nhất là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng đã đưa ra tầm nhìn “Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Một nước công nghiệp hiện đại, theo quan điểm của Đảng được xác định trong Cương lĩnh, là một nước có “cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.71.

chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến”<sup>1</sup>, có “nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>2</sup>. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà đất nước ta hướng tới là một xã hội có các đặc trưng cơ bản: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>3</sup>.

Không chỉ có tầm nhìn về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI, Cương lĩnh của Đảng còn có tầm nhìn về phát triển đất nước xa hơn, tới khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh xác định: “*Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thương tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ*

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.75, 70.

sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”<sup>1</sup>. Đồng thời, Cương lĩnh còn nêu ra tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn cần phải quán triệt, thực hiện tốt để thực hiện thành công các mục tiêu trên. Trong đó cụ thể là:

*Tám phương hướng cơ bản* là: “Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; Năm là, thực hiện đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”<sup>2</sup>.

*Tám mối quan hệ lớn* là: “Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.71, 26.

xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”<sup>1</sup>. Như vậy, các quan điểm, tầm nhìn của Cương lĩnh là cơ sở để xác định tầm nhìn của Đảng về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII.

**3. Tầm nhìn của Đảng ta về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI** trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* của Đảng, một mặt, đòi hỏi phải quán triệt các nội dung, quan điểm trong tầm nhìn đã được nêu trong Cương lĩnh của Đảng và kế thừa các quan điểm về mục tiêu phát triển đất nước trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng vừa qua. Nhưng mặt khác, hiện nay trên thế giới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa kinh tế, mặc dù có những trở ngại do sự nổi lên của chủ nghĩa bảo hộ ở một số nước. Đất nước ta hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức kinh tế quốc tế, toàn cầu và khu vực (WTO, WB, IMF, AEC, APEC,...), ký kết nhiều hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương với nhiều quốc gia, các khối kinh tế trên thế giới, trong đó có nhiều hiệp định thế hệ mới với phạm vi cam kết rộng, mức độ cam kết cao. Việt Nam đã cam kết tuân thủ nhiều chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định của luật pháp, cơ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.26-27. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã bổ sung thêm một mối quan hệ lớn cần quán triệt và thực hiện tốt là quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

chế, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, tiêu chí đánh giá cho phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế là cần thiết và hợp lý.

Trong gần 35 năm đổi mới đất nước vừa qua, sau khi Hội nghị đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ khóa VII (1994) đánh giá Việt Nam đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm (trong thập niên 80 của thế kỷ XX) và đưa ra chủ trương “đẩy mạnh một bước công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”<sup>1</sup>, từ đó đến nay, các Đại hội VIII, IX, X, XI của Đảng đều đề ra mục tiêu “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tổ chức vào đầu năm 2016 dự báo đến năm 2020 chưa thể thực hiện được mục tiêu tạo nền tảng để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã điều chỉnh lại mục tiêu là “*phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”<sup>2</sup>. Như vậy, tầm nhìn của Đảng phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại nêu trong Cương lĩnh đã được các Đại hội Đảng những nhiệm kỳ vừa qua quán triệt thực hiện nghiêm túc, nhất quán.

Trong nhiều năm qua, trên thế giới, cũng như ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu để làm rõ thế nào là một nước công nghiệp và xây dựng các tiêu chí của một nước công nghiệp. Một số học giả, nhà khoa học nước ngoài nghiên cứu, có ý kiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.53, tr.96.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.20.

đề xuất về vấn đề này, tiêu biểu như: W. Rostow, A. Inkeles, H. Chenery, Junho Yoo. Ở trong nước trong khoảng hơn 10 năm lại đây, đã có một số chương trình, đề tài khoa học, một số học giả nghiên cứu, đề xuất quan điểm của mình về vấn đề này như Trương Văn Đoan, Đỗ Quốc Sam, Cao Viết Sinh, Lưu Bích Hồ, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Kế Tuấn, Trần Thị Vân Hoa... Nhưng quan điểm, ý kiến đưa ra, các tiêu chí đề xuất còn nhiều khác biệt. Tuy nhiên, trong đó, hầu hết các nghiên cứu đều đề xuất tiêu chí GDP bình quân đầu người. Một số tiêu chí như: tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp trong GDP, tỷ trọng lao động nông nghiệp trên tổng lao động xã hội, tỷ lệ đô thị hóa được nhiều người đề xuất (nhưng mức cụ thể trong từng tiêu chí vẫn khác nhau). Một số nghiên cứu gần đây đưa ra các tiêu chí mới, như: chỉ số bền vững về môi trường ESI (hay chỉ tiêu chất lượng môi trường EPI), chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), chỉ số sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Hơn nữa còn một số vấn đề đặt ra, như thế nào là nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thế nào là tạo được nền tảng của nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vẫn còn chưa định lượng được nên đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Trong khi đó, trên thế giới từ nhiều năm nay, nhiều tổ chức quốc tế như: Liên hợp quốc (UN), Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO), cũng đã đưa ra nhiều cách để phân loại các nước trên thế giới. Do những tổ chức này hoạt động dựa trên các chức năng khác nhau, mục tiêu khác nhau nên đưa ra các cách phân loại khác nhau nhưng có tham khảo, phối hợp, thống nhất

với nhau ở nhiều nội dung. Cụ thể, Liên hợp quốc (UN) phân chia các nước trên thế giới thành ba loại: những nước kém phát triển, những nước đang phát triển và các nước phát triển, dựa trên cơ sở là thu nhập bình quân đầu người. Mức thu nhập này được điều chỉnh theo các giai đoạn phát triển, dựa trên các số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB). Trong khi đó, Ngân hàng Thế giới phân loại các nước dựa trên thu nhập bình quân đầu người (GNI/người) thành bốn nhóm: nước có thu nhập thấp, nước có thu nhập trung bình thấp, nước có thu nhập trung bình cao và nước có thu nhập cao. Năm 2019, Ngân hàng Thế giới dựa trên thu nhập bình quân đầu người của các nước năm 2017 để đưa ra các tiêu chí cụ thể: quốc gia thu nhập thấp có GNI/người dưới 995USD; quốc gia thu nhập trung bình thấp có GNI/người trong khoảng 996 - 3.895USD; quốc gia thu nhập trung bình cao có GNI/người trong khoảng 3.896 - 12.055USD; quốc gia thu nhập cao có GNI/người trên 12.056USD.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) định kỳ ba năm một lần rà soát và lựa chọn các nước đủ điều kiện nhận vốn hỗ trợ phát triển chính thức - ODA. Tất cả các nước có thu nhập thấp (bao gồm tất cả các nước kém phát triển theo phân loại của Liên hợp quốc) và thu nhập trung bình theo tiêu chí phân loại của Ngân hàng Thế giới, tức là các nước kém phát triển và đang phát triển đều thuộc đối tượng được xem xét nhận vốn ODA. Khi thu nhập bình quân đầu người của một nước tăng lên thì số lượng và các ưu đãi của vốn ODA cho nước đó sẽ giảm xuống. Khi một nước có thu nhập bình quân đầu người vượt mức thu nhập trung bình theo phân loại của Ngân hàng Thế giới thì nước đó bị loại

khỏi danh sách nhận vốn ODA. Như vậy, phần lớn các tổ chức quốc tế có uy tín đều phân loại các nước trên thế giới dựa trên thu nhập bình quân đầu người (GNI/người) và trên cơ sở đó, chia thành các nước kém phát triển, nước đang phát triển và nước phát triển. Các nước kém phát triển là những nước có thu nhập thấp, những nước đang phát triển là những nước có thu nhập trung bình, nước phát triển là những nước có thu nhập cao. Mặc dù không có một quy định chính thức, nhưng thuật ngữ “nước phát triển” và “nước đã công nghiệp hóa” được sử dụng thay thế nhau ở các văn bản của các tổ chức quốc tế.

Riêng Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO), với vai trò, chức năng của một tổ chức thúc đẩy công nghiệp hóa ở các nước trên thế giới, nên thường sử dụng thuật ngữ “công nghiệp hóa” nhiều hơn là “phát triển”. Trong các Báo cáo phát triển công nghiệp của UNIDO nhiều năm qua, UNIDO lấy chỉ số giá trị gia tăng ngành công nghiệp chế biến (MVA) bình quân đầu người (MVA/người) làm tiêu chí xác định nước công nghiệp (đã công nghiệp hóa). Dựa trên tiêu chí này, UNIDO chia các nền kinh tế trên thế giới thành bốn nhóm: các nước công nghiệp đã công nghiệp hóa, các nước công nghiệp mới nổi, các nước đang phát triển khác và các nước kém phát triển. Trong đó:

- Nước đã công nghiệp hóa là nước có MVA bình quân đầu người  $\geq 2.500$ USD. Tuy nhiên, UNIDO cũng thấy rằng một số nước sau khi đạt tiêu chí nước đã công nghiệp hóa, do có sự di chuyển các nhà máy sản xuất công nghiệp ra nước ngoài nên chỉ số MVA bình quân đầu người giảm xuống, thậm chí xuống dưới mức 2.500USD; nhưng điều đó

không có nghĩa nước đó không còn là nước đã công nghiệp hóa. Vì vậy, UNIDO cho rằng bất kỳ nước nào có GDP bình quân đầu người  $\geq 20.000$ USD/năm đều được xem là nước công nghiệp (đã công nghiệp hóa), không kể MVA bình quân đầu người là bao nhiêu.

- Nước công nghiệp mới nổi là nước có MVA bình quân đầu người nhỏ hơn 2.500USD, nhưng lớn hơn 1.000USD hoặc GDP bình quân đầu người  $\geq 10.000$ USD/năm.

- Nước đang phát triển khác là những nước còn lại (trừ những nước kém phát triển).

- Nước kém phát triển là những nước kém phát triển theo tiêu chí của Liên hợp quốc.

Như vậy, mặc dù UNIDO có đưa ra tiêu chí MVA bình quân đầu người để xác định nước công nghiệp, nước công nghiệp mới nổi, nhưng về cơ bản việc phân loại các nước cũng dựa theo phân loại của Liên hợp quốc và Ngân hàng Thế giới, chia các nước thành nước kém phát triển, nước đang phát triển và nước phát triển, dựa trên tiêu chí thu nhập bình quân đầu người (GNI/ người) thấp, trung bình (có chia thành trung bình thấp, trung bình cao) và thu nhập cao. Đây là cách phân loại và tiêu chí được công nhận và sử dụng rộng rãi ở các nước, tổ chức quốc tế trên thế giới.

Đối với Việt Nam, với quan điểm vừa phải quán triệt tư tưởng của Cương lĩnh, kế thừa quan điểm của các Đại hội nhiệm kỳ trước, vừa cần phải có những bổ sung cần thiết, phù hợp với bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và khả năng của đất nước. Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện Đại hội lần thứ XIII thời gian vừa qua, sau nhiều cuộc hội thảo, trao đổi, thảo luận của các chuyên gia, cơ quan khoa học và tiếp thu ý kiến của các cơ quan lãnh đạo

Đảng, Nhà nước, đến nay, mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI đã bước đầu được xác định:

- Đến năm 2025: Nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập đạt mức trung bình cao.

- Đến năm 2030: Nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Việc bổ sung tiêu chí về thu nhập, có thể định lượng được hằng năm, là cơ sở đánh giá khách quan và phù hợp với đánh giá chung của thế giới. Đến năm 2045, giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển (đương nhiên là nước đã công nghiệp hóa, theo quan điểm chung trên thế giới hiện nay), có thu nhập cao, sẽ vang sánh vai cùng bè bạn năm châu như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh 100 năm trước, là khát vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam, là tầm nhìn và sứ mệnh lãnh đạo của Đảng đối với đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

**ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG  
ĐỔI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG TRÍ THỨC  
TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG  
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

TS. LÊ CÔNG LUÔNG\*

**T**rí thức là vốn quý của dân tộc, là lực lượng tiêu biểu, thể hiện trình độ trí tuệ của một quốc gia và có vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lịch sử cho thấy rằng: ở thời nào cũng vậy, sự hưng thịnh của đất nước tùy thuộc phần lớn vào việc coi trọng và sử dụng đội ngũ trí thức như thế nào.

Nối tiếp truyền thống của dân tộc, vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức, trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo công tác vận động đội ngũ trí thức. Công tác vận động trí thức là một bộ phận quan trọng trong công tác dân vận; là hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong xây dựng chủ trương, chính sách và tuyên truyền, thuyết phục, hướng dẫn, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên, phát

---

\* Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

huy vai trò, tài năng trí tuệ của đội ngũ trí thức góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **1. Mục tiêu, chủ thể, đối tượng và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức**

Đảng lãnh đạo công tác vận động trí thức thể hiện qua việc toàn bộ hoạt động của Đảng từ việc đề ra đường lối, chủ trương, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, vận động trí thức nhằm đoàn kết tập hợp, xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Mục tiêu* của công tác vận động trí thức nhằm củng cố vững chắc lòng tin của đội ngũ trí thức đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ gắn bó đặc biệt giữa Đảng với đội ngũ trí thức; tập hợp, vận động trí thức thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò của đội ngũ trí thức nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Chủ thể* của công tác vận động trí thức là Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức của trí thức. Trong đó, Đảng không những lãnh đạo hệ thống chính trị tiến hành công tác vận động trí thức, mà còn trực tiếp làm công tác vận động trí thức. Mọi tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ, mọi cán bộ, đảng viên phải làm công tác vận động trí thức theo chức trách của mình, đều là chủ thể công tác vận động trí thức của Đảng.

*Đối tượng* của công tác vận động trí thức là tất cả trí thức người Việt Nam ở trong và ngoài nước đang hoạt động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

*Phương thức lãnh đạo của Đảng* đối với công tác vận động trí thức là tổng thể các hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... mà Đảng sử dụng để lãnh đạo công tác vận động trí thức nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, các nghị quyết của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo công tác vận động trí thức bằng các phương thức như: bằng Cương lĩnh, đường lối, nghị quyết và các định hướng chính sách lớn về trí thức và công tác vận động trí thức; thông qua công tác tư tưởng của Đảng; thông qua các mặt hoạt động của Nhà nước; bằng công tác tổ chức và cán bộ của Đảng; thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; thông qua vai trò tiên phong, gương mẫu của các cán bộ, đảng viên là trí thức và các tổ chức đảng hoạt động trong các tập thể lao động khoa học của trí thức; thông qua phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội trong tập hợp, đoàn kết trí thức cống hiến cho đất nước.

## **2. Một số thành tựu và hạn chế trong công tác vận động trí thức**

*Một là, Đảng đã có những đổi mới trong việc ban hành chủ trương, nghị quyết và các định hướng chính sách lớn về đội ngũ trí thức và công tác vận động trí thức*

Khác với trước đây, việc ban hành nghị quyết được đưa vào chương trình kế hoạch toàn khóa của các kỳ Đại hội Đảng và được chuẩn bị kỹ càng, chu đáo. Việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết về trí thức có sự lãnh đạo, chỉ đạo

chặt chẽ và thể hiện quyết tâm chính trị cao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng. Trong nghị quyết có giao trách nhiệm cụ thể cho các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy... tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân; xây dựng chương trình hành động cụ thể để đưa nghị quyết vào cuộc sống. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết về trí thức có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và thể hiện quyết tâm chính trị cao thông qua việc tổ chức sơ kết, tổng kết và có kết luận, đánh giá ưu, khuyết điểm, phê bình, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đối với các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các ban của Đảng, đồng thời lãnh đạo, tổ chức, động viên quần chúng nhân dân kiểm tra, giám sát, phản biện công việc và hoạt động của cơ quan nhà nước, của cán bộ trong bộ máy công quyền, phát hiện mặt tích cực để phát huy, mặt yếu kém để uốn nắn, khắc phục.

*Hai là, Đảng đã có những đổi mới hoạt động trong chỉ đạo xây dựng chính sách, pháp luật và quản lý nhà nước về công tác vận động trí thức.*

Trung ương Đảng và Bộ Chính trị thông qua Đảng đoàn Quốc hội và các đảng viên là đại biểu Quốc hội để lãnh đạo hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo Quốc hội thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước; thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng, quyết định những vấn đề về công tác vận động trí thức, về giáo dục và đào tạo, khoa học và công

nghệ; kiểm tra, giám sát tối cao việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của Quốc hội về công tác vận động trí thức, về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Với tư cách là người lãnh đạo chính trị, Đảng chỉ quyết định những vấn đề về quan điểm, tư tưởng, chủ trương lớn để chỉ đạo, định hướng công tác vận động trí thức về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cho Chính phủ tổ chức thực hiện. Đảng không quyết định những chủ trương cụ thể thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị xem xét, quyết định những phương hướng, chủ trương lớn về vận động trí thức, về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, y tế... còn Chính phủ có nhiệm vụ xây dựng và ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch, quyết định cụ thể. Các bộ, ngành, đoàn thể cụ thể hóa thêm một bước thành nghị quyết, thông tư, quyết định... cho từng nhiệm vụ, từng giai đoạn và tổ chức thực hiện. Như vậy, việc lựa chọn đúng vấn đề quan trọng liên quan tới hoạt động của Chính phủ mà Đảng cần bàn và ra quyết định là rất cần thiết để tránh sự chồng chéo chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Chính phủ trong những vấn đề liên quan đến vận động trí thức.

*Ba là, Đảng đã có những đổi mới công tác tư tưởng trong việc tuyên truyền, thuyết phục, cổ vũ, động viên trí thức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Công tác tư tưởng góp phần trực tiếp và thiết thực trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội và đội ngũ trí thức nhằm mang lại hiệu quả trong

việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Trí thức vừa là đối tượng, vừa là chủ thể có điều kiện, ưu thế để làm công tác tư tưởng. Thời gian qua, Đảng đã chú trọng hoạt động giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống các trường đào tạo cán bộ (Trung ương, tỉnh, thành phố, quận, huyện), các trường đại học, cao đẳng và hệ thống giáo dục phổ thông. Đây là hình thức, biện pháp cơ bản để không ngừng nâng cao trình độ lý luận, giác ngộ chính trị cho trí thức trẻ, cho cán bộ, đảng viên và đội ngũ trí thức. Hình thức giáo dục chính trị tư tưởng qua hệ thống truyền thông đại chúng, qua sinh hoạt và hoạt động của các tổ chức đảng (cấp ủy các cấp, chi bộ), các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hiệp hội, các câu lạc bộ trí thức được chú trọng, qua đó nhằm phát huy vai trò tự giáo dục trong từng tổ chức, từng cơ sở, là hình thức để trí thức tự giáo dục trí thức. Đây là biện pháp quan trọng bảo đảm cho công tác tư tưởng sát với đặc điểm từng đối tượng trí thức, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng nơi và thiết thực phục vụ cho hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ sở. Ngoài các hình thức trên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, điện ảnh, các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền, giáo dục của cán bộ, đảng viên và các hành động gương mẫu của họ trong công tác và lối sống... mà giáo dục nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, đạo đức, lối sống lành mạnh cho đội ngũ trí thức. Nét đặc trưng của hình thức, biện pháp này là giáo dục thông qua con đường tình cảm; mang lại những dấu ấn sâu sắc, bền vững trong nhận thức, tư tưởng của trí thức.

*Bốn là, Đảng đã có những đổi mới trong công tác tổ chức và cán bộ ở các cơ quan quản lý nhà nước về công tác vận động trí thức, trong các tập thể lao động khoa học và trong các đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.*

Sự lãnh đạo tập trung, thống nhất về công tác cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị là một trong những nhiệm vụ lãnh đạo chủ yếu của Đảng. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức và công tác vận động trí thức, trong những năm qua, Đảng đã cử những cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực để làm công tác vận động trí thức, giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan có đồng trí thức như các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học, các tổ chức của trí thức... Đảng xác định các quan điểm, nguyên tắc về việc thành lập, sắp xếp các tổ chức, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, về đào tạo và sử dụng cán bộ.Thêm vào đó, Đảng quyết định việc đảng viên giữ các chức vụ quan trọng trong các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học, các tổ chức của trí thức, rồi giới thiệu và lãnh đạo để các cơ quan đó tổ chức bầu cử hoặc bổ nhiệm theo quy trình, thủ tục của Nhà nước, theo điều lệ và cách thức của các đoàn thể.

*Năm là, Đảng đã có những đổi mới trong công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tập thể khoa học, các tổ chức và các hội nghề nghiệp của trí thức.*

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với trí thức, một khi trí thức cùng với nhân dân thực hiện tốt được vai trò giám sát, tham gia góp ý xây dựng Đảng thì khi đó sẽ tạo nên mối quan hệ gần gũi, gắn bó giữa

trí thức và nhân dân với cán bộ, đảng viên. Đảng chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tập thể khoa học, các tổ chức và các hội nghề nghiệp của trí thức trong việc triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết, chính sách về trí thức và vận động trí thức; trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, điều lệ của tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, kiên quyết đấu tranh và xử lý những cán bộ, đảng viên hoặc tổ chức đảng, cơ quan có hành vi cản trở hay đối phó với sự giám sát, phản ánh của trí thức đối với những sai phạm, tham nhũng.

*Sáu là, Đảng đã có những đổi mới trong việc đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là trí thức hoạt động trong các tập thể lao động khoa học; đổi mới phong cách, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên là trí thức.*

Trong vận động trí thức, đặc biệt trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên là trí thức hoạt động trong các tập thể lao động khoa học, nhất là những người đứng đầu cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống mọi biểu hiện tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân, gương mẫu đi đầu trong công tác và cuộc sống, nghiêm túc chấp hành và thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; ra sức phấn đấu, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, đổi mới phong cách, tác phong công tác, trau dồi đạo đức, lối sống trong sạch theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo

tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

*Bảy là, Đảng đã có những đổi mới công tác mặt trận và các đoàn thể theo hướng phát huy vai trò của trí thức tham gia giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với hoạt động của bộ máy nhà nước; đoàn kết tập hợp trí thức cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Trong công tác vận động trí thức, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò rất quan trọng. Trong quá trình đổi mới, Đảng rất coi trọng việc tăng cường sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đoàn kết tập hợp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể; Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vận động trí thức có hiệu quả. Đảng lãnh đạo Quốc hội thể chế hóa vai trò, chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội thành các đạo luật: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Điều lệ Hội Nông dân, Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ và Pháp lệnh Hội Cựu chiến binh. Bên cạnh đó, Đảng lãnh đạo Chính phủ và chính quyền các cấp thể chế hóa chủ trương, nghị quyết về vận động trí thức thành các chương trình, kế hoạch cụ thể.

Bên cạnh những kết quả trong công tác vận động trí thức, vẫn còn những hạn chế nhất định sau:

*Thứ nhất, việc đổi mới sự lãnh đạo bằng công tác tư tưởng chưa thực sự mang lại hiệu quả mong muốn.* Sự lãnh đạo bằng công tác tư tưởng của Đảng đối với đội ngũ trí thức chậm được đổi mới, hình thức còn xơ cứng. Nội dung giảng dạy của nhiều bộ môn khoa học xã hội còn chậm được đổi mới; việc triển khai cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận còn nhiều hạn chế. Chất lượng đội ngũ cán bộ lý luận chưa đồng bộ và nói chung trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, chưa thu hút được nhiều trí thức tham gia trên lĩnh vực này.

Công tác tuyên truyền chủ yếu tập trung vào những vấn đề thời sự, chưa thực sự chú trọng những vấn đề cơ bản, chiến lược; chưa lý giải thấu đáo một số tâm trạng xã hội cũng như những khuynh hướng tư tưởng mới nảy sinh. Việc đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch còn chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống công tác tư tưởng, lý luận nghiên cứu khoa học. Hoạt động tuyên truyền chưa có sự kết hợp tốt với hoạt động trao đổi, đối thoại nhằm tạo nên sự đồng thuận, hấp dẫn với trí thức.

*Thứ hai, phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức - cán bộ còn bộc lộ nhiều hạn chế.* Việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác vận động trí thức chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay. Tổ chức bộ máy các cơ quan của trí thức hoạt động chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; chưa bảo đảm tính đồng bộ về tổ chức giữa các tổ chức trong từng lĩnh vực hoạt động.

*Thứ ba, việc đổi mới sự lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tập thể khoa học, các tổ chức và các hội nghiệp nghiệp của trí thức cũng còn hạn chế.* Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát dẫn tới chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao; chưa coi trọng việc kiểm tra, giám sát thực hiện đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết liên quan đến trí thức. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về vận động trí thức, đặc biệt là Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” được xây dựng, ban hành, qua đó đã thể hiện khá đầy đủ tư tưởng chỉ đạo của Đảng. Tuy nhiên, việc triển khai ở một số nơi còn hình thức, chưa đạt yêu cầu, chưa có sự phê bình, nhắc nhở, đôn đốc kịp thời nên kết quả đạt được còn hạn chế.

*Thứ tư, việc đổi mới sự lãnh đạo bằng hình thức nêu gương của đảng viên, gương người tốt việc tốt chưa đạt yêu cầu.* Việc vận động trí thức thông qua đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là trí thức hoạt động trong các tập thể lao động khoa học cũng như đổi mới phong cách, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên là trí thức chưa thực sự có tác dụng lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng trong tập thể trí thức. Bên cạnh đó, một số trí thức là đảng viên không giữ vững được lập trường, tư cách, phẩm chất đạo đức, sa vào tiêu cực,... làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

### **3. Những giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức giai đoạn hiện nay**

Tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, tiềm ẩn nguy cơ xung đột thương mại, chính trị, quân sự ở một số khu vực. Những vấn đề toàn cầu như an ninh mạng, chủ nghĩa khủng bố, xung đột sắc tộc, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường... trở nên gay gắt hơn. Các quốc gia sẽ chịu tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ, nhiều mặt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển của không gian mạng và xu hướng nền kinh tế số, xã hội số. Các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương thế hệ mới Việt Nam đã, đang tham gia sẽ mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với nước ta. Tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, đặt ra những yêu cầu mới đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong những năm tới, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục giữ đà tăng trưởng ổn định; mô hình phát triển hài hòa hơn giữa chiều rộng và chiều sâu, ưu tiên phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh; phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cần phải tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém, tăng cường công tác xây dựng và làm trong sạch Đảng, đổi mới hệ thống chính trị, hiện đại hóa nền hành chính quốc gia; thực hiện tinh giản biên chế và cải cách tiền lương; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường

và xã hội, hướng tới cải thiện và nâng cao chất lượng toàn diện cuộc sống của người dân.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được của công cuộc đổi mới, còn tồn tại nhiều hạn chế trong xã hội chậm được khắc phục, sự xuất hiện những trào lưu, xu thế mới cùng với sự đa dạng nhu cầu và lợi ích của nhân dân sẽ là những thách thức lớn đối với xã hội. Hiện nay, Việt Nam đang phải đổi mới và ứng phó với những vấn đề chính như: già hóa dân số; việc làm và di cư; thiếu nguồn lực lao động có chất lượng ở nông thôn; bất bình đẳng giới và nguy cơ khủng hoảng gia đình hiện đại; sự thay đổi nhanh chóng về điều kiện sống, việc làm, dịch bệnh... Bên cạnh đó, mặt trái của cơ chế thị trường, của quá trình toàn cầu hóa, internet, mạng xã hội và sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm tìm cách chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt là tìm cách chia rẽ trong nội bộ đội ngũ trí thức, lôi kéo một bộ phận trí thức tẩy chay chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm chống phá chế độ, gây mất ổn định chính trị, tạo ra lực lượng đi đầu trong “cách mạng màu” một khi có điều kiện. Đội ngũ trí thức, trong đó có trí thức khoa học và công nghệ là đối tượng quan trọng, ưu tiên mà các thế lực thù địch rất quan tâm lôi kéo đã làm nảy sinh thêm nhiều khó khăn, thách thức đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vì vậy, một số giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức giai đoạn hiện nay là:

*Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức.*

Các cấp ủy, các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở cần phải tiếp tục đổi mới nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của đội ngũ trí thức và công tác vận động trí thức; coi trí thức là lực lượng quan trọng trong liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Khắc phục triệt để và kịp thời nhận thức lệch lạc, coi trí thức là tầng lớp tiểu tư sản với lập trường chính trị bấp bênh, thiếu kiên định dễ bị các thế lực thù địch lôi kéo, lợi dụng; phát huy vai trò trí thức là động lực, là lực lượng xung kích trên mặt trận khoa học, công nghệ, văn hóa, là lực lượng quan trọng trong liên minh công nhân, nông dân và trí thức, góp phần cùng với toàn Đảng, toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong lãnh đạo công tác vận động trí thức phải chú trọng đến đặc điểm của trí thức. Khác với những giai cấp khác, trí thức là những người có học vấn cao, trình độ chuyên môn sâu, chuyên lao động trí óc, có tính sáng tạo, độc lập, tự trọng cao, nhưng dễ tự cao, tự đại; niềm tin, tình cảm thường được xây dựng trên cơ sở nhận thức khoa học; nhạy cảm với cái mới, chống những cái sáo mòn, lạc hậu, trì trệ, nhưng cũng dễ cực đoan, thái quá... Để lãnh đạo đội ngũ trí thức có hiệu quả thì không phải chỉ cần quan điểm, đường lối, chủ trương đúng mà còn phải có cách thức lãnh đạo thích hợp, khéo léo. Việc sử dụng đội ngũ trí thức cần vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là phải tin tưởng và trọng dụng trí thức. Đảng và Nhà nước cần phải có chính sách mạnh dạn tin dùng, giao nhiệm vụ ngang tầm với vị trí, vai trò cũng như khả năng đáp ứng của đội ngũ trí thức.

*Hai là, đổi mới việc xây dựng và triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng về trí thức và công tác vận động trí thức.*

- Đảng phải tiếp tục đổi mới việc xây dựng các nghị quyết của Đảng liên quan đến trí thức và vận động trí thức. Bất kỳ một hệ thống, chủ trương, chính sách nào cũng cần phải mang tính đồng bộ và toàn diện. Do vậy, trong quá trình hoạch định, xác định chiến lược xây dựng đội ngũ trí thức gắn với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, việc xây dựng các nghị quyết, chính sách đổi mới với công tác vận động trí thức phải bám sát các nội dung vận động trí thức. Trong đó, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng cần chủ động và tích cực thực hiện chức năng tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận... về trí thức và công tác vận động trí thức; phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương tích cực triển khai, tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn về trí thức và công tác vận động trí thức, về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; tổ chức quán triệt, thực hiện Kết luận số 52-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

- Đổi mới việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng liên quan đến trí thức và vận động trí thức. Các cấp ủy đảng, đặc biệt là ngành tuyên giáo cần chủ động trong công tác hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai các nghị quyết một cách sâu rộng, tới từng tổ chức đảng, đến mỗi cán bộ, đảng viên; đồng thời

bằng các hình thức thích hợp để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng những nội dung cơ bản của nghị quyết đến các tầng lớp nhân dân, nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân. Việc tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X cần được gắn kết chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, ngày 01/11/2012 “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 04/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”.

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác vận động trí thức. Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, của mọi tổ chức đảng và đảng viên về vị trí, ý nghĩa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về trí thức và vận động trí thức. Tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động nhằm làm cho công tác kiểm tra, giám sát thật sự có vai trò thúc đẩy và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác vận động trí thức.

*Ba là, tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong công tác vận động trí thức.*

Cần tiếp tục đổi mới việc lãnh đạo, chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội trong các hoạt động lập pháp, giám sát tối cao việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về trí thức và công tác

vận động trí thức. Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc chuẩn bị, trình Quốc hội những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội liên quan đến trí thức và công tác vận động trí thức; lãnh đạo việc dự kiến nhân sự của trí thức tham gia Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cụ thể và việc bảo đảm các điều kiện hoạt động của trí thức và các cơ quan của trí thức.

- Tiếp tục đổi mới việc lãnh đạo Chính phủ cụ thể hóa đường lối, nghị quyết của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật; ban hành cơ chế, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về trí thức và công tác vận động trí thức của Chính phủ. Trong đó, sự quản lý của Nhà nước đóng vai trò quan trọng đối với đời sống của trí thức trên cả hai phương diện vật chất và tinh thần, cả hai mặt này phải được thể hiện bằng các chính sách cụ thể của Chính phủ. Trong những năm qua, đặc biệt từ sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, các chính sách của Nhà nước về vấn đề trí thức mới chỉ được thể hiện ở các văn bản chung. Chính phủ cần phải thực hiện tốt Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 52-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

- Tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các bộ, ngành, các cơ quan khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các đơn vị kinh tế... trong công tác vận động

trí thức. Đảng lãnh đạo công tác vận động trí thức là lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội quan tâm, chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ trí thức có mặt trong mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hoạt động trong tổ chức nào thì trí thức chịu sự tác động trực tiếp của tổ chức đó. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động đội ngũ trí thức không thể tách rời một cách riêng rẽ mà phải gắn với sự lãnh đạo các tổ chức đảng, các ngành, các lĩnh vực và toàn xã hội. Do vậy, tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức phải gắn với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với tất cả các lĩnh vực, các tổ chức, đổi mới toàn xã hội, trong thực hiện quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng đối với trí thức, tạo nên văn hóa - xã hội tôn vinh và tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ trí thức phát triển. Các tổ chức đảng trong bộ, ngành, địa phương, các cơ quan khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các đơn vị kinh tế... cần xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, tiến hành đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo đội ngũ trí thức, nguồn nhân lực có chất lượng cao, lựa chọn, sử dụng, đai ngộ, tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ trí thức phát huy vai trò, vị trí của mình, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, của các bộ, ngành và của đất nước.

*Bốn là, tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ để xây dựng đội ngũ trí thức và tạo môi trường thuận lợi cho trí thức sáng tạo, cống hiến. Giáo dục và đào tạo có vai trò to lớn trong*

việc xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam. Sau gần 35 năm đổi mới, nền giáo dục của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện sứ mệnh nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo vẫn còn tồn tại những bất cập, yếu kém, vì vậy, Đảng cần phải lãnh đạo đổi mới toàn diện, triệt để hệ thống giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục đại học, tạo tiền đề cho việc xây dựng đội ngũ trí thức.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, để tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý khoa học và công nghệ tạo môi trường thuận lợi cho trí thức sáng tạo, cống hiến, Đảng phải lãnh đạo đổi mới hệ thống tổ chức, cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho trí thức sáng tạo, cống hiến: hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức trong việc bảo đảm quyền tự do sáng tạo; ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học, văn hóa, văn nghệ; có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng; đổi mới các chính sách khen thưởng và tôn vinh các trí thức khoa học và công nghệ, các nhà quản lý giỏi; xây dựng cơ chế phát hiện người có tài, có đức để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm.

*Năm là, Đảng lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác vận động trí thức.*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là những bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, có vai trò rất quan trọng trong công tác vận động trí thức. Vì vậy, Đảng cần coi trọng việc đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác vận động trí thức. Các cấp ủy đảng cần tiếp tục quán triệt và nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của trí thức và công tác vận động trí thức trong giai đoạn hiện nay.

*Sáu là, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức của trí thức.*

Cùng với cấp ủy đảng, chính quyền đoàn thể các cấp, các tổ chức của trí thức đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác vận động trí thức. Vì vậy, Đảng cần chú trọng lãnh đạo cung cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong các cơ quan nghiên cứu, ứng dụng khoa học và các cơ sở giáo dục - đào tạo để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức; lãnh đạo cung cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp của trí thức. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trước hết cần cung cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ

chức đảng như đảng đoàn, đảng ủy, chi ủy trong các tổ chức hội để các tổ chức đảng thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo các hoạt động ở các cơ quan đó và lãnh đạo đội ngũ trí thức, phát huy vai trò của họ trong công cuộc đổi mới. Thực hiện tốt quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các cơ quan đó. Cần nghiên cứu và chỉ đạo việc xây dựng, củng cố hợp lý tổ chức bộ máy các hội phù hợp với điều lệ của các tổ chức theo hướng tinh gọn, thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác cán bộ từ quy hoạch, cơ cấu, bầu cử tại các đại hội, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí sử dụng. Khắc phục những hạn chế trong công tác cán bộ của một số hội trí thức trong thời gian qua.

## **TỔNG KẾT VÀ BẾ MẠC HỘI THẢO**

Đồng chí VÕ VĂN THUỐNG\*

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước,  
Kính thưa các quý vị đại biểu, thưa các nhà khoa học,*

Sau hơn 3 giờ làm việc khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao, Hội thảo khoa học quốc gia “Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra. Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được hơn 60 bài tham luận của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương; các nhà hoạt động thực tiễn, các nhà khoa học từ mọi miền đất nước. Các tham luận tại Hội thảo đã kế thừa những thành tựu nghiên cứu khoa học liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhiều năm qua; đồng thời, tiếp cận nhiều tư liệu mới và nhận thức mới. Mỗi tham luận là một công trình nghiên cứu độc lập, theo từng vấn đề cụ thể, phản ánh khá toàn diện, đầy đủ và sâu sắc về 90 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của

---

\* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Hội thảo hôm nay, chúng ta đã được nghe nhiều tham luận với nội dung phong phú, chất lượng khoa học cao, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, đáp ứng mục đích mà cuộc Hội thảo đề ra.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, trân trọng cảm ơn toàn thể các đồng chí đã đến dự, phát biểu ý kiến và đóng góp cho thành công của Hội thảo.

*Thưa các đồng chí,*

Các tham luận gửi tới Hội thảo và những ý kiến phát biểu tại Hội thảo hôm nay, góp phần làm sáng rõ và khẳng định một số nội dung chính sau:

*Thứ nhất, khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử, đáp ứng yêu cầu giành độc lập, tự do và phát triển của dân tộc; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Nhìn lại chặng đường lịch sử từ khi Đảng ra đời cho đến nay, các tham luận đã phân tích, lý giải và tiếp tục khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vô cùng quan trọng của cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc. Đó là kết quả sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ tiên phong vì lợi ích của giai cấp, dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; chúng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Sau khi thành lập, Đảng đã hoạch định đường lối đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của từng giai đoạn cách mạng.

Trải qua 90 năm, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã vượt qua bao chông gai, thử thách, đấu tranh giành, giữ và bảo vệ chính quyền cách mạng, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và làm tròn nhiệm vụ quốc tế cao cả. Trong công cuộc đổi mới, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đã góp phần tạo nên những thành tựu “to lớn, có ý nghĩa lịch sử”. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã tạo dựng nên nhiều truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp của một đảng cách mạng chân chính; luôn kiên định, nấm vững và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam.

*Thứ hai, làm rõ thêm những thành tựu của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là những thành tựu trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Với những tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, các tham luận khẳng định những thành tựu về lý luận và thực tiễn 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam như thành tựu trong lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, nhiều bài viết đề cập những thành tựu của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Đó là những thành tựu của Đảng trong lãnh đạo: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển con người Việt Nam toàn diện; thực hiện chính sách xã hội vì con người; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa

phương hóa, đa dạng hóa nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, trong đó, chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội...

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cách mạng dân tộc dân chủ, cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là kết quả của quá trình Đảng đổi mới tư duy lý luận, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

*Thứ ba, khẳng định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của cách mạng Việt Nam.*

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và sức mạnh to lớn của nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng không ngừng tự đổi mới, chỉnh đốn nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Đảng coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng và chỉnh đốn Đảng là quy luật tồn tại và phát triển. Các tham luận đã nhấn mạnh: Xây dựng Đảng gắn với bảo vệ Đảng là quy luật trong quá trình phát triển của Đảng. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối, Điều lệ, nguyên tắc tổ chức của Đảng; bảo vệ tổ

chức đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên, nhằm làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu cho đạo đức, trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc Việt Nam.

Đồng thời, tham luận của các nhà khoa học, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương và địa phương cũng chỉ rõ: Xây dựng Đảng về “đạo đức” trở thành một nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách của công tác xây dựng Đảng, được đặt ở vị trí ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để Đảng xứng đáng là “đạo đức”, “văn minh”, đội tiên phong của giai cấp công nhân, là đại biểu trung thành lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

*Thứ tư, đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm phát triển đất nước bền vững và xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ cách mạng mới.*

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những diễn biến phức tạp, mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước cũng như yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh mới, các tham luận đã đề xuất những phương hướng, giải pháp nhằm phát triển đất nước bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Những định hướng, đề xuất nêu ra xoay quanh các vấn đề: Tập trung xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh trên cơ sở nâng cao trí tuệ, bản lĩnh và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực; xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất đạo đức, trí tuệ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân... Tiếp

tục hoàn thiện đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với thực tiễn đất nước; xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam toàn diện; thực hiện tốt các chính sách xã hội để tất cả mọi người đều được hưởng thành quả của sự phát triển; phát huy hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; kiên định bảo vệ toàn vẹn độc lập, chủ quyền lãnh thổ; thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội...

*Kính thưa các đồng chí, các quý vị đại biểu,*

Hơn 60 tham luận, với nội dung phong phú, luận giải khoa học, đã góp phần làm sáng tỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt chín thập kỷ qua. Đây thực sự là những đóng góp quan trọng và thiết thực cho công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; khơi dậy lòng tự hào dân tộc, nâng cao niềm tin cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng; qua đó, góp phần đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu phản động của các thế lực thù địch xuyên tạc lịch sử, hạ thấp vai trò của Đảng và phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân để xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, *đảng hoàng hơn, to đẹp hơn* như sinh thời Bác Hồ hằng mong đợi.

Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng, Hội thảo là hoạt động thiết thực để nhìn lại lịch sử vẻ vang của Đảng, cũng như bản lĩnh, trí tuệ của Đảng trong suốt 90 năm lãnh đạo

đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới; đồng thời, Hội thảo cũng là dịp để chúng ta tưởng nhớ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - người thành lập, giáo dục, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta cũng như công lao của các vị lãnh tụ tiền bối như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn... đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những tấm gương của các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu là viên ngọc sáng ngời, khích lệ tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương; các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn, các vị đại biểu, các cơ quan thông tấn, báo chí đã đến dự, đưa tin, đóng góp vào thành công của Hội thảo.

Trong không khí cả nước đón một mùa Xuân mới - Xuân Canh Tý, thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, trân trọng kính chúc các đồng chí lãnh đạo và toàn thể các đồng chí đại biểu tham dự Hội thảo sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội thảo.

*Xin trân trọng cảm ơn.*

## **MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
- <i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Phát biểu khai mạc Hội thảo	
<i>Đồng chí Trần Quốc Vượng</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
<b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b>	
<b>NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VỀ VANG</b>	15
- Đảng ta, chín mươi năm ấy	
<i>GS.TS. Vũ Văn Hiền</i>	17
- Tính tất yếu sự ra đời của Đảng và yếu tố Hồ Chí Minh trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	
<i>PGS.TS. Trần Trọng Thor</i>	23
- Một số vấn đề lý luận cơ bản về con đường của cách mạng Việt Nam qua các cương lĩnh chính trị của Đảng - Sự phát triển nhận thức và giá trị thực tiễn	
<i>PGS.TS. Trần Thị Thu Hương</i>	
<i>TS. Nguyễn Thị Mai Chi</i>	42
- Cao Bằng - Căn cứ địa đầu tiên khi lãnh tụ Hồ Chí Minh về nước, khởi nguồn chiến thắng của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam	
<i>Đồng chí Lại Xuân Môn</i>	64

- Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 - 1975) - 90 năm nhìn lại	<i>PGS.TS. Nguyễn Danh Tiên</i>	78
- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986)	<i>PGS.TS. Hồ Tố Lương</i>	90
- Những thành tựu về nhận thức lý luận của Đảng trong đổi mới	<i>GS.TS. Tạ Ngọc Tân</i>	103
- Không ngừng rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị - Một nhân tố quyết định thành công của Đảng Cộng sản Việt Nam	<i>PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà</i>	118
- Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế	<i>PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc</i>	131
- Phương pháp phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam	<i>PGS.TS. Đoàn Minh Huấn</i>	148
- Đảng lãnh đạo phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại trong chiến tranh cách mạng Việt Nam và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	<i>PGS.TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh</i>	167
- Những cống hiến to lớn của các thế hệ lãnh đạo tiền bối của Đảng Cộng sản Việt Nam	<i>TS. Đặng Kim Oanh</i>	181
- Những cống hiến của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay	<i>PGS.TS. Phan Văn Rân</i>	193

- 90 năm mở đường cho dân tộc, tiên phong trong sự nghiệp cách mạng thế giới

*PGS.TS. Nguyễn Viết Thảo* 209

*Phân thứ hai*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ  
HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NGANG TẦM NHIỆM VỤ** 219

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị - Thành tựu và kinh nghiệm

*PGS.TS. Nguyễn Viết Thông* 221

- Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Thành tựu và kinh nghiệm

*Đồng chí Uông Chu Lưu* 240

- Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả - Thành tựu và kinh nghiệm

*Đồng chí Lê Vĩnh Tân* 268

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng

*TS. Văn Thị Thanh Mai*

*TS. Đinh Quang Thành* 280

- Đảng lãnh đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - Thành tựu và kinh nghiệm

*PGS.TS. Phạm Đức Kiên*

*TS. Lê Thị Chiên* 296

- Những thành tựu và kinh nghiệm trong xây dựng Đảng về đạo đức

*PGS.TS. Hồ Trọng Hoài*

*TS. Nguyễn Thị Thu Huyền* 310

---

- Các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong lịch sử - Giá trị và kinh nghiệm đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay	<i>TS. Nguyễn Bình</i>	
	<i>ThS. Đỗ Văn Phương</i>	322
- 90 năm xây dựng Đảng về tổ chức - Thành tựu và kinh nghiệm	<i>PGS.TS. Vũ Hoàng Công</i>	344
- Công tác cán bộ của Đảng thời kỳ đổi mới - Thành tựu và kinh nghiệm	<i>Đồng chí Nguyễn Đức Hà</i>	356
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng - Thành tựu và giải pháp	<i>PGS.TS. Trương Thị Thông</i>	374
- Công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ - 90 năm thành tựu và kinh nghiệm	<i>PGS.TS. Phan Hữu Tích</i>	393
- Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng qua 90 năm	<i>Đồng chí Cao Văn Thông</i>	414
- Đấu tranh phòng, chống tham nhũng - Nhiệm vụ xuyên suốt, bao trùm của Đảng hiện nay	<i>PGS.TS. Trần Quốc Cường</i>	436
- Những thành tựu và kinh nghiệm trong công tác dân vận của Đảng	<i>PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn</i>	
	<i>ThS. Lê Hoàng Trang</i>	462
- Đảng lãnh đạo xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất - Thành tựu và kinh nghiệm	<i>Đồng chí Hầu A Lènh</i>	478

- Thường xuyên gắn bó mật thiết với nhân dân - Ngọn nguồn sức mạnh của Đảng và dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh

*PGS.TS. Lê Văn Lợi* 493

*Phần thứ ba*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI -  
QUỐC PHÒNG - AN NINH - ĐỔI NGOẠI** 507

- Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

*PGS.TS. Lê Quốc Lý* 509

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Đảng

*PGS.TS. Vũ Văn Phúc* 522

- Nhìn lại hơn 20 năm Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

*PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn* 536

- Đảng Cộng sản Việt Nam với việc xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới

*GS.TS. Trần Văn Phòng* 557

- Đảng Cộng sản Việt Nam với nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay

*Đồng chí Chu Ngọc Anh* 568

- Đảng Cộng sản Việt Nam với sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam* 586

- Đảng lãnh đạo công tác dân tộc - Thành tựu và bài học kinh nghiệm	<i>Đồng chí Phan Văn Hùng</i>	605
- Đảng Cộng sản Việt Nam với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân	<i>TS. Nguyễn Thị Xuân</i>	623
- Đảng với nhiệm vụ lãnh đạo giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong bối cảnh mới	<i>PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân</i>	638
- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng - Nhân tố quyết định thành công trong công tác vận động phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	<i>ThS. Đỗ Thị Thu Thảo</i>	660
- Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng	<i>Trung tướng Lương Đình Hồng</i>	672
- Đảng lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ năm 1975 đến nay	<i>Thiếu tướng, PGS.TS. Nguyễn Văn Bạo</i>	685
- Đảng lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng và an ninh trong thời kỳ đổi mới - Thành tựu và kinh nghiệm	<i>Thiếu tướng Phạm Tiến Dũng</i>	703
- Công tác đối ngoại của Đảng - Thành tựu trong thời kỳ đổi mới và định hướng phát triển	<i>TS. Nguyễn Mạnh Cường</i>	716
- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài của Đảng Cộng sản Việt Nam - Thành tựu và kinh nghiệm	<i>PGS.TS. Trần Thị Vui</i>	733

- Đảng lãnh đạo công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới - Thành tựu và kinh nghiệm

*GS.TS. Nguyễn Vũ Tùng*

749

- Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo sự nghiệp văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - Thành tựu và bài học kinh nghiệm

*Đồng chí Ngô Thị Thanh Hằng*

765

- Những thành tựu của Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 90 năm dưới cờ Đảng vinh quang

*Đồng chí Trần Lưu Quang*

783

- Đảng bộ tỉnh Nghệ An phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân từ Xôviết Nghệ - Tĩnh đến công cuộc đổi mới hiện nay

*Đồng chí Nguyễn Xuân Sơn*

793

- Vĩnh Phúc phát huy vai trò khởi xướng đổi mới trong lãnh đạo phát triển kinh tế hiện nay

*TS. Nguyễn Danh Lợi*

808

#### *Phần thứ tư*

#### TÂM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG TRONG ĐẦY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

819

- Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với vai trò người chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam trong bối cảnh mới

*Đồng chí Nguyễn Thanh Bình*

821

- Đảng lãnh đạo thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay

*PGS.TS. Hoàng Phúc Lâm*

842

- Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân - Nền tảng cốt lõi của công tác xây dựng Đảng hiện nay	<i>TS. Dương Minh Huệ</i>	857
- Công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay	<i>TS. Lê Đức Hoàng</i>	873
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong bối cảnh mới	<i>Đồng chí Mai Trực</i>	898
- Tầm nhìn của Đảng về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI	<i>PGS.TS. Nguyễn Văn Thảo</i>	910
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động trí thức trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	<i>TS. Lê Công Lương</i>	924
- Tổng kết và bế mạc Hội thảo	<i>Đồng chí Võ Văn Thưởng</i>	945

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn ,Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**NGUYỄN PHÚ TRỌNG**  
**XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỔN ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT**  
**ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (Xuất bản lần thứ hai)**

**HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG**  
**XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**  
**BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

